

1984

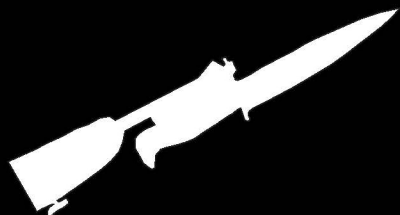


GEORGE ORWELL

TRẠI SÚC VẬT



CATALONIA



I
1984

II
TRẠI SỨC VẬT

III
CATALONIA - TÌNH YÊU CỦA TÔI

1984 ◦ TRẠI SÚC VẬT ◦ CATALONIA - TÌNH YÊU CỦA TÔI ◦
Georhe Orwell ◦ layouted by Midway Press Mar 2017 ◦ All
rights non-reserved

GEORGE ORWELL

1984

TRẠI SỨC VẬT

**CATALONIA -
TÌNH YÊU CỦA TÔI**

MIDWAY PRESS 2017

1984

ĐẶNG PHƯƠNG NGHI dịch

Giới Thiệu

Kể đến những sách tố cáo chế độ cực quyền phát xít hay cộng sản, truyện “1984” của George Orwell là một trong những tác phẩm đứng hàng đầu. Hơn cả chục bộ khảo luận dày cộm, “1984” mô tả một cách xúc động rõ ràng guồng máy độc tài và thân phận hãi hùng của con người bị tước hết quyền tự do, biến thành một đám nô lệ ngoan ngoãn phục vụ một lũ cầm quyền nặc danh vô nhân đạo.

George Orwell (bút hiệu của Eric Arthur Blair) sinh năm 1903 tại Ấn Độ (Motihari, Bengale). Sau khi tốt nghiệp trường Eton (1921) ông xin gia nhập Cảnh sát hoàng gia tại Miến Điện, nhưng vài năm sau (1928) ông từ chức vì chán ghét chính sách đế quốc như quyển Những ngày ở Miến Điện (1934) của ông chứng nhận. Từ đây ông cố sống với ngòi bút. Ông có kể lại mấy năm hàn vi của ông trong quyển Túng thiếu tại Paris và London (1933). Có một thời ông dạy học nhưng vì thiếu sức khỏe ông phải bỏ dạy đi giúp việc cho một tiệm sách ở ngoại ô London. Sau đó cho tới năm 1940 ông cộng tác với tuần báo New english weekly. Tiếp theo một chuyến đi thăm hai vùng bị nạn thất nghiệp ở Anh quốc, ông mãnh liệt lên tiếng thay dân thợ nghèo trong quyển Đường đến đê Wigan (1937). Năm 1936 ông sang Tây Ban Nha

chiến đấu bên phe Cộng hòa và bị thương. Trong thời gian này, ông có dịp quan sát các phái tả hữu, nên rất am hiểu rồi ngao ngán tư tưởng và đường lối độc tài. Những điều chứng kiến được ông ghi lại trong cuốn *Cảm phục Catalonia* (1938) được nhiều người coi là kiệt tác của ông. Hồi đệ nhị thế chiến ông được miễn dịch vì sức yếu, nhưng được nhận làm cho đài BBC và giữ chân phê bình văn chương chính trị cho báo Tribune. Kể từ năm 1945 ông làm đặc phái viên cho báo The observer tại Pháp và Đức, và cộng tác đều với báo Manchester Evening News. Kinh nghiệm Đức quốc xã và độc tài xúi ông viết hai truyện *Trại súc vật* (1945) và *1984* (1949) là hai tác phẩm chính trị bất hủ mang lại danh tiếng cho ông. Tuy ai cũng phải công nhận văn chương của ông trong hai cuốn này rất điêu luyện, sắc bén chẳng kém những ý tưởng sâu xa của ông, trước khi được nhà Seder & Warburg nhận in, quyển *Trại súc vật* đã bị khoảng mười nhà xuất bản viện lẽ này nọ từ khước. Chung qui vì những đề tài do ông nêu ra đụng chạm các học thuyết xã hội thịnh hành lúc bấy giờ (và tới tận đầu năm tám mươi). Trái với dự đoán của nhà xuất bản, *Trại súc vật* được độc giả Âu Mỹ nhiệt liệt hoan nghênh, và sự hưởng ứng đó khuyến khích ông viết *1984* (84 là ngược số của 48, tức năm ông khởi sự viết truyện này) mặc dầu lúc ấy ông đang bị bệnh lao hành hạ. Ông đã dồn hết sinh lực và tâm tư của ông vào sự hoàn thành tác phẩm chót này, đến độ học viết tay trái khi tay phải của ông bị liệt vì bị tiêm quá nhiều. Bời được viết khi ông đang chống chọi với tử thần - ông mất đầu năm 1950, vài tháng sau khi được thấy sách xuất bản - *1984* cũng là di chúc của ông khuyến cáo nhân loại cảnh giác trước mối đe dọa nguy ngập của nền độc tài cực quyền.

Chương 1

Đó là một ngày tháng tư sáng lạnh, vừa lúc đồng hồ điểm báo mười ba. Cầm rứt xuống ngực để mong tránh gió ác, Winston Smith lướt nhanh qua cửa kính của khu Nhà Chiến Thắng nhưng không đủ nhanh để ngăn một luồng bụi cát lùa vào theo anh.

Hành lang hôi mùi cải luộc chiếu nát. Nơi một phía đầu tường thấy phô một tấm bích chương màu, quá lớn để mang trang trí trong nhà. Nó hình dung một gương mặt kék xù, rộng hơn một thước: mặt một người đàn ông chừng bốn mươi năm tuổi, có râu đen dày và nét đẹp cứng cáp. Winston leo lên cầu thang. Thử thang máy vô ích. Thuở thịnh nhất thịnh thoảng máy mới chạy, nữa là bây giờ điện lại bị cúp vào ban ngày. Biện pháp này thuộc phong trào tiết kiệm sửa soạn “Tuần lễ Hạn thù”. Căn phòng của Winston ở tận lầu bảy, anh đã ba mươi chín tuổi lại mắc chứng loét giãn tĩnh mạch nơi đầu gối phải, nên anh đi chậm chạp, dừng nghỉ nhiều lần giữa cầu thang. Tại mỗi thềm, trước lồng thang máy, tấm bích chương với gương mặt kék xù từ tường nhìn ra. Đây là một loại tranh được bố trí sao cho cặp mắt tưởng như theo dõi từng cử động bên ngoài. BẮC ĐƯƠNG NHÌN BẠN, dưới bức tranh có lời ghi như vậy.

Trong căn phòng một giọng nói ngọt ngào đang đọc một bảng kê liên quan đến việc sản xuất gang. Tiếng nói xuất phát từ một tấm kim khí thuẫn dài giống như một tấm gương xin gắn trên mặt tường phải. Winston vặn một nút và tiếng nói giảm xuống tuy vẫn còn nghe được từng chữ. Máy đó (gọi là máy truyền hình) có thể bị giảm âm nhưng không có cách nào tắt hẳn nó. Winston bước tới cửa sổ. Anh là một người nhỏ bé mảnh khảnh, đáng gầy được tăng bởi (emphasized by) bộ áo liền quần xanh, đồng phục của Đảng. Tóc anh rất vàng, mặt anh đỏ tự nhiên, da anh bị chai cứng bởi xà phòng xoàng, dao cạo cùn và tiết lạnh mùa đông mới hết.

Ngoài trời, ngay qua kính cửa sổ đóng, thế giới có vẻ lạnh lẽo. Dưới phố, những xoáy gió nhỏ làm quay xoắn bụi và giấy rách; mặc dầu mặt trời đang chiếu và trời xanh rất, hình như không vật gì có màu ngoài những tấm bích chương dán khắp nơi. Bộ mặt râu đen nhìn xuống từ mỗi nơi trọng yếu. Có một bộ ngay bên kia nhà. BÁC ĐANG NHÌN BẠN, lời thuyết minh ghi vậy, trong khi cặp mắt đen nhìn sòng sọc vào mắt Winston. Dưới đường, một bích chương khác bị rách một góc đập đều theo gió làm ẩn hiện mỗi chữ ANH XÃ (Ingsoc - Đảng xã hội Anh). Ngoài xa, một chiếc trực thăng len giữa mái nhà, lượn một hồi như nặng, rồi thoáng bay vòng trở lại. Đó là đội cảnh sát tuần tra chó mũi vào cửa sổ nhà dân chúng. Tuy nhiên đội tuần tra không ăn nhập gì. Chỉ có Cảnh Sát Tư Tưởng mới đáng kể.

Sau lưng Winston tiếng máy truyền hình vẫn xì xồ về gang và dư quả của kế hoạch ba năm thứ chín. Máy đồng thời vừa thâu vừa truyền. Tiếng động nào lớn hơn tiếng thì thầm do Winston gây ra cũng có thể bị thâu; lại nữa, anh còn ở trong phạm vi thị

giác của tấm kim khí, anh còn có thể bị nhìn cũng như bị nghe. Dĩ nhiên, không có cách nào biết được khi nào mình đang bị nhìn. Bao lần và theo hệ thống nào Cảnh sát Tư Tường mắc điện rình đường dây mỗi cá nhân, không ai đoán được. Chưa biết chừng họ không ngưng dòm xét tất cả mọi người. Dầu sao mặc lòng, họ có thể bắt rình đường dây của bạn mỗi khi họ muốn. Bạn phải sống - và sống với thói quen đã trở thành linh tính - với ý nghĩ rằng mỗi tiếng động bạn làm đều bị nghe thấy và, trừ phi ở trong bóng tối, mỗi cử động của bạn đều bị dò xét.

Winston giữ cho lưng quay về phía máy truyền hình. Như vậy thận trọng hơn dù anh thừa biết rằng ngay lưng cũng có thể lộ tẩy anh. Cách đây một cây số, Bộ Sự Thật, nơi anh làm việc, dựng đứng khối rộng trắng trên phong cảnh thê lương. Đây là Luân Đôn, anh nghĩ với một niềm chán ghét mơ hồ, đây là Luân Đôn, thủ đô của Vùng Một Không Quân, tỉnh đông dân cư thứ ba của Đại Dương. Anh cố nặn khối óc một vài kỷ niệm ấu thời xem Luân Đôn có vẫn từng như thế này hay không. Vẫn có chăng các phối cảnh nhà nát của thế kỷ mười chín với xà dựng chống đỡ bên hông, với bìa vá cửa sổ, với tôn sóng trát mái, và với bờ rào vườn hoang nghiêng ngả? Vẫn có chăng các vị trí bị oanh tạc với bụi thạch cao xoắn trong không trung và cỏ liễn diệp dăng tràn trên các đồng vôi gạch đỏ nát? Còn các nơi do bom khai quang thành một khoảng rộng trên đồ mọc lên cả tập đoàn gian nhà gỗ nhơ nhóp y như chuồng gà? Nhưng vô ích, anh không nhớ ra; tuổi thơ ấu của anh không để lại gì ngoài một loạt hình ảnh sáng chói không bối cảnh và phần đông khó hiểu.

Bộ Sự Thật - Bộ Thật theo Ngôn Mới (Minitrue, in Newspeak) - nổi hẳn trên mọi vật xung quanh. Đó là một kiến trúc hình

tháp to lớn làm bằng cốt thép trắng xóa, vươn cao hết gác thượng này lên gác thượng kia tới ba trăm thước trên không. Từ chỗ Winston đứng có thể đọc được ba khẩu hiệu của Đảng được khắc một cách thanh nhã trên nền mặt trắng của tháp:

CHIẾN TRANH LÀ HÒA BÌNH

TỰ DO LÀ NÔ LỆ

DỐT NÁT LÀ SỨC MẠNH

Nghe đầu Bộ Sự Thật gồm ba nghìn phòng trên lầu và từng đó chi nhánh dưới nhà. Rải rác khắp Luân Đôn chỉ có ba tòa nhà khác có hình dáng và kích thước tương tự. Mấy tháp ấy đề bệp kiến trúc xung quanh đến nỗi từ nóc Nhà Chiến Thắng người ta có thể nhìn thấy cả bốn một lúc. Đó là trụ sở của bốn bộ chia nhau guồng máy nhà nước. Bộ Sự Thật lo việc thông tin, giải trí, giáo dục và mỹ thuật. Bộ Hòa Bình liên quan đến chiến tranh. Bộ Tình Yêu duy trì luật lệ và trật tự. Còn Bộ Sung Túc chịu trách nhiệm về kinh tế. Tên các bộ theo Ngôn mới là: Bộ Thật, Bộ Bình, Bộ Yêu, Bộ Túc.

Bộ Tình Yêu là bộ đáng sợ nhất. Bộ không có cửa sổ gì cả. Winston chưa vào trong đó và cũng chưa từng bước chân vào vòng nửa cây số quanh khu vực bộ. Đó là một nơi không thể vào được trừ phi có nhiệm vụ chính thức, và khi vào phải qua một đồ trận rắc rối có dây gai nhằng nhịt, cổng thép, với ổ súng máy giấu quanh. Ngay những phố đưa đến hàng rào của bộ cũng có đầy lính gác mặt đuôi uoi mặc y phục đen và mang dùi nối khớp tuần hành.

Winston đột nhiên quay mình lại. Anh đã đặt trên nét mặt anh một vẻ lạc quan thanh thản là sắc diện nên đeo khi đứng trước

máy truyền hình. Anh qua phòng vào căn bếp nhỏ xíu. Rồi Bộ vào giờ này là anh đã hy sinh bữa cơm trưa tại sở, và anh cũng biết không có thức ăn trong bếp trừ một khẩu bánh mì đen mà anh dành cho bữa sáng mai. Anh với trên kệ một chai chất lỏng không mầu có rõ nhãn hiệu: “Rượu Gin Chiến Thắng”. Từ rượu thoảng ra một mùi dầu buồn nôn giống như rượu nếp Trung Hoa. Winston rút ra gần một chén đầy, thâu can đảm để chịu sức choáng váng rồi nốc cạn rượu như một liều thuốc đắng.

Tức thì mặt anh đỏ ửng và nước mắt anh trào ra. Chất rượu giống như tiêu toan, nuốt chửng nó vào tường chừng như bị gây cao xu đập sau đầu. Nhưng một lát sau cảm giác nóng rực tan dần và thế giới trở nên tươi đẹp hơn. Winston rút một điều thuốc lá từ một hộp nhàu nát có tên là “Thuốc Lá Chiến Thắng”, nhưng anh không hề phòng cảm ngược điều khiến thuốc lá rơi xuống sàn nhà. Anh có hên hơn với điều sau. Anh trở vào phòng khách và ngồi xuống một cái bàn nhỏ ở bên trái máy truyền hình. Từ ngăn kéo bàn anh lấy ra một quả bút, một lọ mực, một quyển vở dày khổ bốn là còn y nguyên có lưng đỏ và bìa vân đá.

Vì lý do gì đó, máy truyền hình trong phòng khách có một vị trí bất thường. Thay vì được gắn như thông thường ở tường cuối, nơi bao quát được cả gian phòng, nó lại ở tường dài đối diện với cửa sổ. Bên máy có một hốc nông trong đó Winston đang ngồi, chắc xưa người xây nhà dành nó cho kệ sách. Ngồi trong hốc và xoay lưng đúng cách, Winston có thể giữ mình ngoài vòng thị giác của máy truyền hình. Dĩ nhiên anh có thể bị nghe, nhưng anh còn ở trong vị trí hiện tại anh không thể bị nhìn. Cách bố trí kỳ dị của căn phòng đã có phần gọi cho anh

cái việc anh sắp làm đây.

Nhưng ý nghĩ này cũng được gọi bởi quyển vở anh mới lấy ra khỏi ngăn kéo. Đó là một quyển vở đẹp đặc biệt. Giấy mịn như kem hơi bị thời gian làm vàng của nó thuộc loại không được chế tạo nữa từ ít nhất bốn mươi năm nay. Thế nhưng anh có thể đoán cuốn vở còn xưa hơn nữa. Anh đã thấy nó nằm trong tủ kính của một tiệm đồ cũ mục nát tại một khu bần tiện của thành phố (đúng khu nào thì anh không nhớ nữa) và anh đã lập tức bị lôi cuốn bởi lòng thèm khát làm chủ nó cho được. Đảng viên coi như không được vào các tiệm thường (nghĩa là “mua bán trên thị trường tự do”) nhưng kỷ luật này không được chấp hành nghiêm chỉnh vì có nhiều thức như dây giầy và dao cạo không kiếm được nơi nào khác. Anh đã liếc nhanh từ trên xuống dưới đường rồi lén vào trong tiệm mua cuốn vở với giá hai đơn rưỡi. Lúc đó anh không ý thức sẽ dùng cuốn vở vào việc nhất định nào, nhưng anh cảm thấy có tội khi mang nó về, vì dù không viết gì trong vở, giữ nó cũng đã là một điều nguy hiểm.

Việc anh sắp làm đây là bắt tay viết nhật ký. Đó không phải là một hành động phi pháp (không có gì phi pháp cả vì không còn luật pháp nữa), nhưng nếu bị khám phá thủ phạm sẽ có thể bị tử hình hay ít ra cũng bị phạt hai mươi năm năm tù khổ sai. Winston gấn một ngòi bút vào quản bút và mút nó để hút nhớt ra. Bút là một vật dụng cổ ít ai dùng tới ngay cả để ký, và anh đã khó khăn lén lút kiếm một cái chi vì nghĩ rằng tờ giấy kem đẹp đáng được viết lên bằng đường tô của một ngòi bút thực sự thay vì nét xước của một chiếc bút máy. Thật ra thì anh không quen viết tay. Trừ vài câu chú ngắn, thói thường anh đọc tất vào máy phát ghi, một điều cố nhiên không thể thi hành được với

dự định của anh. Anh nhúng bút vào mực rồi do dự một giây. Anh thấy run tận đáy lòng. Gạch vào giấy là hành động quyết định. Bằng nét nhỏ vụng về anh viết:

Tháng 4 năm 1984

Anh ngồi thẳng lại. Cảm tưởng mình hoàn toàn bất lực xâm chiếm anh. Thoạt tiên anh không chắc năm nay là năm 1984. Phải là khoảng đó vì anh định ninh anh ba mươi chín tuổi và tin mình sinh năm 1944 hay 1945; nhưng ngày nay chẳng bao giờ có thể định được thời gian sát hơn một hai năm.

Bỗng anh tự hỏi mình viết nhật ký cho ai đây? Cho tương lai, cho những kẻ chưa sinh. Tâm hồn anh thơ thẩn một lúc quanh năm tháng khả nghi ghi trên trang, rồi vọt vấp phải từ Ngôn mới ý đòi. Lần đầu tiên anh thực hiện tầm quan trọng của việc anh làm. Làm sao thông báo được tương lai? Hiển nhiên là không thể được. Hoặc tương lai sẽ hết như hiện tại và trong trường hợp đó sẽ không ai nghe anh; hoặc nó sẽ khác hẳn và điều răn của anh sẽ vô nghĩa lý.

Anh ngồi thừ mình nhìn giấy một lúc. Máy truyền hình mới đổi sang một chương trình quân nhạc inh ỏi. Lại là không những anh mất khả năng diễn đạt tư tưởng, anh còn quên cả điều anh nguyên định viết. Hàng tuần qua, anh đã sửa soạn cho lúc này và không bao giờ nghĩ ngoài can đảm sẽ phải cần đến điều gì khác. Anh tưởng viết sẽ dễ dàng. Anh sẽ chỉ cần chuyển sang giấy những độc thoại liên miên vô tận trải bày trong óc anh cả mấy năm nay. Thế nhưng lúc này ngay độc thoại cũng cạn. Hơn nữa, chứng loét gân tĩnh mạch của anh bắt đầu làm anh ngứa ngáy chịu không nổi. Anh không dám gãi vì hễ làm vậy thế nào

đầu gối cũng sẽ sung lên. Giây phút trôi qua. Anh không ý thức gì ngoài sự rỗng tuếch của trang giấy trước mặt, nổi ngứa ngáy của da anh nơi đầu gối, tiếng rống của nhạc và cơn say nhẹ do rượu gin gây ra.

Bất thình lình anh bắt đầu viết như cuồng, không tri giác gì về những giòng ghi. Tuồng chữ nhỏ non của anh leo lên leo xuống trang; mới đầu anh bỏ chữ cái rồi sau bỏ luôn cả dấu chấm.

Tháng 4, 1984. Đêm qua đi coi hát. Toàn là phim chiến tranh. Có một phim thật hay về một con tàu đầy dân tị nạn bị bỏ bom đầu đó trên Địa Trung Hải. Khán giả rất thích chỉ khi hình chiếu một người đàn ông mập mạp cố bơi xa một chiếc trục thăng đang đuổi theo ông ta, thoát đầu thấy ông ta đắm mình trong nước như một con cá heo, sau thấy ông hiện qua ống súng của trục thăng, rồi mình ông đầy lỗ hồng, biển quanh ông nhuộm hồng, và ông lặn mất làm như lỗ hồng khiến ông bị nước ngập, khán giả cười vang khi ông chìm. lại thấy một chiếc xuồng cứu đắm đầy trẻ con với một máy trục thăng lượn ở trên. có một bà đứng tuổi có lẽ là người do thái ngồi trên đầu xuồng ẵm một đứa bé trai khoảng ba tuổi, đứa bé hét lên vì sợ rúc đầu vào ngực bà ta như cố vùi người trong lòng bà và người đàn bà quàng tay quanh nó cùng an ủi nó mặc dầu bà ta cũng xanh người vì sợ hãi, luôn luôn ra sức bao bọc đứa bé làm như bà ta nghĩ tay bà có thể gạt được đạn xa người nó. rồi trục thăng ném một trái bom 20 ký xuống đám họ chớp loé khủng khiếp và chiếc xuồng thiêu tan như diêm. sau đó là hình ảnh tuyệt vời của một cánh tay đưa nhỏ vươn cao lên cao mãi cao mãi trên không có lẽ có trục thăng gắn máy quay phim nơi đầu theo dõi cánh tay ấy một tràng vỗ tay nổi lên từ ghế khán giả nhưng một người

đàn bà ngồi ở khu bình dân bỗng dậm chân làm ầm thét không nên đưa trò đó cho con nít coi không có quyền không được thế trước mặt con nít không được cho đến khi cảnh sát tống cổ bà ta ra tôi nghĩ bà ta không hề gì không ai để ý đến dân đen phản ứng tiêu biểu của dân đen không bao giờ được chúng.

Winston ngưng viết, phần vì anh bị chuột rút. Anh không biết vì sao anh nhả ra tràng giòng phi lý kia. Nhưng lạ là khi anh viết một kỷ niệm khác hẳn hiện trong óc anh, rõ đến nỗi anh cảm thấy có thể ghi ngay được nó. Bây giờ anh hiểu chính tại chuyện đó mà anh bỗng quyết định về nhà ngày hôm nay khai trương nhật ký.

Chuyện đó xảy ra sáng nay tại Bộ, nếu một điều lò mò như vậy có thể được gọi là xảy ra.

Lúc đó gần mười một trăm, và trong Cục Văn Khố, nơi Winston làm việc, mọi người lúi ghế từ các ô phận (cubicles) đem tập trung giữa đại sảnh đối diện với máy truyền hình lớn để chuẩn bị Hai Phút Hận Thù. Winston đang tiến lại chỗ ngồi ở một hàng giữa thì có hai người mà anh biết mặt nhưng không nói chuyện với bao giờ bất ngờ bước vào. Một người là cô gái anh thường gặp trong hành lang. Anh không biết tên cô nhưng anh biết cô làm tại Cục Truyện. Anh đoán - vì anh thỉnh thoảng thấy tay cô ta dính dầu và cầm một cái chia vặn - cô ta hành sự máy móc gì đó trên máy viết truyện. Đó là một cô gái có vẻ dạn dĩ khoảng chừng hai mươi bảy tuổi, tóc rậm, mặt có tàn nhang, với cử chỉ nhanh nhẹn đầy lực sĩ tinh. Một sợi giây lưng đỏ biểu hiệu của Liên Đoàn Thanh Niên Chống Sinh Dục được thắt nhiều vòng quanh bộ áo liền quần của cô, đủ chặt để thể hiện đường cong của hông cô. Winston ghét cô ta ngay lần gặp

đầu tiên. Anh biết tại sao. Đó tại cái không khí bãi khúc côn cầu, phiên tắm nước lạnh, cuộc dạo chơi chung và tinh thần trong sạch toàn diện mà cô ta có cách tỏa quanh mình cô. Anh ghét gần hết đàn bà, nhất là đàn bà trẻ đẹp. Bao giờ đàn bà và nhất là đàn bà trẻ cũng là kẻ si mê theo Đảng nhất, cả tin khẩu hiệu, sẵn làm điệp viên tài tử và chăm phát hiện tà thuyết. Nhưng riêng cô gái này có vẻ nguy hiểm hơn ai. Một lần khi hai người gặp nhau trong hành lang, cô ta liếc nhìn anh thật nhanh làm như muốn xuyên thủng anh khiến anh đầy khiếp đảm một hồi. Thoáng trong óc anh còn có ý nghĩ cô ta là nhân viên của Cảnh Sát Tư Tưởng. Một điều, thật ra, vị tất đúng. Song le anh tiếp tục nghiệm thấy một cảm giác đặc biệt bất ổn, sợ hãi lẫn lộn với khắc nghiệt mỗi lần cô ta gần anh.

Người kia là một đàn ông tên là O'Brien, một thành viên Đảng Trong giữ một chức vụ cao xa đến nỗi Winston chỉ có một ý niệm rất lơ mơ về tính chất của nó. Một sự im lặng nhất thời trùm trên đám người quanh ghế khi thấy bộ áo liền quần đen của một thành viên Đảng Trong tới gần. O'Brien là một người cao lớn mập mạp, có cổ dày và gương mặt thô bạo hóm hỉnh. Mặc dầu bề ngoài hộ pháp, phong cách của ông ta có phần quyến rũ. Ông có điệu chỉnh lại kính trên mũi lạ thay hiền lành và văn minh khó tả. Đây là một cử chỉ khiến người ta, nếu còn người nghĩ theo lối cũ, liên tưởng đến một nhà quý tộc thời thế kỷ mười tám mời khách hít thuốc. Trong gần mười hai năm có lẽ Winston chỉ được nhìn mặt O'Brien có một tá lần. Anh cảm thấy bị lôi cuốn sâu xa bởi ông ta, không riêng vì anh bị kích thích bởi sự tương phản giữa phong cách lịch sự và hình dáng đồ vật của ông ta. Lý do mạnh hơn là anh thầm kín tin rằng - có

lẽ đó không hẳn là một niềm tin mà là một mối hy vọng - tính chính thống chính trị của O'Brien không được hoàn hảo. Có cái gì trong gương mặt ông ta nhất thiết gọi lên ý đó. Và lại có lẽ chẳng phải tính bất chính thống mà chỉ trí thông minh thể hiện trên mặt ông ta. Dù sao chẳng nữa ông có cái bề ngoài của một người nói chuyện với được nếu lừa được máy truyền hình và được giáp mặt ông ta một mình. Winston chưa hề thử kiểm chứng ước đoán này: mà cũng chẳng có cách nào làm nổi. Vừa lúc ấy O'Brien liếc nhìn đồng hồ tay, thấy rằng đã gần mười một trăm, và hiển nhiên quyết định ở lại Cục Văn Khố cho tới khi Hai Phút Hận Thù chấm dứt. Ông ta ngồi xuống một chiếc ghế cùng hàng với Winston, cách anh hai chỗ. Một bà nhỏ bé tóc hung làm việc tại ô phận cạnh Winston ngồi giữa họ. Cô gái tóc đen ngồi ngay đằng sau. lát sau, một giọng kèn kệt góm ghê như tiếng cọt của một bộ máy quái đản khô dầu nổi bùng lên từ máy truyền hình ở cuối sảnh. Đó là một tiếng động khiến người nghiêng rống tóc gáy. Hận Thù đã bắt đầu.

Như thường lệ, gương mặt của Emmanuel Goldstein, Kẻ Thù Dân Tộc, lộ ra trên màn ảnh. Có tiếng huýt đây đó trong đám khán giả. Người đàn bà nhỏ bé tóc hung hét lên vì sợ hãi và kinh tởm. Goldstein là kẻ lừa lọc phản bội đã một lần, từ lâu lắm (từ bao lâu, không ai nhớ được), là một nhân vật lãnh đạo của Đảng sánh hàng với Bác, sau phạm hành động phản cách mạng, bị xử tử rồi trốn thoát và mất tích một cách bí mật. Chương trình Hai Phút Hận Thù thay đổi từng ngày nhưng không ngày nào là không có Goldstein đóng vai chính. Ông ta là kẻ phản bội đầu sỏ, kẻ sớm nhất làm uestap sự trong sạch của Đảng. Mọi trọng tội chống Đảng sau này, mọi sự phản trắc, mọi hành động phá

hoại, mọi tà thuyết, mọi sai lệch, xuất phát từ sự dạy bảo của ông ta. Nơi nào đó, ông ta vẫn sống và đang mưu đồ phản loạn: có lẽ tại hải ngoại, dưới sự che chở của quan thầy ngoại quốc, hay cũng có thể - như thỉnh thoảng có tin đồn - ngay tại một chốn giấu kín ở chính Đại Dương.

Cơ hoành của Winston co lại. Anh không bao giờ thấy mặt Goldstein mà không bị ngập bởi nhiều cảm xúc lẫn lộn đau buồn. Ấy là một khuôn mặt Do Thái mỏng bao quàng bởi một mớ tóc bạc mờ ảo với một bộ râu dề ngắn - một khuôn mặt thông minh nhưng có vẻ cố hữu đáng khinh thế nào ấy, cùng có vẻ ngốc nghếch giả nua ẩn nơi cái mũi dài hẹp đội kính gọng đầu sóng. Nó giống như mặt cừu, và giọng nói cũng vậy, be be như tiếng cừu. Goldstein đang công kích độc địa chủ nghĩa của Đảng - công kích một cách quá lỗ và đòi bại đến nỗi một đứa trẻ con cũng có thể nhìn thấu, nhưng đủ sát thật để gieo mối lo người khác ít óc bằng hơn mình có thể bị mắc lừa. Ông ta rửa Bắc, tố cáo sự độc tài của Đảng, đòi hỏi phải lập tức giảng hòa với Âu Á, bênh vực tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tư tưởng, kêu gào loạn lên rằng cách mạng đã bị phản bội - cứ vậy với những lời lẽ dài dòng nhanh nhẩu nhại lại văn phong của các diễn giả thuộc Đảng chêm vào nhiều từ Ngôn mới: còn nhiều từ Ngôn mới hơn cả số được các đảng viên thông dụng ngoài đời. Đồng thời, để không còn ngờ vực về thực tế che đậy dưới lời phỉnh gạt của Goldstein, sau đầu ông ta trên máy truyền hình tiến bước đội binh vô tận của quân đội Âu Á - liên tiếp hàng hàng người vạm vỡ với bộ mặt lăm li của dân Á Châu đổ ra trên màn ảnh rồi biến đi để được thay thế bởi hàng hàng người khác y hệt. Tiếng giấy ống cồm cộp nặng nề

nhip nhàng của đoàn lính đệm cho tiếng be be của Goldstein.

Ba mươi giây trước khi Hận Thù bắt đầu, phân nửa cử tọa không dần nổi lời than tức tối. Khuôn mặt cừu tự mãn trên màn ảnh và uy lực khủng khiếp của quân đội Âu Á đằng sau khích động quá sức chịu đựng; vả lại hình ảnh Goldstein hay ý nghĩ không thôi về ông ta tự động gây ra sự sợ hãi và tức giận. Ông ta là đối tượng của sự thù ghét thường hơn Âu Á hay Đông Á, vì khi Đại Dương giao chiến với cường quốc này, Đại Dương gắng hòa với cường quốc kia. Có điều lạ là mặc dù Goldstein bị ghét và khinh khi bởi mọi người, mặc dù ngày nào cả ngàn lần trên bục kê, trên màn ảnh, trên sách báo, lý thuyết của ông ta cũng bị bác bỏ, đập nát, nhạo báng, vạch trần tính cách ngu xuẩn tồi tệ - mặc dù vậy, ảnh hưởng của ông ta không bao giờ giảm sút. Lúc nào cũng có kẻ dễ bị lừa sẵn sàng bị quyến rũ bởi ông ta. Không ngày nào là ngày Cảnh Sát Tư Tưởng không lột mặt nạ của gián điệp hay quân phá hoại hành động dưới sự điều khiển của ông ta. Ông là người chỉ huy một đạo quân trong bóng tối, một mạng lưới mưu phản bí mật chuyên rình lật đổ chính quyền. Được biết tên tổ chức này là Hội Tinh Thân. Người ta còn thì thầm về một cuốn sách ghê gớm tóm tắt mọi tà thuyết, do Goldstein là tác giả, được lưu truyền lén lút đây đó. Cuốn sách không có tên. Dân chúng nhắc tới sách, nếu có nhắc, thì gọi nó là quyển sách. Nhưng người ta chỉ biết những chuyện ấy qua lời đồn thổi. Hội Tinh Thân cũng như quyển sách là một đề tài mà Đảng viên thường nào cũng tránh nhắc tới nếu tránh được.

Sang phút thứ hai Hận Thù biến thành mê sảng. Dân chúng nhảy lên nhảy xuống tại chỗ và ra sức hét để cố đè tiếng be be

làm họ điên cuồng thốt ra từ màn ảnh. Mặt bà nhỏ bé tóc hung sáng hồng, môi bà mấp máy như cá mắc cạn. Ngay gương mặt O'Brien cũng đỏ bừng. Ông ta ngồi thật ngay trên ghế, bộ ngực lực lưỡng phồng lên xẹp xuống như thể phải đương đầu với sức tấn công của sóng. Cô gái tóc đen đằng sau Winston bắt đầu kêu lên: “Đồ lợn! Đồ lợn! Đồ lợn!” và đột nhiên cầm một quyển tự vị Ngôn Mới ném vào màn ảnh. Cuốn sách đập vào mũi Goldstein và nảy ra. Tiếng nói tiếp tục vang khắc nghiệt. Trong một chốc sáng suốt Winston thấy mình đang hét cùng người khác và đá mạnh gót giày vào thành ghế. Cái ghế rợn của Hai Phút Hận Thủ không phải ở chỗ ai cũng phải đóng trò mà ở chỗ không sao tránh được sự tham gia. Nội ba mươi giây sau không ai cần phải đóng kịch nữa. Một cảm giác ngây ngất gớm ghiếc, sợ hãi lẫn thù oán, ham muốn giết người, hành hạ người, đập búa nát mặt người, hình như lan truyền như điện khắp khán giả, biến mỗi người bất kể ý chí họ thành một kẻ điên rồ nhả nhò thét gào. Tuy nhiên sự cuồng nhiệt đó chỉ là một cảm xúc trừu tượng, gián tiếp, có thể xoay hướng từ đối tượng này sang đối tượng kia như ngọn lửa đèn rọi. Vậy nên có lúc nổi căm hờn của Winston không hướng về Goldstein chút nào mà ngược lại chống Bác, Đảng và Cảnh Sát Tư Tưởng; và những lúc ấy tìm anh đập cho người dị giáo cô độc bị nhạo báng trên màn ảnh, người canh giữ sự thật và lương tri trong một thế giới dối trá. Nhưng chỉ lát sau anh lại hòa đồng với người xung quanh anh, và những điều nói về Goldstein đối với anh lại đúng. Những lúc này sự thù ghét của anh đối với Bác biến thành thù phụng, và Bác dường như vươn cao như một đấng bảo quốc vô địch không biết sợ hãi, vững như đá trước bão rộ Á Châu, và Gold-

stein mặc dù cô độc không có kẻ giúp và bị nghi là không có thật, tựa như một phù thủy hung dữ có năng hiệu phá vỡ cơ cấu văn minh bằng riêng quyền lực của giọng nói ông ta.

Còn có lúc có thể nhờ hành vi tự nguyện xoay chuyển tùy ý nỗi hận thù. Đột nhiên, như người cố sức dứt mạnh đầu khỏi gối để thoát con ác mộng, Winston thành công trong sự chuyển oán hận sang cô gái tóc đen sau anh. Nhiều ảo giác sắc sảo tuyệt vời thoáng qua mắt anh. Anh quật cô ta đến chết với một chiếc gậy cao xu. Anh buộc cô ta trần truồng vào cột và bắn tên vào cô ta như thánh Sébastien. Anh hiếp cô ta và cắt cổ cô ta đúng lúc mê ly. Hơn bao giờ trước, anh hiểu tại sao anh ghét cô ta. Anh ghét cô vì cô trẻ đẹp và vô tính, vì anh muốn ngủ với cô nhưng không bao giờ làm được, vì quanh cái eo mềm dịu hình như đòi hỏi sự ôm ấp của cô, có sợi giây lưng đỏ tẻ hại tượng trưng khiêu khích cho sự trinh tiết.

Con Hận Thù lên tới cực điểm. Tiếng nói của Goldstein thực sự trở thành tiếng be của con cừu và trong chốc lát mặt ông biến thành mặt cừu. Rồi cái mặt cừu tan thành hình một binh sĩ Âu Á to lớn dữ tợn, có vẻ như đang lao mình dội súng liên thanh, như muốn nhảy sống khỏi màn ảnh khiến cho một số người ở hàng ghế đầu uốn ngực ra phía sau. Nhưng đồng thời với tiếng thở nhẹ nhõm của mọi người, hình ảnh thù địch tan thành gương mặt tóc đen râu đen đầy binh thần uy nghi bí mật và to lớn đến nỗi chiếm gần hết màn ảnh của Bác. Không ai nghe được Bác nói gì. Đó chỉ là vài lời khích lệ, loại lời thốt ra giữa tiếng ầm của chiến trận, không phân biệt được chữ nào, nhưng hễ thốt ra là khôi phục được niềm tin. Rồi gương mặt Bác biến mất thay vào đó là ba khẩu hiệu của Đảng viết bằng

chữ cái đậm:

CHIẾN TRANH LÀ HÒA BÌNH

TỰ DO LÀ NÔ LỆ

DỐT NÁT LÀ SỨC MẠNH

Nhưng gương mặt Bác hình như lưu lại vài giây trên màn ảnh như thể tác động của nó trên mắt mọi người quá dai dẳng để bị tẩy đi tức thì. Người đàn bà tóc hung tung người vào lưng ghế trước. Vừa lên tiếng thì thầm nghe như “Đấng Cứu Thế của tôi”, bà ta vừa giương cánh tay về phía màn ảnh. Rồi bà ta úp mặt vào bàn tay. Rõ ràng bà ta đang cầu nguyện.

Lúc ấy toàn nhóm người cất lên một tiếng hát trầm chậm chạp nhịp nhàng: Bác!... Bác!..., hát đi hát lại thật chậm chạp, lắng một hồi sau mỗi tiếng Bác - tiếng hát nặng nề, thì thầm, man dại kỳ lạ tưởng như nổi trên tiếng nện của chân không và tiếng đập của chiêng trống. Họ hát như vậy cũng được ba mươi giây. Đó là loại điệp khúc được nghe thấy trong những cơn xúc động tràn trề. Có phần nó là một bài ca tụng trí khôn ngoan và vẻ oai vệ của Bác, nhưng hơn nữa nó là một sự tự thôi miên, một sự cố ý dập tắt lương tâm bằng nhịp. Winston thấy lạnh xương sống. Trong Hai Phút Hận Thù anh không khỏi dự vào cơn mê sảng tập thể nhưng tiếng hát hạ nhân (sub-human) Bác!... Bác!... bao giờ cũng làm anh ghê tởm đầy mình. Cố nhiên anh hát với mọi người: không thể làm khác được. Ngụy trang tình cảm, kiểm soát sắc mặt để làm những điều mọi người khác làm là một phản ứng do bản năng. Nhưng trong khoảng vài giây ánh mắt của anh tưởng như có thể phản ánh. Và chính trong khoảng ấy điều đáng kể xảy ra - nếu quả thật có xảy ra.

Trong giây lát anh bắt gặp mắt của O'Brien. O'Brien đã đứng

dậy. Ông đã tháo kính và đang đặt nó lại bằng cử chỉ đặc biệt của ông ta. Nhưng có khoảnh khắc mắt hai người gặp nhau và trong khoảnh khắc đó Winston biết - phải, anh biết - O'Brien nghĩ hết như anh. Một thông điệp rõ ràng đã được đưa qua. Y như hai tâm hồn họ đã mở ra để cho tư tưởng lưu thông từ người này sang người kia qua ánh mắt. "Tôi về phe anh". O'Brien hình như nói vậy với anh. "Tôi biết rõ anh đang cảm thấy gì. Tôi biết hết về nỗi khinh khi, hận thù và ghê tởm của anh. Nhưng đừng lo, tôi ở bên anh!" Rồi mỗi liên cảm chớp nhoáng tan biến và gương mặt của O'Brien lại khó đoán như gương mặt ai khác.

Chỉ có thể thôi, và chưa chi Winston không còn chắc chuyện đã xảy ra. Loại tình tiết ấy không bao giờ có hậu quả. Nó chỉ có uy lực duy trì trong anh niềm tin hay hy vọng rằng ngoài anh còn có người khác thù ghét Đảng. Ấy vậy mà có thể tin đồn về những cuộc đồng mưu rộng lớn là tin đúng - có thể Hội Tinh Thân có thật! Không thể chắc chắn Hội Tinh Thân không phải là một huyền thoại mặc dù luôn luôn có những vụ bắt bớ, thú tội và hành quyết. Có ngày anh tin, có ngày anh không. Không có gì làm bằng, chỉ có những tia sáng chập chờn có thể có nhiều nghĩa hay không có nghĩa gì: mẫu câu nghe lỏm, chữ viết nguệch ngoạc mờ ảo trên tường nhà xí - có lần có cả cử động nhẹ nơi bàn tay hai người lạ mặt lúc chạm trán nhau như thể họ ra ký hiệu để nhận ra nhau. Tất cả chỉ là ước đoán: chắc hẳn anh tưởng tượng mọi chuyện. Anh đã đi về ô phận của anh mà không nhìn lại O'Brien. Ý nghĩ đeo đuổi sự tiếp xúc nhất thời với ông ta không mấy qua óc anh. Điều đó nguy hiểm không thể tưởng tượng được dù anh có biết phải hành động ra sao. Trong một hai giây hai người đã trao đổi một cái nhìn lập lờ, và thế là

hết chuyện. Nhưng thế cũng là một sự kiện đáng nhớ trong cái đời sống cô đơn khép kín bó buộc của anh.

Winston ngồi thẳng dậy. Anh ợ một cái. Rượu gin dâng lên trong dạ dày anh.

Mắt anh lại tập trung vào trang giấy. Anh khám phá ra anh vẫn viết trong khi anh quên mình mơ màng, tuy viết một cách máy móc. Chữ anh lại không còn khít và vụng về như trước. Bút anh đã thích thú lướt trên tờ giấy mịn, viết lên bằng chữ hoa lớn đẹp:

ĐẢ ĐẢO BÁC

ĐẢ ĐẢO BÁC

ĐẢ ĐẢO BÁC

cứ thế liên tiếp đầy một nửa trang.

Anh không khỏi cảm thấy lên cơn hoảng. Vậy là vô lý vì viết mấy dòng đặc biệt ấy không nguy hiểm hơn hành động khởi đầu khai trương nhật ký, nhưng trong một lúc anh toan xé mấy trang nhem nhuốc và bỏ cuộc luôn.

Song le anh không làm vậy vì anh biết làm thế vô ích. Anh có viết ĐẢ ĐẢO BÁC hay nén không viết cũng chẳng khác gì. Anh có tiếp tục nhật ký hay không tiếp tục cũng thế thôi. Cảnh Sát Tư Tưởng sẽ bắt anh hết như vậy. Anh đã phạm - sẽ tiếp tục phạm, ngay nếu anh không bao giờ gạch bút trên giấy - tội trọng chính yếu chứa đựng mọi tội khác. Nó có tên là Tội Tư Tưởng. Tội tư tưởng không là một thứ có thể giấu mãi được. Anh có thể tránh thoát một thời gian, có khi hàng năm, nhưng trước sau thế nào chúng cũng bắt anh.

Bao giờ cũng vào đêm - các cuộc bắt bớ chuyên môn xảy ra

ban đêm. Đang ngủ bỗng chồm dậy, bàn tay thô bạo lay vai, đèn rơi chói mắt, vòng mặt tàn nhẫn quanh giường. Phần đông trường hợp không được tòa xử và không có báo cáo về sự bắt bớ. Dân chúng biến mất, thể thối, luôn luôn giữa đêm. Tên họ bị loại khỏi các sổ, các chứng vật về mọi hành động của họ bị hủy hết, đời sống của họ bị chối bỏ rồi quên lãng. Họ bị thanh trừng, trả về hư vô: theo danh từ thông dụng, họ bị hóa hơi.

Trong một lúc Winston gần như điên loạn. Anh bắt đầu vội vàng ngoáy viết:

Chúng sẽ bắn tôi tôi không sòn chúng sẽ bắn tôi vào gáy tôi không sòn đả đảo bác chúng luôn luôn bắn vào gáy người tôi không sòn đả đảo bác -

Anh ngồi thẳng lại trên ghế, hơi ngượng ngùng, và đặt bút xuống. Được một lát anh vụt nhòem dậy. Có ai gõ ngoài cửa.

Đã rồi! Anh ngồi thừ như chuột với hy vọng mỏng manh rằng kẻ nào đó đang gõ cửa sẽ bỏ đi sau một lần thừ. Nhưng không, tiếng gõ tiếp tục. Nguy nhất là chân chừ. Tim anh đánh trống mạnh nhưng mặt anh nhò thối quen chắc hẳn không lộ sắc. Anh đứng dậy nặng nề đi ra phía cửa.

Đặt tay trên quả đấm cửa, Winston sực thấy anh đã để mở quyển nhật ký trên bàn. Khắp trang giấy ĐẢ ĐẢO BÁC được viết lên trên, bằng chữ đủ lớn để được đọc nổi từ bên kia phòng. Thật là một việc làm ngu xuẩn không thể tưởng tượng được. Nhưng anh nhận thức rằng ngay trong cơn kinh hoàng anh đã không muốn đóng vỏ lại vì sợ mực còn ướt làm nhòe tờ giấy mịn.

Anh nín thở rồi mở cửa. Tức thì một luồng khí nhẹ nhõm thông khắp mình anh. Đứng ngoài cửa là một người đàn bà có dáng mệt

mỏi, nhặt nhèo, vói mớ tóc rối tung và bộ mặt nhăn nhèo.

“A, đồng chí”, bà ta lên tiếng bằng một giọng sâu thẳm than vãn, “tôi như nghe thấy đồng chí về. Đồng chí có thể qua nhà chúng tôi xem hộ cái bồn rửa bát trong bếp chúng tôi được không? Nó bị tắc và -”

Đó là bà Parsons, vợ một người lính giềng cùng tầng với anh. (“Bà” là một chữ bị Đảng tẩy chay - phải gọi mọi người là “đồng chí” - nhưng đối với một số đàn bà dùng chữ bà là một điều tự nhiên.) Bà khoảng ba mươi tuổi nhưng trông già hơn nhiều. Cảm tưởng như có bụi trên mặt bà ta. Winston theo bà ta dọc hành lang. Những chuyện sửa chữa tài tử này gần như là việc bực dọc hàng ngày. Các căn Nhà Chiến Thắng đã cũ, được xây vào khoảng 1930, nay đang đổ từng mảnh. Thạch cao tróc luôn nơi trần và tường, ống dẫn vỡ nứt mỗi khi nước đông cứng, mái bục mỗi khi tuyết rơi, hệ thống suối thông thường chạy nửa sức nếu không bị đóng hản vì lý do cần kiệm. Những sự tu sửa, trừ loại làm lấy được, phải được phép của các ủy ban xa xăm có thể để cả hai năm trời mới xét đến một việc như thay thế một ô kính cửa sổ.

“Dĩ nhiên chỉ tại Tom không có nhà”, bà Parsons mơ hồ nói.

Căn nhà của gia đình Parsons rộng hơn căn nhà của Winston và cũng xoàng xĩnh nhưng một cách khác. Vật gì cũng có vẻ bị giẫm đạp như thể toàn căn nhà đã được một con thú dữ to lớn thăm viếng. Dụng cụ thể thao - những gậy khúc côn cầu, những găng quyền Anh, một quả bóng đá cầu xẹp, một chiếc quần cộc lộn ngược đằm mồ hôi - lê khắp sàn nhà, trên bàn thì bày một đồng đĩa bắn với vỏ quần góc. Trên tường là cờ đỏ của Liên Đoàn Thanh Niên và Đoàn Giám Điệp cùng một bích chương

lớn khổ hình dung Bác. Có mùi bắp cải luộc thường lệ, chung cho toàn cư xá, nhưng nó xông lẫn một mùi mồ hôi nồng - thoát hít thấy liền, khó bảo tại sao - mồ hôi của một người hiện vắng mặt. Trong một phòng bên có ai lấy lược với giấy vệ sinh gắng thổi theo nhịp quân nhạc vẫn phát từ máy truyền hình.

“Tụi trẻ đó”, bà Parsons vừa nói vừa nhìn với phần sợ sệt về phía cửa. “Cả ngày nay chúng không ra khỏi nhà. Vậy nên”... Bà ta có tật ngắt câu nửa chừng. Bồn rửa bát trong bếp ngập tận bờ bờ một thứ nước xanh hôi mùi cải hơn bao giờ hết. Winston quỳ xuống ngắm xem cái khớp cạnh của ống nước. Anh ghét dùng tay, và ghét cúi người vì cử động này làm anh lên cơn ho. Bà Parsons bắt lực nhìn anh.

“Dĩ nhiên nếu Tom có nhà anh ấy đã sửa được liền”, bà ta nói. “Anh ấy thích loại việc này. Anh Tom vốn là khéo tay.”

Parsons là đồng nghiệp của Winston tại Bộ Sự Thật. Anh ta là một người mập mập nhưng hiếu động, có tính ngo ngẩn dẫn đờ, đúng một khối nhiệt tình ngu xuẩn - cái giống con chiên sùng tin không bao giờ đặt vấn đề, có nhiều hiệu lực giữ vững Đảng hơn cả Cảnh Sát Tư Tưởng. Năm nay ba mươi nhăm tuổi, anh mới bị gạt bắt đắ dĩ khỏi Liên Đoàn Thanh Niên, và trước khi được thăng vào Đoàn Thanh Niên anh đã chạy chọt để được ở lại quá hạn một năm tại Đoàn Giám Điệp. Tại Bộ anh giữ một chân thuộc hạ không cần tri thông minh, nhưng mặt khác anh là một nhân vật lãnh đạo trong Ủy Ban Thể Thao và các ủy ban chuyên tổ chức các cuộc dạo chơi tập thể, biểu tình tự động, chiến dịch tiết kiệm, và các hoạt động tình nguyện nói chung. Giữa hai hơi thuốc lá, anh ta có thể kể với một niềm hạnh diện bình thản rằng trong bốn năm qua, chiều nào anh cũng có mặt

tại Trung Tâm Cộng Đồng. Một mùi mồ hôi nồng nặc, làm bằng chứng cho cuộc đời hăng say của anh, theo anh khắp nơi, vẫn còn phảng phất sau khi anh đi khỏi.

“Bà có chìa vặn không?” Winston vừa hỏi vừa xoay cái đai ốc nơi khớp cạnh.

“Chìa vặn”, bà Parsons lập tức nhũn người lại, “tôi không biết, tôi không chắc. Có lẽ tụi trẻ -”

Tiếng giấy ống cồm cộp và tiếng kèn thổi trên lược nổi lên cùng lúc tụi trẻ ủa vào phòng khách. Bà Parsons mang chìa vặn ra. Winston cho nước chảy đi hết rồi gom gom lõi ra cụm tóc đã làm tắc ống. Anh rửa tay dưới nước lạnh cho sạch được chùng nào hay chùng đó, rồi quay trở ra phòng khách.

“Giờ tay lên!”, một giọng man rợ hét.

Một thằng bé độ chín tuổi, đẹp trai nhưng có vẻ cứng đầu, chồm lên sau bàn dọa anh với một khẩu súng lục trò chơi tự động, trong khi một đứa bé gái nhỏ hơn cũng làm một cú chi tương tự với một mẫu gỗ. Cả hai đều mặc quần cộc xanh, áo sơ mi xám với khăn quàng đỏ, túc y phục của Đoàn Giám Điệp. Winston giơ tay trên đầu, nhưng khó chịu trong lòng vì bộ điệu thằng bé đánh ác đến nỗi không còn hẳn tính cách trò đùa.

“Ông là một quân phản bội!”, thằng bé hét. “Ông là một tội phạm tư tưởng! Ông là một tên gián điệp Âu Á! Tôi sẽ bắn ông, tôi sẽ hóa hơi ông, tôi sẽ đẩy ông đi mở muối!”

Bỗng cả hai vừa nhảy quanh anh vừa hò “Đồ phản bội!” và “Đồ tội phạm tư tưởng!”, đứa bé gái bắt chước anh nó từng cử động một. Cái trò đáng sợ làm sao, như trò nhảy nhót của hổ con sắp lớn và sắp ăn thịt người. Trong mắt thằng bé hiện ra một vẻ dữ tợn tính toán, một lòng hiển nhiên muốn đánh đá

Winston và một ý thức sắp đủ lớn để thực hiện ý mình. Cũng may là nó không cầm một khẩu súng thật, Winston nghĩ vậy.

Mắt bà Parsons bồn chồn liếc qua liếc lại Winston và các con. Dưới ánh sáng rõ hơn của phòng khách anh nhận thấy quả thực có bụi trên nét nhăn trên mặt bà.

“Chúng ồn ào thật”, bà ta nói. “Cũng tại chúng không được đi coi treo cổ đó. Tôi quá bận rộn không dẫn tụi nó đi được, Tom thì không đi làm về kịp.”

“Cớ sao tụi con không được đi coi treo cổ?”, thằng bé lớn tiếng gào.

“Coi treo cổ đi! Coi treo cổ đi!”, đứa bé gái vừa nhảy quanh vừa hát.

Winston sực nhớ có vài tù binh Âu Á, phạm tội chiến tranh, sẽ bị treo cổ chiều nay. Cảnh này xảy ra khoảng mỗi tháng một lần, và là một trò diễn được dân ưa chuộng. Trẻ con luôn luôn vò vĩnh để được đi xem. Winston cáo từ bà Parsons ra cửa. Anh chưa đi được sáu bước trong hành lang thì một vật đập vào gáy anh làm anh đau điếng người. Cỗ chùng anh bị xuyên bởi một sợi giây thép nung đỏ. Anh quay đầu lại vừa kịp thấy bà Parsons đẩy thằng con trai vào nhà đương lúc nó cất vào túi một chiếc ná.

“Goldstein!”, thằng bé la lên khi cánh cửa khép lại sau nó. Nhưng điều làm Winston xúc động nhất là cái vẻ sợ hãi bất lực trên gương mặt xám xám của người đàn bà.

Trở về căn nhà của mình, anh đi nhanh qua máy truyền hình và ngồi xuống bàn trở lại, tay vẫn xoa cổ. Nhạc từ máy truyền hình đã dứt. Thay vào đó, một giọng nhà binh hống hách đọc to một cách thích thú hung tợn một bảng liệt kê các vũ khí trên

chiếc Pháo Đài Nổi mới thả neo giữa Ích Lan và đảo Faroe. Với lũ con như vậy, anh nghĩ, người đàn bà ủ rũ kia chắc sống một chuỗi đời khiếp đảm. Một hai năm nữa, chúng sẽ đêm ngày rình bà xem có triệu chứng bất chính thống nào không. Gần như trẻ con nào thời buổi này cũng đáng ón. Điều tồi tệ nhất là qua các tổ chức như Đoàn Giám Điệp chúng triệt để biến thành bầy trẻ dã man bất tri, nhưng thế lại không hề gây trong chúng một xu hướng nào đối nghịch với kỷ luật của Đảng. Ngược lại, chúng mê Đảng và mọi sự liên quan tới Đảng. Bài ca, đám rước, cờ xí, cuộc dạo chơi chung, buổi duyệt súng giả, phiên hò hét khẩu hiệu, việc tôn thờ Bác - toàn là thứ trò chơi vinh quang đối với chúng. Mọi tính hung dữ của chúng được hướng ra ngoài về phía kẻ thù Nhà Nước, chống ngoại nhân, quân phản bội, phường phá hoại, lũ tội phạm tư tưởng. Gần như thường tình, dân ngoài ba mươi sợ chính con mình. Mà họ sợ là phải, vì khó có tuần trong Thời Báo không có mục thuật lại chuyện một tên chỉ điểm oắt con - danh từ thông dụng là “anh hùng trẻ tuổi” - nghe lỏm được một lời phê phán tai hại rồi tố cáo cha mẹ với Cảnh Sát Tư Tưởng.

Cảm giác nóng bỏng của đạn nã đã tan. Winston kém hăng hái khi nhắc bút, tự vấn có thêm điều gì đáng ghi trong nhật ký không. Bỗng dung anh lại bắt đầu nghĩ đến O'Brien.

Mấy năm trước - bao lâu nhỉ? Bấy năm có lẽ - anh có nằm mơ thấy mình đi qua một căn phòng tối đen. Có người ngồi một mé bên nói với anh khi anh bước ngang y: “Chúng ta sẽ gặp nhau tại một nơi không có bóng tối.” Câu nói bình thản, gần như vô định - là một sự ghi nhận, không phải là một mệnh lệnh. Anh đã tiếp tục tiến bước không dừng lại. Điều lạ là lúc đó, trong

giấc mơ, mấy lời ấy không làm anh xúc động nhiều. Chỉ sau này và dần dần anh mới thấy nó có ý nghĩa. Anh không nhớ trước hay sau giấc mơ ấy anh gặp O'Brien lần thứ nhất, và anh cũng không nhớ khi nào anh nhận ra giọng nói trong mơ chính là giọng O'Brien. Nhưng sao chẳng nữa, sự đồng nhất hóa đó có thật. Đúng O'Brien đã nói vọng từ bóng tối với anh.

Winston không bao giờ có thể chắc - ngay sau ánh mắt hồi sáng cũng không thể chắc được - O'Brien là bạn hay thù. Mà điều đó cũng không thành vấn đề cho lắm. Có một mối giao cảm giữa hai người, quan trọng hơn tình thương hay tình đồng đội. "Chúng ta sẽ gặp nhau tại một nơi không có bóng tối", ông ta đã nói vậy. Winston không hiểu thế nghĩa là gì, chỉ tin rằng bằng cách này hay cách khác điều đó sẽ thành sự thật.

Tiếng nói từ máy truyền hình tạm ngưng. Một tiếng kèn gọi trong và đẹp nổi vang trong không khí tù hãm. Tiếng nói khàn khàn nối tiếp:

"Chú ý! Xin chú ý! Một điện tín từ mặt trận Malabar vừa tới nơi. Quân ta tại Nam Ấn Độ đã gặt được một thắng lợi vẻ vang. Tôi được phép báo rằng chiến công đó có thể đưa chiến tranh gần đến hồi kết thúc. Đây là điện tín -"

Tin xấu sắp tới đây, Winston nghĩ vậy. Và chắc chắn, sau một bài tường thuật sống động về sự tiêu diệt quân đội Âu Á với những con số tử binh và binh tử trận kinh hồn, đến lượt bản thông cáo kể từ tuần sau khẩu phần xúc cô la sẽ bị giảm từ 30 xuống 20 gam.

Winston lại ợ. Rượu gin đã tan, để lại một cảm giác lép xẹp. Máy truyền hình - có thể để mừng cuộc thắng trận, có thể để dìm nỗi tiếc phần xúc cô la bị mất - tung ra bài "Đại Dương, đây

là của Người”. Theo lẽ, ai cũng phải đứng nghiêm. Nhưng trong vị trí hiện tại anh là người vô hình.

“Đại Dương, đây là của Người” nhường phiên cho một bản nhạc nhẹ. Winston đi ra cửa sổ, quay lưng về máy truyền hình. Trời vẫn sáng lạnh. Đâu đó đằng xa một trái bom lửa gầm nổ dội vang. Hiện khoảng hai ba chục trái bom rơi xuống Luân Đôn mỗi tuần.

Dưới phố gió đập qua đập lại tấm bích chương bị rách, làm chữ ANH XÃ lúc ẩn lúc hiện. Anh Xă. Những nguyên lý thiêng liêng của Anh Xă. Ngôn mới, ý đôi, tính đổi thay của quá khứ. Winston cảm như mình đang lang thang trong rừng dưới đáy biển, lạc lõng trong một thế giới quái gở trong đó anh là một quái vật. Anh cô độc. Quá khứ đã chết, tương lai không tưởng tượng được. Chắc gì có người sống cùng phe với anh? Và làm sao biết được sự thống trị của Đảng sẽ không tồn tại mãi mãi? Như một lời đáp, ba khẩu hiệu trên mặt tường trắng của Bộ Sự Thật hiện ra trước mắt anh:

CHIẾN TRANH LÀ HÒA BÌNH

TỰ DO LÀ NÔ LỆ

DỐT NÁT LÀ SỨC MẠNH

Anh rút ra từ túi một đồng 25 xu. Trên mặt tiền cũng vậy, có khắc một bên ba khẩu hiệu kia bằng chữ thanh nhỏ, một bên dung mạo Bác. Cả từ đồng tiền cặp mắt đuổi theo bạn. Trên tiền, trên tem, trên bia sách, trên cờ xí, trên bích chương, và trên vỏ hộp thuốc - khắp nơi. Luôn luôn cặp mắt nhìn bạn và giọng nói bao trùm bạn. Ngủ hay thức, làm việc hay ăn uống, trong nhà hay ngoài nhà, trong bồn tắm hay trong giường -

không sao thoát nổi. Không có gì là của riêng bạn ngoại trừ vài phân vuông trong sọ bạn.

Mặt trời đã quay, và mấy ngàn cửa sổ của Bộ Sự Thật, không còn ánh sáng chiếu vào, có vẻ hung dữ như lỗ châu mai của một pháo đài. Tim Winston lịm đi trước ụ hình tháp đồ sộ. Nó quá lớn, không thể đập đổ nó được. Một ngàn trái bom lửa cũng không phá nổi nó. Anh lại tự hỏi anh viết nhật ký cho ai. Cho tương lai, cho quá khứ - cho một thời chỉ có trong tưởng tượng. Và trước mặt anh là viễn tượng không phải của sự chết mà của sự hủy diệt. Cuốn nhật ký sẽ bị hủy ra tro và anh sẽ bị hủy thành hơi. Chỉ Cảnh Sát Tư Tưởng sẽ đọc được những điều anh viết trước khi gạt chúng khỏi cuộc đời và ký ức. Làm sao kêu gọi được tương lai, khi không tồn tại một vết tích gì của mình, ngay cả một chữ vô danh ngoặc trên một mẩu giấy?

Máy truyền hình điểm mười bốn giờ. Nội mười phút nữa anh phải rời nhà. Mười bốn giờ rưỡi anh phải làm việc trở lại.

Lạ thay, tiếng chuông giờ hình như truyền niềm tin mới cho anh. Anh là một con ma cô độc thốt ra một sự thật chẳng ai bao giờ nghe được. Nhưng anh còn phát biểu được nó, đường giây liên tục âm thầm không bị gián đoạn. Duy trì di sản của nhân loại không phải là khiến người khác nghe mình, mà là giữ sao cho mình được lành mạnh. Anh trở về bàn, chấm mực viết:

Gửi cho tương lai hay cho quá khứ, cho một thời khi tư tưởng được tự do, khi con người khác biệt nhau và không sống cô đơn - cho một thời có sự thật, trong đó việc đã làm không thể bị gạt bỏ:

Từ thời đồng nhất, từ thời cô độc, từ thời Bác, từ thời ý đôi - xin chào!

Anh đã chết rồi, anh ngẫm vậy. Đường như đối với anh, chỉ bây giờ, khi anh đã bắt đầu diễn tả được ý nghĩ của anh, anh mới thực sự quyết tâm. Hậu quả của hành động nào cũng được bao gồm trong chính nó. Anh viết:

Tội tư tưởng không dẫn tới chết; tội tư tưởng LÀ chết.

Giờ đây anh đã nhận ra mình là người chết, điều quan trọng đâm thành giữ mình sao cho sống thật lâu. Hai ngón tay phải của anh lấm mực. Đây đúng là tiểu tiết có thể phản anh. Một dân tò mò sốt sắng ở Bộ (hẳn là phụ nữ: kiểu bà nhỏ bé tóc hung hay cô gái tóc đen ở Cục Truyện) có thể tự hỏi tại sao anh viết trong giờ ăn cơm, tại sao anh dùng bút lỗi thời, anh viết gì đó - rồi đến khu hữu trách mách bóng gió về anh. Anh vào nhà tắm cẩn thận cọ sạch hết mực với miếng xà phòng thô đen nâu làm rát da như thể giấy ráp nhưng nhò thế rất hợp với mục tiêu của anh.

Anh cất nhật ký trong ngăn kéo. Lo giấu nó vô ích, nhưng ít ra cũng đánh chắc được xem nó có bị khám phá ra chưa? Để một sợi tóc nơi mấy trang cuối quá lộ liễu. Với đầu ngón tay anh nhặt một hạt bụi trắng dễ nhận và để nó vào một góc bia, ở chỗ nó sẽ phải bay mất nếu quyền vò bị xê dịch.

Winston đang nằm mơ thấy mẹ.

Theo anh nghĩ, khi mẹ anh mất, anh khoảng mười, mười một tuổi. Bà là một người cao lớn, đẹp như tượng, khá lặng lẽ, có cử chỉ chậm chạp và một mái tóc đẹp tuyệt vời. Về cha, anh nhớ mơ hồ hơn như một người tóc đen gầy gò, chuyên mặc quần áo màu sậm thẳng nếp (Winston đặc biệt nhớ cái đế giày rất mỏng của cha), và đeo kính. Chắc hẳn cả hai đã bị chìm ngập trong một cuộc đại thanh trừ đầu của những năm năm mươi.

Hiện mẹ anh đang ngồi tại một nơi xa xôi dưới anh, tay bồng em gái anh. Anh không nhớ gì về em gái ngoại trừ sự nó là một đứa nhỏ yếu đuối luôn luôn im lặng với cặp mắt to chăm chú. Cả hai ngược mắt nhìn anh. Hai người ở một nơi nào đó trong lòng đất - đáy giếng chẳng hạn, hay một nấm mộ sâu - một nơi không những đã xa dưới chân anh, lại còn chìm xuống xa dần. Hai người ở trong khách sạn một con tàu đắm, ngược mắt nhìn anh qua nước đặc dần. Hãy còn không khí trong khách sạn nên cả hai còn nhìn thấy anh và anh còn nhìn thấy họ, nhưng đồng thời hai người chìm sâu mãi trong nước xanh chốc lát sẽ vĩnh viễn che đậy họ khỏi mắt anh. Anh ở ngoài trong ánh sáng và không khí trong khi mẹ và em anh bị hút xuống cỏi chết, hai người ở dưới kia bởi anh ở trên này. Anh biết thế và mẹ cùng em anh biết thế, và anh có thể đọc sự hiểu biết đó trên mặt hai người. Không có sự trách cứ trên mặt hay trong tâm của mẹ và em anh, chỉ có sự hiểu biết rằng hai người phải chết để cho anh sống, rằng điều đó thuộc trật tự sự vật không thể tránh được.

Anh không thể nhớ việc gì đã xảy ra, nhưng trong giấc mơ anh hiểu rằng sao đó mẹ và em gái anh đã hy sinh đời sống của mình cho anh. Đây là một giấc mơ thuộc loại tuy giữ phôi cảnh đặc biệt của giấc mơ vẫn tiếp tục sinh hoạt của trí tuệ, khiến những sự kiện và ý nghĩ hiện trong giấc mơ vẫn còn hình như mới mẻ và có giá trị khi người nằm mơ tỉnh giấc. Điều bỗng kích động Winston lúc này là sự cái chết của mẹ anh, gần ba mươi năm về trước, bi thảm và đau buồn không thể bao giờ còn thể được. Cảnh bi thảm, theo nhận xét của anh, thuộc thời xưa cũ, một thời còn có tình riêng, tình yêu và tình bạn, khi mọi người trong một gia đình sát cánh bên nhau không cần biết đến lý do.

Lòng tưởng nhớ mẹ xâu xé tim anh, bởi bà mất đi đương lúc thương yêu anh, khi anh còn quá nhỏ và ích kỷ để yêu lại bà, và bởi vì sau đó, anh không nhớ ra sao, bà đã hy sinh đời bà cho một quan niệm trung thực cá nhân bất di bất dịch. Những sự thể này, như anh hiểu, không thể xảy ngày nay. Ngày nay có sợ hãi, có hận thù, có đau đớn, nhưng không có phẩm cách trong cảm xúc, không có những đau buồn sâu đậm hay phức tạp. Mọi điều này anh hình như thấy trong cặp mắt to của mẹ và em gái anh, đang ngược nhìn anh qua làn nước xanh hàng trăm sải dưới sâu, và đang chìm xuống dần.

Đột nhiên anh đứng trên một bãi cỏ ngắn mềm vào một buổi chiều hạ khi ánh dương tà chiếu vàng mặt đất. Quang cảnh anh đang nhìn trở đi trở lại trong những giấc mơ của anh, thường xuyên đến nỗi anh không bao giờ chắc hẳn anh có từng thấy nó ngoài đời hay không. Những khi tỉnh nghĩ tới nó anh đặt tên nó là Xứ Vàng. Đó là một bãi đồng cỏ lâu đời, bị thỏ gặm nhấm, xuyên qua bởi một con đường mòn, đầy đó nhô lên một ổ chuột chũi. Tại một bờ rào bên kia cánh đồng, nhánh cây đu đưa dưới gió nhẹ, khuấy lá thành mớ dày đặc như tóc đàn bà. Ở đâu gần đó, tuy ngoài tầm mắt, có một dòng suối trong veo chảy chậm, tới dưới các cây liễu đọng lại thành vũng trong đó cá bạch bơi lội.

Cô gái tóc đen băng qua cánh đồng về phía cây liễu. Cơ hồ chỉ bằng một động tác, cô ta xé toạc quần áo rồi quăng nó xuống bên một cách khinh thường. Thân hình cô ta trắng mịn nhưng không gọi tình dục nào nơi anh, anh còn hầu như không thèm ngắm cô ta. Cảm giác tràn ngập anh lúc đó là lòng hàm mộ cử chỉ ném văng quần áo của cô. Về duyên dáng lò lững của

cử chỉ đó hình như tiêu diệt cả một văn hóa, cả một hệ thống tư tưởng, làm như Bác, Đảng và Cảnh Sát Tư Tưởng có thể bị quét vào cỏi hư vô bởi một cái phất tay tuyệt đẹp. Đó cũng là một cử chỉ thuộc thời xa xưa. Winston tỉnh dậy với chữ “Shakespeare” trên môi.

Máy truyền hình phát ra một tiếng còi điếc tai kéo dài ba mươi giây. Đã không bấy mười lăm, giờ ngủ dậy của nhân viên các sở. Winston nhoai ra khỏi giường - trần truồng, vì một đảng viên Đảng Ngoài chỉ được lĩnh ba ngàn phiếu quần áo một năm, mà một bộ áo ngủ tốn sáu trăm phiếu - và vợ lấy một chiếc áo gi lê tồi tàn với một chiếc quần cốc vắt ngang trên ghế. Chương trình Chấn Thể sắp bắt đầu. Lát sau một con ho mãnh liệt thường chụp lấy anh mỗi khi anh mới tỉnh giấc làm anh gập hai người lại. Nó rút hết khí khỏi ngực anh hết trọn đến nỗi anh phải nằm ngả lưng hít kỹ một hồi mới thở lại được. Tỉnh mạch anh phồng lên vì con ho làm anh tổn sức, và chúng loét giãn tĩnh mạch bắt đầu làm anh ngứa.

“Đoàn ba mươi đến bốn mươi!”, một giọng đàn bà the thé nổi lên. “Đoàn ba mươi đến bốn mươi! Xin ra chỗ đứng. Lừa từ ba mươi đến bốn mươi!”

Winston nhảy ra đằng trước máy truyền hình trên đó đã xuất hiện một thiếu phụ gầy gò nhưng vạm vỡ, mặc áo lót rộng và đi giày thể thao.

“Gấp duỗi cánh tay lại!” bà ta hô. “Làm theo tôi! Một, hai, ba, bốn! Một, hai, ba, bốn! Nào nữa, các đồng chí, hãy lên một chút chứ! Một, hai, ba, bốn! Một, hai, ba, bốn!...”

Nỗi đau đón do con ho chưa xóa hết nỗi khỏi óc anh ấn tượng của giấc mơ, và cử động thể dục nhịp nhàng như thể

phục hồi ấn tượng đó. Trong khi anh máy móc giờ tay ngược xuôi cùng đeo trên mặt nét nghiêm vui được coi là thích hợp với giờ Thể Chấn, anh gắng hướng tâm về thời thơ ấu xa xưa mù mịt của anh. Cực kỳ khó. Mọi sự trước những năm cuối thời năm mươi đều đã phai nhạt. Khi không có ngoại chuẩn làm đối chiếu, ngay đường đời của chính mình cũng mất phần minh bạch. Bạn nhớ nhiều sự kiện quan trọng có thể chẳng hề xảy ra, bạn nhớ chi tiết của nhiều sự việc nhưng chẳng sao bắt lại được bầu không khí quanh chúng, và có những chuỗi thời gian dài rỗng tuếch không thể gắn gì vào được. Thời đó cái gì cũng khác. Ngay tên các xứ và hình thể các xứ trên bản đồ cũng khác. Không Phận Một, chẳng hạn, hồi đó không tên là vậy: Nó được gọi là Anh quốc hay Britain, mặc dầu Luân Đôn, anh chắc chắn vậy, vẫn luôn luôn được kêu là Luân Đôn. Winston tuyệt nhiên không thể nhớ ra thời nước anh không có chiến tranh, nhưng rõ ràng hồi anh còn nhỏ có một thời kỳ hòa bình lâu dài vì một kỷ niệm xa xưa nhất của anh là một vụ phi cơ oanh tạc làm mọi người sững sốt. Có lẽ đó là lần bom nguyên tử rơi xuống Colchester. Anh không nhớ chính vụ oanh tạc, nhưng anh nhớ rõ bàn tay của cha anh nắm lấy tay anh đồng thời hai cha con chạy nhanh xuống, xuống, xuống mãi tận một vực sâu hoắm dưới lòng đất, quanh quanh một chiếc cầu thang xoáy rung rinh dưới chân anh và làm anh mỗi càng đến nỗi anh meo máo khiến cha anh phải dừng chân nghỉ. Mẹ anh theo xa sau với dáng điệu chậm chạp như chiêm bao của bà. Bà ẵm em gái sơ sinh của anh - hay có thể bà chỉ ôm một đồng khăn giường: anh không chắc lúc ấy em gái anh đã ra đời chưa. Cuối cùng gia đình anh đổ tới một nơi ồn ào đông người, một trạm xe điện

ngắm theo anh hiểu.

Nơi đây dân chúng nào ngồi khắp sàn đá lát, nào ngồi sát nhau thành tùm, người nọ trên lòng người kia trên ghế dài sắt. Winston và cha mẹ kiếm được chỗ ngồi trên sàn đất, và gần họ có hai ông bà già ngồi sát nách nhau trên ghế sắt. Ông già mặc một bộ quần áo sẫm chỉnh tề và đội một chiếc mũ dạ đen nghiêng về phía sau mái tóc bạc phơ; mặt ông ta đỏ ngầu và cặp mắt xanh của ông đầy nước mắt. Ông ta hơi mùi rượu gin. Hình như rượu toát ra từ da thịt ông thay thế cho mồ hôi, và có thể tưởng tượng rằng nước mắt đang chảy trên mặt ông là rượu gin nguyên chất. Nhưng dù ông hơi say, ông quả đau đớn vì một nỗi buồn thành thực không thể chịu đựng nổi. Winston khò khạo hiểu rằng một chuyện ghê gớm, một chuyện không thể tha thứ được, một chuyện vô phương cứu vãn đã xảy ra. Mà hình như anh hiểu chuyện đó là gì. Một người được ông già yêu thương - có lẽ một cháu bé gái - đã bị giết. Cứ năm phút, ông già lại nhắc lại:

“Minh không nên tin tưởng chúng. Tôi từng nói vậy, phải không Bà? Tin chúng là thế đó. Tôi vẫn nói vậy. Minh không nên tin cái giống đó.”

Nhưng cái giống không đáng tin là giống gì thì Winston hiện không nhớ ra.

Từ hồi đó, chiến tranh gần như liên tiếp, mặc dầu, nói cho đúng, không phải lúc nào cũng một thứ chiến tranh. Nhiều tháng, khi anh còn nhỏ, có những cuộc giao tranh hỗn tạp trong đường phố Luân Đôn, vài trận anh nhớ như in. Nhưng xét lại lịch sử của cả thời đó xem ai đánh ai, đánh vào lúc nào, hoàn toàn không thể được, vì không có tài liệu viết cũng như lời nói

nhắc tới một sự tích khác hiện tình. Ví như ngày nay, vào năm 1984 (nếu quả là 1984), Đại Dương tranh chiến với Âu Á và giao kết với Đông Á. Trong các phát ngôn công cộng hay riêng tư không bao giờ có sự chấp nhận rằng có thời ba cường quốc liên kết lối khác. Thật ra, như Winston biết rõ, chỉ mới bốn năm trước Đại Dương đánh nhau với Đông Á và liên minh với Âu Á. Nhưng đó chỉ là mảnh hiểu biết vụng trộm ngẫu nhiên đến với anh vì trí nhớ anh không hoàn toàn bị kiểm chế. Chính thức thì sự thay đổi đồng minh không hề xảy ra. Đại Dương đang giao chiến với Âu Á: vậy là Đại Dương bao giờ cũng đánh nhau với Âu Á. Kẻ thù đương thời bao giờ cũng bị tả như quân ác tuyệt đối, cho nên không thể có một sự giao kết với họ trong quá khứ hoặc tương lai.

Điều hài hùng, anh nghĩ vậy lần thứ mười ngàn trong khi anh khó nhọc uốn vai về phía sau (tay chống háng, ai nấy xoay người từ eo trở lên, một cử động được coi là tốt cho bắp thịt lưng) - điều hài hùng là có thể mọi sự đó là sự thật. Nếu Đảng có thể chỉ tay về quá khứ mà bảo vệ sự kiện này kia nó không hề xảy ra, điều đó chẳng đáng sợ hơn cả sự tra tấn hay cái chết ư?

Đảng bảo rằng Đại Dương không bao giờ liên minh với Âu Á. Anh, Winston, biết rằng Đại Dương đã liên kết với Âu Á mới bốn năm trước. Nhưng sự hiểu biết này do đâu mà có? Chỉ trong tâm thức của riêng anh, mà tâm thức anh thế nào rồi cũng bị tiêu diệt. Và nếu mọi người khác chấp nhận lời nói dối do Đảng áp đặt - nếu mọi tài liệu ghi hết nhau - thì điều man trá đi vào lịch sử và biến thành sự thật. Theo khẩu hiệu của Đảng "Kẻ nào kiểm chế được quá khứ, kẻ đó kiểm soát được tương lai: kẻ nào kiểm soát được hiện tại, kẻ đó kiểm chế được quá khứ". Tuy

nhiên quá khứ, mặc dầu bản năng dễ biến đổi, chưa bao giờ bị nguy tạo. Bất cứ điều gì hiện nay được coi là thật vĩnh viễn và vĩnh viễn thật. Hết sức giản dị. Chỉ cần không ngưng áp chế ký ức bạn. Thế gọi là “Kiểm soát thực tế”: Ngôn Mới là “ý đòi”.

“Nghĩ!” Nữ huấn luyện viên hô một cách vui vẻ hơn một chút.

Winston buông thông tay xuống và chậm chạp hít thở đầy lồng ngực. Ốc anh lén vào thế giới ngoắt ngoáy của ý đòi. Vừa biết vừa không biết, ý thức sự thật trong khi thận trọng đặt điều, giữ cùng một lúc hai quan điểm hủy loại lẫn nhau, biết rằng hai quan điểm đó trái ngược nhau mà cứ tin cả hai, dùng luận lý chống lại luận lý, bác bỏ luân lý đồng thời dựa vào luân lý, tin rằng nền dân chủ không thể có được nhưng cho là Đảng bảo vệ dân chủ, quên bất cứ điều gì cần quên, rồi kéo lại điều đó trở về ký ức khi nào cần đến, rồi lại vội vàng quên nó ngay: và trên hết áp dụng quá trình ấy cho chính quá trình. Tinh tế đến thế là tốt độ: dẫn dụ một cách ý thức sự vô ý thức, rồi lại không ý thức hành động tự thôi miên vừa rồi. Ngay muốn hiểu biết danh từ “ý đòi” phải đồng thời sử dụng ý đòi.

Nữ huấn luyện viên lại kêu gọi mọi người chú ý: “Và bây giờ xem ai sờ được ngón chân nào!” bà ta hăng say nói. “Xin các đồng chí thẳng người từ hông trở lên. Một - hai! Một - hai!...”

Winston ghét vận động này, nó làm anh đau buốt từ gót tới móng và thường tận cùng làm anh lên cơn ho. Những suy tưởng của anh mất đi phần dễ chịu. Quá khứ, theo anh nghĩ, không chỉ bị nguy tạo mà còn bị hủy diệt. Bởi làm sao xác định được ngay sự kiện hiển nhiên nhất nếu không có gì làm chứng ngoài ký ức của riêng mình. Anh cố nhớ anh nghe nhắc tới Bác lần đầu tiên năm nào. Anh cho có lẽ vào khoảng những năm sáu

mười, nhưng không thể nào chắc được. Trong các sách sử về Đảng, dĩ nhiên Bác hiện như vị lãnh tụ và nhà bảo vệ Cách Mạng ngay từ những ngày đầu. Công trạng của Bác đã được đưa lùi dần vào thời gian cho tới khi gia nhập thế giới huyền hoặc của những năm ba mươi bốn mươi, khi dân tư bản đội mũ lạ đòi hình trụ đạo đường phố Luân Đôn trong những xe hơi bóng nhoáng hay cỗ xe ngựa có cửa kính. Không làm sao biết được truyền kỳ đó có bao phần thật bao phần bịa. Winston còn không nhớ được ngay cả chính Đảng ra đời hồi nào. Anh không tin đã được nghe nhắc tới từ Anh Xã trước năm 1960, nhưng có thể nó được phổ biến sớm hơn dưới hình thức Ngôn Cũ “Xã Hội Chủ Nghĩa Anh”. Mọi sự loãng tan trong sương khói. Tuy nhiên, thỉnh thoảng có thể vạch ra được một điều đối trá rành rành. Ví như việc không phải Đảng chế ra tàu bay như sách sử về Đảng tuyên bố. Anh nhớ đã có tàu bay từ thời thơ ấu xa xưa nhất của anh. Nhưng không thể chứng minh điều gì. Không bao giờ có chứng cứ. Chỉ đúng một lần anh đã cầm trong tay một bằng chứng không thể chối cãi được về sự nguy tạo sự kiện lịch sử. Và lần đó -

“Smith!” tiếng the thé hét lên từ máy truyền hình. “6079 Smith W.! Phải, anh kia! Xin anh cúi đầu xuống thấp hơn! Anh có thể làm khá hơn thế! Anh không cố gắng. Cúi thấp hơn nào! Như vậy khá hơn đó, đồng chí! Bây giờ cả đoàn nghị và xem tôi.”

Bất thần, mồ hôi nóng toát ra khắp mình Winston. Mặt anh vẫn giữ vẻ hoàn toàn thản nhiên. Chớ bao giờ tỏ sự sợ hãi! Chớ bao giờ tỏ nổi oán giận! Chỉ một chớp mắt cũng đủ phản mình. Anh đứng nhìn trong khi nữ huấn luyện viên giơ tay trên đầu và - không thể gọi là một cách duyên dáng nhưng với một điều

đặc biệt gọn gàng hiệu nghiệm - cúi người xuống rồi đặt đốt đầu ngón tay dưới các ngón chân.

“Đây nhé, các đồng chí! Đây là điều tôi muốn thấy các đồng chí làm. Xem lại tôi nào. Tôi lên ba mươi chín và đã có bốn con. Coi này”. Bà ta lại cúi xuống. “Các đồng chí thấy đầu gối tôi không cong chứ. Ai cũng làm được như vậy nếu muốn,” bà ta vừa nói thêm vừa đứng thẳng người lại. “Bất cứ ai dưới bốn mươi nhăm tuổi cũng đều có thể sờ được ngón chân. Tất cả chúng ta không có hân hạnh chiến đấu ngoài mặt trận nhưng ít nhất toàn thể chúng ta có thể giữ mình sao cho khỏe. Hãy nhớ tới những thanh niên của chúng ta trên mặt trận Malabar! Và những thủy thủ trên Pháo Đài Nổi! Hãy nhớ tới những điều họ đang chịu đựng. Bây giờ các đồng chí tập thử lại. Thế khá hơn đó, đồng chí, thế khá hơn nhiều,” bà ta khuyến khích trong khi Winston cúi mạnh người xuống, và lần đầu tiên từ mấy năm nay anh sờ trúng ngón chân mà không còng đầu gối.

Với tiếng thở dài vô thức nào nuốt mà anh không dần nổi mỗi khi bắt tay vào công việc hàng ngày mặc dầu máy truyền hình ở kế cận, Winston kéo máy ghi âm về phía anh, thổi bụi khỏi miệng ống nói và đeo kính vào mắt. Rồi anh gỡ và dính liền bốn cuộn giấy nhỏ tuột sẵn từ ống hơi trên mé phải bàn anh.

Trên tường ô phên của anh có ba lỗ hổng. Bên phải máy ghi âm là một ống hơi nhỏ dành cho bản tin viết, bên trái là một ống hơi lớn hơn dùng cho báo chí; trên tường ngang, vừa tầm tay của Winston, có một khe hở rộng hình thuẫn được che bởi một lưới sắt. Đây là lỗ hổng đón nhận giấy rác. Có hàng ngàn hàng vạn khe hở tương tự trong khắp dinh thự, không những tại mỗi phòng mà tại nhiều chặng ngắn ở mỗi hành lang. Vì một lý

do nào đó các khe ấy được mệnh danh là lỗ ký ức. Khi biết một tài liệu nào phải bị tiêu hủy, hay nữa khi thấy một mẩu giấy lẻ quanh, ai cũng có hành động máy móc nhắc nắp lỗ ký ức gần nhất để vút giấy vào trong đó, từ đó giấy sẽ bị một luồng hơi ấm cuốn đến những hỏa lò to lớn xây giấu đâu đó trong lòng dinh thự.

Winston xem bốn tấm giấy đã được anh tháo cuộn. Mỗi tấm chứa đựng một hai dòng tin viết theo một biệt ngữ vắn tắt - không hẳn là Ngôn Mới nhưng gồm nhiều từ Ngôn Mới - được dùng trong Bộ trong việc nội bộ.

thời 17.3.84 diễn văn b thuật xấu phi châu sửa

thời 19.12.83 dự đoán 3 n quý 4 83 in lầm kiểm số mới

thời 14.2.84 bộ sung ghi xấu xúc cô la sửa

thời 3.12.83 thuật nghị trình b không tốt hơn bội chiếu không người viết lại đủ trình trên dưới xếp

Winston hơi hài lòng khi bỏ ra một bên bản tin thứ tư. Chuyện này phức tạp và hàm trách, nên xét sau cùng. Ba bản kia là chuyện thường tuy bản thứ hai thể nào cũng bắt phải tham khảo hàng loạt bảng số tẻ nhạt.

Winston đánh chữ "số cũ" trên máy truyền hình và đòi những số *Thời Báo* liên can, chỉ vài phút sau báo tuột ra khỏi ống hơi. Những bản tin anh nhận được liên quan đến những bài báo và tin tức vì lẽ này nọ được coi là cần được biến đổi, hay được tu chỉnh để nói theo văn chính thức. Ví dụ, *Thời Báo* ngày mười bảy tháng ba đăng rằng hôm trước Bác đọc diễn văn tiên đoán mặt trận Nam Ấn Độ sẽ tiếp tục yên tĩnh nhưng sẽ có một cuộc tấn công của Âu Á vào Bắc Phi Châu. Sự xảy ra thì Tổng Tư Lệnh Âu Á đánh vào Nam Ấn Độ mà bỏ mặc Bắc Phi. Thành thử cần

phải viết lại một đoạn diễn văn của Bác làm sao cho Bác tiên đoán đúng việc đã thực sự xảy ra. Lại nữa, *Thời Báo* ngày mười chín tháng chạp có đăng dự đoán chính thức về năng suất các loại thực phẩm trong quý thứ tư năm 1983 tức quý thứ sáu của kế hoạch ba năm thứ chín. Số báo ngày hôm nay cho biết năng suất thật sự, chiếu theo đó thì dự đoán trên nhất nhất nhầm to. Việc của Winston là sửa lại những con số nguyên thủy làm cho nó ăn khớp với các con số sau này. Về phần bản tin thứ ba, nó đề cập đến một sai lầm nhỏ chỉ hai phút là sửa xong. Mới tháng hai gần đây, Bộ Sung Túc tuyên hứa (danh từ chính thức là “nhất quyết cam kết”) sẽ không giảm bớt khẩu phần xúc cô la trong năm 1984. Trên thực tế, như Winston biết, khẩu phần xúc cô la đã bị giảm từ 30 gam xuống 20 gam cuối tuần này. Chỉ cần thay thế lời hứa trên bằng lời bố cáo có thể cần giảm bớt khẩu phần vào khoảng tháng tư.

Mỗi lần giải quyết xong một vấn đề trong bản tin, Winston đính bản sửa viết máy vào số báo liên can và ấn cả hai vào ống hơi. Rồi bằng một cử động gần như vô thức, anh vo viên thông điệp cùng các chú thích của anh và ném cả vào lỗ ký ức cho lửa thiêu.

Những gì xảy ra dọc đường ngoắt ngoéo không ai thấy được của ống hơi, anh không rõ chi tiết nhưng anh biết đại khái. Các phần sửa chữa cần thiết cho mỗi số *Thời Báo* được tập hợp và đối chiếu, xong xuôi số báo được in lại ngay, nguyên bản bị hủy và tu bản được xếp thay trong tủ. Quá trình biến sửa liên miên này được áp dụng không những cho báo chí mà cho cả sách, tập san, văn châm biếm, bích chương, tờ quảng cáo, phim, băng nhựa, tranh khô hài, hình ảnh - cho mọi loại văn

hay tài liệu có thể được coi là có một ý nghĩa chính trị hay học thuyết. Ngày ngày và gần như phút phút quá khứ được cập nhật hóa. Như vậy dự đoán nào của Đảng cũng có tài liệu hiển nhiên chứng minh là đúng, và không một mẩu tin hay một quan điểm nào đối lập với nhu cầu đương thời được duy trì trong văn khố. Toàn thể lịch sử là một tấm da cừu được nạo sạch và biên chép lại bao lần cũng được mỗi khi cần thiết. Việc đã thành, không có cách nào chứng minh sự hiện thực của nguy tạo. Ban lớn nhất thuộc Cục Văn Khố, lớn hơn ban của Winston nhiều, gồm toàn người chỉ có phận sự lùng xét và tập hợp các bản sách báo và tài liệu khác đã bị thay thế nên buộc phải tiêu hủy. Một số *Thời Báo* có thể, vì những thay đổi trong đường lối chính trị hay những tiên đoán sai lầm của Bác, được viết đi viết lại một tá lần, nhưng vẫn được xếp trên kệ dưới ngày tháng nguyên thủy, và không có bản nào khác được giữ để đem đối chứng với nó. Sách cũng vậy, bị thu hồi, viết đi viết lại và in lại, nhưng không bao giờ ghi nhận một sự sửa đổi nào. Ngay các chỉ thị viết gửi đến Winston mà anh luôn luôn vứt đi sau khi hết dùng tới, cũng không bao giờ ra lệnh hay ám chỉ một hành động giả mạo nào: luôn luôn chỉ thấy nhắc tới lỗi sót, lỗi lầm, lỗi in, lỗi trích cần phải chỉnh lại cho chính xác.

Nhưng thật ra đó cũng chẳng phải là giả mạo, Winston vừa nghĩ vậy vừa sửa lại các con số của Bộ Sung Túc. Đó chỉ là lấy một điều vô nghĩa này thay thế một điều vô nghĩa khác. Phần đông các tài liệu do anh sử dụng không liên hệ gì đến thực tế, dù là loại liên hệ chứa đựng trong một lời nói dối thẳng. Những số thống kê trong nguyên cáo huyền hoặc chẳng kém số ghi trong tân cáo. Thường thường phải bịa đặt ra những số ấy. Vì

dự, Bộ Sung Túc ước tính sản lượng giấy ống quý này là 145 triệu đôi. Năng suất thực chỉ là 62 triệu. Tuy nhiên, khi viết lại dự đoán, Winston giảm con số xuống 57 triệu để còn nước cho Bộ tuyên bố như thường lệ rằng định số đã được vượt quá. Dù sao chẳng nữa, con số 62 triệu chẳng sát thật gì hơn con số 57 hay 145 triệu. Rất có thể chẳng có đôi giấy ống nào được sản xuất. Đứng hơn nữa, chẳng ai biết có bao nhiêu đôi đã được sản xuất, mà cũng chẳng ai bận lòng tới. Chỉ biết rằng mỗi quý hàng số khổng lồ giấy ống được sản xuất trên giấy tờ trong khi phân nửa dân chúng Đại Dương đi chân không. Và cứ thế với mọi loại sự kiện lớn bé được ghi. Mọi sự tan loãng trong một thế giới mù mịt trong đó tận cùng đến ngay ngày tháng cũng thành bất định.

Winston liếc qua đại sảnh. Trong ô phản đối diện với anh, một gã đàn ông cầm đèn, dáng bộ ngăn nắp tên là Tillotson đang làm việc hăng hái, với một tờ báo gấp trên đầu gối và miệng kẻ sát ống nói máy ghi âm. Anh ta có vẻ cố bảo vệ sự bí mật của những điều anh ta đang nói cho chỉ anh ta và máy truyền hình được biết đến mà thôi. Anh ta ngước mắt nhìn lên và cặp kính của anh ta tia ra một ánh mắt đầy ác cảm về phía Winston.

Winston không mấy quen Tillotson và không có một ý niệm gì về công việc của anh ta. Dân trong Cục Văn Khố không nói chuyện dễ dàng về công việc mình. Trong đại sảnh dài không của sổ với hai hàng ô phản không ngớt phát ra tiếng giấy sột soạt và tiếng lẩm bẩm trong máy ghi âm, có đến một tá người Winston không biết được tên mặc dầu ngày nào anh cũng thấy họ qua lại vội vàng trong hành lang hay khoa tay múa chân

trong Hai Phút Hận Thù. Anh biết trong ô phận cạnh anh người đàn bà bé nhỏ tóc hung ngày ngày nhọc nhằn với mỗi việc tra xét và loại bỏ khỏi báo chí tên những người đã bị hóa hơi cho nên bị coi là không từng sống trên đời. Có một sự hợp tình trong đó vì chồng bà bị hóa hơi hai năm trước. Vài ô phận cách anh, một người hiền hòa, kín đáo, mơ màng, tên là Ampleforth, với hai tai đầy lông và biệt tài đùa với âm vận, lo việc biến đổi - gọi là soạn bản dứt khoát về - những bài thơ đậm xúc phạm chủ nghĩa nhưng vì lẽ này lẽ nọ vẫn cần được giữ trong hợp tuyển. Đại sảnh đây, với khoảng năm mươi nhân viên, chỉ là một tiểu ban, xem ra chỉ là một phần tử trong bộ máy phức tạp của Cục Văn Khố. Ngoài bên, trên dưới, có hàng đàn nhân viên tham gia vào vô số công việc không thể tưởng tượng được nổi. Nào là các xưởng in với các viên phó xuất bản, các chuyên viên ấn loát, và các ảnh viện trang bị tối tân dùng vào việc nguy cải hình ảnh. Nào là ban chương trình truyền hình với các kỹ sư, các viên sản xuất, và các toán tài tử được chọn vì thuật mạo giọng giỏi. Nào là các đội sưu tập viên có phận sự soạn bảng kê các sách báo phải thu hồi. Nào là các phòng lưu trữ rộng lớn chứa những tài liệu đã được tu chỉnh, và các hỏa lò ẩn giấu dùng để thiêu hủy các nguyên bản. Và đâu đó là những bộ óc lãnh đạo hoàn toàn nặc danh, đứng ra phối hợp sức cố gắng của toàn thể, và đặt ra đường lối chính trị bó buộc mẫu quá khứ này phải được duy trì, mẫu quá khứ kia phải bị nguy tạo và mẫu quá khứ kia phải bị tẩy khỏi thế gian. Chung qui Cục Văn Khố chỉ là một chi nhánh của Bộ Sự Thật, mà phận sự cốt yếu không phải là tái thiết quá khứ, mà là cung cấp cho dân Đại Dương báo chí, phim ảnh, chương trình truyền hình, kịch bản, tiểu thuyết - đủ loại tin

tức, kiến thức, trò giải trí, từ bức tượng cho tới khẩu hiệu, từ bài thơ trữ tình cho đến tập khảo luận về sinh vật học, từ sách dạy đánh vần cho trẻ con tới từ điển Ngôn Mới. Và không những Bộ phải đáp ứng nhu cầu trùng phức của Đảng, Bộ còn phải tái diễn toàn dịch vụ đó theo một trình độ thấp hơn cho dân đen hưởng. Có cả một dãy cục riêng rẽ chuyên về văn chương, nhạc kịch và các mục giải trí bình dân thông thường. Nơi đây được sản xuất các tờ báo nhằm nhĩ nội dung gần như chỉ có thể thao, hình sự và tử vi, các truyện giật gân năm xu, các phim tình dục ướt át, và các bản tình ca được soạn một cách hoàn toàn máy móc nhờ một thứ kính vạn hoa đặc biệt gọi là máy làm thơ. Còn có cả một tiểu ban - theo Ngôn Mới gọi là Ban dân - chuyên sản xuất loại sản phẩm khiêu dân hạ cấp nhất, để gửi ra ngoài trong những gói được niêm phong, cấm các Đảng viên ngoài nhân viên công tác nhìn vào.

Ba bản tin nữa tuột từ ống hơi đương lúc Winston làm việc, nhưng những vấn đề liên quan thật đơn giản, Winston giải quyết xong xuôi cả trước khi Hai Phút Hận Thủ ngắt việc anh. Khi Hận Thủ chấm dứt anh trở về ô phận mình, với quyển từ điển trên kệ, đẩy máy ghi âm sang một bên, và bắt tay vào công việc chính của buổi sáng.

Cái thú lớn nhất trong đời Winston là công việc của anh. Phần đông là việc quen tay tẻ nhạt, nhưng cũng có việc khó khăn phức tạp đến nỗi anh có thể chìm mình trong đó như trong uyên ảo của một bài toán - đó là những việc giả mạo tinh tế không có gì hướng dẫn trừ sự thông hiểu nguyên lý Anh Xã và sự phỏng đoán ý muốn của Đảng. Winston rất giỏi việc này. Có lần anh được tin nhiệm giao cho việc sửa chữa những bài xã

luận trong *Thời Báo* được viết hoàn toàn bằng Ngôn mới. Anh gỡ bản tin mà anh để riêng ra trước đây. Thông điệp như sau:

Thời 3.12.83 thuật nghị trình b không tốt hơn bội chiếu không người viết lại đủ trình trên trước xếp

Ngôn cũ (hay văn thường) có thể giải ra là:

Bài tường thuật nghị trình của Bác ghi trong *Thời Báo* ngày 3 tháng 12 năm 1983 rất bất hợp thức và nhắc tới những người không hiện hữu. Viết lại hết và trình lên cấp trên trước khi cất xếp.

Winston đọc kỹ bài báo can phạm. Nghị trình của Bác hình như chủ yếu là khen công tác của một cơ quan có danh hiệu là FFCC có nhiệm vụ cung cấp thuốc lá và các tiện khoải khác cho thủy thủ Pháo Đài Nổi. Đồng chí Withers nào đó, một đảng viên cao cấp thuộc Đảng Trong, đã được tuyên dương đặc biệt và thưởng huân chương Công Trạng Đặc Sắc hạng hai.

Ba tháng sau FFCC bỗng nhiên bị giải tán không thấy tuyên bố lý do. Có thể suy định rằng Withers và đồng bọn nay bị thất sủng, nhưng không có báo cáo về vụ này trên Báo hay máy truyền hình. Điều này kể cũng không lạ vì hiếm khi tội phạm chính trị bị xử hay lên án công khai. Các cuộc thanh trừ lớn lao bao gồm hàng ngàn người, với các phiên tòa công cộng xử quân phản bội và tội phạm tư tưởng phải chịu xung tội một cách hèn hạ trước khi bị hành hình, là những màn kịch không được diễn quá hai năm một lần. Thông thường hơn, những người làm phật ý Đảng chỉ biến mất và không ai nghe nói tới họ nữa. Không hề có một bằng chứng nhỏ nào cho biết sự gì đã xảy ra cho họ. Cũng có vài khi họ không bị giết. Riêng Winston biết đến khoảng ba mươi người, không kể cha mẹ anh, đã mất tích

trong trường hợp này nọ.

Winston khẽ gãi mũi với một cái kim gài giấy. Trong ô phận bên kia lối Đồng Chí Tillotson vẫn bí mật cầm cúi nói trong máy ghi âm. Một lát anh ta ngẩng đầu lên: lại nữa tia nhìn ác cảm qua cặp kính. Winston tự hỏi không hiểu Đồng Chí Tillotson có cùng một công tác như anh không. Rất có thể lắm. Một việc lắt léo như vậy không nên giao cho một người không thôi: mặt khác, đưa việc cho một ủy ban có nghĩa là công nhận thực hiện một hành vi gian trá. Chắc hẳn độ một tá người đang tranh đua với anh soạn lại bản tuyên cáo của Bác. Rồi một bộ óc quan thầy nào đó thuộc Đảng Trong sẽ chọn bản này hoặc bản kia, cho in nó lại và phát huy quá trình tất yếu phức tạp của sự kiểm điểm các bản dẫn, sau đó điều đối trá được chọn sẽ nhập vào văn khố thường trực và trở thành sự thật.

Winston không biết tại sao Withers bị thất sủng. Có thể vì tham nhũng hay bắt tài. Có thể Bác chỉ muốn loại một thuộc viên quá được lòng dân. Có thể Withers hay một thân nhân của ông ta bị nghi ngờ là có xu hướng tà giáo. Hay có thể - có lẽ đúng nhất - sự việc xảy ra vì các cuộc thanh trừ và hóa hơi đóng một vai trò thiết yếu trong guồng máy thống trị. Chúng tích độc nhất nằm ở chữ "chiếu không người" chỉ rằng Withers đã chết. Chẳng thể vì thế mà suy luận rằng những người bị bắt đều bị đem ra xử tử liền. Có khi họ được tha và phóng thích ra ngoài ở khoảng một hai năm trước khi bị hành hình. Năm chừng mười họa có người tưởng là đã chết từ lâu tái hiện như ma quỷ trong một phiên tòa công cộng để buộc tội hàng trăm người khác với lời chứng của họ trước khi biến mất, và lần này biến luôn. Dù sao chẳng nữa, Withers đã trở thành một không người. Ông ta

không sống: ông ta không bao giờ sống. Winston quyết định rằng đổi ngược chiều hướng của bài diễn văn của Bác chưa đủ. Nên làm cho nó đề cập đến một chuyện hoàn toàn không dính dáng gì tới nguyên đề.

Anh có thể biến bài diễn văn thành một bản cáo trạng quân phản bội và tội phạm tư tưởng, nhưng làm vậy hơi quá lộ liễu, còn bịa một cuộc chiến thắng ngoài mặt trận, hay một vụ sản xuất thắng bội thành công trong kế hoạch ba năm thứ chín, sẽ gây nhiều xáo trộn trong văn khố. Cần nhất đó phải là một chuyện hoàn toàn tưởng tượng. Bỗng nhiên hiện ra trong óc anh, như đọi sẵn, hình ảnh một Đồng chí Ogilvy mới từ trận một cách anh dũng. Có nhiều lần Bác dành nghị trình cho việc truy niệm một đảng viên thấp kém được Bác coi đời sống và cái chết như một tấm gương đáng noi theo. Hôm nay Bác sẽ truy niệm Đồng Chí Ogilvy. Thật ra không có Đồng Chí Ogilvy nào như vậy, nhưng vài giòng in và hai tấm ảnh giả sẽ sớm đem anh nhập cuộc đời.

Winston nghĩ một lúc rồi kéo máy ghi âm về phía anh và bắt đầu đọc theo thể văn quen thuộc của Bác: một thể văn vừa đọc đoán theo lối nhà binh, vừa lên mặt mô phạm, để bắt chước vì cái thói đặt câu hỏi rồi trả lời ngay ("Ta phải rút bài học gì từ sự kiện đó, hỏi các đồng chí? Bài học - cũng là một nguyên lý Anh Xã - rằng v.v...").

Hồi ba tuổi Đồng Chí Ogilvy đã từ chối mọi đồ chơi trừ một cái trống, một khẩu liên thanh và một máy trực thăng thu nhỏ. Lên sáu tuổi - sớm hơn một năm nhờ một đặc miễn điều lệ - anh gia nhập Đoàn Giám Điệp, lên chín anh đã làm đội trưởng. Năm lên mười một anh tố cáo chú anh với Cảnh Sát Tư Tưởng

sau khi nghe lỏm được một câu chuyện coi như có ý hướng tội lỗi. Năm mươi bảy tuổi anh làm khu tổ chức viên cho Đoàn Thanh Niên Chống Dục Tính. Năm mươi chín tuổi anh về mẫu một trái lựu đạn tay được Bộ Hòa Bình chấp nhận, đem thử lần đầu giết chết một lúc ba mươi mốt tù binh Âu Á. Năm hai mươi ba tuổi anh bỏ mạng đương khi thi hành nhiệm vụ. Bị máy bay phản lực địch rượt đuổi đương lúc anh bay qua Ấn Độ Dương mang theo nhiều công hàm quan trọng, anh buộc súng máy vào người cho nặng và nhảy từ trực thăng xuống nước sâu với cả công hàm - một cái chết không thể không thêm thưởng và chiêm ngưỡng, theo lời Bác. Bác còn chưa thêm vài lời về tính trong sạch ngay thẳng của đời Đồng Chí Ogilvy. Anh là một người không hề uống rượu, không hề hút thuốc, không có giải trí nào ngoài một giờ tập thể thao mỗi ngày, đã nguyện ở độc thân vì tin rằng lấy vợ và săn sóc gia đình tương khắc với sự tận tụy phục vụ hai mươi tư trên hai mươi tư tiếng. Anh không có đề tài nói chuyện nào ngoài nguyên lý Anh Xã, và không có mục đích nào trong đời ngoài sự thất bại của quân thù Âu Á và sự săn bắt phàm phu giết hại, phá hoại, tội phạm tư tưởng và phản loạn nói chung.

Winston tự thảo luận với mình xem có nên thưởng huân chương Công Trạng Đặc Biệt cho Đồng Chí Ogilvy không: cuối cùng anh bác ý định đó vì nó lồi theo một sự đối chiếu kiểm điểm không cần thiết.

Một lần nữa, anh liếc về phía địch thủ bên kia ô phận. Làm như có cái gì đảm bảo với anh rằng Tillotson bận bịu cùng một việc với anh. Không có cách nào biết được bản sửa của ai sẽ được chọn, nhưng trong thâm tâm anh tin nó sẽ là bản của

anh. Mới một tiếng trước, ngay trong tưởng tượng cũng không có Đồng Chí Ogilvy, thế mà bây giờ anh ta đã thành người thật. Winston chợt thấy lạ là tạo người chết thì được mà tạo người sống lại không được. Đồng chí Ogilvy không bao giờ sống trong hiện tại nhưng giờ nay sống trong quá khứ, và một khi hành vi nguy tạo bị quên lãng, anh ta sẽ sống một cách xác thực, chiếu theo bằng chứng hiển nhiên, chẳng khác gì Charlemagne hay Julius Caesar.

Trong quán ăn thấp trần ở tít dưới hầm, đuôi người đợi com tiến từng đợt chậm chạp. Căn phòng đã đông nghẹt người và ồn ào điếc tai. Hơi món canh hầm tỏa ra từ chần song quầy hàng với một mùi chua đánh đánh không át hẳn được hơi rượu Gin Chiến Thắng. Ở phía cuối phòng có một quầy rượu nhỏ chỉ gọn là một lỗ hổng trong tường, nơi đó có thể mua được rượu gin với giá mười xu một hụm lớn.

“Đúng người tôi đang kiếm đây”, có tiếng nói vậy sau lưng Winston.

Anh ngoảnh mặt lại. Đó là Syme, bạn anh, làm việc tại Cục Khảo Cứu. Có lẽ “bạn” không phải là danh từ đúng. Ngày nay không ai có bạn, chỉ có đồng chí thôi: nhưng có những đồng chí mình ưa gần gũi hơn đồng chí khác. Syme là một nhà ngôn ngữ học, một chuyên viên về Ngôn Mới. Thực vậy, anh là một người trong đại đội chuyên gia hiện được giao việc soạn thảo Bản Từ Điển Ngôn Mới Thứ Mười Một. Anh là một người nhỏ bé, nhỏ hơn Winston, có tóc đen và cặp mắt lồi to vừa buồn bã vừa riều cợt có vẻ như dò xét kỹ càng gương mặt người anh đang nói chuyện với.

“Tôi muốn hỏi liệu anh có dao cạo không”, anh ta nói.

“Không một con nào!”, Winston vội vàng trả lời một cách ngượng ngập. “Tôi đã thử mọi nơi. Không đâu còn dao cạo nữa”.

Ai cũng dò hỏi về dao cạo. Thật ra Winston có hai con mới, được anh nâng niu như của quý. Từ mấy tháng nay có nạn khan hiếm dao cạo. Lúc nào cũng thiếu một nhu yếu phẩm mà các cửa hàng Đảng không cung cấp nổi. Khi thì nút áo, khi thì len dùng để mạng áo, khi thì dây giày, bây giờ thì dao cạo. Chỉ kiếm được các thứ đó, nếu kiếm được, bằng cách lũng lỏi lén lút trên thị trường “tự do”.

“Tôi vẫn dùng một con từ sáu tuần nay”, Winston nói dối thêm vào.

Đuôi người giật một bước tiến lên. Khi ngừng tiến, Winston quay mình giáp mặt lại với Syme. Mỗi người nhấc lên một cái mâm bằng kim khí dính mỡ từ một chồng để ở cuối quầy.

“Hôm qua anh có đi xem treo cổ tù nhân không?” Syme hỏi.

“Lúc đó tôi bận việc”, Winston hồ hững đáp. “Chắc tôi sẽ được xem cảnh ấy trên màn ảnh.”

“Một đại thể không mấy thích đáng”, Syme nói.

Đôi mắt riêu cọt phốt qua mặt Winston. “Tôi biết anh”, đôi mắt hình như nói “Tôi nhìn xuyên qua anh. Tôi rất rõ tại sao anh không đi xem treo cổ mấy tù nhân ấy.” Về một mặt tri tuệ, Syme là một kẻ chính thống độc địa. Anh chàng có thể nói chuyện một cách thích thú hơn hờ khó chịu về các cuộc trục trặc oanh tạc làng mạc địch, về những vụ đấu tố và tra khảo tội phạm tư tưởng, về những cuộc hành hình trong Bộ Tình Yêu. Nói chuyện với anh là phần nhiều phải kiếm cách dụ anh lãng xa những đề tài trên, và lôi anh vào những vấn đề kỹ thuật

trong Ngôn mới, một sở trường hấp dẫn của anh. Winston khẽ ngoảnh đầu để tránh cặp mắt to soi mói.

“Màn treo cổ khá ngoạn mục”, Syme ngẫm lại. “Theo tôi nó mất phần hay khi chân họ bị đem buộc vào nhau. Tôi thích xem họ dẫy dựa. Và trên hết lúc cuối khi lưỡi họ thè ra, xanh thật là xanh. Loại chi tiết đó kích thích tôi.”

“Xin người sau!”, viên dân đen cầm môi, khoác tạp dề trắng, hét lên.

Winston và Syme đẩy mâm dưới chân song. Mỗi mâm được chất nhanh với phần cơm quy định - một bát canh hầm hồng xám bằng kim khí, một khúc bánh mì, một vuông pho mát, một chén Cà Phê Chiến Thắng không sữa bằng kim khí, và một thìa đường tinh.

“Có một bàn trống đằng kia, dưới máy truyền hình”, Syme nói. “Trên đường mình sẽ mua ít gin.”

Rượu gin bán cho họ được rót vào chén không quai. Hai người chen lối qua căn phòng đông người và dọn mâm trên một cái bàn lót kim khí, tại một góc có một vũng nước canh do người đến trước để lại, một thứ nước nham nhỏ như một bãi mưa. Winston nâng chén gin lên, tập trung can đảm một lúc rồi nốc cạn chất lỏng có vị dầu. Gạt nước mắt xong, anh bỗng cảm thấy đói bụng. Anh bắt đầu nuốt hàng thìa canh, lồm bồm ở trong có vài vuông hồng sộp, chắc hẳn là thịt chi đó. Hai người không ai nói gì trước khi húp hết bát. Từ bàn bên trái Winston, hơi về phía sau lưng anh, có tiếng ai nói nhanh không ngừng, một giọng chói tai như tiếng vịt quạc, the thé giữa tiếng ồn ào bao quanh.

“Từ điển đi đến đâu rồi?”, Winston nói to để đè tiếng ồn.

“Tà tà vậy thôi”, Syme nói. “Tôi đang soạn tính từ. Mê luôn.”

Mặt anh chàng sáng lên tức thì khi nghe nhắc tới Ngôn Mới. Anh ta đẩy bát sang bên, yếu điệu cầm khẩu bánh mì và miếng pho mát mỗi thứ trên một tay, rồi ngả người qua bàn để có thể nói chuyện mà không phải hét to.

“Bản thứ mười một là bản quyết định,” anh chàng nói. “Chúng tôi đang quy ngôn ngữ vào thể cuối - cái thể sẽ là của nó khi không còn ai nói khác. Khi chúng tôi hoàn thành công việc, những người như anh sẽ phải học lại hết. Tôi dám nói rằng anh nghĩ việc chính của chúng là bịa đặt từ mới. Nhưng không phải thế chút nào! Chúng tôi hủy chữ, hàng tá, hàng trăm chữ mỗi ngày. Chúng tôi gọt ngôn ngữ tới tận xương. Bản thứ mười một sẽ không chứa một chữ nào có thể trở thành hủ lậu trước năm 2050.”

Anh chàng ngấu nghiến cắn bánh mì, nuốt hai miếng lớn rồi tiếp tục nói với giọng hăng say của kẻ phô trương kiến thức. Gương mặt đen mỏng của anh linh động lên, đôi mắt anh mất vẻ điều cốt và trở thành gần như mơ màng.

“Việc hủy từ thật là diệu. Cố nhiên thành phần căn bã lớn là động từ và tính từ, nhưng cũng có cả trăm danh từ bị loại. Không chỉ chữ đồng nghĩa thôi, mà cả chữ phản nghĩa. Vả lại, biện bạch sao được cho một chữ chỉ là đối nghịch của một chữ khác? Mỗi từ chứa trong chính nó từ nghịch với nó. Ví như “tốt” chẳng hạn. Nếu anh có chữ “tốt”, cần gì phải có chữ “xấu”? “Không tốt” cũng được chán, - còn hay hơn nữa, vì nó đúng là từ tương phản, trong khi từ kia không được vậy. Lại nữa, nếu anh muốn dùng một hình thức mạnh hơn của “tốt”, lẽ gì mà dùng một tràng từ vô dụng như “tuyệt hảo”, “rực rỡ”

này khác? “Tốt hơn” trùm đủ nghĩa, hay “tốt hơn bội” nếu anh muốn một từ mạnh hơn. Tất nhiên, những từ này đã được dùng rồi, nhưng trong bản Ngôn Mới cuối cùng sẽ không còn từ nào khác. Sau rốt mọi khái niệm tốt xấu sẽ được bao gồm trong có sáu từ - thật ra chỉ trong một từ. Anh có thấy cái diệu của điều đó không, Winston? Dĩ nhiên, đấy nguyên là ý kiến Bác”, xong rồi anh nói thêm.

Một vẻ nồng nhiệt nhẹ thoáng qua mặt Winston khi Bác được nhắc tới. Tuy nhiên Syme nhận thấy ngay sự thiếu nhiệt thành của bạn.

“Winston, anh không thực thưởng thức Ngôn Mới,” anh chàng gần như buồn bã nói. “Ngay khi viết, anh vẫn nghĩ bằng Ngôn Cũ. Tôi thỉnh thoảng có đọc mấy bài anh viết trong *Thời Báo*. Bài cũng khá nhưng là văn dịch. Trong tâm anh, anh vẫn thích dùng Ngôn Cũ hơn, với mọi ý dạng mơ hồ vô dụng của nó. Anh không bắt được cái đẹp của sự hủy từ. Anh có biết rằng Ngôn Mới là ngôn ngữ độc nhất trên thế giới có từ vựng mỗi năm mỗi hẹp lại không?”

Cố nhiên Winston biết điều đó. Anh mỉm cười với hy vọng nụ cười của anh ra vẻ hưởng ứng, vì anh sợ không đủ tự chủ để trả lời. Syme cắn một miếng bánh mì đen nữa, nhai nhanh rồi nói tiếp:

“Anh không thấy toàn thể mục tiêu của Ngôn Mới là giới hạn tầm tư tưởng ư? Rốt cuộc chúng tôi sẽ khiến tội tư tưởng không thể có được nữa vì sẽ không có từ ngữ để biểu lộ nó. Mỗi khái niệm cần thiết sẽ được phô diễn bởi đúng một từ, nghĩa của nó sẽ được định một cách nghiêm xác, những nghĩa phụ sẽ bị loại trừ và quên lãng. Đã rồi, trong Bản Thứ Mười Một, chúng tôi

không xa mục tiêu ấy. Nhưng quá trình này sẽ tiếp tục mãi, khi cả anh lẫn tôi đều qua đời. Mỗi năm, số từ càng ngày càng ít đi và tầm ý thức càng ngày càng hẹp lại. Cố nhiên ngày ngày nay không có cơ hay lý do gì để phạm tội tư tưởng. Đây đơn thuần là một vấn đề kỷ luật cá nhân, kiểm chế thực tế. Nhưng sau cùng đến sự kiểm chế này cũng sẽ không cần thiết. Cách Mạng sẽ hoàn thiện khi ngôn ngữ được hoàn hảo. Winston này, có bao giờ anh nghĩ rằng vào khoảng 2050 muộn nhất, sẽ không còn một mạng nào hiểu được một câu chuyện như chúng mình đang nói với nhau không?”

“Ngoại trừ -,” Winston bắt đầu tỏ nỗi nghi hoặc nhưng anh ngừng câu.

Anh sụt buột miệng nói “Ngoại trừ dân đen” nhưng anh tự kiểm thảo vì không hoàn toàn chắc chắn nhận xét của mình không có bề bất chính thống. Song le, Syme đoán được điều anh định nói.

“Dân đen không phải là người,” anh chàng thờ ơ nói. “Khoảng 2050 - có thể sớm hơn - mọi hiểu biết thực sự về Ngôn Cũ sẽ biến mất. Toàn thể văn chương quá khứ sẽ bị tiêu diệt. Chaucer, Shakespeare, Milton, Byron - những tác phẩm của họ sẽ chỉ tồn tại trong ấn bản Ngôn Mới, không những chúng sẽ biến đổi khác, chúng còn bị đổi thành bản văn trái nghịch hẳn với nguyên bản. Ngay cả văn chương Đảng cũng sẽ biến đổi. Làm sao có được một khẩu hiệu như “Tự do là nô lệ” nếu khái niệm tự do đã bị loại trừ? Toàn cảnh tư tưởng sẽ khác. Thực sự, sẽ không còn tư tưởng theo như chúng ta hiểu ngày nay. Chính thống có nghĩa là không suy nghĩ - không cần suy nghĩ. Chính thống là vô ý thức.”

Một ngày nào đó, Syme sẽ bị hóa hơi, Winston thỉnh linh tin chắc nghĩ. Anh chàng quá thông minh. Anh chàng nhìn quá rõ, và nói quá thẳng. Chẳng không ưa những người như vậy. Rồi một ngày anh sẽ biến mất. Điều đó hiện trên mặt anh.

Winston đã ăn xong bánh mì và pho mát. Anh hơi nghiêng mình trên ghế để uống chén cà phê. Tại bàn bên trái anh, người đàn ông có giọng the thé vẫn nói chuyện không tha. Một thiếu phụ có lẽ là thư ký của anh ta, ngồi xoay lưng về phía Winston, nghe anh ta nói và hình như hưởng ứng nồng nhiệt lời lẽ của anh ta. Thỉnh thoảng Winston bắt được một lời phê như “Tôi nghĩ ông rất có lý, tôi rất đồng ý với ông” thốt ra bởi một giọng nữ trẻ mà hơi dần. Nhưng cái giọng kia không hề ngưng một lúc, ngay khi cô gái lên tiếng. Winston biết mặt người đàn ông, mặc dầu anh không biết gì hơn về anh ta ngoài sự anh ta có một địa vị quan trọng trong Cục Truyền. Anh ta khoảng ba mươi tuổi, có một cổ cổ nổi bắp thịt và một cái mồm rộng di động. Đầu anh ta hơi hất về sau, và tại góc anh ta ngồi, mắt kính của anh ta bắt ánh đèn chỉ chia cho Winston thấy hai khoanh rỗng thay vì mắt. Điều khủng khiếp là từ tràng tiếng đổ ra từ miệng anh ta, gần như không thể nhận ra được một chữ. Có mỗi một lần Winston bắt được một câu - “hoàn tất phế thải thuyết của Goldstein” - xỏ ra thật nhanh, như thể một mạch, tựa như một dòng chữ in sắp đặc. Còn lại chỉ là một tiếng động, một tiếng quạc quạc. Thế nhưng, dù không nghe được rõ điều người đàn ông nói, cũng đoán chắc được tính chất đại cương của nó. Có thể anh ta đang lên án Goldstein và đòi hỏi nhiều biện pháp mạnh hơn chống tội phạm tư tưởng và quân phá hoại, có thể anh ta đang ca tụng Bác hay các anh hùng của mặt trận Mala-

bar - những điều đó không khác gì nhau. Anh ta nói gì chẳng nữa, có thể chắc rằng mỗi chữ anh ta dùng đều thuần túy chính thống, hoàn toàn Anh Xã. Nhìn khuôn mặt không mắt với bộ quai hàm di động lạnh lẽ, Winston có cái cảm giác là lạ là kẻ kia không phải là người mà là một thứ hình nộm. Không phải óc của anh ta nói mà là cổ họng của anh ta. Cái tiếng thoát ra khỏi anh ta gồm toàn chữ nhưng không phải là câu nói theo đúng nghĩa của nó: nó là một tiếng động thốt ra trong vô thức như tiếng quạc của con vịt.

Syme đã nín lặng được một lúc và đang lấy thìa về trên vũng canh hầm. Tiếng nói tại bàn bên tiếp tục quạc nhanh, dễ nghe thấy mặc dầu xung quanh âm ỹ.

“Trong Ngôn mới có một từ,” Syme nói, “không hiểu anh có biết không: từ nói vịt nghĩa là quạc như vịt. Đó là một trong những từ hay hay có hai nghĩa trái ngược. Dùng cho một đối thủ nó có ý chửi rủa, dùng cho một người mình đồng ý với nó có ý khen ngợi.”

Không nghĩ ngờ gì được, Syme sẽ bị hóa hơi, Winston lại nghĩ vậy. Anh nghĩ thế với một cảm giác buồn bã, mặc dầu anh biết Syme khinh anh và hơi ghét anh, và rất sẵn sàng tố cáo anh là tội phạm tư tưởng nếu có cơ. Có cái gì lệch lạc đôi chút nơi Syme. Anh chàng như thiếu một cái gì: tính thận trọng, tính dè dặt, một tính ngu xuẩn bảo toàn. Không thể nói rằng anh chàng bất chính thống. Anh ta tin nguyên lý Anh Xã, anh ta thờ phụng Bác, anh ta vui mừng chiến thắng, anh ta ghét quân tà giáo, không những một cách thành thực mà còn với một lòng sốt sắng không nguôi và một sự thao tin cập nhật không một Đảng viên thường nào bì kịp. Tuy vậy mà có một vẻ bất minh

nhẹ bám vào anh chàng. Anh ta nói những điều không nên nói, anh ta đã đọc quá nhiều sách, anh ta hay lui tới quán cà phê Cây Lật, nơi hò hẹn của họa sĩ và nhạc sĩ. Không có luật nào ngay cả luật truyền khẩu cấm lui tới quán cà phê Cây Lật, nhưng nơi này không hiểu sao mang tiếng xấu. Những lãnh tụ xưa, đã mất uy tín, của Đảng thường tụ họp tại đây trước khi rút cuộc bị thanh trừ. Chính Goldstein, theo tin đồn, thường thỉnh thoảng lảng vảng tới đó mấy chục năm trước. Số phận của Syme không khó tiên đoán. Thế nhưng sự thể là nếu Syme nắm được thực chất tư tưởng của Winston dù trong ba giây, anh chàng sẽ tức khắc trình báo Winston với Cảnh Sát Tư Tưởng. Kể ra ai khác cũng sẽ hành động như vậy: nhưng Syme còn hơn ai khác. Lòng sốt sáng không đủ. Chính thống là phải vô thức.

Syme ngược mắt nhìn lên. “Parsons tới kia kia,” anh ta nói.

Có cái gì trong thanh điệu của anh chàng hình như nói thêm: “cái thằng ngu xuẩn ấy”. Parsons, con người mập mập, tầm thước, tóc vàng mắt ếch, đồng cư với Winston tại khu Nhà Chiến Thắng, quả thật đang chen lối qua phòng ăn. Mới ba mươi năm tuổi anh ta đã chất hàng cuộn mỡ nơi cổ nhưng cử động của anh ta nhanh nhẹn trẻ trung. Toàn diện anh ta là dáng của một cậu bé quá mập, thành thử mặc dầu anh ta mặc bộ quần áo liền quần hợp cách, không thể không liên tưởng tới anh ta với chiếc quần cộc, áo sơ mi xám và khăn quàng đỏ của Đoàn Giải Diệt. Thấy anh ta là luôn luôn nghĩ tới hình ảnh đôi đầu gối có lỗ hỏm và đôi tay áo vén cuộn trên hai cánh tay bụ bẫm. Mà thật ra, bao giờ Parsons cũng quay về quần cộc mỗi khi một chuyến dạo chơi tập thể hay một hoạt động thể dục cho anh có để làm vậy. Anh ta chào hai người với tiếng “Ê này!

Ê này!” vui vẻ và ngồi xuống bàn họ, đồng thời tỏa ra một mùi mồ hôi nặng nề. Hàng giọt ướt lấm chấm khắp khuôn mặt hồng hào của anh ta. Khả năng đổ mồ hôi của anh ta thật tài tình. Tại Trung Tâm Cộng Đồng ai cũng đoán được anh ta vừa chơi bóng bàn xong theo sự ẩm ướt của cán vợt. Syme đã lôi ra một dải giấy có một hàng chữ dài và xem xét nó với một quần bút mực trong tay.

“Coi hẩn làm việc giữa giờ ăn kia,” Parsons vừa nói vừa huých Winston. “Chăm chỉ nhi? Chuyện gì đó, anh bạn? Tôi chắc lại một việc vượt trí óc tôi. Bạn Smith này, tôi cho anh biết tại sao tôi đi kiếm anh. Tại cái món góp anh quên đưa cho tôi.”

“Món góp nào vậy?”, Winston vừa trả lời vừa sờ túi kiếm tiền. Khoảng một phần tư lương của mỗi người phải dành cho các cuộc quyên góp tình nguyện, nhiều vô số không theo hết được.

“Cho Tuấn Lễ Hận Thù. Anh biết mà - cái quỹ từng nhà ấy. Tôi làm thủ quỹ cho dãy nhà tụi mình. Chúng mình phải cố gắng hết sức để phò một màn kính người. Cho anh biết, không phải lỗi tại tôi nếu khu Nhà Chiến Thắng không có bộ cờ lớn nhất toàn phố. Anh có hứa đưa tôi hai đôn.”

Winston tìm thấy và đưa ngay cho Parsons hai mảnh giấy nhẵn nhéo bản thiêu được anh chàng ghi ngay vào một cuốn sổ nhỏ bằng nét chữ nắn nót của kẻ vô học.

“A này, anh bạn,” anh ta nói. “Tôi được biết cái thằng nhỏ ăn mày nhà tôi đã bắn súng cao su vào anh hôm qua. Tôi có cho nó một bài học ra trò rồi. Thật, tôi có bảo nó tôi sẽ tịch thu cái súng ấy nếu nó còn làm thế.”

“Tôi cho là nó bất bình vì không được đi xem hành hình,” Winston nói.

“Ừ phải - tôi muốn nói nó tỏ ra có tinh thần tốt đấy chứ, phải không anh? Hai đứa nó là hai đứa nhai con đanh ác, nhưng về lòng hăng hái thì khỏi phải chê! Lúc nào chúng nó cũng nghĩ tới Đoàn Giải Điện, và cả chiến tranh nữa, cố nhiên. Anh có biết cái con bé nhà tôi nó làm gì thứ bảy vừa qua khi đội của nó đi dạo trên đường đi Berkhamsted không? Nó lôi hai con bé khác theo nó rồi nhóm đang dạo để theo dõi một người lạ khắp cả buổi chiều. Chúng nó đi theo anh ta hai tiếng đồng hồ, băng qua cả rừng, khi tới Amersham chúng nó giao anh ta cho lính tuần.”

“Chúng làm thế để làm gì vậy?”, Winston hơi bàng hoàng hỏi. Parsons hoan hỉ tiếp:

“Con bé nhà tôi xem chừng anh ta là một thứ điệp viên của địch - biết đâu anh ta chẳng được thả dù xuống. Nhưng chuyện là như thế này này, anh bạn ạ. Theo anh, cái gì khiến nó theo dõi anh ta trước nhất? Nó để ý thấy anh ta mang một đôi giày kỳ lạ - nó chưa thấy ai đi giày giống vậy. Cho nên rất có thể anh ta là người ngoại quốc. Lòi con bảy tuổi như vậy giỏi ghê hi!”

“Người đàn ông đó rồi ra sao?” Winston hỏi.

“Ồ, cái đó thì tôi không biết được, dĩ nhiên. Nhưng tôi không ngạc nhiên chút nào nếu -”, Parsons làm cử chỉ nhắm sủng và tặc lưỡi thay tiếng nổ.

“Hay,” Syme nói bằng quơ, mắt không rời dải giấy.

“Cố nhiên chúng ta phải đề phòng sự bất trắc,” Winston đồng ý cho phải lẽ.

“Tôi muốn nói là hiện nay đang có chiến tranh,” Parsons bảo.

Như để xác nhận điều đó, một tiếng trống kèn nổi lên từ máy truyền hình ngay trên đầu họ. Tuy nhiên, lần này không phải

là bản tuyên ngôn chiến thắng mà là một bản bố cáo của Bộ Sung Túc.

“Các đồng chí!” Một giọng hăng trẻ hét. “Chú ý! Các đồng chí! Chúng tôi có tin về vang cho các đồng chí. Chúng ta đã thắng trận sản xuất! Bản thống kê đầy đủ mới hoàn thành về mọi loại hàng tiêu thụ cho biết mức sống đã tăng lên không dưới 20% so với năm ngoái. Trên khắp Đại Dương sáng nay đã xảy ra nhiều cuộc biểu tình tự động không kim hãm nổi, dân lao động đã bước ra khỏi sở và xưởng rồi mang biểu ngữ hành diễu khắp đường phố để nói lên lòng biết ơn Bác đã ban cho chúng ta đời sống sung sướng mới nhờ tài lãnh đạo sáng suốt của Bác. Đây là một vài con số đã được bổ sung. Thúc ăn -”

Câu “đời sống sung sướng mới” được nhắc lại nhiều lần. Đó là câu được chuộng nhất gần đây của Bộ Sung Túc. Parsons bị thu hút bởi tiếng kèn gọi và há hốc mồm trịnh trọng ngồi nghe những câu xây dựng chán ngắt. Anh ta không hiểu nghĩa những con số nhưng ý thức rằng chúng tất phải là một mối gieo mừng. Anh chàng đã lôi ra một ống điều to do dây đầy nửa thuốc cháy đen. Với khẩu phần thuốc lá độ một trăm gam một tuần, ít khi nhét được đầy ắp ống điều. Winston thì hút một điều thuốc lá Chiến Thắng được anh cẩn thận cầm ngang. Khẩu phần mới ngày mai mới được bắt đầu phát mà anh chỉ còn có bốn điều. Hiện anh khép tai với tiếng động ngoài xa để nghe những điều tầm phào tuôn ra từ máy truyền hình. Hình như có cuộc biểu tình cảm ơn Bác đã tăng khẩu phần xúc cô la lên hai mươi gam một tuần. Nhưng mới chỉ hôm qua, anh ngẫm, có bố cáo khẩu phần bị giảm xuống hai mươi gam một tuần. Làm sao dân chúng có thể nuốt được sự thay đổi sau chỉ có hai mươi tiếng?

Vậy mà họ nuốt được. Parsons nuốt nó dễ dàng với sự đàn độn của con vật. Con người không mất ở bàn bên nuốt nó một cách cuồng tín, say mê, với một sự dữ dội thềm muốn lòng bất, tố cáo và hóa hơi bất cứ ai gọi ý tuần trước khẩu phần là ba mươi gam. Cả Syme cũng thế, nhưng một cách phức tạp hơn, bao hàm ý đôi. Như vậy chỉ có một mình anh là có trí nhớ ư?

Những con số thống kê hoang đường tiếp tục đổ ra từ máy truyền hình. So với năm ngoái có nhiều thức ăn hơn, nhiều quần áo hơn, nhiều nhà cửa hơn, nhiều đồ đạc hơn, nhiều soong chảo hơn, nhiều dầu hôi hơn, nhiều tàu thủy hơn, nhiều trục thẳng hơn, nhiều trẻ sơ sinh hơn, thứ gì cũng hơn trừ bệnh tật, hình sự và chứng điên. Năm này sang năm khác, phút này sang phút khác, mọi người mọi vật ù ù lên cao. Như Syme làm lúc này, Winston cầm thìa khuấy vào vũng nước canh nhạt loang lổ trên bàn và kéo dài nó thành hình vệt. Anh hậm hực suy nghĩ về đời sống vật chất. Nó vẫn từng như thế này chẳng? Vị thức ăn từng như vậy ư? Anh nhìn quanh quán ăn. Một căn phòng thấp trần, tường đen bần vì cọ sát với quá nhiều người; bàn ghế kim khí méo mó sắp sát vào nhau đến nỗi người ngồi chạm phải khuỷu tay nhau; thìa cong, mâm mẻ, chén trắng thô sơ; mọi mặt phẳng dính mỡ, chất dơ cấu trong kẽ hở; và một mùi chua hỗn tạp của rượu gin xoàng, cà phê dở, canh hầm đàn và quần áo bẩn. Luôn luôn dạ dày và da thịt như muốn phản đối, cảm như mình đã bị lừa mất một cái gì mình có quyền có. Thật ra thì kỳ ức anh không ghi một sự thể nào khác nhiều hiện tại. Theo như anh nhớ rõ, thời nào cũng không có đủ ăn, chẳng bao giờ bí tất hay quần áo lót không có lỗ rách, bàn ghế lúc nào cũng méo mó trầy sát, phòng ở không bao giờ được sưởi đủ ấm, tàu

hầm luôn luôn đông nghẹt, nhà cửa đổ nát, bánh mì đen xỉ, trà chè khan hiếm, cà phê tanh hôi, thuốc lá thiếu hụt - chẳng có gì rẻ và nhiều trừ rượu gin hóa học. Mặc dầu sự thiếu thốn đâm ra trầm trọng với sự già nua của cơ thể, nó chẳng phải là dấu hiệu của sự phản lễ tự nhiên hay sao, khi tìm người lịm đi trước sự thiếu tiện nghi, bẩn thỉu và khan hiếm, trước những mùa đông bất tận, trước sự nhầy nhụa của bí tất, trước thang máy không bao giờ chạy, trước nước lạnh, xà phòng cát, thuốc lá bỏ tan, thức ăn có vị tôm lạ? Tại sao anh không thể chịu đựng được những điều đó nếu không phải tại ký ức xa xưa của anh ghi nhận có thời sự thể khác hẳn?

Anh lại nhìn quanh phòng ăn. Gần như ai cũng xấu xí và sẽ vẫn xấu nếu được ăn mặc khác bộ áo liền quần hợp cách. Ở phía cuối phòng có một gã đàn ông nhỏ bé giống bọ hung lạ, ngồi một mình một bàn uống cà phê, đôi mắt nghi kỵ lảo liếc trước sau. Nếu không nhìn xung quanh mình, Winston nghĩ, dễ tin biết bao rằng mẫu người lý tưởng do Đảng ấn định - thanh niên cao lớn, vạm vỡ, và thiếu nữ ngực nở, tóc vàng, đầy sinh lực, da sạm nắng, vô tư - có thật và đông hơn hết. Thực ra, như anh nhận xét, phần đông dân Không Phận Một bé nhỏ, tóc đen và xấu xí. Lạ sao cái loại người bọ hung sinh sôi nảy nở trong các Bộ: loại người bé lùn, mập mập, chân ngắn, cử động nhanh nhẹn hấp tấp, có khuôn mặt phì nộn trơ ỉ và đôi mắt ti hí. Đó là mẫu người phát đạt nhất dưới sự thống trị của Đảng.

Tin tức của Bộ Sung Túc chấm dứt với một trống còi khác rồi nhường chỗ cho một tiếng nhạc inh ỏi. Parsons, khá phấn khởi bởi tràng con số, rút ống điếu ra khỏi miệng.

“Năm nay Bộ Sung Túc làm việc giỏi thật,” anh chàng gật

gù nói. “A này, bạn Smith, chắc anh không có dao cạo cho tôi mượn phải không?”

“Không có con nào,” Winston nói. “Chính tôi vẫn dùng một con từ sáu tuần nay.”

“Thế hả - nghĩ nên hỏi anh vậy thôi ấy mà, anh bạn.”

“Rất tiếc,” Winston nói.

Tiếng quạc nơi bàn bên, tạm thời ngưng trong lúc Bộ cho tin, đã bắt đầu trở lại, lệnh vỡ hơn bao giờ hết. Vì lẽ gì đó, Winston bỗng nghĩ tới bà Parsons với mái tóc rối và bụi trên nét nhăn của bà. Nội hai năm nữa hai đứa trẻ kia sẽ tố cáo bà với Cảnh Sát Tư Tưởng và bà sẽ bị hóa hơi. Syme sẽ bị hóa hơi. Winston sẽ bị hóa hơi. O'Brien sẽ bị hóa hơi. Mặt khác, Parsons sẽ không bao giờ bị hóa hơi. Con người không mất với tiếng vịt kia sẽ không bao giờ bị hóa hơi. Những người bộ hung nhỏ bé hấp tấp lạnh lẽo trong trận đồ hành lang của các Bộ cũng sẽ không bao giờ bị hóa hơi. Và cô gái tóc đen, cô gái trong Cục Truyện - cô ấy cũng sẽ không bao giờ bị hóa hơi. Hình như linh tính cho anh biết ai sẽ sống sót, ai sẽ chết: tuy khó nói được cái gì khiến cho con người sống sót.

Nghĩ đến đây, anh giật mình khỏi giấc mơ màng. Cô gái tại bàn kế bên đã ngoảnh mặt lại và đang nhìn anh. Chính là cô gái tóc đen. Cô ta liếc nhìn anh, với một cường độ lạ lùng. Lúc cô ta bắt gặp mắt anh, cô ta nhìn đi nơi khác.

Mồ hôi bắt đầu chảy trên sườn lưng Winston. Một con kinh hoảng thông qua anh. Nó biến đi ngay nhưng để lại một cảm giác khó chịu bức bối. Tại sao cô ta nhìn anh? Tại sao cô ta cứ theo anh? Tiếc thay anh không nhớ cô ta đã ngồi ở bàn trước khi anh đến hay cô ta tới sau anh. Nhưng gì thì gì, hôm qua,

trong Hai Phút Hận Thù, cô ta đã đến ngồi ngay sau lưng anh khi rõ ràng cô không cần phải làm vậy. Hiển nhiên mục đích của cô là rình anh xem anh có hét lớn vừa phải không.

Ý nghĩ ban đầu trở lại với anh: có thể cô ta không phải là nhân viên của Cảnh Sát Tư Tưởng, thế nhưng chính điệp viên tài tử mới nguy hiểm hơn ai hết. Anh không biết cô ta nhìn anh từ bao lâu, có thể chừng năm phút, và có thể lúc ấy anh không hoàn toàn kiểm chế sắc mặt của anh. Để tư tưởng thần tho khi ở giữa công chúng hay dưới tầm kiểm soát của máy truyền hình là một điều hết sức nguy hiểm. Chi tiết nhỏ nhất cũng có thể phản mình. Một tật bồn chồn, một cái nhìn lo sợ vô ý thức, một thói lẩm bẩm - bất cứ cái gì gợi ý một sự khác thường, cho ngờ mình có việc phải giấu. Dầu sao, mang một nét không hợp thời trên mặt (ra vẻ hoài nghi khi có tin chiến thắng, chẳng hạn) là đã phạm phải một tội đáng phạt rồi. Ngôn Mới có cả một chữ chỉ tội ấy: đó là tội mặt.

Cô gái đã xoay lưng vào anh trở lại. Nghĩ cho cùng, có thể cô ta không hề theo dõi anh, có thể sự cô ta ngồi gần anh hai ngày liền là một sự trùng hợp. Điều thuốc lá của anh đã tắt, anh cần thận để nó trên bờ bàn. Anh sẽ hút tiếp hết sau buổi làm việc, nếu anh giữ được thuốc lá trong điều. Rất có thể người ngồi bàn kế anh là một điệp viên của Cảnh Sát Tư Tưởng và rất có thể nội ba ngày nữa anh sẽ ở trong hầm Bộ Tình Yêu, nhưng một mẩu thuốc lá không thể bị phung phí. Syme đã cắt dải giấy lại và cất nó trong túi. Parsons đã lại bắt đầu nói:

“Tôi có kể cho anh chưa nhỉ, anh bạn,” anh ta vừa nói vừa đập nhẹ vào ống điếu, “chuyện hai đứa lỏi nhà tôi đốt vấy một bà già ở chợ vì chúng thấy bà ta gói xúc xích trong một bích

chương có hình Bác? Chúng luôn sau bà ta rồi lấy hộp diêm đốt váy bà ta. Tôi tin bà ta bị cháy nặng. Quý con, hi? Mà lạnh như ranh! Ngày nay Đoàn Giãn Điệp huấn luyện chúng hay tốt - hay hơn thời tôi. Anh có biết chúng học được gì mới đây nhất không? Dùng ống máy điếc để nghe qua lỗ khóa! Con bé nhà tôi đem về nhà một cái đêm trước - nó nghe thử qua cửa phòng khách và nhận thấy rằng nghe như vậy rõ hơn gấp hai lần gần tai sát vào lỗ khóa. Dĩ nhiên, cái ống máy đó chỉ là trò chơi thôi, anh có biết không? Vậy mà nó gieo ý đúng cho chúng, hi?”

Vừa lúc đó, máy truyền hình lên tiếng huýt điếc tai. Đây là dấu báo hiệu phải trở về công việc. Cả ba người đứng phắt dậy ra nhập đám người tranh nhau thang máy, và chút thuốc lá còn lại của Winston rút ra ngoài điếu.

Winston đang viết nhật ký:

Ba năm về trước. Vào một buổi chiều tối trong một ngõ ngang gần một trong mấy nhà ga xe hỏa lớn. Á ta đứng gần một cổng nhà, dưới một ngọn đèn phố chẳng chiếu sáng chút nào. Á có một gương mặt trẻ, trát đầy phấn. Chính cái son phấn đã quyến rũ tôi, cái mặt trắng xóa như mặt nạ, và đôi môi đỏ chói. Nữ đảng viên không bao giờ vẽ mặt. Không có ai khác ngoài đường và không có máy truyền hình. Á ta nói hai đôn. Tôi -

Đến chỗ này tiếp tục khó quá. Anh nhắm mắt lại và lấy ngón tay ấn vào mắt để cố trục xuất cái hình ảnh cứ hiện về trong tâm anh. Anh gần như bị tràn ngập bởi sự thèm khát hết văng lên một tràng từ ngữ tục tằn. Hoặc đập đầu vào tường, đá hất bàn, ném lọ mực qua cửa sổ - bất cứ một hành động gì hung bạo, ồn ào và đau đớn có thể xóa bỏ cái kỷ niệm đang dần vật anh.

Kẻ thù lớn nhất của mình chính là bộ thần kinh mình, anh nghĩ vậy. Bất cứ lúc nào, sự căng thẳng trong mình cũng có thể lộ ra dưới một hình thức rõ rệt. Anh nghĩ tới một người anh gặp ngoài đường vài tuần trước; một người coi bề ngoài rất tầm thường, một Đảng viên khoảng ba mươi năm, bốn mươi tuổi, cao gầy, xách cặp. Anh và người đó đương cách nhau vài thước thì bỗng nửa mặt trái của người đó co queo lên. Hiện tượng lại lặp lại khi hai người qua mặt nhau: đó chỉ là một cử động nhăn nhó, run run nhanh như tiếng cạch ngăn cửa trập máy chụp hình. Anh nhớ lúc đó anh nghĩ: lúá đời anh chàng đáng thương này rồi. Điều đáng sợ là chắc hẳn cử động đó không tự giác. Nguy to nhất là nói trong giấc ngủ. Xét cho cùng, không có cách nào ngăn được hiểm họa ấy.

Anh thở phào và tiếp tục viết:

Tôi bước qua cổng với á ta, băng qua sân trong tới một hầm bếp. Nơi đây có một cái giường kê sát tường và một cây đèn vặn lửa thật nhỏ trên bàn. Á -

Anh ghê rợn. Anh muốn khạc nhổ. Nghĩ tới người đàn bà trong hầm bếp, anh đồng thời nghĩ tới Katharine, vợ anh. Winston có vợ - ít nhất là đã có vợ: có lẽ anh còn có vợ vì trong chừng mực anh biết, vợ anh chưa chết. Hầu như anh hít trở lại cái mùi hấp nóng của hầm bếp, một mùi pha trộn hơi rận, quần áo nhơ bẩn và nước hoa hắc rẻ tiền, nhưng ấy vậy mà hấp dẫn, vì không có một nữ Đảng viên nào dùng hay được tuơng tượng là dùng nước hoa. Chỉ có dân đen mới bôi nước hoa. Trong đầu óc anh mùi ấy lẫn lộn rầm rối với trò thông dâm.

Khi anh đi với người đàn bà ấy, đó là bước sa ngã đầu tiên của

anh sau khoảng hai năm gìn giữ. Giao du với điểm bị cấm, dĩ nhiên, nhưng đó là một quy lệ bạn có thể thỉnh thoảng đánh liều phá. Phá lệ như vậy nguy hiểm, nhưng không phải là một điều sống chết. Bị bắt đi với điểm có thể có hậu quả là năm năm khổ sai: không hơn, nếu bạn không phạm tội gì khác. Và điều này cũng dễ, miễn bạn tránh bị bắt quả tang đương khi giao cấu. Các khu phố nghèo đầy rẫy đàn bà sẵn sàng bán mình. Có hạng có thể bị mua chuộc bởi một chai rượu gin, một thứ hàng trên nguyên tắc dân đen không được uống. Mặc nhiên Đảng có ý muốn khuyến khích mãi dâm như một cửa bưng cho những bản năng không thể bị kiềm chế hoàn toàn được. Sự bê tha đơn giản không hề gì, nếu vẫn lén lút không vui và chỉ liên quan đến đàn bà thuộc giai cấp bị đè nén khinh khi. Tội không dung thứ được là tội chung chạ bừa bãi giữa Đảng viên. Nhưng - mặc dầu đó là một trong những trọng tội được các bị can trong các cuộc đại thanh trừ luôn luôn thú nhận - khó tưởng tượng rằng một sự kiện như vậy thực sự xảy ra.

Mục đích của Đảng không chỉ là ngăn nam nữ thất với nhau những mối tình chung khó kiểm soát được. Chủ định thực sự ngầm của Đảng là khiến sự giao hợp mất hết thú vị. Hơn cả tình yêu, tính hứng dục mới là thù địch, trong cũng như ngoài vòng hôn lễ. Mọi sự kết hôn giữa Đảng viên phải được một hội đồng thừa hành chấp thuận, và - dù nguyên lý không bao giờ được xác định - phép cưới luôn luôn bị bác khi cặp đương sự tỏ vẻ quyến luyến nhau về thể xác. Mục tiêu độc nhất của hôn phối được công nhận là sinh con để cái phục vụ Đảng. Sự giao cấu bị coi như một chuyện phụ hơi ghê tởm, như một sự tẩy thụt. Điều này cũng không bao giờ được nêu rõ nhưng được

nhồi vào số Đảng viên từ thuở ấu thơ. Có cả nhiều tổ chức như Liên Đoàn Thanh Niên Chống Sinh Dục biện hộ cho đời sống độc thân của hai giới. Mọi trẻ nít phải được thụ thai theo lối thụ tinh nhân tạo (thụ nhân theo Ngôn Mới) và phải được nuôi dưỡng trong nhà trẻ công cộng. Winston biết những đề xuất này không được thực sự tôn trọng, nhưng được cái là rất hợp với học thuyết tổng quát của Đảng. Đảng cố giết bản năng tính dục, hay nếu nó không thể giết được, cố xuyên tạc và bôi nhọ nó. Anh không hiểu tại sao lại thế, nhưng dường như lẽ tự nhiên phải vậy. Bằng về phần phụ nữ thì những cố gắng của Đảng rất công hiệu.

Anh lại nghĩ đến Katharine. Hai người đã ly thân từ khoảng chín, mười - gần mười một năm nay. Là ít khi anh nghĩ tới nàng. Có khi mấy ngày liền anh quên hẳn rằng mình đã có vợ. Hai người chỉ sống chung với nhau chừng mười lăm tháng. Đảng không cho phép ly dị, nhưng lại khuyến khích ly thân trong trường hợp hai vợ chồng không có con.

Katharine là một cô gái cao lớn, tóc vàng, rất thẳng vóc, có những cử động tuyệt vời. Nàng có một gương mặt phượng bạo dạn, một gương mặt có thể gọi là quý phái cho tới khi khám phá ra rằng sau nó không có gì cả. Mới lấy nhau được chẳng bao lâu anh đã nhận định rằng, - mặc dầu có thể tại anh biết nàng một cách mật thiết hơn mọi người - không chối cãi được, nàng là con người đần độn, thô bỉ và rỗng tuếch nhất mà anh đã từng gặp. Trong óc nàng không có một tư tưởng nào không phải là khẩu hiệu, và không có một điều ngu xuẩn nào, tuyệt đối không một điều nào, mà nàng không nuốt nổi nếu là do Đảng đề ra. Trong thâm tâm anh, anh gọi nàng là “người ghi âm”. Thế

mà anh vẫn nhần nhục ở được với nàng nếu không vì đúng một vấn đề - sinh dục.

Anh mới sờ nàng là nàng hình như rùng mình cứng người lại. Ôm nàng như thể ôm một tấm tượng gỗ nổi khóp. Lạ lùng nữa là ngay khi nàng siết chặt anh vào lòng nàng, anh có cảm tưởng như đồng thời nàng lấy hết sức mạnh đẩy anh ra. Sự cứng đờ của bắp thịt nàng gây ra cảm giác ấy. Nàng thường nhắm mắt nằm đó không kháng cự mà cũng không hợp tác, nhưng phục tùng. Thái độ ấy làm anh vô cùng lúng túng và, sau ít lâu, ghê tởm. Nhưng ngay vậy anh cũng vẫn có thể sống với nàng nếu hai người thỏa thuận ở không. Nhưng khá lạ là chính Katharine từ chối điều này. Nàng bảo nếu hai người có thể có con được thì hai người phải sinh con. Thành thử anh phải tiếp tục lập thành tích, mỗi tuần một lần, rất đều đặn, khi không có gì cản trở. Nàng còn thường nhắc anh vào buổi sáng, như thể đó là một việc đến chiều bắt buộc phải làm, không thể bị quên lãng. Nàng có đặt tên cho việc ấy. Một từ ngữ là “làm em bé”, và một từ ngữ khác là “bổn phận của chúng ta đối với Đảng” (phải, nàng quả có dùng câu đó). Rất sớm anh đâm thành thực sợ hãi mỗi khi gần tới ngày chỉ định. Nhưng may sao không đứa bé nào ra đời, và tận cùng nàng bằng lòng ngưng thử, rồi chẳng bao lâu hai người ly thân.

Winston khẽ thở dài. Anh lại nhắc bút lên viết:

Á ném mình trên giường rồi tức thì lột váy, không một mào đầu, với một bộ điệu tưởng tượng thô tục và ghê tởm nhất. Tôi -

Anh thấy mình đang đứng đó dưới ánh đèn mờ, mũi ngửi mùi rận và nước hoa rẻ tiền, trong lòng nhóm lên một ý tưởng thất

bại oán hận, xen lẫn, ngay cả lúc đó, với kỷ niệm tấm thân trắng bạch của Katharine, vĩnh viễn băng đá vì quyền lực thối miên của Đảng. Tại sao bao giờ cũng phải như thế? Tại sao anh không thể có một người đàn bà cho riêng anh thay vì cứ cách vài năm những mục ác mố bẩn thỉu này? Nhưng một chuyện tình thực sự là một sự kiện không thể tưởng tượng được. Các nữ Đảng viên giống hệt nhau. Đức trinh ăn sâu vào họ chẳng kém gì lòng trung thành với Đảng. Nhờ được điều kiện hóa sớm, nhờ thể thao và nước lạnh, nhờ những điều phi lý lái nhái trong trường, tại Đoàn Giám Điệp và Liên Đoàn Thanh Niên, nhờ sách báo, cuộc thao diễn, bài ca, khẩu hiệu và quân nhạc, tình cảm tự nhiên đã bị tống khứ ngoài họ. Lý trí anh bảo anh thế nào cũng có người ngoại lệ, nhưng tim anh không tin thế. Họ là những người không thể chinh phục được, như Đảng muốn họ như vậy. Hơn cả được yêu, anh muốn phá vỡ cái tường đạo đức ấy, dù chỉ một lần trong cả cuộc đời anh. Giao hợp hoàn mỹ là có hành vi phản nghịch. Thèm muốn xác thịt là phạm tội tư tưởng. Ngay sự gọi dục Katharine, nếu anh làm nổi, sẽ bị coi như một hành vi dụ dỗ, mặc dầu nàng là vợ anh.

Nhưng phần chót của câu chuyện phải được viết lên. Anh viết:
Tôi vận đèn lên. Khi tôi thấy ả dưới ánh sáng -

Sau cảnh tối tăm, ánh sáng nhỏ của ngọn đèn dầu có vẻ rực rỡ. Lần đầu tiên anh có thể thấy rõ người đàn bà. Anh tiến một bước về phía ả rồi ngưng, đầy thèm muốn và khiếp sợ. Anh đau đón ý thức sự liêu lĩnh của anh khi tới nơi này. Rất có thể lính tuần sẽ bắt anh khi anh ra về: xem ra có khi họ đang đợi anh ngoài cửa. Nếu anh ra về mà không làm cái việc anh tính đến

đây làm -!

Phải viết chuyện này, phải thú thật chuyện này. Điều anh bỗng nhìn thấy dưới ánh đèn là sự người đàn bà đã nhiều tuổi. Sơn phấn được trát đầy trên mặt ả đến nỗi hầu như nó có thể toạc ra như một chiếc mặt nạ bìa. Có nhiều vạch trắng trên tóc ả; nhưng chi tiết thực sự khủng khiếp là khi ngả người xuống, mồm ả hơi há ra không để lộ gì ngoài một hố đen xì. ả không có một cái răng nào.

Anh viết thật nhanh, bằng nét chữ nguệch ngoạc:

Khi tôi thấy ả dưới ánh sáng, ả hiện ra là một bà già, ít nhất năm mươi tuổi. Nhưng tôi vẫn tiến lên và làm như thường.

Anh lại ấn ngón tay vào mí mắt. Tận cùng anh đã viết ra chuyện ấy, nhưng chẳng thấy khác gì. Liệu pháp không hiệu nghiệm. Sự thèm muốn hét lớn lên những từ ngữ tục tằn mãnh liệt hơn bao giờ hết.

Winston viết:

Nếu có hy vọng, nó phải nằm nơi dân đen.

Nếu có hy vọng, nó phải nằm nơi dân đen, vì chỉ trong đám quần chúng lúc nhúc bị khinh khi ấy, gồm tám mươi năm phần trăm dân số Đại Dương, mới có thể nảy nở ra được cái sức mạnh tiêu diệt nỗi Đảng. Đảng không thể bị lật đổ từ trong. Kẻ thù của Đảng, nếu có, chẳng có cách nào sát cánh nhau hay nhận diện ra nhau. Ngay nếu Hội Tinh Thân hoang đường có thật, như có thể họa may, khó tưởng tượng họ tụ tập nổi quá hai ba hội viên. Lòng phản nghịch chỉ hiện ra trong ánh mắt, giọng nói, hay tiếng thì thầm nếu có dịp. Nhưng dân đen, giá có cơ y

thức được thể lực của mình, họ sẽ không cần mưu phản. Họ chỉ cần vùng lên và lay mình như ngựa phẩy ruồi. Nếu họ muốn, họ có thể thổi tan Đảng ngay sáng mai. Chắc chắn sớm muộn gì họ cũng nghĩ tới điều đó. Thế nhưng -!

Anh nhớ có lần anh đang tản bộ theo một đường phố đông đúc bỗng một tiếng la ó khủng khiếp của hàng trăm tiếng người - tiếng đàn bà - bùng lên từ một bên phố trước mặt anh. Đó là một tiếng gào ghê gớm vì tức giận và thất vọng, một tiếng “Ồ... Ồ...” to lớn sâu thẳm liên tiếp ù ù như tiếng chuông dội. Tim anh chồm lên. Bắt đầu rồi! Anh đã nghĩ vậy. Một cuộc nổi loạn! Tận cùng dân đen đã phá xiềng! Khi anh tới nơi anh thấy một đám đông gồm hai ba trăm phụ nữ bu quanh sạp hàng chợ phố, mặt mũi bi thảm như thể họ là hành khách sắp tử nạn của một con tàu đang chìm. Nhưng hiện thì nổi thất vọng chung tan thành vô số cuộc cãi vã tư. Hóa ra có một sạp hàng bán chảo thiếc. Đó là những hàng tồi mớ, nhưng các loại dụng cụ nấu bếp luôn luôn khan hiếm. Giờ thì hàng cung cấp bất ngờ hết sạch. Những bà có hên, bị đẩy đập bởi người khác, cố len ra ngoài với chảo của họ, trong khi hàng tá bà khác la ó quanh sạp hàng, đổ tội cho người giữ sạp thiên vị và còn dự trữ chảo đầu đó. Lại một trận hò hét mới. Hai bà mập, một người xoa tóc, tranh nhau một cái chảo, người nọ cố giật nó khỏi tay người kia. Cả hai giằng co một hồi và cán chảo tuột ra. Winston kinh tởm nhìn họ. Thế mà, trong có một lúc, tiếng kêu chỉ từ vài trăm cuống họng phát ra một uy lực gần như hải hùng biết bao! Tại sao họ không bao giờ hò hét như vậy cho một chuyện đáng kể?

Anh viết:

Họ còn chưa ý thức, họ không bao giờ nổi loạn, và họ còn

chưa nổi loạn, họ không bao giờ ý thức.

Điều này gần giống như một câu trích trong sách khái luận của Đảng, anh nghĩ. Cố nhiên, Đảng rao là đã giải phóng dân đen khỏi phận đọa đầy. Trước Cách Mạng, họ bị tư bản hà hiếp thậm tệ, họ bị bỏ đói đánh quật, đàn bà bị ép làm việc trong mỏ than (sự thể thì đàn bà vẫn làm việc trong mỏ than), trẻ con bị bán cho xưởng thợ ngay khi lên sáu. Nhưng đồng thời, đúng theo nguyên lý ý đòi, Đảng dạy rằng dân đen bẩm chất là bề dưới phải bị giữ trong sự phục tùng, giống như súc vật, nhờ sự áp dụng vài điều luật đơn giản. Thực ra sự hiểu biết về dân đen không có mấy. Không cần biết nhiều về họ. Họ còn tiếp tục làm việc và sinh sản, hoạt động khác của họ không đáng kể. Khi được để mặc, như đàn bò được thả lỏng trên đồng bằng Argentine, họ quay trở về lối sống bẩm sinh của họ, một mẫu sống cổ xưa. Họ sinh ra và lớn lên trong cảnh đói hèn, họ đi làm khi mười hai tuổi, họ trải qua một thời xuân sắc và tình dục ngắn, họ lấy vợ lấy chồng khi hai mươi tuổi, họ tới trung niên khi ba mươi tuổi, phần đông họ chết khi sáu mươi tuổi. Công việc nặng nhọc, sự săn sóc nhà cửa con cái, những cuộc cãi vã ty tiện với hàng xóm, phim ảnh, bóng đá, bia và trên hết cờ bạc, lấp đầy chân trời tinh thần của họ. Kiểm soát họ không khó gì. Vài nhân viên Cảnh Sát Tư Tưởng luôn luôn lưu hành giữa họ, phao tin đồn bậy rồi ghi tên và loại trừ số ít người có thể trở thành nguy hiểm; nhưng không có sự thử thuyết phục họ theo học thuyết Đảng. Dân đen không nên có tinh thần chính trị mạnh. Chỉ nên đòi hỏi nơi họ một lòng yêu nước nguyên thủy có thể kêu gọi được mỗi khi cần khiến họ chấp nhận làm việc thêm nhiều giờ

hay có ít khẩu phần hơn. Và ngay khi họ bắt mãn, như thỉnh thoảng xảy ra, sự bắt mãn của họ không đi đến đâu vì không dựa vào ý tưởng tổng quát, cho nên họ chỉ có thể tập trung cơn tức giận vào những mối phiền đặc thù nhỏ mọn. Những tai họa lớn không được họ lưu ý tới. Phần đông dân đen không có máy truyền hình trong nhà. Ngay cảnh sát dân sự cũng ít can thiệp vào chuyện họ. Tại Luân Đôn số kẻ phạm tội ác rất là lớn, có cả một thế giới trong thế giới trộm cướp, đi điểm, con buôn ma túy và quân tống tiền đủ kiểu; nhưng vì mọi chuyện xảy ra giữa dân đen với nhau, điều đó không quan trọng. Trong mọi vấn đề luân lý họ được phép theo tục lệ cổ truyền. Luật nghiêm khắc về sinh dục không ràng buộc họ. Họ không bị phạt vì chung chạ bừa bãi, và được phép ly dị. Phải nói là ngay sự phụng thờ tôn giáo cũng được cho phép nếu dân đen tỏ vẻ cần hay muốn vậy. Họ ở dưới mọi sự ngờ vực. Như khẩu hiệu của Đảng đề xướng: “Dân đen và thú vật có tự do”.

Winston với tay xuống chỗ loét gân tĩnh mạch và cẩn thận gãi. Nó lại bắt đầu ngứa. Vấn đề luôn luôn ám ảnh anh là sự không thể biết được hồi trước Cách Mạng đời sống ra sao. Anh rút khỏi ngăn kéo một bản sách sử dạy trẻ con mượn được của bà Parsons, và bắt đầu chép một đoạn vào nhật ký:

Thuở xưa (sách viết vậy), trước Cách Mạng hiền hách, Luân Đôn không phải là thành phố đẹp đẽ mà chúng ta biết ngày nay. Đó là một nơi tối tăm, bẩn thỉu, tồi tàn, hiếm ai đủ ăn, có hàng trăm hàng ngàn dân nghèo không có giày ống để đi và không có cả mái nhà để ngủ. Trẻ con không lớn hơn các em phải làm việc mười hai tiếng một ngày cho bầy chủ ác nghiệt, họ quật roi vào chúng nếu chúng làm việc quá chậm và không

cho chúng ăn uống gì ngoài vài mẩu bánh mì khô với nước. Nhưng giữa toàn sự nghèo khổ kinh khủng đó, có vài tòa nhà to lớn tráng lệ do người giàu ở với khoảng ba chục đầy tớ hầu hạ họ. Những người giàu đó được gọi là dân tư bản. Người họ mập mạp xấu xí, gương mặt họ đánh ác như người trong hình ở trang bên. Các em có thể thấy hẳn mặc một chiếc áo khoác đen dài kêu là áo choàng rộng, và đội một cái mũ bóng lạ hình ống xuôi kêu là mũ cao thành. Đó là bộ đồng phục của dân tư bản, và không ai khác có quyền mặc như vậy. Dân tư bản làm chủ mọi thứ trên thế giới và mọi người khác đều là nô lệ của họ. Họ làm chủ mọi đất đai, mọi nhà cửa, mọi xưởng hãng và mọi tiền tài. Nếu ai không tuân lệnh họ, họ có thể tống người ấy vào tù, hoặc tước công việc của người ấy, hoặc bỏ người ấy chết đói. Khi một người thường nói chuyện với một dân tư bản, người ấy phải khúm núm, cúi chào, bỏ mũ và xưng với hắn ta: "Thưa ngài". Kẻ đứng đầu các dân tư bản được gọi là Vua và -

Nhưng anh thuộc phần liệt kê còn lại. Sẽ được nêu lên những giám mục trong cánh áo mỏng, những quan tòa trong áo lông chồn trắng, cái cột bêu tội nhân, những khối hàng tồn trữ, cái cối xay kỷ luật, cái roi chín đuôi, bữa tiệc mừng Thị Trưởng, và tục hôn chân Giáo Hoàng. Lại còn một thứ gọi là quyền đem đầu tiên, chắc không được ghi trong sách dành cho trẻ con. Đó là một đạo luật cho phép các dân tư bản có quyền ngủ với mọi phụ nữ làm việc trong xưởng của họ.

Làm sao phân định được phần nói dối? Có thể thật sự trung bình ra, con người ngày nay sống khá hơn thời trước Cách Mạng. Nghịch cú độc nhất là sự phản kháng của xương cốt

anh, linh giác rằng những điều kiện sống hiện tại không thể chấp nhận được, rằng phải có thời chúng khác hẳn. Anh bị kích động bởi ý nghĩ rằng đặc tính đúng của đời sống mới không phải là sự ác nghiệt hay bấp bênh của nó, mà chính là sự trống rỗng, vô vị và vô tâm của nó. Nếu nhìn quanh, đời sống không những không giống những điều dối trá tuôn ra từ máy truyền hình, mà còn không giống những lý tưởng mà Đảng cố thực hiện. Quảng lớn đời sống, ngay đối với một Đảng viên, lưng chừng và không liên quan đến chính trị, nó là vất vả lo toan những công việc tẻ nhạt, là tranh giành một chỗ trong tàu hầm, là vá lại bí tất cũ rách, là xin xỏ một thẻ đường tinh, là để dành một mẫu thuốc lá. Lý tưởng do Đảng dựng lên là một cái gì to tát, khủng khiếp và chói lọi - một thế giới của thép và xi măng, của những máy móc quái gở và những khí giới kinh hồn -, một quốc gia chỉ gồm chiến sĩ và cuồng đồ hoàn toàn nhất trí tiến bước, cùng nghĩ như nhau, hô hào khẩu hiệu giống nhau, luôn luôn làm việc, chiến đấu, thắng trận và hành hạ người - ba trăm triệu người cùng một gương mặt. Thực tế là những thành phố đổ nát, buồn tẻ, trong đó dân chúng thiếu ăn lê qua lê lại trong những đôi giày thủng lỗ tại những căn nhà vá vúi xây từ thế kỷ mười chín hôi mùi rau cải và chuồng xí thối. Anh hình dung cảnh một thành phố Luân Đôn rộng lớn và đổ nát với một triệu thùng rác, và lẫn vào đó là hình ảnh của bà Parsons, một người đàn bà có khuôn mặt nhăn nheo và bộ tóc rối tung, đang loay hoay sửa một ống tháo nước.

Anh lại cúi xuống và gãi đầu gối. Đêm ngày máy truyền hình làm chói tai người với những con số thống kê chứng tỏ rằng ngày nay dân chúng có nhiều thức ăn hơn, nhiều quần áo hơn,

nhà cửa tốt hơn, trò giải trí hay hơn - rằng họ sống lâu hơn, làm việc ít giờ hơn, cao lớn hơn, khỏe mạnh hơn, mập mạp hơn, sung sướng hơn, thông minh hơn, có giáo dục hơn năm mươi năm về trước. Không chứng minh hay bác bỏ được lời nào trong đó. Ví dụ, Đảng tuyên bố ngày nay 40% dân đen đúng tuổi biết đọc: trước Cách Mạng, theo Đảng, con số chỉ là 15%. Đảng bảo rằng ngày nay tỷ lệ trẻ con tử vong là 160/1000 trong khi trước Cách Mạng nó là 300/1000 - và cứ như thế. Y như một phương trình đơn với hai ẩn số. Rất có thể điều nào trong sách sử, ngay cả những điều được chấp nhận không đắn đo, cũng là điều bịa đặt. Theo chỗ anh biết, có thể chưa hề có điều luật nào là quyền đem đầu tiên, có sinh vật nào là dân tư bản, hoặc có mũ nào là mũ cao thành.

Mọi sự tan biến trong mù mịt. Quá khứ đã bị san bằng, sự san bằng đã đi vào quên lãng, sự dối trá đã trở thành sự thật. Chỉ một lần trong đời anh anh đã nắm được - sau sự kiện: thế mới đáng kể - một bằng chứng cụ thể không thể làm lẫn được về một hành động giả mạo. Anh đã giữ nó trong tay anh đến ba mươi giây. Năm 1973, chắc hẳn thế - dù sao đi nữa, đó là vào lúc anh và Katharine ly thân nhau. Nhưng thời gian hợp lý thực ra là bảy tám năm về trước.

Câu chuyện thực sự bắt đầu vào khoảng giữa những năm sáu mươi, thời kỳ những cuộc đại thanh trừng khiến các lãnh tụ Cách Mạng khởi đầu bị quét sạch. Khoảng 1970 không còn một người nào tồn tại ngoại trừ Bác. Mọi người khác đã bị vạch trần là quân phản loạn hay phản Cách Mạng. Goldstein đã chạy trốn và ẩn náu ở đâu không ai biết, còn những người khác thì một phần nhỏ mất tích trong khi phần lớn bị xử tử sau khi thú

tội trong những phiên tòa công khai. Trong đám người sống sót cuối cùng có ba người tên là Jones, Aaronson và Rutherford. Ba người ấy chắc bị bắt vào khoảng năm 1965. Như thường xảy ra, họ mất tích trong vòng một năm hay hơn, khiến không ai biết họ sống hay chết, rồi bỗng nhiên họ được đưa ra ánh sáng để tự buộc tội như thường lệ. Họ thú tội đã thông đồng với kẻ thù (lúc đó kẻ thù cũng là Âu Á), đã biến thủ quỹ công cộng, đã ám sát nhiều Đảng viên trung thành, đã dùng thủ đoạn chống sự lãnh đạo của Bác, một sự lãnh đạo đã bắt đầu trước Cách Mạng, và đã có những hành động phá hoại làm chết hàng trăm hàng ngàn dân chúng. Sau khi xưng những tội ấy, họ được tha thứ, được tha hồi vào Đảng, và được giao những chức vụ có tên kêu to nhưng thực sự nhàn rỗi. Cả ba đã viết trong *Thời Báo* nhiều bài vở dài, đê hèn, phân tích những lý do khiến họ làm phản và hứa sẽ chuộc tội.

Ít lâu sau khi họ được thả, Winston thấy cả ba trong quán cà phê Cây Lật. Anh nhớ lại sức thôi miên ghê gớm lời cuốn anh liếc nhìn họ. Họ lớn tuổi hơn anh nhiều, họ là di sản của thế giới cũ, gần như là những nhân vật lớn chót của thời anh hùng của Đảng. Uy tín của cuộc tranh đấu ngầm và của cuộc nội chiến phảng phất quanh họ. Anh có cảm tưởng anh biết tên họ sớm hơn biết tên Bác, mặc dầu sự kiện và ngày tháng lúc bấy giờ đang lu mờ. Nhưng họ cũng là kẻ sống ngoài vòng pháp luật, là kẻ thù, kẻ không nên đụng tới, chắc chắn sẽ bị hành quyết một hai năm nữa.

Không có ai ngồi tại bàn cạnh họ. Bị bắt gặp gần những người như vậy không hay tí nào. Họ ngồi yên lặng trước cốc rượu gin tẩm đinh hương là món đặc biệt của quán cà phê. Trong ba

người Rutherford có dáng điệu làm xúc động Winston nhất. Rutherford có thời là người vẽ biếm họa danh tiếng, những bức họa hung tợn của ông đã nung nấu dư luận quần chúng trước và sau Cách Mạng. Ngay bây giờ, lâu lâu biếm họa của ông xuất hiện trên *Thời Báo*. Những bức ấy chỉ mô phỏng văn phong xưa của ông, và lạ thay không sống động và không có sức thuyết phục. Luôn luôn những bức ấy nhai lại các đề tài cũ - nhà ổ chuột, trẻ con chết đói, trận đánh ngoài phố, dân tư bản đội mũ cao thành - ngay trên rào chặn dân tư bản hình như bo bo lấy mũ cao thành - quả là một sự cố gắng vô vọng trở về quá khứ. Ông ta là một người quái dị với chòm tóc xám mờ, một khuôn mặt xỉ nhão đầy sẹo, và đôi môi dày như môi người da đen. Có thời ông ta phải vĩ đại lắm; nay thì thân hình to lớn của ông sụt xuống, xiêu khum lại, ngã sụm tứ phía. Ông hình như tàn mắt trước mắt mọi người, tựa một trái núi vỡ vụn. Lúc đó là mười lăm giờ, giờ vắng vẻ. Winston không nhớ được tại sao anh lại đến quán cà phê vào giờ ấy. Quán gần như trống không. Một điệu nhạc đánh sắt tuôn ra từ máy truyền hình. Ba người ngồi trong xó của họ, không đụng đậy, không nói năng gì. Không đợi lệnh, người bồi bàn mang đến trước họ ba cốc rượu gin lạnh. Có một bàn cờ trên một bàn cạnh họ, với quân cờ đã đặt sẵn, nhưng ván chưa bắt đầu. Vào lúc đó, có lẽ trong một nửa phút, một việc xảy ra trên máy truyền hình. Bản nhạc đang đánh biến đổi và cả điệu nhạc cũng đổi. Thay vào đó - nhưng khó tả nổi - là nó. Một điệu đặc biệt, gãy đoạn, vang vang, diều cọt. Trong trí anh, Winston gọi nó là nhạc vàng. Và rồi một giọng hát cất lên từ máy truyền hình:

Dưới cây lạt tủa rộng

*Tôi bán anh và anh bán tôi;
Họ nằm kia và ta nằm đây
Dưới cây lạt tủa rộng.*

Ba người đàn ông không hề nhúc nhích. Nhưng khi Winston liếc nhìn lại gương mặt tàn phá của Rutherford, anh thấy ông ta đầm đìa nước mắt. Và lần đầu tiên anh nhận thấy cả Aaronson lẫn Rutherford đều có mũi gãy, mà thậm rùng mình - tuy anh không hiểu anh run sợ gì -.

Ít lâu sau cả ba người bị bắt trở lại. Ra chừng họ dần thân vào nhiều cuộc mưu phản mới ngay từ khi được thả ra ngoài. Lần xử thứ hai họ thú mọi tội cũ của họ một lần nữa cùng với một tràng tội mới. Họ bị xử tử và phận của họ được ghi trong các lịch sử Đảng để răn hậu thế. Khoảng năm năm sau đó, năm 1973, Winston đang giở một cuộn tài liệu tuột khỏi ống hơi xuống bàn giấy của anh, bỗng vớ được một mảnh giấy hiển nhiên bị lẫn quên trong mớ giấy khác. Anh vừa trải nó ra đã thấy ngay ý nghĩa quan trọng của nó. Đó là một nửa trang *Thời Báo* rách in khoảng mười năm về trước - nửa trang trên cho nên có ghi ngày tháng - có đăng hình các đại biểu trong một hành vụ gì đó của Đảng tại Nữu Ước. Đáng chú ý ở giữa là Jones, Aaronson và Rutherford. Không thể nhận nhầm họ được, và lại tên họ được ghi chú dưới hình.

Điều quan hệ là trong cả hai phiên tòa ba người đã xưng hôí đó họ ở đất Âu Á. Họ đã bay từ một phi trường mật tại Gia Nã Đại tới một nơi hẹn đầu đó tại Tây Bá Lợi Á, và đã họp cùng nhân viên thuộc Tổng Tham Mưu Âu Á, để phản nước và khai những điều bí mật quân sự quan trọng. Ngày đó in rõ trong ký

ức Winston vì ngẫu nhiên hôm ấy là ngày trung hạ; nhưng toàn thể câu chuyện thế nào cũng được ghi trong vô số công văn. Chỉ có một kết luận đúng lý là: những bản thú tội lão toét.

Đĩ nhiên đây không phải là một sự phát giác mới lạ. Ngay hồi đó Winston đã không nghĩ rằng những người bị loại trong các cuộc thanh trừ thực sự phạm những tội vu cho họ. Nhưng đây là một bằng chứng cụ thể; nó là một mẫu quá khứ đã bị hủy bỏ, như một khúc xương hóa thạch đã xuất hiện trong một lớp không hợp dự tính, phá tan một thuyết địa chất học. Nó đủ thổi tan Đảng nếu có cách đảng nó cho hoàn cầu biết, cho ý nghĩa của nó được phổ biến. Anh đã tiếp tục làm việc. Thoạt nhận ra tấm hình và hiểu ý nghĩa của nó, anh đã vội phủ mẫu tài liệu với một tờ giấy khác. May thay, khi anh trải nó ra, nó ngược chiều với máy truyền hình.

Anh đặt tấm lót tay để viết trên đầu gối và kéo lùi ghế hết sức xa máy truyền hình. Giữ cho mặt thần nhiên không khó, và ngay hơi thở cũng có thể kiềm chế được, nếu cố gắng: nhưng không thể chế ngự được tiếng đập của con tim, và máy truyền hình đủ nhạy để ghi tiếng này. Anh để trôi mười phút theo ước tính của anh, suốt mười phút đó anh bứt rứt lo sợ một sự bất trắc - chẳng hạn, một luồng gió bỗng thổi trên bàn giấy của anh - có thể phản anh. Rồi, để khéo không cho mảnh tài liệu lộ rõ, anh ném nó vào lỗ ký ức cùng với vài tờ giấy nháp khác. Nội một phút nữa, có lẽ, nó sẽ tan thành tro.

Đấy là mười - mười một năm về trước. Ngày nay có lẽ anh đã giữ tấm hình ấy. Là đối với anh sự đã cầm nó trong tay thay đổi mọi sự, dù tấm hình cũng như sự kiện nó ghi lại chỉ còn là kỷ niệm. Anh tự hỏi không hiểu sự nắm giữ quá khứ của Đảng

có bớt mạnh đi vì một mảnh bằng chứng không còn nữa đã có lần hiện hữu không?

Nhưng ngày nay, ví cho tấm hình có cách nào từ tro tái sinh, nó cũng không thể là một bằng chứng được. Ngay hồi anh khám phá ra nó, Đại Dương không còn đánh nhau với Âu Á, và ba người chết phải phản quốc với điệp viên Đông Á mới đúng. Từ hồi đó có nhiều thay đổi khác - hai, ba, bao lần anh không nhớ rõ. Rất có thể những bản thú tội đã được viết đi viết lại cho tới khi những sự kiện hay ngày tháng nguyên thủy không còn mấy may ý nghĩa. Không những quá khứ thay đổi, nó còn biến đổi không ngừng. Điều làm anh sầu não nhất cùng cho anh cảm giác sống trong ác mộng là sự anh không hiểu tại sao sự đại bịp bợm kia được thực hiện. Những lợi ích tức thì của sự xuyên tạc hiển nhiên rồi, nhưng động cơ cuối cùng của nó thật bí mật. Anh nhắc bút lên trở lại và viết:

Tôi hiểu NHƯ SAO: Tôi không hiểu TẠI SAO.

Anh tự hỏi, như bao lần tự hỏi trước, không hiểu anh có khủng không. Có thể người khủng chỉ là một người thiếu số đơn độc. Có thời tin rằng trái đất xoay quanh mặt trời là dấu hiệu của bệnh điên; ngày nay triệu chứng điên là tin rằng quá khứ không thể biến chất được. Có thể một mình anh tin vậy và nếu anh có một mình, anh là một người khủng. Nhưng ý nghĩ mình điên không làm anh xúc động nhiều: điều khủng khiếp là sự có thể anh làm.

Anh nhắc cuốn sách sử dành cho trẻ em lên và nhìn ảnh Bác in trên đầu sách. Đôi mắt thôi miên nhìn chòng chọc vào mắt anh. Đôi mắt như thể có một sức mạnh lớn lao đè bẹp bạn -

một uy lực nhập vào sọ bạn, đập vào óc bạn, làm bạn khiếp sợ từ bỏ những điều bạn tin, gần như thuyết phục bạn chối nhận những bằng chứng hiển nhiên của giác quan bạn. Tận cùng Đảng sẽ tuyên bố rằng hai cộng hai là năm, và bạn phải tin như vậy. Sớm muộn gì chúng cũng sẽ xướng ngôn điều đó: luận lý của cương vị chúng đòi hỏi như vậy. Không riêng gì hiệu lực của kinh nghiệm mà cả sự hiện hữu của thực tế bị triết lý của chúng phủ nhận. Tà thuyết vượt các tà thuyết là lương tri. Và điều ghê rợn không phải là sự chúng giết bạn vì bạn nghĩ khác, mà là có thể chúng có lý. Bởi, dù sao chẳng nữa, làm sao biết được rằng hai cộng hai là bốn? Rằng sức trọng lực hữu hiệu? Hay rằng quá khứ không thể biến đổi được? Nếu cả quá khứ và thế giới bên ngoài chỉ có trong trí tuệ thôi, và nếu trí tuệ có thể kiểm soát được - thế thì sao?

Nhưng không! Lòng can đảm của anh bỗng dung tự nhiên cứng lại. Guồng mặt của O'Brien, tuy không được gọi bởi một liên tưởng nào, thoáng qua mắt anh. Anh biết chắc chắn hơn trước O'Brien đứng về phe anh. Anh đang viết nhật ký vì O'Brien - cho O'Brien: nó tựa một lá thư vô tận không bao giờ ai đọc được, nhưng để gửi một cá nhân và có màu sắc nhờ sự kiện đó.

Đảng bảo phải bác bỏ bằng chứng của tai mắt. Đó là giới luật sau cùng, chủ yếu nhất của chúng. Tim anh lịm đi khi nghĩ tới quyền lực to tát triển khai chống anh, tới sự bất cứ nhà trí thức nào của Đảng cũng có thể tranh luận thắng anh dễ dàng, tới những luận chứng tinh tế mà anh không hiểu nổi mà cũng không đáp lại nổi. Thế nhưng anh có lý! Chúng sai và anh phải. Sự hiển nhiên, sự ngây ngô và sự thật phải được bảo vệ.

Lẽ đương nhiên đúng, phải bám vào đó! Thế giới vững chắc có thật, luật lệ của nó không thay đổi. Đá cứng, nước ẩm, vật không chỗ dựa rơi về phía trung tâm trái đất. Với cảm tưởng anh đang nói chuyện với O'Brien, cũng như đang đặt ra một tiền đề cốt yếu, Winston viết:

Tự do là tự do nói rằng hai cộng hai là bốn. Nếu điều này được thừa nhận, mọi điều khác theo sau.

Từ một cuối ngõ nào đó mùi cà phê rang - cà phê thật, không phải cà phê Chiến Thắng - phảng phất bay ra ngoài phố. Winston bất giác dừng chân. Trong độ hai giây, anh trở về thế giới đã gần đi vào quên lãng của thời thơ ấu. Song một cánh cửa đập mạnh, cắt đứt mùi thơm như thể nó là một tiếng động.

Anh đã thả bách bộ nhiều cây số trên vỉa hè, và chứng loét giãn tĩnh mạch đang nhói lên. Lần này là lần thứ hai trong ba tuần anh trốn phiên họp chiều tại Trung Tâm Cộng Đồng: một hành động táo bạo khi biết chắc sự hiện diện tại Trung Tâm được kiểm soát kỹ càng. Trên nguyên tắc, Đảng viên không có giờ rảnh, và không bao giờ được ở một mình ngoài giờ ngủ. Thông lệ là khi không làm việc, không ăn hay không ngủ, Đảng viên phải tham gia một cuộc giải trí cộng đồng: làm bất cứ việc gì ám thị một sự ham thích cảnh cô đơn, dù là tản bộ một mình, bao giờ cũng khá nguy hiểm. Ngôn mới có chữ chỉ điều ấy: mình sống, có nghĩa là cá nhân chủ nghĩa và tính kỳ quặc. Nhưng chiều nay khi ra khỏi Bộ, hương khí tháng Tư đã quyến rũ anh. Trời xanh ẩm như chưa từng thấy năm nay, và bỗng nhiên anh cảm thấy như không thể chịu nổi phiên họp chiều dài dằng dặc ồn ào tại Trung Tâm, những trò chơi chán ngắt, các bài

diễn văn, cũng như tinh đồng chí cột kết được rượu gin thoa mỡ. Bốc đồng anh tránh trạm xe buýt và lang thang trong đồ trận Luân Đôn, thoát đầu ở vùng nam, sau sang vùng đông, rồi lại lên vùng bắc, lạc mình trong các đường phố lạ, không mấy để ý đến phương hướng đang theo.

“Nếu có hy vọng, nó phải nằm nơi dân đen”, anh đã viết vậy trong nhật ký. Câu này ám ảnh anh, cái câu quả quyết một sự thật thần bí và một sự phi lý sờ sờ. Anh đang ở đâu đó, trong xóm nhà nhor nhóp mầu nâu mạn đông bắc nhà ga Thánh Pancras xưa. Anh đi trên một đường phố lát sỏi có nhà hai tầng với cửa sổ nghiêng nhìn thẳng ra hè, coi giống ổ chuột lạ. Nhiều vũng nước bắn rải rác trên đường lát. Trong và ngoài cửa nhà đen tối, dọc những ngõ ngang hẹp nhánh từ hai bên đường phố, dân chúng đông lạ lùng, hàng ngàn người - con gái đương tuổi thanh xuân với đôi môi son loè loẹt, con trai đuổi theo con gái, đàn bà mập phình núng nính cho thấy các cô gái sẽ ra sao mười lăm năm nữa, người già khom lưng lê đôi chân bệt, và trẻ con rách rưới chân đất chơi đùa trong các vũng nước để rồi tản mát khi mẹ chúng giận hét. Đến một phần tư của sổ trông ra phố bị gãy và lấp ván. Phần đông dân chúng không để ý đến Winston; vài người tò mò dè dặt nhìn anh. Có hai quái nữ với cánh tay đỏ gạch khoanh trước áo tạp dề nói chuyện với nhau ngoài một ngưỡng cửa. Khi lại gần họ Winston nghe lỏm được vài mẩu câu chuyện:

“Phải,” tui bảo chị ta, “vậy phải lắm,” tui bảo thế. “Nhưng nếu chị ở cảnh tui chị cũng làm như tui vậy thôi. Chê thì dễ,” tui bảo thế, “nhưng chị không mắc vào cảnh như tui.”

“Ừ,” người kia nói, “đúng thế. Đúng là thế đó.”

Giọng nói the thé vụt ngưng. Hai người đàn bà lẳng lặng nhòm anh như thù địch khi anh qua mặt họ. Đúng ra, đấy không phải là một thái độ hiểm khích, mà chỉ là một phản ứng thận trọng, căng thẳng nhất thời, kiểu như trước sự băng qua của một con thú không quen thuộc. Bộ áo liền quần của Đảng không thể là một cảnh tượng bình thường trên một đường phố như thế này. Thật thế, trừ phi có nhiệm vụ rõ ràng, bị bắt gặp tại những nơi như chốn đây là một điều không nên. Đội tuần tra có thể chặn giữ bạn nếu rui bạn gặp họ: “Đồng chí cho tôi xem giấy được không? Đồng chí làm gì nơi đây? Đồng chí rời sở hỏi mấy giờ? Đây có phải là lối về nhà bình thường của đồng chí không?” - và cứ như thế. Kể thì không hề có luật chống sự theo lối khác lạ về nhà; nhưng thế đủ khiến bạn bị chú ý đến nếu chuyện đến tai Cảnh Sát Tư Tưởng.

Thình lình cả phố sôi sục. Có tiếng hét báo động xuất phát từ khắp nơi. Dân chúng phóng qua cửa về nhà như thỏ chạy. Một thiếu phụ vọt khỏi một ngưỡng cửa trước mặt Winston, túm lấy một đứa bé đang chơi trong vũng nước, phủ nó trong tạp dề rồi bay trở lại về nhà, mọi tác động gom nhanh vào một. Đồng thời một gã mặc một bộ đồ đen nhẵn nhúm nhô mình từ một ngõ ngang, vừa chạy về phía Winston vừa hét ha hét hải chỉ tay lên trời:

“Máy hơi!” anh ta hét lên. “Coi chừng, thầy nó! Pằng trên đầu! Nằm xuống nhanh!”

“Máy hơi” là tên dân đen đặt cho bom lửa, không rõ vì sao. Winston vội nhào mặt xuống đất. Dân đen gần như không bao giờ nhầm khi ra báo hiệu về bom. Hình như họ có một linh tính báo cho họ biết trước vài giây sự kề cận của bom lửa, mặc dầu

bom lửa được coi như bay nhanh hơn âm thanh. Winston khoanh tay lên đầu. Một tiếng ầm vang làm như cuồn tung hè lên; hàng chùm vật nhẹ mưa lách tách trên lưng anh. Khi đứng dậy anh thấy mình bị bao phủ bởi vụn kính rơi từ cửa sổ gần nhất.

Anh tiếp tục rảo bước. Trái bom đã phá hủy một khóm nhà trên đầu phố cách đây hai trăm thước. Một luồng khói đen treo giữa trời, và dưới đất một đám mây bụi thạch cao bao trùm một đám người đã họp quanh đồng phế tích. Có một xấp nhỏ thạch cao nằm trước mặt anh, và giữa xấp anh thấy một vết đỏ tươi. Khi lại gần, anh nhận ra đó là một bàn tay người bị cắt ngang cổ. Ngoài cái đầu cụt đầm máu, bàn tay tái mét trông như một vật đúc bằng thạch cao.

Anh đá vật đó vào cống rồi rẽ xuống một ngõ ngang để tránh đám đông. Ba bốn phút sau anh ra khỏi vùng bị bỏ bom, và đời sống lúc nhúc bận rộn của phố phường tiếp tục như không có gì vừa xảy ra. Đã gần hai mươi giờ, và các quán nước được dân đen lui tới (mà họ gọi là “póp”) đông nghẹt khách. Từ những cửa xoay xấu xí, không ngưng đóng mở, bay ra một mùi nước tiểu, mùn cua và bia chua. Tại một góc do một mặt nhà nhô ra hình thành có ba gã đứng sát nhau; người đứng giữa cầm một tờ báo gấp trong khi hai người kia đọc qua vai anh ta. Ngay khi chưa đủ ở gần để nhìn nét mặt họ, Winston đã thấy sự mệt mỏi hiện trên toàn dáng điệu của họ. Hiển nhiên họ đang đọc một tin quan trọng. Anh vượt họ được vài bước thì bỗng dung nhóm người tan rã và hai trong ba người cãi nhau to. Trong một lúc họ suýt ra tay với nhau.

“Mẹ kiếp, mày không nghe tao nói hả? Tao bảo mày không có số nào tận cùng bằng số bảy trùng số từ mười bốn tháng nay!”

“Có, có số trúng mà!”

“Không, không có! Ở nhà tao có ghi cả thấy số trúng từ hơn hai năm nay. Tao chép lại đều đặn như đồng hồ. Và tao bảo mày, không có số nào tận cùng bằng số bảy -”

“Có, có một số bảy trúng! Tao có thể đọc gần hết cho mày con số mắc dịch đó. Nó tận cùng bằng bốn không bảy. Đó vào lúc tháng Hai - tuần thứ hai tháng Hai.”

“Tháng Hai cái con bà mày! Tao ghi hết trên giấy trắng mực đen. Và tao bảo mày, không có số nào -”

“Ôi, câm miệng đi!”, người thứ ba thốt.

Họ nói về Xổ Số. Winston ngoảnh lại nhìn họ khi quá họ ba mươi thước. Họ vẫn còn cãi nhau, gương mặt bùng bùng hăng say. Xổ Số với những số tiền giải khổng lồ hàng tuần, là chuyện thời sự độc nhất được dân đen quan tâm đến. Chắc hẳn hàng triệu dân đen coi Xổ Số như lẽ sống chính yếu nếu không độc nhất của họ. Nó là nguồn vui, là thú đam mê, là thuốc an thần, là chất kích thích trí óc của họ. Khi có sự liên quan tới Xổ Số, ngay những người không biết đọc biết viết gì cũng hình như có tài tính toán rắc rối hay trí nhớ dài kỳ lạ. Có cả bảy người kiểm com nhờ bán phương thức, dự toán và bùa hên. Winston không liên can gì đến sự điều hành Xổ Số do Bộ Sung Túc đảm nhận, nhưng anh biết rằng (mà ai trong Đảng cũng biết) các giải trúng phần đông là giải hão. Thực ra chỉ có vài món tiền nhỏ được phát, những người trúng giải lớn chỉ là người bịa. Vì không có sự thông tin qua lại thực sự giữa các vùng Đại Dương, mạo chuyện trúng giải không khó khăn gì.

Nhưng nếu có hy vọng, nó phải nằm nơi dân đen. Phải bám vào điều này. Khi đọc câu ấy lên, nó có vẻ hữu lý: nhưng khi

nhìn vào những người qua đường trên vỉa hè, câu đó trở thành một lời nguyện tin. Con phố mà anh rẽ vào chạy xuống đồi. Anh có cảm tưởng đã tới khu ngoại ô này trước đây, và nhớ có một con đường lớn không xa chốn này. Từ đầu đó phía đằng trước có tiếng kêu hò inh ỏi. Con phố quẹo theo một góc nhọn và tận cùng bằng một cầu thang dẫn xuống một ngõ trũng có vài sập hàng bán rau héo. Bây giờ thì Winston nhớ ra chỗ mình đang ở. Ngõ này dẫn đến phố lớn, và tại phố ngang đầu tiên, ở mạn dưới, cách đây không quá năm phút, là cái tiệm đồ cũ nơi anh đã mua cuốn vở trắng nay là nhật ký của anh. Và tại một tiệm bán giấy không xa, anh đã mua cái bút và lọ mực anh dùng.

Anh dừng chân một lúc trên đầu cầu thang. Bên kia ngõ có một pốp nhỏ tồi tàn có cửa sổ tưởng như bị băng phủ hóa ra chỉ bị bụi trùm. Một ông lão già khum nhưng hào hoạt, có râu mép trắng dựng lên như râu tôm, ẩy cửa xoay vào trong quán. Đương đứng nhìn, Winston bỗng nghĩ rằng ông già lên tám mươi tuổi ít nhất, nên đã đứng tuổi khi Cách Mạng xảy ra. Ông ta và vài người khác là những mối liên lạc hiện hữu cuối cùng với thế giới tư bản. Ngay trong Đảng không có nhiều người được đào luyện tư tưởng trước Cách Mạng. Thế hệ cũ gần như đã bị quét sạch trong các cuộc thanh trừ lớn vào những năm năm mươi sáu mươi, và mấy người sống sót đã hoàn toàn đầu hàng tinh thần từ lâu vì sợ hãi. Nếu có người còn sống dám kể lại một cách trung thực tình trạng hồi đầu thế kỷ, người đó phải là dân đen. Bỗng dung đoạn sách sử mà anh đã chép trong nhật ký hiện lại trong óc Winston, và một động lực điên rồ xâm nhập lấy anh. Anh phải vào trong pốp, anh phải làm quen với ông lão và hỏi han ông ta. Anh sẽ hỏi ông ta: “Xin cụ cho biết đời sống

của cụ khi cụ còn nhỏ. Thời đó ra sao? Thời đó sự thể khá hay tệ hơn bây giờ?”

Một cách vội vàng để khỏi có thì giờ sợ hãi, anh đi xuống cầu thang bằng qua ngõ hẻm. Đương nhiên, đây là một hành động điên khùng. Như thường lệ, không có luật lệ rõ ràng cấm sự nói chuyện với dân đen và lui tới pốp của họ, nhưng đó là một hành động quá bất thường, thế nào cũng bị chú ý đến. Nếu đội tuần tra xuất hiện, anh có thể viện cớ là bỗng thấy khó ọc, nhưng họ sẽ khó lòng tin anh. Anh đẩy cửa mở toang, và một mùi bia chua ghê gớm như phó mát đập vào mũi anh. Khi anh vào, tiếng ồn giảm xuống nửa âm độ. Đằng sau lưng anh, anh có thể cảm thấy mọi người nhìn soi mói vào bộ áo liền quần xanh của anh. Một ván ném phi tiêu đang chơi dở bên cuối phòng ngừng lại chừng ba mươi giây. Ông lão mà anh theo dõi đứng tại quầy rượu, cái vĩa gì đó với người hầu rượu, một thanh niên to lớn mập mạp có mũi quặp và cẳng tay kéch xù. Một nhóm người khác cầm cốc đứng quanh nhìn cảnh tượng.

“Tôi hỏi anh thế là lẽ phép lắm rồi, đúng không?”, ông lão vừa nói vừa uốn thẳng vai lại một cách hùng hổ.” Anh bảo tôi không có hũ nào một panh trong cả cái ổ rượu chết tiệt này là cái thứ gì?”

“Nhưng trời đất quỷ thần, nào ai biết một panh là cái thó gì?”, người hầu rượu nói, thân mình đưa về phía trước trong khi ngón tay tì trên quầy hàng.

“Coi kia! Hẳn nhận mình là người hầu rượu mà không biết một panh là gì! Sao, một panh là một nửa ca và có bốn ca trong một lon. Lần sau dễ chừng phải dạy i tờ cho anh nữa!”

“Không nghe mấy thứ đó bao giờ,” người hầu rượu trả lời

cộc lốc. “Lít với nửa lít, chỉ bán có thể. Cốc ở trên giá trước mặt ông ấy!”

“Tôi muốn một panh cơ,” ông lão khẳng khẳng. “Anh rót cho tôi một panh được mà, dễ lắm. Hồi tụi tôi còn trẻ không có lít mắc dịch gì ráo!”

“Hồi ông còn trẻ tụi tôi sống cả trên chòm cây,” người hầu rượu vừa nói vừa liếc nhìn các khách hàng khác.

Một tiếng cười ầm vang lên và sự khó chịu gây ra bởi sự xuất hiện của Winston hình như biến mất. gương mặt lõm chồm lõng trắng của ông lão đỏ hồng lên. Miệng lẩm bẩm, ông ta quay người đi, và đụng đầu vào Winston. Winston khẽ cầm tay ông.

“Xin phép cụ cho tôi mời cụ một cốc rượu,” anh nói.

“Anh mới thật là người,” ông lão vừa nói vừa uốn thẳng vai lại. Ông ta hầu như không để ý đến bộ áo liền quần xanh của Winston. “Một panh!” ông ta nói tiếp một cách khiêu khích với người hầu rượu. “Panh bia!”

Người hầu rượu rót hai nửa lít bia nâu thẫm vào hai cốc lớn đã được tráng trong một chậu để ở dưới quầy. Bia là thứ giải khát độc nhất được bán trong pốp dành cho dân đen. Dân đen được coi như không uống rượu gin, mặc dầu trên thực tế họ muốn kiếm gin cũng dễ. Trò chơi ném phi tiêu đã hào hứng trở lại, và nhóm người bao quanh quầy đã bắt đầu nói chuyện về xổ số. Lúc này sự hiện diện của Winston đã bị bỏ quên. Có một bàn gỗ trắng kê dưới cửa sổ cho phép anh và ông lão nói chuyện mà không sợ bị nghe lỏm. Cư xử như vậy hết sức nguy hiểm, nhưng dù thế nào đi nữa, trong quán không có máy truyền hình, một điều anh đã kiểm chắc lúc thoát vào.

“Hãy rót cho tôi một panh mới phải,” ông lão vừa lau nhàu

vừa đặt cốc ngồi xuống. “Một nửa lít không đủ. Không thấm. Mà một lít thì quá nhiều. Làm bọng đái tôi chảy dòng. Không kể giá cả.”

“Chắc cụ đã chứng kiến nhiều sự thay đổi từ thuở thiếu thời,” Winston móm hỏi.

Đôi mắt xanh lơ của ông lão đưa từ bảng bia phi tiêu đến quầy rượu, rồi từ quầy rượu tới phòng vệ sinh cho phái nam, coi như các sự thay đổi đã xảy ra trong quán.

Sau cùng ông nói: “Bia trước đây ngon hơn! Và rẻ hơn! Hồi tôi còn trẻ, bia nhẹ - mà chúng tôi gọi là la ve - có bốn xu một panh. Đó là trước khi có chiến tranh, cố nhiên.”

“Chiến tranh nào cơ ạ?” Winston hỏi.

“Các chiến tranh,” ông lão mấp mò đáp. Ông bỏ kính ra, ưỡn thẳng vai lại. “Chúc anh sức khỏe dồi dào!”

Trái cổ nhọn của ông ta lên xuống thật nhanh trong cuống họng hẹp, và bia bị nuốt biến. Winston tới quầy rượu rồi trở lại bàn với hai nửa lít nữa. Ông lão hầu như quên thành kiến đối với sự uống cả lít.

“Cụ nhiều tuổi hơn tôi nhiều,” Winston nói. “Chắc cụ đã trưởng thành khi tôi chưa chào đời. Có lẽ cụ nhớ ngày xưa ra sao khi chưa xảy ra Cách Mạng. Những người đồng lứa với tôi thực sự không biết gì về thời đó. Chúng tôi chỉ biết qua sách vở, mà những điều ghi trong sách chưa chắc đúng. Tôi mong biết ý kiến cụ. Sách sử bảo đời sống trước Cách Mạng khác hẳn bây giờ. Hồi đó, sự áp bức, bất công và nghèo nàn ghê gớm quá sức tưởng tượng của con người. Tại Luân Đôn này, đại quần chúng không bao giờ có đủ ăn từ lúc sinh ra cho đến lúc chết. Một nửa dân số không có cả giấy ống để đi. Họ làm việc mười hai tiếng

một ngày, bỏ học khi lên chín, ngủ cả mười người trong một phòng. Trong khi đó, có một thiểu số, chỉ vài ngàn người - gọi là dân tư bản - giàu sang thế lực. Họ là chủ hữu của mọi thứ có thể có được. Họ sống trong những tòa nhà rộng rãi và lộng lẫy với hàng ba chục đầy tớ, họ di chuyển trong xe hơi và xe tứ mã, họ uống rượu sâm banh, họ đội mũ cao thành -”

Ông lão bỗng sáng mặt lên.

“Mũ cao thành!” ông ta nói. “Lạ sao anh lại nhắc tới nó. Mới hôm qua tôi cũng nghĩ đến vật này. Tôi không hiểu tại sao. Nghĩ đến, thế thôi. Sao bao năm rồi tôi không thấy nó. Nó biến đâu mất ấy. Lần cuối tôi đội nó là bữa tôi đưa đám ma chị dâu tôi. Và bữa đó - nhưng tôi không nhớ rõ ngày - vào khoảng năm mươi năm trước. Cổ nhiên, anh cũng hiểu, mũ ấy tôi thuê đặc biệt cho hôm đó.”

“Chuyện mũ cao thành không quan trọng lắm,” Winston kiên nhẫn nói. “Điều đáng kể là dân tư bản kia - họ và số luật sư, thầy tu, văn văn, sống bám vào họ - thời đó làm chúa tể thế giới. Mọi sự chỉ có trên đời để phục vụ họ. Các cụ - thường dân và dân lao động - làm nô lệ cho họ. Họ muốn làm gì các cụ thì làm. Họ có thể chuyển các cụ xuống tàu như thể một đàn bò sang Gia Nã Đại. Họ có thể ngủ với con gái các cụ nếu họ muốn. Họ có thể ra lệnh quật các cụ với một cái gọi là roi chín đuôi. Các cụ phải ngả mũ khi qua mặt họ. Dân tư bản nào cũng có một bầu lâu la đi theo -”

Mặt ông lão lại sáng lên.

“Lâu la!” ông ta nói. “Nè, đã từ lâu tôi không nghe thấy tiếng này! Lâu la! Tiếng quen thuộc đó làm tôi trở về xưa, thật đó. Tôi nhớ - ồ, hàng bao năm trước - tôi thường ra công viên Hyde

vào chiều chủ nhật để nghe mấy trụ diễn thuyết. Đội quân Cứu thế, dân Công giáo, dân Do Thái, dân Ấn Độ - có đủ loại người. Có một gã - nhưng tôi không nhớ tên hắn, đúng là một kẻ ăn nói hùng hồn. Hắn không nhẹ miệng chút nào. “Đồ lâu la!” hắn nói, “đồ làm lâu la cho giới tư sản! Đồ làm bồi cho giai cấp cầm quyền!” Một tiếng rủa nữa là quân ăn bám. Và còn linh cầu nữa, hắn quả có gọi chúng là đồ linh cầu. Dĩ nhiên anh cũng hiểu, chúng đây chỉ Đảng Lao Động.”

Winston có cảm tưởng như ông ta nói gà mà anh nói vịt.

“Điều tôi muốn nói là như thế này,” anh bảo. “Cụ có thấy cụ có nhiều tự do hơn hồi đó không? Cụ có được đối xử như một con người hơn trước không? Thời xưa, dân giàu sang, dân trên chóp bực -”

“Thượng nghị viện,” ông lão nhắc.

“Ừ thì Thượng nghị viện như cụ thích. Điều tôi muốn hỏi là những người đó có xem các cụ như kẻ dưới chỉ vì họ giàu mà các cụ nghèo không? Chẳng hạn, có đúng các cụ phải thua “bẩm ngài” với họ và ngả mũ khi qua mặt họ không?”

Ông lão có vẻ nghĩ ngợi. Ông uống hết một phần tư cốc bia trước khi đáp:

“Phải,” ông ta nói, “họ thích người ta ngả mũ chào họ. Như để tỏ vẻ kính trọng. Chính tôi không đồng ý, nhưng tôi đã làm thế khá thường. Bắt buộc phải vậy, như anh có thể nói.”

“Và thói thường - tôi chỉ nhắc lại những điều đọc trong sách sử - thói thường những người đó và đầy tớ của họ có đẩy các cụ ra khỏi hè cho các cụ ngã xuống rãnh không?”

“Một tên có đẩy tôi xuống một lần,” ông lão nói. “Tôi còn nhớ như thể là ngày hôm qua. Đó là đêm Đua Thuyền - đêm Đua

Thuyền thường ồn ào dễ sợ - và tôi đụng phải một gã trẻ tuổi trên đường Shaftesbury. Hắn đúng là dân sang - áo sơ mi bảnh, mũ cao thành, áo khoác đen. Hắn đi xiêu vẹo trên hè và tôi vô ý đụng phải hắn. Hắn nói: “Bộ mày không biết nhìn đường hả?” Hắn nói thế đó. Tôi đáp lại: “Để chừng anh tưởng anh mua được cái via hè chết tiệt này hả?” Hắn bảo: “Tao vận cái cổ chó chết của mày bây giờ, nếu mày lão lếu với tao.” Tôi lại đáp: “Anh say rồi. Để chốc tôi cho anh một trận.” Và anh tin tôi đi, hắn đưa tay lên ngực tôi rồi xô tôi ngã xéo chút là tôi lăn dưới bánh xe buýt. Nhưng hồi đó tôi còn trẻ, và tôi sắp cho hắn ném một quả thi -”

Một cảm giác bất lực xâm nhập Winston. Trí nhớ ông lão chỉ ghi một đồng chi tiết vô nghĩa. Có thể tra hỏi ông ta cả ngày mà chẳng thu được một tin tức đáng kể nào. Các sách sử của Đảng biết đâu xác thực, theo kiểu của chúng. Mà biết đâu chúng còn hoàn toàn xác thực. Anh thử một lần chót:

“Có lẽ tôi không tỏ rõ ý tôi,” anh bảo. “Điều tôi muốn nói như sau. Cụ đã sống thật lâu; cụ đã sống nửa đời trước Cách Mạng. Tỷ như mới năm 1925 cụ đã trưởng thành. Xin cụ cho biết, theo như cụ nhớ, đời sống hồi năm 1925 khá hơn hay tệ hơn bây giờ? Nếu cụ được chọn, cụ thích sống vào thời đó hay vào thời nay?”

Ông lão trầm ngâm nhìn vào tấm bia phi tiêu. Ông uống cạn bia một cách chậm rãi hơn trước. Khi ông lên tiếng, ông ra vẻ khoan dung hiền triết tuồng như rượu bia làm ông chín chắn lên.

“Tôi biết anh đợi tôi nói gì,” ông ta bảo. “Anh đợi tôi nói tôi thích trẻ tuổi trở lại. Phần đông người ta, nếu có ai hỏi, đều đáp là thích được trẻ hơn. Khi trẻ mình có sức khỏe, sức lực. Tôi tuổi của tôi không ai được mạnh cả. Tôi đau chân ác ôn và

bọng đái của tôi hành tôi dữ. Mỗi đêm nó kéo tôi ra khỏi giường đến sáu bảy lần. Mặt khác, già cũng có nhiều cái lợi lớn. Khác chuyện lo nghĩ. Hết chơi với phụ nữ, đấy là đại sự. Tôi không đi với một bà nào từ gần ba mươi năm nay, anh tin tôi đi. Hơn thế nữa, tôi không còn thiết gần họ.” Winston ngồi tựa vào thành cửa sổ. Tiếp tục không ích gì. Anh tính mua thêm ít bia nữa thì bỗng dung ông lão đứng dậy và lê nhanh vào buồng tiểu hôi hám cạnh phòng khách. Nửa lít uống thêm đã bắt đầu hành ông ta. Winston ngồi nhìn cốc rỗng của mình một hai phút, và không ý thức chân anh kéo anh ra ngoài phố trở lại lúc nào. Nhiều nhất độ hai mươi năm nữa, theo anh nghĩ, câu hỏi to tát và đơn giản, “Đời sống thời trước Cách Mạng có khá hơn thời nay không?” sẽ vĩnh viễn không còn ai trả lời được nữa. Nhưng trên thực tế thì ngay bây giờ cũng không có ai giải đáp được, vì số ít người rải rác từng trải qua thế giới cũ còn sống sót không đủ tư cách so sánh thời này với thời kia. Họ nhớ một triệu điều vô tích sự, một trận cãi vã với một đồng nghiệp, một cuộc đi tìm chiếc bom xe bị mất, nét mặt của một người chị đã chết từ lâu, những xoáy bụi do gió thổi lên vào một buổi sáng bảy mươi năm về trước, nhưng mọi sự kiện đáng kể ở ngoài tầm mắt họ. Họ như cái kiến chỉ nhận thấy vật nhỏ mà không thấy được vật lớn. Khi trí nhớ họ kém cỏi, và khi tài liệu bị xuyên tạc - khi đó bắt buộc phải chấp nhận lời tuyên bố đã nâng cao nếp sống nhân loại của Đảng, vì không có và không bao giờ có thể có lại một tiêu chuẩn cho phép trải nghiệm điều ấy. Tới đây dòng tư tưởng của anh vụt ngưng. Anh dùng chân, ngược mắt nhìn. Anh đang ở trên một phố hẻm có vài tiệm tối tăm xen giữa nhà ở. Ngay trên đầu anh treo lủng lẳng ba quả bóng kim khí đã phai

mẫu dáng chừng xưa kia được mạ vàng. Anh hình như biết nơi này. Lẽ dĩ nhiên! Anh đang đứng ngoài tiệm đồ cũ, nơi anh đã mua quyển nhật ký.

Một tia sợ hãi xuyên qua anh. Sự mua cuốn vở thoát tiên đã là một hành động khá khinh suất rồi, và anh đã thề không bao giờ lại gần nơi này. Thế mà anh vừa cho phép tư tưởng lang thang, chân anh tự nó đã dẫn anh trở lại đây. Chính vì mong ngăn mình có những hành vi tự sát kiểu ấy mà anh đã khai trương cuốn nhật ký. Đồng thời anh để ý thấy rằng mặc dầu đã gần hai mươi mốt giờ, tiệm đồ vẫn còn mở cửa. Nghĩ rằng mình đỡ bị dòm ngó nếu vào trong hơn là đứng lê ngoài hè, anh bước vào cửa tiệm. Nếu bị vặn hỏi anh có thể trả lời như thực là anh đang lùng mua dao cạo.

Người chủ tiệm vừa mới đốt một chiếc đèn dầu treo, làm tỏa ra một mùi hôi hỗn độn nhưng thân thuộc. Ông ta là một người khoảng sáu chục, gầy khom với một chiếc mũi dài nhân từ và một đôi mắt hiền lành bị cặp kính dày làm méo mó. Tóc ông ta gần bạc hết nhưng lông mày ông ta rậm và hầy còn đen. Cặp kính của ông ta, cử động hời hả nhẹ nhàng của ông, và sự ông ta mặc một chiếc áo đuôi tôm cũ bằng nhung đen, hơi làm cho ông có vẻ một nhà trí thức, như thể ông ta là một thứ nhà văn, hay có lẽ một nhạc sĩ. Giọng ông ta ít thô hơn phần lớn dân đen. “Thấy ông trên vỉa hè tôi nhận ngay ra ông,” ông ta lập tức nói. “Ông là người đã mua quyển sổ tay thiếu nữ. Tập giấy ấy đẹp đấy. Xưa nó có tên là giấy hần kem. Không còn giấy như vậy nữa - xem nào, dám chừng từ năm mươi năm nay.” Ông ta dò hỏi Winston qua chòm kính. “Liệu tôi giúp được ông điều gì đặc biệt không? Hay ông chỉ muốn nhìn quanh?”

“Tôi tạt qua thôi,” Winston mập mờ nói. “Tôi mới nhòm trong tiệm. Tôi không cần gì đặc biệt.”

“Thế cũng hay,” ông ta nói. “Vì tôi không chắc làm vừa lòng ông được.” Ông ta xua tay mềm mại lên xin lỗi. “Ông thấy đó; có thể nói là tiệm trống rỗng. Nói thật ông hay, nghề buôn đồ cổ sắp hết vận rồi. Không còn khách mà cũng không còn hàng. Bàn ghế, bát đĩa, cốc chén - các thứ đó đã bị bể gãy dần dần. Và cố nhiên các hàng bằng kim khí đã bị đem đi đúc. Mấy năm nay tôi không thấy một cây nến đồng nào.”

Bên trong cửa tiệm nhỏ bé thật ra chật ních đồ đạc, nhưng gần như không có gì mấy may đáng giá. Sàn nhà bị thu hẹp hẳn lại vì xung quanh tường được dựng vô số khung ảnh đầy bụi. Trong cửa kính có mấy mâm đựng đai ốc với đinh ốc, kéo cùn, dao nhíp mè lưỡi, đồng hồ xin không thể khoe nổi là chạy được, và nhiều đồ lặt vặt khác. Chỉ trên một cái bàn nhỏ tại góc tiệm, một đồng hàng táp nham - hộp sơn mài đựng thuốc hít, ghim cài bằng mã não, vân vân - coi như có thể chứa được một món hàng đáng giá. Khi Winston lại gần bàn ấy, mắt anh bắt gặp một vật tròn tròn sáng dịu dưới ánh đèn, và anh cảm nó lên.

Đó là một khối thủy tinh nặng, một mặt cong, một mặt phẳng, na ná hình một bán cầu. Màu cũng như chất thủy tinh gọi ý một sự dịu mềm đặc biệt như thể nước mưa. Ở giữa khối, được phóng đại bởi mặt cong, có một vật uốn lượn hồng làm liên tưởng đến một đoá hoa hồng hay hải quỳ.

“Cái này là gì vậy?”, Winston mè mẩn hỏi.

“Đó là san hô,” ông già nói. “ Chắc nó từ Ấn Đại Dương tới. Xưa họ hay lồng nó vào thủy tinh. Nó được chế tạo không dưới một trăm năm nay. Cổ hơn nữa theo đáng tích của nó.”

“Quả một vật đẹp,” Winston nói.

“Quả một vật đẹp,” ông già tấm tắc. “Nhưng ngày nay không còn mấy người nói vậy.” Ông ta ho. “Này, nếu ông muốn mua nó, tôi lấy ông bốn đôn. Tôi còn nhớ có thời một vật như thế giá lên tới tám bảng, và tám bảng là - mà tôi không tính ra nổi, nhưng là nhiều tiền lắm. Ngày nay, đâu có ai để ý đến đồ cổ xác thực, dù là vài thứ còn lại?”

Winston trả bốn đôn tức thì, và nhét vật thêm muốn vào túi. Điều lòi cuốn anh không mấy là nét đẹp mà là cái vẻ thuộc về một thế giới khác hẳn bây giờ của nó. Chất thủy tinh dịu như nước mưa không giống những thủy tinh mà anh đã từng thấy. Vật này có sức quyến rũ gấp bội vì sự vô ích hiển nhiên của nó, mặc dầu anh có thể đoán rằng có thời nó được dùng làm chặn giấy. Nó rất nặng trong túi anh nhưng cũng may nó không làm túi lòi lên nhiều: Đảng viên giữ một vật như vậy là một điều lạ lùng, nguy hiểm nữa. Bất cứ vật gì cũ, tức vật gì đẹp, đều luôn luôn có phần khả nghi. Ông già vui hẳn lên khi nhận được bốn đôn. Winston hiểu rằng nếu anh trả ba hay hai đôn, ông ta cũng chịu.

“Có một căn phòng trên gác đáng được ông xem,” ông ta nói. “Không có nhiều đồ. Chỉ vài thứ thôi. Ta sẽ lấy đèn soi nếu lên gác.”

Ông ta đốt một cây đèn khác, và khom lưng chậm chạp dẫn đường trên mấy bậc thang dốc đứng hư mòn, rồi theo một hành lang hẹp tới một căn phòng không nhìn ra phố mà nhìn xuống một sân lát sỏi và một rừng ống khói. Winston nhận thấy bàn ghế được sắp đặt như thể căn phòng vẫn được dành cho người ở. Có một mảnh thảm trên sàn, một hai tấm tranh trên tường và một chiếc ghế bành thiếu chải chuốt sát lò sưởi.

Một đồng hồ lỏng kính kiểu xưa với mười hai đốt mặt kêu tích tắc trên bàn lò sưởi. Dưới cửa sổ, chiếm gần một phần tư căn phòng, là một cái giường lớn còn trải nệm.

“Chúng tôi từng sống trong căn phòng này cho tới khi nhà tôi mất,” ông già ra chùng biện giải. “Tôi tính bán bàn ghế dần dần. Đây đây một chiếc giường tuyệt hảo bằng gỗ gụ, hay ít nhất sẽ tuyệt nếu trừ được hết rệp. Nhưng dám nói ông thấy nó hơi công kênh.”

Ông ta gio đèn lên cao để chiếu sáng toàn căn phòng, và dưới ánh đèn mập mờ ẩm áp nơi này có vẻ mòi mọc lạ. Winston thoáng nghĩ anh có thể dễ dàng thuê căn phòng này với vài đôn một tuần, nếu anh dám liều. Đó là một ý tưởng rở dại không thể có được, phải bỏ ngay khi nghĩ tới; nhưng căn phòng đã gợi trong anh một thứ nhớ nhung, một loại ký ức xa xưa. Anh cảm như biết rõ cái thú ngồi tại một căn phòng như thế này, trong một chiếc ghế bành cạnh một lò sưởi rực lửa, chân gác trên tấm chắn lò, có siêu nước đặt trên bàn lò; hoàn toàn đơn độc, hoàn toàn an lành, không ai dòm ngó, không tiếng ai đeo đuổi, không tiếng động nào ngoài tiếng reo của siêu nước và tiếng tích tắc của đồng hồ.

“Không có máy truyền hình,” anh không khỏi lẩm bẩm.

“Vâng,” ông già nói, “tôi không bao giờ có một thức như vậy. Quá đắt. Và tôi coi như không bao giờ cần đến nó. Đây, ở góc kia là một cái bàn gấp. Nhưng dĩ nhiên phải thay bản lề nếu muốn dùng cánh gấp.”

Tại góc khác có một giá sách nhỏ, và Winston đã tiến ngay về phía nó. Nó chỉ đựng sách nhảm nhí. Sự săn bắt và phá hủy sách đã được thi hành một cách cặn kẽ tại khu dân đen

chẳng kém gì các khu khác. Vị tất kiếm nổi khắp Đại Dương một quyển sách in trước 1960. Ông già, tay vẫn cầm đèn, đứng trước một bức tranh có khung bằng gỗ trắc treo bên kia lò sưởi, đối diện với giường.

“Này, thằng hoặc ông lưu ý đến tranh xưa -,” ông ta bắt đầu ý nhị nói.

Winston băng qua phòng để ngắm bức tranh. Đó là một bản khắc trên thép, hình dung một tòa nhà hình bầu dục có nhiều cửa sổ vuông góc và một cái tháp nhỏ trước mặt. Có một hàng rào chạy quanh tòa nhà và ở mãi sau có một vật tựa như một bức tượng.

“Khung bị đóng vào tường,” ông già bảo, “nhưng dám nói tôi có thể tháo nó ra cho ông.”

“Tôi biết tòa nhà này,” sau cùng Winston nói. “Nay nó đã đổ nát. Nó ở giữa con phố ngoài Tòa Án.”

“Phải. Ngoài Tòa Sảnh. Nó bị bỏ bom - xem nào, nhiều năm về trước. Có thời nó là nhà thờ, có tên là nhà thờ Thánh Clement Danes.” Ông ta cười ra chiều xin thứ như thể ông ta cảm thấy mình khá lố lằng, và tiếp: “Cam với chanh, chuông Thánh Clement reo!”

“Cái gì vậy?” Winston hỏi.

“Ồ - “Cam với chanh, chuông Thánh Clement reo!” Đó là một bài ca chúng tôi hát khi còn nhỏ. Sau câu ấy là gì, tôi không nhớ, nhưng tôi biết nó kết cục bằng “Đây là một cây nến để đưa mày đi ngủ, đây là con dao phay để chặt cái đầu mày”. Nó là một thứ bản nhảy. Trẻ con giương tay ra cho kẻ khác đi qua, và khi tới câu “Đây là con dao phay để chặt cái đầu mày,” chúng hạ tay xuống và bắt giữ người ta lại. Bài toàn là tên nhà thờ. Tất

cả các nhà thờ Luân Đôn được nhắc tới trong đó, những nhà thờ chính, dĩ nhiên.”

Winston mơ hồ tự hỏi không biết nhà thờ này thuộc thế kỷ nào. Bao giờ cũng khó xác định được tuổi của một dinh thự tại Luân Đôn. Bất cứ tòa nhà nào to lớn oai vệ, nếu tương đối mới, cũng tất nhiên được coi là được xây sau Cách Mạng, trong khi những nhà quá rõ ràng xưa hơn được liệt vào một thời mờ ảo, gọi là thời Trung Cổ. Mấy thế kỷ tư bản được xem như không sản xuất được gì có giá trị. Không thể học được lịch sử qua kiến trúc cũng như qua sách. Tượng, văn khắc, bia kỷ niệm, tên phố - bất cứ gì có thể làm sáng tỏ quá khứ đều bị sửa đổi.

“Tôi không hề biết đó trước kia là một nhà thờ,” anh nói.

“Còn nhiều nhà thờ như vậy tồn tại, thật thế,” ông già nói, “mặc dầu những tòa nhà ấy được dùng vào việc khác. Đây bài ca tiếp tục ra sao nhỉ? A! tôi nhớ ra rồi!

Cam với chanh, chuông Thánh Clement reo

Mày thiếu tao ba trinh, chuông Thánh Martin reo -

Đấy, tôi chỉ nhớ tới đó. Một trinh, ấy là một đồng tiền nhỏ, kiểu như một xu.”

“Nhà thờ Thánh Martin ở đâu?” Winston hỏi.

“Nhà thờ Thánh Martin ư? Nó vẫn đứng vững. Nó ở trên Công Trường Chiến Thắng, dọc phòng triển lãm tranh. Một tòa nhà có một thứ cổng hình tam giác với một số cột đằng trước và một nhíp thang lớn.”

Winston biết rõ nơi này. Đó là một viện bảo tàng dùng để triển lãm nhiều loại vật tuyên truyền - mẫu bom lửa và Pháo Đài Nổi thu nhỏ, cảnh nạn sập minh họa sự dã man của quân địch, vân vân.

“Nhà ấy xưa thường được gọi là nhà thờ Thánh Martin Giữa Đồng,” ông già bổ túc, “tuy tôi không nhớ có cánh đồng nào ở khu đó.”

Winston không mua bức tranh. Nó là một vật sở hữu trái phép hơn khối chặn giấy, và không thể mang nó về nhà được trừ phi gỡ nó ra khỏi khung. Nhưng anh chần chừ thêm vài phút để nói chuyện với ông già được anh phát giác có tên không phải là Weeks - như ai cũng phỏng đoán theo chữ ghi trên bảng hiệu - mà là Charrington. Ông Charrington dường như là một người góa vợ, lên sáu mươi ba tuổi, và sống ở tiệm này đã được ba mươi năm. Suốt thời gian này ông ta tính sửa lại tên ghi trên cửa kính, nhưng chưa hề bắt tay thực hiện ý định đó. Trong lúc anh nói chuyện, bài ca nhớ nửa chừng lờn vờn trong đầu óc Winston. Cam với chanh, chuông Thánh Clement reo, mảy thiếu tao ba trinh, chuông Thánh Martin reo! Rõ lạ, khi anh lẩm nhẩm hát bài ấy, anh có cảm tưởng thực sự nghe thấy tiếng chuông, tiếng các chuông của một thành phố Luân Đôn đã mất nhưng vẫn tồn tại đâu đó, bị nguy trang và đi vào quên lãng. Từ gác chuông ma này đến gác chuông ma khác, anh tưởng như nghe chúng ngân hồi. Song le, trong chùng mực mà anh nhớ, trong đời anh, anh chưa bao giờ nghe thấy tiếng chuông nhà thờ kêu.

Anh cáo từ ông Charrington và xuống cầu thang một mình, cốt để ông già không trông thấy anh trình sát phố trước khi bước ra khỏi cửa. Anh quyết định sẽ trở lại thăm tiệm đồ sau một quãng thời gian hợp lý - cho là một tháng. Có lẽ làm vậy không nguy hiểm hơn sự tránh né một buổi họp chiều tại Trung Tâm. Trên hết, hành động thật điên rồ là trở lại đây sau chuyến mua quyển nhật ký, trong khi không biết người chủ tiệm có

đáng tin cậy không. Tuy nhiên -!

Phải, anh lại nghĩ, anh sẽ trở lại. Anh sẽ mua thêm nhiều món hàng đẹp bị rẻ rúng. Anh sẽ mua bản khắc nhà thờ Thánh Clement Danes, gỡ nó ra khỏi khung và mang giấu nó về nhà dưới nửa trên bộ áo liền quần của anh. Anh sẽ lôi kéo khỏi ký ức ông Charrington phần còn lại của bài thơ. Ngay cả cái dự kiến điền khùng tính thuê căn phòng trên gác cũng thoáng trở lại óc anh. Trong khoảng năm giây sự hứng khởi làm anh mất thận trọng và anh không liếc qua cửa sổ trước khi bước ra hè. Anh còn bắt đầu ngậm nga theo một điệu ứng tác:

Cam với chanh, chuông thánh Clement reo,

Mày thiếu tao ba trinh, chuông -

Bỗng dung tim anh cứng thành đá và ruột anh nhào ra nước. Một bóng người mặc áo liền quần xanh đang xuôi via hè, cách anh không dưới mười thước. Đó là cô gái thuộc Cục Truyện, cô gái tóc đen. Ánh sáng yếu ớt nhưng nhận ra cô ta không khó. Cô ta nhìn thẳng vào mặt anh rồi rảo bước nhanh như thể cô ta không trông thấy anh.

Trong vài giây Winston bị quá tê liệt không đứng dậy được. Rồi anh rẽ qua tay phải và nặng nề quay gót, nhất thời không để ý rằng mình đang đi nhầm đường. Dù sao chẳng nữa, nghi vấn đã được giải quyết. Không còn ngờ gì nữa, cô gái theo dõi anh. Cô ta chắc theo anh tới đây, vì không thể tin được rằng do tình cờ cô ta và anh tản bộ cùng một buổi chiều trên cùng một ngõ hẻm tối tăm, cách xa mọi khu cư ngụ của Đảng viên. Đó là một sự trùng hợp quá lớn. Cô ta thực là một viên chức thuộc Cảnh Sát Tư Tưởng hay chỉ là một điệp viên tài tử bị lòng sốt sáng thúc đẩy, điều đó không quan trọng mấy. Biết cô ta giám sát anh là

đủ rồi. Có thể cô ta nhìn thấy anh vào pốp cũng nên.

Tiến bước là cả một sự cố gắng. Mỗi lần bước, khối thủy tinh trong túi anh đập vào đùi anh khiến anh nửa muốn lòi nó ra và quăng nó đi. Tệ nhất là chứng đau bụng. Trong độ hai phút anh có cảm giác mình sẽ chết nếu không sớm vào chuồng xí. Nhưng không có buồng vệ sinh công cộng tại một khu nhà như thế này. Rồi cơn quặn đau biến mất, chỉ để lại một nỗi đau ngầm.

Con phố anh đang theo là một ngõ cụt. Winston dừng chân, đứng yên vài giây, mơ hồ tự hỏi phải làm gì đây, rồi quay gót trở lại, bắt đầu giảm lên bước cũ. Đương lúc quẹo, anh chợt nghĩ cô gái qua mặt anh có ba phút trước, nếu anh chạy anh có thể đuổi kịp cô ta. Anh có thể theo sau cô ta cho tới khi đến một chỗ vắng, rồi lấy một hòn đá đập vào sọ cô ta. Miếng thủy tinh trong túi anh đủ nặng để làm việc đó. Nhưng anh bỏ ý nghĩ ấy ngay vì anh không chịu nổi ứng lực thể xác dù trong tưởng tượng. Anh không chạy được, anh không đập được. Và lại, cô ta trẻ và khỏe mạnh, thế nào cũng sẽ tự vệ. Anh cũng nghĩ tới sự chạy vội về Trung Tâm và ngồi đó cho tới giờ đóng cửa để tháo tạo bằng có cho buổi chiều nay. Nhưng điều này anh cũng không làm nổi. Một sự mệt mỏi cực độ xâm nhập anh. Anh chỉ muốn chóng về nhà ngồi yên.

Đã quá hai mươi hai giờ khi anh trở về phòng anh. Thông thường phải tắt đèn vào lúc hai mươi ba giờ rưỡi. Anh vào bếp nốc gần cận một chén đầy rượu gin Chiến Thắng. Rồi anh lại cái bàn trong hốc, ngồi xuống, và lòi quyển nhật ký ra khỏi ngăn kéo. Nhưng anh không mở nó ra ngay. Từ máy truyền hình một giọng nữ đánh đàn rống lên một bài ca yêu nước. Anh ngồi ngấm tẩm bìa vân đá, cổ gạt tiếng hát khỏi tâm thức anh nhưng

vô hiệu quả.

Đêm đến, chúng mới đi bắt người, chuyên môn khi đêm đến. Điều hợp lý nhất là tự sát trước khi bị chúng tóm. Chắc chắn nhiều người làm vậy. Nhiều sự mất tích thực ra do tự vẫn. Nhưng phải can đảm tuyệt vọng lắm mới tự sát được trong một thế giới không thể kiếm ra súng hay thuốc độc có hiệu nghiệm mau lẹ. Anh khá lấy làm lạ khi nghĩ tới sự vô ích cho sinh vật của nỗi đau đớn và sợ hãi, tới sự lừa đảo của thể xác luôn luôn bằng tro đúng lúc cần phải đặc biệt cố gắng. Anh đã bị miệng được cô gái tóc đen nếu anh hành động nhanh kịp: nhưng chính sự nguy cấp đã làm anh mất khả năng hành động. Anh ngạc nhiên nhận thấy rằng trong lúc khủng hoảng, con người không bao giờ chiến đấu với ngoại địch mà luôn luôn chống lại chính mình. Ngay bây giờ, tuy đã uống rượu gin, chúng đau bụng ngảm khiến anh không thể suy nghĩ liên tục được. Và, theo nhận xét của anh, đó là sự thể trong mọi trường hợp anh hùng hay bi thảm. Trên chiến trường, trong phòng tra tấn, trên một con tàu đang chìm, những lý do đấu tranh luôn luôn bị quên, vì thể xác phồng lên ngập vũ trụ, và ngay khi mình không bị tê liệt vì sợ hãi hay không gào thét vì đau đớn, đòi sống là một cuộc tranh đấu từng giây từng phút chống sự đói lạnh thiếu ngủ, chống một dạ dày gay gắt hay một cái răng nhức nhối.

Anh mở nhật ký ra. Quan trọng là viết vào đó. Người đàn bà trên máy truyền hình đã bắt đầu ca một bản khác. Giọng chị ta tuồng như bám vào óc anh như những mảnh kính nhọn. Anh cố nghĩ tới O' Brien là người vì ai hay cho ai anh viết nhật ký, nhưng thay vào đó anh nghĩ đến những điều sẽ xảy ra cho anh nếu Cảnh Sát Tư Tưởng bắt anh đi. Nếu chúng giết anh ngay,

không sao cả. Bị giết là điều anh chờ đợi. Nhưng trước khi chết (không ai nói về những chuyện này, nhưng ai cũng biết hết) có trò thú tội phải trải qua: sự bò lê trên sàn nhà gào hét xin tha, tiếng xương kêu răng rắc, hàm răng bị đập nát, và cụm tóc đâm máu. Tại sao phải chịu đựng những cực hình đó khi kết cuộc bao giờ cũng như nhau? Tại sao không thể cắt khỏi cuộc đời vài ngày hay vài tuần? Chưa có ai thoát được sự giám sát và chưa có ai không chịu thú tội. Một khi phạm phải tội tư tưởng, một ngày nhất định nào đó chắc chắn bạn phải chết. Vậy vì sao cái sự rùng rợn không thay đổi được gì đó, vẫn nằm gọn trong tương lai?

Anh thành công hơn trước khi muốn gọi lại hình ảnh của O'Brien. "Chúng ta sẽ gặp nhau tại một nơi không có bóng tối", O'Brien đã nói thể với anh. Anh biết nghĩa câu ấy, hay cho là mình biết. Nơi không có bóng tối là cái tương lai tưởng tượng, không bao giờ thấy được, nhưng có thể tham gia một cách thần bí nhờ óc tiên đoán. Nhưng với giọng nói từ máy truyền hình lảm nhảm bên tai, anh không thể theo đuổi dòng tư tưởng của anh. Anh dứt thuốc lá vào mồm. Nửa số thuốc rơi ngay xuống lưỡi anh, một thứ bụi đắng khó nhổ ra được. Gương mặt Bác phảng phất trong óc anh, đẩy lui hình ảnh của O' Brien. Như anh đã làm vài ngày trước, anh rút một xu ra khỏi túi và nhìn vào nó. Gương mặt nhìn lại anh, trì độn, bình thản, che chở: mà nụ cười được che đậy dưới cặp râu đen thuộc loại nào? Như một hồi chuông báo tử, mấy khẩu hiệu tái hiện trước mắt anh:

CHIẾN TRANH LÀ HÒA BÌNH

TỰ DO LÀ NÔ LỆ

DỐT NÁT LÀ SỨC MẠNH

Chương 2

Lúc ấy vào giữa buổi sáng và Winston đương rời ô phận ra phòng vệ sinh.

Một bóng cô đơn đi về phía anh từ cuối hành lang sáng chói. Đó là cô gái tóc đen. Bốn ngày đã trôi qua từ bữa anh gặp cô ta ngoài tiệm đồ cổ. Khi cô ta lại gần hơn, anh thấy cánh tay phải của cô bị băng chéo, lúc ở xa anh không để ý vì tấm băng đồng màu với bộ quần áo liền quần của cô. Có lẽ cô ta bị đập tay khi loanh quanh một trong mấy cái ống kính vạn hoa to lớn dùng để soạn thảo cốt truyện. Đó là một tai nạn thường xảy ra tại Cục Truyện.

Họ đang cách nhau khoảng bốn thước thì cô gái trượt sẩy chân ngã gập úp mặt vào sàn. Cô ta thốt lên một tiếng rên nhón. Chắc cô ta ngã vào bàn tay bị thương. Winston dừng chân ngay lại. Cô gái đã quỳ dậy. Mặt cô ta hơi vàng kêm làm nổi bật đôi môi đỏ hơn bao giờ hết của cô. Mắt cô ta nhìn chòng chọc vào mắt anh ra chiều kêu gọi với vẻ sợ hãi nhiều hơn là đau đớn.

Một cảm giác là lạ xao xuyên tim Winston. Trước mặt anh là một kẻ thù đương tìm cách giết anh: trước mặt anh cũng là một con người đang đau đớn và có thể đã bị gãy xương. Chưa chi anh đã theo bản năng tiến về phía cô ta. Ngay lúc anh thấy cô

ta ngã vào cánh tay bị băng, dường như anh cảm thấy đau trong chính người anh.

“Cô có bị thương không?” anh hỏi.

“Không hề chi. Cánh tay tôi. Một khắc nữa nó lại như thường bây giờ,” cô ta nói như thể tim cô đập phồng. Mà thực, mặt cô ta xanh hắc lại.

“Cô có bị gãy gì không?”

“Không. Tôi không sao. Bị đau một hồi, thế thôi.”

Cô ta gơ bàn tay lành về phía anh và anh đỡ cô ta dậy. Cô ta đã hơi hoàn sắc và có vẻ khá hơn nhiều.

“Không hề gì,” cô ta nhắc nhở lại. “Tôi chỉ bị chạm một chút vào cổ tay thôi. Cảm ơn đồng chí.”

Rồi cô ta tiếp tục đi về phía đang đi, nhanh nhẹn như thể thực sự không có gì. Toàn việc xảy ra không quá một nửa phút. Không để tâm tư hiện ra trên mặt là một thói quen đã trở thành tính tự nhiên, và lại khi sự kiện xảy ra họ ở trước máy truyền hình. Tuy sao, khó lòng Winston không lộ một vẻ ngạc nhiên chốc lát, vì trong thời gian hai ba giây anh đỡ cô gái dậy, cô ta đã dúi một vật gì đó vào tay anh. Không nghi ngờ gì được, cô ta đã cố ý làm như vậy. Đó là một vật nhỏ bẹt. Khi anh qua cửa vào phòng vệ sinh, anh đút nó vào túi và lấy ngón tay dò dẫm nó. Đó là một mảnh giấy gấp làm tư.

Đứng trước chỗ tiểu tiện anh sờ soạng tờ giấy thêm một chút để giở nó ra. Thế nào cũng có tin nhắn viết trên đó. Một lúc anh toan chạy vào chuồng xí để đọc nó tức thì. Nhưng đây là một hành động hết sức điên rồ, như anh thừa biết. Không nơi nào chắc chắn có máy truyền hình dòm ngó liên tục hơn nơi này.

Anh trở về ô phận, ngồi xuống, thung dung vắt mảnh giấy vào

giữa các tờ giấy khác trên bàn, đeo kính lên và kéo máy ghi âm về phía mình. “Năm phút”, anh tự nhủ, “ít nhất năm phút nữa”. Tim anh đập to dễ sợ trong lồng ngực anh. Cũng may công việc anh đang làm chỉ là việc thông thường, phải cải chính một bảng số, không cần lưu ý tới lắm.

Dù điều gì được ghi trên giấy chẳng nữa, thế nào nó cũng có một ý nghĩa chính trị. Theo như anh biết chỉ có hai trường hợp. Một là, có lẽ đúng hơn, cô gái là một nhân viên của Cảnh Sát Tư Tưởng, đúng như anh sợ. Anh không hiểu tại sao Cảnh Sát Tư Tưởng lại chọn cái lối ấy để truyền tin, nhưng anh chắc họ có lý do của họ. Điều được viết trên tấm giấy có thể là một câu dọa nạt, một lời cảnh cáo, một lệnh bảo anh tự tử, một bẫy thả ra sao đó. Nhưng có một giả thuyết khác, rõ ràng hơn, hiện lên trong óc anh, mặc dầu anh cố tình dẹp nó. Đó là thuyết mẩu tin không phải của Cảnh Sát Tư Tưởng chút nào mà là của một cơ quan ngầm nào đó. Biết đâu Hội Tinh Thân cuối cùng có thực! Biết đâu cô gái có chân trong đó! Ý nghĩ này hẳn là vô lý nhưng nó nảy ngay trong óc anh khi anh xúc giác mảnh giấy trong tay anh. Chỉ hai phút sau anh mới liên tưởng tới sự giải thích sát thực hơn kia. Và ngay bây giờ, tuy lý trí anh bảo anh mẩu tin kia đồng nghĩa với cái chết - anh vẫn không tin thế, niềm hy vọng trái lẽ cứ tồn tại, tim anh cứ đánh trống ngực và anh khó giữ cho giọng nói khỏi run khi anh thì thầm những con số mới bịa ra trong máy ghi âm.

Anh cuốn bó tài liệu đã hoàn tất và nhét nó vào ống hơi. Tám phút đã qua. Anh sửa lại cặp kính trên mũi, thở dài, rồi kéo về phía anh sắp văn kiện kế tiếp có mẩu giấy nằm ở trên. Anh trải nó ra. Trên mặt giấy, bằng một nét chữ nguệch ngoạc được viết:

Tôi yêu anh

Trong vài giây anh quá bàng hoàng không rút ngay vật lụy thân vào lỗ ký ức. Khi rút nó, mặc dầu anh quá rõ mối nguy của sự tỏ ra quan tâm, anh không cầm mình khỏi sự đọc lại nó một lần nữa, để tin chắc rằng giong chữ kia có thật.

Buổi sáng còn lại, làm việc đối với anh thật khó. Khổ hơn sự phải chăm chú vào một loạt việc vô nghĩa là sự cản giấu không cho máy truyền hình thấy nổi bồn chồn trong anh. Anh có cảm tưởng lòng anh rực cháy. Ăn trưa trong quán cơm đông nghẹt là cả một cục hình. Anh hy vọng được ở một mình đôi chút trong thời gian ăn, nhưng xúi quẩy làm sao cái tên Parsons đần độn đến thả mình cạnh anh, mùi nồng của mồ hôi anh ta át hẳn mùi tanh của món canh trong khi anh ta thao thao bất tuyệt về chuyện sửa soạn Tuần Lễ Hận Thù. Anh ta đặc biệt hoan hỷ về một mô hình đầu Bác làm bằng giấy nhàu rộng hai thước sẽ do Đoàn Giám Điệp của con gái anh tạo thành nhân dịp đó. Bực một cái là giữa tiếng ồn ào Winston không nghe được rõ Parsons nói gì, cứ phải luôn luôn bảo anh ta nhắc lại mấy lời phán xét khò dại của anh ta. Đúng một lần anh bắt gặp tia nhìn của cô gái ngồi cùng hai thiếu nữ khác tại một bàn ở tận cuối phòng. Cô ta làm như không trông thấy anh và anh không nhìn lại về phía cô nữa.

Buổi chiều dễ chịu đựng được hơn. Ngay sau bữa trưa anh được lãnh một công việc khó khăn tể nhị, phải tốn nhiều giờ và gác mọi việc khác lại mới hoàn thành nổi. Đó là việc giả mạo một loạt bài báo cáo về mức sản xuất hai năm về trước ngỗ hầu hạ uy tín của một nhân vật to đầu thuộc Đảng Trong nay bị thất

súng. Đây là sở trường của Winston, và trong hơn hai tiếng anh loại được hình ảnh của cô gái khỏi óc anh. Sau đó gương mặt cô lại hiện ra trong ký ức anh, cuốn theo một sự thèm muốn được ở một mình dù dẫu không chịu nổi. Không ở yên một mình anh không thể suy nghĩ được gì về diễn cảnh mới lạ này. Tối nay là một trong những tối anh phải có mặt tại Trung Tâm Cộng Đồng. Anh nuốt thêm một bữa cơm vô vị tại quán ăn trong sở, chạy nhanh tới Trung Tâm, tham gia trò hề trình trọng của một “nhóm thảo luận”, đánh hai ván bóng bàn, nốc mấy cốc rượu gin và ngồi một nửa tiếng nghe một bài diễn văn về “Mối quan hệ giữa Anh Xã và cờ tướng”. Tâm hồn anh run lên vì chán ngán, nhưng được cái lần này anh không có xung lực tránh buổi họp tại Trung Tâm. Trước mấy chữ *Tôi yêu anh* lòng ham sống đã trào dậy trong anh, khiến sự liêu linh vì chuyện nhỏ nhặt bỗng trở thành ngu xuẩn. Mãi tới hai mươi ba giờ, khi anh về tới nhà và lên giường ngủ - trong bóng tối, nơi anh được an ninh, ngay máy truyền hình anh cũng không sợ nếu anh giữ im lặng - anh mới được phép suy nghĩ liên hồi.

Vấn đề anh phải giải quyết là một vấn đề cụ thể: làm sao liên lạc được với cô gái và dàn xếp được một cuộc gặp gỡ với cô. Anh không còn đặt giả thuyết cô ta ghim bẫy anh nữa. Anh biết không phải thế, căn cứ trên sự dao động không thể làm được của cô khi cô đưa mẫu thư cho anh. Rõ ràng cô ta sợ hãi quá sức, như đúng lẽ cô phải sợ. Mà ý nghĩ khước từ bước cầu thân của cô cũng không hề thoáng qua óc anh. Mới năm đêm trước anh còn chiêm niệm việc lấy đá đập vào sọ cô, nhưng điều đó không có gì quan trọng. Anh tưởng tới tấm thân trần truồng trẻ trung của cô như anh đã thấy trong giấc mơ. Anh đã nghi sai cô

là một kẻ rồ dại như tất cả đám chúng, óc đầy dối trá và hận thù, lòng cứng như băng. Anh lên con sốt với ý nghĩ anh có thể mất cô, tấm thân trắng trẻ có thể lướt xa anh. Điều anh sợ hơn hết là cô có thể dối ý nếu anh không tiếp xúc mau với cô. Nhưng sự khó khăn thể chất của một cuộc gặp mặt thật lớn lao. Tựa như sự kiếm cách tiến quân còn khi đã bị chiếu tướng. Quay về phía nào cũng có máy truyền hình dòm ngó. Thực ra, mọi cách liên lạc với cô đã hiện ra trong óc anh nội năm phút sau khi đọc bức thư; nhưng bây giờ có thì giờ suy nghĩ anh kiểm điểm lại từng cách như thể xếp một hàng khí cụ trên bàn.

Hiển nhiên kiểu gặp gỡ hồi sáng không thể lập lại được nữa. Nếu cô gái làm việc tại Cục Văn Khố sự thể tương đối giản dị hơn, nhưng anh chỉ có một ý niệm mơ hồ về vị trí trong tòa nhà của Cục Truyện và anh lại không có cơ để tới đó. Nếu anh biết chỗ ở của cô và giờ cô rời sở, anh có thể kiếm cách gặp cô trên đường về; nhưng lò dò theo cô về nhà không ổn vì như vậy nghĩa là phải lảng vảng ngoài Bộ, một việc thế nào cũng bị để ý đến. Còn chuyện gửi thư cho cô qua bưu điện không cần bàn đến. Theo một lệ thường chẳng có chi là bí mật, thư nào qua bưu điện cũng bị mở ra đọc. Thật ra, ít ai viết thư. Vì với những tin thỉnh thoảng cần gửi, đã có thiệp in sẵn gồm cả hàng câu, chỉ gạch câu không thích ứng đi là xong. Và lại anh không biết tên cô gái, huống chi địa chỉ của cô. Cuối cùng anh định rằng nơi an toàn nhất là quán ăn trong sở. Nếu anh gặp được cô ngồi bàn một mình, tại khoảng giữa phòng ăn, không quá gần máy truyền hình, với tiếng rì rào xung quanh đủ lớn - nếu những điều kiện đó kéo dài độ hai mươi giây, anh có thể trao đổi vài lời với cô.

Một tuần sau đó, đời sống anh trôi như một giấc mộng chấp chôn. Ngày hôm sau cô gái chỉ xuất hiện tại quán ăn khi anh rời quán và khi tiếng còi đã thổi. Chắc hẳn cô bị đổi sang toán làm việc sau. Họ qua mặt nhau không một cái nhìn. Hôm sau nữa cô gái tới quán ăn vào giờ thường lệ, nhưng đi cùng với ba cô khác và ngồi ngay dưới một máy truyền hình. Rồi trong ba ngày khủng khiếp kế tiếp cô không xuất hiện chút nào. Cả tâm hồn lẫn thể xác Winston hình như mắc phải một chứng nhạy cảm ghê gớm, một tinh thần suốt khiến mỗi cử chỉ, mỗi tiếng động, mỗi sự đụng chạm, mỗi lời phải nói phải nghe trở thành một nhục hình. Ngay trong giấc ngủ anh cũng không thoát được hình ảnh cô gái. Anh không rõ tới nhật ký trong những ngày đó. Nếu có khuây khỏa thì có vào lúc anh làm việc, khi ấy anh có thể thỉnh thoảng quên mình trong mười phút liền. Anh hoàn toàn không làm sao biết được cô gái ra sao. Anh không có cách nào hỏi thăm cô. Có thể cô bị hóa hơi, có thể cô đã tự tử, có thể cô bị thuyền chuyển đi cuối chân trời Đại Dương; và khổ hơn nữa và có lẽ đúng hơn nữa, có thể cô đã đổi ý và quyết định tránh mặt anh.

Ngày sau đó, cô gái xuất hiện trở lại. Cánh tay cô không còn bị băng chéo nhưng cổ tay cô bị cuốn băng dính. Được thấy cô, anh nhẹ nhõm nhiều đến nỗi không ngăn được mình nhìn thẳng vào cô mấy giây liền. Ngày hôm sau anh suýt nói chuyện được với cô. Khi anh tới quán, cô đang ngồi khá xa tường, hoàn toàn một mình. Lúc ấy còn sớm, quán chưa đông người. Đuôi xếp hàng tiến dần và Winston gần tới quầy hàng thì phải dừng chân hai phút vì trước anh có người kéo nheo bởi không được phát thẻ đường tình. Nhưng cô gái vẫn ngồi một mình khi Win-

ston bê mêm lên bắt đầu bước về phía bàn cô. Cô chỉ còn cách anh độ ba thước. Còn hai giây nữa là xong. Đúng lúc ấy có tiếng kêu gọi anh: “Smith!” Anh giả vờ không nghe thấy. “Smith!”, tiếng kêu tiếp tục to hơn. Không cách nào thoát. Anh quay lại. Một thanh niên tóc vàng, có bộ mặt ngốc nghếch tên là Wilsher, chỉ quen sơ anh, đang tươi cười mời anh ngồi tại một chỗ trống cạnh anh ta. Từ chối không ổn. Đã bị nhận diện, anh không thể đến ngồi tại bàn một cô gái cô độc. Làm thế quá lộ. Anh ngồi xuống với với một nụ cười thân thiện. Mặt người thanh niên tóc vàng ngờ nghệch nở tươi nhìn anh. Winston có ảo giác thấy mình cầm cuốc bổ mạnh vào giữa khuôn mặt ấy. Vài phút sau bàn cô gái đầy người.

Nhưng chắc cô đã thấy anh đi về phía cô và có lẽ cô đã hiểu ý anh. Ngày hôm sau anh lo đến sớm. Gần như đương nhiên, cô gái ngồi tại một bàn ở khoảng chỗ cũ, và lại ngồi một mình. Người xếp hàng ngay trước anh là một người vóc bọ hung, nhỏ bé, nhanh nhẹn, có mặt phẹt và mắt ti hí đa nghi. Khi Winston bê mêm rời quầy hàng, anh thấy người đàn ông nhỏ bé đi thẳng về phía bàn cô gái. Hy vọng của anh lại chìm xuống. Có một chỗ vắng ở một bàn xa hơn, nhưng có cái gì trong dáng điệu của người nhỏ bé gợi ý hấn ta quá quan tâm đến tiện nghi bản thân thế nào cũng chọn cái bàn trống người nhất. Winston bước theo hấn với con tim giá băng. Không lợi ích gì nếu anh không được gặp cô gái một mình. Vừa lúc đó một tiếng âm vang. Người đàn ông nhỏ bé nằm thườn chân thẳng cẳng, mêm hấn bị hất tung, khiến hai dòng canh và cà phê chảy lẩn trên sàn. Hấn vừa kéo người dậy vừa hấn học nhìn Winston, hiển nhiên ngờ anh đã quèo chân hấn. Nhưng không sao. Năm giây

sau, Winston ngồi tại bàn cô gái.

Anh không nhìn cô. Anh bỏ thức ăn ra khỏi mâm và vội bắt đầu ăn. Tối quan trọng là nói chuyện ngay trước khi có ai lại, nhưng lúc này một mối khiếp sợ xâm nhập Winston. Đã một tuần qua từ ngày cô bắt liên lạc với anh. Có thể cô đã đổi ý, chắc chắn cô đã đổi ý! Chuyện này không thể kết cục tốt đẹp được; những chuyện tình không thể xảy ra trong đời sống thực tế. Chắc anh đã ngã lòng hẳn, không dám nói gì, nếu lúc đó anh không thấy Ampleforth, nhà thi sĩ có tai lông lá, đang khập khiễng bè mâm quanh phòng tìm một chỗ ngồi. Theo kiểu mơ hồ của ông, Ampleforth quyến luyến Winston, thế nào ông ta cũng đến ngồi cạnh anh nếu ông trông thấy anh. Còn khoảng một phút để hành động. Cả Winston lẫn cô gái đều điềm tĩnh ăn. Chất họ đang ăn là một món canh loãng, đúng ra là canh đậu. Winston bắt đầu lên tiếng thì thầm nhỏ. Cả hai không nhìn lên; họ điềm nhiên múc chất lỏng vào mồm, và giữa hai thìa trao đổi vài lời cần thiết bằng một giọng thấp không nhấn.

“Cô rời sở vào giờ nào?”

“Mười tám giờ rưỡi.”

“Mình có thể gặp nhau ở đâu?”

“Công Trường Chiến Thắng, gần đài kỷ niệm.”

“Chỗ đó đầy máy truyền hình.”

“Không sao nếu đông người.”

“Dấu hiệu gì không?”

“Không. Đừng lại gần tôi trước khi tôi ở giữa đám đông. Đừng nhìn tôi. Chỉ ở đâu đó gần tôi.”

“Giờ nào?”

“Mười chín giờ.”

“Được.”

Ampleforth không nhìn thấy Winston và ra ngồi bàn khác. Họ không nói gì với nhau thêm, và trong chùng mực của hai người ngồi cùng bàn trước mặt nhau, họ không nhìn nhau. Cô gái ăn cơm xong nhanh rồi đi, trong khi Winston ngồi nán lại hút thuốc.

Winston tới Công Trường Chiến Thắng trước giờ hẹn. Anh đi vắn vơ quanh bệ cột khía rãnh to lớn, trên chòm có tượng Bác nhìn về phía nam, về phía quãng trời Bác đại thắng phi cơ Âu Á (tức phi cơ Đông Á, mấy năm trước), tại Trận Vùng Một Không Quân. Trên phố trước mặt có dựng tượng một kỵ sĩ được coi là tạc hình của Olivier Cromwell. Đã năm phút quá giờ hẹn mà cô gái chưa xuất hiện. Lại nữa, sự hãi hùng tím lầy Winston. Cô ta không đến, cô ta đã đổi ý! Anh đi chậm về phía bắc dọc công trường, và cảm thấy một chút thú vị nhẹ khi nhận ra nhà thờ Thánh Martin có thời có chuông reo: “Mày thiếu tao ba trình”. Rồi anh thấy cô gái đứng dưới bệ đài kỷ niệm đang đọc hay giả vờ đọc một tờ yết thị xoắn vòng theo cột tới tận chòm. Không nên lại gần cô trước khi có nhiều người bu quanh cô. Có đầy máy truyền hình gắn khắp trần tường đài. Nhưng vừa lúc ấy, một tiếng la hét ầm ĩ cùng tiếng nổ của một đoàn xe cộ nặng nề phát ra từ phía trái anh. Bỗng mọi người hình như đều muốn băng qua công trường. Cô gái lạnh lẽo cất lối quanh mấy con sư tử trên bệ đài và gia nhập đám người đang chạy. Winston chạy theo. Vừa chạy anh vừa dựa trên mấy câu bình phẩm hét to mà phỏng đoán có một đoàn xe chở tù binh Âu Á đang qua.

Chưa chi một đám đông đã chặn cả phía nam công trường. Binh thường Winston thuộc loại người lượn ra ngoài mọi nơi

chen chúc, nhưng bây giờ anh cũng lẩn, cũng đẩy, cũng len mình tiến lên giữa đám đông. Chẳng bao lâu anh chỉ còn cách tầm tay cô gái, nhưng lối đi bị ngăn bởi một gã đàn đen to lớn và một người đàn bà đồ sộ chẳng kém, chắc hẳn là vợ anh ta, hợp thành một bức tường thịt không xuyên thủng nổi. Winston uốn ngang mình lại và đổ mạnh vai vào giữa họ. Một lúc anh tưởng chừng như tảng phủ anh bị nghiền nát giữa hai bộ hông lực lưỡng, nhưng anh lọt qua họ, chỉ phải đổ mồ hôi đôi chút. Anh đã tới cạnh cô gái. Họ sánh vai nhau đi, mắt cả hai nhìn thẳng về phía trước.

Một dãy dài xe tải, được linh mặt gỗ cầm súng liên thanh đứng canh tại mỗi góc đường, chạy chậm trên phố. Trong xe tải đầy người da vàng nhỏ bé mặc đồng phục xanh nhạt cũ rích ngồi xồm khít vào nhau. gương mặt Mông Cổ buồn bã của họ nhìn qua vành xe hết sức dửng dưng. Thình thoảng khi một chiếc xe xóc, một tiếng kim khí lèng kèng bật lên: tất cả tù nhân đều bị đóng cùm chân. Hết xe tải đầy mặt buồn này đến xe tải đầy mặt buồn kia đi qua. Winston biết họ ngồi trong đó, nhưng chỉ cách hồi anh mới thấy mặt họ. Vai cô gái và tay phải của cô tới tận khuỷu tay cọ sát vào anh. Mả cô gần anh đến nỗi anh có thể cảm thấy hơi ấm của nó. Cô đã đảm nhiệm ngay tình thế, y như khi ở quán ăn. Cô bắt đầu nói bằng một giọng không nhấn như trước, môi rất ít động đậy thốt ra một tiếng thì thảm dễ lắng chìm trong tiếng nói ồn ào và tiếng nổ của xe tải.

“Anh nghe được tôi không?”

“Có.”

“Anh có thể rảnh chiều chủ nhật không?”

“Có.”

“Nghe kỹ đây. Anh sẽ phải nhớ hết. Hãy lại nhà ga Paddington - “

Với một sự chính xác kiểu nhà binh làm anh ngạc nhiên, cô vạch đường phải theo cho anh. Một nửa tiếng đi tàu hỏa; ra ngoài nhà ga quẹo tay trái; đi dọc đường cái hai cây số qua một cái cổng thiếu thanh trên; một con đường hẹp xuyên cánh đồng; một con đường mòn đầy cỏ mọc; một lối đi giữa bụi rậm; một thân cây chết phủ rêu. Làm như cô có một bản đồ trong óc. “Anh có thể nhớ hết không?”, cô tận cùng thi thắm.

“Có.”

“Anh rẽ tay trái rồi tay phải, rồi lại tay trái. Và cái cổng phải không có thanh trên.”

“Vâng. Vào giờ nào?”

“Khoảng mười lăm giờ. Anh có thể phải đợi. Tôi sẽ lại bằng lối khác. Anh có chắc nhớ hết không?”

“Có.”

“Vậy anh xa tôi nhanh, càng nhanh càng tốt.”

Cô không cần dặn anh điều này. Nhưng hiện họ không trích ra nổi đám đông. Xe tải vẫn tiếp tục đi qua, dân chúng vẫn há hốc mồm nhìn không biết chán. Hồi đầu có tiếng huýt nhưng chỉ xuất phát từ Đảng viên trong đám đông, và những tiếng ấy ngưng lại liền. Cảm xúc trội nhất là sự tò mò không thôi. Người ngoại quốc, dù là người Âu Á hay Đông Á, là một thứ thú kỳ dị. Dân chúng như không bao giờ được thấy mặt họ trừ phi dưới lốt tù binh, mà ngay tù binh cũng chỉ được thấy thoáng qua thôi. Không ai biết số phận họ sẽ ra sao, ngoài số ít người bị treo cổ dưới danh hiệu tội phạm chiến tranh: những người khác biến mất không hơn không kém, có lẽ bị nhốt trong trại khổ sai.

Các khuôn mặt Mông Cổ tròn trịa đã được thay thế bởi những bộ mặt thuộc giống Âu Châu hơn, bần thiêu, râu ria, mệt mỏi. Từ trên gò má xồm xoàm mắt họ nhìn vào mắt Winston, có lúc với một cường độ lạ lùng, rồi ngoảnh phắt đi. Đoàn xe sắp qua hết. Trong xe tải cuối cùng anh thấy một ông già có lông xám đầy mặt, đứng thẳng người giờ hai cổ tay bị buộc chéo trước mặt, như thể ông ta quen bị trói. Đã gần tới lúc Winston và cô gái chia tay. Nhưng lát cuối cùng, trong khi đám đông vẫn bao quanh họ, tay cô gái tìm và khế siết nhanh tay anh.

Việc này chỉ kéo dài mười giây nhưng anh tưởng chừng tay hai người nắm lấy nhau một lúc lâu. Anh đã có thi giờ học từng chi tiết bàn tay cô gái. Anh thăm dò mấy ngón tay dài, mấy móng tay cong, lòng tay bị cứng vì làm việc nặng nhọc với đường nét chai cục, làn da mềm mại dưới cổ tay. Chỉ sờ vào nó anh cũng hình dung được ra nó. Đồng thời anh nghĩ rằng anh không biết màu mắt cô gái. Chắc nó phải nâu, nhưng người tóc đen cũng có khi có mắt xanh. Ngoảnh đầu lại để nhìn cô sẽ là một sự liều lĩnh điên rồ không tưởng được. Với đôi bàn tay thất lấy nhau, không bị ai trông thấy giữa đám đông chật chội, họ nhìn thẳng trước mặt, và thay vì đôi mắt của cô gái, cặp mắt của người tù binh già vượt qua ổ tóc nhìn chòng chọc vào Winston, ai oán.

Winston tìm lối trên con đường nhỏ sáng ộp ộp từng quãng, chân giẫm vào vũng nắng vàng mỗi khi bụi rậm giãn cách. Dưới hàng cây bên tay trái anh, hoa huệ dại phủ đầy đất. Khí trời lướt nhẹ trên da thịt anh. Hôm ấy là mồng hai tháng năm. Từ trong rừng thâm vọng lại tiếng gù của chim cu cu.

Anh đến sớm hơn giờ hẹn một chút. Anh không gặp phải khó khăn trong chuyến du hành; quá hiển nhiên cô gái là một

người từng trải, cho nên anh ít sợ hãi hơn bình thường. Chắc hẳn có thể tin được rằng cô đã kiếm ra một nơi hẹn an toàn. Thông thường miền thôn dã không thể được coi như an toàn hơn London. Đã đành là ở thôn quê không có máy truyền hình, nhưng vẫn còn mối nguy của máy ghi âm thu lại tiếng nói của bạn để rồi vì đó bạn bị nhận dạng. Đi xa dưới một trăm cây số không cần xin chiếu khán trên thẻ thông hành, nhưng đôi khi gặp phải đội tuần tra lớn vờn quanh nhà ga, Đảng viên có thể bị xét giấy và hỏi han lời thôi. Tuy sao Winston không thấy đội tuần tra xuất hiện, và trên đường rời nhà ga anh đã cẩn thận liếc nhìn lại phía sau mấy lần cho chắc không có ai theo dõi. Tàu hỏa đầy dân đen thản tỉnh vì khí xuân. Toa tàu có ghế gỗ nơi anh ngồi bị tràn ngập bởi một gia đình lúc nhúc gồm từ một bà cụ móm đến một đứa bé một tháng, về quê chơi chiều nay với “ông bà xui” nhân thể kiếm một ít bơ để bán chợ đen như họ thành thật thổ lộ với anh.

Lối đi rộng ra, và một phút sau anh tới con đường mòn mà cô gái chỉ, một con đường nhỏ do vết chân bò vạch ra, lút vào giữa bụi rậm. Anh không có đồng hồ nhưng chưa thể tới mười lăm giờ. Dưới chân anh hoa huệ đại rậm đến nỗi anh không tài nào tránh khỏi giẫm lên hoa. Anh quỳ xuống và ra tay hái vài mớ, vừa để cho qua thi giờ, vừa vì có ý nghĩ vợ muốn có bó hoa tặng cô gái khi giáp mặt cô. Anh hái được một bó lớn và đang ngửi mùi thơm hơi nặng của hoa thì một tiếng động, rõ ràng tiếng rắc của cành cây khô bị giẫm chân lên, làm anh ón mình. Anh tiếp tục hái hoa. Đó là thái độ hay hơn nhất. Có thể đó là cô gái, cũng có thể vẫn có người theo dõi anh. Nhìn quanh là tỏ ra mình có hành vi tội lỗi. Anh hái hết hoa này đến hoa khác.

Một bàn tay đặt nhẹ trên vai anh.

Anh ngược mắt nhìn lên. Đó là cô gái. Cô lắc đầu, hiển nhiên để ra hiệu cho anh phải giữ im lặng, rồi gạt lùm cây đi nhanh theo con đường mòn vào trong rừng. Rõ ràng cô ta từng đến nơi đây vì cô tránh né ồ lầy như người quen thói. Winston theo sau, tay vẫn ôm bó hoa. Thoạt đầu anh cảm thấy nhẹ nhõm, nhưng khi nhìn vào tấm thân thanh mảnh uyển chuyển trước mặt anh với chiếc thắt lưng đỏ buộc đủ chặt để lộ đường cong của bộ hông, mặc cảm tự ti đè nặng tim anh. Ngay bây giờ anh tưởng chừng cô gái vẫn có thể chùn mình rút lui nếu cô ngoảnh mặt lại nhìn anh. Không khí êm ả và sắc xanh của lá làm anh nản lòng. Đã rồi, trên đường rời nhà ga, nắng xuân đã làm anh cảm thấy mình héo hắt do nắng, đúng một động vật nội thất với lỗ da thấm bụi bồ hóng Luân Đôn. Anh chợt nghĩ rằng cho tới nay cô gái chưa bao giờ nhìn thấy anh ngoài trời dưới ánh sáng ban ngày. Họ đi đến cây súp mà cô nói tới. Cô gái nhảy qua cây và rẽ mạnh lối qua khóm bụi rậm thoát coi tưởng không có kẻ lợ. Lúc Winston băng theo cô, anh thấy mình ở trong một khu rừng trống thiên nhiên, một con gò nhỏ phủ cỏ, bao quanh bởi lùm cây non cao bít kín lấy nó. Cô gái ngừng chân và quay mặt lại.

“Chúng ta đã tới nơi,” cô ta nói.

Anh đứng trước mặt cô, cách cô vài bước. Đường như anh chưa dám lại gần cô hơn nữa.

“Tôi không muốn nói gì trên đường mòn,” cô tiếp lời, “vì sợ có máy ghâm giấu ngoài đó. Tôi không nghĩ là có máy, nhưng biết đâu đấy. Luôn luôn có cái rủi bị một tên chó săn nhận ra tiếng nói của mình. Ở đây mình không sao.”

Anh vẫn không có can đảm lại gần cô. “Ở đây mình không

sao thật hả?”, anh ngò nghếch nhắc lại.

“Phải. Anh coi đám cây kia. Đó là cây tần bì nhỏ, xưa bị đốn tận gốc nhưng nay đã nảy lại thành một rừng nhánh không cành nào dày hơn cổ tay. Không có cành nào đủ lớn để che một máy ghâm. Vả lại, tôi đã từng đến nơi này rồi.”

Họ chỉ giả vờ nói chuyện. Bây giờ anh đã kiếm cách lại gần cô gái hơn. Cô đứng thật thẳng trước mặt anh, với một nụ cười hơi có vẻ điệu cợt trên môi, như thể cô tự hỏi tại sao anh hành động chậm chạp quá vậy. Hoa huệ dại đã tuôn rơi xuống đất. Hoa hình như tự ý rơi xuống. Anh cầm tay nàng. “Em có tin rằng cho tới lúc này anh không biết mắt em màu gì không?” anh nói. Anh nhận thấy mắt nàng nâu, mà màu nâu nhạt, dưới cặp mi đen. “Nay em nhìn rõ anh ra sao, em còn chịu để ý đến anh không?”

“Có chứ, dễ ợt.”

“Anh đã ba mươi chín tuổi. Anh đã có vợ mà không bỏ được. Anh bị bệnh giãn tĩnh mạch. Anh lại có năm chiếc răng giả.”

“Chẳng can hệ gì,” nàng nói.

Lát sau, khó nói được do ai khởi sự, nàng đã ngã trong lòng anh. Thoạt đầu anh không có cảm tưởng gì ngoài mối hoài nghi đơn chất. Tấm thân trẻ trung ép sát người anh, mái tóc đen xòa vào mặt anh, và thật! Nàng vừa ngẩng mặt lên và anh đã hôn vào cái miệng đỏ rộng. Nàng vòng tay quanh cổ anh, nàng gọi anh là anh yêu, anh quý, anh cung. Anh đẩy nàng xuống đất, nàng hoàn toàn không chống cự, anh có thể làm gì với nàng cũng được. Nhưng sự thực thì anh không có cảm giác thể xác nào ngoài xúc giác đơn sơ. Anh chỉ biết hoài nghi và tự hào. Anh sung sướng vì sự thể đang xảy ra nhưng anh không có nhục dục. Quá sớm, tuổi trẻ và sắc đẹp của nàng làm anh sợ

hải, anh quá quen sống không có đàn bà - anh không biết lý do nào đúng. Cô gái đưa mình ngồi dậy, vượt một bông huệ đại ra khỏi tóc. Nàng ngồi sát vào anh, tay vòng quanh mình anh.

“Không sao, cung. Không việc gì vội. Mình có cả buổi chiều lặn. Chỗ ẩn này thật tuyệt, phải không anh? Em khám phá ra nó nhân một bữa du hành tập thể bỗng bị lạc đường. Nếu có ai lại, cách một trăm thước có thể nghe thấy họ rồi.

“Tên em là gì?” Winston hỏi.

“Julia. Em biết tên anh. Là Winston - Winston Smith.”

“Sao em biết được?”

“Cho là em giỏi khám phá mọi sự hơn cung. Nói cho em hay. Anh nghĩ gì về em trước ngày em dúi mẫu giấy cho anh?”

Anh không có ráp tâm nói dối nàng. Nói ra những điều tệ nhất ngay lúc đầu chính là một cách dâng hiến cho tình yêu.

“Thấy em là anh ghét,” anh trả lời. “Anh muốn hiếp dâm em rồi sau đó giết em. Hai tuần trước anh thực sự tính lấy đá đập nát sọ em. Nếu em thật muốn biết, thì anh tưởng em đáng đáng với Cảnh Sát Tư Tưởng.”

Cô gái cười khoái trá, hiển nhiên coi đó như một sự công nhận tài năng của nàng.

“Cảnh Sát Tư Tưởng ư? Bộ anh quả nghĩ vậy hả?”

“Hừm, có lẽ không hẳn vậy. Nhưng theo toàn thể bộ điều em - chỉ tại em tươi trẻ khỏe mạnh, em hiểu không - anh nghĩ có thể -”

“Anh nghĩ em là một Đảng viên tốt. Lời lẽ cũng như hành vi trong sạch. Cờ xí, đám rước, khẩu hiệu, thể thao, du hành tập thể - mọi cái trò đó. Và anh cho rằng nếu em có dịp nhỏ nào em sẽ tố cáo anh là một tội phạm tư tưởng để cho anh bị giết,

phải không?”

“Phải, đại khái như vậy. Rất nhiều cô gái trẻ như thế, em biết chứ!”

“Tại cái vật khốn kiếp này nó làm cho như vậy,” nàng vừa nói vừa tháo chiếc thắt lưng nhỏ của Liên Đoàn Thanh Niên Chống Tình Dục rồi quăng nó trên một cành cây. Và như thể sờ vào bụng làm nàng nhớ tới điều gì, nàng lục túi bộ áo liền quần của nàng lôi ra một thanh xúc cô la nhỏ. Nàng bẻ nó ra làm hai, đưa cho Winston một phần. Chưa cầm nó, mới ngửi mùi anh đã biết ngay đó là một thứ xúc cô la rất khác thường. Nó đen bóng và được bọc trong giấy bạc. Thông thường xúc cô la là một chất dễ vụn màu nâu xỉn có vị tả đúng nhất là vị khói lửa rác. Nhưng thỉnh thoảng anh có được thưởng thức thứ xúc cô la như miếng nàng cho anh. Hóp thơm đầu của nó gọi trong ký ức anh một kỷ niệm khó nhận ra nhưng mạnh mẽ, khắc khoải.

“Em kiếm ra thứ này ở đâu vậy?”, anh hỏi.

“Chợ đen,” nàng thờ ơ nói. “Đúng em thuộc loại gái đáng coi chừng. Em chơi thể thao giỏi này. Em là một đoàn trưởng trong Đội Gián điệp này. Em lại tình nguyện giúp việc cho Liên Đoàn Thanh Niên Chống Tình Dục ba tối một tuần. Em mất hàng giờ dán văn nhăng thối của chúng khắp Luân Đôn. Cuộc biểu tình nào cũng có em vác cờ. Em luôn luôn tỏ vẻ hân hoan và không bao giờ trốn việc. Bao giờ cũng hò hét với đám đông, đó là tuyên ngôn của em. Chỉ có cách ấy mới an toàn.”

Mảnh xúc cô la đầu đã tan trên lưỡi Winston. Ngon lành làm sao. Nhưng cái kỷ niệm kia vẫn lờn vờn quanh tâm thức anh, mạnh mẽ nhưng không qui được vào một hình ảnh nhất định, giống như một vật nhìn qua khóe mắt. Anh gạt nó ra, duy vẫn

ý thức rằng đó là kỷ ức của một hành động anh muốn xóa bỏ nhưng không xóa nổi.

“Em quá trẻ,” anh nói. “Em kém anh những mười, mười lăm tuổi. Em thấy có gì quyến rũ trong một con người như anh?”

“Có cái gì đó trên mặt anh. Em thấy nên xem sao. Em có tài nhận ra những kẻ không lệ thuộc. Vừa nhìn thấy anh em biết ngay anh chống chúng.”

Chúng đây hẳn chỉ Đảng và đặc biệt Đảng Trong bị nàng nhắc tới với một nỗi căm thù mĩa mai ra mặt, khiến cho Winston e ngại mặc dầu anh biết nơi đây an toàn, nếu sự an toàn có thể có tại một nơi nào. Một điều nơi Julia làm anh ngạc nhiên là cách ăn nói thô tục của nàng. Đảng viên được coi như không biết chửi thề, và chính Winston rất ít khi chửi thề hay ít nhất to tiếng chửi. Thế mà Julia hình như không thể không dùng loại danh từ thấy viết phẩn trên các ngõ hẻm lầy lội mỗi khi nhắc tới Đảng, nhất là Đảng Trong. Anh không ghét cách ăn nói đó. Nó chỉ là một triệu chứng của lòng phẫn nộ của nàng đối với Đảng và các đường lối của Đảng, có thể coi đó như là một phản ứng tự nhiên lành mạnh cũng như cái hắt hơi của một con ngựa ngửi thấy cỏ khô tồi. Họ đã rời khu rừng thưa và đang dạo bước trở lại dưới bóng cây ô quăng, tay người nọ choàng quanh mình người kia mỗi khi lối đi không đủ rộng cho hai người sánh đôi. Anh nhận thấy không có dây thắt, lưng nàng mềm mại hơn nhiều. Họ không nói to hơn tiếng thì thầm. Ngoài khu rừng thưa, nên giữ im lặng, Julia nói vậy. Hiện họ đã tới biên rừng nhỏ. Nàng ngăn chàng lại.

“Chớ có ra ngoài trời trống. Ngộ có ai dòm ngó. Mình chỉ an toàn nếu lấp mình sau cành cây.”

Họ đang đứng dưới bóng lùm cây hạt dẻ. Ánh nắng, dù đã được lọc qua muôn lá, vẫn đốt nóng mặt họ. Winston nhìn ra phía cánh đồng bên kia rừng, và bị xúc động bởi một sự kiểm nhận lạ lùng, chậm chạp. Anh biết cảnh này kia. Một cánh đồng cỏ xưa bị gặm sát đất, có một con đường nhỏ xuyên qua và có đất đùn lổm chổm. Tại hàng rào toi tả bên kia đồng, cành đu khê đong đưa dưới gió mát, lá cây nhẹ rung thành mớ như tóc đàn bà. Chắc hẳn, đầu đó gần đây, nhưng ngoài tầm mắt, có một giòng suối với nhiều vũng xanh có cá vàng bơi chằng?

“Có một giòng suối đầu đó gần đây phải không?” anh khẽ hỏi.

“Phải, có một con suối. Tại rìa cánh đồng kế bên, đứng ra trong đó có cá, cá rất lớn. Có thể thấy chúng vẫy đuôi bơi trong các vũng nước dưới cây liễu.”

“Đây là Xứ Vàng - gần vậy,” anh thì thầm.

“Xứ Vàng nào?”

“Không có chi cả, thật ra. Đó là một phong cảnh anh thỉnh thoảng nằm mơ thấy.”

“Coi kia!” Julia xì xào.

Có một con chim chích chòe đậu trên một cành cây cách họ không tới năm thước, gần ngang mặt họ. Có lẽ nó không nhìn thấy họ. Nó ở dưới nắng, còn họ ở trong bóng rợp. Nó xòe cánh ra rồi xếp gọn cánh lại cẩn thận, cúi đầu xuống một lúc như để tỏ lòng tôn kính với mặt trời, bắt đầu tuôn ra một tràng bài hát. Giữa buổi chiều thanh vắng, âm lượng của tiếng hát mạnh kỳ lạ.

Winston và Julia bám chặt vào nhau, như bị thôi miên. Tiếng nhạc tiếp tục, phút này sang phút khác, bỗng trầm khác lạ, không điệu nào lặp lại điệu nào, như thể con chim cố ý trở tài

điều luyện. Thình thoảng nó ngưng vài giây, xòe cánh ra rồi gấp cánh lại, xong phồng bộ điều lổm đổm lên và bật vang tiếng hót trở lại. Winston ngẩng chim với một lòng kính trọng mơ hồ. Chim hót cho ai, vì sao? Không có bầu bạn, không có tình địch nào nhìn nó. Cái gì khiến nó đậu tại ven rừng vắng và đổ nhạc trong hư không? Anh tự hỏi liệu cuối cùng có máy ghi âm đầu đầu gần đây không. Anh và Julia chỉ khẽ thì thầm với nhau, nên nó không thấu được tiếng họ, nhưng nó có thể ghi lại tiếng chim hót. Có thể tại đầu kia máy một tên bộ hung đang cố tình nghe ngóng - nghe đó. Nhưng dần dần suối nhạc quét mọi ưu tư khỏi óc anh. Như thể nó là một chất nước dội trên khắp người anh, pha trộn với ánh nắng xuyên qua lá. Anh thôi suy nghĩ, chỉ biết thưởng thức. Lưng người con gái trong vòng tay anh vừa mềm vừa ấm. Anh xoay người nàng lại cho hai người chạm ngực vào nhau; thân thể nàng như tan hòa vào thân thể anh. Tay anh rờ vào chỗ nào cũng thấy xiêu dọi như nước. Mồm họ gấn lấy nhau; cái hôn này khác hẳn cái hôn mạnh bạo mà họ trao đổi trước đây. Khi họ buông mặt nhau ra, cả hai thở dài náo nức. Con chim sợ hãi vỗ cánh bay đi.

Winston kể môi bên tai nàng. “Bây giờ nhé” anh thì thầm.

“Không ở đây được,” nàng khẽ trả lời. “Mình trở về chỗ ẩn. An toàn hơn.”

Nhanh nhanh, thình thoảng giẫm lên cành khô kêu rắc, họ len lỏi về khu rừng thưa. Khi họ vào giữa vòng cây non, nàng quay người giáp mặt với chàng. Cả hai đều thở hồng hộc, nhưng nụ cười đã tái hiện trên quanh mép miệng nàng. Nàng đứng nhìn chàng một lúc, rồi sờ vào cái khóa kéo của bộ áo liền quần của nàng. Và phải, sự thể gần như trong giấc mơ của Winston. Gần

nhánh như anh mơ tưởng, nàng giút quần áo ra, và khi nàng quàng nó sang bên, nàng có cái cử chỉ tuyệt vời như muốn qua nó khiến cả một nền văn minh bị tiêu diệt. Thân hình nàng trắng trẻo dưới ánh mặt trời. Nhưng lúc này anh không nhìn vào thân hình nàng; mắt anh dính vào khuôn mặt đầy tàn nhang với nụ cười mỉm táo bạo. Anh quỳ xuống dưới chân nàng và cầm tay nàng trong tay anh.

“Em đã làm thế trước đây chưa?”

“Dĩ nhiên rồi. Hàng trăm lần - hừm ít ra cũng hàng chục lần.”

“Với Đảng viên ư?”

“Vâng, luôn luôn với Đảng viên.”

“Với thành viên Đảng Trong hả?”

“Không, không đời nào với lũ chó chết ấy. Vậy mà có nhiều tên chỉ mong thế nếu được dịp. Chúng không thánh thiện như chúng giả bộ đâu.”

Tim anh chồm lên. Nàng đã làm thế hàng chục lần: anh mong đó là hàng trăm hàng ngàn lần. Bất cứ gì gợi ý sự hủ hóa khiến anh đầy ngập một mối hy vọng rồ dại. Biết đâu, có thể Đảng thối nát dưới vỏ bề ngoài, có thể sự sùng bái nghị lực và lòng hy sinh chỉ là một trò bịp bợm cốt để che đậy sự đồi bại. Giá làm được cho cả đám chúng mắc phải bệnh hủ hay bệnh giang mai, anh sẽ sung sướng ra công làm sao! Bất cứ gì làm chúng hư mục, suy yếu, xói mòn! Anh kéo nàng xuống cho hai người quỳ trước mặt nhau.

“Em nghe đây. Em càng có nhiều cuộc đàn dêu với đàn ông, anh càng yêu em. Em hiểu không?”

“Có, rõ lắm.”

“Anh ghét sự tinh khiết, anh ghét sự tốt lành! Anh không

muốn có đức tính tồn tại nơi nào cả. Anh muốn mọi người ai cũng hư thối tận xương.”

“Vậy thì tốt, em chắc hợp anh, cưng ạ. Em hư hỏng thấu xương cốt.”

“Em thích làm thế không? Anh không muốn nói với anh đâu: anh muốn nói làm thế vì thích thế?”

“Em mê làm thế.”

Đó là điều anh muốn nghe thấy hơn hết. Không chỉ tình yêu con người mà thú tính, tình dục đơn giản không phân hóa: đây là sức mạnh có thể làm Đảng tan tành. Anh ghi nàng xuống cỏ giữa đám huệ dại bị rút. Lần này không khó khăn gì. Hiện thì ngực họ đã phập phồng xuống tốc độ bình thường, và họ đã bắt đầu di khoan khoái buông nhau ra. Trời hình như nóng hơn. Cả hai người đều buồn ngủ. Winston với bộ áo liền quần bị vút bên đem phủ lên một phần thân nàng. Gắn lập tức họ lịm giấc và ngủ khoảng một nửa tiếng.

Winston tỉnh giấc trước. Anh ngồi dậy ngấm khuôn mặt đầy tàn nhang, vẫn ngủ yên lành, gối trên lòng bàn tay nàng. Ngoại trừ cái miệng, không thể cho là nàng đẹp được. Nếu nhìn kỹ, thấy một hai vết nhăn quanh mặt nàng. Mái tóc đen mềm dày lạ thường. Anh bỗng nghĩ rằng anh chưa biết tên họ nàng cũng như địa chỉ nàng.

Tấm thân trẻ mạnh, bây giờ bắt lực trong giấc ngủ, kêu gọi trong anh lòng thương hại che chở. Nhưng lòng triu mến vô tư cảm thấy dưới cây hạt dẻ đương lúc chim chích chòe hót, không hoàn toàn trở lại. Anh kéo bộ áo liền quần sang bên để xét bộ sườn trắng mịn của nàng. Thuở xưa, anh nghĩ, một người đàn ông ngấm thân hình một phụ nữ và thấy nó gọi tình,

thế là hết chuyện. Nhưng ngày nay không thể có tình yêu hay tình dục đơn thuần. Không có cảm xúc nào đơn thuần vì cái gì cũng lẫn lộn với sợ hãi và thù hận. Cuộc giao hợp của họ là một chiến thắng. Đó là một cú mạnh chống Đảng. Đó là một hành động chính trị.

“Minh có thể tới đây một lần nữa,” Julia nói. “Thường thì chỗ ẩn nào cũng dùng được hai lần một cách an toàn. Nhưng không được trở lại trước một, hai tháng, dĩ nhiên.”

Mới ngủ dậy xong, nàng đổi thái độ liền. Nàng đầm lạnh lén, bận rộn, mặc quần áo vào người, buộc thắt lưng đỏ quanh bụng, và bắt đầu sắp xếp chi tiết cho chuyến về. Nhưng cho nàng việc này là lẽ tất nhiên. Rõ ràng nàng có cái trí thông minh thực tế mà Winston thiếu, cùng một sự thông thuộc chốn quê quanh London góp nhặt sau vô số cuộc du hành tập thể. Con đường về mà nàng chỉ cho anh khác hẳn con đường anh mượn khi tới, và đưa anh đến một trạm tàu hỏa khác. “Chớ bao giờ đi với về cùng một lối,” nàng nói như thể phát biểu một nguyên lý đại cương. Nàng sẽ rời bước trước, và Winston phải đợi nửa tiếng nữa mới đi theo nàng.

Nàng cho chàng biết một nơi hai người có thể gặp nhau khi tan sở, bốn giờ chiều tối sau. Đó là một con phố thuộc một khu nghèo, nơi có một phiên chợ họp ngoài trời, thông thường đông đảo và náo nhiệt. Nàng sẽ lảng vảng giữa sạp hàng, giả vờ kiểm dây buộc giấy hay chỉ khâu. Nếu nàng cho rằng không có gì trở ngại, nàng sẽ xit mũi khi chàng lại gần; nếu không chàng phải phớt lờ qua mặt nàng. Nhưng nếu gặp may, giữa đám đông, hai người có thể nói chuyện an toàn với nhau chừng mười lăm phút và sắp xếp một bữa hẹn khác.

“Bây giờ em phải đi,” nàng nói sau khi chàng đã thuộc lòng điều nàng dặn.” Em phải về tới nhà vào mười chín giờ rưỡi. Em phải dành hai tiếng cho Liên Đoàn Thanh Niên Chống Dục Tính, phải phát truyền đơn hay chi khác cho chúng. Thế có khốn không? Anh phải người cho em một chút được không? Em có cãnh khô nhỏ lẫn tóc không? Anh chắc chứ? Thôi, chào anh, anh yêu, chào anh!”

Nàng ôm choàng lấy chàng, hôn chàng như bão táp, rồi một lát sau nàng len lỏi qua cây non và biến dạng trong rừng không tiếng động. Đến giờ anh vẫn chưa biết tên họ và địa chỉ nàng. Tuy sao, biết cũng chẳng hơn gì, vì không thể tưởng tượng được rằng hai người có thể gặp nhau trong nhà hay trao đổi thư từ với nhau.

Số là họ không bao giờ trở lại chốn rừng thưa. Suốt tháng năm, họ chỉ kiếm được một cơ hội khác để thực sự ân ái. Chuyện xảy ra tại một chỗ ẩn khác do Julia biết, đó là tháp chuông một nhà thờ đổ nát tại một vùng quê bị bỏ bom nguyên tử ba mươi năm trước. Chỗ ẩn ấy tốt khi vào được tới nơi, nhưng đạt tới đó rất nguy hiểm. Ngoài ra họ chỉ gặp nhau trên đường phố, mỗi chiều tối tại một nơi khác nhau, và không bao giờ quá một nửa tiếng mỗi lần. Ở ngoài đường, biết cách, thường có thể nói chuyện được với nhau. Đương lúc đưa mình trên vỉa hè giữa đám đông, không hẳn sát cánh nhau và không bao giờ nhìn vào mặt nhau, họ đeo đuổi một câu chuyện lạ lùng, gián đoạn, bật tắt như đèn pha, vụt im lìm khi có một bộ đồng phục của Đảng lại gần hay ở kế cận một máy truyền hình, rồi bắt lại giữa một câu vài phút sau, rồi bị cắt ngang tới chỗ họ đã định trước là phải rời nhau, để rồi được tiếp tục gần như không cần mào

đầu ngày hẹn sau. Julia tỏ ra rất thạo kiểu nói chuyện này, được nàng mệnh danh là “nói chuyện từng đợt”. Nàng cũng giỏi lạ lùng lối nói không mấp môi. Chỉ có một lần trong gần một tháng hẹn hò đêm hôm, họ trao đổi được một nụ hôn. Họ đang lặng lẽ theo một ngõ ngang (Julia không bao giờ nói gì khi họ ra khỏi phố lớn), bỗng bùng lên một tiếng nổ điếc tai, đất văng tung, trời tối đặc, và Winston thấy mình nằm nghiêng, bầm xuốt và khiếp sợ. Hẳn một trái bom lửa đã đổ xuống rất gần đây. Đột nhiên anh nhận ra khuôn mặt Julia cách anh vài phân, tái mét, trắng bạch như phấn. Đến môi nàng cũng trắng. Nàng chết rồi! Anh ôm nàng vào lòng và thấy mình hôn lên một khuôn mặt ấm áp của người sống. Nhưng môi anh chạm phải một chất phấn. Mặt của hai người phủ đầy thạch cao.

Có những chiều tối họ tới nơi hẹn nhưng phải qua mặt nhau không một dấu hiệu, vì có đội tuần tra ở ngay góc đường hay máy trực thăng lượn trên đầu họ. Mà gặp nhau có kém nguy hơn, họ cũng vẫn khó tìm ra thì giờ để hò hẹn. Winston làm việc sáu mươi tiếng một tuần, Julia còn làm nhiều hơn nữa, và ngày nghỉ của họ thay đổi tùy theo sự dồn dập của công việc, không hay trùng nhau. Dù sao chẳng nữa, Julia ít khi có một chiều tối hoàn toàn nhàn rỗi. Nàng dành nhiều thì giờ phát sợ cho sự tham dự các cuộc diễn văn hay biểu tình, cho sự phát văn liệu cho Liên Đoàn Thanh Niên Chống Dục Tính, cho sự sửa soạn cờ xí cho Tuần Lễ Hận Thù, cho sự quyền tiền cho phong trào tiết kiệm, và cho nhiều hoạt động đại loại. Làm vậy có lợi, nàng nói, đó là một cách nguy trang. Có theo được qui tắc nhỏ, mới phá được qui tắc lớn. Nàng còn xúi Winston đầu tư một buổi chiều tối của anh bằng cách nhận một việc phụ

liên quan đến đạn dược, được các Đảng viên sốt sắng tham gia. Thành thử, mỗi tuần một tối, Winston mất bốn tiếng chán ngắt ngồi vắn liền vào nhau mấy mẫu kim khí nhỏ, chắc hẳn là bộ phận của bom lửa, trong một xưởng tồi tàn, thiếu ánh sáng, ầm tiếng búa đập pha trộn inh tai với tiếng nhạc phát từ máy truyền hình.

Khi họ gặp nhau tại tháp nhà thờ, những lỗ hổng trong câu chuyện ngắt đoạn của họ được bù lấp. Bữa ấy là một buổi chiều sáng chói. Không khí trong căn phòng vuông nhỏ trên chuông nóng hăm, hơi xì mũi cút chim bồ câu. Họ ngồi nói chuyện hàng giờ trên sàn gác bụi bặm, lát cạnh gỗ khô, thỉnh thoảng một trong hai người đứng dậy, liếc nhìn ra ngoài qua lỗ châu mai xem có ai tới không.

Julia lên hai mươi sáu tuổi. Nàng sống trong một cư xá với ba mươi cô gái khác (“Luôn luôn sặc mùi đàn bà! Sao em ghét đàn bà thế!” nàng chua miệng), và việc làm của nàng, như chàng dự đoán, liên quan đến máy soạn truyện tại Cục Truyện. Nàng thích công việc của nàng, phần lớn gồm việc cho chạy và tiếp liệu một máy điện mạnh nhưng phức tạp. Nàng không “thông minh” nhưng ưa dùng đến tay và thành thạo máy móc. Nàng có thể tả cả tiến trình việc soạn truyện, từ chỉ thị tổng quát xuất phát từ Ủy Ban Kế Hoạch đến bản sửa cuối cùng của Toán Tái Biên. Nhưng nàng không để ý đến sản phẩm hoàn bị. Nàng nói “không ưa đọc mấy”. Sách chỉ là một phẩm vật bắt buộc phải sản xuất, cũng như thịt muối hay dây giấy.

Nàng không có kỷ niệm gì trước những năm sáu mươi, và người duy nhất hay nói chuyện về thời trước Cách Mạng mà nàng biết là một người ông mất tích khi nàng lên tám. Hồi đi

học nàng là đội trưởng trong Đoàn Gián Điệp và làm thư ký ban cho Liên Đoàn Thiếu Niên trước khi gia nhập Liên Đoàn Thanh Niên Chống Dục Tính. Nàng luôn luôn được coi là một phần tử ưu tú. Nàng còn được chọn để làm việc trong Ban Khiêu Dâm (một biểu hiện chắc chắn của tiếng tốt), là một tiểu ban của Cục Truyền chuyên soạn dâm thư rẻ tiền để cung cấp cho dân đen. Ban ấy được những người làm việc trong đó đặt tên là Chuồng Phàn, nàng phê. Nàng làm một năm nơi đó, giúp việc soạn những tập sách nhỏ được đóng thành bộ có nhan đề như *Chuyện giết gân* hay *Một đêm trong trường nữ sinh* được thanh niên dân đen vụng trộm mua, tưởng mua vậy là hành động bất hợp pháp.

“Các sách đó ra sao?” Winston tò mò hỏi.

“Ồ, nhằm nhì thảm hại. Chán ngắt à, thật đấy. Chỉ có sáu cốt truyện, được đem pha trộn quanh quẩn đôi chút. Dĩ nhiên em chỉ có phận sự với kính vạn hoa thôi. Em không bao giờ có chân trong Toán Tái Biên. Em không biết hành văn, cung ạ - dù là văn cho thứ đó.”

Anh ngạc nhiên khi hay rằng mọi nhân viên trong Ban Khiêu Dâm, trừ các trưởng ban, đều là thiếu nữ. Theo lý thuyết, đàn ông khó kiềm chế bản năng sinh dục hơn đàn bà, cho nên dễ có nguy bị nhiễm uế bởi những câu văn tục tĩu do họ sử dụng.

“Ngay phụ nữ đã có chồng, chúng cũng không muốn cho làm ở đó,” nàng nói thêm. “Con gái luôn luôn được coi như trong trắng hơn. Thế nhưng ít nhất có một đứa không vậy là em đây.”

Nàng có chuyện dan díu đầu tiên hồi mười sáu tuổi với một Đảng viên sáu mươi tuổi sau đó phải tự tử để khỏi bị bắt. “Thế

cũng hay,” Julia nói, “nếu không thế nào chúng cũng khiến hắn khai ra tên em”. Kể sau nàng có nhiều tình nhân khác. Đời sống theo nàng rất giản dị. Minh muốn hưởng đời; “chúng”, đây chỉ Đảng, muốn ngăn mình hưởng; mình ra sức phá lệ. Nàng có vẻ coi như đương nhiên “chúng” phải muốn cướp những thú vui của con người, cũng như con người phải muốn tránh sao khỏi bị bắt. Nàng thù ghét Đảng và thể hiện cái ghét đó bằng những danh từ sống sượng nhất, nhưng nàng không phê bình Đảng một cách tổng quát. Trừ phi nó đụng tới đời sống cá nhân của nàng, nàng không quan tâm đến chủ thuyết của Đảng. Winston nhận thấy nàng không bao giờ dùng danh từ Ngôn Mới ngoại trừ những chữ đã được thông dụng. Nàng không hề nghe nói tới Hội Tinh Thân và không tin vào sự hiện hữu của nó. Nàng cho cuộc nổi loạn có tổ chức nào chống Đảng cũng ngu xuẩn, vì nó bó buộc thất bại. Không phải vừa phá lệ vừa sống sót. Anh mơ hồ tự hỏi có bao nhiêu người khác giống nàng trong thế hệ trẻ - những người sống trong thế giới của Cách Mạng, không biết gì hơn, chấp nhận Đảng như một hiện tượng bất di bất dịch, như trời, không nổi loạn chống uy quyền của Đảng, chỉ đơn thuần thoát ly Đảng như thở chuồn chó.

Họ không bàn tới chuyện cưới nhau. Chuyện này quá xa vời, không đáng nghĩ tới. Không một Ủy ban nào dám chấp thuận cho hai người lấy nhau, ngay trong trường hợp vì lẽ nào đó, Katharine, vợ Winston, không còn vương chân anh.

“Vợ anh, chị ấy như thế nào?” Julia hỏi.

“Cô ta đầy ý tốt, em có biết danh từ Ngôn Mới ấy không? Có nghĩa là chính thống tự nhiên, không thể có tư tưởng xấu.”

“Không, em không biết danh từ đó, nhưng em biết mẫu người

ấy, quá biết.”

Anh bắt đầu kể cho nàng nghe cuộc đời có vợ của anh, nhưng lạ thay nàng dường như biết những đoạn chính của câu chuyện. Làm như nàng là nhân chứng hay người trong cuộc, nàng tả cho anh sự căng thẳng mình lại của Katharine mỗi khi anh đụng tới chị ta, cách Katharine vẫn có vẻ hết sức đẩy anh ra mặc dầu tay chị ôm chặt lấy anh. Với Julia anh không ngại ngừng nói về những chuyện đó: dù sao chẳng nữa, Katharine đã hết là một kỷ niệm đau đớn từ lâu, chỉ còn là một kỷ niệm khó chịu.

“Anh có thể chịu đựng được tình cảnh chưa duy một điều,” anh nói. Anh kể cho nàng cái nghi thức lãnh dục nhỏ mà Katharine bắt anh phải tuân theo mỗi tuần. “Cô ta bảo thế là - nhưng em không bao giờ đoán được.”

“Bổn phận của chúng ta đối với Đảng,” Julia nói nhanh.

“Sao em biết?”

“Em cũng đã từng đi học, cưng ạ. Mỗi tháng một lần nữ sinh trên mười sáu tuổi được giảng về tình dục. Tại Phong Trào Thanh Niên cũng vậy. Chúng nhồi sọ con người ta hàng năm trời: em dám bảo chúng thành công nhiều. Nhưng dĩ nhiên khó mà chắc, vì dân chúng đạo đức giả chết đi ấy.”

Nàng bắt đầu nói rộng vấn đề. Với Julia, chuyện gì cũng xoay về sinh hoạt dục tình của chính nàng. Hề dính dáng chút nào tới chuyện này, là nàng tỏ ra rất sáng suốt. Khác với Winston, nàng nắm được thâm ý của sự chặt chẽ về tình dục của Đảng. Đó không phải chỉ vì dục tính tạo ra một thế giới riêng biệt ngoài vòng kiểm soát của Đảng cần phải bị hủy diệt nếu được. Điều quan trọng hơn là sự thiếu thốn tình dục đưa đến sự cuồng loạn, một trạng thái được Đảng mong muốn vì dễ được cải biến

thành con sói chiến tranh hay lòng tôn thờ kẻ lãnh đạo. Nàng giảng như sau:

“Khi mình làm tình, mình dùng hết năng lực; sau đó mình cảm thấy sung sướng chẳng màng gì tới khác. Chúng muốn mình lúc nào cũng phải sôi sục nghị lực. Các cái trò đi lên đi xuống, vỗ tay vỗ cò chỉ là giới tính biến chưa. Nếu mình sung sướng trong lòng, mình đâu cần tự kích thích với Bác, với Kế hoạch ba năm, với hai phút Hận Thù hay những trò chết thối khác của chúng?”

Nhận xét này rất đúng, anh nghĩ. Giữa lòng trinh tiết và sự chính thống chính trị có một mối quan hệ mật thiết trực tiếp. Vì có cách nào giữ được đúng cường độ cho lòng sợ hãi, nỗi căm thù cũng như trí cuồng tín mà Đảng đòi hỏi nơi Đảng viên, ngoài cách khóa lại một bản năng mạnh mẽ để rồi dùng nó làm động lực? Xung động tình dục nguy hiểm đối với Đảng, nên Đảng xoay chuyển nó theo hướng có lợi cho Đảng. Chúng chơi trò tương tự với tình gia đình. Gia đình thực ra không thể loại được, vậy nên dân chúng được khuyến khích yêu thương con cái, gần theo lối xưa. Mặt khác, con cái được triệt để xúi dục chống lại cha mẹ và dạy phải rình mò và báo cáo những sự trệch đường lối của cha mẹ. Gia đình dần trở thành một chi nhánh của Cảnh Sát Tư Tưởng. Đây là một mẹo làm cho ai cũng bị một lũ chỉ điểm thân cận vây quanh đêm ngày.

Hốt nhiên, anh lại nghĩ tới Katharine. Katharine chắc chắn đã tố cáo anh với Cảnh Sát Tư Tưởng rồi, nếu nàng không quá ngu xuẩn không dò ra tính bất chính thống của các quan điểm của anh. Nhưng cái khiến anh nhớ đến nàng lúc này là khí chiều nóng nực làm trán anh đầm đìa mồ hôi. Anh đem kể cho Julia

một chuyện xảy ra, hay đúng hơn suýt xảy ra, vào một buổi chiều hạ nục nội khác, mười một năm về trước.

Lúc đó vào khoảng ba bốn tháng sau khi anh và Katharine lấy nhau. Hai người lạc đường nhân một chuyến du hành tập thể đầu đó ở vùng Kent. Họ chỉ lèo đèo theo sau những người khác có vài phút, nhưng họ rẽ lầm lối và chốc sau thấy mình bị chặn ngang bởi ven một công trường đá vôi cũ. Đó là một sườn đồi cao chừng mười, hai mươi thước, lởm chởm đá bên dưới. Không có ai để hỏi đường. Khi hiểu rằng mình lạc đường, Katharine đâm ra bồn chồn khó chịu. Xa đám du hành ồn ào dù chỉ một lát đủ làm cho nàng có cảm tưởng mình hành động xấu xa. Nàng muốn quay nhanh trở lại con đường mới theo rồi tìm lối theo hướng khác. Nhưng lúc ấy Winston để ý thấy vài cụm trần châu mọc trên khe vách đá dưới chân họ. Một cụm có hai màu, đỏ thắm và đỏ gạch, hình như mọc trên cùng một rễ. Anh chưa bao giờ thấy một chuyện như vậy trước đây, nên gọi Katharine lại xem.

“Coi kia, Katharine! Nhìn khóm hoa kia! Cái cụm ở dưới chân mình. Em có thấy nó có hai màu không?”

Nàng đã quay đi rồi, nhưng cũng miễn cưỡng trở lại chốc lát. Nàng còn cúi mặt xuống vách đá để nhìn vào chỗ anh chỉ. Anh đứng sau lưng nàng một chút, tay đặt trên eo nàng để đỡ cho nàng đứng thẳng. Lúc đó anh bỗng nhận thấy sự hoàn toàn tro trọi của hai người. Không một sinh vật nào xung quanh, không một nhánh lá dao động, không đến cả một con chim thúc giắc. Tại một chốn như thế này, mối nguy có máy ghi âm rất nhỏ, mà có máy ghi âm chẳng nữa nó cũng chỉ ghi được tiếng động thôi. Lúc đó vào giờ ngủ trưa nóng nhất. Mặt trời cháy rực trên

đầu họ, mồ hôi đổ giọt trên mặt Winston. Và trong óc anh nảy ra ý nghĩ...

“Sao anh không đẩy mạnh chị ấy một cú?” Julia nói. “Nếu là anh thì em đã làm thế rồi.”

“Đúng, chắc em đã làm vậy. Anh cũng thế, nếu anh giống như anh bây giờ. Hay có thể anh cũng đã thế - anh không chắc nữa.”

“Anh có tiếc đã không làm vậy không?”

“Có. Xét cho cùng, anh có tiếc.”

Họ đang ngồi cạnh nhau trên sàn bụi bặm. Anh kéo nàng sát lại gần anh hơn. Đầu nàng đặt trên vai anh, mùi thơm của tóc nàng át hẳn mùi cứt chim bồ câu. Nàng quá trẻ, anh nghĩ, nàng còn trông đợi nơi đời sống, nàng không hiểu rằng đây một chương ngại nhàn xuống vách đá không giải quyết gì.

“Thật ra, làm hay không làm vậy cũng như nhau,” anh nói.

“Thế tại sao anh tiếc không làm vậy?”

“Chỉ vì anh thích có một hành động tích cực hơn tiêu cực. Trong ván bài đời, mình không thắng được. Có những sự thất bại này hay hơn sự thất bại khác, thế thôi.”

Anh cảm thấy vai nàng nhún lên phản đối. Nàng luôn luôn nói ngược anh khi anh nói vậy. Nàng không chấp nhận như một định luật của tạo hóa sự cá nhân bao giờ cũng thất bại. Có thể nói, nàng ý thức nàng bị kết án, trước sau gì Cảnh Sát Tư Tưởng cũng bắt giết nàng, nhưng trong một phần tâm tư nàng nàng tin rằng sao đó, con người có thể xây dựng được một thế giới thậm kín để thỏa lòng sống trong đó. Chỉ cần có may mắn, mưu mô và bạo dạn. Nàng không hiểu rằng hạnh phúc là một thứ không hề có, sự đắc thắng duy nhất nằm trong một tương lai xa xôi,

rất lâu sau khi mình đã chết, khi mình bắt đầu tuyên chiến với Đảng nên coi mình như một thầy ma là hơn.

“Chúng ta là kẻ chết,” anh nói.

“Chúng ta chưa chết,” Julia bình dị chữa.

“Chỉ thể xác chúng ta còn thôi. Cho còn sáu tháng, một năm - năm năm nữa đi. Anh sợ chết. Em còn trẻ nên có lẽ em còn sợ hơn anh. Dĩ nhiên chúng ta sẽ hết sức đẩy lui cái chết. Nhưng làm thế chẳng thay đổi gì mấy. Con người còn giữ tính chất con người, cái chết với cái sống như một.”

“Ồ, bậy nào! Mới đây anh ngủ với ai, với em hay một thầy ma? Anh không vui sống sao? Anh không thích cảm giác: đây là tôi, đây là tay tôi, đây là chân tôi, tôi có thật, tôi chắc nịch, tôi sống! hay sao? Anh không thích thế này à?”

Nàng xoay người lại và áp ngực vào anh. Anh cảm thấy ngực nàng chín chắc qua bộ áo liền quần của nàng. Thân hình nàng hình như đổ ra một ít sức trẻ mạnh vào người anh.

“Có, anh thích chứ.”

“Vậy thì anh ngưng nói chuyện chết chóc đi. Nghe này cung, mình phải ấn định cuộc hẹn sau. Mình có thể trở lại chỗ trong rừng. Mình để yên chỗ ấy khá lâu rồi. Nhưng lần này anh phải tới đó bằng lối khác. Em trù tính hết cho anh. Anh lấy tàu - nhưng coi, để em về ra cho anh.”

Và theo tính thực tiễn của nàng, nàng gạt bụi lại thành một đồng vuông, rồi với một cành khô nhỏ rút từ ổ chim câu, nàng bắt đầu họa một bản đồ trên sàn gác.

Winston nhìn quanh căn phòng ở trên gác cửa tiệm ông Charrington. Cạnh cửa sổ, cái giường kéch xù đã được làm sẵn với khăn phủ rách và gối ống không áo. Chiếc đồng hồ cổ xưa

với cái mặt chia làm mười hai giờ kêu tích tắc trên hòm suôi. Trong góc, trên chiếc bàn gấp, cái chặn giấy thủy tinh được anh mua bữa trước lóe sáng nhẹ dưới bóng mờ.

Trong chỗ chần lò suôi có một cái bếp dầu bằng thiếc dập, một cái xoong và hai cái tách do ông Charrington cấp. Winston châm mỏ đốt, đặt xoong nước lên đun. Anh có mang theo một bao thư đầy cà phê Chiến Thắng và vài thẻ đường tinh. Kim đồng hồ chỉ mười giờ rưỡi: thực ra là mười chín giờ hai mươi. Nàng sẽ đến vào lúc mười chín giờ rưỡi.

Điên rồ, điên rồ, tim anh không ngưng báo anh vậy: một sự điên rồ ý thức, vô cớ, tự sát. Trong các tội trạng một Đảng viên có thể phạm phải, tội này khó giấu diếm nhất. Thực thì ý tưởng đã lớn vồn đầu tiên trong óc anh dưới lối hình ảnh của cái chặn giấy thủy tinh chiếu trên mặt bàn gấp. Như anh dự đoán, ông Charrington không làm khó dễ trong việc cho thuê buồng. Ông ta vui mừng rõ rệt trước mấy đơn lời kiếm được. Và ông ta không tỏ vẻ khó chịu hay đồng tình thô bỉ khi hiểu Winston muốn dùng căn phòng làm nơi hẹn hò ân ái. Ngược lại, ông ta nhìn ra khoảng trung và nói chuyện xã giao, một cách ý nhị đến nỗi anh có cảm tưởng ông ta gần như vô hình. Sự đơn mật, ông ta nói, là một điều quý giá. Ai cũng muốn có một nơi để thỉnh thoảng được ở yên một mình. Và khi ai kiếm được một nơi chốn như vậy, lẽ lịch sự thông thường bắt người khác biết được phải giữ kín sự biết đó. Ông ta còn nói thêm, và khi nói vậy ông ta gần như thoát trần, căn nhà có hai lối ra vào, trong đó có một lối thông qua sân sau dẫn tới một ngõ hẻm.

Dưới cửa sổ có một người đang hát. Mặt trời tháng sáu vẫn còn cao trên không và ngoài sân đầy nắng ở dưới, một người

đàn bà khổng lồ, chắc như cột Rô Man, có cánh tay đỏ vạm vỡ và một chiếc tạp dề vải buộc bụng, đang loạng choạng giữa một chậu giặt và một dây quần áo, phơi lên một loạt thứ trắng vuông được Winston nhận ra là tã con nít. Mỗi khi miệng không ngậm kẹp áo, bà ta hát lên bằng một giọng nữ trầm mạnh:

Đó chỉ là một giấc mơ vô vọng,
Thoáng qua như một buổi xuân,
Một cái nhìn, một lời nói, khuấy bao mơ mộng!
Cuối xa đi mất trái tim tôi!

Bài hát này lan tràn Luân Đôn mấy tuần nay. Đó là một trong vô số bản hát tương tự do một tiểu ban thuộc Cục Ca Nhạc phát hành cho dân đen. Lời của những bài đó được soạn trên một khí cụ gọi là máy làm thơ, không cần sự can thiệp của một người nào. Nhưng người đàn bà hát với một giọng du dương đến nỗi cái khúc ngữ ngắn dễ sợ biến thành một bản ca hợp tai. Anh nghe thấy cả tiếng hát của người đàn bà lẫn tiếng giấy bà ta cào trên đá lát, tiếng la ó của trẻ con ngoài phố cùng tiếng âm nhẹ của xe cộ ngoài xa đâu đó, mặc vậy căn phòng hình như yên tĩnh lạ, nhờ sự vắng mặt của máy truyền hình.

Điên rồ, điên rồ, điên rồ! anh lại nghĩ. Không thể tưởng tượng được rằng hai người có thể tới lui chốn này hơn vài tuần mà không bị bắt. Nhưng sự thèm muốn có một chỗ ẩn thực sự của họ, ngay trong nhà và ở gần, quá lớn đối với họ. Một thời gian sau lần gặp nhau tại gác chuông nhà thờ, họ không sắp xếp được một cuộc hẹn nào. Giờ làm việc bị tăng khắc nghiệt để chuẩn bị Tuần Lễ Hận Thù. Còn hơn một tháng nữa mới tới tuần lễ này, nhưng công vụ sửa soạn đồ sộ phức tạp mà nó đòi hỏi đổ thêm việc vào đầu mọi người. Cuối cùng hai người sắp được

một buổi chiều rảnh cùng một ngày. Họ đồng tình trở lại chỗ rừng thưa. Tới hôm trước ngày hẹn, họ gặp nhau một lát ngoài phố. Như thường lệ, Winston chỉ hé nhìn Julia khi hai người đưa mình về phía nhau, nhưng qua cái liếc đó anh thấy nàng có vẻ xanh xao hơn bình thường.

“Hồng rồi,” nàng thì thầm khi nàng thấy có thể cất tiếng an toàn. “Em muốn nói ngày mai ấy.”

“Sao vậy?”

“Chiều mai. Em không thể lại được.”

“Sao vậy?”

“Ồ, lý do thường lệ. Lần này bắt đầu sớm hơn.”

Trong một lúc, anh nổi cơn phẫn nộ. Trong tháng giao du với nàng, tình dục của anh đối với nàng đã đổi chất. Hồi đầu có ít thú vui nhục dục trong đó. Sự làm tình đầu tiên của họ chỉ là một hành động của ý chí. Nhưng sau lần thứ hai, nó khác hẳn. Mùi tóc nàng, vị mồm nàng, xúc giác về da thịt nàng hình như ăn vào người anh hay vào không khí quanh anh. Nàng đã trở thành một nhu cầu thể xác, một thứ không những anh cần mà anh còn cảm thấy có quyền có. Khi nàng nói nàng không thể tới nơi hẹn được, anh có cảm tưởng nàng lừa dối anh. Nhưng đúng lúc đó, đám đông ép họ lại gần nhau và bàn tay họ vô tình chạm nhau. Nàng bóp nhanh đầu ngón tay anh, cái bóp có vẻ như không phải gọi tình dục mà tình thương của anh. Anh chợt nghĩ rằng khi sống với một phụ nữ, sự thất vọng đặc biệt này là một sự kiện bình thường, định kỳ; và một sự triu mến thầm thiết như anh chưa từng cảm thấy trước đây đối với nàng, bỗng xâm nhập anh. Anh ước ao hai người là một cặp vợ chồng lấy nhau đã được mười năm. Anh ước ao anh đang đi chơi ngoài

phố với nàng như bây giờ, nhưng một cách công khai, không sợ hãi, vừa đi vừa nói chuyện tầm phào và mua hàng lật vật cho gia đình. Anh ao ước nhất có một chỗ cho hai người có thể ở một mình với nhau, không có cảm tưởng bắt buộc phải làm tình mỗi khi gặp nhau. Thực ra, không phải lúc đó mà ngày hôm sau anh mới nghĩ tới việc thuê căn phòng của ông Charrington. Khi anh nêu ý đó ra với Julia, nàng chấp thuận một cách nhanh nhẩu bất ngờ. Cả hai đều biết đó là một sự điên khùng. Như thể họ cố ý tiến sát mỏ họa. Ngồi đợi trên mép giường, anh lại nghĩ tới hầm Bộ Tình Yêu. Lạ sao cái ấn tượng ghê rợn tiền định ấy cứ ẩn hiện trong tâm thức anh. Kìa nó đó, ấn định trong tương lai, dẫn theo cái chết, chắc nịch như 99 đứng trước 100. Không thể tránh nó được, nhưng may ra hoãn được nó: nhưng mặc vậy, có nhiều lúc bằng một hành động hữu ý tự nguyện con người vẫn chọn rút ngắn quãng thời hoãn đó.

Anh nghĩ tới đây thì có tiếng chân bước nhanh trên cầu thang. Julia xông vào phòng. Nàng xách một túi dụng cụ bằng vải thô nâu như anh thỉnh thoảng thấy nàng xách qua lại trong Bộ. Anh nhào ra ôm lấy nàng vào lòng, nhưng nàng thoát người ra khá vội vàng, có phần vì nàng còn cầm túi dụng cụ.

“Nửa giây nữa nào,” nàng nói. “Để em cho anh xem em mang gì đến hăng. Anh có đem một ít cà phê Chiến Thắng thổ tả tới không? Em cho là có. Anh có thể bỏ nó lại, vì mình sẽ không cần tới nó. Coi này.”

Nàng quỳ xuống, mở rộng túi ra và lôi ra một vài cái chia vặn cùng một cái chia vít chất trên mặt túi. Ở dưới là một số gói bọc giấy gọn ghẽ. Gói thứ nhất nàng đưa cho Winston có một vẻ lạ lùng tuy hơi quen thuộc. Nó đầy một chất nặng giống như cát,

vụn tan mỗi khi chạm vào.

“Có phải đường đây không?” anh hỏi.

“Đường thật. Đường, không phải đường tinh. Và đây là một ổ bánh mì - đúng là bánh mì trắng chứ không phải cái hàng chết tiệt của tụi mình đâu - và đây là một lọ mứt nhỏ. Đây nữa là một hộp sữa - nhưng coi này! Cái này thì em thật lấy làm hạnh diện. Em phải lấy ít vải bọc nó vì -”

Nhưng nàng không cần cho chàng biết tại sao nàng phải bọc nó lại. Mùi thơm đã tỏa ra đầy phòng, một mùi thơm dồi dào ấm áp như xuất phát từ thời thơ ấu của anh, ngày nay cũng có khi bắt đốn được, lúc bay ra từ một ngõ hẻm trước khi cửa đập mạnh, lúc phảng phất một cách huyền bí giữa đường phố đông người, được hít một lát sau tan biến mất.

“Đây là cà phê,” anh thì thầm, “cà phê thật.”

“Đó là cà phê của Đảng Trong. Có cả một ký đây này,” nàng nói.

“Làm sao em kiếm ra các thứ này?”

“Toàn là thực phẩm của Đảng Trong. Không có gì, không gì mà lũ lợn đó không có. Nhưng dĩ nhiên, bồi bàn, đầy tớ với dân chúng ăn cắp ra, mà coi này, em có cả một gói trà nhỏ nữa.”

Winston đã ngồi xổm xuống cạnh nàng. Anh xé một góc gói ra.

“Đây là trà thật. Không phải lá dâu.”

“Gần đây có một lô trà xuất hiện. Chúng mới chiếm được Ấn Độ hay sao đó,” nàng mơ hồ nói. “Nhưng nghe này, cung. Em muốn anh xây lung lại em độ ba phút. Anh ra ngồi bên kia mép giường. Chớ có lại gần cửa sổ. Và chớ ngoảnh mặt lại trước khi em bảo anh.”

Winston lo lắng nhìn qua màn the. Ở dưới sân người đàn bà

có cánh tay đỏ vẫn đi đi lại lại từ chậu giặt tới dây phơi quần áo. Bà ta rút thêm hai cái kẹp ra khỏi miệng rồi hát lên một cách trầm thiết:

*Họ nói thời gian hàn mọi vết,
Họ nói ta luôn luôn quên hết;
Nhưng tháng năm tiếng cười với nước mắt
Vẫn quấn đau mãi mãi phím lòng ta.*

Ra chiều bà ta thuộc lòng bài hát lắm cảm. Giọng bà ta bay bổng lên cao với khi hạ êm dịu, thật du dương nhưng đượm một vẻ buồn man nguyền. Có cảm tưởng như bà ta sẽ hoàn toàn vừa lòng nếu buổi chiều tối tháng sáu này bất tận, và nếu số tã vô hạn để bà ta đứng đây muôn ngàn năm phơi tã với hát lắm nhảm. Anh đột thấy lạ rằng anh chưa bao giờ được nghe một Đảng viên tự nhiên ca hát một mình. Hành động đó sẽ bị coi như hơi bất chính thống, như một sự kỳ quặc nguy hiểm, tương tự như sự nói chuyện một mình. Có lẽ chỉ khi nào dân chúng tới mức gần chết đói, họ mới có lý do để hát.

“Anh có thể quay lại được rồi,” Julia nói.

Anh ngoảnh mặt lại và trong một giây anh suýt không nhận ra nàng. Thật ra anh tưởng sẽ thấy nàng lão thể. Nhưng nàng không lão thể. Sự biến hóa còn bất ngờ hơn thế nữa. Nàng đã về mặt.

Chắc nàng đã lên vào một tiệm nào đó trong khu dân đen và đã mua cho mình một bộ son phấn đầy đủ. Môi nàng được tô đỏ sẫm, má nàng được đánh hồng và mũi nàng được điểm phấn lên; có cả một chút chất gì dưới mắt làm cho mắt sáng hơn. Nàng điểm trang không khéo mấy, nhưng chuẩn tắc của

Winston về vấn đề này không cao lắm.

Trước đây anh chưa bao giờ thấy hay tưởng tượng ra một nữ Đảng viên với bộ mặt chất son phấn. Sự tăng sắc của nàng làm anh giật mình. Với vài vết màu đúng chỗ, nàng trở thành không những xinh đẹp hơn nhiều, mà trên hết còn có nữ tính hơn nhiều. Mái tóc ngắn và bộ áo liền quần trẻ trung chỉ gia tăng tác hiệu đó. Khi anh ôm nàng vào lòng một luồng mùi hoa tím trút vào mũi anh. Anh liên tưởng đến một cảnh tối mờ trong hầm bếp và một miệng đàn bà hang hốc. Bà ta cũng dùng thứ nước hoa này, nhưng hiện điều đó không quan hệ.

“Cả nước hoa nữa!” anh nói.

“Phải, cả nước hoa nữa đó, cung. Và anh có biết em sẽ làm gì nay mai không? Em sẽ kiểm ra đâu đó một bộ đồ đàn bà thực sự, rồi mặc nó vào thay vì cái quần chết tiệt này. Em sẽ đeo bí tất lụa và đi giày cao gót! Trong buồng này em sẽ là một thiếu phụ chứ không phải là một đồng chí Đảng.”

Họ vút tung quần áo và leo lên cái giường to lớn bằng gỗ gụ. Đây là lần đầu tiên anh cời trướng trước mặt nàng. Cho tới bây giờ anh quá xấu hổ vì tấm thân xanh còm của anh với tĩnh mạch trướng lồi trên bắp chân và vết khừ mầu nơi mắt cá. Giường không có khăn trải, nhưng tấm khăn phủ dưới người họ sồn mịn, và kích thích cũng như đàn tính của giường làm cả hai ngạc nhiên. “Chắc nó đầy rệp, nhưng thây kệ,” Julia nói. Ngày nay, chẳng thấy đâu có giường hai người, trừ phi tại nhà dân đen. Winston đã được thỉnh thoảng ngủ trong một cái giường như vậy hồi thiếu thời. Nhớ lại thế nào, Julia cũng thấy mình chưa được nằm trong đó trước đây bao giờ.

Chẳng bao lâu họ thiếp đi một giấc ngắn. Khi Winston tỉnh

dậy, kim đồng hồ đã quay gần tới số chín. Anh không đụng dậy vì Julia còn ngủ gối đầu trên tay anh. Phần lớn son phấn của nàng đã chuyển sang mặt anh hay gối ống, nhưng một vết son đỏ nhẹ vẫn làm nổi bật nét đẹp của gò má nàng. Một tia nắng xế chiều rót ngang chân giường, chiếu sáng lò sưởi nơi xoong nước đang sôi sùng sục. Dưới sân, người đàn bà đã ngưng hát, nhưng tiếng kêu của trẻ con vẫn dạt vào từ ngoài phố. Anh mơ hồ tự hỏi, nằm trên giường như thế này, trong khí ấm áp của một buổi chiều hạ, một người đàn ông với một người đàn bà lão thể, làm tình với nhau khi hứng, nói chuyện với nhau về điều muốn nói, không cảm thấy bắt buộc phải dậy, chỉ nằm đó nghe tiếng an tịnh bên ngoài, liệu trong quá khứ đã bị hủy diệt, một sự như vậy có là một kinh nghiệm bình thường không? Chắc không bao giờ có thời điều đó được coi như chuyện thường. Julia tỉnh giấc, dụi mắt và nhắc người trên khuỷu tay nhìn vào bếp dầu.

“Nước cạn mất một nửa rồi,” nàng nói. “Để em dậy làm một ít cà phê. Minh còn một giờ nữa. Điện khu nhà anh bị cúp vào giờ nào?”

“Hai mươi ba giờ rưỡi.”

“Ồ cư xá em họ cúp vào lúc hai mươi ba giờ. Nhưng phải về sớm hơn vì - Ê! Cút đi, đồ súc sinh gớm ghê!”

Nàng bỗng xoắn người lại trên giường, vồ lấy một chiếc giấy trên sàn gác ném mạnh vào góc phòng, cánh tay trắng kiện bật như lò so, hệt như anh thấy nàng ném quyển tự vị vào Goldstein, buổi sáng trước, trong hai phút Hận Thù.

“Cái gì vậy?” anh ngạc nhiên hỏi.

“Một con chuột. Em thấy nó thò cái mõm quỷ của nó ra ngoài

bản gỗ bọc tường. Dưới đó có một lỗ hổng. Gi thì em cũng làm cho nó một phen bỏ vía.”

“Chuột!” Winston lẩm bẩm. “Trong căn phòng này!”

“Đầu chẳng có chúng,” Julia thản nhiên vừa nói vừa nằm xuống trở lại. “Tại cư xá em chúng ở ngay trong bếp. Có nhiều khu Luân Đôn đầy nhúc chuột. Anh có biết chúng tấn công con nít không? Thật đó, ở vài phố, các bà không dám để trẻ con một mình tới hai phút. Dữ là cái giống to con, màu nâu ấy. Gớm nhất là cái của quý ấy bao giờ cũng -”

“Đừng nói tiếp nữa!”. Winston ngắt, mắt nhắm chặt.

“Cung oi là cung! Mặt anh tái mét à. Sao thế? Bộ chúng làm anh buồn nôn ư?”

“Khắp thế giới cái khủng khiếp nhất - một con chuột!”

Nàng ép người vào anh và vòng tay ôm anh như để làm anh vững lòng nhờ khí nóng của thân thể nàng. Anh không mở mắt ra ngay. Trong vài lát anh có cảm tưởng trở về con ác mộng vẫn thỉnh thoảng ám ảnh đời anh. Nó luôn luôn diễn ra tương tự. Anh đứng trước một bức tường đen tối, phía bên kia có một vật ngoài sức chịu đựng, một vật quá hãi hùng không thể chạm mặt được. Trong giấc mơ, cảm tưởng sâu đậm nhất của anh bao giờ cũng là sự tự dối lòng, vì thực ra anh biết rõ cái gì nấp sau bức tường đen. Nếu cố gắng chí tử, làm như móc một mẩu óc mình ra, anh có thể lôi vật đó ra ngoài ánh sáng. Luôn luôn khi tỉnh giấc, anh không khám phá được ra vật đó là gì: nhưng có thể nói là nó dính dáng tới điều Julia đang nói khi anh ngắt lời nàng.

“Anh xin lỗi em,” anh nói. “Không có gì cả. Anh không thích chuột, thế thôi.”

“Đừng phiền, cung, mình sẽ không để cho lũ quý đó phá ở

đây. Em sẽ bịt cái lỗ kia với ít giẻ trước khi mình ra về. Lần sau tới đây em sẽ mang một ít thạch cao bít kín nó lại.”

Chưa chi chốc kinh hoảng đen tối đã có phần bị quên lãng. Hoi sượng mình, Winston ngồi dựa lưng vào đầu giường. Julia ra khỏi giường, mặc bộ áo liền quần vào rồi đi pha cà phê. Mùi thơm thoát ra từ xoong mạnh và kích thích đến nỗi họ phải đóng cửa sổ lại kéo có người ở ngoài để ý rồi đâm tò mò. Điều thích thú hơn vị cà phê là cái thể chất sánh mịn của nó do đường gây ra, một cảm giác mà Winston đã gần như quên mất sau bao năm dùng đường tinh. Một tay rút túi quần, một tay cầm một khúc bánh mì giăm bông, Julia dạo bước quanh phòng, lo lắng nhìn vào kệ sách, chỉ cách sửa chữa hay nhất cái bàn gấp, ném mình vào chiếc ghế bành rách xem nó có tiện khoái không, ngắm nghía cái đồng hồ hai mươi tư tiếng vô nghĩa với một điệu đùa bỡn khoan dung. Nàng mang cái chặn giấy thủy tinh tới giường để ngắm nó dưới nhiều ánh sáng hơn. Anh nhấc nó lên khỏi tay nàng, bị thôi miên như lúc đầu bởi vẻ dịu như nước mưa của thủy tinh.

“Theo anh, cái này là gì vậy?” Julia hỏi.

“Anh cho nó chẳng là vật gì cả - Anh muốn nói, anh nghĩ nó chẳng bao giờ cốt dùng vào việc gì. Đó là điều anh thích nơi nó. Nó là một mảnh lịch sử chúng đã quên ngụy tạo. Nó là một mẫu tin xuất phát từ trăm năm trước nếu mình biết cách đọc nó.”

“Còn tấm tranh kia?” - nàng hất mặt về phía bức tranh khắc bên kia tường - “nó có được một thể kỷ không?”

“Hơn nữa. Dám hai thế kỷ lắm. Chẳng biết chừng. Ngày nay, không thể phát giác ra tuổi tác của bất cứ vật gì.”

Nàng đi lại phía bức tranh để ngắm kỹ nó. “Đây là chỗ cái

con quỷ kia thò mồm ra,” nàng vừa nói vừa đá vào tấm bản gỗ ở ngay dưới tranh. “Nơi này là nơi nào nhỉ? Em đã thấy nó đâu đó trước đây rồi.”

“Đó là một nhà thờ, hay ít nhất nó từng là vậy. Lấy tên Thánh Clement Danes”. Đoạn bài hát mà ông Charrington dạy anh hiện lại trong óc anh, và anh nói thêm với phần luyện tiếc: “Cam với chanh, chuông Thánh Clement reo”.

Trước sự ngạc nhiên của anh, nàng tiếp lời:
Anh nợ tôi ba xu, chuông Thánh Martin reo,
Khi nào anh trả tôi? Chuông Già Bailey reo -

“Em không nhớ sau câu đó là gì. Nhưng đầu sao, em nhớ bài này tận cùng bằng: Đây là nển để đưa anh đi ngủ, đây là dao để chặt cái đầu anh.”

Y như hai nửa phần chữ tiếp ký. Phải có một câu khác sau “Chuông Già Bailey”. May ra nặn được nó khỏi ký ức ông Charrington nếu khéo khích lệ ông ta.

“Ai dạy em thế?” anh hỏi.

“Ông em. Ông thường hát bài ấy cho em khi em còn nhỏ. Ông đã bị hóa hơi khi em lên tám - dù sao chẳng nữa, ông mất tích. Không hiểu chanh là gì nhỉ?” nàng bắt nhất nói thêm. “Em đã được thấy cam. Đó là một thứ quả vàng tròn, có vỏ dày.”

“Anh còn nhớ quả chanh,” Winston nói. “Đó là một hàng rất thường vào những năm năm mươi. Nó chua đến nỗi người nó thôi cũng thấy ê răng.”

“Em cuộc tắm hình này có rệp đằng sau,” Julia nói. “Sẽ có ngày em tháo nó xuống lau cho thật sạch. Em ước chừng đã tới giờ mình phải đi. Em phải rửa cho hết son phấn đã. Ngại ghê! Sau thì em sẽ chùi mặt cho anh khỏi vết son.”

Winston đợi vài phút nữa mới dậy. Căn phòng sẫm tối. Anh quay mình về phía ánh sáng, nằm nhìn cái chặn giấy thủy tinh. Điều vô cùng thú vị không phải là mảnh san hô mà chính là cái mặt trong của thủy tinh. Nó sâu thẳm làm sao, thế mà nó lại gần trong suốt như không khí. Làm như thể mặt thủy tinh là vòm trời, bao gồm một thế giới nhỏ bé với đầy đủ khí quyển. Anh có cảm tưởng anh có thể vào trong đó, và thực sự anh đang ở trong đó cùng cái giường gỗ gụ, cái bàn gấp, cái đồng hồ và tấm tranh khắc cùng chính cái chặn giấy. Cái chặn giấy là căn phòng anh đang ở, và miếng san hô là cuộc đời Julia với cuộc đời anh được đóng chặt kiểu như muôn kiếp trong lòng thủy tinh.

Syme đã biến mất. Một buổi sáng anh không đến sở: vài người không biết nghi binh phẩm sự vắng mặt của anh. Ngày hôm sau không còn ai nhắc tới anh. Ngày thứ ba Winston ra tiền sảnh thuộc Cục Văn Khố xem bảng thông cáo. Một bản bố cáo kê danh sách thành phần Ủy Ban Cờ Tướng trong đó vẫn có Syme. Tờ bố cáo coi gần giống hết trước - không có gì bị gạch - nhưng ngắn hơn một tên. Thế là đủ. Syme đã hết sống: anh không bao giờ sống trên đời.

Trời hừng nóng. Trong trận đồ Bộ, các phòng không của sở được điều hòa không khí vẫn giữ nhiệt độ bình thường, nhưng bên ngoài, đá lát đốt rất chân và mùi hôi trong tàu hầm vào giờ nghệt thật gớm. Việc chuẩn bị Tuần Lễ Hận Thù đương lúc tốt độ, nhân viên các Bộ phải làm việc quá giờ. Các đám rước, phiên họp, duyệt binh, diễn văn, hình sáp, triển lãm, phim ảnh, chương trình truyền hình, việc nào cũng cần được tổ chức; phải dựng gian hàng, đắp hình nộm, đề biểu ngữ, viết bài ca, phao tin đồn, mạo hình ảnh. Đơn vị của Julia trong Cục Truyền được

cất việc sản xuất truyền dài và dồn dập xuất bản một loạt văn đã kích tàn bạo. Winston, ngoài việc thường lệ, mất rất nhiều thì giờ xem lại các tập *Thời Báo* cũ để sửa sai hay tô điểm những tin tức sẽ được nhắc tới trong các bài diễn văn. Đêm khuya, khi đám dân đen ồn ào lũ lượt dạo phố, thành phố có vẻ bồn chồn kỳ lạ. Bom lửa đổ xuống thường hơn bao giờ hết, và thỉnh thoảng ngoài xa tít có tiếng nổ to tát không ai giải thích được xuôi nên nhiều tin đồn hoang đại.

Bản nhạc mới sẽ được dùng làm bài ca chủ đề của Tuần Lễ Hận Thù (được gọi là Hận ca) đã được soạn xong và không ngưng phát thanh trên máy truyền hình. Nó có một điệu sửa man dại, không thể được gọi hẳn là nhạc, nhưng giống tiếng trống đánh. Gào bời hàng trăm giọng cùng nhịp với tiếng chân đi inh ịch, nó thật hãi hùng. Dân đen say mê bản đó, và nửa đêm trên đường phố nó cạnh tranh với bản “Đó là một giấc mơ vô vọng” vẫn được ưa chuộng. Con nhà Parsons chơi bản ấy vào mọi giờ ngày đêm trên lược hay giấy vệ sinh, không chịu đựng nổi. Buổi chiều tối của Winston bận rộn hơn bao giờ. Các toán tình nguyện do Parsons tổ chức sắp sửa sửa phố cho Tuần Lễ Hận Thù, họ khâu cờ hiệu, dựng cán cờ trên mái nhà, liều mạng ném dây băng phố để chằng biểu ngữ. Parsons huênh hoang rằng một mình Căn Nhà Chiến Thắng sẽ phô trương được bốn trăm thước cờ xí. Anh ta ở trong môi trường bẩm sinh của mình nên vui như chim sơn ca. Trời nóng và việc chân tay cho anh có để mặc quần đùi và áo hở ngực vào chiều tối. Anh ta có mặt một lúc khắp nơi, nào đẩy, nào kéo, nào cưa, đập lúa, ứng tác, vỗ về mọi người bằng những lời khuyến khích thân mật, và toát ra từ từng nếp thân hình anh một khối mồ hôi chua vô tận.

Một tấm bích chương mới bỗng nhiên xuất hiện khắp Luân Đôn. Nó không có chú từ, chỉ hình dung hình dáng quái dị của một tên lính Âu Á, cao ba bốn thước, đang tiến bước với khuôn mặt Mông Cổ tro ì và đôi giày ống kếp sù, một khẩu súng máy chìa ra từ hông hấn. Bạn nhìn tấm bích chương từ góc nào chẳng nữa, mồm súng được phóng đại bởi thuật thấu phóng vẫn hình như chìa thẳng vào bạn. Cái ấy được dán tại khắp chỗ trống trên mọi bức tường, nhiều hơn cả hình Bác. Dân đen, thường tỏ ra thờ ơ đối với chiến tranh, bị cài vào một trận yêu nước nồng nhiệt định kỳ. Như để hòa âm với tính khí chung, bom lửa giết nhiều người hơn thường lệ. Một quả rơi xuống một rạp chiếu bóng tại Stepney, chôn vùi hàng trăm nhân mạng dưới đồng nhà đổ nát. Toàn thể dân chúng vùng lân cận đến dự đám ma kéo dài dằng dặc hàng tiếng, nhưng kỳ thực đấy là một cuộc biểu tình bất bình. Một trái bom khác rớt xuống một miếng đất bỏ hoang dùng làm sân chơi, khiến hàng tá trẻ con bị tung thành mảnh. Sau đó lại có nhiều cuộc biểu tình giận dữ, hình nộm Goldstein bị đốt, hàng trăm bích chương hình dung lính Âu Á bị xé rách vút vào lửa, và một số cửa tiệm bị cướp nhân lúc lộn xộn; rồi có tin đồn rằng bom lửa do quân gián điệp hướng dẫn nhờ làn sóng điện, và một cặp vợ chồng già bị nghi là người gốc ngoại quốc bị đốt nhà chết ngạt trong đó.

Trong căn phòng ở trên cửa tiệm ông Charrington, lúc họ tới đó được, Julia và Winston nằm cạnh nhau trên chiếc giường không khăn trải, trần truồng cho mát dưới cửa sổ mở toang. Con chuột không hề trở lại, nhưng trời nóng làm rệp sinh sản gấp bội phát gớm. Thế cũng chẳng sao. Bẩn hay sạch, căn phòng là thiên đàng. Tới nơi là họ rắc ngay khắp nơi hồ tiêu

mua tại chợ đen, cởi quần áo ra và làm tình với thân thể ướt đầm mồ hôi, rồi ngủ thiếp đi và tỉnh dậy để thấy đàn rệp đã tụ họp nhau lại sẵn sàng phản công.

Trong tháng sáu họ gặp nhau bốn, năm, sáu - bảy lần. Winston đã bỏ thói uống rượu gin vào bất cứ giờ nào. Anh cơ hồ không thấy nó cần thiết nữa. Anh mập ra, chứng loét giãn tĩnh mạch đã lặn biến để lại một vết nâu ngoài da dưới đầu gối, con ho sáng sớm của anh đã ngưng. Cuộc đời không còn bất kham nữa, anh không còn xung lực nhả mặt về phía máy truyền hình hay gân cổ chửi thề. Nay họ có một chỗ ẩn an toàn gần như một tổ ấm rồi, sự họ hiếm khi gặp nhau và mỗi lần chỉ được vài tiếng không còn làm họ đau buồn nữa. Điều quan trọng là cái căn phòng trên tiệm đồ cũ có thực. Biết nó còn đó, không bị ai xâm phạm, cũng gần như ở đó. Căn phòng là một thế giới, một túi quá khứ trong đó thú vật đã tuyệt giống còn đi lại được. Ông Charrington, theo Winston, là một thú vật tuyệt giống ấy. Anh thường dùng chân nói chuyện với ông ta vài phút trên đường lên cầu thang. Ông già có vẻ ít khi ra khỏi nhà, và mặt khác dường như không có khách hàng. Ông ta sống một cuộc đời ma quái giữa cửa tiệm nhỏ bé tối đen và một căn bếp sau nhỏ hơn nữa, là nơi ông soạn cơm và chứa nhiều đồ đạc trong đó có một cỗ máy hát cũ kỹ với cái vành loa kếp sù. Ông ta có vẻ thích thú được dịp chuyện trò. Khi ông đi giữa khối hàng vô giá trị, với cái mũi dài dưới cặp kính dày và đôi vai khom trong chiếc vét nhung, ông luôn luôn mơ hồ có dáng của một nhà sưu tập hơn là một nhà buôn. Với một thứ nhiệt tình lỗi thời, ông có thói mân mê mảnh vật này hay mảnh vật kia - một lọ sành, một nắp hộp thuốc hít vẽ có họa màu, một chiếc mề đay bằng vàng giả

đựng một cuộn tóc trẻ con đã chết từ lâu -, nhưng ông không bao giờ bảo Winston mua nó, chỉ khiến anh ngẩn nó thôi. Nói chuyện với ông cũng như nghe tiếng leng keng của một hộp nhạc cũ rích. Ông đã lôi được ra khỏi ký ức ông vài mẫu nhạc đã bị quên lãng. Có một khúc nói về hai mươi tư con chim sẻ, một khúc khác nói về một con bò cái gãy sừng, và một khúc khác nữa về cái chết của con gà Robin đáng thương. “Tôi bỗng chợt nghĩ có thể ông ưa bản này chăng?” ông ta thường vừa nói vừa cười trừ nhẹ mỗi khi ông xướng một mẫu nhạc mới. Nhưng bài nào ông ta cũng không bao giờ nhớ nhiều hơn vài giờ.

Cả Julia lẫn Winston đều biết - có thể nói ý nghĩ này không bao giờ rời họ - rằng chuyện đang xảy ra cho họ không thể kéo dài lâu được. Có những lúc cái chết sắp đến nơi cơ hồ có thể sờ thấy được cũng như cái giường đang nằm lên, và họ ôm chặt lấy nhau với cả mối tình dục tuyệt vọng, y như một linh hồn phải sa địa ngục cố bấu lấy thú vui cuối cùng năm phút trước khi giờ điểm. Nhưng cũng có lúc họ có ảo tưởng không những được an toàn, mà còn được vĩnh cửu. Cả hai cảm thấy rằng họ còn ở trong căn phòng này, không có gì hại được họ. Tới nơi vừa khó vừa nguy hiểm, nhưng vào trong, căn phòng là một điện kín. Hệt như khi Winston nhìn vào lòng tấm chặn giấy với cảm tưởng có thể bước được vào trong thế giới thủy tinh và rồi ngăn chặn được thời gian khi vào tới trong. Nhiều khi họ thả mình mơ màng chuyện thoát ly. Vận may của họ sẽ vững mãi, họ sẽ tiếp tục đan diu như thế này cho tới mãn kiếp thiên nhiên của họ. Hay Katharine sẽ chết và nhờ khéo vận động Winston và Julia sẽ được phép lấy nhau. Hay họ sẽ tự tử cùng nhau. Hay họ sẽ biến mất, cải trang cho không ai nhận ra được, học nói

giọng dân đen, kiếm việc làm tại một xưởng máy, và sống suốt đời không bị lộ tẩy trong một phố hẻo lánh. Toàn là chuyện ngớ ngẩn, cả hai đều biết vậy. Thực ra, không có lối thoát. Ngay cái dự tính có thể thực hành được, tức là tự tử, họ cũng không có ý định đem ra thực hiện. Bám vào ngày này sang ngày khác, tuần này sang tuần khác, kéo dài một hiện tại không tương lai cơ hồ là một bản năng không dẫn được, hết như buồng phổi mãi mãi hít thở khi còn không khí để thở.

Thình thoảng họ cũng nói chuyện lao đầu vào sự phản kháng tích cực chống Đảng, nhưng họ không biết bước đầu phải làm sao. Dù cho Hội Tinh Thân có thật, vẫn còn sự khó khăn kiếm ra cách vào hội. Anh kể cho nàng tình thân thiết lạ lùng đã có, hay hình như có, giữa anh và O'Brien, cái động lực có khi thúc đẩy anh đến thẳng trước mặt O'Brien khai với ông ta anh là kẻ thù của Đảng và yêu cầu ông ta giúp đỡ. Khá lạ lùng, điều này không làm nàng sững sốt và cho là một hành động khinh suất. Nàng quen theo mặt xét người, và đối với nàng đương nhiên Winston có thể căn cứ trên cường độ của ánh mắt mà tin O'Brien. Lại nữa, nàng cho rằng mặc nhiên mọi người hay gần hết mọi người thâm ghét Đảng và sẵn sàng phá lệ nếu làm vậy vẫn an toàn. Nhưng nàng từ chối tin là có, hay có thể có, một tổ chức đối lập rộng rãi. Những chuyện về Goldstein và đội quân ngầm của ông, theo nàng, chỉ là một tràng tin nhảm do Đảng bịa ra vì mục đích riêng, mình phải giả vờ tin. Quá nhiều lần, tại các buổi tập hợp của Đảng và các cuộc biểu tình tự phát, nàng đã ra sức hét đòi xử tử những người nàng không bao giờ nghe thấy tên, bị khép vào tội nàng không hề tin có thật. Khi xảy ra các vụ xử án công cộng, nàng có chân trong biệt đội Liên Đoàn

Thanh Niên bao quanh tòa án từ sáng tới tối thỉnh thoảng hát câu: “Xử tử quân phản nghịch!” Trong Hai Phút Hận Thù nàng luôn luôn vượt hết mọi người trong việc chửi Goldstein. Thế nhưng nàng chỉ có một ý niệm rất mơ hồ về Goldstein và những học thuyết mà ông mang tiếng biểu thị. Nàng lớn lên sau Cách Mạng và còn quá trẻ để có kỷ niệm về những cuộc đấu tranh tu tưởng thời các năm năm mươi, sáu mươi. Một phong trào chính trị độc lập là một chuyện ngoài sức tưởng tượng của nàng: dù sao chẳng nữa Đảng vô địch. Đảng bao giờ cũng có và sẽ mãi mãi như vậy. Chỉ có thể chống Đảng bằng cách bất tuân ngầm, hay quá lắm, bằng những hành động lẻ tẻ như giết một người hay làm nổ vật gì.

Trên vài phương diện, nàng sáng suốt hơn Winston nhiều, và ít bị nhiễm bởi sự tuyên truyền của Đảng hơn. Có một lần, nhân trong một câu chuyện anh có nhắc qua tới chiến tranh chống Âu Á, nàng làm anh sững sốt vì thản nhiên bảo anh rằng, theo ý nàng, chiến tranh không hề xảy ra. Các trái bom lửa đổ hàng ngày xuống Luân Đôn hẳn do chính Chính Phủ Đại Dương thả, “vừa đủ để giữ cho dân chúng khiếp sợ”. Đó là một ý tưởng không bao giờ lòe trong óc anh. Nàng cũng gọi trong anh một chút lòng ganh tị khi kể cho anh rằng trong Hai Phút Hận Thù nỗi khó khăn lớn của nàng là làm sao nhịn phá lên cười. Nhưng nàng chỉ đặt thành vấn đề sự dạy bảo của Đảng khi nó có cơ dính dáng đến đời sống của chính nàng. Thường nàng sẵn sàng chấp nhận huyền thoại chính thức, chỉ vì sự khác biệt giữa sự thật và sự giả dối không quan hệ đối với nàng. Giả dụ, nàng tin Đảng sáng chế ra tàu bay vì đã học như thế ở trường. (Winston nhớ rằng thời anh còn đi học, vào những năm cuối năm mươi,

Đảng chỉ tuyên bố chế ra trực thăng; mười hai năm sau, khi Julia đi học, Đảng đã nhận tàu bay do Đảng phát minh; một thế hệ nữa, sẽ tới lúc Đảng đòi chế ra máy hơi.) Và khi anh bảo nàng tàu bay có từ trước khi anh ra đời, trước Cách Mạng nhiều, nàng ngạc nhiên cho điều đó hoàn toàn không đáng lưu tâm đến. Và lại, biết ai là kẻ sáng chế ra tàu bay có tích sự gì? Anh khá bị xúc động hơn khi tình cờ phát giác nàng không nhớ rằng bốn năm trước Đại Dương đánh nhau với Đông Á và hòa với Âu Á. Đã đành nàng coi cả cuộc chiến như một trò hề: nhưng hiển nhiên nàng không để ý cả đến sự tên kẻ địch đã thay đổi. “Em tưởng bao giờ mình cũng đánh nhau với Âu Á,” nàng mơ hồ nói. Điều này làm anh hơi sợ hãi. Việc sáng chế tàu bay có từ lâu trước khi nàng ra đời, nhưng sự thay đổi chiều hướng chiến tranh xảy ra có bốn năm trước, khi nàng đã khôn lớn. Anh tranh luận với nàng về điều đó khoảng chừng mười lăm phút. Cuối cùng anh thành công bắt nàng ôn lại ký ức cho tới khi nàng nhớ lơ mơ rằng có thời kẻ thù là Đông Á chứ không phải là Âu Á. Nhưng vấn đề đối với nàng vẫn không quan trọng gì. “Ai mà để ý?” nàng sốt ruột nói. “Đó chỉ là một cuộc chiến chết bầm này đến cuộc chiến chết tiệt kia, với lại các tin tức đều là tin bịa cả.”

Có lúc anh nói chuyện với nàng về Cục Văn Khố và các sự giả mạo do anh làm trong đó. Những việc này không có vẻ làm nàng ghê tởm. Nàng không cảm thấy vực thẳm mở rộng dưới chân nàng khi nghĩ tới những sự dối trá trở thành sự thật. Anh kể cho nàng chuyện Jones, Aaronson và Rutherford, và mảnh giấy chủ yếu mà anh đã có lần cầm giữa ngón tay. Điều này không gây xúc động cho nàng. Và lại, thoạt đầu nàng không nắm được mấu chốt chuyện.

“Họ có phải là bạn của anh không?” nàng hỏi.

“Không, anh không hề biết họ. Họ là thành viên Đảng Trong. Ngoài ra, họ lớn tuổi hơn anh nhiều. Họ thuộc về những ngày xa xưa, trước Cách Mạng. Anh chỉ hơi biết mặt họ thôi.”

“Vậy có việc gì phiền đến anh? Lúc nào chẳng có người bị giết, không phải ư?”

Anh cố gắng giảng cho nàng hiểu. “Đây là một trường hợp đặc biệt. Không phải chỉ là một chuyện giết người. Em có ý thức rằng quá khứ, kể từ hôm qua, đã thực sự bị hủy diệt không? Nếu nó tồn tại nơi nào, nó chỉ ở tại vài vật bền chắc không có liên hệ với ngôn ngữ như tấm thủy tinh này. Chưa chi mình cơ hồ hoàn toàn không biết gì về Cách Mạng và những năm trước Cách Mạng. Mọi tài liệu đã bị tiêu hủy hay giả mạo, mọi sách báo đã bị viết lại, mọi hình ảnh đã bị tô lại, mọi pho tượng, đường phố hay dinh thự đã bị đổi tên, mọi ngày tháng đã bị sửa đổi. Và quá trình này ngày ngày phút phút tiếp tục. Lịch sử đã ngừng lại. Không còn gì ngoài một hiện tại vô tận trong đó Đảng luôn luôn có lý. Dĩ nhiên anh biết rằng quá khứ bị giả mạo, nhưng anh không bao giờ có thể chứng minh được điều đó, dù chính anh làm công việc giả mạo. Sau khi việc hoàn tất, không còn chứng cứ nào tồn tại. Bằng cứ độc nhất nằm trong chính óc anh, và anh không biết chắc có người nào khác chia cùng kỷ niệm với anh không. Đúng chỉ một lần, trong cả đời anh, anh cảm được một bằng chứng cụ thể sau sự kiện, hàng năm sau đó.”

“Nó có lợi ích gì?”

“Không ích lợi gì cả vì anh vứt nó đi vài phút sau. Nhưng nếu việc đó xảy ra ngày nay, anh sẽ giữ nó lại.”

“Thế ư, em thì không vậy,” Julia nói. “Em rất sẵn sàng liều vì nhiều chuyện xứng đáng, chứ không vì vài mẫu báo cũ. Ngay nếu anh giữ được nó, anh làm gì được với nó?”

“Có lẽ chẳng làm được gì mấy. Nhưng nó là một bằng chứng. Nó có thể gieo hoài nghi nếu anh dám cho người khác thấy. Anh không nghĩ rằng mình có thể thay đổi gì trong sinh thời mình. Nhưng có thể tưởng tượng rằng vài nút chống đối sẽ nảy nở đây đó - vài nhóm người liên kết với nhau và lớn mạnh dần, có thể để lại một ít tài liệu để các thế hệ sau tiếp tục công việc bỏ dở.”

“Em không quan tâm đến thế hệ sau, cung ạ. Em chỉ để ý đến chúng mình thôi.”

“Em chỉ là một kẻ nổi loạn từ eo trở xuống,” anh bảo nàng.

Nàng cho câu ấy hết sức dí dỏm và khoái chí choàng tay quanh người anh.

Nàng không mấy may chú tâm đến các phân nhánh trong chủ thuyết của Đảng. Mỗi khi anh bắt đầu nói chuyện về nguyên lý của Anh Xã, về ý đôi, về tính đối thay của quá khứ, về sự phủ định thực tế khách quan, và mỗi khi anh dùng danh từ Ngôn Mới, nàng đâm chán chường, bối rối và nói nàng không bao giờ lưu ý đến những vấn đề đó. Đã biết đó là chuyện tầm phào, sao cứ để mình bận lòng với nó hoài? Nàng biết khi nào phải hoan hô, khi nào phải hò hét, và chỉ cần biết vậy. Nếu anh cứ tiếp tục nói chuyện về những vấn đề trên, nàng có cái thói ngủ gật bất cứ giờ nào trong bất cứ tư thế nào. Nhờ nói chuyện với nàng, anh hiểu rằng tỏ vẻ chính thống trong khi mình không hề rõ chính thống nghĩa là gì thật là dễ. Có thể nói, thế giới quan của Đảng được ép nhận với nhiều thành công nhất trong lớp dân

không có tư cách hiểu nó. Họ có thể bị khiến chấp nhận những sự vi phạm thực tế rõ ràng nhất, vì họ không bao giờ thấu được nỗi quá đáng của sự đòi hỏi nơi họ, vì họ không đủ óc quan tâm đến việc công để lưu ý đến sự thể đang xảy ra. Nhờ thiếu hiểu biết họ giữ được óc lạnh mạnh. Họ chỉ nuốt chửng mọi điều, và điều họ nuốt không làm hại họ vì nó không để lại cặn bã, y như một hạt lúa mì xuyên qua thân chim mà không bị tiêu hóa.

Cuối cùng sự việc đã xảy ra. Tin mong đợi đã tới. Cơ hồ đối với Winston, cả cuộc đời anh anh đã đợi sự này xảy ra.

Anh đang đi dọc hành lang trong Bộ, và anh gần tới chỗ Julia dúm mẩu thư trong tay anh, thì bỗng anh ý thức có một người to lớn hơn anh nhiều đang đi sau lưng anh. Người đó, là ai chẳng nữa, khẽ ho, hiển nhiên như để bắt chuyện. Winston vụt dừng chân quay lại. Đó là O'Brien.

Tận cùng họ chạm mặt nhau, nhưng Winston tựa như chỉ có một động lực duy nhất là chạy trốn. Tim anh đập mạnh. Liệu như anh không nói được lên lời. Thế nhưng O'Brien tiếp tục tiến bước đều như cũ, tay ông đặt thân thiện trên cánh tay Winston khiến cho hai người sánh vai nhau. Ông ta bắt đầu nói với phép lịch sự đặc biệt làm ông tách hẳn phần đông thành viên Đảng Trong.

"Tôi hy vọng có cơ hội nói chuyện với anh," ông ta bảo. "Tôi có đọc một bài Ngôn mới trong *Thời Báo* do anh viết hôm trước. Anh quan tâm đến Ngôn Mới với tinh thần một nhà nghiên cứu, tôi nghĩ vậy có đúng chăng?"

Winston đã lấy lại được một phần bình tĩnh. "Khó mà sánh tôi với một nhà nghiên cứu," anh nói. "Tôi không có chuyên. Đó không phải là môn của tôi. Tôi không hề dính dáng gì với việc

xây dựng cụ thể ngôn ngữ đó.”

“Nhưng anh viết văn mới rất trôi chảy,” O’Brien đáp. “Đó không chỉ là ý kiến của tôi. Tôi có nói chuyện mới đây với một người bạn anh, chắc hẳn là một chuyên viên. Hiện tôi không nhớ ra tên anh ta.”

Lại nữa tim Winston xao xuyến đến đau đớn. Không thể nghĩ rằng câu đó ám chỉ một người khác lạ hơn Syme. Nhưng Syme không những đã chết, anh đã bị hủy diệt thành một vô nhân. Bất cứ lời nào nhắc tới anh cũng cực kỳ nguy hiểm. Nhận xét của O’Brien rõ ràng phải có chủ ý, như một ám hiệu, một mật mã. Với sự chia sẻ một tội tư tưởng nhỏ, ông ta đã biến hai người thành đồng lõa. Họ tiếp tục rảo bước chậm chạp trên hành lang được một lúc thì O’Brien dừng chân lại. Với vẻ cời mở thân thuộc mà ông luôn luôn có cách đặt trong cử chỉ, ông chỉnh đốn cặp kính trên mũi. Rồi ông ta nói tiếp:

“Điều tôi thực sự định nói là trong bài của anh tôi để ý thấy anh dùng hai danh từ đã lỗi thời. Nhưng hai chữ đó mới chỉ thành hủ lậu gần đây thôi. Anh đã xem quyển *Từ Điển Ngôn Mới* bản thứ mười chưa?”

“Chưa,” Winston nói. “Tôi không biết nó đã được xuất bản. Chúng tôi vẫn dùng bản thứ chín trong Cục Văn Khố.”

“Tôi chắc phải vài tháng nữa bản thứ mười mới được phép phát hành. Nhưng đã có vài tiền bản được phổ biến. Chính tôi có một bản. Anh muốn xem qua nó chẳng?”

“Dạ, muốn lắm,” Winston vừa nói vừa hiểu ngay câu chuyện đưa tới đâu.

“Có vài tiến triển rất tài tình. Như sự giảm bớt số động từ - tôi thiết nghĩ đó là điểm khích trí anh. Xem nào, tôi có nên phải

người mang từ điển đến anh không nhỉ? Phải cái tôi sợ thế nào cũng quên khuấy đi mất việc đó. Liệu anh có thể đến nhà tôi lấy nó vào ngày giờ thích hợp với anh không? Đợi chút. Để tôi cho anh địa chỉ tôi.”

Họ đang đứng trước máy truyền hình. Với một vẻ coi như vô tư, O'Brien sờ vào hai túi quần lôi ra một cuốn sổ tay bọc da và một cây bút mực bằng vàng. Ngay dưới máy truyền hình, trong một tủ thế ai đang nhìn bên kia máy cũng có thể đọc được điều ông viết, ông ngoáy một địa chỉ và xé trang giấy đưa cho Winston.

“Tôi thường có nhà vào chiều tối,” ông ta nói. “Nếu không, người làm của tôi sẽ đưa quyển từ điển cho anh.”

Ông ta rảo bước, bỏ lại Winston đang cầm mẫu giấy, lần này không cần giấu giếm. Tuy nhiên, anh cẩn thận ghi nhớ điều ghi trên giấy và vài giờ sau vút nó vào lỗ ký ức cùng với một xấp giấy khác.

Họ nói chuyện với nhau độ vài phút là nhiều nhất. Giai đoạn chỉ có thể có một ý nghĩa thôi. Nó là một cách sắp đặt cho Winston biết địa chỉ O'Brien. Nó cần thiết, vì ngoài sự hỏi thẳng, không bao giờ khám phá được chỗ ở của ai. Không có loại danh bạ nào để tra cả. “Nếu bao giờ anh muốn gặp tôi, đây là nơi kiếm được ra tôi,” đó là điều O'Brien đã nói với anh. Có thể còn có một thông điệp giấu đâu đó trong từ điển. Nhưng dù sao đi nữa, có một điều chắc chắn. Cuộc đồng mưu mà anh mơ tưởng tới có thật, và anh đã đạt được ngoại biên của nó.

Anh biết trước sau gì anh cũng sẽ tuân theo đề nghị của O'Brien. Có thể ngày mai, có thể sau một thời gian dài - anh không biết chắc. Điều xảy ra chỉ là hậu quả của một quá trình

đã khỏi sự từ hàng năm trước. Bước đầu là một ý nghĩ thầm kín, không chủ tâm, bước thứ hai là sự khai trương cuốn nhật ký. Anh đã chuyển ý tưởng sang lời văn, và lời văn sang hành động. Bước cuối cùng là một sự sẽ xảy ra trong Bộ Tình Yêu. Anh đã chấp nhận điều ấy. Kết cục được chứa trong bước đầu. Nhưng nó ghê rợn: hay đúng hơn, nó giống như tiền vị của cái chết, như một sự giảm sinh lực. Ngay khi anh đang nói chuyện với O'Brien, khi ý nghĩa của câu nói thấm ngấm anh, một cơn rừng lạnh buốt xâm nhập anh. Anh có cảm giác bước trên đất ẩm của một nấm mồ, và sự vẫn biết rằng ngôi mộ nằm đó đợi anh không giúp anh vững dạ chút nào.

Winston tỉnh dậy nước mắt đầm đìa. Julia ngái ngủ xoay mình sát lại anh, lẩm bẩm điều gì giống như: “Chuyện gì vậy?”

“Anh nằm mơ -,” anh bắt đầu trả lời rồi im bặt. Giấc mơ quá phức tạp, không diễn tả được. Ngoài giấc mơ, còn có kỷ niệm liên hệ đến nó đã lướt qua óc anh vài giây sau khi anh tỉnh giấc.

Anh nằm nhắm mắt trở lại, vẫn đắm mình trong không khí chiêm bao. Đó là một giấc mơ sáng rộng trong đó cả cuộc đời anh hình như trải ra trước mắt anh, y hệt quang cảnh một chiều hạ sau cơn mưa. Nó tròn vẹn xảy ra trong lòng tấm chặn giấy thủy tinh, nhưng mặt thủy tinh lại là vòm trời, và dưới vòm trời mọi thứ ngập trong một ánh sáng êm dịu cho phép nhìn ra quang xa vô tận. Giấc mơ có thể được bao gồm trong - còn có thể nói nó đặc là - một cử chỉ cánh tay của mẹ anh, được lặp lại ba mươi năm sau bởi người đàn bà Do Thái anh đã thấy trong cuốn phim thời sự, cổ đồ đạc cho đứa bé trai nhỏ trước khi trực thăng bắn tan cả hai.

“Em biết không,” anh nói, “cho tới giờ anh cứ tưởng anh đã

giết mẹ anh?”

“Tại sao anh lại giết mẹ anh?” Julia vẫn ngái ngủ hỏi.

“Anh không giết mẹ. Không giết một cách cụ thể.”

Trong giấc mơ anh đã nhớ lại hình ảnh cuối cùng của mẹ anh, và trong vài giây khi tỉnh giấc, chòm sự kiện nhỏ quanh đó tái hiện trong óc anh. Đây là một ký ức anh đã phải cố tình đẩy lui hàng năm trời khỏi tâm thức anh. Anh không chắc chắn ngày tháng, nhưng khi chuyện xảy ra anh không thể dưới mười tuổi, mà ước chừng mười hai tuổi.

Cha anh đã mất tích khoảng trước đó, bao nhiêu lâu trước thì anh không nhớ ra được. Anh nhớ rõ hơn hoàn cảnh ồn ào khó khăn của thời bấy giờ: những con kinh hoảng định kỳ trước các cuộc dội bom và những sự trú ẩn trong trạm tàu hầm, những chồng vôi gạch đổ nát khắp nơi, những bản thông cáo khó hiểu dán ở các góc phố, những bọn cướp trẻ mặc áo đồng màu, những đuôi khổng lồ ngoài tiệm bánh mì, tiếng súng máy nổ từng đợt ngoài xa - trên hết, sự không bao giờ có đủ ăn. Anh nhớ lại những buổi chiều dài anh cùng lũ nhỏ khác ăn chực quanh thùng và đồng rác, nhặt nhanh sống lá cải, vỏ khoai tây, có khi cả vụn vỡ bánh mì được anh và lũ nhỏ cạo tro cẩn thận; anh và chúng còn đợi các xe vận tải, được biết là chở thức ăn cho súc vật chăn nuôi, trên một con đường chắc chắn xe phải đi ngang, vì khi xe xóc trên ổ gà ngoài đường, có cơ xe đánh rắc một ít mẩu bã dầu.

Khi cha anh mất tích, mẹ anh không tỏ chút ngạc nhiên hay đau buồn mạnh mẽ nào, nhưng bà bỗng thay đổi hẳn. Bà đậm hình như mất hết sinh lực. Ngay Winston cũng thấy rõ ràng bà đợi chờ một chuyện bà biết thế nào cũng sẽ xảy ra. Bà làm mọi

việc cần phải làm - nấu ăn, giặt giũ, khâu vá, làm giường, quét nhà, phủ bụi trên mặt lò sưởi - luôn luôn một cách thật chậm chạp, lạ lùng là không với một cử động thừa nào, như một người mẫu tự động của nghệ sĩ. Thân hình hộ pháp cân đối của bà dường như quay về thế bất động một cách tự nhiên. Có lúc bà ngồi yên hàng giờ trên giường, ấm em gái anh, một đứa trẻ nhỏ độ hai, ba tuổi, ốm yếu và rất lạnh lẽ, có một khuôn mặt gầy choắt như khi. Cũng có khi, nhưng rất hiếm, bà ôm Winston vào lòng và siết chặt anh thật lâu không nói một lời. Mặc dầu còn trẻ và ích kỷ, anh ý thức rằng thái độ của mẹ anh liên quan tới sự kiện không bao giờ được nhắc tới sắp sửa xảy ra.

Anh nhớ lại căn phòng gia đình anh ở, một phòng tối tăm, hấp hối, choán mất nửa bởi chiếc giường có chăn phủ trắng. Trong phòng có một lò bếp khí trong kê chắn lò sưởi và một kệ đựng thức ăn, ngoài thêm có một chậu rửa bát bằng sành nâu dùng chung với nhiều phòng. Anh hồi tưởng tấm thân giống tượng của mẹ anh khom mình trên bếp khí, ngoáy chất gì đó trong xoong. Trên hết anh nhớ lại cơn đói liên tục của anh và những trận cãi vã gay gắt bần tiện vào bữa ăn. Anh thường kêu ca eo sèo đi đi lại lại với mẹ, tại sao không có thêm thức ăn, anh la hét giận dữ với bà (anh nhớ cả giọng nói của anh lúc đó, sớm bắt đầu vỡ và thỉnh thoảng rít lên một cách đặc biệt), hay anh gắng ra giọng méo mào đáng thương để được ăn nhiều hơn em gái. Mẹ anh rất sẵn sàng phân nhiều cho anh hơn. Bà coi như đương nhiên, anh, “cậu con trai”, phải có phần lớn hơn. Bữa ăn nào bà cũng van anh chớ ích kỷ và nhớ rằng em gái anh đau ốm cũng cần thức ăn, nhưng vô ích. Anh vẫn hét giận dữ khi bà ngưng phát thức ăn cho anh, anh thường giằng lấy thìa múc

khỏi tay bà, hoặc bốc mẩu đồ ăn trên đĩa em. Anh biết anh bỏ đói mẹ và em anh, nhưng anh không dẫn được mình; anh còn cảm thấy anh có quyền làm vậy. Con đói gào trong bụng anh dường như biện bạch cho anh. Giữa hai bữa ăn, nếu mẹ anh không canh chừng, anh thường bốc vụng trong kho thức ăn thăm thương dự trữ trên kệ.

Một hôm khẩu phần xúc cô la được đem ra phát. Đã từ mấy tuần hay mấy tháng qua, không có chuyện này. Anh nhớ rất rõ miếng xúc cô la nhỏ quý hóa ấy. Đó là một thanh hai ông xơ (hồi đó danh từ ông xơ vẫn được dùng) chung cho cả ba người trong gia đình anh. Hiển nhiên phải chia nó ra ba phần ngang nhau. Bất thần, như thể thốt ra từ một người lạ, Winston nghe thấy mình lên tiếng gầm to đòi bằng được cả thanh xúc cô la. Mẹ anh bảo anh không được ăn tham. Thế là có một cuộc cãi quấy lâu dài, quanh đi quẩn lại, với tiếng hò, tiếng rên, nước mắt, lời mắng, lời mặc cả. Em gái choắt bé của anh ôm chặt hai tay lấy mẹ, y hệt một con khi con, nhìn anh qua vai mẹ với đôi mắt to buồn tẻ. Cuối cùng mẹ anh bẻ ba phần tư thanh xúc cô la cho anh, và đưa phần còn lại cho em anh. Đứa bé cầm lấy phần mình và ủ ê ngậm nó, có lẽ không hiểu đó là gì. Winston nhìn nó một hồi. Rồi anh bỗng nhảy nhanh vồ lấy mảnh xúc cô la trên tay em, chạy ra cửa.

“Winston, Winston!” mẹ anh gọi anh trở lại. “Về ngay! Trả lại em mảy miếng xúc cô la của nó.”

Anh dừng chân nhưng không trở về. Đôi mắt ưu tư của mẹ anh dính vào mặt anh. Ngay hiện tại khi nghĩ lại sự thể, anh không biết sự sắp sửa xảy ra bấy giờ là sự gì. Em gái anh, ý thức mình bị cướp vật gì đó, khẽ thốt lên một tiếng rên. Mẹ anh

quàng tay qua đứa bé ép mặt nó vào ngực mình. Có cái gì trong cử chỉ của bà bảo anh rằng em gái anh sắp chết. Anh quay người chạy xuống cầu thang với mảnh xúc cô la đã dính tay.

Anh không bao giờ gặp lại mẹ anh. Sau khi nuốt hết xúc cô la anh hơi cảm thấy xấu hổ về mình, và lang thang hàng giờ ngoài phố cho tới khi con đói kéo anh về nhà. Khi anh trở về, mẹ anh đã mất dạng. Thuở đó sự mất tích đã thành chuyện thường tình. Trong căn phòng không có gì mất đi, ngoài mẹ anh và em gái anh. Không thiếu một quần áo nào, kể cả chiếc áo choàng của mẹ anh. Cho tới nay anh không chắc mẹ anh đã chết. Rất có thể bà chỉ bị gửi đi một trại khổ sai. Về phần em anh, nó có thể, như chính anh, bị đưa vào một trong những trại trẻ con vô gia đình (được gọi là Trung Tâm Thu Hồi) phát triển với cuộc nội chiến, hay có thể nó bị gửi đi trại khổ sai cùng mẹ, hay giản dị hơn, có thể nó đã bị bỏ rơi rồi chết đâu đó.

Giấc mơ vẫn dai dẳng trong óc anh, nhất là cái cử chỉ ôm choàng che chở của cánh tay chứa đựng toàn thể ý nghĩa con chiêm bao. Tâm tư anh quay về một giấc mơ khác nằm thấy hai tháng trước. Y như khi mẹ anh ngồi trên chiếc giường phủ khăn trắng với đứa nhỏ bám vào mẹ, mẹ anh đã ngồi trên chiếc tàu đắm, xa dưới chân anh, chìm sâu dần mỗi phút, vẫn nhìn anh qua làn nước đã ngả đen.

Anh kể cho Julia chuyện mất tích của mẹ anh. Vẫn không mở mắt, nàng xoay người lại để thu mình vào một thế thoải mái hơn.

“Em dám chắc thuở ấy anh là một của quý thôi,” nàng nói không rõ tiếng. “Trẻ con đứa nào cũng là quý cả.”

“Phải. Nhưng điểm thực của câu chuyện là -”

Theo hơi thở của nàng, hiển nhiên nàng sắp thiếp ngủ trở lại. Anh muốn tiếp tục nói về mẹ anh. Theo như anh có thể nhớ về bà, anh cho bà không phải là một thiếu phụ khác thường, lại càng không phải là một người thông minh; mặc vậy bà có một tư chất quý phái, trong sạch, chỉ vì bà tuân theo mẫu mực cá nhân. Tình cảm của bà xuất phát ngay từ bà, không thể biến chất vì ngoại cảnh. Ý nghĩ rằng một hành động vì vô hiệu hóa ra vô nghĩa không thể đến với bà. Nếu mình yêu ai, mình yêu người đó, khi mình không cho được gì khác, mình còn cho được tình yêu. Khi miếng xúc cô la cuối cùng đã mất, mẹ anh đã ôm chặt đứa bé trong lòng. Như vậy không tích sự gì, chẳng thay đổi được gì, không sinh ra được thêm xúc cô la, không cần được cái chết của đứa bé hay của chính bà; nhưng đó là cử chỉ tự nhiên đối với bà. Người đàn bà tị nạn trong thuyền cũng bao phủ đứa bé trai với cánh tay mình, một hành động không hữu ích hơn sự lấy giấy chống bom đạn. Tác động hài hùng của Đảng là đã vừa thuyết phục được con người rằng các xung động và cảm tình đơn thuần không đáng kể, vừa cướp giựt khỏi tay họ mọi quyền lực trên thế giới vật chất. Một khi bạn đã rơi vào tròng của Đảng, điều bạn cảm thấy hay không cảm thấy, điều bạn làm hay dần không làm, hoàn toàn không khác gì nhau. Gì thì gì, bạn cũng biến mất, và bạn cũng như hành động của bạn không được ai biết đến nữa. Bạn bị thái sạch khỏi giòng lịch sử. Thế nhưng đối với dân chỉ hai thế hệ trước, sự thể trên không được coi là trọng, vì họ không có định ý biến đổi lịch sử. Họ bị chi phối bởi những mối trung nghĩa riêng tư mà họ không có ý nghĩ đặt thành vấn đề. Điều cốt yếu là liên hệ cá nhân, và một cử chỉ đầy bất lực như một cái hôn, một giọt nước mắt, một lời

nói với người hấp hối, có giá trị riêng của nó. Winston bỗng nghĩ rằng dân đen còn ở trong hoàn cảnh đó. Họ không trung thành với một đảng, một quốc gia hay một lý tưởng, họ trung thành với nhau. Lần đầu tiên trong đời anh, anh không khinh rẻ dân đen hay nghĩ tới họ như một lực lượng tro ì sẽ có ngày sống dậy và tái tạo thế giới. Dân đen đã giữ được tính người. Họ không bị chai cứng trong lòng. Họ đã vịn vào những cảm xúc nguyên thủy mà anh phải ra tâm cố gắng mới học lại được. Và đương nhiên vậy, anh có liên tưởng, không hiển nhiên đúng lúc, về sự hai tuần trước anh thấy một bàn tay cụt nằm trên vỉa hè và đá nó xuống cống như thể nó là một lõi cải.

“Dân đen là người,” anh nói to. “Chúng ta không phải là người.”

“Tại sao không?” Julia đã tỉnh dậy trở lại hỏi.

Anh ngẫm nghĩ một lúc rồi nói: “Em có khi nào nghĩ rằng hay nhất cho chúng mình chính là bước khỏi chốn này trước khi quá muộn, và không bao giờ gặp lại nhau nữa không?”

“Có chứ cung, điều ấy có thoáng trong óc em nhiều lần. Nhưng gì thì gì, em cũng sẽ không làm thế.”

“Cho tới giờ chúng mình hên,” anh nói. “Nhưng vận may không thể kéo dài lâu hơn nữa. Em còn trẻ. Em có vẻ bình thường vô tội. Nếu em tránh những người như anh, em có thể sống thêm năm chục năm nữa.”

“Không, em đã suy nghĩ chín rồi. Anh làm gì, em làm đó. Anh chớ có xuống tinh thần. Em khá giỏi việc giữ mình sống sót.”

“Chúng mình có thể ở với nhau sáu tháng nữa - cho là một năm đi - không sao biết được. Tận cùng chúng mình chắc chắn sẽ phải lìa nhau. Em có ý thức mình sẽ hết sức cô đơn như thế nào không? Một khi chúng bắt được mình sẽ không có gì, hoàn

toàn không có gì mình giúp được nhau. Nếu anh thú tội chúng sẽ bắt em, mà dù anh không chịu khai, chúng cũng vẫn bắt em. Không có điều gì anh có thể làm hay nói, hay dần không nói, hoãn nổi dù chỉ năm phút cái chết của em. Ngay không đứa nào trong hai đứa mình sẽ biết được đứa kia còn sống hay chết. Chúng mình sẽ hoàn toàn mất hết năng lực. Điều duy nhất đáng kể là chúng mình sẽ không phản bội nhau, dù điều đó chẳng thể thay đổi gì.”

“Nếu anh ám chỉ sự cung xung,” nàng bảo, “chắc chắn chúng mình sẽ khai hết. Ai ai cũng thú. Không thú không được. Chúng tra tấn người ta.”

“Anh không muốn nói đến sự thú tội. Cung xung không có nghĩa là bội phản. Mình nói gì hay làm gì không quan trọng: chỉ có tình cảm đáng kể thôi. Nếu chúng làm được cho anh hết yêu em - đó mới là sự phản bội thực sự.”

Nàng ngẫm nghĩ một hồi: “Chúng không thể làm vậy được. Đó là điều duy nhất chúng không thể làm được. Chúng có thể khiến anh nói bất cứ điều gì - bất cứ điều gì nhưng chúng không thể làm anh tin điều ấy. Chúng không thể đi được vào lòng anh.”

“Không,” anh hơi thêm hy vọng một chút nói, “không; thật đúng thế. Chúng không thể nắm được lòng mình. Nếu mình cảm thấy rằng giữ nhân tính là một việc bỏ làm, ngay khi kết quả chẳng thể có được, mình thắng chúng.”

Anh nghĩ tới máy truyền hình với cái tai không bao giờ khép của nó. Chúng có thể rình bạn đêm ngày, nhưng nếu bạn giữ được mình tỉnh táo, bạn có thể đánh lừa chúng. Với tất cả trí thông minh của chúng, chúng chưa hề chế ngự được bí quyết

cho phép khám phá ra người khác nghĩ gì. Có lẽ điều này bớt đúng khi bạn thực sự rơi vào tay chúng. Không sao biết được những gì xảy ra trong Bộ Tình Yêu, nhưng có thể đoán: các cuộc tra tấn, các thuốc thang, các máy móc tinh vi đo phản ứng thần kinh của bạn, sự giảm từ từ tinh thần vì trạng thiếu ngủ, cô độc và bị tra tấn luôn hồi. Dầu sao chẳng nữa, không thể giấu kín được sự kiện. Chúng sẽ tìm ra manh mối, chúng sẽ vắt nó ra khỏi bạn nhờ sự tra tấn. Nhưng nếu mục đích không phải là sinh tồn mà là giữ nhân tính, cuối cùng khai hay không khai nào khác gì? Chúng không thể biến hóa tình cảm của bạn: về việc này chính bạn cũng không đổi được, dù bạn muốn. Chúng có thể vạch trần ra từng chi tiết mọi hành động, lời nói hay tư tưởng của bạn; nhưng thâm tâm bạn, mà sự vận hành bí mật ngay cả đối với bạn, chúng không thể vi phạm.

Họ đã dám, cuối cùng họ đã dám!

Họ đang đứng trong một căn phòng dài sáng dịu. Máy truyền hình khe tiếng tới mức thì thầm; sự sang trọng của tấm thảm xanh lơ cho họ cảm tưởng bước trên nhung. Tại tận cuối phòng, O'Brien đang ngồi trước bàn dưới một ngọn đèn có chao xanh lục, với mỗi bên người một đồng giấy lớn. Ông ta không thèm ngẩng mặt lên khi người hầu dẫn Julia và Winston vào phòng.

Tim Winston đập thành thịch mạnh đến nỗi anh sợ không nói nổi lên lời. Họ đã dám, cuối cùng họ đã dám, anh chỉ nghĩ được có thế. Tới nơi đây đã là hành động khinh suất, tới cùng nhau quả là cư xử điên rồ; mặc dầu thực ra họ tới đây bằng lối khác nhau và chỉ gặp nhau trước thềm nhà O'Brien. Nhưng nội việc bước vào một nơi như thế này cũng cần sự gắng gượng của thần kinh. Chỉ trong rất hiếm cơ hội mới thấy được nội thất của

người Đảng Trong, hoặc vào được khu thành phố dành cho họ ở. Toàn thể không khí của khối căn nhà đồ sộ, sự sang trọng và rộng rãi của mọi thứ, những mùi thơm lạ của thức ăn ngon và thuốc lá hảo hạng, những thang máy êm nhanh không tưởng tưởng được lướt lên lướt xuống, những người hầu mặc áo đuôi tôm trắng vội vàng qua lại - mọi sự khiến họ rụt rè e sợ. Tuy anh có một lý do chính đáng để tới đây, anh bị ám ảnh mỗi bước bởi mối lo sợ một tên lính canh mặc y phục đen thình lình xuất hiện từ một góc lối, đòi xét giấy anh và ra lệnh cho anh rút đi. Thế nhưng người hầu của O'Brien không lường lự tiếp đón hai người. Hắn ta là một người tóc đen nhỏ vóc, mặc áo đuôi tôm trắng, với một khuôn mặt hình thoi hết sức lì lợm, có lẽ là mặt người Hoa. Họ được hắn dẫn qua một hành lang trải thảm êm ru với hai bên tường có dán giấy kem và lớp phủ trắng, cả thảy tuyệt sạch. Điều này cũng làm họ rụt rè. Winston không hề nhớ đã thấy trước đây một lối đi với tường không bị dơ bẩn bởi sự cọ xát với thân người.

O'Brien cầm trên tay một mẫu giấy ra chiều nghiền ngẫm. Khuôn mặt dày của ông coi bộ vừa to lớn vừa thông minh cúi xuống cho thấy đường sống mũi. Trong khoảng hai mươi giây ông ngồi không động đậy. Rồi ông kéo máy ghi âm về phía mình, phóng tin vào đó bằng biệt ngữ ghép dùng trong các Bộ.

“Khoản một phẩy năm phẩy bảy toàn chuẩn chấm nghị giữ khoản sáu bội lố gần tội tưởng bỏ chấm không tiến xây trước được ước thêm tổng phí máy móc chấm hết tin.”

Ông thung dung đứng dậy khỏi ghế tiến bước về phía hai người qua tấm thảm êm lặng. Một chút không khí công quyền hình như bay xa ông cùng với những từ Ngôn Mới, nhưng sắc

mặt ông nghiêm ngặt hơn thường lệ, làm như ông bất bình vì bị quấy rầy. Sự khiếp sợ sẵn nhập Winston bỗng bị xuyên bởi một phát lúng túng thông thường. Anh thấy rất có thể anh đã phạm một lỗi lầm rõ rệt. Thực ra anh có bằng cứ gì để cho O'Brien là một kẻ mưu phản chính trị? Không có gì trừ một ánh mắt và chỉ một lời nhận xét nước đôi; ngoài ra chỉ có sự tưởng tượng thâm kín của chính anh, dựa trên một giấc mơ. Anh không còn lùi bước với có anh đến mượn từ điển được nữa, vì trong trường hợp này không tài nào giải thích được sự hiện diện của Julia. Khi O'Brien đi qua máy truyền hình, một ý nghĩ hình như đập óc ông. Ông dừng chân, quay sang bên bấm một nút trên tường. Có một tiếng tách nhẹ. Giọng nói ngưng bật.

Julia thốt lên một tiếng khê, một thứ tiếng ủa ngạc nhiên. Ngay trong con kinh hoàng, Winston quá bàng hoàng không giữ im được:

“Ông tắt được máy ư?” anh hỏi.

“Phải,” O'Brien nói, “tôi tắt được nó. Chúng tôi có đặc quyền đó.”

Bây giờ ông đối diện họ. Thân hình chắc nịch của ông át hẳn hai người, và sắc mặt ông vẫn khó đoán. Ông ta chờ Winston lên tiếng với một vẻ khá nghiêm trọng, nhưng nói gì đây? Ngay lúc này vẫn có thể cho ông chỉ là một người bạn rộn đang bức mình tự hỏi lý do nào xúi họ đến quấy rầy ông. Không ai nói gì. Từ lúc máy truyền hình tắt, căn phòng im lặng như tờ. Giây phút qua nhanh ghê gớm, Winston khó khăn lắm mới tiếp tục nhìn thẳng được vào mặt O'Brien. Bỗng nhiên gương mặt nghiêm nghị dịu xuống gần như hé cười. Bằng cử chỉ đặc biệt của ông ta, O'Brien chỉnh đốn lại cặp kính trên mũi.

“Để tôi nói hay anh nói?” ông ta hỏi.

“Tôi xin nói,” Winston nhanh miệng. “Cái của này có tắt thật không?”

“Có, toàn máy bị tắt. Chúng ta một mình.”

“Chúng tôi đến đây vì -”

Anh ngưng tiếng, lần đầu tiên ý thức ra sự mơ hồ của những động cơ thúc đẩy anh. Anh không biết thực ra anh mong đợi sự giúp đỡ gì nơi O'Brien, khó nói được vì lẽ gì anh tới đây. Anh nói tiếp tuy hiểu rằng lời lẽ của anh có vẻ vừa yếu vừa tự phụ.

“Chúng tôi tin có một cuộc âm mưu, một thứ tổ chức mật hoạt động chống Đảng, và chúng tôi tin ông có chân trong đó. Chúng tôi muốn gia nhập và hoạt động cho tổ chức đó. Chúng tôi là kẻ thù của Đảng. Chúng tôi không tin vào các nguyên lý của Anh Xã. Chúng tôi là tội phạm tư tưởng. Chúng tôi còn là kẻ ngoại tình. Tôi khai hết cho ông vì chúng tôi muốn đặt mình trong tay ông. Nếu ông muốn chúng tôi lụy mình cách khác, chúng tôi xin sẵn sàng.”

Anh ngưng bật và nhìn qua vai với cảm giác cánh cửa vừa mở. Quả nhiên, người hầu mặt mũi da vàng nhỏ vóc không gõ cửa mà bước vào phòng. Winston thấy hần bụng một chiếc khay đựng bình và cốc.

“Martin thuộc phe chúng ta,” O'Brien thản nhiên nói. “Mang khay lại đây, Martin. Đặt cả trên cái bàn tròn. Có đủ ghế không? Vậy mình nên ngồi xuống nói chuyện cho tiện. Martin, anh hãy mang lại một chiếc ghế cho anh. Đây là công chuyện. Anh có thể ngưng đóng vai người hầu trong vòng mười phút.”

Gã đàn ông nhỏ bé ngồi xuống, rất tự nhiên, nhưng vẫn giữ vẻ một người hầu, vẻ của một tên bồi được hưởng đặc ân. Win-

ston liếc mắt nhìn hắn. Anh chợt nghĩ cả đời người đó phải đóng kịch, hắn thừa hiểu rằng từ bỏ vai trò đã chấp nhận dù chỉ một lát là một điều nguy hiểm. O'Brien nắm cổ bình nhắc lên rót vào các cốc một chất nước đỏ thắm. Nó gọi cho Winston ký ức mờ mờ của một vật đã thấy từ lâu lắm trên một bức tường hay bờ rào - một chai lớn hình dung bởi đèn điện tuồng như ngã lên ngã xuống rót vào một cốc chất chứa bên trong. Nhìn từ trên xuống chất nước gần như đen, nhưng trong bình nó sáng như ngọc hồng bào. Nó có một vị chua ngọt. Anh thấy Julia nâng cốc lên ngửi một cách tò mò rõ ràng.

“Đây là rượu vang,” O'Brien vừa nói vừa cười nhẹ. “Anh chị chắc đã được đọc về nó trong sách. Tôi e rất ít rượu vang tới tay Đảng Ngoài.” Mặt ông nghiêm nghị trở lại và ông nâng cốc lên. “Theo tôi chúng ta nên trước tiên chúc rượu mừng. Cho thủ lãnh của chúng ta: cho Emmanuel Goldstein.”

Winston khá hăng hái nhắc cốc lên. Rượu vang là một thứ anh đã đọc và mơ tới. Như tấm chặn giấy thủy tinh hay bài hát nhớ nửa chừng của ông Charrington, nó thuộc về quá khứ lãng mạn đã tiêu tan, về cái thời xa xưa như anh thích gọi nó trong thâm tâm anh. Vì lẽ gì đó anh vẫn nghĩ tới rượu vang như một chất có vị tuyệt ngọt như mút dâu tằm, và có hiệu quả làm say tức thì. Trên thực tế, khi anh nuốt nó, anh thấy chất ấy làm anh thất vọng rõ rệt. Sự thật là sau hàng năm uống rượu gin anh không thể nếm được rượu vang. Anh đặt cốc cạn xuống bàn.

“VẬY Goldstein là một người có thật ư?” anh nói.

“Phải, ông có thật, và ông còn sống. Ở đâu thì tôi không biết.”

“Còn cuộc âm mưu - tổ chức thì sao? Có thật không? Nó không phải là một sự bịa đặt của Cảnh Sát Tư Tưởng chứ?”

“Không, nó có thật. Chúng tôi đặt tên nó là Hội Tinh Thân. Anh chị sẽ không biết gì nhiều hơn về Hội Tinh Thân ngoài sự nó có thật và anh chị ở trong đó. Chốc nữa tôi sẽ nhắc lại điều này.” Ông nhìn vào đồng hồ đeo tay. “Tất máy truyền hình hơn một nửa tiếng là một việc không nên ngay cả đối với thành viên Đảng Trong. Đáng nhẽ anh chị không được tới đây cùng nhau, khi về anh chị phải về riêng rẽ. Đồng chí đây” - ông gật đầu về phía Julia - “sẽ rời nơi này trước. Chúng ta có chừng hai mươi phút để bàn luận. Anh chị hiểu cho, tôi phải hỏi anh chị vài câu. Một cách tổng quát, anh chị sẵn sàng làm gì?”

“Bất cứ gì chúng tôi có thể làm được,” Winston nói.

O'Brien đã xoay mình trong ghế để đối diện Winston. Ông gần như không để ý đến Julia, coi như tất nhiên Winston có thể nói thay nàng. Ông chớp mí một lúc. Rồi ông bắt đầu hỏi bằng một giọng thiếu diễn cảm như thể đó là một việc quen thuộc, một bài giáo lý mà những lời đáp phần đông đã được biết trước.

“Anh chị có sẵn sàng hy sinh tính mạng mình không?”

“Có.”

“Anh chị có sẵn sàng giết người không?”

“Có.”

“Sẵn sàng phá hoại có thể khiến cho hàng trăm kẻ vô tội chết không?”

“Có.”

“Sẵn sàng lừa dối, giả mạo, dọa nạt, hủ hóa óc trẻ con, phát độc được làm người ta nghiện, khuyến khích mãi dâm, truyền bệnh hoa liễu - làm bất cứ điều gì có thể gây sự mất tinh thần và thuyên giảm uy quyền của Đảng không?”

“Có.”

“Tỷ dụ, nếu để có cơ phục vụ quyền lợi của chúng ta, phải tạt lưu toan vào mặt một đứa trẻ - anh chị có sẵn sàng làm không?”

“Có.”

“Anh chị có sẵn sàng mất căn cước và sống chuỗi đời còn lại như một người hầu bàn hay một phu bến tàu không?”

“Có.”

“Anh chị có sẵn sàng tự tử, nếu và khi chúng tôi ra lệnh không?”

“Có.”

“Cả hai có sẵn sàng xa nhau và không bao giờ gặp nhau trở lại không?”

“Không!” Julia buột miệng.

Winston có cảm tưởng thời gian trôi lâu trước khi anh trả lời. Trong một lát anh tựa như mất cả khả năng nói lên lời. Lưỡi anh cử động không ra tiếng, cố lập lên âm tiết của chữ này đến âm tiết của chữ khác, lập đi lập lại. Cho tới khi anh nói ra được, anh không biết mình sắp nói gì. “Không,” anh tận cùng nói.

“Anh chị cho tôi biết vậy là phải,” O’Brien bảo. “Chúng tôi cần rõ mọi điều.”

Ông quay lại phía Julia và nói thêm bằng một giọng diễn cảm hơn:

“Chị có hiểu rằng nếu anh ấy sống sót, anh ấy có thể trở thành một người khác hẳn không? Chúng tôi có thể bó buộc phải cho anh ấy một căn cước khác. Mặt mũi, cử chỉ, hình tay, màu tóc - ngay cả giọng nói cũng có thể khác. Và chính chị cũng có thể trở thành một người khác. Giải phẫu gia của chúng tôi có thể cải dạng người đến độ không nhận diện ra. Có khi cần phải làm vậy. Có khi chúng tôi phải cắt cụt chân tay.”

Winston không dần được lòng liếc một lần nữa vào khuôn mặt Mông Cổ của Martin. Anh không thấy một vết sẹo nào trên đó. Sắc mặt Julia lạt ra làm nổi bật vết tăng nhan của nàng, nhưng nàng bạo dạn đương đầu với O'Brien.

“Tốt. Thế là quyết định xong.”

Có một hộp thuốc lá bằng bạc trên bàn. Một cách lơ đãng, O'Brien đẩy thuốc lá về phía mấy người khác; chính ông cầm một điếu lên, rồi đứng dậy bắt đầu chậm chạp đi đi lại lại như thể đi đúng ông suy nghĩ được hơn. Thuốc lá rất ngon, thật dày và cuốn chắc, có giấy bọc mịn khác thường. O'Brien nhìn đồng hồ đeo tay một lần nữa.

“Martin, anh nên trở vào gian hầu dọn,” ông ta nói. “Tôi sẽ bật máy lại khoảng mười lăm phút nữa. Anh hãy nhìn kỹ mặt hai đồng chí này trước khi ra khỏi đây. Anh sẽ gặp lại họ. Tôi thì không thể gặp lại được.”

Hệt như lúc ở ngoài cửa nhà, đôi mắt đen của người đàn ông nhỏ bé lướt trên mặt họ. Không có một dấu thân thiện nào hiện trong điệu bộ của hắn. Hắn ghi nhớ hình dáng họ, nhưng hắn không thấy hay không có vẻ thấy họ đáng lưu tâm đến. Winston chợt nghĩ rằng một gương mặt hóa hợp có lẽ không thể đổi sắc. Không nói hay không chào hỏi gì, Martin ra ngoài, lặng lẽ đóng cửa sau hắn. O'Brien vẫn đi lên đi xuống, một tay thọc trong túi bộ áo liền quần, một tay cầm điếu thuốc lá.

“Anh chị phải hiểu rằng anh chị sẽ tranh đấu trong bóng tối,” ông nói. “Anh chị sẽ luôn luôn ở trong bóng tối. Anh chị sẽ nhận lệnh và sẽ phải tuân theo dù không biết lý do. Sau này tôi sẽ gửi cho anh chị một cuốn sách giảng dạy bản chất thực thụ của xã hội trong đó chúng ta sống, cùng chiến lược mà chúng

ta theo để phá hủy nó. Khi đọc xong sách, anh chị sẽ là hội viên trọn vẹn của Hội Tinh Thân. Nhưng giữa các mục tiêu đại cương mà chúng ta nhằm và những phận sự tức thời, anh chị sẽ không bao giờ biết gì. Tôi bảo anh chị Hội Tinh Thân có thật, nhưng tôi không thể cho anh chị hay số hội viên là một trăm hay mười triệu. Dựa trên kinh nghiệm riêng của anh chị, anh chị sẽ không bao giờ nói nổi Hội có tới một tá người hay không. Anh chị sẽ có ba bốn liên lạc viên, những người đó có thể thay đổi trong trường hợp họ mất tích. Vì anh chị tiếp xúc với tôi để bắt liên lạc, sự tiếp xúc này sẽ được duy trì. Khi anh chị nhận lệnh, lệnh đó sẽ là do tôi phát. Nếu chúng tôi thấy cần phải liên lạc với anh chị, chúng tôi sẽ qua trung gian của Martin. Khi rốt cuộc anh chị bị bắt, anh chị sẽ thú tội. Điều đó không thể tránh được. Nhưng anh chị sẽ có rất ít điều để khai ngoài hành động của chính anh chị. Anh chị sẽ không thể phản được quá một nắm người không quan trọng. Có lẽ ngay tôi anh chị cũng sẽ không phản được. Từ giờ tới đó, tôi có thể đã chết, hay đã biến thành một người khác, với một khuôn mặt khác.”

Ông tiếp tục đi đi lại lại trên tấm thảm êm. Mặc dầu thân hình của ông vạm vỡ, cử động của ông có một vẻ duyên dáng đặc biệt. Nó phát hiện ngay trong cử chỉ thọc tay vào túi hay cầm điếu hút của ông. Hơn cả sức mạnh, ông gây ấn tượng của sự tự tin và trí thông minh pha chút mỉa mai. Dù hăng say thế nào, ông không hề có óc định kiến của kẻ cuồng tín. Khi ông nói về ám sát, tự tử, bệnh hoa liễu, tay chân cắt cụt, mặt mũi biến đổi, lời ông có một vẻ chế giễu nhẹ. “Điều này không thể tránh được,” giọng ông hình như nói; “đấy là điều mình phải làm, không được núng lòng. Nhưng đó không phải là điều

chúng ta sẽ làm khi đòi đáng sống trở lại.” Một luồng cảm phục gần như tôn thờ trào từ Winston về phía O’Brien. Lúc này anh quên bằng hình ảnh rầu rĩ của Goldstein. Khi nhìn vào đôi vai lực lưỡng và gương mặt cứng nét vừa xấu xí mà vừa lịch sự của O’Brien, không thể tin được rằng ông ta có thể thất bại. Không một mưu kế nào mà ông không đương đầu nổi, không một nguy cơ nào mà ông không tiên đoán ra. Ngay Julia hầu như cũng bị xúc động. Nàng đã rút thuốc lá ra khỏi miệng và chăm chú nghe. O’Brien nói tiếp:

“Anh chị đã được nghe tin đồn về Hội Tinh Thân. Chắc hẳn anh chị đã có một ý niệm về nó. Có lẽ anh chị muông tượng một tổ chức mưu phản ngầm rộng lớn với các hội viên bí mật gặp nhau trong hầm, nguyệt ngoạ tin tức trên tường, nhận ra nhau nhờ mật mã hay cử chỉ đặc biệt. Không có trò như vậy. Các hội viên Hội Tinh Thân không có cách nào nhận ra nhau và không một hội viên nào biết được căn cước của hơn vài người khác. Ngay Goldstein, nếu rơi vào tay Cảnh Sát Tư Tưởng, cũng không thể cho chúng một danh sách hội viên đầy đủ hay tin tức gì có thể dẫn tới danh sách đó. Không có một thứ danh sách như vậy. Hội Tinh Thân không thể bị tiêu diệt vì không phải là một tổ chức theo nghĩa thường. Không có gì kết hợp Hội trừ một lý tưởng không thể bị hủy diệt. Ngoài lý tưởng anh chị sẽ không nương tựa được vào đâu. Anh chị sẽ không có bạn bè và sẽ không có người khích lệ. Sau cùng, khi anh chị bị bắt, anh chị sẽ không được giúp đỡ. Chúng tôi không bao giờ giúp đỡ hội viên. Quá lắm, nếu nhất thiết phải khóa khẩu tù nhân nào, chúng tôi có thể cho đem lên dao cạo vào xà lim họ. Anh chị sẽ phải tập sống không kết quả và không hy vọng. Anh chị sẽ

làm việc một thời gian, anh chị sẽ bị bắt, anh chị sẽ thú tội, và anh chị sẽ chết. Đó là kết quả duy nhất anh chị sẽ thấy được. Không thể có một sự thay đổi nhận thấy được nào xảy ra trong sinh thời của chúng ta. Chúng ta là kẻ chết. Đời sống thực sự duy nhất của chúng ta nằm trong tương lai. Chúng ta sẽ tham gia thời ấy dưới hình thức nắm bụi hay mảnh xương vụn. Nhưng tương lai ấy còn bao xa, không tài nào biết được. Có thể là một ngàn năm nữa. Hiện tại không thể làm gì hơn việc nói rộng dần dần khu vực tinh thần lãnh mạnh. Chúng ta không thể hoạt động tập thể. Chúng ta chỉ có thể truyền bá sự hiểu biết của chúng ta, từ cá nhân cho cá nhân, hết thế hệ này đến thế hệ khác. Đối đầu với Cảnh Sát Tư Tưởng không có cách gì khác.”

Ông ngưng tiếng và nhìn lần thứ ba vào đồng hồ đeo tay.

“Sắp tới giờ đồng chí phải đi,” ông nói với Julia. “Đợi chút. Bình rượu còn đầy nửa.”

Ông rút đầy ba cốc và cầm chân cốc của ông nâng lên.

“Lần này chúc mừng gì đây?” ông nói vẫn với chút mỉa mai nhẹ. “Chúc cho Cảnh Sát Tư Tưởng bị bối rối? Chúc cho Bác chết? Chúc cho nhân loại ư? Chúc cho tương lai?”

“Chúc cho quá khứ,” Winston nói.

“Quá khứ quan trọng hơn,” O’Brien trịnh trọng tán thành.

Họ uống cạn cốc và một lát sau Julia đứng dậy ra về. O’Brien lấy từ trên nóc tủ nhiều ngăn một hộp nhỏ và đưa cho nàng một viên trắng bệt dẹt nàng để nó trên lưỡi. Ông nói, cốt yếu là ra ngoài không được bốc mùi rượu vang: các tên hầu thang máy rất có óc quan sát. Cửa vừa đập sau lưng nàng, ông tưởng như đã quên sự hiện hữu của nàng. Ông bước đi bước lại một hai lần nữa rồi dừng chân.

“Có vài chi tiết cần được giải quyết,” ông nói. “Tôi phỏng đoán anh có một nơi trú ẩn chứ?”

Winston giải thích về căn phòng trên tiệm của ông Char-
rington.

“Thế hiện được. Sau này chúng tôi sẽ thu xếp một nơi khác cho anh. Thay đổi luôn luôn chỗ ẩn là một điều quan trọng. Trong khi chờ đợi tôi sẽ gửi cho anh càng sớm càng hay một bản quyền sách” - ngay O’Brien, Winston để ý, hình như cũng phát âm từ đó như thể nó là chữ nghiêng - “sách của Goldstein ấy mà. Phải vài ngày nữa tôi mới kiếm được ra một bản. Không còn mấy quyển tồn tại, như anh có thể đoán. Chúng tôi chưa xuất bản xong sách, Cảnh Sát Tư Tưởng đã truy tầm kịp và tiêu hủy nó. Không hề gì mấy. Quyền sách không thể bị hủy diệt. Nếu bản cuối mất đi, chúng tôi có thể sao lại sách gần như từng chữ một. Anh có mang cặp đi làm không?” ông nói thêm.

“Bình thường, có.”

“Nó như thế nào?”

“Đen, cũ rách. Có hai đai.”

“Đen, hai đai, cũ rách - tốt. Có ngày khá gần đây - tôi không cho được rõ ngày - một trong những mẫu tin thuộc công việc anh sẽ gồm một chữ in sai và anh sẽ phải xin một bản khác. Ngày hôm sau anh sẽ không mang cặp đi làm. Ngày hôm đó, sẽ có lúc ở ngoài phố có người đụng vào tay anh và nói: “Thiết tưởng ông đánh rơi cặp của ông”. Chiếc cặp người ta đưa cho anh sẽ đựng một bản sách của Goldstein. Anh sẽ trả lại sách nội mười bốn ngày.”

Họ im lặng một hồi.

“Còn hai phút nữa anh phải đi,” O’Brien nói. “Chúng ta sẽ

gặp lại nhau - nếu chúng ta phải gặp lại nhau-”

Winston ngược mắt nhìn ông. “Tại nơi không có bóng tối?” anh do dự nói.

O’Brien gật đầu không lộ vẻ ngạc nhiên. “Tại nơi không có bóng tối,” ông lặp lại làm như ông đã nhận ra lời ám chỉ. “Trong khi chờ đợi, anh có điều gì muốn nói trước khi ra đi không? Có nhắn gì không? Có hỏi gì không?”

Winston suy nghĩ. Có hồ không còn điều gì anh muốn hỏi: anh lại càng không có ý định thốt ra những lời khái luận kêu to rỗng tuếch. Thay vì một sự liên quan trực tiếp tới O’Brien hay Hội Tình Thân, hiện ra trong óc anh hình ảnh lẫn lộn của căn phòng đen tối nơi mẹ anh sống chuỗi ngày cuối cùng của bà, với căn phòng nhỏ trên cửa tiệm của ông Charrington, cùng tấm chặn giấy thủy tinh và bức tranh khắc thép trong khung gỗ trắc. Gần như ngẫu nhiên anh hỏi:

“Liệu ông có biết một bản nhạc xưa bắt đầu bằng “Cam với chanh, chuông Thánh Clement reo” không?”

Lại nữa O’Brien gật đầu. Với một điệu phong nhã trịnh trọng ông đọc hết đoạn thơ:

*Cam với chanh, chuông Thánh Clement reo,
Anh nợ tôi ba xu, chuông Thánh Martin reo,
Khi nào anh trả tôi? chuông Già Bailey reo,
Khi nào tôi giàu có, chuông Shoreditch reo.*

“Ông biết câu cuối!” Winston nói.

“Phải, tôi biết câu cuối. Và bây giờ tôi e là lúc anh phải về. Nhưng đợi chút. Anh nên để tôi cho anh một viên này.”

Khi Winston đứng dậy, O’Brien giơ tay ra. Nắm tay mạnh mẽ

của ông bóp nát xương lòng tay anh. Tới cửa Winston ngoảnh mặt nhìn lại, nhưng O'Brien hầu như sắp gạt anh ra khỏi tâm trí. Ông đứng đợi, tay đặt trên nút bấm chỉ huy máy truyền hình. Qua mình ông, Winston có thể thấy cái bàn giấy với ngọn đèn có chao xanh lục, máy ghi âm và sọt lưới đầy ngập giấy. Sự kiện đã kết thúc. Nội ba mươi giây nữa, anh chợt nghĩ, O'Brien sẽ vì Đảng trở về với công việc quan trọng bị bỏ dở.

Winston keo người vì mệt. Dùng chữ keo là đúng. Từ đó nảy tự nhiên trong óc anh. Thân hình anh tuồng như không những nhũn như keo mà còn trong suốt giống keo nữa. Anh có cảm tưởng nếu anh gio tay lên cao anh sẽ nhìn được ánh sáng xuyên qua nó. Hồng và bạch huyết của anh đã rút hết khỏi người anh vì sự làm việc quá lạm, chỉ chừa lại một cấu trúc mảnh dẻ gồm thần kinh, xương và da. Các cảm giác của anh hình như bị phóng đại. Bộ áo liền quần của anh cưa vai anh, mặt đường lát cào chân anh, ngay cả sự khép hay mở tay ra cũng là một sự cố gắng làm các khớp xương tay kêu rắc.

Anh đã làm việc hơn chín mươi tiếng trong năm ngày. Ai ở trong Bộ cũng làm việc như vậy. Nay việc đã xong và anh hoàn toàn không có gì để làm, không có việc Đảng nào trước sáng mai. Anh có thể đến ở sáu tiếng nơi chỗ trú ẩn và về nhà nằm giường chín tiếng. Dưới nắng chiều dịu, anh bước chân chậm chạp trên một con phố tồi tàn về phía cửa tiệm ông Char- rington, một mắt canh chừng các đội tuần tra, tuy tin một cách phi lý trong lòng rằng chiều nay không có nguy có kẻ phiền nhiễu anh. Chiếc cặp nặng mà anh đang xách đập vào đầu gối anh mỗi khi anh bước, truyền từ trên xuống dưới da căng anh một cảm giác ngứa ngáy. Trong cặp là Quyển sách anh giữ từ

sáu ngày nay nhưng chưa mở ra, chưa cả nhìn nữa.

Vào ngày thứ sáu của Tuần Lễ Hận Thù, sau các đám rước, các bài diễn văn, sau các trò hô hào, hát xướng, biểu ngữ, bích chương, phim ảnh, hình sáp, lẫn trống, tru kèn, dặm chân thành thích, sau xích xe tăng kèn kẹt, đoàn máy bay ồ ồ, súng pháo ầm ĩ - sau sáu ngày như vậy, khi đại nhục khoái bập bùng tới điểm cực lạc và nổi oán hận chung đối với Âu Á sôi điên cuồng đến độ nếu đám đông tóm được cả hai ngàn tên tội phạm chiến tranh Âu Á sẽ bị xử treo trước công chúng vào ngày cuối quá trình, thế nào họ cũng sẽ xé tan xác chúng - đúng lúc ấy có tin sau rút Đại Dương không đánh nhau với Âu Á. Đại Dương đánh nhau với Đông Á. Âu Á là đồng minh.

Đĩ nhiên, không có lời công nhận nào về một sự thay đổi đã xảy ra. Chỉ thấy, bỗng thỉnh linh lập tức khắp nơi, có tin Đông Á chứ không phải là Âu Á là kẻ thù. Winston đang tham gia một cuộc biểu tình tại một quảng trường ở trung tâm Luân Đôn khi sự kiện diễn biến. Lúc đó vào đêm, các khuôn mặt trắng và cò xí đỏ sáng nhợt dưới đèn. Quảng trường đông nghẹt hàng ngàn người, kể cả một khu gồm khoảng một nghìn học sinh trong y phục của Đoàn Giám Điệp. Trên một bục phủ vải đỏ, một diễn giả thuộc Đảng Trong, một người đàn ông nhỏ gầy có tay dài quá khổ và một cái đầu to trên đó lún phún vài mớ tóc rể tre, đang hô hào dân chúng. Như một người nộm nhỏ bé queo lại vì cảm hờn, hắn đưa một tay nắm chặt cổ máy ghi âm, trong khi tay kia, kếch xù cuối một cánh tay xương xẩu, cào hăm dọa không khí trên đầu hắn. Giọng hắn đánh kim qua máy phóng thanh, găm ra một bản kê khai bất tận kể về những sự ác nghiệt, giết chóc, giam đày, cướp bóc, hiếp hãm, tra tấn tù

binh, oanh tạc thường dân, tuyên truyền dối trá, tấn công vô cớ, vi phạm thỏa ước. Nghe hẳn nói hầu như không thể không bị thuyết phục và điên tiết lên. Cứ chốc chốc sự cuồng nhiệt của đám đông lại sôi lên sùng sục và tiếng của diễn giả bị chìm dưới tiếng thú dại gầm hét không kèm nổi bật ra từ hàng ngàn cuồng hống. Những tiếng hét man dại nhất thoát ra từ đám học sinh. Bài diễn văn kéo dài được chừng hai mươi phút thì có một người đưa tin chạy đến bực nhét một mẫu giấy vào tay diễn giả. Hẳn mở giấy ra đọc nhưng không ngưng diễn thuyết. Không có gì thay đổi trong giọng nói hay điệu bộ hẳn cũng như trong nội dung câu văn hẳn, nhưng đột nhiên danh tính khác hẳn. Không có lời giải thích nhưng sự hiểu biết lan trong đám đông. Đại Dương đánh nhau với Đông Á! Phút chốc có một cuộc chấn động lớn. Các cờ xí và bích chương trang hoàng quảng trường đều sai cả! Gắn nửa vế mặt sai. Có sự phá hoại! Cán bộ của Goldstein ra tay đó! Thế là có một gian khúc nào động để giật bích chương khỏi tường, để xé và găm nát cờ xí. Đoàn Giám Địch trở tài lạ trong việc trèo lên mái nhà cắt cờ đuôi nheo phát phơ trên ống khói. Nhưng nội hai ba phút cuộc nào động chấm dứt. Một tay nắm chặt cổ máy ghi âm, vai ấn mình về phía trước, tay rảnh cào không khí, diễn giả từ nãy vẫn tiếp tục diễn thuyết. Phút sau, những tiếng gầm giận dữ hung bạo lại bật lên từ đám đông. Con Hận Thù tiếp tục y như trước ngoại trừ sự thay đổi đối tượng.

Điều làm Winston xúc động khi nghỉ lại là việc diễn giả nhảy từ đường lối này sang đường lối khác giữa câu, mà không ngập ngừng, không cả phạm cú pháp. Nhưng lúc đó anh có nhiều chuyện bận lòng hơn. Đang lúc lộn xộn khi bích chương bị

xé giật, có một người đàn ông anh không rõ mặt đập tay vào vai anh và nói: “Xin lỗi, dường như ông đã đánh rơi chiếc cặp này.” Không nói gì, anh lơ đãng cầm lấy cặp. Anh biết phải lâu ngày nữa anh mới có cơ hội nhìn vào trong đó. Khi cuộc biểu tình chấm dứt anh trở về Bộ Sự Thật mặc dầu lúc ấy đã gần hai mươi ba giờ. Toàn thể nhân viên trong Bộ đều làm vậy. Lệnh đã ra trên máy truyền hình gọi họ về nơi làm việc gần như không cần thiết.

Đại Dương đánh nhau với Đông Á: Đại Dương vẫn đánh nhau với Đông Á. Một phần lớn văn thư chính trị từ năm năm nay bây giờ đảm thành hoàn toàn hủ lậu. Các bản tường trình và tài liệu các loại, báo chí, sách vở, văn đã kích, phim, băng đĩa, hình ảnh, mọi thứ phải được cấp tốc sửa lại. Tuy không có chỉ thị, ai cũng biết rằng các trưởng Cục muốn nội một tuần không một chứng cứ nào về chiến tranh với Âu Á hay hiệp ước với Đông Á được tồn tại bất cứ đâu. Công việc nặng nhọc, nhất là vì thêm vào đó không được gọi đúng tên quá trình phải thực hiện. Ai ở trong Cục Văn Khố cũng làm việc mười tám trên hai mươi tư tiếng với hai đoạn giấc ba tiếng. Nệm được khiêng lên từ hầm trải khắp hành lang: cơm nước gồm bánh mì kẹp nhân và cà phê Chiến Thắng do nhân viên quán ăn đẩy xe mang tới. Mỗi lần ngưng tay vì tới phiên anh đi ngủ, Winston cố thu xếp cho không còn việc trên bàn, nhưng khi anh bò về bàn với mắt còn dính và người nhức mỏi, đã thấy một xấp cuốn giấy phủ bàn anh như một đồng tuyết, vùi nửa chừng máy ghi âm và tràn xuống sàn, thành thử công việc đầu tiên của anh bao giờ cũng là sắp giấy lại thành chồng ngăn nắp để có chỗ làm việc. Điều ngán nhất là công việc không đơn thuần máy móc chút nào. Có

khi chỉ cần thay tên này vào tên khác, nhưng bản tường trình nào cũng đòi hỏi sự cẩn thận và trí tưởng tượng. Ngay tầm hiểu biết về địa dư để chuyển chiến tranh từ địa phương này sang địa phận khác cũng cần phải lớn lao.

Ngày thứ ba mắt anh đau không thể chịu được và cứ vài phút anh lại phải lau kính. Cơ hồ anh đang đương đầu với một công việc thể chất nặng nề, một việc anh có quyền từ chối, song le anh cứ bồn chồn lo lắng hoàn tất nó. Theo như bấy nhiêu anh nhớ, anh không bị xúc động bởi sự mỗi chữ anh thì thắm trong máy ghi âm, mỗi dấu bút mực của anh là một điều quyết ý giả dối. Như mọi người khác trong Cục anh chỉ lo cho sự giả mạo được hoàn hảo. Vào sáng ngày thứ sáu mức tuôn cuộn giấy giảm xuống. Trong đến một nửa tiếng không có gì tuột ra khỏi ống; rồi thêm một cuộn, rồi không thấy gì. Khắp nơi khoảng cùng một lúc công việc nhẹ đi. Một hơi thở dài tuy thắm kín lan khắp Cục. Một công chuyện khổng lồ không bao giờ được nhắc tới đã kết thúc. Bây giờ không một ai có thể dẫn chứng bằng tài liệu sự chiến tranh với Âu Á đã từng xảy ra. Tới mười hai trăm có thông cáo bất ngờ cho phép mọi nhân viên trong Bộ được nghỉ tới sáng hôm sau. Winston về nhà, xách theo chiếc cặp được anh kẹp giữ dưới chân khi làm việc và đặt dưới người khi đi ngủ, cạo râu, rồi suy nghĩ gật trong khi tắm mặc dầu nước chẳng ấm gì.

Khớp xương anh bẻ rắc một cách thú vị khi anh leo cầu thang lên gác của tiệm ông Charrington. Anh mệt mỏi nhưng không còn buồn ngủ nữa. Anh mở cửa sổ ra, châm cái bếp dầu nhỏ bần, và đặt một xoong nước để làm cà phê lên. Julia sắp sửa tới. Trong khi chờ đợi có Quyển sách. Anh ngồi xuống cái ghế bành

cũ rích và tháo đai cặp ra.

Một quyển sách dày đen, do một người không chuyên nghề đóng, không có tên tác giả hay nhan đề ngoài bìa. Chữ in cũng có vẻ không đều mấy. Trang bị nhàu ở mép và dễ rách rời làm như cuốn sách đã qua nhiều tay. Câu đề ghi trên trang đầu như sau:

LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CỦA
CHỦ NGHĨA TẬP THỂ QUẢ ĐÀU (OLIGARCHICAL)

do

Emmanuel Goldstein soạn

Winston bắt đầu đọc:

Chương I: Sự ngu xuẩn là sức mạnh

Suốt lịch sử, và có lẽ từ thời đại Tân thạch khí, có ba loại dân trên thế giới, loại Thượng, loại Trung và loại Hạ. Những loại đó phân ra nhiều chi có không biết bao tên khác nhau, và thành phần của mỗi loại cũng như thái độ của mỗi loại đối với nhau, thay đổi từ thời này sang thời kia: nhưng cơ cấu cốt yếu của xã hội không bao giờ biến chất. Ngay cả sau các vụ đột khởi và các biến đổi bất khả truat bại, cấu trúc cũ luôn luôn tự tái lập, hết như máy quay hồi chuyển luôn luôn quay về thế thăng bằng, dù bị đẩy xa đến đâu về phía này hay phía kia.

Mục đích của các nhóm đó hoàn toàn không dung hòa được với nhau...

Winston ngưng đọc, đặc biệt để thưởng thức sự anh đang đọc trong cảnh tiện nghi an toàn. Anh có một mình: không có máy truyền hình, không có tai áp sau lỗ khóa, không có xung động thần kinh làm anh liếc nhìn sau vai hay lấy tay che trang giấy. Khi hạ dùi mon trón má anh. Từ đầu đó dằng xa khe vọng

lại tiếng la của trẻ nhỏ: ngay trong phòng không có tiếng động nào ngoài tiếng sâu bọ của đồng hồ. Anh lùn người sâu hơn vào chiếc ghế bành và đặt chân trên tấm chắn lò sưởi. Đây là đại hạnh, đây là đời đời. Bỗng nhiên, như người ta thường làm với một cuốn sách mình biết cuối cùng mình sẽ đọc đi đọc lại từng chữ, anh giở sách sang trang khác vào đúng chương III. Anh tiếp tục đọc:

Chương III: Chiến tranh là hòa bình

Sự phân chia thế giới ra làm ba siêu quốc là một sự kiện có thể và đã được tiên đoán trước giữa thế kỷ hai mươi. Với sự sát nhập Âu Châu vào Nga và Đế quốc Anh vào Hoa Kỳ, hai trong ba cường quốc hiện hữu, Âu Á và Đại Dương, đã thực sự thai nghén. Cường quốc thứ ba, Đông Á, chỉ xuất hiện như một nước thống nhất sau thêm mười năm rồi ren. Ranh giới giữa ba siêu quốc được định một cách độc đoán tại vài nơi, di động theo vận mệnh chiến tranh tại nơi khác, nhưng nói chung nó tùy theo tuyến đường địa dư. Âu Á gồm toàn thể bắc phần Âu Châu và đại thổ Á Châu, từ Bờ Đào Nha đến eo biển Behring. Đại Dương gồm Mỹ Châu, các đảo Đại Tây Dương kể cả quần đảo Anh, Úc Châu và phần nam Phi Châu. Đông Á nhỏ hơn hai nước kia và có ranh giới mé tây kém phần đích xác, bao gồm Trung Hoa và các xứ phía nam, quần đảo Nhật Bản, và một phần đất lớn tuy hay di dịch của Mãn Châu, Mông Cổ và Tây Tạng.

Kết hợp thế này hay thế khác, ba siêu quốc luôn luôn đánh nhau và cứ thế từ hai mươi năm nay. Song le, chiến tranh không còn là cuộc chiến tuyệt vọng mòn mỏi như nó từng như vậy trong mấy chục năm đầu thế kỷ hai mươi. Đây là một cuộc chiến có mục tiêu hạn định giữa những địch thủ không thể tiêu

diệt được nhau, không có lý do cụ thể để đánh nhau, không bị chia rẽ bởi một sự khác biệt chủ nghĩa xác thực nào. Thế không có nghĩa là sự điều khiển chiến tranh hay thái độ ưu thắng đối với nó kém tàn bạo hay hào hiệp hơn. Ngược lại, chúng cuồng chiến tiếp diễn và thịnh hành khắp nơi, và những hành động như hãm hiếp, cướp bóc, giết trẻ con, biến toàn cư dân thành nô lệ, trả thù tù binh tới mức đun sôi, chôn sống họ, được coi như bình thường và đáng khen thưởng nếu do quân phe mình thay vì phe địch phạm phải. Nhưng trên thực tế, chiến tranh liên hệ tới rất ít người, phần đông là chuyên viên được huấn luyện kỹ càng, và tương đối gây ít thiệt hại. Trận đánh, nếu có, xảy ra tại một vùng biên giới mù mịt mà thường dân chỉ đoán được ra nơi chốn, hay quanh các Pháo Đài Nổi canh giữ những điểm chiến lược trên đường biển. Tại các trung tâm khai hóa, chiến tranh không có nghĩa gì ngoài một sự khan hiếm hàng hóa liên tục, và sự đôi khi bom lửa làm vài chục người chết. Chiến tranh thực ra đã đổi chất. Đúng hơn, những lý do gây ra chiến tranh đã đổi thứ tự quan trọng. Những duyên cớ từng có mặt ở một mức độ nhỏ trong các cuộc đại chiến hồi đầu thế kỷ hai mươi, nay trội hẳn, được công nhận và được tính đến trong hành động.

Muốn hiểu bản chất của chiến tranh hiện tại - vì mặc dầu sự thay đổi liên minh xảy ra cứ vài năm một, nó lúc nào cũng vậy - phải ý thức rằng nó không thể có tính cách quyết định. Không một trong ba siêu quốc nào có thể bị xâm chiếm hẳn dù bởi cả hai nước kia hợp nhau lại. Ba nước quá ngang nhau và các phương tiện phòng thủ thiên nhiên của cả ba quá lớn lao. Âu Á được che chở bởi khoảng đất rộng rãi của nó, Đại Dương

bởi sự bao la của Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, Đông Á bởi khả năng sinh sản và sự cần mẫn của dân bản xứ. Sau đó, cụ thể ra, không còn gì đáng được tranh đấu cho nữa. Với sự thành lập kinh tế tự túc trong đó sản xuất và tiêu thụ được gắn liền nhau, sự tranh giành thị trường là lý do chính của các cuộc chiến trước kia nay không còn nữa, đồng thời sự tranh đoạt nguyên liệu hết là một vấn đề sống chết. Và lại, siêu quốc nào cũng đủ lớn để có thể thu được hầu hết vật liệu cần thiết trong ranh giới mình. Nếu bảo rằng chiến tranh phải có một mục tiêu kinh tế trực tiếp, thì đây là một cuộc chiến giành nhân công. Giữa ranh giới của ba siêu quốc, không thuộc lâu bất cứ siêu quốc nào, có một khu đại khái hình bốn cạnh với góc đặt trên Tanger, Brazzaville, Darwin và Hồng Kông, gồm một phần năm dân số thế giới. Chính vì quyền sở hữu trên các vùng đông dân cư đó và trên vùng mũi đá bắc cực mà ba siêu quốc luôn luôn đánh nhau. Trên thực tế không một cường quốc nào kiểm soát được toàn thể vùng tranh giành. Nhiều phần vùng đó luôn luôn đổi chủ, và chính thói thừa cơ lừa đánh để chiếm mảnh đất này hay mảnh đất kia xui nên sự thay đổi vô tận đồng minh.

Các đất đai tranh giành chứa đựng nhiều khoáng vật quý giá, một vài vùng sản xuất nhiều thực vật quan trọng, ví như cao su, một chất mà các xứ có khí hậu lạnh phải hóa hợp bằng phương pháp so ra tốn kém hơn. Nhưng trên hết, các vùng đó có một trữ lượng nhân công rẻ tiền. Cường quốc nào kiểm soát được vùng xích đạo Phi Châu hay các xứ Trung Đông hoặc Nam Ấn Độ, hay bán đảo Nam Dương, đương nhiên được sử dụng hàng chục hay trăm triệu cu li ăn ít lương mà làm việc nặng nề. Dân cư các vùng ấy bị dồn công khai ít nhiều vào cảnh nô lệ,

không ngót qua tay hết kẻ chinh phục này đến kẻ chinh phục kia, và bị đẩy như thể than dầu vào cuộc tranh đua sản xuất nhiều binh khí hơn, chiếm đóng nhiều đất đai hơn, kiểm soát nhiều nhân công hơn, và cứ như vậy mãi mãi. Phải lưu ý rằng cuộc chiến không bao giờ thực sự di dịch ngoài lề vùng tranh giành. Biên giới của Âu Á chạy qua chạy lại giữa bồn Congo và bờ bắc Địa Trung Hải; các đảo Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương bị luôn luôn chiếm đi chiếm lại bởi Đại Dương hay Đông Á; tại Mông Cổ ranh giới giữa Âu Á và Đông Á không bao giờ vững; quanh Bắc Cực cả ba cường quốc đều sách hoàn nhiều đất đai rộng lớn phần đông không có người ở và chưa được ai thám hiểm: nhưng cán cân quyền lực vẫn luôn luôn gần thế quân bình, và lãnh thổ nằm trong trung địa của mỗi siêu quốc không bao giờ bị xâm phạm. Lại nữa, sức lao động của các dân cư bị bóc lột quanh Xích Đạo không thực cần thiết cho kinh tế thế giới. Nó không thêm gì vào tài sản thế giới vì những thức gì nó sản xuất cũng bị dùng vào chiến tranh, và mục tiêu của chiến tranh bao giờ cũng là chiếm ưu thế để giao một cuộc chiến khác. Qua sức lao động của họ, các quần dân nô lệ giúp cho tốc độ chiến tranh liên tục gia tăng. Nhưng nếu không có họ, thực chất cơ cấu xã hội thế giới và tiến trình khiến nó tự duy trì sẽ chẳng đổi khác.

Mục đích đầu tiên của chiến tranh hiện đại (theo nguyên tắc ý đòi, mục đích này vừa được công nhận vừa không được công nhận bởi các đầu não chỉ đạo thuộc Đảng Trong) là tận dụng các sản phẩm của guồng máy tuy không nâng cao mức sống tổng quát. Ngay từ hồi cuối thế kỷ mười chín, vấn đề phải thanh toán thẳng số hàng tiêu thụ tiềm tàng trong xã hội công nghiệp.

Ngày nay, khi ít người có đủ ăn, vấn đề đó hiển nhiên không còn cấp bách, và nó không thể trở thành cấp bách dù không phương thức tàn phá giả tạo nào được thi hành. Thế giới ngày nay là một chốn trống trơn, đói khát, hoang tàn, so với thế giới thời trước năm 1914, và càng thế hơn khi so với tương lai tưởng tượng mà dân thời đó phác họa. Vào đầu thế kỷ hai mươi, viễn tượng của một xã hội tương lai hết sức giàu có, thư thái, ngăn nắp và hữu hiệu - một thế giới sát trùng bóng loáng của thủy tinh, thép sắt và xi măng trắng như tuyết - ngự trong trí óc của hầu hết mọi người biết chữ. Hồi đó khoa học và kỹ thuật phát triển theo một tốc độ nhanh chóng lạ lùng, và đương nhiên ai cũng cho rằng nó sẽ tiếp tục phát triển. Điều này không xảy ra, một phần vì sự bần cùng hóa do một tràng chiến tranh và cách mạng gây nên, một phần vì sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật lệ thuộc thói suy nghĩ thực nghiệm, một thói không thể tồn tại trong một xã hội tập hợp chặt chẽ. Đại để thế giới ngày nay ban sơ hơn năm mươi năm về trước. Vài vùng lạc hậu có tiến triển, và một số máy móc luôn luôn có liên hệ sao đó với chiến tranh và điệp vụ có được phát triển, nhưng các cuộc thí nghiệm và các phát minh phần lớn đã ngưng đọng, và các tàn phá của chiến tranh nguyên tử vào quãng năm 1919-59 không bao giờ được tu sửa. Tuy nhiên những mối nguy vốn sẵn trong máy móc vẫn còn đó. Ngay khi máy móc xuất hiện lần đầu tiên, đối với những ai biết suy nghĩ, rõ ràng sự làm ăn vất vả của con người với hậu quả lớn là sự bất bình đẳng trong nhân loại không còn cần thiết nữa. Nếu máy móc được cố ý dùng vào mục đích này, nội vài thế hệ, nạn đói kém, sự lao碌, sự bần thiu, nạn mù chữ và bệnh tật sẽ bị loại hẳn. Và trên thực tế, tuy không được

dùng vào một mục tiêu tương tự, nhưng theo một thứ quá trình tự động - do sự sản xuất những của cải không thể không phân phối - máy móc đã nâng cao rất nhiều mức sống của thường dân trong khoảng năm mươi năm vào cuối thế kỷ mười chín và đầu thế kỷ hai mươi.

Nhưng cũng rõ ràng, một sự gia tăng tài sản toàn diện để phá hủy - mà thật, cũng nói được nó tức là sự phá hủy - một xã hội dựa trên cấp bậc. Trong một thế giới ai ai cũng làm việc ít giờ, có đủ ăn, sống trong một căn nhà có phòng tắm và máy lạnh, có một xe hơi hay ngay cả một máy bay, hình thức hiển nhiên nhất và có lẽ đáng kể nhất của sự bất bình đẳng sẽ biến mất. Chắc chắn có thể tưởng tượng được một xã hội trong đó tài sản, theo nghĩa của cải và tiện nghi cá nhân, được phân phối đều, trong khi quyền lực nằm trong tay một giai cấp nhỏ được ưu đãi. Nhưng trên thực tế một xã hội như vậy không thể vững bền. Vì nếu sự nhàn rỗi và an ninh được hưởng bởi mọi người ngang nhau, đám đông dân chúng đáng nhẽ bị ngu độn vì nghèo khổ sẽ biết chữ nghĩa và sẽ học suy nghĩ lấy một mình; và khi họ làm được như vậy, sớm muộn gì họ cũng ý thức rằng thiếu số có đặc quyền không có công dụng gì, và họ sẽ quét bay chúng. Với thời gian, một xã hội có giai cấp chỉ tồn tại được trên sự nghèo khổ và ngu xuẩn. Trở về quá khứ nông nghiệp, như vài tư tưởng gia hồi đầu thế kỷ hai mươi mơ mộng, là một giải pháp không thể thực hiện được. Nó chống chọi với xu hướng máy móc hóa đã gần thành bản năng tính trên khắp thế giới. Lại nữa, nước nào còn chậm tiến về kỹ nghệ, tất bắt buộc về mặt quân sự, và đâm bị các địch thủ tân tiến hơn đô hộ một cách trực tiếp hay gián tiếp.

Giữ quần chúng trong cảnh nghèo đói bằng cách hạn chế sự sản xuất hóa phẩm cũng không phải là một giải pháp mỹ mãn. Điều này phần lớn xảy ra trong giai đoạn cuối của chế độ tư bản, vào khoảng giữa 1920 và 1940. Kinh tế của nhiều nước được phép đình trệ, đất đai không được cày cấy, vốn liếng trang cụ không được bổ sung, hàng đám dân chúng bị cấm không được làm việc và bị khép vào cảnh sống dở nhờ sự bố thí của Nhà Nước. Nhưng biện pháp này cũng vậy, đưa đến sự suy nhược về quân sự, và vì những sự thiếu thốn do nó ép chịu rõ ràng không cần thiết, nó không tránh được sự chống đối. Vấn đề là làm sao giữ cho bánh xe kỹ nghệ vẫn quay mà không gia tăng tài sản thực sự của thế giới. Hàng hóa phải được sản xuất, nhưng không được phân phối. Và trong thực hành, phương cách độc nhất để đạt kết quả ấy là giao chiến liên tục.

Động tác chủ yếu của chiến tranh là phá hủy, không nhất thiết hủy diệt nhân mạng, chỉ cốt sao tiêu hủy sản phẩm nhân công. Chiến tranh là một cách làm nổ tan thành mảnh, làm bay tan trong tầng tinh khí, hay làm chìm sâu dưới đáy biển, những vật liệu có thể nếu không sẽ được dùng vào sự khiến cho quần chúng được quá khỏe khoắn và nhờ thế dần dà quá thông minh. Ngay trong trường hợp các binh khí không bị phá hủy, sự chế tạo chúng vẫn là một phương cách tiện lợi để làm hao tổn nhân công mà không sản xuất gì có thể tiêu thụ được. Ví dụ, một Pháo Đài Nổi giam vào nó một số nhân công đáng lẽ dùng để xây hàng trăm tàu vận tải. Tận cùng nó bị vứt bỏ làm sắt vụn vì lỗi thời sau khi chẳng mang lại ích lợi gì cho ai, rồi một Pháo Đài Nổi khác được xây với một sự phí phạm nhân công lớn hơn. Trên nguyên tắc, nỗ lực chiến tranh luôn luôn được trừ tính sao

cho tiêu hóa mọi dư khoản có thể có sau khi các nhu cầu tối thiểu của dân chúng được ứng đáp. Trong thực hành, nhu cầu của dân chúng luôn luôn bị định non giá, với hậu quả là một sự khan hiếm kinh niên của một nửa số nhu yếu phẩm; nhưng sự khan hiếm bị coi như một lợi khí. Đó là một chính sách có dụng tâm giữ ngay các đoàn thể được ưu đãi kẻ cảnh thiếu thốn, vì một tình trạng khan hiếm chung gia tăng tầm quan trọng của những đặc quyền nhỏ, và như vậy biểu dương sự khác biệt giữa đoàn thể này với đoàn thể kia. Theo tiêu chuẩn của đầu thế kỷ hai mươi, ngay một thành viên Đảng Trong cũng có một lối sống cần mẫn khắc khổ. Tuy nhiên, vài sự xa hoa mà họ được hưởng - như nhà cửa rộng rãi trang bị tử tế, vải may quần áo tốt hơn, thức ăn nước uống và thuốc lá ngon hơn, hai ba tên đầy tớ, xe hơi hay trục thăng riêng - đặt họ trong một thế giới khác biệt với đảng viên Đảng Ngoài, và đảng viên Đảng Ngoài cũng có lợi lộc tương tự so với đám quần chúng bị đồ hộ mà chúng ta gọi là "dân đen". Không khí xã hội là không khí của một thành phố bị bao vây, trong đó sự chấp hũu một miếng thịt ngựa cũng đủ phân biệt kẻ sang với kẻ hèn. Đồng thời, ý thức đang sống trong cảnh chinh chiến tức trong cảnh nguy khốn, khiến sự trao toàn quyền cho một đảng cấp nhỏ tưởng như là một điều kiện sống còn tự nhiên không tránh nổi.

Chiến tranh, ta sẽ thấy, thực hiện sự phá hủy cần thiết, nhưng thực hiện nó một cách dễ chấp nhận về mặt tâm lý. Trên nguyên tắc, muốn hao tận sức nhân công dư thừa trên thế giới, giản dị nhất là xây cất đền đài và kim tự tháp, là đào lỗ và đắp lỗ lại, hay cả là sản xuất thật nhiều hàng hóa rồi đem đốt nó đi. Nhưng làm thế là chỉ đặt cơ sở kinh tế chứ không cấp căn bản xúc cảm

cho một xã hội có giai cấp. Điều quan hệ đây không phải là tinh thần của quần chúng, vì thái độ của quần chúng không đáng kể miễn sao họ được nghiêm giữ trong kiếp lao động, mà là tinh thần của chính Đảng. Ngay đảng viên thấp kém nhất cũng được đòi hỏi phải biết việc, chăm chỉ, và cả thông minh trong một phạm vi nhỏ hẹp, nhưng ngoài ra cũng cần họ phải là một kẻ cuồng tín cả tin và ngu xuẩn mà đặc tính là óc sợ sệt, oán thù, nịnh bợ, và khoái trá tự đắc. Nói một cách khác, họ cần phải có tâm địa thích hợp với một tình trạng chiến tranh. Chiến tranh có thực sự xảy ra không không quan hệ, và vì một cuộc chiến thắng quyết định không thể có được, cuộc chiến có thắng hay bại không ăn thua gì. Điều thiết yếu là tình trạng chiến tranh phải có. Sự phân tán trí khôn mà Đảng đòi hỏi nơi đảng viên, để thực hiện hơn trong không khí chiến tranh, ngày nay gần như đã phổ cập, mà cấp bậc của đảng viên càng cao, sự phân não đó càng mạnh. Chính tại Đảng Trong, óc cuồng chiến và hận thù kẻ địch dữ nhất. Trong khả năng quản trị, thành viên Đảng Trong thường cần biết tin tức chiến tranh nào sai, và họ thường có dịp hiểu rằng toàn thể cuộc chiến bị nguy tạo, hoặc không xảy ra, hoặc được giao vì những lý do khác hẳn lý do được tuyên bố: nhưng sự hiểu biết đó dễ thành vô hiệu vì phép ý đôi. Đồng thời không một thành viên Đảng Trong nào bị nao núng một giây trong niềm tin tưởng thần bí rằng chiến tranh có thực, rằng nó phải kết cục bằng sự đắc thắng với Đại Dương hiển nhiên biến thành bá chủ hoàn cầu.

Mọi thành viên Đảng Trong tin vào sự chinh phục sắp tới như một giáo điều. Nó sẽ được hoàn thành, hoặc nhờ sự chiếm dần đất đai và nhân đó xây dựng một thế ưu thắng, hoặc nhờ

sự sáng chế ra một binh khí mới không có phản công. Sự tìm kiếm khí giới mới không ngừng tiếp tục và là một trong số ít hoạt động còn lại cho phép loại trí óc có sáng kiến và ưa suy luận lộ diện. Tại Đại Dương ngày nay, Khoa học, theo nghĩa xưa, gần như không còn nữa. Trong Ngôn Mới không có chữ “Khoa học”. Phương pháp suy tưởng thực nghiệm làm cơ sở cho mọi thực hiện khoa học trong quá khứ, chống lại những nguyên tắc căn bản nhất của Anh Xã. Ngay sự tiến bộ kỹ thuật cũng chỉ được chấp nhận nếu sản phẩm của nó có thể được mang dùng vào sự giảm bớt tự do con người. Trong mọi ngành nghệ thuật hữu ích, thế giới hoặc đứng yên hoặc lùi bước. Cảnh đồng được cày với bừa do ngựa kéo, trong khi sách do máy viết. Nhưng trong những sự việc tối quan trọng - thực ra có nghĩa là trong việc chiến tranh và điệp vụ cảnh sát - óc tìm hiểu khoa học vẫn được khuyến khích hay ít nhất được dung túng. Đảng có hai mục tiêu là chinh phục toàn thể diện tích trái đất và tiêu diệt cho sạch mọi khả năng suy tưởng biệt lập. Vì lẽ đó Đảng phải giải quyết hai vấn đề lớn. Một là làm sao cưỡng ý kẻ khác để khám phá xem họ nghĩ gì, hai là làm sao giết được hàng trăm triệu dân trong khoảng vài giây mà không để họ biết trước. Sự nghiên cứu khoa học có được tiếp tục cũng chỉ trong khổ vắn đề đó. Nhà khoa học ngày nay, hoặc là một nhà tâm lý học và một viên truy tà hỗn hợp, tra xét một cách thật tỉ mỉ bình thường ý nghĩa của nét mặt, cử chỉ và giọng nói, thực nghiệm hiệu quả của thuốc làm khai sự thật, của liệu pháp đột kích, của phép thôi miên và sự tra tấn thể xác; hoặc họ là một nhà hóa học, một nhà vật lý học hay một nhà sinh học chỉ lưu tâm đến phần chuyên môn liên quan đến việc hủy diệt sự sống. Trong

các phòng thí nghiệm rộng rãi của Bộ Hòa Bình và tại các trại thí nghiệm ẩn trong rừng Ba Tây, trong sa mạc Úc Châu hay trên các đảo hẻo lánh vùng Nam Cực, hàng toán chuyên viên làm việc không biết mệt. Có người chỉ lo kế hoạch hóa việc phối hợp tiếp vận các cuộc chiến tương lai, người thì nghĩ cách cho bom lửa càng ngày càng lớn hơn, cho chất nổ càng ngày càng mạnh hơn, cho vỏ bình khí càng ngày càng khó xuyên qua hơn; có người tìm kiếm chất hơi mới lạ sát sinh hữu hiệu hơn, hay chất độc dễ tan có thể sản xuất được đủ nhiều để tiêu hủy cây cối của các lục địa, hay giống mầm miễn dịch chống mọi kháng thể; còn kẻ gắng chế tạo một loại xe có thể đi được dưới đất giống như tàu ngầm dưới nước, hay một loại tàu bay không phụ thuộc căn cứ như thuyền buồm; thêm kẻ nghiên cứu ngay cả những khả năng xa vời như tập trung ánh mặt trời qua thấu kính treo trong không gian cách trái đất hàng ngàn cây số, hay gây nên những vụ động đất và sóng thần nhân tạo bằng cách đung vào nhiệt độ trong lòng địa cầu.

Nhưng không bao giờ một dự án trên nào đi tới giai đoạn thực hiện, và không một trong ba siêu quốc nào dẫn đầu được hai nước kia một cách rõ rệt. Điều đáng kể là cả ba đã có với bom nguyên tử một binh khí mạnh hơn bất cứ khí giới nào có thể được phát minh bởi các cơ quan nghiên cứu hiện hữu. Mặc dầu Đảng, theo thói quen, nhận sáng chế về mình, bom nguyên tử xuất hiện lần đầu tiên khá sớm, vào những năm bốn mươi, và được sử dụng trên đại quy mô khoảng mười năm sau. Vào thời đó hàng trăm trái bom được đổ xuống các trung tâm kỹ nghệ, đặc biệt tại Âu Nga, Tây Âu và Bắc Mỹ. Kết quả các nhóm cầm quyền mọi nước nhận thức rằng thêm vài trái bom nguyên tử

nữa là xã hội có tổ chức tức quyền thế của họ sẽ kết thúc. Cho nên sau đó, tuy không có thoả ước chính thức nào được nhắc tới, không còn sự thả bom nguyên tử nữa. Cả ba cường quốc chỉ tiếp tục sản xuất bom nguyên tử để trữ, phòng cơ hội quyết định mà họ tin sớm muộn gì cũng sẽ đến. Và trong khi chờ đợi chiến thuật gần như không biến chuyển suốt ba bốn chục năm. Trục thẳng được dùng nhiều hơn trước, phi cơ oanh tạc được thay thế bởi tạc đạn tự phóng, và chiếc tàu chiến mỏng mảnh nhường chỗ cho Pháo Đài Nổi; nhưng ngoài ra có ít tiến triển. Xe tăng, tàu ngầm, ngư lôi, ngay cả súng ống lựu đạn vẫn được dùng. Và bất kể những cuộc tàn sát bất tận được phóng sự trên báo chí và máy truyền hình, những trận đánh tuyệt vọng kiểu thời các cuộc chiến trước, trong đó hàng trăm ngàn hay cả hàng triệu người bị giết trong vài tuần, không bao giờ tái diễn.

Không một trong ba siêu quốc nào dám toan tính một thao lược có nguy đưa đến một sự thất bại trầm trọng. Nếu có một cuộc tác chiến lớn, thông thường đó là một vụ đột kích chống đồng minh. Chiến thuật mà cả ba siêu quốc theo hay tự đối là theo y hệt nhau. Kế hoạch là vừa đánh vừa mặc cả, vừa tấn công lừa đúng lúc, cốt chiếm hữu một chuỗi căn cứ bao vây trọn vẹn một nước chư hầu địch, để rồi ký thỏa hiệp với địch và sống hòa thuận với họ đủ lâu năm để ru ngủ được lòng nghi kỵ của họ. Trong khi đó hỏa tiễn chứa bom nguyên tử được tập trung tại các điểm chiến lược; sau cùng các hỏa tiễn sẽ được bắn cùng một lúc với những hậu quả tàn phá mạnh đến nỗi sự trả đũa không thể có được. Lúc đó sẽ là lúc ký một hiệp ước với cường quốc còn lại, trong khi chuẩn bị một cuộc tấn công khác. Khỏi cần phải nói, mưu lược trên chỉ là một giấc mơ ban

ngày, không thể thực hiện được. Lại nữa, không hề có một trận đánh nào xảy ra ngoài các vùng tranh giành quanh Xích Đạo và Bắc Cực: không bao giờ thấy cử một cuộc xâm lấn đất địch nào. Điều này giải thích vì sao tại vài nơi, biên giới giữa các siêu quốc được định một cách độc đoán. Ví dụ, Âu Á có thể xâm chiếm dễ dàng các đảo Anh thuộc Âu Châu, mặt khác Đại Dương có thể đẩy biên giới tới sông Rhin hay tới tận sông Vistule. Nhưng làm thế hóa ra vi phạm nguyên tắc toàn vẹn văn hóa do mọi bên tuân theo dù không nói ra. Nếu Đại Dương phải chiếm đóng những vùng trước kia có tên là Pháp và Đức, cần phải hoặc tận sát dân cư các vùng đó, một công việc cụ thể ra rất khó khăn, hoặc đồng hóa một dân số khoảng một trăm triệu người gần ngang trình độ dân Đại Dương về mặt tiến triển kỹ thuật. Cả ba siêu quốc đều có vấn đề tương tự. Tối cần thiết cho cơ cấu của cả ba là không để cho dân tiếp xúc với người ngoại quốc trừ trong giới hạn đó là tù binh hay nô lệ da màu. Ngay đồng minh chính thức đương thời cũng luôn luôn bị ngờ vực là có ý đồ đen tối. Ngoài tù binh ra, thường dân không bao giờ được nhìn thấy người Âu Á hay Đông Á, họ còn bị cấm không được học ngoại ngữ. Nếu họ được phép tiếp xúc với người ngoại quốc họ sẽ khám phá ra rằng những người này giống hệt họ, rằng hầu hết những điều nói về dân ngoại quốc là lời nói dối. Thế giới niềm phong trong đó họ sống sẽ đổ vỡ, và lòng sợ hãi, nổi oán thù và niềm tin nơi sự chính tâm của họ, được dựng làm nền tảng của luân lý, sẽ tan biến. Vì lẽ vậy, cả ba bên đều hiểu rằng dù Ba Tư, Ai Cập, Java hay Tích Lan có thay đổi chủ mấy lần đi nữa, không thể có chuyện xâm phạm ranh giới chính với bất cứ gì ngoài bom đạn.

Ngủ dưới những ý trên có một sự thể không bao giờ được nhắc tới, nhưng được hiểu ngầm và tôn theo: đó chính là sự điều kiện sống tại cả ba siêu quốc y hệt nhau. Tại Đại Dương triết thuyết đặc trưng có tên là Anh Xã, tại Âu Á nó được gọi là Tân Xích, và tại Đông Á nó có một tên Tàu thường được dịch là Tử Sùng nhưng có lẽ phải dịch là Kỷ Vong mới đúng. Công dân Đại Dương không được phép biết gì về nội dung hai chủ thuyết kia, nhưng được dạy phải ghê tởm những thuyết đó vì chúng man rợ, xúc phạm luân lý cùng lẽ thường tình. Thật ra khó phân biệt được ba triết thuyết ấy, và những chế độ do chúng dung dưỡng cũng chẳng khác biệt nhau chút nào. Nơi nào cũng một cơ cấu hình tháp, với một sự tôn thờ lãnh tụ gần ngang thiên thần, cùng một nền kinh tế xây dựng nhờ và cho chiến tranh liên tục. Cho nên ba siêu quốc không những không thể chinh phục được nhau, còn không có lợi lộc gì nếu làm thế. Ngược lại họ còn đánh nhau, họ còn nâng đỡ được nhau, như thế ba bó lúa. Và như thường lệ, nhóm lãnh đạo thuộc ba cường quốc vừa ý thức vừa không ý thức hành động của mình. Đời sống họ được dâng hiến cho sự chinh phục thế giới, nhưng họ cũng biết rằng chiến tranh cần phải tiếp tục không ngưng và không thắng lợi. Đồng thời sự không có mối nguy bị chinh phục nuôi dưỡng sự chối bỏ thực tế, và điều này là đặc điểm của Anh Xã cùng các ý hệ địch. Đến đây cần phải nhắc lại điều đã nói ở trên, rằng vì trở thành liên tục chiến tranh đã hoàn toàn biến tính.

Thời xưa, chiến tranh, gần như theo định nghĩa, là một tình trạng sớm muộn gì cũng kết liễu, thường sau một cuộc thắng lợi hay thất bại không thể chối cãi. Cũng trong quá khứ, chiến tranh là một trong những phương tiện khiến xã hội loài người giữ liên

lạc với thực tế thể chất. Các nhà lãnh đạo các thời đều muốn ép môn đồ chấp nhận một thể giới quan lệch lạc, nhưng họ không dám khuyến khích ảo tưởng nào có xu thế làm hại hiệu lực quân sự. Sự thất bại còn có nghĩa là sự mất độc lập hay một hậu quả bất hảo khác, việc phòng ngừa thất bại còn được coi trọng. Sự kiện thể chất không thể bị bỏ quên. Trong triết thuyết, trong tôn giáo, trong luân lý hay trong chính trị, hai cộng hai có thể thành năm, nhưng khi phóng hỏa súng ống hay tàu bay, hai với hai phải là bốn. Các quốc gia vô hiệu sớm muộn gì cũng bị xâm chiếm, và sự tranh thủ hiệu quả đối nghịch với ảo tưởng. Lại nữa, muốn có hiệu năng cần phải biết học hỏi quá khứ, tức phải có một ý niệm đúng về sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Dĩ nhiên, báo chí và sách vở luôn luôn bị tô điểm hay thiên vị, nhưng sự giả mạo kiểu được thực hiện ngày nay không thể có. Chiến tranh là một cách bảo toàn chắc chắn óc lãnh mạnh, và trong chừng mực nó liên quan đến giai cấp lãnh đạo, nó có lẽ là cách bảo toàn hệ trọng nhất. Khi chiến tranh có thắng có bại, không một giai cấp lãnh đạo nào có thể hoàn toàn vô trách nhiệm.

Nhưng khi chiến tranh trở thành thực sự liên tục, nó thời nguy hiểm. Khi chiến tranh liên tục, không còn nhu cầu quân sự. Sự tiến bộ kỹ thuật có thể ngưng, và những sự kiện sò sò nhất có thể bị chối bỏ hay coi thường. Như chúng ta đã thấy, những công cuộc nghiên cứu đáng được gọi là khoa học vẫn được theo đuổi vì mục tiêu chiến tranh, nhưng đấy vốn là một thứ mộng ban ngày, và sự bất trung kết quả nghiên cứu không quan trọng. Hiệu suất, ngay cả hiệu suất quân sự, không còn được cần đến. Không có gì có hiệu năng tại Đại Dương ngoài Cảnh Sát Tư Tưởng. Vì không một trong ba siêu quốc nào có

thể bị chinh phục, mỗi siêu quốc thực ra là một vũ trụ riêng biệt trong đó hầu như mọi loạn ý có thể yên hành. Thực tế chỉ có áp lực qua những nhu cầu của đời sống hàng ngày - nhu cầu ăn uống, có chỗ trú ngụ và có quần áo mặc, tránh nuốt thuốc độc hay bước qua cửa sổ một tầng lầu cao, đại loại như vậy. Giữa cái sống và cái chết, giữa thú vui thể xác và nỗi đau thể xác, vẫn có một sự khác biệt, nhưng chỉ thể thôi. Bị cắt đứt mọi liên lạc với thế giới bên ngoài và với quá khứ, công dân Đại Dương giống như một người ở trong không gian liên tinh, không có cách nào biết được hướng nào ở trên, hướng nào ở dưới. Lãnh tụ của một nước như vậy có quyền chuyên chế hơn vua chúa Ai Cập và La Mã nhiều. Họ bắt buộc phải tránh không để môn đồ của họ chết đói đông đảo tới mức phiền phức, và họ bó buộc phải giữ một trình độ kỹ thuật quân sự thấp ngang địch thủ của họ; nhưng một khi điều kiện tối thiểu đó được thỏa mãn, họ có thể bóp méo thực tế thành bất cứ hình thù gì tùy ý họ.

Chiến tranh, vì lẽ vậy, nếu được xét theo tiêu chuẩn của các cuộc chiến xưa, chỉ là một sự lừa bịp. Nó tựa như các cuộc đấu giữa những động vật nhai lại có cặp sừng mọc theo một góc cạnh đặc biệt khiến chúng không thể gây thương tích cho nhau. Nhưng dù nó không thật, nó không phải là vô nghĩa lý. Nó nuốt đi thặng số hàng tiêu thụ, và giúp sự phòng giữ không khí tinh thần cần thiết cho một xã hội có giai cấp. Chiến tranh, chúng ta sẽ thấy, hiện nay là một vấn đề nội bộ thuần túy. Trong quá khứ, dù phải công nhận quyền lợi chung của họ và vì thế phải giới hạn sự tàn phá của chiến tranh, các nhóm lãnh đạo của mọi nước đánh nhau thực sự, và kẻ thắng trận bao giờ cũng cướp phá kẻ thua trận. Ngày nay của chúng ta, họ không đánh

nhau chút nào. Mỗi nhóm lãnh đạo giao chiến chống chính dân mình, và mục đích của chiến tranh không phải là xâm chiếm lãnh thổ hay ngăn chặn sự xâm lăng đó, mà là giữ cho cơ cấu xã hội được nguyên vẹn. Danh từ “chiến tranh”, đậm vì thế mà lệch lạc. Có lẽ muốn đúng phải nói rằng, vì chiến tranh trở thành liên tục, nó đã thôi tồn tại. Áp lực đặc biệt của nó trên con người từ thời Tân Thạch Khí tới đầu thế kỷ hai mươi đã biến mất và được thay thế bởi một thứ khác hẳn. Hậu quả sẽ tương tự nếu ba siêu quốc, thay vì đánh nhau, thỏa thuận sống vĩnh viễn hòa bình với nhau, không nước nào bị xâm phạm trong ranh giới của mình. Vì trong trường hợp này, mỗi nước vẫn là một vũ trụ tự bế tỏa, mãi mãi thoát khỏi ảnh hưởng đánh thức tỉnh của mối nguy bên ngoài. Một cuộc hòa bình thực sự trường tồn sẽ y hệt một cuộc chiến tranh vĩnh cửu. Điều này - tuy phần lớn Đảng viên hiểu nó theo một nghĩa hẹp hòi - là thâm ý của khẩu hiệu Đảng: Chiến tranh là hòa bình.

Winston ngưng đọc một lúc. Đầu đó ngoài xa một trái bom lửa gầm lên. Cảm giác sung sướng được ở một mình với một quyển sách cấm, trong một căn phòng không có máy truyền hình, không tiêu tan. Cô độc và an toàn là những cảm giác thuộc thể xác, lẫn lộn sao đó với sự mệt mỏi của tinh thần anh, với sự êm ái của chiếc ghế và thoáng gió nhẹ từ cửa sổ đưa trên má anh. Quyển sách thôi miên anh, hay đúng hơn nó làm anh yên tâm. Theo lẽ ra, nó không cho anh biết điều gì mới lạ, nhưng phần quyến rũ chính ở đó. Nó nói lên điều anh đã nói nếu anh sắp xếp được thành trật tự những tư tưởng tản mát của anh. Nó là sản phẩm của một trí óc giống như óc anh nhưng

mạnh mẽ hơn nhiều, có phương pháp hơn và ít sợ sệt hơn. Những sách hay nhất, anh nhận thấy, là những quyển nói ra những điều mình đã biết. Anh vừa giở lại chương I thì anh nghe thấy tiếng chân Julia trên cầu thang và anh vụt ra khỏi ghế để đón nàng. Nàng đặt túi dụng cụ nâu xuống sàn rồi lao mình vào tay anh. Đã hơn một tuần hai người chưa gặp lại nhau.

“Anh đã nhận được quyển sách,” anh nói khi hai người buông nhau ra.

“Ồ, anh có nó rồi ư? Tốt,” nàng không mấy hứng thú đáp, rồi ngay tức thì nàng ngồi xuống cạnh lò dầu làm cà phê.

Họ không nhắc lại vấn đề trước khi nằm với nhau trên giường được nửa tiếng. Khí chiều đủ ấm để bỏ lật khăn phủ giường lên. Từ dưới nhà vẳng lên tiếng hát quen thuộc và tiếng giấy ống cọ trên đá lát. Người đàn bà có bắp tay đỏ mà Winston thấy mặt bữa đầu tiên tới đây gần như đóng đinh ngoài sân. Cơ hồ không có ngày giờ nào bà ta không đi đi lại lại giữa chậu giặt và giầy phơi áo, luân phiên hết bỏ kẹp vào miệng ngậm lại cất lên tiếng hát là loi. Julia đã nằm nghiêng mình lại và sắp thiếp ngủ. Anh với tay lấy quyển sách đang lê trên sàn và ngồi tựa vào đầu giường.

“Mình phải đọc quyển này,” anh nói. “Cả em nữa. Hội viên Hội Tinh Thân nào cũng phải đọc nó.”

“Anh đọc đi,” nàng nhắm mắt nói. “Đọc to vào. Đó là cách hay nhất. Rồi có gì anh giảng dần cho em.”

Kim đồng hồ đánh số sáu, có nghĩa là mười tám. Họ còn ba bốn giờ nữa. Anh kẹp quyển sách vào đầu gối và bắt đầu đọc:

Chương I: Dốt nát là sức mạnh

Trải qua lịch sử và có lẽ từ thời Tân Thạch Khí, có ba hạng dân

trên thế giới, Thượng Lưu, Trung Lưu và Hạ Lưu. Có nhiều cách phân chia ba hạng ấy, chúng có vô số tên khác nhau và tổng số mỗi hạng cũng như thái độ của hạng này đối với hạng kia thay đổi từ thời này qua thời khác: nhưng cơ cấu cốt yếu của xã hội không bao giờ biến chất. Ngay cả sau các vụ nổi loạn lớn và các vụ đổi thay tưởng như không thể cải hồi, cơ cấu cũ bao giờ cũng được tái lập, y như một con quay hồi chuyển luôn luôn trở về trạng thái quân bình, dù có bị đẩy xa về phía nào chẳng nữa.

“Julia, em còn thức không?” Winston hỏi.

“Còn, anh yêu, em đang nghe anh. Anh đọc tiếp đi. Tuyệt lắm.”

Anh tiếp tục đọc:

Chủ đích của ba hạng hoàn toàn không thể hợp nhau. Chủ đích của Thượng Lưu là giữ mình ngôi tại chỗ. Chủ đích của Trung Lưu là đổi chỗ với Thượng Lưu. Chủ đích của Hạ Lưu, khi họ có chủ đích - vì một đặc điểm thường trực của Hạ Lưu là họ bị khổ dịch đè ép quá độ, họ chùng mồi ý thức được điều gì nằm ngoài đời sống hàng ngày của họ - là hủy bỏ mọi sự phân biệt và thành lập một xã hội trong đó mọi người sẽ ngang nhau. Cho nên, trải qua lịch sử một cuộc đấu tranh không đổi bản sắc diễn đi diễn lại không ngừng. Hàng thời kỳ dài, Thượng Lưu tưởng như cầm quyền yên ổn, nhưng chẳng sớm thì muộn cũng tới lúc họ mất hoặc niềm tự tin hoặc khả năng cai trị hữu hiệu, hoặc cả hai. Rồi sau đó, họ bị Trung Lưu lật đổ, nhờ giới này kết nạp được Hạ Lưu bằng cách giả vờ tranh đấu cho tự do và công lý. Vừa đạt được mục tiêu, Trung Lưu gạt liền Hạ Lưu cho họ về địa vị tôi đòi cũ, và chính họ biến thành Thượng Lưu. Tiếp đó, một giới Trung Lưu mới tách hiện từ một trong hai giới kia hay từ cả hai, và cuộc tranh đấu bắt đầu trở lại. Trong ba giới

chỉ có Hạ Lưu là không bao giờ thành công, dù một cách tạm thời, trong việc đeo đuổi chủ đích. Thật quá ngoa nếu nói rằng trải qua lịch sử không hề có một sự tiến bộ cụ thể nào. Ngay ngày nay, đương lúc suy thời, thường dân có một đời sống vật chất khá hơn thường dân mấy thế kỷ trước. Nhưng không một sự tăng sản, một sự thuần phong, một cuộc cải cách hay một cuộc cách mạng nào xích lại gần nổi hơn một ly sự bình đẳng giữa con người. Theo quan điểm của Hạ Lưu, không một sự thay đổi nào có nghĩa nhiều hơn một sự thay đổi tên cho quan thầy họ.

Vào khoảng cuối thế kỷ mười chín, tính hồi quy của mô hình trên đã trở thành hiển nhiên đối với nhiều quan sát viên. Vì thế thời đó nảy ra vài phái tư tưởng gia giải thích lịch sử như một quá trình tuần hoàn, và đòi chứng minh sự bất bình đẳng là một luật đời bất di bất dịch. Thuyết này dĩ nhiên lúc nào cũng có kẻ tán đồng, nhưng có một sự thay đổi hữu ý trong cách nó được phô trình ngày nay. Thuở xưa, sự cần có một xã hội có giai cấp là chủ thuyết đặc thù của Thượng Lưu. Nó được giảng dạy bởi vua chúa và quý tộc cùng các giáo sĩ, luật gia và đồng bọn là những kẻ ăn bám họ, và nó được xoa dịu bởi những lời hứa về sự bù trừ trong một thế giới tương tượng bên kia nấm mồ. Còn Trung Lưu, đương khi họ tranh quyền, bao giờ họ cũng dùng những danh từ như tự do, công lý, tinh thần. Song ngày nay, khái niệm tinh thần giữa loài người bắt đầu bị tố cáo bởi những kẻ chưa ở địa vị chỉ huy nhưng chỉ hy vọng sớm có địa vị đó. Trong quá khứ, Trung Lưu làm cách mạng dưới ngọn cờ bình đẳng, lật đổ được bạo quyền cũ tức thì họ lập một tân bạo chính. Các giới Trung Lưu mới thực ra tuyên bố trước bạo chính

của họ. Chủ thuyết xã hội, vì xuất hiện vào đầu thế kỷ mười chín và là đốm cuối của một mạch tư tưởng bắt nguồn từ những cuộc nổi loạn của dân nô lệ thời thượng cổ, hãy còn bị thâm nhiễm bởi Trí Không Tưởng đời xưa. Nhưng trong các dị thuyết xã hội xuất hiện từ khoảng 1900 trở đi, mục đích thiết lập tự do và bình đẳng càng ngày càng bị công khai từ bỏ. Các phong trào mới xuất hiện vào giữa thế kỷ hai mươi như Anh Xã tại Đại Dương, Tân Xích tại Âu Á, Tử Sùng, theo danh từ thông dụng, tại Đông Á, có mục đích rõ ràng là lưu truyền sự vô tự do và bất bình đẳng. Những phong trào mới này dĩ nhiên sinh trưởng trên các phong trào cũ và có khuynh hướng giữ lại tên cũ và hăm mộ bằng đầu lưỡi chủ thuyết cũ. Nhưng tất cả đều có mục tiêu chặn đứng sự tiến bộ và kết đọng lịch sử tại lúc đã chọn. Quả lúc lắc quen thuộc của đồng hồ được cử động một lần nữa rồi phải ngưng bật. Như thường lệ, Thượng Lưu sẽ bị Trung Lưu lật đổ và Trung Lưu sẽ trở thành Thượng Lưu; nhưng lần này, nhờ biết chiến thuật, Thượng Lưu sẽ duy trì được vĩnh viễn địa vị.

Các chủ thuyết nổi lên một phần vì sự tích tụ của kiến thức sử học và sự trưởng thành của ý nghĩa lịch sử không có trước thế kỷ mười chín. Ngày nay sự vận hành chu kỳ của lịch sử dễ hiểu hay có vẻ dễ hiểu; và nếu hiểu được nó, có thể biến hóa được nó. Nhưng nguyên nhân ngầm chính là ngay từ đầu thế kỷ hai mươi mống bình đẳng giữa con người có thể đạt được nhờ kỹ thuật. Thực thì con người vẫn không bình đẳng về khiếu bẩm sinh, và sự bắt buộc phải phân công theo chuyên môn khiến người này được ưu đãi hơn người kia; nhưng sự phân biệt giai cấp và sự khác biệt lớn về tài sản không còn thật sự cần thiết nữa. Thuở xa xưa, sự phân chia giai cấp không những không

thể tránh được mà còn là điều mong muốn. Bất bình đẳng là giá phải trả cho nền văn minh. Tuy nhiên, với sự phát triển của ngành sản xuất máy móc, vấn đề biến đổi. Dù con người vẫn còn cần phải làm những công việc khác nhau, không còn nhu cầu bắt họ sống theo mức xã hội và kinh tế khác nhau. Cho nên, theo quan điểm của các nhóm mới sắp nắm chính quyền, sự bình đẳng không còn là một lý tưởng để đeo đuổi nữa, mà là một mối nguy phải tránh. Vào những thời buổi ban sơ hơn, khi trên thực tế không thể có một xã hội công bình và an lành, tin vào đó rất dễ. Ý niệm về một thiên đàng trần tục trong đó con người chung sống trong tình huynh đệ không cần luật lệ và không phải cực nhọc đã ám ảnh nhân trí trong hàng ngàn năm. Và mộng tưởng đó đã có một ảnh hưởng rõ rệt, ngay cả trên những nhóm đã lợi dụng được các biến chuyển lịch sử. Các thừa kế của những cách mạng Pháp, Anh, Mỹ đã tin một phần vào chính lời tuyên bố của họ về nhân quyền, tự do ngôn luận, bình đẳng trước pháp luật, và đã cả cho phép hành động của họ bị chi phối bởi những lý tưởng đó. Nhưng vào thập niên thứ tư của thế kỷ hai mươi, mọi trào lưu tư tưởng chính trị đâm ra độc đoán. Thiên đàng trần tục mất uy tín đúng lúc có thể thực hiện được nó. Chính thuyết mới nào, dưới tên nào chẳng nữa, cũng quay về cấp bậc và tập hợp. Và trong phối cảnh nặng nề chung xảy ra khoảng 1930, những biện pháp đã bị bỏ từ lâu, có khi từ hàng trăm năm - như bỏ tù không cần xử, dùng tù binh làm nô lệ, hành hình công cộng, tra tấn để lấy khẩu cung, dùng con tin, di đầy quần chúng - không những trở thành thông thường, còn được chấp nhận và bênh vực bởi những kẻ tự cho mình là sáng suốt tiến bộ.

Phải sau gần mười năm ngoại chiến, nội chiến, cách mạng và phản cách mạng tại khắp nơi trên thế giới, Anh Xá và địch thủ mới lộ diện là chính thuyết tác toàn. Nhưng chúng đã được báo hiệu bởi một vài chế độ, thường được gọi là chế độ cực quyền, xuất hiện cũng vào thế kỷ hai mươi nhưng sớm hơn, và những đường nét chính của thế giới sẽ nhô khỏi cảnh hỗn độn đã được thấy rõ từ lâu. Loại dân nào sẽ cai trị thế giới cũng đã thấy được rõ. Tân quý tộc phần lớn gồm các viên chức, khoa học gia, kỹ thuật gia, trưởng nghiệp đoàn, chuyên viên quảng cáo, xã hội học gia, giáo sư, ký giả và chính trị gia chuyên nghiệp. Những người này, xuất thân từ giai cấp công nhân trung lưu và thượng đẳng giai cấp thợ thuyền, đã được đào tạo và tập hợp bởi thế giới bạc bẽo của kỹ nghệ độc quyền và trung ương tập quyền. So với đồng nghiệp họ thuở xưa, họ ít tham hơn, ít bị cám dỗ bởi sự xa hoa hơn, ham quyền lực thuần túy hơn, và trên hết ý thức hơn những điều họ làm cùng quyết tâm đàn áp đối lập hơn. Sự khác biệt này là điểm chủ yếu. Sánh với cảnh ngày nay, mọi bạo quyền trong quá khứ đều thiếu nhẫn tâm và không hữu hiệu. Các nhóm cầm quyền xưa luôn luôn có phần bị tiếm nhiệm bởi tư tưởng tự do, và vui lòng thả lỏng khắp nơi, chỉ xét đến hành động công khai mà bất kể những ý nghĩ của dân họ. Ngay giáo hội Công Giáo thời Trung Cổ cũng tỏ ra khoan dung theo tiêu chuẩn hiện đại. Một phần lý do là thuở xưa không một chính quyền nào có khả năng quản thúc thường trực công dân mình. Song le, sự phát minh ra máy in khiến sự thao tác dư luận dễ dàng hơn, phim ảnh và máy phát thanh làm diễn trình đó tiến xa hơn nữa. Với sự phát triển máy truyền hình và sự tiến bộ kỹ thuật cho phép vừa thu vừa phát trên một

chiếc máy, đời sống riêng tư kết thúc. Mỗi công dân, hay ít nhất mỗi công dân đủ quan trọng để đáng được giám thị, có thể bị đặt hai mươi tư tiếng mỗi ngày dưới sự soi mói của cảnh sát và trong lời tuyên truyền của nhà chức trách, trong khi các ngõ thông tin khác bị đóng kín. Lần đầu tiên ngày nay, có thể áp đặt không những lòng hoàn toàn phục tùng ý muốn nhà nước, mà cả sự đồng quan điểm trọn vẹn về mọi vấn đề.

Sau thời cách mạng vào những năm năm mươi, sáu mươi, xã hội kết hợp lại, vẫn như bao giờ, thành Thượng Lưu, Trung Lưu và Hạ Lưu. Nhưng giới Thượng Lưu mới, khác với tiền nhân, không hành động theo linh tính mà biết phải làm gì để bảo vệ địa vị. Đã từ lâu người ta nhận thức rằng nền tảng vững chãi nhất của chế độ quả đầu là chủ nghĩa tập thể. Tài sản và đặc quyền dễ được bảo vệ nhất khi chúng thuộc quyền sở hữu chung. Sự gọi là “bãi bỏ quyền sở hữu tư” xảy ra vào những năm giữa thế kỷ, thật ra, có nghĩa là tập trung quyền sở hữu vào ít tay hơn trước: nhưng với sự khác biệt là các sở hữu chủ mới là một nhóm thay vì một đám tư nhân. Về mặt cá thể, không một Đảng viên nào chiếm hữu gì, trừ vài vật dụng riêng không đáng kể. Về mặt tập thể Đảng chiếm hữu mọi thứ tại Đại Dương, vì Đảng kiểm soát mọi thứ, và tùy nghi sử dụng các sản phẩm. Vào những năm sau Cách Mạng, Đảng có thể bước vào địa vị lãnh đạo mà không gặp sự đối kháng nhờ toàn thể quá trình được miêu tả như một cuộc tập thể hóa. Đã từ bao giờ có sự thừa nhận rằng nếu giai cấp tư bản bị cướp quyền sở hữu, Xã Hội Chủ Nghĩa thế nào cũng nổi tiếp: và không chối cãi được, dân tư bản đã bị tước hết tài sản. Các xưởng, mỏ, đất, nhà, xe - mọi thứ đã được tước khỏi tay họ: và vì những thức đó không còn

là tài sản tư, nó phải là của công. Anh Xã, vì xuất phát từ phong trào xã hội và thừa kế ngữ cú rỗng của nó, đã thực ra thi hành điều chỉnh của chương trình xã hội; với kết quả đã thấy và định trước là sự bất bình đẳng kinh tế trở thành vĩnh viễn.

Nhưng những vấn đề lưu truyền một xã hội có cấp bậc sâu xa hơn thế. Chỉ có bốn cách khiến một nhóm lãnh đạo mất quyền. Hoặc họ bị chinh phục bởi ngoại lai, hoặc họ cai trị thiếu hiệu quả đến nỗi quần chúng bị kích động nổi loạn, hoặc họ để cho một giới Trung Lưu mạnh và bất mãn thành hình, hoặc họ mất tự tin và ý chí cai trị. Những lý do này không có tác dụng đơn độc, và theo thường lệ cả bốn đều góp mặt ít nhiều. Giai cấp lãnh đạo nào có thể phòng ngừa được cả bốn trường hợp trên có thể cầm quyền mãi mãi. Tận cùng yếu tố quyết định chính là thái độ tinh thần của giai cấp lãnh đạo.

Sau giữa thế kỷ hiện tại, mối nguy đầu thật ra đã biến mất. Trên thực tế, nước nào trong ba cường quốc đang chia nhau thế giới cũng không thể bị xâm chiếm nổi, và chỉ có thể bị chinh phục nhờ sự biến đổi dần dần dân số, một điều mà một chính phủ có quyền rộng rãi tránh được dễ dàng. Mối nguy thứ hai cũng chỉ là một mối nguy trên lý thuyết. Quần chúng không bao giờ tự động chống đối, và họ không bao giờ nổi loạn vì bị áp bức. Quả vậy, họ còn không được phép có tiêu chuẩn để so sánh, họ còn không bao giờ ý thức được sự họ bị ức hiếp. Những vụ khủng hoảng kinh tế thuở xưa hoàn toàn không có tính tất yếu và bây giờ không được phép xảy ra, còn nhiều cuộc hỗn loạn khác mạnh chẳng kém có thể và đã có nhưng không có hậu quả chính trị bởi không có cách nào nói lên sự bất mãn. Về vấn đề sản xuất dư thừa, tiềm tàng trong xã hội của chúng

ta từ khi kỹ thuật máy móc phát triển, nó được giải quyết bằng mẹo chiến tranh liên tục (xem chương III), một mảnh khoe còn có ích lợi khép tinh thần dân chúng vào mức cần thiết. Cho nên, theo quan điểm của những nhà lãnh đạo của chúng ta, những mối nguy thật tình đáng kể là sự tách hợp của một nhóm dân mới có khả năng, không được dùng đúng sức và ham quyền, cùng sự sinh trưởng của óc tự do và hoài nghi trong chính hàng ngũ họ. Có thể nói, vấn đề liên quan đến giáo dục. Đó là làm sao không ngưng uốn nắn tâm thức của cả nhóm chỉ huy lẫn nhóm thừa hành đồng đảo ở dưới. Tâm thức quần chúng chỉ cần bị ảnh hưởng một cách tiêu cực thôi.

Biết bối cảnh trên, có thể suy ra nếu chưa rõ, cơ cấu tổng quát của xã hội Đại Dương. Trên đỉnh cao của kim tự tháp là Bác. Bác không thể sai lầm và đầy uy lực. Mỗi thành công, mỗi thành quả, mỗi thắng lợi, mỗi khám phá khoa học, mọi hiểu biết, mọi khôn ngoan, mọi hạnh phúc, mọi đức tính, được coi như xuất từ sự hướng dẫn và gợi hứng của Bác. Chưa ai nhìn thấy Bác bao giờ. Bác là một khuôn mặt trên biển tường, một tiếng nói trong máy truyền hình. Chúng ta có thể khá chắc rằng Bác không bao giờ chết, còn Bác sinh ngày nào là một điểm rất khó nhất quyết. Bác là trá hình được Đảng chọn để tự trình diện với thế giới. Nhiệm vụ của Bác cốt là thành tiêu điểm cho tình yêu, hận thù và sùng kính là những cảm xúc dễ hướng về một cá nhân hơn là về một tổ chức. Dưới Bác là Đảng Trong, với số thành viên giới hạn đến sáu triệu, hay không đến hai phần trăm tổng số dân Đại Dương. Dưới Đảng Trong là Đảng Ngoài, có thể được coi là tay chân nếu Đảng Trong được mô tả như khối óc của nhà nước. Dưới hơn là đám quần chúng đàn

độn mà chúng ta quen gọi là “dân đen”, gần khoảng tám mươi năm phần trăm dân số. Theo danh từ dùng trong đoạn phân loại trên, dân đen là Hạ Lưu: còn đám dân nô lệ ở vùng đất Xích Đạo, luôn luôn qua hết tay kẻ chinh phục này đến tay kẻ chinh phục kia, họ không phải là một phần tử thường trực hay thiết yếu của cơ cấu.

Trên nguyên tắc, sự thuộc thành phần ba giới không theo cha truyền con nối. Theo lý thuyết con của thành viên Đảng không sinh ra thuộc Đảng Trong. Sự gia nhập chi Đảng nào cũng qua một cuộc thi cử vào lúc mười sáu tuổi. Không có sự kỳ thị chủng tộc hay ưu thế của một tỉnh này trên tỉnh kia. Dân Do Thái, dân da đen, dân Nam Mỹ thuần chủng thổ dân, được giữ chức vụ tối thượng trong Đảng, và quản trị viên của vùng nào bao giờ cũng được chọn trong dân cư vùng đó. Không tại một phần Đại Dương nào dân chúng có cảm tưởng mình bị đô hộ và cai trị từ một thủ đô xa xăm. Đại Dương không có thủ đô và vị nguyên thủ quốc gia không ai biết ở đâu. Trừ việc Anh ngữ là thông ngôn chính và Ngôn Mới là ngôn ngữ chính thức, Đại Dương không trung ương tập quyền chút nào. Những người lãnh đạo không gắn bó với nhau vì máu mủ mà vì sự tán đồng một chủ nghĩa chung. Quả thì xã hội của chúng ta phân tầng và phân tầng một cách rất khắt khe, thoạt nhìn tưởng theo phép cha truyền con nối. Sự di động giữa các đoàn thể khác nhau ít xảy ra hơn dưới thời tư bản hay cả dưới thời tiền kỹ nghệ. Giữa hai chi Đảng có một chút trao đổi nhưng chỉ vừa đủ để bảo đảm sự loại trừ kẻ yếu kém khỏi Đảng Trong, và sự vô hại hóa đảng viên Đảng Ngoài có tham vọng bằng cách cho họ lên chức. Trong thực hành, dân đen không được phép thi đậu vào

Đảng. Những người có khiếu nhất trong đám họ, có thể biến thành ổ bất mãn, bị Cảnh Sát Tư Tưởng điểm mặt và trừ khử, thế thôi. Nhưng sự thể này không nhất thiết phải vĩnh viễn, và cũng không phải là một vấn đề nguyên tắc. Đảng không phải là một giai cấp theo nghĩa xưa. Đảng không nhằm truyền quyền cho con cái mình vì chúng là con cái; và nếu không có cách nào khác để giữ những người có khả năng nhất nơi tốt đình, Đảng rất sẵn sàng tuyển lựa cả một thế hệ mới từ hàng ngũ dân đen. Trong những năm mấu chốt, sự Đảng không phải là một tổ chức di truyền đã có công dụng làm tê liệt phe đối lập. Thứ đảng viên xã hội cũ, được huấn luyện để chống đối cái gọi là “đặc quyền giai cấp”, tin rằng cái gì không được di truyền không thể bền lâu. Họ không hiểu rằng sự liên tục của một nhóm trùm đầu không cần có thể chất, họ không ngẫm rằng các giới quý tộc kế tập luôn luôn chóng tàn, trong khi những tổ chức dưỡng tuyển như giáo hội Gia Tô kéo dài có khi cả trăm hay nghìn năm. Bản chất của phép quả đầu (oligarchical) không phải là sự cha truyền con nối mà là sự dai dẳng của một thế giới quan và một lối sống do người chết áp người sống phải theo. Một nhóm chỉ đạo còn là một nhóm chỉ đạo nếu chỉ định được kẻ kế vị. Đảng không lo lưu truyền máu mủ của mình mà lo lưu truyền chính mình. Ai là kẻ nắm quyền không quan trọng, miễn cơ cấu đẳng cấp vẫn y nguyên.

Mọi tín ngưỡng, tập tục, sở thích, cảm xúc, thái độ tinh thần đặc trưng của thời chúng ta thực ra có phận sự giữ vững sự thần bí của Đảng và ngăn sự nhận thức thực chất của xã hội ngày nay. Hiện giờ sự phản kháng cụ thể hay bất cứ động tác chống đối sơ khởi nào cũng không thể có được. Từ dân đen không có

gì đáng ngại. Để mặc họ yên, họ sẽ tiếp tục làm việc, sinh sản rồi chết, hết thế hệ này đến thế hệ kia, từ thế kỷ trước sang thế kỷ sau, không những không có xung lực phản kháng mà còn không có tư cách hiểu rằng thế giới có thể có bộ mặt khác. Họ chỉ có thể trở thành nguy hiểm nếu sự tiến bộ kỹ thuật công nghiệp buộc phải nâng cao trình độ giáo dục của họ; nhưng vì sự tranh đua quân sự và thương mại không quan hệ nữa, trình độ giáo dục quần chúng hiện nay suy giảm. Quần chúng có hay không có quan niệm gì bị coi như không đáng kể. Có thể để cho họ có tự do tư tưởng vì họ không có trí tuệ. Trái lại, nơi Đảng viên, không thể dung thứ một sự lệch lạc quan điểm nhỏ nhặt về một vấn đề tầm phào nhất nào.

Đảng viên sống từ lúc sinh ra tới lúc chết dưới mắt của Cảnh Sát Tư Tưởng. Ngay khi họ ở một mình, họ không bao giờ chắc được họ có một mình. Dù ở đâu chẳng nữa, lúc ngủ hay lúc thức, khi làm việc hay nghỉ ngơi, trong bồn tắm hay trong giường, họ cũng có thể bị giám sát thình lình mà không được cảnh cáo và không được biết rằng mình đang bị dò xét. Tình giao hảo, thú giải trí, cách cư xử đối với vợ con, sắc mặt khi ở một mình, những lời lầm bầm trong giấc ngủ, cả những cử động đặc biệt của thân xác, việc gì của họ cũng bị quan sát tỉ mỉ. Không những bất cứ hành vi quá thật xấu nào của họ, mà bất cứ thái độ khác thường nào, dù nhỏ, bất cứ sự thay đổi thói quen nào, bất cứ điều bộ bối rối nào, có thể là triệu chứng của một cuộc chiến đấu nội tâm, đều chắc chắn bị điều tra ra. Họ không có tự do chọn lựa bất cứ chiều hướng gì. Mặt khác, hành vi của họ không được luật pháp hay một bộ qui lệ cư xử định chế rõ ràng. Tại Đại Dương không có luật lệ. Những tư tưởng hay hành

động chắc chắn đưa đến cái chết nếu bị bại lộ không bị chính thức cấm, và những cuộc thanh trừ vô tận, những vụ bắt bớ, tra tấn, bỏ tù và hóa hơi không bị bắt chịu như hình phạt của tội thực sự phạm phải, mà cốt tiêu diệt những kẻ có thể phạm tội khi nào đó trong tương lai. Đảng viên bắt buộc phải có không những lập trường đúng mà cả bản năng đúng. Nhiều tín điều và thái độ đòi hỏi nơi họ không bao giờ được tuyên bố trắng ra, và không thể phát biểu chúng mà không lột trần mâu thuẫn nội tại Anh Xã. Nếu Đảng viên là một kẻ chính thống tự nhiên (theo Ngôn Mới là một kẻ ý tốt), trong mọi trường hợp, không cần suy nghĩ, họ sẽ biết thế nào là lòng tin đúng hay cảm xúc mong muốn. Nhưng dù sao đi nữa, một sự huấn luyện tinh thần kỹ càng bắt đầu từ thuở thiếu thời tập trung quanh những danh từ Ngôn Mới như chặn tội, trắng đen, ý đôi, khiến họ không có khả năng suy nghĩ quá sâu xa về bất cứ vấn đề gì.

Đảng viên được trông đợi không có cảm xúc riêng tư và không ngót hăng hái. Họ được kể như sống trong một sự cuồng nhiệt liên tục của hận thù đối với quân ngoại địch và nội phản, của niềm hân hoan chiến thắng, của sự tự hạ trước uy quyền và óc khôn ngoan của Đảng. Những sự bất mãn gây ra bởi nếp sống tro trụi không thỏa ý của họ được quyết tâm hướng ra ngoài và được làm tan biến nhờ những kỹ xảo như Hai Phút Hận Thù, và những lập luận có thể đưa đến một thái độ ngờ vực hay phản nghịch bị bóp chết trước nhờ kỷ luật nội tâm sớm luyện đạt của họ. Chẳng kỷ luật đầu tiên và đơn giản nhất, có thể được dạy cho trẻ nhỏ, có tên là chặn tội theo Ngôn Mới. Chặn tội chỉ năng khiêu dùng bật, như thể do linh tính, trước ngưỡng cửa của một tư tưởng nguy hiểm. Nó bao gồm khả năng không tóm

lấy những sự tương tự, không nhận thấy những sự sai lầm luận lý, không hiểu những lý lẽ giản dị nhất nếu chúng nghịch với Anh Xã, và chán ngán hay ghét bỏ bất cứ dòng tư tưởng nào có thể dẫn đến một hướng tà thuyết. Chặn tội, tóm lại, chỉ sự đàn độn tự vệ. Nhưng ngu độn không đủ. Ngược lại, sự chính thống theo toàn nghĩa đòi hỏi một sự kềm chế diễn trình tư tưởng cá nhân trọn vẹn như sự kềm chế thân xác của người làm trò nhào lộn vận vẹo. Xã hội Đại Dương tận cùng dựa trên niềm tin Bác có sức vạn năng và Đảng không thể lầm lẫn. Nhưng vì thực ra Bác không có sức vạn năng và Đảng có lầm lẫn, cần có một sự uyển chuyển dẻo dai từng giây từng phút trong việc bàn giải sự kiện. Bí quyết đây là trắng đen. Như nhiều danh từ Ngôn Mới, chữ này đồng thời có hai nghĩa trái ngược nhau. Áp dụng cho kẻ đối nghịch, nó chỉ cái thói trâng tráo nói đen thành trắng ngược với sự thể hiển nhiên. Áp dụng cho một Đảng viên nó chỉ một ý chí chính trực nói trắng thành đen khi kỷ luật Đảng đòi hỏi. Nhưng nó cũng chỉ khả năng tin rằng đen là trắng, và hơn nữa, biết rằng đen là trắng và quên đi sự mình đã từng tin ngược lại. Điều này đòi hỏi một sự xuyên tạc quá khứ liên tục thực hiện được nhờ hệ thống tư tưởng bao gồm mọi thứ được mệnh danh là ý đòi trong Ngôn Mới.

Sự xuyên tạc quá khứ cần thiết vì hai lý do, trong đó có một lý do phụ, có thể nói là phòng ngừa. Lý do phụ là sự Đảng viên cũng như dân đen chịu đựng cảnh hiện tại một phần vì họ không có tiêu chuẩn để so sánh. Họ phải bị cất khỏi quá khứ, hết như họ phải bị cúp khỏi các nước ngoài, vì họ cần phải tin rằng họ sướng hơn tổ tiên họ, rằng mức tiện nghi vật chất trung bình luôn luôn lên cao. Nhưng lý do quan trọng hơn nhiều của

sự tu chính quá khứ là nhu cầu bảo vệ sự không thể lầm lẫn của Đảng. Không những chỉ vì các bài diễn văn, các bản thống kê, các tài liệu đủ loại luôn luôn cần được cập nhật hóa với mục đích chứng tỏ rằng các dự đoán của Đảng lúc nào cũng đúng. Mà cũng vì không bao giờ một sự thay đổi trong chủ thuyết hay đường lối chính trị nào có thể được chấp nhận. Bởi đối ý hay đối chính sách là thú nhận sự kém cỏi. Nếu ví dụ, Âu Á hay Đông Á (nước nào cũng được) là kẻ thù hôm nay, nước đó phải mãi mãi là kẻ thù. Và nếu sự kiện nói khác thì sự kiện phải bị sửa đổi. Thành thử lịch sử luôn luôn bị viết lại. Sự giả mạo hàng ngày quá khứ này, do Bộ Sự Thật đảm trách, cần thiết cho sự vững chắc của chế độ chẳng kém việc đàn áp và dò thám của Bộ Tình Yêu.

Tính đổi thay của quá khứ là trung căn của Anh Xã. Theo lập cú, những sự kiện xảy ra trong quá khứ không có sự hiện hữu khách quan, chỉ tồn tại trong văn kiện hay ký ức con người. Quá khứ là điều gì tài liệu và ký ức đều thừa nhận. Và vì Đảng có toàn quyền kiểm soát mọi tài liệu cũng như toàn quyền kiểm soát trí óc Đảng viên, do đó quá khứ là điều gì Đảng khiến vậy. Kết quả cũng là mặc dầu quá khứ bị sửa đổi, nó không bao giờ biến chất trong bất cứ trường hợp nào. Vì khi nó đã được tái tạo dưới bất cứ hình thức nào theo nhu cầu đương thời, thuyết mới là quá khứ, và không một quá khứ nào khác đã từng được có bao giờ. Luận điệu này vẫn vững ngay khi, như thường xảy ra, cùng một sự kiện bị sửa đi sửa lại nhiều lần trong năm đến nỗi không thể nhận ra được. Lúc nào Đảng cũng nắm trong tay sự thật tuyệt đối, và hiển nhiên sự tuyệt đối không bao giờ khác nay. Ta sẽ thấy rằng sự kiểm soát quá khứ trên hết tùy thuộc sự huấn

luyện trí nhớ. Khiến chắc mọi văn kiện trùng hợp với sự chính thống nhất thời chi là một hành động máy móc. Còn cần phải nhớ rằng sự kiện đã xảy ra theo cách muốn. Và nếu cần phải sắp lại kỷ niệm hay sửa lại văn kiện, cũng cần phải quên mình đã làm vậy. Phép quên đó có thể học được như bất cứ thuật tinh thần nào khác. Nó được luyện bởi phần lớn Đảng viên, và chắc chắn bởi hết những kẻ vừa thông minh vừa chính thống. Theo Ngôn Cũ nó được gọi một cách trắng trợn là “kiểm soát thực tế”. Theo Ngôn Mới nó là ý đôi, tuy ý đôi có nghĩa rộng hơn thế.

Ý đôi chỉ khả năng giữ đồng thời trong tâm trí hai niềm tin trái nghịch nhau và chấp nhận cả hai. Nhà trí thức của Đảng biết kỷ ức của mình phải biến đổi theo chiều hướng nào; do đó họ biết họ đùa với thực tế, nhưng nhờ thi triển ý đôi họ cũng tự an lòng đã không xúc phạm thực tế. Quá trình này phải được ý thức kéo không được thực hành với đủ chính xác, nhưng nó cũng cần sự vô ý thức kéo mang theo mặc cảm giả dối và tội lỗi nối tiếp. Ý đôi nằm ngay trong lòng Anh Xã, và tác động cốt yếu của Đảng là vừa sử dụng tình lừa bịp có ý thức vừa lưu giữ sự bền chí đi đôi với tính trung thực trọn vẹn. Cố ý nói dối trong khi tin thực vào lời nói dối, quên đi bất cứ sự kiện nào đã trở thành bất tiện, rồi, khi lại thấy cần, lôi sự kiện đó ra khỏi quên lãng đúng đủ thời gian cần thiết, chối bỏ sự hiện hữu của thực tế khách quan đồng thời kể đến thực tế do mình chối bỏ - toàn quá trình đó là một sự tất yếu nhất thiết. Ngay lúc dùng từ ý đôi cần phải thi triển ý đôi. Vì sử dụng từ đó tức là công nhận mình gian lận với thực tế; nhờ một sự thực hành ý đôi mới, có thể xóa bỏ sự hiểu biết này, và cứ như vậy mãi mãi với sự dối trá đi trước sự thật một bước. Tận cùng nhờ ý đôi Đảng đã có thể - và có lẽ, theo

như ta biết, tiếp tục có thể trong hàng ngàn năm - khiến dòng lịch sử ngưng đọng.

Mọi quả đầu chế trong quá khứ đã mất quyền, hoặc vì bị cốt hóa, hoặc vì trở nên nhu nhược. Hoặc họ đâm ngu độn và ngạo nghễ, không biết tự sửa cho hợp với biến cảnh rồi bị lật đổ; hoặc họ đâm cỏi mủ và nhút nhát, nhượng bộ khi phải dùng vũ lực, rồi cũng bị lật đổ. Có thể nói, họ bị hạ hoặc bởi sự có ý thức, hoặc bởi sự vô ý thức. Thành quả của Đảng là đã dựng lên một hệ thống tư tưởng trong đó cả hai điều kiện có thể cùng tồn tại. Và nền thống trị của Đảng, muốn vĩnh cửu, không thể dựa trên một căn bản tinh thần khác. Nếu muốn cai trị và tiếp tục cai trị phải biết phân tán óc thực tế. Bởi bí quyết của sự cầm quyền là phối hợp niềm tin nơi tính vô quá của chính mình với khả năng rút bài học từ những lầm lỗi qua.

Chẳng cần phải nói, những kẻ xử dụng ý đôi một cách tinh tế nhất là những kẻ đã sáng chế ra ý đôi và biết nó là một hệ thống gian lận tinh thần rộng lớn. Trong xã hội chúng ta, những kẻ biết nhiều nhất những sự xảy ra cũng là những kẻ ít thấy rõ nhất thực trạng của thế giới. Thông thường, sự hiểu biết càng rộng, ảo tưởng càng lớn; càng thông minh, càng loạn trí. Một bằng chứng hiển nhiên là óc cuồng chiến tăng cường độ với sự thăng tiến trên bậc thang xã hội. Những kẻ có thái độ gần như hợp lý nhất đối với chiến tranh là những dân bị đô hộ tại các vùng đất tranh giành. Trong quan điểm họ, chiến tranh chỉ là một tai họa liên tục quét đi quét lại tẩm thân họ như thể một đợt sóng triều. Phe nào thắng hay bại là một vấn đề hoàn toàn dùng dưng đối với họ. Họ thừa hiểu rằng một sự thay đổi bá chủ chỉ có nghĩa là họ sẽ làm việc y như trước cho chủ mới

và chủ mới sẽ đối xử với họ y hệt chủ cũ. Đám dân lao động được ưu đãi hơn một chút mà chúng ta gọi là “dân đen” chỉ có ý thức từng con về chiến tranh. Khi cần có thể dồn họ vào con cuồng hải và cuồng hận, nhưng được dễ yên, họ có thể quên bằng thật lâu sự đang hiện hữu của chiến tranh. Chỉ trong hàng ngũ của Đảng, và trên hết tại Đảng Trong, mới thấy được lòng hăng hái say chiến tranh thực sự. Sự chinh phục thế giới được tin chắc vào nhất bởi những kẻ biết không thể đạt được nó. Mối liên lạc đặc biệt của hai nghịch trạng - sự hiểu biết với sự ngu xuẩn, sự vô luân với sự cuồng tín - là một trong những điểm đặc trưng của xã hội Đại Dương. Chủ thuyết chính thức đầy rẫy mâu thuẫn ngay khi không có lý do thực tiễn khiến phải mâu thuẫn. Nên chi, Đảng bác bỏ và chê bai mọi nguyên tắc do phong trào xã hội khởi xướng, nhưng Đảng chọn làm như vậy nhân danh thuyết xã hội. Đảng giảng dạy một sự khinh khi dân lao động chưa từng thấy qua các thế kỷ, nhưng Đảng bắt Đảng viên mặc một bộ đồng phục có thời dành riêng cho dân thợ thuyền và vì lẽ đó được chấp nhận. Đảng triệt để ngấm phá tình đoàn kết trong gia đình, nhưng Đảng gọi vị lãnh đạo của mình bằng một tên trực tiếp nhắc đến lòng trung đối với gia đình. Ngay cả tên của bốn Bộ cai trị chúng ta cũng phô bày một tính tráo tráo trong sự cố ý đảo lộn sự tinh. Bộ Hòa Bình liên hệ với chiến tranh, Bộ Sự Thật với sự dối trá, Bộ Tình Yêu với sự tra tấn và Bộ Sung Túc với sự đói kém. Những mâu thuẫn trên không ngẫu nhiên mà cũng không là kết quả của tính giả dối thường tình, đó là những sự quyết tâm thực hành ý đòi. Bởi phải dung hòa các mâu thuẫn mới giữ vững được quyền hành. Không thể phá vỡ được chu trình cũ bằng cách nào khác. Nếu muốn tránh hẳn

sự bình đẳng giữa con người - nếu Thượng Lưu, như ta gọi giới cầm đầu, muốn giữ mãi mãi địa vị của mình - thì điều kiện tinh thần át trội phải là trạng thái điên loạn kiểm chế.

Nhưng có một câu hỏi mà cho tới lúc này chúng ta gần như bỏ qua. Đó là tại sao lại phải tránh sự bình đẳng giữa con người? Cho là cơ chế quá trình đã được mô tả đúng, đâu là động cơ của sự cố gắng lớn lao có kế hoạch kỹ càng hòng làm ngưng đọng lịch sử tại một đặc điểm thời gian ấy?

Đây chúng ta đụng phải điều bí mật trọng yếu. Như chúng ta đã thấy, tính thần bí của Đảng, và trên hết của Đảng Trong, tùy thuộc ý đôi. Nhưng nằm sâu hơn ở dưới là động cơ nguyên thủy, cái bản năng không bao giờ bị đặt thành vấn đề đã đầu tiên đưa đến sự giành quyền và mang lại ý đôi, Cảnh Sát Tư Tưởng, chiến tranh liên tục, và các trò tạp nhạp cần thiết khác. Động cơ đó thật ra là...

Winston chợt nhận thức sự im lặng như người bỗng để ý đến một âm thanh mới. Anh có cảm tưởng Julia im tiếng từ khá lâu. Nàng nằm nghiêng, cõn trần từ eo trở lên, má gối trên tay, một lọn tóc đen phủ xòa xuống mắt. Ngực nàng phập phồng chậm chạp và đều đặn.

“Julia.”

Không có tiếng trả lời.

“Julia, em còn thức không?”

Không có trả lời. Nàng đã ngủ. Anh đóng sách lại, đặt nó cẩn thận trên sàn, nằm xuống và kéo khăn phủ giường lên trên hai người.

Anh nghĩ rằng anh vẫn chưa biết điều bí mật cuối cùng là

gì. Anh hiểu như sau; nhưng anh không hiểu tại sao. Chương I cũng như chương III thực ra không cho anh biết điều gì anh chưa biết, nó chỉ hệ thống hóa sự hiểu biết sẵn có của anh. Nhưng đọc nó xong anh hiểu rõ hơn trước anh không điên. Thuộc về một thiểu số, dù là một thiểu số có một người, không có nghĩa là điên. Có sự thật và sự không thật, và nếu mình bám vào sự thật dù là chống lại toàn thể thế giới, mình không điên. Một ánh vàng từ mặt trời xé tàn len qua cửa sổ rớt xuống gối. Anh nhắm mắt lại. Mặt trời trên mặt anh và tấm thân mịn màng của cô gái sát người anh gây trong anh một cảm giác mạnh mẽ, êm ru và tự tin. Anh được an toàn, mọi sự tốt đẹp. Anh vừa thiếp đi vừa lẩm bẩm: “Trí lành mạnh không thuộc sự thống kê,” với cảm tưởng nhận xét này chứa đựng một đạo lý sâu xa.

Khi anh tỉnh dậy anh có cảm giác anh đã ngủ một giấc dài, nhưng một cái liếc vào chiếc đồng hồ cũ kỹ cho anh biết mới có hai mươi giờ ba mươi. Anh nằm ngủ gà một lúc; rồi tiếng hát to vang thường lệ vọng từ dưới sân lên:

*Đó chỉ là một giấc mơ vô vọng,
Thoáng qua như một ngày xuân,
Nhưng một cái nhìn, một tiếng nói với mộng vàng theo đó
Đã cướp đi mất trái tim tôi!*

Bài hát lẩm cẩm có vẻ vẫn được ưa chuộng. Vẫn nghe thấy nó khắp nơi. Nó sống lâu hơn bản Hận Ca. Julia thức dậy với tiếng hát, khoan khoái vươn mình rồi ra khỏi giường.

“Em đói,” nàng nói. “Mình làm thêm một ít cà phê đi. Chết chưa? Bếp tắt rồi và nước lạnh nguyên.” Nàng nhắc bếp dầu lên lửa. “Hết dầu bên trong.”

“Anh nghĩ thường mình có thể xin già Charrington một ít.”

“Lạ là em đã canh chừng cho bếp đầy dầu. Em phải mặc áo quần vào mới được,” nàng nói tiếp. “Trời có vẻ lạnh hơn.”

Winston cũng đứng dậy mặc quần áo. Tiếng hát không biết mệt tiếp tục:

*Người ta nói thời gian hàn mọi sự,
Người ta nói mình luôn luôn quên được;
Nhưng nụ cười với nước mắt bao năm
Vẫn quặn đau phím sợi cõi lòng tôi.*

Anh vừa buộc thắt lưng trên bộ áo liền quần vừa bước ra cửa sổ. Mặt trời chắc đã lặn sau dãy nhà; nó không còn chiếu xuống sân nữa. Các hòn đá lát ướt như thể chúng đã được lau rửa, và anh có cảm tưởng trời cũng đã được rửa vì màu xanh giữa các ống khói quá tươi lạt. Người đàn bà đi qua đi lại không thấy mệt, miệng hết ngậm lại há, khi hát khi im, lấy tã phơi thêm, càng lúc càng nhiều. Anh tự hỏi không hiểu bà ta giặt giũ vì kể sinh nhai hay bà chỉ làm nô lệ cho hai ba chục đứa cháu nhỏ. Julia đã đến cạnh anh, cả hai như bị thôi miên nhìn xuống thân hình vạm vỡ dưới sân. Ngó người đàn bà trong giáng điệu đặc biệt của bà ta, với đôi cánh tay ụ giương lên phía dây tã, với bộ mông lực lưỡng như mông ngựa, lần đầu tiên anh bỗng thấy bà ta đẹp. Trước đây anh chưa bao giờ nghĩ rằng thân thể một người đàn bà cỡ năm mươi tuổi, sỗ sễ tới mức quái đản vì sinh đẻ, bị chai cứng và sần sùi vì việc nặng đến độ phát thô tận thớ giống như một củ cải quá chín, lại có thể đẹp được. Nhưng sự thể là vậy, và lại, anh nghĩ, sao lại không được? Tắm thân rắn chắc không đường cong y như một tảng đá hoa cương, và làn da ráp đỏ, so

với thân hình của một cô gái tựa như quả cây hoa hồng sánh với hoa hồng. Tại sao lại coi quả kém hoa?

“Bà ta đẹp,” anh lẩm bẩm.

“Để chừng mong bà ta đo được một thước,” Julia nói.

“Đấy là kiểu sắc đẹp của bà ta,” Winston đáp.

Anh vòng tay dễ dàng quanh tấm eo mảnh dẻ của Julia. Từ háng tới đầu gối, hông của nàng cọ sát người anh. Từ thân thể họ sẽ không nảy ra một đứa nhỏ nào. Đó là điều đáng kể họ không bao giờ làm được. Họ chỉ có thể truyền điều bí mật bằng lời nói, từ tâm trí này qua tâm trí kia. Người đàn bà dưới sân không có tâm trí, bà ta chỉ có đôi cánh tay vạm vỡ, một trái tim đầy nhiệt tình, và một cái bụng mẫn đề. Anh tự hỏi bà ta đã sinh được bao nhiêu con. Dễ thường mười lăm người. Bà ta đã từng có kỳ thanh sắc khai hoa nhất thời của đóa hồng dại, trong khoảng một năm, xong bà ta đã bỗng phình lên như một trái cây màu mỡ, và đâm cứng đỏ thô, để rồi đời sống của bà toàn là giặt giũ, kỳ cọ, vá mạng, bếp nước, quét dọn, lau chùi, gắn sữa, cọ chải, giặt giũ, trước là cho con, sau là cho cháu, suốt ba mươi năm liền. Rốt cuộc bà ta vẫn còn hát. Lòng tôn kính của anh đối với bà lẫn trộn sao đó với cảnh trời lạt không mây duỗi trên không gian vô tận sau các ống khói. Kể cũng lạ khi nghĩ rằng trời y hệt đối với mọi người, tại Âu Á hay ở Đông Á cũng như tại nơi đây. Và dưới bầu trời, dân chúng cũng thật y nhau - khắp nơi, khắp thế giới, hàng trăm ngàn triệu người như thế cả, những người không biết đến sự hiện hữu của nhau, bị ngăn cách nhau bởi bức tường thù hận và đối trá, tuy gần giống nhau như lột - những người dân không bao giờ học nghĩ nhưng tích trữ trong trong tim gan thối cái sức mạnh sẽ có ngày

đảo lộn thế giới. Nếu có hy vọng, nó nằm nơi dân đen! Không cần đọc đoạn kết của quyển sách, anh biết đó phải là lời ủy thác cuối cùng của Goldstein. Tương lai thuộc về dân đen. Liệu anh có chắc rằng, khi thời đến, thế giới do họ xây dựng sẽ không xa lạ đối với anh, Winston Smith, chẳng kém gì thế giới của Đảng không? Có chứ, vì ít nhất nó sẽ là một thế giới lành mạnh. Nơi nào có sự bình đẳng, có thể có sự lành mạnh. Chẳng sớm thì muộn, chuyện đó sẽ xảy ra, sức mạnh sẽ biến thành ý thức. Dân đen bắt tù, không thể nghi ngờ điều này được khi nhìn vào dáng vóc kiên cường dưới sân. Tận cùng giờ thức tỉnh của dân đen sẽ đến. Và cho tới khi đó, dù phải một nghìn năm nữa, họ sẽ giữ mình sống sót chống mọi vận rủi, như thể chim muông, truyền cho nhau từ thân xác này qua thân xác kia nguồn sinh lực mà Đảng không dự chia được và cũng không sao diệt nổi.

“Em còn nhớ con chim chích chòe hát cho chúng mình hôm đầu tiên đó không, tại ven rừng ấy?” anh hỏi.

“Nó không hát cho chúng mình,” Julia cãi. “Nó hát để tự chiều nó. Không phải thế nữa. Nó chỉ hát, thế thôi.”

Chim hát, dân đen hát, Đảng không hát. Khắp quanh thế giới, Tại Luân Đôn hay Nữ Uớc, ở Phi Châu hay Ba Tây, tại những đất cấm bí ẩn bên kia biên giới, ngoài phố Ba Lê hay Bá Linh, tại các làng trên đồng bằng Nga vô tận, trong các tiệm tạp hóa ở Trung Hoa và Nhật Bản - khắp nơi đứng sừng một bóng người vững chắc không thể khắc phục được, một hình thù trở thành quái dị vì làm lụng và thai nghén, cực nhọc từ ngày sinh đến lúc chết, nhưng vẫn hát. Từ những bộ hông mạnh mẽ đó một giọng người có ý thức sẽ có ngày ra đời. Minh là kẻ chết, tương lai thuộc về họ. Nhưng mình có thể tham dự tương lai đó nếu

minh biết bảo tồn tinh thần như họ duy trì thể xác, và lưu truyền án lý mật bảo rằng hai cộng hai là bốn.

“Minh là kẻ chết,” anh nói.

“Minh là kẻ chết,” Julia ngoan ngoãn lặp lại.

“Các người là kẻ chết,” một giọng đánh thép cất tiếng đằng sau họ.

Họ nhảy xa nhau. Ruột Winston như băng lại. Anh có thể thấy lòng trắng bao quanh mống mắt Julia. Mặt nàng quay vàng súa. Vết phấn đỏ còn điểm má nàng bật hẳn lên làm như chúng không dính liú gì với làn da ở dưới.

“Các người là kẻ chết,” giọng đánh thép nhắc lại.

“Ồ đằng sau bức tranh,” Julia nói như thờ.

“Ồ đằng sau bức tranh,” giọng kia nhái. “Đứng yên tại chỗ! Không được đụng đây trước khi có lệnh!”

Sự đã đến, cuối cùng sự đã đến! Họ không thể làm gì được hơn là đứng nhìn vào mặt nhau. Chạy trốn, ra khỏi nhà trước khi quá muộn - không một ý nào tương tự hiện qua óc họ. Không thể tưởng tới việc bất tuân giọng đánh thép từ tường vọng ra. Có tiếng cách như thể một chốt cửa bị vặn ngược và có tiếng kính vỡ. Bức tranh rớt xuống đất để lộ ra chiếc máy truyền hình đằng sau.

“Bây giờ chúng nhìn thấy được mình,” Julia nói.

“Bây giờ chúng ta nhìn thấy được các người,” giọng nói tiếp lời. “Đứng ra giữa phòng. Xây lưng lại nhau. Khoanh tay sau đầu. Không được đụng vào nhau.”

Họ không đụng vào nhau, nhưng anh tưởng như cảm thấy được sự run rẩy của thân thể Julia. Hay có lẽ đó chỉ là sự run rẩy của chính người anh. Anh có đủ sức ngăn được rằng anh khỏi

đánh lập cập, nhưng anh không kiểm chế nổi đầu gối anh. Có tiếng giấy ống thỉnh thoảng ở dưới, trong nhà và ngoài nhà. Sân hình như đầy người. Có vật gì bị kéo lê trên đá lát. Tiếng hát của người đàn bà đã vụt tắt. Có tiếng lẫn ầm ầm dài như thể chậu giặt bị quăng qua sân, rồi có tiếng gập dờ hỗn độn kết cục bằng một tiếng kêu đau đớn.

“Nhà bị vây,” Winston nói.

“Nhà bị vây,” giọng nói lặp lại.

Anh nghe thấy Julia nghiêng răng lại: “Em nghĩ mình nên từ già nhau đây cho phải,” nàng nói.

“Các người từ già nhau đi là đúng,” giọng nói tiếp lời. Rồi một giọng nói khác hẳn, một giọng nhẹ, có học, mà Winston có cảm tưởng đã nghe được trước đây, xen vào; “Và nhân tiện, đương lúc còn câu chuyện, “Đây là cây nến để đưa anh đi ngủ, đây là thanh đao để chém cái đầu anh.”!”

Có vật gì đập vào giường sau lưng Winston. Đầu một cái thang được ném qua cửa sổ đã chạm phải khung giường. Có người chèo qua lối cửa sổ. Có tiếng giấy ống giẫm trên cầu thang. Căn phòng đầy đàn ông lực lưỡng mặc đồng phục đen, chân đi giày ống bít sắt, tay cầm dùi cui.

Winston không còn run rẩy nữa. Ngay mắt, anh cũng không chớp mấy. Chỉ có một điều hệ trọng: giữ bình tĩnh, giữ bình tĩnh, không cho chúng có để đánh mình! Một tên có bộ quai hàm nhẵn của võ sĩ quyền thuật trên đó cái miệng chỉ là vết gạch, ra đứng trước mặt anh, lắc lư dùi cui giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ với một vẻ dăm chiêu. Winston bắt gặp mắt hắn. Cảm tưởng như ở trường, với tay để sau đầu và mặt mũi cùng thân thể phơi ra đó, gần như quá sức chịu đựng. Tên võ sĩ lẽ

đầu một cái lưỡi trắng ra liếm chỗ đáng nhẽ là môi hắn, rồi bước qua mặt anh. Có một tiếng ầm khác. Có kẻ đã nhấc tấm chặn giấy thủy tinh lên khỏi bàn và đập nó tan thành mảnh trên đá lò.

Mảnh san hô, một vật uốn hồng nhỏ bé như một nụ hồng bằng đường gắn trên bánh ngọt, lăn qua tấm chùi chân. Nó nhỏ bé làm sao, Winston nghĩ, nó vẫn nhỏ bé làm sao! Có tiếng hỗn hển và tiếng đấm đặng sau anh, và anh bị đá mạnh vào đầu gối suýt mất thăng bằng. Một tên đàn ông đã đấm vào nhật tùng Julia (solar plexus), làm nàng gấp người lại làm hai như một cái thước kẻ bỏ túi. Nàng dẫy dựa trên sàn cố lấy lại hơi. Winston không dám quay đầu lại dù chỉ một ly nhỏ, nhưng thỉnh thoảng gương mặt tái mét hỗn hển của nàng hiện trong góc thị giác anh. Ngay trong cơn hãi hùng, cơ hồ anh cảm thấy đau đớn trong chính người anh, nhưng nỗi đau chết chết không khẩn cấp bằng sự tranh đấu lấy lại hơi. Anh biết thế là thế nào; nỗi đau đớn ghê gớm dồn dập vẫn nằm đó nhưng chưa được thấy đau vì trước hết phải thở được đã. Rồi có hai tên đàn ông nắm vai và đầu gối nàng kéo nàng dậy, lôi nàng như một cái bị ra khỏi phòng. Winston thoáng thấy mặt nàng rũ xuống, vàng và queo lại, đôi mắt nhắm nghiền, vết phấn đỏ vẫn nguyên trên má, và đó là hình ảnh cuối cùng của nàng mà anh được thấy.

Anh đứng chết lặng. Chưa ai đánh anh. Nhiều tư tưởng tự động nhưng hình như hoàn toàn vô tích sự bắt đầu xuyên qua óc anh. Anh tự hỏi không biết chúng đã bắt ông Charrington chưa. Anh tự hỏi chúng đã đối xử ra sao với người đàn bà ngoài sân. Anh thấy buồn đi tiểu hết sức, và hơi lạ vì anh mới đại hai ba giờ trước. Anh để ý thấy đồng hồ trên bàn suôi chỉ vào số chín, có nghĩa là hai mươi một giờ. Nhưng ánh sáng có vẻ quá

mạnh. Ánh sáng không giảm độ vào lúc hai mươi mốt giờ vào một buổi chiều tháng tám sao? Anh tự hỏi liệu anh và Julia đã nhầm giờ chẳng - đã ngủ cả thời gian kim đồng hồ quay tròn và nghĩ rằng bây giờ là hai mươi mốt giờ trong khi thực ra đã là tám giờ ba mươi sáng ngày hôm sau. Nhưng anh không nghĩ xa hơn. Không thú vị gì.

Có tiếng bước khác, nhẹ hơn, trong lối đi. Ông Charrington vào phòng. Bộ điều của mấy tên đàn ông mặc đồng phục đen bóng thuần hơn. Cũng có cái gì thay đổi trong dáng điệu của ông Charrington. Mắt ông nhìn vào những mảnh chặn giấy thủy tinh.

“Nhặt các mảnh kia lên!” ông nói xẵng.

Một tên cúi xuống tuân lệnh. Giọng nói bình dân đã biến mất; Winston chợt hiểu anh đã nghe thấy giọng nói của ai mấy lúc trước trong máy truyền hình. Ông Charrington vẫn mặc chiếc áo khoác nhung cũ, nhưng tóc ông, trước đây gần bạc, đã hóa ra đen. Thêm vào ông không còn đeo kính. Ông ta đưa mắt sắc bén nhìn Winston có một lần như để kiểm tra căn cước anh, rồi không thèm để ý đến anh nữa. Ông ta vẫn dễ nhận ra, nhưng không còn là người cũ nữa. Thân hình ông ta đã thẳng lại và có vẻ lớn hơn. Mặt ông ta thay đổi rất ít, song le những thay đổi nhỏ đã làm ông hóa dạng hẳn. Cặp lông mày đen ít rậm hơn, những nét nhăn đã biến mất, các nét mặt dường như đã khác biệt; ngay cả mũi trông như ngắn hơn. Đó là khuôn mặt lạnh lợi, lạnh lùng của một gã đàn ông chừng ba mươi nhăm tuổi. Winston sực nghĩ rằng lần thứ nhất trong đời anh, anh nhìn thấy và nhận ra một viên Cảnh Sát Tư Tưởng.

TRẠI SỨC VẬT

PHẠM MINH NGỌC dịch

Phạm Minh Ngọc dịch từ nguyên bản tiếng Anh, có tham khảo bản Nga văn của Лара Беспалова -2001г.

Lời tựa

Trại Súc Vật được in ở Anh ngày 17 tháng 8 năm 1945 và một năm sau thì được in ở Mĩ. Trước đó George Orwell đã cho xuất bản 9 đầu sách với tổng số bản in cả ở Anh và Mĩ là 195.500 cuốn. Sau chiến tranh thế giới thứ II do thiếu giấy nên số lượng bản in hạn chế, tuy vậy cho đến khi Orwell mất vào tháng giêng năm 1950 đã có tất cả 25.500 cuốn *Trại Súc Vật* được in ở Anh và 590.000 cuốn được in ở Mĩ. Điều đó nói lên thành công to lớn và ngay lập tức của tác phẩm. Sinh thời Orwell tác phẩm này đã được dịch ra tất cả các ngôn ngữ chính của châu Âu cũng như các thứ tiếng như Telugu (một dân tộc thuộc bắc Ấn Độ), Ba Tư, Aixlen và Ukraine. Sau hơn 50 năm kể từ lần xuất bản đầu tiên, tác phẩm đã được dịch ra 68 thứ tiếng trên thế giới và thường xuyên được tái bản. Trong lần bình chọn 100 tác phẩm hay nhất trong thế kỉ XX do nhà sách Random House tiến hành, *Trại Súc Vật* được xếp thứ 31.

Nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh của George Orwell chúng tôi xin giới thiệu *Trại Súc Vật*, một trong hai tác phẩm nổi tiếng nhất của ông với lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Ukraine do chính Orwell viết. Lời tựa này được Orwell viết bằng tiếng Anh (bản gốc đã bị thất lạc), theo đề nghị của người tổ chức

dịch thuật và phân phối tác phẩm này cho những người Ukraine chạy trốn chế độ Xô viết và sống trong các trại tạm cư do quân đội Anh và Mi thiết lập trên đất Đức. Lời tựa được dịch sang tiếng Ukraine dành cho lần xuất bản đầu tiên vào năm 1947, nhà sách Penguin Classic trong lần xuất bản năm 2000 đã cho dịch lại và in kèm với lời giới thiệu của Malcolm Bradbury.

Sau tác phẩm *Trại Súc Vật*, George Orwell còn viết một tác phẩm nổi tiếng 1984. Tác phẩm này nằm ở vị trí 13 trong bảng tổng sắp của nhà sách Randomhouse đã nói ở trên. Tin rằng một ngày gần đây tác phẩm bất hủ này cũng sẽ ra mắt độc giả tiếng Việt.

Phạm Minh Ngọc

Tôi được yêu cầu viết lời giới thiệu cho bản dịch tác phẩm *Trại Súc Vật* sang tiếng Ukraine. Tôi nhận thức rõ rằng tôi đang viết cho những độc giả mà tôi không có một chút hiểu biết nào và họ cũng chưa từng có cơ hội tìm hiểu tôi.

Trong lời giới thiệu chắc chắn các độc giả muốn tôi kể về quá trình sáng tác tác phẩm *Trại Súc Vật*, nhưng trước tiên tôi muốn tự kể về mình và những trải nghiệm đã dẫn tôi đến quan điểm chính trị hiện nay.

Tôi sinh năm 1903 tại Ấn Độ. Lúc đó cha tôi là một viên chức trong bộ máy hành chính Anh quốc ở đây, gia đình tôi thuộc tầng lớp trung lưu gồm các quân nhân, tu sĩ, viên chức chính phủ, giáo sư, luật sư, bác sĩ, v.v. Tôi tốt nghiệp trung học tại Eton, một trường công lập thuộc loại đắt nhất nước Anh thời đó. Nhưng tôi được vào học ở đây là do được nhận học bổng chứ cha tôi không thể có tiền để gửi tôi vào học những trường như thế.

Ngay sau khi thôi học (lúc đó tôi chưa đủ 20 tuổi) tôi đi Miến Điện và tham gia lực lượng cảnh sát Hoàng gia tại đây. Tôi làm ở đó năm năm. Việc này hoàn toàn không hợp với tôi, tôi trở nên căm ghét chủ nghĩa đế quốc mặc dù lúc đó tinh thần quốc gia ở Miến Điện chưa cao và quan hệ giữa người Anh và người Miến cũng chưa đến nỗi nào. Sau khi về lại Anh quốc vào năm 1927 tôi giải ngũ và bắt đầu viết văn: thời gian đầu không có thành công đáng kể nào. Trong những năm 1928-1929 tôi sống ở Paris, chuyên viết truyện ngắn và tiểu thuyết nhưng không có nhà xuất bản nào chịu in (tôi đã xé bỏ hết). Những năm sau đó tôi phải tay làm hàm nhai, đôi khi phải nhịn đói. Chỉ từ năm 1934 tới nay tôi mới sống được bằng ngòi bút. Trong thời gian này tôi đã sống nhiều tháng giữa những người nghèo khổ và bất hảo, ăn xin và ăn cắp tại những khu vực tồi tệ nhất của những khu phố nghèo. Lúc đầu tôi phải nhập bọn với họ vì không có tiền, nhưng sau này tôi lại rất thích lối sống đó. Tôi đã dành nhiều tháng trời để nghiên cứu đời sống thợ mỏ ở miền Bắc nước Anh. Cho đến năm 1930 nói chung tôi vẫn chưa phải là người theo trường phái xã hội. Thực ra tôi vẫn chưa xác định được quan điểm chính trị của mình. Tôi trở thành người theo trường phái xã hội vì căm thù cách người ta đàn áp và khinh thường tầng lớp công nhân công nghiệp nghèo khổ chứ không phải vì thán phục xã hội theo kế hoạch hoá về mặt về mặt lí luận.

Tôi lập gia đình năm 1936. Cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha nổ ra ngay trong những ngày đó. Hai vợ chồng tôi đều muốn đi Tây Ban Nha để chiến đấu cho chính phủ nước này. Chúng tôi sẵn sàng lên đường, sáu tháng sau đó, khi tôi viết xong cuốn sách mà tôi đã khởi sự từ trước. Tôi đã ở mặt trận Aragon gần

Huesca sáu tháng liền, cho đến khi bị một phát đạn bắn tia xuyên qua cổ.

Trong giai đoạn đầu của cuộc chiến những người ngoại quốc hoàn toàn không hiểu được cuộc đấu tranh giữa các đảng phái ủng hộ chính phủ Tây Ban Nha. Do một loạt sự tình cò, tôi không tham gia các Binh đoàn Quốc tế như đa số những người ngoại quốc khác mà chiến đấu trong hàng ngũ của lực lượng vũ trang POUM, đảng của những người theo phái Trotskyist Tây Ban Nha.

Vì vậy giữa năm 1947 khi những người Cộng sản nắm được quyền kiểm soát (hay một phần quyền kiểm soát) chính phủ Tây Ban Nha và bắt đầu săn đuổi những người Trotskyist thì cả hai vợ chồng tôi đều trở thành nạn nhân. Chúng tôi may mắn đi khỏi được Tây Ban Nha, thậm chí không bị bắt lần nào. Nhiều bạn bè của chúng tôi đã bị bắn bỏ, một số bị tù đầy nhiều năm, số khác thì mất tích.

Những cuộc săn người ở Tây Ban Nha xảy ra đồng thời với những cuộc thanh trừng vĩ đại ở Liên Xô. Thực chất những vụ thanh trừng ở Tây Ban Nha và ở Nga chỉ là một (gọi là âm mưu với bọn phát xít) và nếu nói về Tây Ban Nha thì tôi có đầy đủ cơ sở để tin rằng đấy là những vụ kết án oan. Qua đó tôi đã nhận được một bài học đắt giá: nó dạy tôi rằng bộ máy tuyên truyền của chế độ toàn trị dễ dàng lèo lái dư luận ở những nước dân chủ đến mức nào.

Hai vợ chồng tôi đã chứng kiến những người vô tội bị quăng vào nhà giam chỉ vì họ bị nghi là không theo đường lối chính thống. Khi trở về Anh chúng tôi thấy rất nhiều người thạo tin và nhạy bén tin vào những bản án kì quặc về âm mưu phản bội

và phá hoại do báo chí tường thuật từ những vụ án ở Moscow.

Và tôi thực sự hiểu ra ảnh hưởng tiêu cực của huyền thoại Xô viết đối với phong trào xã hội ở phương Tây.

Đến đây tôi xin dừng lại một chút để trình bày thái độ của tôi đối với chế độ Xô viết.

Tôi chưa đến thăm Nga bao giờ và hiểu biết của tôi về nước Nga chỉ là kiến thức do thu lượm được từ báo chí, sách vở. Ngay cả nếu có đủ sức tôi cũng sẽ không can thiệp vào công việc nội bộ của Liên Xô: tôi sẽ không kết án Stalin và các cộng sự của ông ta chỉ vì những phương pháp dã man và phi dân chủ của họ. Có thể là trong những điều kiện như thế, dù có muốn, họ cũng không thể hành động khác được.

Nhưng mặt khác đối với tôi điều cực kì quan trọng là nhân dân Tây Âu phải nhận rõ chế độ Xô viết như nó đang là. Từ năm 1930 tôi nhìn thấy rất ít bằng chứng là Liên Xô đang tiến đến cái có thể thực sự gọi là Chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, có những chỉ dấu rõ ràng rằng xã hội ấy đang chuyển hoá thành xã hội có tôn ti trật tự và những người cầm quyền, cũng như mọi giai cấp cầm quyền khác, chẳng thấy có lí do gì để rời bỏ quyền lực đã làm tôi choáng váng. Hơn nữa công nhân và trí thức ở những nước như Anh quốc lại không hiểu rằng Liên Xô hôm nay đã khác hẳn Liên Xô năm 1917. Một phần vì họ không chịu hiểu (nghĩa là họ muốn tin rằng có một nước xã hội chủ nghĩa quả thực đang tồn tại ở đâu đó), một phần vì họ quen với cuộc sống tự do và ôn hoà, họ không biết gì về chủ nghĩa toàn trị.

Cần phải nhớ rằng nước Anh chưa phải là nước hoàn toàn dân chủ. Đây vẫn là nước tư bản với những đặc quyền đặc lợi giai cấp (ngay cả bây giờ, sau cuộc chiến tranh có xu hướng làm

cho mọi người bình đẳng hơn) và sự chênh lệch gay gắt về tài sản. Nhưng dù sao ở đây người dân đã có cuộc sống không có những xáo trộn lớn suốt mấy trăm năm qua, luật pháp tương đối công chính, tin tức và số liệu của chính quyền có thể tin được và cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng là người ta có thể giữ và ủng hộ quan điểm của thiểu số mà không bị bất kì đe dọa chết người nào. Trong hoàn cảnh như vậy người ta không thể nào hiểu được những hiện tượng như trại tập trung, cưỡng ép di cư hàng loạt, bỏ tù không cần xét xử, kiểm duyệt báo chí, v.v. Tất cả những điều đọc được trên báo chí về những nước như Liên Xô được tự động phiên dịch sang các thuật ngữ của nước Anh và họ ngay thơ tin ngay những điều dối trá của bộ máy tuyên truyền của chế độ toàn trị đó. Cho đến năm 1939, và cả sau này nữa, đa số người Anh không hiểu được thực chất chế độ phát-xít ở Đức và nay họ cũng có ảo tưởng tương tự như vậy đối với Liên Xô.

Điều đó đặc biệt có hại đối với phong trào Xã hội Anh và gây hậu quả xấu đối với chính sách đối ngoại của nước Anh. Theo tôi, tin rằng nước Nga là nước xã hội chủ nghĩa và mọi hành vi của những người cầm quyền ở đó đều nên được tha thứ, nếu không nói là phải theo là sự phản bội đối với lí tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy trong mười năm gần đây tôi đã đi đến kết luận rằng việc phá tan huyền thoại Xô viết là việc làm vô cùng cần thiết nếu ta muốn tái sinh phong trào xã hội chủ nghĩa.

Ngay sau khi trở về từ Tây Ban Nha tôi đã nghĩ đến việc vạch trần huyền thoại Xô viết dưới dạng một câu chuyện dễ hiểu và dễ dịch sang các thứ tiếng khác. Nhưng chi tiết của câu chuyện vẫn chưa có, cho đến một hôm (khi đó tôi sống ở nông thôn)

tôi trông thấy một cậu bé, khoảng mười tuổi, đang đánh một chiếc xe ngựa to trên một con đường hẹp, cứ mỗi lần con ngựa định quay ngang là cậu bé lại ra roi. Trong đầu tôi bỗng loé lên ý nghĩ rằng nếu loài vật nhận thức được sức mạnh của chúng thì con người không thể nào còn điều khiển được chúng nữa và con người bóc lột loài vật cũng hết như các tầng lớp hữu sản bóc lột giai cấp vô sản vậy.

Tôi tiến hành phân tích học thuyết của Marx trên quan điểm của súc vật. Đối với loài vật thì rõ ràng là luận điểm về đấu tranh giai cấp giữa người với người chỉ là một sự lừa mị, vì mỗi khi cần bóc lột súc vật là tất cả mọi người lại đoàn kết với nhau để chống lại chúng: cuộc đấu tranh thực sự là cuộc đấu tranh giữa loài vật và loài người. Từ đây việc tạo ra tác phẩm không còn khó nữa. Tôi bận nhiều việc khác, không có thì giờ, cho nên mãi đến năm 1943 tôi vẫn chưa bắt đầu viết truyện này và cuối cùng tôi đã đưa thêm một số sự kiện, thí dụ như Hội nghị Teheran là sự kiện xảy ra trong thời gian tôi viết. Như vậy là đường hướng chính của câu chuyện đã nằm trong đầu tôi suốt sáu năm trước khi tôi thực sự đưa nó lên giấy.

Tôi không có ý bình luận tác phẩm, nếu tác phẩm không có súc thuyết phục thì có nghĩa là tác phẩm ấy đã thất bại. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh hai điểm: thứ nhất, mặc dù nhiều tình tiết được lấy từ lịch sử của cuộc Cách mạng Nga nhưng chúng chỉ có ý nghĩa tượng trưng và trật tự đã được thay đổi cho cân đối với cốt truyện. Điểm thứ hai thường bị các nhà phê bình bỏ qua, nguyên nhân có thể là vì tôi chưa nhấn đúng mức. Nhiều độc giả sau khi đọc xong có cảm tưởng rằng cuốn sách đã dừng lại ở sự hoà giải hoàn toàn giữa loài lợn và loài người. Nhưng đây

không phải là ý của tôi, ngược lại, tôi cố ý kết thúc ở chỗ chỉ rõ sự bất hoà, vì tôi viết chuyện này ngay sau Hội nghị Teheran, mọi người lúc đó đều nghĩ rằng Hội nghị này sẽ thiết lập một mối quan hệ tốt đẹp nhất có thể giữa Liên Xô và phương Tây. Cá nhân tôi không tin rằng quan hệ tốt đẹp đó có thể kéo dài được lâu, và như các sự kiện cho thấy, tôi đã không lầm.

Tôi không biết phải nói gì thêm nữa. Nếu độc giả nào quan tâm đến cá nhân tôi thì tôi xin nói thêm rằng tôi đã góa vợ, hiện tôi đang sống với con trai ba tuổi, tôi là nhà văn chuyên nghiệp nhưng từ khi bắt đầu cuộc chiến thì tôi làm việc chủ yếu như một phóng viên.

Tôi thường viết cho tờ *Tribune*, một tờ tuần báo đại diện cho phái tả của đảng Lao động. Các cuốn sách sau đây của tôi có thể được độc giả quan tâm: *Những ngày ở Miến điện* (câu chuyện về Miến điện), *Tưởng nhớ Catalonia* (viết về những trải nghiệm của tôi trong cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha) và tác phẩm *Phê bình* (các bài viết về văn học đương đại Anh, được viết chủ yếu từ quan điểm xã hội học hơn là quan điểm thuần túy văn chương).

1947

Ông Jones, chủ Điền Trang đóng cửa chuồng gà, nhưng vì say quá nên quên đóng cửa chuồng lợn. Với chiếc đèn bão trong tay, đứng đưa, khi sang phải, khi sang trái, ông lảo đảo đi qua sân, tới cửa sau thì lấy chân đạp ủng ra và bước vào bếp để uống nốt vại bia cuối cùng trong ngày rồi leo lên giường, nơi vợ ông, bà Jones đã ngáy khò khò.

Ngay khi đèn trong phòng ngủ vừa tắt, đây đó bỗng dậy lên những tiếng sột soạt, thì thào. Ngày hôm đó có tin đồn rằng Thủ Lĩnh, một con lợn đực trắng, từng được huy chương trong một cuộc triển lãm, đêm hôm trước có một giấc mơ kì lạ và muốn kể cho mọi loài cùng nghe. Chúng thoả thuận với nhau là ngay sau khi ông Jones đi ngủ sẽ tập trung trong nhà kho lớn. Tất cả các con vật trong trang trại đều kính trọng Thủ Lĩnh (chúng gọi nó như vậy, mặc dù khi đi dự triển lãm nó mang tên Willingdon Điền Trai) và sẵn sàng hi sinh giấc ngủ để được nghe nó nói chuyện.

Thủ Lĩnh ngồi trên một cái bục có nệm rom phía trong cùng nhà kho, dưới ánh sáng của chiếc đèn bão treo trên xà nhà. Nó đã mười hai tuổi, mặc dù thời gian gần đây có béo thêm, với những chiếc răng nanh thò cả ra, nhưng trông nó vẫn có

về tiên phong đạo cốt, phúc hậu. Những con khác bắt đầu lục tục kéo tới, mỗi con tìm một chỗ ngồi thuận lợi. Đầu tiên là ba con chó Bluebell, Jessie và Pincher, sau đó là lũ lợn; chúng ngồi trên đồng rom phía trước bực. Lũ gà leo lên bậu cửa sổ, đám bồ câu đậu trên rui mè, bọn bò và cừu nằm phía sau lũ lợn và bắt đầu công việc nhai lại của chúng. Hai con ngựa kéo xe tên là Chiến Sĩ và Bà Mập cùng vào, từ từ lại gần cái bực, trước mỗi bước chúng đều thận trọng quan sát để không giẫm bẹp một con thú nhỏ nào ở bên dưới lớp rom. Bà Mập, một con ngựa cái trung niên hiền lành, thân hình đã sồ sề vì bốn lần sinh nở. Chiến Sĩ, một con tuấn mã cao đến gần hai mét và khoẻ bằng hai con ngựa khác. Vì có một vết trắng dọc sống mũi nên trông nó có vẻ đần, thực ra cu cậu cũng không thuộc loại thông minh, nhưng bù lại, nó được các con khác tôn trọng vì tính kiên định và hay lam hay làm. Sau đó là đến con dê trắng tên là Mona và con lừa tên là Benjamin. Benjamin là con vật già nhất bọn, nhưng cũng là con xấu tính nhất. Benjamin ít nói, nhưng hở mồm miệng là y như rằng nó tìm cách giễu cợt, ví dụ có lần nó tuyên bố rằng Thượng Đế tạo cho nó cái đuôi để đuổi ruồi, nhưng giá đừng có cả đuôi lẫn ruồi thì còn thích hơn. Nó là con vật duy nhất không bao giờ cười. Nếu hỏi tại sao thì nó bảo: chẳng có lí do gì. Mặc dù vậy và tuy không nói ra nhưng nó rất trung thành với Chiến Sĩ, chủ nhật nào hai con cũng yên lặng gặm cỏ bên nhau ở bãi giữ ngựa phía sau khu vườn.

Hai con ngựa vừa nằm xuống thì bầy vịt con mỡ côi lao vào nhà kho, chúng vừa kêu chiếp chiếp khe khẽ vừa chạy loanh quanh, mong tìm một chỗ an toàn. Bà Mập lấy chân trước khoanh thành một khu cho chúng, lũ vịt con mau chóng chui vào

đó rồi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Ngay trước khi buổi nói chuyện bắt đầu thì Mollie, một ả ngựa cái dốt nát, màu trắng, chuyên kéo chiếc xe nhỏ của ông Jones, vừa đi vừa nhai một cục đường, mới ồng ẹo bước vào. Nó lập tức chiếm ngay vị trí phía trước cái bục và lắc lư bồm để mong những con khác chú ý đến dải ruy băng đỏ trang điểm trên đó. Cuối cùng là một con mèo, nó nhìn quanh và vẫn như mọi khi, cố tìm cho mình một chỗ thật ấm, rồi chen vào nằm giữa Chiến Sĩ và Bà Mập, chị chàng sung sướng phát ra những tiếng gừ... gừ... trong cổ họng, mặc Thủ Linh muốn nói gì thì nói.

Thế là tất cả các con vật trong Điền Trang đã có mặt đầy đủ, chỉ trừ con quạ Moses, nó ngủ trên hàng rào ngay bên ngoài cửa sau. Khi Thủ Linh thấy tất cả đã an vị và sẵn sàng lắng nghe thì húng hắng ho lấy giọng và bắt đầu:

“Thưa các đồng chí! Như các đồng chí đã biết, đêm qua tôi có một giấc mơ kì lạ. Nhưng tôi sẽ nói chuyện đó sau. Đầu tiên tôi muốn nói với các đồng chí một số việc hoàn toàn khác. Thưa các đồng chí, tôi nghĩ rằng tôi không ở lại với các đồng chí được bao lâu nữa, vì vậy tôi cho rằng trước khi chết mình phải có trách nhiệm chia sẻ với các đồng chí những kinh nghiệm mà tôi đã tích lũy được trong suốt cuộc đời mình. Tôi đã có một cuộc đời phải nói là dài và tôi đã suy nghĩ rất nhiều khi nằm một mình trong chuồng, tôi nghĩ rằng tôi có thể nói là tôi hiểu đời không thua bất kì con vật nào trên thế gian này. Đó là điều tôi muốn nói với các đồng chí.

Bây giờ, thưa các đồng chí, thực chất đời sống của chúng ta là gì? Chúng ta hãy nhìn thẳng vào sự thật. Cuộc đời của chúng ta là khổ sai, khốn nạn và yếu mệnh. Chúng ta sinh ra, chúng ta

được một khẩu phần vừa đủ để khỏi chết vì đói, những con nào có thể làm thì phải làm đến kiệt sức và khi không làm được nữa thì chúng ta bị giết một cách vô cùng dã man, tàn bạo. Không có con vật nào ở nước Anh này biết đến hạnh phúc và niềm vui ngay khi vừa tròn một tuổi. Không có con vật nào ở nước Anh này được tự do. Cuộc sống của loài vật là cuộc sống nghèo khổ và nô lệ: sự thật trần trụi là như thế đấy.

Nhưng đấy có phải là qui luật của tự nhiên không? Chả lẽ nước ta lại nghèo đến độ không nuôi nổi những động vật sống ở đây ư? Không, ngàn vạn lần không, thua các đồng chí. Đất Anh màu mỡ, thời tiết thuận hòa, thừa sức cung cấp thức ăn cho một số lượng động vật lớn hơn hiện nay rất nhiều. Chỉ nội cái trang trại của chúng ta đã có thể nuôi được một tá ngựa, hai chục bò, hàng trăm cừu và tất cả đều có thể sống trong tiện nghi và phẩm giá mà nay chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi. Thế thì tại sao chúng ta lại cứ tiếp tục sống trong điều kiện khốn nạn thế này? Bởi vì hầu như toàn bộ những gì chúng ta làm ra đều bị con người chiếm đoạt hết. Đây là nguyên nhân tất cả các vấn nạn của chúng ta. Nói ngắn gọn bằng một từ là: Con Người. Con Người là kẻ thù của chúng ta. Nếu không còn người nữa thì chúng ta vĩnh viễn sẽ không còn bị đói, không còn phải làm công việc khổ sai nữa.

Người là giống vật duy nhất chỉ ăn mà không làm. Người không làm ra sữa, không đẻ ra trứng, người không thể kéo cày, không chạy nhanh bằng thỏ. Nhưng nó lại là chủ của tất cả chúng ta. Nó bắt chúng ta làm việc, cướp lấy mọi thành quả lao động của chúng ta, chỉ cho chúng ta ăn vừa đủ để không chết đói mà thôi. Chúng ta phải cày bừa, phân chúng ta bón ruộng,

thế mà chúng ta có gì? Chẳng có gì ngoài da bọc xương. Các đồng chí bò đang ngồi trước mặt tôi đây, năm vừa qua các đồng chí cho bao nhiêu lít sữa? Thế số sữa mà đáng lẽ dùng để nuôi các chú bò con ấy đi đâu? Kẻ thù của chúng ta đã uống đến giọt cuối cùng. Còn các bạn gà, năm vừa qua các bạn đã đẻ bao nhiêu trứng, trong đó có bao nhiêu quả nở thành gà con? Lão Jones và gia nhân đã mang ra chợ bán lấy tiền hết rồi. Bà Mập, bốn đứa con của bà, niềm vui và chốn nương tựa lúc tuổi cao bóng xế của bà đâu rồi? Chúng đã bị đem bán khi vừa tròn một tuổi, bà sẽ không bao giờ được gặp lại chúng nữa. Một khẩu phần ăn chết đói và cái chuồng, công cho bốn lần vượt cạn cũng như công việc đồng áng của bà chỉ có thế mà thôi!

Nhưng dù khốn nạn như thế chúng ta cũng có được sống trọn tuổi trời đâu. Riêng tôi thì chẳng có gì phải phàn nàn, vì thực ra tôi đã gặp may. Năm nay tôi đã mười hai tuổi rồi, tôi có hơn bốn trăm đứa con. Trời đất sinh ra giống lợn là như thế. Nhưng cuối cùng thì cũng chẳng có con vật nào thoát khỏi lưỡi dao oan nghiệt. Tất cả các bạn lợn thịt đang ngồi trước mặt tôi đây, trong vòng một năm nữa tất cả các bạn sẽ phải từ già cỗi đòi trên tấm phản mổ. Tất cả chúng ta, bò, lợn, gà, cừu, không ai trong chúng ta tránh khỏi cái kết cục khủng khiếp đó. Số phận của loài ngựa và loài chó cũng chẳng tốt đẹp hơn. Đồng chí Chiến Sĩ nữa, ngay khi cơ bắp của đồng chí vừa yếu đi thì lão Jones sẽ bán đồng chí cho lão mổ ngựa, hắn sẽ cắt cổ đồng chí rồi hầm dừ cho lũ chó săn ăn. Những con chó già, rưng rưng sẽ bị lão Jones buộc một viên gạch vào cổ và quăng xuống hồ.

Thưa các đồng chí, chả lẽ các đồng chí không thấy rằng tất cả mọi khổ đau trong cuộc đời này của chúng ta chính là do

con người mà ra hay sao? Nếu chúng ta loại bỏ được Con Người thì mọi thành quả lao động của chúng ta sẽ thuộc về chúng ta. Nếu làm được thế thì chỉ sau một đêm chúng ta sẽ trở nên giàu có và tự do. Thế thì chúng ta phải làm gì? Làm việc, không kể ngày đêm, cả bằng sức mạnh và tài năng để lật đổ ách thống trị của loài người! Khởi nghĩa! Các đồng chí - đây là thông điệp của tôi. Tôi không biết khi nào thì cuộc Khởi Nghĩa sẽ xảy ra, có thể trong tuần tới, cũng có thể là một trăm năm nữa, nhưng tôi biết rõ, như tôi đang nhìn thấy những cộng rơm bên dưới chân tôi đây rằng sớm muộn gì rồi công bằng cũng sẽ được thiết lập. Các đồng chí hãy nghĩ đến điều đó trong suốt cuộc đời còn lại ngắn ngủi của mình! Ngoài ra, hãy chuyển thông điệp của tôi đến các thế hệ tương lai, để các thế hệ đó tiếp tục cuộc đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng.

Các đồng chí hãy kiên định. Không được dao động. Đừng có nghe theo lời tuyên truyền rằng Con Người và các loài vật cùng có chung quyền lợi, rằng sự thịnh vượng của loài này cũng là sự thịnh vượng của loài kia. Bịp bợm hết. Con Người không quan tâm đến quyền lợi của ai, nó chỉ quan tâm đến chính nó mà thôi. Các loài vật chúng ta phải đoàn kết nhất trí, phải có tinh thần đồng chí trong cuộc đấu tranh này. Tất cả loài người đều là kẻ thù. Tất cả các con vật đều là đồng chí.”

Đúng lúc đó thì tiếng ồn ào nổi lên. Chả là trong khi Thủ Lĩnh đang nói thì có bốn con chuột cống bò ra khỏi hang và cũng đến nghe. Mấy con chó đã trông thấy và may là lũ chuột kịp chạy vào hang, không thì đã mất mạng rồi. Thủ Lĩnh phải giơ chân lên đề nghị im lặng.

“Thưa các đồng chí”, nó nói, “có một vấn đề cần phải giải

quyết. Những con thú hoang như chuột cống và thỏ, chúng là bạn hay là kẻ thù của chúng ta? Đề nghị biểu quyết. Tôi xin đặt vấn đề với hội nghị như sau: Chuột có phải là đồng chí không?”

Cuộc bỏ phiếu được thực hiện ngay, đa số tán thành coi chuột là đồng chí. Chỉ có bốn phiếu chống, đấy là ba con chó và một con mèo, nhưng sau này mới phát hiện ra rằng mèo ta bỏ cả phiếu thuận lẫn phiếu chống. Thủ Lĩnh tiếp tục:

“Tôi xin nói thêm một chút nữa. Tôi chỉ muốn nhắc lại rằng nhiệm vụ của các đồng chí là phải luôn luôn tranh đấu với Con Người và tất cả những gì do nó tạo ra. Tất cả những loài hai chân đều là kẻ thù. Tất cả những loài bốn chân hoặc có cánh đều là bạn. Các đồng chí lại phải luôn luôn nhớ rằng chúng ta không được bắt chước loài người trong cuộc đấu tranh chống lại chúng. Ngay cả khi đã chiến thắng, chúng ta cũng không được tập nhẫm các thói xấu của chúng. Không có con vật nào được sống trong nhà, ngủ trên giường, mặc quần áo, uống rượu, hút thuốc, sử dụng tiền hoặc tham gia buôn bán. Tất cả phong tục của loài người đều là có hại. Quan trọng nhất là không con nào được áp chế con nào. Khoẻ cũng như yếu, thông minh tài trí cũng như bình thường, tất cả chúng ta đều là anh em. Không được giết hại lẫn nhau. Mọi con vật sinh ra đều bình đẳng.

Và bây giờ, thưa các đồng chí, tôi sẽ kể cho các đồng chí nghe giấc mơ của tôi tối hôm qua. Tôi không thể mô tả được. Tôi mơ thấy trái đất khi con người đã biến đi rồi. Giấc mơ này làm sống dậy trong trí tôi một việc như sau:

“Cách đây đã lâu, khi tôi còn là một chú lợn nhỏ, mẹ tôi cùng với các cô bác lợn khác thường hát một bài hát có từ ngày xưa: họ chỉ nhớ nhạc điệu và ba từ đầu tiên thôi. Lúc bé tôi cũng

thuộc nhạc điệu, nhưng tôi đã quên từ lâu. Thế mà đêm qua, trong giấc mơ, tôi đã nhớ lại tất cả, hơn thế nữa, tôi còn nhớ lại được cả lời bài hát, tôi tin chắc rằng ngày xưa các loài vật đã từng hát như thế, nhưng sau này họ quên và mấy thế hệ gần đây hoàn toàn không biết hát nữa. Bây giờ tôi sẽ hát cho các đồng chí nghe. Tôi đã già, giọng không còn trong, nhưng khi tôi dạy nhạc điệu cho các đồng chí thì các đồng chí sẽ hát hay hơn. Bài hát tên là: Súc Sinh Anh quốc”.

Thủ lĩnh già hắng giọng và bắt đầu hát. Giọng đúng là đã khàn, nhưng nó hát cũng không đến nỗi tồi, giai điệu hỗn hợp giữa kiểu “Clementine” và “La Cucuracha”. Lời bài hát như sau:

“Súc sinh Anh quốc

Súc sinh muôn nơi

Lắng nghe niềm vui mới

Của một ngày mai sáng tươi

Đồng cỏ núi đồi

Mãi mãi xanh ngời

Khi lũ người

Không còn là ách trên vai

Chạc, chạc không còn

Cương, cương cũng không

Roi vọt, chửi mắng

Chỉ là quá khứ tối tăm

Ta giàu, ta có

Vườn cây, đồng lúa

Đậu, sắn, ngô, khoai

Là của chúng ta từ đây

Mặt trời sáng soi

Nước càng ngọt tươi
Gió mát muôn đời
Là ngày tự do tương lai
Súc sinh Anh quốc
Súc sinh muôn nơi
Lắng nghe niềm vui mới
Của một ngày mai sáng tươi”¹

Bài hát đã làm cho lũ súc vật kích động tột độ. Một số con kịp bắt theo ngay trước khi Thủ lĩnh hát hết bài. Ngay những con ngu dốt nhất cũng nắm được nhạc điệu và thuộc mấy từ, còn những con thông minh hơn, như lũ chó và lũ lợn, thì thuộc lòng cả bài ngay trong vài phút đầu. Sau vài lần tập, cả trang trại đã cùng đồng ca được bài Súc Sinh Anh quốc. Mỗi loài hát một giọng, bò rống, chó sủa, cừu kêu be be, ngựa hí, vịt kêu cạp cạp. Chúng khoái bài hát đến độ hát liền một mạch năm lần và chúng có thể hát mãi như thế suốt đêm nếu không bị ngăn trở.

Đáng tiếc là tiếng ồn ào đã làm ông Jones thức giấc, ông bước xuống giường vì tin chắc là có một con cáo đã lọt vào sân. Ông tìm khẩu súng vẫn thường dựng ở góc phòng và bắn một loạt đạn ghém lên trời. Có mấy viên găm vào tường nhà kho và cuộc họp mau chóng kết thúc. Từng con quay về chỗ ngủ của mình. Gia cầm nhảy lên ổ, còn gia súc thì nằm xuống đồng rơm và chẳng bao lâu sau cả trang trại đã chìm vào giấc ngủ.

¹ Nguyên văn hai bài thơ *Súc Sinh Anh Quốc*:
 Beasts of England
 Beasts of England, beasts of Ireland,

Beasts of every land and clime,
Hearken to my joyful tidings
Of the golden future time.
Soon or late the day is coming,
Tyrant Man shall be o'erthrown,
And the fruitful fields of England
Shall be trod by beasts alone.
Rings shall vanish from our noses,
And the harness from our back,
Bit and spur shall rust forever,
Cruel whips no more shall crack.
Riches more than mind can picture,
Wheat and barley, oats and hay,
Clover, beans and mangel-wurzels
Shall be ours upon that day.
Bright will shine the fields of England,
Purer shall its waters be,
Sweeter yet shall blow its breezes
On the day that sets us free.
For that day we all must labour,
Though we die before it break;
Cows and horses, geese and turkeys,
All must toil for freedom's sake.
Beasts of England, beasts of Ireland,
Beasts of every land and clime,
Hearken well and spread my tidings
Of the golden future time.

II

Ba đêm sau Thủ Lĩnh già bình thân ra đi. Xác nó được chôn ở cuối khu vườn.

Chuyện đó xảy ra vào đầu tháng ba. Lũ súc vật tăng cường hoạt động ngầm liên tục trong ba tháng tiếp theo. Bài diễn văn của Thủ Lĩnh đã tạo ra một quan niệm sống hoàn toàn mới nơi những con thông minh. Chúng không biết khi nào thì cuộc Khởi Nghĩa mà Thủ Lĩnh tiên đoán sẽ xảy ra, chúng cũng không nghĩ sẽ được chứng kiến cảnh tượng đó, nhưng chúng biết rõ một điều là có trách nhiệm tiến hành công việc chuẩn bị. Công tác giáo dục và tổ chức dĩ nhiên là được giao cho bọn lợn vì chúng vốn được coi là loài thông minh nhất. Hai con lợn đực giống trẻ tên là Tuyết Tròn và Napoleon đang được ông Jones vỗ béo để bán là hai con nổi tiếng nhất. Napoleon là một con lợn đực, trông hung dữ, giống Berkshire duy nhất trong Điền Trang, nó vốn kiêu lời nhưng nổi tiếng kiên nhẫn. Tuyết Tròn thì hoạt bát, dẻo miệng hơn, có nhiều sáng kiến hơn, nhưng đa số cho rằng tính cách không được sâu sắc bằng Napoleon. Số còn lại đều là lợn thịt. Con nổi bật nhất trong số đó tên là Chỉ Điểm, một con lợn nhỏ, khá béo nhưng lanh lợi, hai má phính, đôi mắt đảo lia lịa còn giọng nói thì the thé. Nó là một diễn giả có hạng, khi cần

chứng minh một vấn đề khó khăn thì nó nhảy qua nhảy lại và vẩy đuôi, trông rất thuyết phục. Đồn rằng nó có thể biến đen thành trắng dễ như chơi.

Ba con này đã phát triển học thuyết của Thủ Lĩnh già thành một hệ thống triết học hoàn chỉnh mà chúng gọi là Súc Sinh Kinh. Đêm nào cũng vậy, cứ sau khi ông Jones đi ngủ là chúng bí mật tụ họp trong nhà kho để giảng giải cho những con khác các luận điểm chủ yếu của Súc Sinh Kinh. Thoạt đầu quả là có nhiều khó khăn vì lũ súc vật tỏ ra hồ hững và rất ngu dốt. Có con nói rằng có nghĩa vụ trung thành với ông Jones mà nó gọi là ông chủ, có con còn phát biểu một cách thiếu ý thức: “Ông Jones nuôi chúng ta. Không có ông ấy thì ta chết đói rồi hòng ra ấy chứ”. Một số con còn đặt câu hỏi đại loại: “Quan tâm đến chuyện sau khi ta chết để làm gì?” hoặc “Đằng nào thì cuộc khởi nghĩa cũng sẽ diễn ra, ta làm hay không làm thì cũng thế thôi”. Mấy con lợn phải khó khăn lắm mới thuyết phục được chúng rằng những luận điệu như thế là hoàn toàn trái với tinh thần của Súc Sinh Kinh. Nhưng những câu hỏi ngu xuẩn nhất lại là của ả ngựa cái màu trắng tên là Mollie. Đầu tiên ả hỏi Tuyết Tròn:

“Thế sau khi khởi nghĩa thì có đường không?”

“Không”, Tuyết Tròn ngắt lời, “Chúng ta không sản xuất đường. Thực ra đồng chí sẽ không cần đường. Đồng chí sẽ có đủ yến mạch và rom mà đồng chí cần.”

“Thế tôi có còn được đeo ruy băng nữa không?”

“Đồng chí”, Tuyết Tròn nói, “Cái ruy băng mà đồng chí yêu thích đó chính là biểu tượng của tinh thần nô lệ. Chẳng lẽ đồng chí không thấy rằng tự do đáng quý hơn cái ruy băng hay sao?”

Mollie đồng ý, nhưng trông nó có vẻ không tin tưởng lắm.

Bọn lợn còn gặp nhiều khó khăn hơn trong việc bác bỏ những luận điệu do con quạ Moses đưa ra. Moses là con vật cưng của ông Jones, nó chuyên đi rình rập nhưng lại nhớ rất nhiều chuyện cổ tích và cũng là một diễn giả có hạng. Nó bảo rằng có biết một vương quốc thần thoại tên là Núi Xôi, nơi linh hồn các con vật sẽ tới sau khi châu trời. Moses nói rằng vùng đó nằm không xa, sau các đám mây. Ở đó cả bảy ngày trong tuần đều là chủ nhật hết, còn cỏ ba lá thì xanh quanh năm, đường phèn và bánh khô thì mọc ngay trên bờ đậu. Các con vật rất ghét Moses vì nó chỉ nói chứ không làm, nhưng có vài con lại tin là có miền cực lạc Núi Xôi của nó, thành ra lũ lợn phải vất vả lắm mới thuyết phục được chúng rằng không thể nào có một miền như thế được.

Tổng đồ tin cậy nhất của chúng là hai con ngựa kéo xe, Chiến Sĩ và Bà Mập. Hai con này vốn dĩ chậm hiểu nhưng khi chúng đã coi lũ lợn là sư phụ rồi thì nuốt lấy từng lời giáo huấn rồi giảng giải lại cho những con khác bằng thứ ngôn ngữ dễ hiểu hơn. Hai con này không bỏ bất cứ một buổi họp nào và thường là những kẻ cầm càn bài Súc Sinh Anh quốc mỗi khi cuộc họp kết thúc.

Cuộc Khởi Nghĩa xảy ra sớm hơn và dễ dàng hơn chúng tưởng rất nhiều. Trong những năm gần đây, ông Jones, vốn là một diễn chủ giỏi và nghiêm khắc, đã gặp nhiều sự cố. Sau khi bị mất nhiều tiền vào việc kiện tụng, ông trở nên ủ dột và uống nhiều rượu hơn bình thường. Ông thường ngồi cả ngày trên chiếc ghế bành trong bếp, vừa đọc báo vừa uống bia, thỉnh thoảng lại cho con Moses những mẩu vỏ bánh mì chấm bia. Gia nhân thành ra một lũ lười nhác, trộm cắp, đồng nội thành bãi

đất hoang, nhà cửa dột nát, rào dậu nghiêng đổ, súc vật thường xuyên bị bỏ đói.

Đã sang tháng sáu, đây là mùa cắt cỏ. Trước ngày Hạ chí ², hôm ấy là thứ bảy, ông Jones đi Willingdon và uống đến say khướt tại nhà hàng Sư Tử Đỏ, trưa chủ nhật mới về. Bọn gia nhân thì vội vàng vắt sữa từ sáng sớm rồi bỏ đi săn thỏ mà không thèm cho súc vật ăn tí nào. Về đến nhà ông Jones leo ngay lên ghế sofa trong phòng khách rồi lấy tờ “News of the World” ³ phủ lên mặt và ngủ, súc vật bị bỏ đói cho đến tận chiều tối. Cuối cùng chúng hết chịu nổi. Một con bò cái húc đổ cửa nhà kho và thế là tất cả mọi con vật cùng lao vào các thùng chứa ngũ cốc. Đúng lúc đó thì ông Jones thức giấc. Ông và bốn người làm công lập tức vồ lấy roi và lao vào kho, họ cứ thế quật túi bụi lên lưng lũ súc vật khốn nạn. Lũ súc vật đói khát không thể chịu đựng thêm được nữa. Dù không hẹn trước, chúng cùng xông lên và lao thẳng vào những kẻ áp bức. Ông Jones và gia nhân bất ngờ bị đá, bị húc từ mọi hướng. Tình hình trở nên không thể kiểm soát được. Họ chưa từng gặp chuyện như thế bao giờ, cuộc nổi loạn bất thành linh của lũ súc vật mà trước đây muốn đánh đập, muốn hành hạ thế nào mặc lòng, đã làm họ hoảng loạn. Họ chỉ cầm cự được vài phút rồi phải bỏ chạy. Cả năm người vội vã lao ra con đường nhỏ để chạy lên đường làng, trong khi lũ súc vật hào hứng truy kích theo.

Qua cửa sổ phòng ngủ, bà Jones đã nhìn thấy hết mọi chuyện, bà vội vàng cho một vài thứ vào cái túi vải rồi luồn theo cửa sau trốn khỏi Điền Trang. Moses cũng kịp lao ra khỏi tổ rồi vừa kêu vừa bay theo bà chủ. Lũ súc vật sau khi truy kích thắng lợi đã quay về và đóng cổng. Thế là, cuộc Khởi Nghĩa đã toàn thắng,

ông Jones bị đuổi đi, Điền Trang là của bọn súc sinh ngay trước khi chúng kịp hiểu mọi chuyện.

Ban đầu chúng không tin là số phận đã mỉm cười với chúng. Việc làm đầu tiên của chúng là tập trung lại và chạy vòng quanh khu nhà để tìm xem có còn sót người nào bên trong không, sau đó chúng lao vào các toà nhà để phá hủy tàn tích của chế độ cai trị độc tài của ông Jones. Kho công cụ ở phía cuối chuồng ngựa bị đập phá, thế là bao nhiêu hàm thiếc ngựa, vòng đeo mũi bò, xích chó, dao hoạn lợn và cừu bị ném hết xuống giếng. Còn dây cương, dây thòng lọng, các miếng da che mắt ngựa, giỏ thức ăn cũ thường treo ở cổ ngựa thì bị quăng vào đồng lửa giữa sân. Những chiếc roi cũng cùng chung số phận. Mọi con vật cùng nhảy cẫng lên khi trông thấy những cái roi bắt lửa. Tuyết Tròn còn vất luôn vào lửa những cái ruy băng vẫn thường buộc trên bòm và đuôi ngựa mỗi kì hội chợ.

“Ruy băng”, nó tuyên bố, “phải được coi là quần áo, cũng là biểu tượng của loài người. Mọi con vật đều phải khỏa thân.”

Nghe thấy thế Chiến Sĩ vội tháo cái mũ rom mà nó thường mang trong mùa hè để ngăn ruồi khỏi lọt vào tai và ném vào lửa.

Chẳng mấy chốc lũ súc vật đã phá hủy tất cả những thứ có liên quan đến ông Jones. Napoleon dẫn cả bọn vào kho và phát gấp đôi khẩu phần ăn hàng ngày, mỗi con chó được hai bánh qui bơ. Sau đó chúng hát bài Súc Sinh Anh quốc bảy lần liền, rồi cả bọn đi ngủ, chưa bao giờ chúng ngủ ngon như hôm ấy.

Như thường lệ, chúng thức dậy khi trời vừa rạng sáng, nhưng chúng lập tức nhớ ngay đến sự kiện vinh quang vừa xảy ra và thế là cả bọn cùng lao ra đồng cỏ. Trên đồng cỏ có một cái gò nhỏ, từ đây có thể nhìn thấy hầu khắp trang trại. Lũ súc vật

chạy lên đó và ngắm nhìn khung cảnh trong ánh hồng của một ngày mới. Tất cả, tất cả những gì trước mắt kia giờ đây đã thuộc về chúng! Trong trạng thái ngất ngây, chúng cứ chạy quanh, chạy quanh mãi, thỉnh thoảng chúng lại nhảy lên vì sung sướng! Chúng lẫn mình trên sương ướt, chúng gặm đầy mồm cỏ ngọt mùa hè, chúng hít tung lên những nắm đất đen và hít hà mùi vị ấm nồng của nó. Sau đó chúng đi kiểm tra một vòng khắp trang trại, chúng yên lặng ngắm nhìn khu ruộng lúa, đồng cỏ, vườn quả, ao cá, lùm cây. Chúng ngắm nhìn như chưa từng nhìn thấy những thứ ấy bao giờ, và ngay cả lúc này chúng cũng chưa tin rằng tất cả những thứ đó đã là của chúng.

Sau đó cả bọn lại cùng nhau quay về và yên lặng tập trung trước ngôi nhà chính. Dù ngôi nhà này cũng đã thuộc về chúng nhưng chúng còn ngại, chưa dám vào ngay. Nhưng Tuyết Tròn và Napoleon đã mau chóng lấy lại được bình tĩnh và dùng vai phá cửa, rồi từng con lục tục, thận trọng bước vào, tránh không làm xáo trộn các đồ vật bên trong. Chúng nhón gót đi từ phòng nọ sang phòng kia, thì thào, hồi hộp ngắm nhìn cảnh xa hoa không thể nào tin được đang bày ra trước mắt, nào giường nệm lông vịt, nào gương soi, nào ghế nệm lông ngựa, nào thảm nhung ⁴, rồi ảnh nữ hoàng Vitoria [5] treo trên lò sưởi trong phòng khách. Nhưng khi xuống đến bậc tam cấp thì chúng bỗng phát hiện ra là thiếu mất Mollie. Chúng quay vào và thấy Mollie còn đứng trong căn phòng ngủ đẹp nhất nhà. Hoá ra cô nàng đã lấy một dải ruy băng màu xanh trên bàn trang điểm của bà Jones, vắt lên vai và đang thẩn thò soi gương. Các con khác túm ngay lấy nó và lôi ra khỏi nhà. Mấy cái đùi lợn muối treo trong bếp được đem đi chôn, thùng bia trong phòng rửa bát thì

bị Chiến Sĩ đá thủng, những thứ khác hầu như được giữ nguyên chỗ cũ. Một nghị quyết về việc giữ toà nhà chính làm viện bảo tàng được nhất trí thông qua ngay tại chỗ. Tất cả đều đồng ý là không con nào có quyền sống trong toà nhà này.

Chúng đi ăn sáng và sau đó Tuyết Tròn và Napoleon mời tất cả tập trung.

“Thưa các đồng chí”, Tuyết Tròn nói, “Bây giờ là bảy giờ rưỡi, chúng ta còn cả một ngày nữa cơ. Hôm nay chúng ta sẽ bắt đầu cắt cỏ, nhưng chúng ta còn một việc phải làm trước đã.”

Thế là hai con lợn nói rằng nhờ những cuốn sách vỡ lòng của con ông Jones tìm được trong đồng rác mà suốt ba tháng qua chúng đã học và nay chúng đã biết đọc, biết viết. Napoleon sai đi lấy một lọ sơn đỏ, một lọ sơn trắng rồi dẫn cả bọn đi ra cổng lớn. Tuyết Tròn (vì nó là con viết đẹp nhất) kẹp cái chổi sơn giữa hai móng chân, xoá chữ Điền Trang và viết chữ Trại Súc Vật lên cái thanh trên cùng của cánh cổng. Từ nay trở đi đây sẽ là tên chính thức của trại này. Sau đó cả bọn quay lại khu nhà, Tuyết Tròn và Napoleon lại ra lệnh tìm một cái thang rồi dựng sát vào đầu hồi nhà kho. Chúng giải thích rằng sau một thời kì khổ công nghiên cứu, ba tháng gần đây chúng đã đúc kết các luận điểm của Súc Sinh Kinh thành Bảy Điều Răn. Bảy Điều Răn sẽ được kẻ lên tường và sẽ là luật vĩnh viễn bất di bất dịch của tất cả các thành viên Trại Súc Vật. Tuyết Tròn leo lên thang một cách khó nhọc (vì lợn khó giữ thăng bằng khi đứng trên thang) và bắt đầu viết, trong khi Chi Điểm cầm hộp sơn đứng bên dưới mấy bậc. Các điều răn được viết bằng sơn trắng trên bức tường quét hắc ín, đứng xa cả ba chục mét cũng đọc rõ. Nội dung như sau:

BẢY ĐIỀU RĂN

Tất cả các loài hai chân đều là kẻ thù.
Tất cả các loài bốn chân hoặc có cánh đều là bạn.
Không con vật nào được mặc quần áo.
Không con vật nào được ngủ trên giường.
Không con vật nào được uống rượu.
Loài vật không được giết hại lẫn nhau.
Mọi con vật sinh ra đều bình đẳng.

Các chữ đều được viết rõ ràng và cả đoạn chỉ có hai lỗi chính tả mà thôi, đấy là chữ “giường” bị viết thành “guiong” và một chữ S bị viết ngược. Tuyết Tròn đọc to lên cho tất cả cùng nghe. Tất cả đều gật đầu đồng ý, những con thông minh hơn lập tức học thuộc lòng các Điều Răn.

“Bây giờ, thưa các đồng chí” Tuyết Tròn vừa ném cái chổi son xuống đất vừa gào lên, “tất cả ra đồng cắt cỏ! Chúng ta phải thu hoạch nhanh hơn lão Jones và lũ gia nhân của hắn.”

Đúng lúc đó thì ba con bò cái vốn cảm thấy khó chịu từ trước bỗng rống lên. Suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ qua chúng chưa được vắt sữa, vú của chúng căng mọng như muốn nổ ra đến nơi. Sau một chút đắn đo, lũ lợn sai mang xô tới và đã thực hiện công việc khá thành thạo, chân chúng tỏ ra phù hợp với công việc này. Chẳng mấy chốc đã vắt được năm xô đầy sữa béo, một số con tò mò đến xem.

“Làm gì với số sữa này nhỉ”, có con hỏi.

“Lão Jones thỉnh thoảng có trộn sữa vào thức ăn của chúng tôi đấy”, một chị gà mái lên tiếng.

“Các đồng chí, để ý đến sữa làm gì!”, Napoleon vừa gào lên vừa bước ra đằng trước mấy xô sữa, “Để đấy rồi tính sau. Thu

hoạch quan trọng hơn. Đồng chí Tuyết Tròn sẽ dẫn đầu. Tôi sẽ ra sau một lúc. Các đồng chí, tiến lên! Vụ thu hoạch đang cần chúng ta.”

Các con vật tiến ra cánh đồng và bắt đầu cắt cỏ, nhưng chiều về thì chúng không thấy mấy xô sữa đâu nữa.

² Hạ chí: ngày 24 tháng 6.

³ *News of the World* - Tờ báo ra vào chủ nhật, thường đăng các tin giật gân, không mang tính chất chính trị, phát hành 5 triệu bản mỗi số. Xuất bản từ năm 1843.

⁴ Nguyên văn the Brussels carpet - Thảm Brussels.

⁵ Nữ hoàng Anh trị vì từ năm 1837 đến năm 1901.

III

Phải công nhận là chúng làm việc rất chăm, không quản mệt mỏi, chỉ cốt thu hoạch cho xong! Công khó của chúng đã được đền bù, chúng thu được nhiều hơn dự kiến.

Đôi khi chúng cũng gặp một số khó khăn vì tất cả công cụ đều được làm để dành cho người chứ không phải cho súc vật, mà muốn sử dụng công cụ đó thì phải đứng được trên hai chân sau. Nhưng phải nói bọn lợn là một giống thông minh - khó đến đâu chúng cũng có cách. Còn lữ ngựa thì hiểu rõ từng thửa ruộng, mà cắt và vun cỏ thành đống thì chúng làm thạo hơn ông Jones và gia nhân nhiều. Bọn lợn không làm mà chỉ hướng dẫn và kiểm tra các con khác. Với kiến thức như thế thì việc chúng nắm vai trò lãnh đạo là đương nhiên. Chiến Sĩ và Bà Mập tự khoác lên mình máy cắt hoặc máy bừa cỏ (dĩ nhiên là không cần hàm thiếc, cũng chẳng cần cương) và kiên nhẫn đi khắp cách đồng, trong khi một con lợn nào đó bước theo sau, thỉnh thoảng lại kêu “Đi thẳng, đồng chí!” hoặc “Quay lại, đồng chí!”. Tất cả các con vật, không kể lớn nhỏ, đều tham gia cắt và xếp cỏ. Ngay đến bọn gà vịt cũng phơi mình dưới nắng suốt ngày để tham gia vận chuyển từng lợn cỏ nhỏ bằng mỏ. Chúng đã hoàn tất công việc một cách nhanh chóng, phải nói

là nhanh hơn người, nếu ông Jones và gia nhân làm thì phải hai ngày nữa mới xong. Hơn nữa đây lại là một vụ mùa năng suất nhất từ trước đến nay. Không có chuyện rơi vãi vì bọn gà, vịt rất tinh mắt, chúng nhặt đến từng cọng một. Và cũng không có con nào ăn vụng, dù chỉ một miếng ngoạm.

Công việc của trang trại diễn ra thuận lợi trong suốt mùa hè năm đó. Bọn súc vật cảm thấy vô cùng sung sướng, chúng chưa bao giờ nghĩ rằng chuyện đó lại có thể xảy ra. Ăn là cả một niềm vui, vì bây giờ thức ăn là của chúng, do chúng và vì chúng chứ không phải là thứ do một ông chủ keo bẩn bố thí cho nữa. Sau khi chúng đã tống khứ được lũ người ăn bám vô tích sự đi rồi thì khẩu phần mỗi con dĩ nhiên là nhiều hơn. Và mặc dù chưa có kinh nghiệm, chúng vẫn có nhiều thời gian thư giãn hơn. Chúng có gặp một số khó khăn, ví dụ khi thu hoạch ngũ cốc thì phải dùng sức để thổi trấu đi vì trang trại không có máy đập, nhưng với trí thông minh của lũ lợn và sức khỏe của Chiến Sĩ thì việc gì mà chúng chẳng làm được. Chiến Sĩ rất được kính trọng. Ngay khi còn ông Jones nó đã chăm chỉ rồi, nhưng bây giờ nó làm việc bằng ba, có ngày tưởng chừng như toàn bộ công việc của trại đều đổ dồn lên vai nó. Nó kéo rồi đẩy từ sáng đến tối và bao giờ cũng có mặt ở những chỗ khó khăn nhất. Nó nhờ một con gà trống đánh thức trước nửa tiếng và tự nguyện làm một số việc cần kíp nhất trước khi ngày làm việc chính thức bắt đầu. Trước bất cứ khó khăn, trở ngại nào nó đều nói: "Tôi sẽ cố gắng hơn nữa!", câu ấy đã trở thành phương châm hành động của chính nó.

Những con khác cũng làm việc hết mình. Thí dụ lũ gà và vịt đã mót được đến hai tạ ngũ cốc. Thói ăn cắp vặt; những tiếng ỉ

eo về miếng ăn, miếng uống; chuyện cãi vã, cắn xé; thói ghen tị - những thói xấu đó của quá khứ đã biến mất hẳn. Không con nào trốn việc - đúng ra là gần như không con nào. Mollie không thích dậy sớm và tìm cách chuồn trước, nại rằng có hòn đá nhỏ dắt vào móng. Thái độ của con mèo cũng đáng ngờ. Cứ khi nào cần là y như rằng nó đã bỏ đi đâu mất từ trước rồi. Chì chàng thường bỏ đi đâu đó rất lâu và chỉ xuất hiện, như chưa có chuyện gì xảy ra, ngay trước bữa ăn hay vào buổi chiều, khi công việc đã hoàn tất. Nhưng nó luôn luôn tìm được cách giải thích và kêu gù gừ một cách đáng yêu, thành ra khó mà nghi ngờ được thiện chí của nó. Chỉ có con lừa già Benjamin là vẫn như cũ. Nó vẫn làm công việc một cách chậm chạp cố hữu như thời còn ông Jones, không bao giờ trốn việc, cũng chẳng bao giờ làm hơn. Nó không nói gì về cuộc Khởi Nghĩa cũng như những đổi thay sau đó. Nếu được hỏi có cảm thấy vui hơn thời còn ông Jones không, thì nó bảo: “Đời lừa dài lắm. Các vị chưa thấy lừa chết bao giờ cơ mà” - bao giờ nó cũng nói một câu bí hiểm như vậy.

Ngày chủ nhật nghỉ. Bữa sáng ăn muộn hơn một tiếng và sau đó bao giờ cũng có một cuộc họp mặt long trọng. Trước hết là lễ kéo cờ. Tuyết Tròn tìm được trong kho dụng cụ một tấm khăn trải bàn cũ màu xanh của bà Jones rồi vẽ một cái móng và một cái sừng màu trắng lên trên. Và thế là buổi sáng chủ nhật nào chiếc khăn trải bàn cũng tung bay trên cột cờ trong vườn hoa. Tuyết Tròn giải thích rằng màu xanh tượng trưng cho đồng ruộng Anh quốc, còn sừng và móng là biểu tượng của nước Cộng Hòa Súc Vật tương lai, khi đã lật đổ được toàn bộ giống người rồi. Sau khi kéo cờ mọi con vật cùng đến tập trung trong

nhà kho lớn, chúng gọi đấy là Hạp. Chúng lập kế hoạch cho tuần sau cũng như thảo luận và ra nghị quyết về các kiến nghị khác nhau tại đây. Chỉ có bọn lợn đưa ra kiến nghị mà thôi. Những con khác chỉ biết biểu quyết chứ không kiến nghị gì bao giờ. Tuyết Tròn và Napoleon thảo luận hăng nhất. Nhưng hai con này luôn luôn chống đối nhau: hễ con này đưa ra ý kiến gì là con kia lập tức phản đối. Ngay cả khi vấn đề đã được quyết định rồi, như việc dành một miếng đất nhỏ phía sau khu vườn làm chỗ dưỡng già, không ai có thể phản đối chuyện đó, thì hai con này lại tranh luận gay gắt về việc loài nào, đến bao nhiêu tuổi thì được nghỉ hưu. Các buổi Hạp bao giờ cũng kết thúc bằng bài đồng ca “Súc Sinh Anh quốc”, còn buổi chiều thì chúng được nghỉ tự do.

Bọn lợn dành cái kho dụng cụ làm tổng hành dinh. Buổi tối chúng học nghề mộc, nghề rèn và những nghề khác qua những cuốn sách nhật được trong toà nhà chính. Tuyết Tròn còn đưa những con khác vào các tổ chức mà nó gọi là Ủy Hội Súc Sinh. Nó làm việc này một cách say sưa, không biết mệt là gì. Nó đã thiết lập được Ủy Ban Trứng cho lũ gà mái, Ủy Ban Chăm Sóc Đuôi cho lũ bò, Hiệp Hội cải huấn các đồng chí thú hoang (mục đích là cải tạo bọn chuột và thỏ rừng); Phong Trào giữ lông thật trắng cho bọn cừu, vân vân và vân vân, đấy là chưa kể các tổ xóa nạn mù chữ nữa. Nói chung các dự án của Tuyết Tròn đều không có kết quả. Việc cải tạo lũ thú hoang thất bại gần như ngay từ đầu. Thái độ của chúng chẳng thay đổi tí nào, mà cư xử tốt thì chúng lại càng láo thêm. Con mèo cũng có chân trong Hiệp Hội cải huấn và đã hoạt động rất tích cực trong mấy ngày đầu. Có lần nó lên tận mái nhà nói chuyện với mấy con chim sẻ

đậu ngoài tầm với của nó. Nó bảo rằng bây giờ mọi loài đều là đồng chí và nếu con sê nào muốn thì có thể đậu ngay lên chân trước nó; nhưng bọn sê không dám lại gần.

Các lớp học đọc, học viết thu được kết quả khả quan. Trước khi mùa thu về đa số các con vật trong trại đều đã thoát nạn mù chữ ở những mức độ nhất định.

Bọn lợn đọc thông viết thạo. Lũ chó cũng biết đọc, nhưng chúng chỉ đọc mỗi Bảy Điều Răn mà thôi. Con dê tên là Muriel đọc thông hơn lũ chó nên buổi tối nó thường đọc cho những con khác nghe các mẫu báo nhật được trên đồng rạc. Lừa Benjamin đọc nhanh không kém gì lũ lợn, nhưng nó chẳng đọc cái gì bao giờ. Nó bảo chẳng thấy có gì đáng đọc. Bà Mập học thuộc cả bảng chữ cái nhưng không biết ghép vần. Chiến Sĩ không vượt qua được chữ D. Nó thường lấy những cái móng to kền của mình để viết lên cát những chữ cái A, B, C, D rồi đứng ngẫm, tai cụp lại phía sau, thỉnh thoảng lại vẫy vẫy bồm, cố gắng nhớ xem sau đó là chữ gì, nhưng chẳng bao giờ nhớ ra. Đôi khi nó cũng thuộc được các chữ cái E, F, G, H, nhưng bao giờ cũng vậy, hễ thuộc mấy chữ đó thì lại quên các chữ A, B, C, D. Cuối cùng nó đành thỏa mãn với bốn chữ cái đó và ngày nào cũng viết một hai lần để rèn trí nhớ. Mollie chỉ học năm chữ cái ghi đủ tên nó mà thôi. Nó thường lấy cành cây nhỏ để xếp các chữ đó rồi trang trí thêm bằng một vài bông hoa, sau đó đi vòng quanh để ngẫm.

Những con khác không vượt qua chữ A. Những loài ngu hơn như cừu, gà và vịt không thể thuộc được Bảy Điều Răn. Sau khi suy nghĩ, Tuyết Tròn tuyên bố rằng có thể rút Bảy Điều Răn thành một cách ngôn như sau: “Bốn chân tốt, hai chân xấu”. Nó bảo đấy chính là nguyên lí cơ bản của Súc Sinh Kinh. Chỉ cần nắm

vững cách ngôn này thì không còn sợ gì ảnh hưởng của con người nữa. Bọn gà vịt phản đối vì cho rằng chúng chỉ có hai chân, nhưng Tuyết Tròn đã chứng minh không phải như vậy.

“Cánh chim, thua các đồng chí”, Tuyết Tròn nói, “là cơ quan để vận động chứ không phải để cầm nắm. Cánh cũng là chân thôi. Đặc trưng để phân biệt với Giống Người là bàn tay, mọi việc xấu xa đều do đôi bàn tay của chúng làm hết.”

Bọn gà vịt không hiểu hết bài thuyết pháp tràng giang đại hải đó, nhưng chúng đồng ý với cách giải thích của Tuyết Tròn và tất cả những con vật ngu si hơn lại phải học thuộc lòng cách ngôn mới. BỐN CHÂN TỐT, HAI CHÂN XẤU được viết to hơn, bên trên Bảy Điều Răn. Khi đã thuộc lòng rồi thì lũ cừu tỏ ra rất khoái cách ngôn này, mỗi khi nằm nghỉ là chúng lại đồng thanh tụng “Bốn chân tốt, hai chân xấu! Bốn chân tốt, hai chân xấu!” và cứ thế hàng giờ liền không biết mệt.

Napoleon không quan tâm đến các ủy hội của Tuyết Tròn. Nó bảo rằng giáo dục thế hệ trẻ quan trọng hơn công tác vận động những con đã trưởng thành. Hai con chó cái Jessie và Bluebell đẻ được chín con chó con khoẻ mạnh ngay sau vụ thu hoạch. Napoleon bắt lũ chó con ngay khi chúng vừa cai sữa, nó bảo sẽ chịu trách nhiệm giáo dục bọn trẻ. Nó đem lũ chó con giấu trên gác xép, bên trên kho dụng cụ, phải có thang mới trèo lên được, và giữ chúng ở đó kín đến nỗi dần dần không con nào còn nhớ đến lũ chó con ấy nữa.

Chuyện mất sữa không còn là bí mật. Bọn lợn đem trộn vào cám ăn hàng ngày. Những quả táo đầu mùa đã chín, ngày nào cũng có quả rụng trên đám cỏ trong vườn. Mọi con vật đều nghĩ là sẽ đem chia đều, nhưng một hôm có lệnh nhặt táo rụng

rồi đem vào nhà kho dụng cụ để dành riêng cho lũ lợn. Có mấy con phàn nàn về chuyện này, nhưng không đi đến đâu. Về vấn đề này thì lũ lợn, kể cả Tuyết Tròn và Napoleon, đều thống nhất quan điểm. Chỉ Điểm được cử đi làm công tác tư tưởng.

“Thưa các đồng chí”, Nó nói, “Tôi hy vọng là các đồng chí không nghĩ rằng loài lợn chúng tôi làm như thế là do ích kỉ và đặc quyền đặc lợi chứ? Nhiều đồng chí lợn cũng ngán sữa và táo lắm. Tôi cũng chẳng thích gì hai thứ đó. Mục đích của chúng tôi khi ăn những thứ đó chỉ là nhằm bảo vệ sức khoẻ mà thôi. Sữa và táo (Thưa các đồng chí, khoa học đã chứng minh) có chứa nhiều chất cực kì cần thiết cho sức khoẻ loài lợn. Loài lợn chúng tôi làm công việc trí óc. Chúng tôi nắm toàn bộ công tác tổ chức và quản lí trang trại này. Vì sự phồn vinh của các đồng chí mà chúng tôi phải làm việc cả ngày lẫn đêm. Chúng tôi uống sữa và ăn táo vì lợi ích của chính các đồng chí đấy. Các đồng chí có tưởng tượng được chuyện gì sẽ xảy ra nếu loài lợn chúng tôi không cáng đáng nổi nhiệm vụ không? Lão Jones sẽ quay về! Vâng, lão Jones sẽ quay về! Chắc chắn là như thế, thưa các đồng chí”, Nó van vì gào to, vừa gào vừa nhảy từ phải sang trái, đuôi vẫy nhặng lên, “Chắc chắn là không ai trong chúng ta muốn lão Jones quay về rồi, có phải thế không ạ?”

Chắc chắn là không một con vật nào muốn lão Jones quay về rồi. Đặt vấn đề theo cách đó thì không con nào dám mở miệng ra nữa. Sức khoẻ loài lợn là việc hệ trọng, chuyện đó không cần phải bàn. Thế là chúng đi đến thống nhất mà không bàn cãi thêm là sữa và táo rụng (khi vào mùa thì toàn bộ) chỉ để dành cho riêng loài lợn dùng mà thôi.

IV

Đến cuối mùa hè thì tin tức về Trại Súc Vật đã bay ra khắp nửa nước. Ngày nào Tuyết Tròn và Napoleon cũng cử từng đàn bò câu thăm nhập vào các trang trại khác để tuyên truyền về cuộc Khởi Nghĩa và dạy hát bài “Súc Sinh Anh quốc”.

Trong khi đó ông Jones hầu như ngày nào cũng ngồi trong nhà hàng Sư tử Đỏ ở Willingdon để than van với bất cứ người chịu chuyện nào về việc bị lũ súc vật vô tích sự cướp đoạt mất tài sản. Các chủ trại khác tỏ ra thông cảm, nhưng lại chẳng chịu giúp đỡ gì cả. Không những thế, trong thâm tâm bọn đó lại còn tìm cách lợi dụng tai hoạ của lão nữa. May là chủ hai điền trang tiếp giáp với Trại Súc Vật luôn luôn bất hoà với nhau. Một trại có tên là Trại Cáo, một trại lớn nhưng bị bỏ bê, canh tác theo lối cũ, nhiều chỗ cây mọc um tùm, các bãi chăn thả bị dẫm nát, hàng rào thì xiêu vẹo. Chủ trang trại này, ông Pilkington là một người vô lo, dùng phần lớn thì giờ vào việc săn bắn và câu cá. Trang trại thứ hai tên là Trại Keo, nhỏ hơn nhưng được chăm sóc kĩ lưỡng hơn. Chủ trang trại này là ông Frederick, một người thô bạo, sắc sảo, thường xuyên dính líu vào các vụ kiện cáo và nổi tiếng là một tay lừa gạt có hạng. Hai vị này ghét nhau đến nỗi không thể tìm được tiếng nói chung ngay cả trong việc bảo vệ

quyền lợi của chính mình.

Nhưng cuộc Khởi Nghĩa ở Trại Súc Vật đã làm cả hai hoảng sợ và họ tìm mọi cách ngăn không cho tin tức ở đó lọt vào trang trại của mình. Đầu tiên họ giả vờ chế giễu chuyện bọn súc vật tự điều hành trang trại. “Chỉ ba bảy hai mốt [1] ngày là toi”, họ bảo. Họ tung tin là lũ súc vật trong Điền Trang (họ khẳng khái gọi là Điền Trang chứ không chịu chấp nhận tên Trại Súc Vật) suốt ngày tranh giành nhau và chẳng mấy nữa rồi sẽ chết đói thối. Một thời gian sau, thấy lũ súc vật không chết đói, Frederick và Pilkington liền đổi giọng và bắt đầu nói về những cảnh tượng vô luân không thể tưởng tượng được đang diễn ra trong Trại Súc Vật. Họ bảo rằng lũ súc vật ăn thịt lẫn nhau, chúng tra tấn nhau bằng móng sắt nung đỏ, còn những con cái thì thành vợ chung. “Chống lại qui luật của Tự Nhiên thì kết quả như vậy đấy”, Frederick và Pilkington nói.

Nhưng chuyện đó cũng chẳng có mấy người tin. Lờn đồn về một trang trại kì lạ, nơi con người bị đuổi đi và các con vật tự điều hành lấy công việc tiếp tục được truyền tụng một cách từ mù và xuyên tạc, suốt năm đó làn sóng bạo động lan tràn khắp cả vùng nông thôn. Những con bò đực vốn dễ bảo bỗng trở nên hung dữ, cừu thì phá đổ hàng rào và dẫm nát đồng cỏ, bò cái hất đổ xô sữa, ngựa đua thì không chịu nhảy qua hàng rào mà hất tung kì sĩ lên cao. Nhạc điệu và lời của bài “Súc Sinh Anh quốc” phổ biến đến tận hang cùng ngõ hẻm. Nó được truyền bá với một tốc độ nhanh chưa từng thấy. Bài hát làm cho con người phát điên lên được, nhưng họ lại giả dờ như đấy chỉ là một trò lơ bịch. Ngay cả súc vật cũng không thể nào lại hát một thứ rác rưởi dè tiện như thế được, họ bảo. Con vật nào bị

bắt quả tang đang hát bài đó lập tức bị đánh đòn tại trận. Thế mà vẫn không cấm tuyệt được. Sáo hát bài đó trên hàng rào, bỏ câu gù trên cây, bài hát đi vào tiếng đế ni non, vào cả tiếng chuông nhà thờ nữa. Con người run lên mỗi lần nghe thấy nó, họ như nghe thấy điềm báo trước tai họa của chính mình.

Đầu tháng mười, khi đã thu hoạch và đưa hết ngũ cốc vào kho, một số đã được đập thì có một đàn bồ câu bắt ngờ xé không khí lao tới đậu xuống sân trang trại, đáng vẻ vô cùng xúc động. Ông Jones cùng với gia nhân và khoảng nửa tá thanh niên của Trại Cáo và Trại Keo đã vượt qua cổng lớn và đang tiến vào trang trại này. Ông Jones lăm lăm khẩu súng đã lên đạn, còn những người khác đều được trang bị bằng gậy gộc. Không còn nghi ngờ gì nữa, họ muốn tái chiếm trang trại.

Nhưng lũ súc vật không bị bất ngờ, ngược lại, chúng đã chuẩn bị cho sự kiện này từ lâu. Tuyết Tròn, trước đây đã từng nghiên cứu kĩ lưỡng cuốn sách viết về các chiến dịch của Julius Ceasar [2] , mà nó tìm thấy trong ngôi nhà chính, được phân công tổ chức phòng vệ. Nó lập tức đưa ra các mệnh lệnh và các con vật mau chóng chiếm lĩnh các vị trí được phân công.

Tuyết Tròn ra lệnh tấn công ngay khi nhóm người kia vừa tiến gần đến dây nhà trong trang trại. Ba mươi lăm con bồ câu xuất kích, chúng bay qua bay lại và ỉa vào đầu đám người phía dưới, trong khi họ mãi tránh và phúi thì lũ ngỗng, phục kích sẵn sau hàng rào xông ra và cắn vào chân. Nhưng đấy mới chỉ là đòn chiến thuật có tác dụng làm rối loạn hàng ngũ đối phương bởi vì người ta dễ dàng dùng gậy để xua lũ ngỗng đi. Mũi tấn công thứ hai được đưa ra mặt trận. Muriel, Benjamin và toàn thể bầy cừu do chính Tuyết Tròn dẫn đầu xông lên vây chặt đám người

rồi lao vào húc lấy húc để trong khi Benjamin quay lưng về phía họ và đá vung vít. Nhưng lần này lũ súc vật cũng không thắng, gậy và giày đinh mà con người sử dụng là những vũ khí quá mạnh đối với chúng. Thấy tình thế bất lợi, Tuyết Tròn hi lên một tiếng và đấy chính là tín hiệu tạm lui binh, lũ súc vật vội tháo chạy vào trong sân.

Tiếng hò reo chiến thắng vang lên. Những người tấn công thấy quân thù đã bỏ chạy như dự kiến nên chẳng cần chỉnh đốn hàng ngũ, vội vàng xông lên truy kích. Đúng như Tuyết Tròn đã dự liệu. Khi người đã vào hết trong sân thì ba con ngựa, ba con bò và tất cả lũ lợn còn lại trước đó đã nằm mai phục sẵn trong chuồng bò liền lao ra cắt đứt đường rút lui. Tuyết Tròn hạ lệnh tổng công kích. Chính nó lao thẳng vào ông Jones. Ông Jones trông thấy nó lao tới liền bóp cò. Phát đạn ghém đã làm Tuyết Tròn bị thương dọc sống lưng, máu chảy lênh láng và làm chết một con cừu. Không lưỡng lự một giây, Tuyết Tròn cứ thế đâm thẳng tấm thân tạ ruồi của nó vào chân ông Jones. Ông ngã sòng soài lên đồng phân, súng văng ra xa. Nhưng khủng khiếp nhất là Chiến Sĩ, nó đứng trên hai chân sau và giáng xuống đầu người bằng những chiếc móng sắt. Cú nện đầu tiên của nó khiến anh chàng dọn chuồng ngựa của Trại Cáo ngã vật ra đất, bất tỉnh nhân sự. Có mấy người rút gậy và bỏ chạy. Không bỏ lỡ thời cơ, lũ súc vật liền đuổi theo vòng quanh sân. Chúng húc bồng họ lên, rồi cắn, đá, đập. Không có con nào trong trại là không tham gia báo thù theo cách của mình. Ngay con mèo cũng nhảy từ mái chuồng bò xuống vai anh chặn bò rồi vừa cắn vào cổ vừa gào như lên cơn động côn. Vừa thấy có thể rút lui được là mọi người vội chạy khỏi sân để ra đường lớn. Thế là

thâm nhập chưa được năm phút, họ đã phải tháo chạy, phía sau là lũ ngỗng vừa cắn vào đuôi vừa rú rít đuổi theo.

Có một người không chạy thoát. Trong sân, Chiến Sĩ đang cố lật anh dọn chuồng ngựa vẫn nằm úp mặt xuống bùn lèn. Anh chàng không hề động đậy.

“Hắn chết rồi!”, Chiến Sĩ buồn bã thốt lên, “Tôi đâu có định làm như vậy. Tôi quên mất là mình đeo móng sắt. Bây giờ ai mà tin là tôi không chủ ý chứ?”

“Thôi đừng có ủy mị, đồng chí!”, Tuyết Tròn nói, máu trên lưng nó vẫn rỉ ra từng lúc, “Chiến tranh là chiến tranh. Người tốt là người đã chết.”

“Tôi không có ý giết, ngay cả giết người”, Chiến Sĩ cứ nhắc đi nhắc lại như thế, mắt đăm lẹ.

“Thế Mollie đâu nhỉ?”, Có con nào đó hỏi.

Đúng là không thấy Mollie đâu. Ban đầu chúng rất lo, chúng sợ rằng Mollie có thể đã bị thương hoặc bị bọn người kia bắt theo cũng nên. Cuối cùng cô nàng đã được tìm thấy đang trốn trong chuồng ngựa, đầu rúc trong đồng rom. Nó đã bỏ trốn ngay khi nghe thấy tiếng súng nổ. Trong khi các con vật đi tìm Mollie thì anh chàng dọn chuồng ngựa hồi tỉnh và trốn mất.

Lũ súc vật đã tụ tập lại đầy đủ, chúng vô cùng phấn khích, tranh nhau nói. Lễ mừng chiến thắng được tổ chức ngay lập tức. Cờ được kéo lên và chúng hát bài “Súc Sinh Anh quốc” mấy lần liền, sau đó chúng làm lễ mai táng con cừu tử trận và trồng trên mộ của nó một bụi táo gai. Tuyết Tròn đọc một bài diễn văn ngay bên cạnh mộ chiến sĩ trận vong, nhấn mạnh rằng mọi con vật đều phải sẵn sàng hi sinh cho Trại Súc Vật khi cần.

Lũ súc vật nhất trí lập ra phần thưởng cho những chiến công

vừa qua, đây là danh hiệu Súc vật Anh hùng hạng nhất, danh hiệu này được trao ngay cho Tuyết Tròn và Chiến Sĩ. Phần thưởng là một chiếc huy chương đồng (chính là tấm đồng trang trí yên ngựa tìm được trong kho dụng cụ) được đeo vào ngày lễ và chủ nhật. Danh hiệu Súc vật Anh hùng hạng hai được trao cho con cừu đã hy sinh.

Chúng tranh cãi rất lâu về chuyện đặt tên cho chiến thắng. Cuối cùng chúng quyết định gọi là Chiến dịch Chuồng bò vì cuộc phục kích diễn ra trong chuồng bò. Chúng tìm được khẩu súng của ông Jones trong đám bùn, đạn thì trong trại vẫn có sẵn. Khẩu súng được mang đặt dưới chân cột cò, giả như súng đại bác ở các nơi khác, chúng sẽ bắn súng mừng hai lần trong một năm, một lần vào dịp hạ chí để mừng ngày Khởi Nghĩa, lần khác vào ngày hai mươi tháng mười để mừng Chiến Thắng.

V

Càng đến gần mùa đông thì Mollie càng trở nên khó chịu. Sáng nào cô nàng cũng đi làm muộn, viện cớ là ngủ quên; ngoài ra nó còn phàn nàn là bị những căn bệnh lạ, mặc dù vẫn ăn như thường luồng vậy. Nó thường tìm mọi cách để trốn việc và chạy ra hồ nước, thần thờ đứng ngắm bóng mình. Nhưng cứ như tin đồn thì nó còn mắc những khuyết điểm nghiêm trọng hơn nhiều. Một hôm, nó đang đi dạo trong sân, vô tư vẩy cái đuôi dài, miệng nhai một nắm cỏ thì Bà Mập kéo sang một bên và bảo:

“Mollie, chị có vài điều cần nói với em. Sáng nay chị trông thấy em đứng bên hàng rào giữa Trại Súc Vật và Trại Cáo. Bên kia hàng rào là người của nhà Pilkington. Dù đứng rất xa nhưng chị chắc chắn là lúc đó hẳn ta đang nói chuyện với em, chị nhìn thấy rõ như thế, còn em thì đã cho nó vỗ vỗ vào hai bên má. Mollie, chuyện đó là thế nào?”

“Anh ta không vỗ! Em không đứng ở đó! Làm gì có chuyện đó!” - Mollie gào lên, hai chân nhảy dặng và nện ầm ầm xuống mặt đất.

“Mollie, hãy nhìn thẳng vào mắt chị đây! Em có dám thề với chị là gã đó chưa từng vỗ vào má em không?”

“Không có chuyện đó!”, Mollie nhắc lại, nhưng nó không dám nhìn Bà Mập và lập tức phóng ra đồng.

Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu Bà Mập. Không nói cho con nào biết, nó từ từ tiến lại phía chuồng của Mollie và lấy móng lật đồng rom trong chuồng lên. Bên dưới đồng rom có một cục đường và mấy sợi ruy băng đủ màu sắc.

Ba ngày sau Mollie biến mất. Sau mấy tuần vẫn chưa có tin tức gì, nhưng rồi lũ bò câu báo cáo lại là đã nhìn thấy Mollie ở bên ngoài Willingdon. Nó kéo một cái xe nhỏ, sơn hai màu đen-đỏ lộng lẫy, đứng nghỉ gần một quán bia. Một gã đàn ông béo tốt, mặt đỏ gay, mặc quần ca rô, ống chèn, đi ghệt; có vẻ như là chủ quán; đang vừa vỗ về vừa đút cho nó miếng đường. Bờm nó mới được cắt chải cẩn thận, đám bờm trên trán có thắt một dải ruy băng màu đỏ tươi. Theo những con bò câu nói lại thì trông nó có vẻ thoải mãn. Từ đó không con nào nhắc đến nó nữa.

Bước sang tháng giêng, thời tiết trở nên vô cùng khắc nghiệt. Đất rắn như đá, không thể làm được việc gì nữa. Các cuộc Họp được chuyển vào nhà kho lớn, lũ lợn chuyên tâm vào việc lập kế hoạch cho vụ tới. Chúng nhất trí rằng vì lũ lợn thông minh nhất nên sẽ chịu trách nhiệm về đường lối chung của trại, nhưng quyết định của chúng phải được thông qua với đa số tuyệt đối. Mọi việc sẽ vô cùng hoàn hảo nếu như Tuyết Tròn và Napoleon không thường xuyên chống đối nhau. Hai con này bất đồng nhau về mọi vấn đề mỗi khi có dịp. Nếu con này bảo phải gieo nhiều lúa mạch hơn thì con kia nhất định sẽ nói phải gieo nhiều yến mạch hơn; nếu một con nói cánh đồng nào đó hợp với bắp cải thì con kia nhất định sẽ bảo vùng đó chỉ có thể trồng củ cải.

Con nào cũng có một số ủng hộ viên cho nên các cuộc tranh luận thường diễn ra rất quyết liệt. Do biết ăn nói nên Tuyết Tròn thường giành được đa số trong các cuộc Họp, còn ở bên ngoài thì đa số lại ủng hộ Napoleon. Trung thành nhất với Napoleon là lũ cừu. Thời gian gần đây lũ cừu thường tụng “Bốn chân tốt, hai chân xấu” khi có lí do cũng như chẳng cần lí do gì và các cuộc Họp cũng thường bị gián đoạn là vì thế. Đặc biệt là cứ đến những đoạn quan trọng nhất trong các bài phát biểu của Tuyết Tròn là y như rằng lũ cừu lại gào lên “Bốn chân tốt, hai chân xấu”. Tuyết Tròn đã nghiên cứu kĩ tạp chí “Trồng trọt và chăn nuôi” tìm được trong ngôi nhà chính, trong đầu nó có cả một mớ kế hoạch cải cách và hiện đại hóa công tác sản xuất. Nó kể về hệ thống thoát nước cho đồng ruộng, lò ủ chua, phân phốt phát cho cả trại nghe, nó còn soạn ra một sơ đồ đi vệ sinh, sao cho từng con “đi” mỗi lần ở một nơi khác nhau cho đỡ tốn công vận chuyển sau này. Napoleon thì ngược lại, không soạn gì cả, nhưng lại rì tai các con khác rằng Tuyết Tròn chỉ nói nhảm và có vẻ như đang đợi thời cơ để ra tay. Nhưng cuộc tranh chấp dữ dội nhất giữa hai con là về việc xây dựng cối xay gió.

Trên cánh đồng cỏ, không xa những dãy nhà của trại là mấy, có một cái gò nhỏ, cũng là chỗ cao nhất trong trại. Sau khi đã khảo sát, Tuyết Tròn tuyên bố rằng đây là khu vực tốt nhất để xây dựng một chiếc cối xay gió, chúng sẽ lắp lên đó một máy phát điện để cung cấp điện cho toàn trại. Các chuồng rồi sẽ có đèn điện, mùa đông thì sẽ có lò sưởi, chưa nói đến việc sẽ dùng điện để chạy máy cưa, máy thái cỏ, máy thái củ cải đỏ, máy vắt sữa nữa. Lũ súc vật chưa từng được nghe chuyện như thế bao giờ (trại này vốn thuộc loại lạc hậu, chỉ có các máy đơn

giản nhất), chúng vô cùng kinh ngạc lắng nghe Tuyết Tròn thao thao bất tuyệt về những chiếc máy kì diệu sẽ thay chúng làm việc trong khi chúng có thể ung dung gặm cỏ ngoài đồng hoặc ngồi đọc sách và tranh luận để nâng cao dần trí óc.

Chỉ vài tuần sau Tuyết Tròn đã hoàn tất các tài liệu kĩ thuật về dự án cối xay gió. Các bản vẽ chi tiết phần cơ khí được soạn thảo dựa trên ba cuốn sách của ông Jones: “Một ngàn đồ vật hữu dụng trong gia đình”, “Tự làm thợ xây” và “Người bắt đầu làm thợ điện cần biết”. Tuyết Tròn dùng cái nhà kho, trước đây vốn là khu ấp trứng, làm văn phòng vì ở đó có một cái nền phẳng bằng gỗ rất thích hợp cho việc vẽ kĩ thuật. Tuyết Tròn ngồi trong đó hàng giờ liền. Nó lấy một hòn đá đè lên trang sách cần thiết, một chân kẹp viên phấn; nó nhảy qua nhảy lại, vừa nhảy vừa vẽ, đôi khi khoái quá lại rít lên khe khẽ. Dần dần, các bản vẽ bao gồm rất nhiều trục và bánh răng xoắn xuýt lấy nhau xếp kín gần nửa gian nhà kho, các con khác tuy chẳng hiểu gì nhưng vô cùng thán phục. Ngày nào các con vật cũng đến xem các bản vẽ của Tuyết Tròn ít nhất một lần. Ngay cả lù gà, vịt cũng tới, nhưng đứng xa xa dòm vào để không đập phải các hình vẽ bằng phấn. Chỉ có Napoleon là không hề bận tâm. Nó phản đối ngay từ đầu. Mặc dù vậy, một hôm nó đã đến kiểm tra dự án mà không báo cho con nào biết trước. Nó đi xung quanh khu kho, rồi vào xem xét kĩ lưỡng các bản vẽ, hít chỗ này chỗ kia, rồi nhấc chân lên tè vào đấy một bãi, sau đó nó bình thản đi ra mà không thèm nói một lời nào.

Vì việc xây dựng cối xay gió mà trại chia làm hai phái đối địch nhau. Tuyết Tròn không giấu giếm rằng việc xây cối xay gió sẽ đòi hỏi một sự hy sinh to lớn. Phải khai thác, vận chuyển đá đến

công trường, rồi xây, sau đó mới lắp cánh quạt, động cơ và dây điện (làm sao kiếm được những thứ đó thì Tuyết Tròn không nói). Nhưng nó vẫn khẳng định rằng có thể hoàn tất công trình trong vòng một năm. Còn sau đó, nó tuyên bố, công việc sẽ bớt đi rất nhiều và chúng sẽ chỉ phải làm ba buổi một tuần mà thôi. Ngược lại, Napoleon cho rằng nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là sản xuất lương thực, nếu chúng phí thì giờ vào việc xây dựng cối xay gió thì chúng sẽ bị chết đói. Lũ súc vật chia thành hai phe; một phe đưa ra khẩu hiệu: “Ủng hộ Tuyết Tròn và ba ngày làm việc một tuần”; phe kia đưa ra khẩu hiệu: “Ủng hộ Napoleon và no bụng”. Chỉ có Benjamin là không tham gia phe phái nào. Nó không tin là rồi đây thức ăn sẽ dư thừa, cũng chẳng tin là cối xay gió sẽ giúp giảm công việc chân tay. Có cối xay hay không cối xay thì cũng thế thôi, chúng đã sống thế nào thì rồi cũng sẽ sống như vậy, nghĩa là còn khổ.

Ngoài cối xay gió thì chúng còn tranh cãi về việc phòng vệ nữa. Tất cả đều hiểu rằng tuy con người bị thua trong Chiến dịch Chuồng bò nhưng nhất định họ sẽ đánh một trận nữa, trận này sẽ dữ dội hơn, để giành lại trang trại cho ông Jones. Người ta nhất định sẽ làm như thế vì tin đồn về trận đại bại của con người đã lan khắp vùng thôn quê và lũ súc vật trong các trang trại khác nay trở nên ra bướng bỉnh hơn bao giờ hết. Cũng như mọi khi, Tuyết Tròn và Napoleon không tìm được tiếng nói chung. Theo Napoleon thì việc cần làm trước hết là tìm mua và tập sử dụng vũ khí nóng. Theo Tuyết Tròn thì việc cấp bách hiện nay là cử những đàn bò câu đến các trang trại khác để kêu gọi các cuộc khởi nghĩa ở đó. Một con cho rằng nếu chúng không tự phòng vệ được thì chúng nhất định sẽ bị người

ta chinh phục, con kia thì nói rằng nếu khỏi nghĩa nổ ra khắp nơi thì không cần phòng vệ nữa. Các con vật nghe Napoleon rồi nghe Tuyết Tròn, nhưng không quyết định được là con nào đúng, thực ra cứ con nào đang nói là con ấy đúng, chúng chẳng có chính kiến gì hết.

Cuối cùng Tuyết Tròn đã hoàn tất toàn bộ bản vẽ đồ án của mình. Trong cuộc Họp vào hôm chủ nhật, vấn đề xây dựng cối xay gió được đưa ra biểu quyết. Tất cả lũ súc vật tập hợp đầy đủ trong nhà kho lớn, Tuyết Tròn phát biểu trước và mặc dù thỉnh thoảng lại bị bày (bầy) cừu chen hòng, nó đã trình bày một cách đầy thuyết phục các lợi ích của cối xay gió. Sau đó đến lượt Napoleon. Nó tuyên bố một cách nhẹ nhàng rằng cối xay gió là chuyện nhảm nhí và khuyên mọi con chó có ủng hộ dự án này; nó chỉ nói chừng ba mươi giây rồi bình thản ngồi xuống, có vẻ như nó cũng chẳng thêm quan tâm đến hiệu quả vừa tạo ra nơi thính giả. Tuyết Tròn đứng lên trên hai chân sau và lập tức ứng khẩu một bài diễn văn hùng hồn nhằm thuyết phục những con khác biểu quyết xây dựng cối xay gió, nó nói to đến nỗi át được cả bầy cừu. Trước đó trang trại vốn chia làm hai phe đều nhau, nhưng lần này Tuyết Tròn đã thuyết phục được đa số ủng hộ. Nó nói về tương lai của Trại Súc Vật, một tương lai vô cùng tươi sáng, khi lao động chân tay không còn đè nặng lên lưng chúng nữa. Trí tưởng tượng của nó còn đi xa hơn những máy thái rom, máy thái củ cải. Điện, nó nói, có thể chạy máy gặt đập, máy cày, máy bừa, máy cán; ngoài ra còn cung cấp điện chiếu sáng, nước nóng, nước lạnh và lò sưởi cho tất cả các chuồng nữa. Có thể thấy kết quả biểu quyết ngay trước khi Tuyết Tròn kết thúc bài diễn văn. Nhưng đúng lúc đó thì Napoleon đứng lên, nó liếc

xéo về phía Tuyết Tròn rồi rít lên lạnh lạnh như tiếng còi, chưa con nào nghe thấy tiếng rít như thế bao giờ.

Có tiếng chó sủa dữ dội ở bên ngoài, rồi một bầy chín con chó cực to, cổ đeo vòng đồng lao vào nhà kho. Chúng xông thẳng vào Tuyết Tròn, may mà cu cậu tránh được cú tập của lũ chó. Tuyết Tròn vội chạy ra ngoài còn bầy chó thì rượt theo sau. Lũ súc vật còn lại vô cùng ngạc nhiên và hoảng sợ, cùng kéo nhau ra cửa để xem cuộc rượt đuổi. Tuyết Tròn chạy băng qua đồng cỏ để ra đường cái lớn. Nó chạy thực mạng còn bầy chó cũng luôn bám sát ngay sau. Bất thình lình cu cậu bị trượt chân, cứ tưởng bầy chó sẽ nhai nó đến nơi. Nhưng cu cậu lại guồng dậy được, lần này nó còn chạy nhanh hơn và bầy chó vẫn bám sát. Tuồng chừng như một con chó đã đón được đuôi Tuyết Tròn rồi, may mà lúc ấy cu cậu kịp vẩy sang hướng khác. Nó lại tăng tốc và lần này bỏ xa lũ chó được một đoạn, rồi nó chui qua được một lỗ thùng bên hàng rào. Không con nào còn nhìn thấy Tuyết Tròn nữa.

Vô cùng hoảng sợ, lũ súc vật im lặng quay lại nhà kho. Lũ chó săn cũng trở về ngay sau đó. Lúc đầu con nào cũng tự hỏi: mấy con chó ấy ở đâu ra thế nhỉ? Nhưng sau đó thì điều ấy cũng chẳng phải là bí mật nữa: mấy con này đã bị Napoleon bắt từ lúc còn bé rồi mang đi nuôi riêng. Dù chưa phát triển hoàn toàn nhưng trông chúng đã to và dữ không khác gì chó sói. Chúng đứng ngay cạnh Napoleon. Chúng cũng vẩy đuôi mừng Napoleon như những con khác thường mừng ông Jones vậy.

Napoleon, được lũ chó hộ tống, bước lên cái bục mà trước đây Thủ Lĩnh từng đứng nói chuyện. Nó tuyên bố rằng từ nay các cuộc Họp vào ngày chủ nhật hàng tuần sẽ bị hủy bỏ. Nó nói

rằng những cuộc Họp đó là vô bổ, chỉ mất thì giờ. Từ nay các vấn đề liên quan đến công việc của trang trại sẽ do một ủy ban toàn lợn và chủ tịch là Napoleon giải quyết. Đây sẽ là các cuộc Họp kín, nghị quyết sẽ được thông báo cho toàn trại sau. Các con vật sẽ vẫn tiếp tục tập họp vào sáng chủ nhật để chào cờ, hát “Súc Sinh Anh quốc” và nhận công việc sẽ làm trong tuần sau nhưng không còn các cuộc thảo luận nữa.

Mặc dù bị sốc vì vụ trục xuất Tuyết Tròn, quyết định hủy bỏ các cuộc thảo luận làm cả bọn thất vọng hoàn toàn. Một số con chắc chắn sẽ phản đối nếu chúng tìm được lí lẽ khả dĩ. Ngay Vô Sĩ cũng cảm thấy bất an. Nó dựng tai lên, rung rung bồm mấy lần, ý nghĩ cứ nhảy lung tung và dù rất cố gắng nó vẫn chẳng biết phải nói thế nào. Nhưng mấy con lợn thì dẻo miệng hơn. Bốn con lợn thịt ở hàng đầu gào lên phản đối, rồi cả bốn con cùng nhảy dựng lên đồng thanh nói. Nhưng những con chó đứng quanh Napoleon đã sửa vang và mấy con lợn đó đành phải ngậm miệng, im lặng về chỗ. Sau đó là lũ cừu với bài tụng “Bốn chân tốt, hai chân xấu” kéo dài khoảng mười lăm phút, chấm hết mọi cuộc bàn thảo. Chỉ Điểm được cử đi giải thích cho những con khác.

“Thưa các đồng chí”, Chỉ Điểm nói, “Tôi hy vọng rằng tất cả các đồng chí đều đánh giá cao sự hy sinh của đồng chí Napoleon khi đồng chí ấy đứng ra cáng đáng công việc lãnh đạo trại. Các đồng chí đừng nghĩ rằng lãnh đạo là việc dễ! Ngược lại, đây là trách nhiệm cực kì nặng nề và khó khăn. Không có ai trong chúng ta tin tưởng một cách sâu sắc bằng đồng chí Napoleon rằng tất cả các con vật sinh ra đều bình đẳng. Đồng chí ấy sẽ rất sung sướng nếu các bạn có thể tự quyết định lấy số phận của

minh. Nhưng ai có thể đảm bảo rằng đôi khi các đồng chí sẽ không có quyết định sai, khi đó trại của chúng ta sẽ ra sao? Ví dụ các đồng chí có thể đi theo tên Tuyết Tròn với cái cối xay gió hào huyền của nó, đi theo một tên mà hành tung không khác gì một tên tội phạm thì sao?”

“Anh ta đã chiến đấu một cách dũng cảm trong Chiến dịch Chuồng bò”, có con lên tiếng.

“Dũng cảm không chưa đủ”, Chi Điểm nói, “Lòng trung thành và sự phục tùng còn quan trọng hơn. Nói về Chiến dịch Chuồng bò, tôi tin rằng sẽ đến lúc chúng ta thấy vai trò của Tuyết Tròn đã bị thổi phồng một cách quá đáng. Kỉ luật, thua các đồng chí, kỉ luật sắt! Đây là khẩu hiệu của chúng ta trong giai đoạn hiện nay. Chỉ một bước đi sai lầm là kẻ thù sẽ tấn công ngay. Chắc chắn là các đồng chí không muốn lão Jones quay lại chứ?”

Lí lẽ của nó quả là khó bác bỏ được. Chắc chắn là không có con nào muốn lão Jones quay về rồi, nếu những cuộc tranh cãi vào các ngày chủ nhật tạo cơ cho lão Jones trở về thì chúng sẽ không tranh cãi nữa. Chiến Sĩ đã suy nghĩ kĩ, nó thay mặt tất cả phát biểu:

“Đồng chí Napoleon nói gì cũng đúng. Đồng chí Napoleon không bao giờ sai.”

Từ đó ngoài “Tôi sẽ cố gắng hơn nữa”, Chiến Sĩ còn có thêm một khẩu hiệu mới: “Đồng chí Napoleon lúc nào cũng đúng”.

Thời tiết đã ấm dần lên, bắt đầu một mùa cày mới. Khu kho, nơi Tuyết Tròn vẽ thiết kế cối xay gió đã bị đóng cửa và có lẽ các bản vẽ cũng bị xoá rồi. Cứ mười giờ sáng chủ nhật là lũ súc vật lại tụ tập trong nhà kho lớn để nhận nhiệm vụ sản xuất cho cả tuần sau. Sọ của Thủ Linh, nay chỉ còn xương được đào lên

và đặt trên một gốc cây, cạnh khẩu súng, dưới chân cột cờ. Sau khi dự lễ kéo cờ, lũ súc vật phải trình trọng bước đều ngang qua nơi đặt sọ Thủ Lĩnh rồi mới đi vào nhà kho. Nay chúng cũng không còn ngồi lẫn lộn với nhau như mọi khi nữa. Napoleon, Chi Điểm và Kế Tục, một con heo có biệt tài trong việc soạn bài hát và làm thơ ngồi trên cái bục gỗ, chín con chó làm thành nửa vòng tròn bao quanh, những con lợn khác ngồi ở phía sau. Các con vật còn lại ngồi trên nền nhà. Napoleon đọc bản phân công công việc cho tuần sau, rồi chúng hát một lần bài “Súc Sinh Anh quốc” và giải tán.

Ngày chủ nhật thứ ba, kể từ khi trục xuất Tuyết Tròn, các con vật bỗng nghe Napoleon tuyên bố rằng nhất định phải xây dựng cối xay gió. Nó không giải thích vì sao lại thay đổi quyết định, nhưng bảo rằng nhiệm vụ này đòi hỏi mọi con phải cố gắng, hi sinh rất nhiều, không loại trừ khả năng là phải cắt bớt khẩu phần ăn hàng ngày nữa. Dự án đã được lập đến từng chi tiết. Một ủy ban toàn lợn đã nghiên cứu dự án này suốt ba tuần qua. Việc xây dựng cối xay gió và các công trình phụ trợ khác có thể kéo dài trong hai năm.

Buổi chiều, Chi Điểm đến giải thích cho từng con rằng thực ra Napoleon không chống đối việc xây dựng cối xay gió. Ngược lại, ngay từ đầu nó đã ủng hộ dự án và những bản vẽ mà chúng thấy trong khu ấp trứng chính là do Tuyết Tròn đánh cắp của Napoleon. Cối xay gió là sáng kiến riêng của Napoleon. Thế thì tại sao - một số con hỏi - trước đây Napoleon lại kiên quyết chống? Chi Điểm tỏ ra rất ranh mãnh. Đây - nó giải thích - đây là sự khôn khéo của đồng chí Napoleon. Đồng chí ấy chỉ giả vờ chống để có thể tổng khử Tuyết Tròn, kẻ thù nguy hiểm có thể

dẫn chúng vào con đường lầm lạc bất cứ lúc nào. Bây giờ, khi Tuyết Tròn không còn thì chúng có thể tiến hành mà không sợ nó gây rối nữa. Đây gọi là chiến thuật, Chỉ Điểm nói. Nó nhắc đi nhắc lại: “Chiến thuật, các đồng chí, đây chính là chiến thuật” rồi vừa mỉm cười vừa nhảy xung quanh, đuôi ngoáy tít. Lũ súc vật chẳng hiểu gì, nhưng Chỉ Điểm nói rất hùng hồn đồng thời ba con chó đi cùng với nó bỗng sủa ầm lên, nên chúng đành chấp nhận mà không hỏi gì thêm nữa.

VI

Suốt năm đó lũ súc vật phải làm lụng quần quật không khác gì nô lệ. Nhưng làm việc đối với chúng là một niềm vui, chúng không tiếc sức, chúng sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh vì chúng biết rằng chúng đang làm việc cho mình và cho con cháu mình chứ không phải cho một lũ người lười biếng, trộm cắp nữa.

Suốt mùa xuân và mùa hè chúng đã làm việc sáu mươi tư tiếng một tuần, nhưng sang tháng tám thì Napoleon tuyên bố là sẽ làm cả chiều chủ nhật. Công việc này là hoàn toàn tự nguyện, nhưng con nào vắng mặt sẽ bị cắt một nửa khẩu phần. Mặc dù vậy, chúng vẫn không hoàn thành được kế hoạch đã đề ra. Năm nay thu hoạch kém hơn năm ngoái, chúng cũng không kịp trồng củ cải trên hai khu ruộng vì cày bừa quá chậm. Có thể thấy trước rằng mùa đông tới sẽ có nhiều khó khăn.

Việc xây dựng cối xay gió cũng gặp không ít rắc rối. Ngay trong trang trại đã có một mỏ đá vôi tốt, cát cũng không thiếu, còn xi măng thì sẵn trong kho; mọi vật tư xây dựng đều có đủ. Nhưng có một vấn đề mà lũ súc vật không thể giải quyết ngay được, đấy là làm thế nào đập được đá thành những viên có kích thước như ý. Có vẻ như chỉ có một cách là dùng cuộc chim và xà beng; nhưng không con nào biết sử dụng những thứ ấy vì

chúng không thể đứng trên hai chân sau được. Phải mất mấy tuần lễ mày mò chúng mới biết cách lợi dụng lực hút của trái đất. Những tảng đá lớn, không thể dùng được nằm dưới đáy mỏ đá vôi. Lũ súc vật lấy dây quần xung quanh những hòn đá, sau đó cả bọn, nào bò, nào ngựa, nào cừu, bất cứ con nào có thể bám vào dây đều có mặt, khi khẩn cấp cả bọn lợn cũng nắm lấy dây và kéo từ từ theo bò dốc, rồi chúng thả rơi hòn đá xuống đáy cho vỡ thành những mảnh nhỏ. Việc vận chuyển những viên đá vỡ không phải là khó. Ngựa vận chuyển bằng xe con, cừu thì mang từng viên một, ngay cả Muriel và Benjamin cũng tự thắng vào chiếc xe hai chỗ và tham gia chuyên chở. Đến cuối mùa hè thì chúng đã kiếm được đủ đá, công việc xây dựng bắt đầu, lũ lợn đóng vai giám sát và đốc công.

Nhưng việc xây dựng tiến hành rất chậm, tốn rất nhiều công sức. Chúng thường mất cả ngày mới kéo được một hòn đá lên đến đỉnh, nhưng khi thả xuống thì nó lại không vỡ. Không có Chiến Sĩ thì chẳng có việc gì nên hồn, một mình nó làm bằng tất cả những con khác cộng lại. Nếu hòn đá nặng quá, cả lũ bị nó lôi xuống thì bao giờ Chiến Sĩ cũng gắng hết sức để kéo lên. Ai cũng phải thần phục khi nhìn thấy nó, chân bám chặt vào đất, hơi thở gấp gáp, hai bên sườn dầm mồ hôi, gắng sức kéo những hòn đá lên từng bước một. Bà Mập thỉnh thoảng lại nhắc nó đừng có lao lực quá, nhưng nó không nghe. Có vẻ như đối với nó thì hai câu khẩu hiệu: "Tôi sẽ cố gắng hơn nữa" và "Đồng chí Napoleon lúc nào cũng đúng" chính là đáp án cho mọi vấn đề. Nó lại nhờ con gà trống gọi dậy trước bốn mươi lăm phút chứ không phải nửa tiếng như trước đây. Những lúc rảnh rỗi, phải nói là bây giờ chúng không có nhiều thời giờ rỗi nữa, nó

đi một mình ra mỏ đá, xếp những hòn vỡ lại và kéo lên chỗ xây cối xay gió mà không cần con nào giúp.

Dù có phải làm việc vất vả nhưng đời sống lũ súc vật trong mùa hè cũng không đến nỗi nào. Chúng không được ăn nhiều hơn thời còn ông Jones, nhưng cũng không ít hơn. Bù lại, chúng chỉ phải làm để tự nuôi mình, chúng không phải nuôi lũ người gồm những năm tên tham ăn nữa, chỉ riêng điều này đã đủ động viên chúng vượt qua mọi khó khăn chồng chất. Thêm nữa, cách làm của lũ súc vật nhiều khi lại hiệu quả và nhanh. Ví dụ việc làm cỏ được chúng thực hiện nhanh, gọn hơn người nhiều. Bây giờ không còn con nào ăn cắp nên cũng không cần chừa hàng rào và cổng giữa khu đồng cỏ và khu canh tác nữa. Nhưng từ mùa hè đó bắt đầu có sự thiếu hụt, nay thứ này, mai thứ khác. Chúng cần dầu đốt, đinh, dây thừng, bánh cho chó, sắt để làm móng ngựa, những thứ này Trại Súc Vật không sản xuất được. Sau đó là đến hạt giống, phân hóa học, các loại công cụ như cuốc, xẻng, rồi còn thiết bị cho cối xay gió nữa. Không con nào biết cách mua những thứ đó.

Một sáng chủ nhật, khi lũ súc vật tập trung nhận nhiệm vụ cho tuần tới, Napoleon bỗng tuyên bố rằng nó đã quyết định tiến hành một chính sách mới. Từ nay trở đi Trại Súc Vật sẽ buôn bán với các trại lân cận: dĩ nhiên là không phải vì lợi nhuận mà chỉ để mua một số vật dụng thật sự cần thiết thôi. Nhiệm vụ xây dựng cối xay gió là tối cần thiết đối với chúng ta, nó nói như thế. Vì vậy nó đã thương thảo về việc bán cỏ và một phần lúa mì vụ vừa rồi, sau này, nếu cần tiền nữa thì có thể phải bán trứng, nhu cầu về trứng ở Willingdon là rất cao. Các bạn gà, Napoleon nói, phải lấy làm tự hào vì đã có những đóng góp đặc biệt trong việc

xây dựng cối xay gió.

Một lần nữa lũ súc vật lại cảm thấy lo lắng. Không quan hệ với con người, không tham gia buôn bán, không sử dụng tiền - chả lẽ đây không phải là những quyết định được thông qua trong cuộc Họp đầu tiên mừng chiến thắng sau khi đuổi được lão Jones ư? Tất cả mọi con đều nhớ là chúng đã từng thông qua những quyết định ấy, hay ít nhất chúng nghĩ rằng chúng nhớ là như thế. Bốn con lợn, những con đã đứng lên phản đối khi Napoleon tuyên bố hủy bỏ các cuộc Họp cuối tuần lại định lên tiếng, nhưng chúng phải vội vã ngậm miệng vì bầy chó đã sửa âm ĩ lên rồi. Cũng như mọi khi, lũ cừu lại tụng “Bốn chân tốt, hai chân xấu!” và mọi sự đều vẫn hoàn hảo. Cuối cùng Napoleon giơ chân lên đề nghị trật tự và tuyên bố là nó đã giải quyết ổn thỏa mọi chuyện rồi. Không con nào phải tiếp xúc với loài người, việc đó thật chẳng hay ho gì. Nó sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về công việc nặng nề đó. Một luật sư hiện sống ở Willingdon tên là Whymper đã đồng ý làm trung gian giữa Trại Súc Vật và các trang trại lân cận, ông ta sẽ đến nhận nhiệm vụ vào các buổi sáng thứ hai hàng tuần. Giống như mọi khi, Napoleon kết thúc bài diễn văn bằng cách hô khẩu hiệu “Trại Súc Vật muôn năm” và sau khi hát bài “Súc Sinh Anh quốc”, lũ súc vật giải tán.

Sau đó Chi Điểm lại đi một vòng quanh trại để công tác tư tưởng. Nó cam đoan rằng quyết định không buôn bán và không sử dụng tiền chưa hề được đưa ra biểu quyết chứ đừng nói là thông qua. Đây chỉ là chuyện bịa đặt, mà nếu theo dõi từ khởi kì thủy thì có thể do Tuyết Tròn bịa ra cũng nên. Nhưng một số con vẫn còn chưa tin, thế là Chi Điểm hỏi: “Đồng chí có chắc

là không tưởng tượng ra như thế chứ? Đồng chí có tài liệu nào khẳng định chuyện đó không? Quyết định đó được ghi ở đâu?”. Chắc chắn là các quyết định đó không được ghi chép ở đâu cả cho nên cuối cùng lũ súc vật tin là chúng đã lầm.

Thứ hai nào ông Whympet cũng đến trang trại. Ông là một luật sư đáng người nhỏ nhắn, để tóc mai dài, mới bắt đầu đi vào làm ăn, nhưng khá ranh mãnh, nhận ra ngay rằng nhất định Trại Súc Vật sẽ cần một người môi giới và tiền hoa hồng dĩ nhiên là phải “đậm”. Lũ súc vật sợ Whympet và tìm cách tránh càng xa càng tốt. Dù sao thì việc Napoleon đứng trên bốn chân ra lệnh cho Whympet đứng trên hai chân cũng tạo ra trong lòng chúng niềm tự hào chính đáng và phần nào xoa dịu được phản ứng đối với chính sách mới. Quan hệ của chúng với giống người đã không hoàn toàn như trước đây nữa. Lòng thù hận của giống người đối với Trại Súc Vật không những không giảm mà còn tăng vì nó ngày càng thịnh vượng hơn. Ai cũng tin là trước sau gì thì cái trại này cũng phá sản mà thôi, còn cối xay gió thì thất bại là cái chắc. Họ thường tụ tập trong các quán bia rồi về các sơ đồ để chứng minh rằng cối xay gió nhất định sẽ sập, mà nếu không sập thì cũng sẽ chẳng hoạt động được. Nhưng dù không thích, họ vẫn phải nể lũ súc vật vì chúng quản lí trang trại khá hiệu quả. Chúng có là họ đã bắt đầu gọi trại này là Trại Súc Vật và đã thôi giả đồ là nó vẫn mang tên là Điện Trang. Họ cũng không còn ủng hộ ông Jones nữa, ông này đã mất hết hy vọng chiếm lại được trang trại và đã đi làm ăn ở nơi khác rồi. Tuy hiện nay mọi quan hệ giữa Trại Súc Vật với thế giới bên ngoài đều thông qua Whympet, nhưng người ta đồn rằng Napoleon sắp sửa kí kết hợp đồng thương mại hoặc là với Trại Cáo của Pilkington.

ton hoặc là với Trại Keo của Frederick, nhưng thiên hạ cũng nói rằng sẽ không có chuyện kí với cả hai trại cùng một lúc.

Cũng khoảng thời gian đó lũ lợn đột ngột chuyển vào sống trong toà nhà chính. Lần này lũ súc vật cũng cho rằng ngay từ những ngày đầu tiên chúng đã thông qua quyết định là không con nào được dọn vào sống trong ngôi nhà chính. Chỉ Điểm lại thuyết phục được chúng rằng chúng đã lầm. Loài lợn là bộ óc của cả trại, nó nói, cho nên cần phải dành cho các đồng chí ấy những chỗ yên tĩnh để làm việc. Lãnh tụ (thời gian gần đây nó bắt đầu gọi Napoleon là lãnh tụ) phải sống ở một nơi xứng đáng chứ không thể cứ sống mãi trong chuồng heo được. Tuy vậy một số con tỏ ra lo lắng khi nghe nói rằng lũ lợn không những ăn trong bếp và nghỉ trong phòng khách mà còn ngủ cả trên giường nữa. Chiến Sĩ vẫn nói “Đồng chí Napoleon lúc nào cũng đúng”, nhưng Bà Mập thì cho rằng chắc chắn là có qui định cấm ngủ trên giường nên đã đi ra đầu hồi nhà kho để xem Bảy Điều Răn. Nhưng nó chỉ nhận được mặt chữ chứ không thể ghép vần được, nó đành đi tìm Muriel.

“Muriel”, Bà Mập bảo, “đọc cho tôi nghe Điều Răn Thứ Tư. Có phải là không bao giờ được ngủ trên giường không?”

Muriel phải đánh vần mãi mới xong.

“Điều Răn này viết: Không con vật nào được ngủ trên giường có trải dĩa”, Muriel nói.

Thật là kì, Bà Mập nhớ là Điều Răn Thứ Tư đâu có nói khăn trải giường, nhưng nếu đã ghi rõ trên tường như thế thì chắc là thế thôi. Đúng lúc đó Chỉ Điểm cùng với hai hay ba con chó vô tình đi ngang qua.

“Thưa các đồng chí”, nó nói, “tôi nghĩ rằng các đồng chí biết

là loài lợn chúng tôi đã ngủ trên giường rồi? Tại sao lại không nhỉ? Chẳng lẽ các đồng chí lại cho rằng có qui định cấm ngủ trên giường à? Giường là gì, chỉ là chỗ để nằm ngủ mà thôi. Nói đúng ra thì một ổ rom trong chuồng cũng là giường. Qui định là cấm ngủ trên khăn trải, vì đấy là sản phẩm của con người. Chúng tôi đã bỏ hết khăn trải giường đi rồi, bây giờ chúng tôi chỉ dùng chăn thôi. Giường phải nói là rất tiện! Nhưng cũng không phải là quá xa xỉ, tôi có thể nói với các đồng chí rằng đấy chính là thứ cần cho những người làm việc trí óc như chúng tôi. Chẳng lẽ các đồng chí lại không muốn cho chúng tôi được nghỉ ngơi hay sao? Chẳng lẽ các đồng chí lại muốn chúng tôi kiệt sức hay sao? Chắc chắn là không có ai trong các đồng chí muốn lão Jones quay lại chứ?”

Bọn súc vật khẳng định với nó rằng chúng không nghĩ như vậy và từ đó cũng không con nào còn nhắc đến việc lù lợn ngủ trên giường nữa. Mấy ngày sau có thông báo rằng từ nay trở đi loài lợn sẽ dậy muộn hơn những loài khác một tiếng, lần này thì không có con nào phản nản gì cả.

Mùa thu tới, lù súc vật tuy mệt nhưng vui. Năm qua là một năm vất vả, phải bán một phần cỏ và ngũ cốc nên dự trữ cho mùa đông không được dư giả lắm, nhưng cối xay gió đã đền bù mọi công khó của chúng. Cối xay gió đã xây dựng được gần một nửa rồi. Sau vụ thu hoạch thời tiết rất thuận lợi, lù súc vật làm việc miệt mài chưa từng thấy, chúng sẵn sàng đi lại, khuôn vác suốt ngày miễn là bức tường cứ ngày một cao thêm, dù chỉ một ít. Ban đêm Chiến Sĩ còn tranh thủ làm thêm một, hai tiếng dưới ánh trăng. Lúc rảnh rỗi lù súc vật thường đi dạo xung quanh cái công trình xây dựng đó, ngắm nhìn những bức tường

đứng thẳng và chắc chắn; rồi tự hỏi chả lẽ chúng đã xây được cái công trình tráng lệ như thế này ư. Chỉ có Benjamin là vẫn như cũ, nó chẳng nói gì, ngoại trừ câu cửa miệng là lừa sống dai lắm.

Tháng mười một bắt đầu có gió tây nam. Việc xây dựng bị ngưng trệ vì trời ẩm quá, không thể trộn vữa được. Một đêm gió mạnh đến nỗi mái nhà tốc ngói, tường cũng như muốn lung lay sắp đổ. Lũ gà thức giấc và kêu quang quác vì cả bọn cùng mơ thấy như có tiếng súng nổ ở đâu đó. Buổi sáng, khi lũ súc vật đi ra khỏi chuồng thì thấy cột cờ đã đổ từ bao giờ, còn cây du ở cuối vườn thì đã bị tróc gốc không khác gì người ta nhổ cây củ cải. Nhưng đấy chưa phải đã hết, trước mặt chúng còn một cảnh tượng khủng khiếp hơn nhiều. Cối xay gió đã bị đổ sập hoàn toàn. Tất cả cùng đồng thanh thét lên vì thất vọng.

Chúng lao về phía công trường. Napoleon vốn vẫn cho rằng chạy là việc hạ đẳng cũng ba chân bốn cẳng chạy ngay đầu đoàn. Thế là xong, tất cả đã thành công toi, những viên đá mà chúng phải khó nhọc mới đập vỡ và vận chuyển tới được nay nằm ngổn ngang khắp nơi. Không nói nên lời, chúng đứng lặng, đau khổ ngẩng nhìn đống đá đổ. Napoleon im lặng đi đi lại lại, thỉnh thoảng gi mũi xuống đất để ngửi. Đuôi nó duỗi thẳng, đập qua đập lại rất mạnh, chứng tỏ nó đang suy nghĩ rất lung. Nó bỗng dừng lại, có nghĩa là nó đã tìm được giải pháp.

“Thưa các đồng chí”, nó bình tĩnh nói, “các đồng chí có biết ai phải chịu trách nhiệm về việc này không? Kẻ nào đã phá hoại, kẻ nào đã phá sập cối xay gió của chúng ta đêm qua? Tuyết Tròn!”, nó bỗng gào lên, “chính Tuyết Tròn chứ không ai. Tên phản bội đầy thù hận đó đã nhẩn tâm tìm cách phá chúng

ta và trả thù về việc nó bị trục xuất một cách nhục nhã, nó đã lợi dụng đêm tối để mò vào và phá hủy toàn bộ thành quả lao động suốt một năm trời nay của chúng ta. Hôm nay, tại đây, tôi tuyên bố kết án tử hình Tuyết Tròn. Ai giết được nó sẽ được phong Súc Vật Anh Hùng hạng hai và được thưởng một nửa thùng táo. Ai bắt sống được nó sẽ được thưởng một thùng táo.”

Con nào cũng vô cùng cảm tức khi biết tin Tuyết Tròn đã phạm tội ác tày trời như thế. Hòn cảm bực phát thành tiếng thét, con nào cũng nghĩ cách bắt sống Tuyết Tròn nếu nó còn lảng vảng đâu đây. Chúng còn phát hiện ra dấu chân lợn ở trên đám cỏ ngay gần khu đồi. Dấu chân kéo dài khoảng chục mét, có vẻ như hướng về chỗ có lỗ thủng trên hành rào. Napoleon hít lấy hít để các dấu chân ấy và sau đó tuyên bố rằng đấy là chân Tuyết Tròn. Napoleon nói rằng có thể Tuyết Tròn đi từ hướng Trại Cáo tới.

“Chậm nghĩa là chết”, Napoleon tuyên bố sau khi xem dấu chân xong, “phải tiếp tục công việc, thưa các đồng chí! Chúng ta sẽ bắt đầu khôi phục cối xay gió ngay từ sáng hôm nay, chúng ta sẽ làm trong suốt mùa đông này, mặc cho gió mưa, giá rét. Chúng ta sẽ dạy cho tên phản bội khốn nạn đó một bài học là nó không thể ngăn cản được chúng ta. Xin các đồng chí nhớ cho: kế hoạch của chúng ta vẫn không thay đổi. Chúng ta nhất định sẽ hoàn thành việc xây dựng cối xay gió đúng thời hạn. Các đồng chí, tiến lên! Cối xay gió muôn năm! Trại Súc vật muôn năm!”

VII

Mùa đông năm đó rất khắc nghiệt. Bão rồi đến mưa, sau đó là tuyết và băng giá, sang tháng hai mà băng chưa tan. Thế mà lũ súc vật vẫn miệt mài xây dựng lại cối xay gió, chúng biết rằng người ta đang theo dõi chúng và bọn người độc ác ấy sẽ có cơ để vui mừng nếu chúng không hoàn thành công trình đúng hạn.

Để trêu tức chúng, người ta còn làm ra vẻ không tin là Tuyết Tròn đã phá cối xay gió, họ bảo rằng nó sập là do tường mỏng quá. Nhưng lũ súc vật thì tin chắc là không phải thế. Dù sao chúng cũng quyết định sẽ xây tường dày một mét chứ không phải bốn mươi phân như trước đây nữa, và như vậy thì cần phải khai thác nhiều đá hơn trước. Mỏ đá chìm dưới tuyết trong một thời gian dài nên không thể bắt đầu được. Sau đó thì trời tuy có lạnh nhưng khô ráo, nhưng công việc quả là khủng khiếp, lũ súc vật không còn hăng hái như xưa nữa. Chúng không những bị lạnh mà còn thường xuyên bị đói nữa. Chỉ có Chiến Sĩ và Bà Mập là vẫn nhiệt tình. Chỉ Điểm động viên phong trào bằng những buổi nói chuyện, nó chứng minh một cách hùng hồn rằng lao động là hạnh phúc và vinh quang. Nhưng những buổi nói chuyện của Chỉ Điểm cũng không có tác dụng, chính sức khoẻ và câu “Tôi sẽ cố gắng hơn nữa” của Chiến Sĩ là nguồn

động viên rất lớn đối với những con khác.

Lương thực bắt đầu cạn vào tháng giêng. Khẩu phần bằng ngũ cốc bị cắt bớt, thay vào đó là khoai tây. Khi đó lại phát hiện ra là đa số khoai tây đánh đông đã bị nhũn vì không được che đậy cẩn thận, số ăn được còn lại chẳng đáng là bao. Nhiều hôm chúng chỉ được ăn mỗi củ và củ cải. Nạn đói bắt đầu đe dọa.

Tin này dứt khoát phải giữ kín, không được để cho người xung quanh biết. Phấn chấn vì vụ sập cối xay gió người ta càng tung nhiều tin thất thiệt về Trại Súc Vật hơn. Người ta đồn nào là lũ súc vật sắp sửa chết vì đói và bệnh đến nơi, nào là chúng đánh nhau suốt ngày, nào là chúng đang ăn thịt lẫn nhau, rồi giết cả những con non nớt. Napoleon hiểu rằng sẽ có nhiều phiền toái nếu người ngoài biết trại đang gặp khó khăn về lương thực nên quyết định dùng Whymper làm công cụ phản tuyên truyền. Trước đây lũ súc vật thường đứng xa xa mỗi khi Whymper ghé vào trại, nhưng bây giờ một số con được chọn, chủ yếu là cừu, được phép đến gần và làm như vô tình, nói rằng dạo này khẩu phần có tăng. Ngoài ra, Napoleon còn ra lệnh đổ cát cho gần đầy bồ bịch trong kho rồi lấy ngũ cốc và bột phủ lên trên. Mỗi khi có dịp là chúng lại dẫn Whymper đi ngang qua nhà kho để ông ta có thể nhìn thấy lương thực chứa trong đó. Whymper đã bị xỏ mũi và thường nói với mọi người là Trại Súc Vật vẫn đủ lương thực.

Mặc dù vậy, đến cuối tháng giêng thì thấy rõ là phải tìm cách mua thêm ngũ cốc. Dạo này Napoleon ít khi đi ra ngoài, nó ngồi lì trong ngôi nhà chính, các cửa ra vào đều có những con chó dữ canh phòng nghiêm ngặt. Nếu nó đi ra ngoài thì bao giờ cũng có sáu con chó hộ tống xung quanh, bọn này lập tức

nhe nhai gặm gù, đe dọa khi thấy những con khác đến gần. Nó cũng không còn tham gia các buổi Họp ngày chủ nhật nữa mà giao cho một con lợn khác, thường là Chi Điểm, đọc bảng phân công công việc.

Một lần, vào chủ nhật, Chi Điểm tuyên bố là lũ gà mái, bọn này vừa bắt đầu đẻ, phải giao nộp trứng. Thông qua Whympet, Napoleon đã kí hợp đồng cung cấp bốn trăm quả trứng mỗi tuần. Tiền bán trứng đủ mua lương thực cho đến mùa hè và khi đó mọi sự sẽ dễ dàng hơn.

Lũ gà mái gào toáng lên. Trước đây chúng cũng đã được nhắc nhở là cần phải hy sinh, nhưng không ngờ mọi sự lại tồi tệ đến như vậy. Chúng đã chuẩn bị tổ cho vụ ấp xuân, chúng tuyên bố là bây giờ mà lấy trứng thì khác gì sát sinh. Kể từ ngày trục xuất ông Jones, đây là lần đầu tiên có một cuộc tụ tập giống như bạo loạn. Ba con gà mái to giống Minorca cầm đầu cuộc nổi dậy chống lại kế hoạch của Napoleon. Biện pháp của chúng là bay lên xà nhà và đẻ xuống cho trứng vỡ. Napoleon hành động nhanh chóng và quyết liệt. Nó hạ lệnh không cho bọn gà mái ăn nữa và còn tuyên bố là con nào cho lũ gà dù chỉ một hạt thóc sẽ bị tử hình ngay lập tức. Lũ chó được phân công theo dõi. Lũ gà mái cầm cự được năm ngày, cuối cùng đã phải đầu hàng và trở về đẻ vào tổ như cũ. Chín con gà mái chết. Chúng bị coi là chết vì bệnh cầu trùng và được chôn trong vườn. Whympet không hề biết chuyện này và đều đặn tuần nào cũng có một chiếc xe đến lấy trứng.

Không thấy Tuyết Tròn đâu. Có tin đồn là nó trốn trong Trại Cáo hay Trại Keo gì đó. Quan hệ giữa Napoleon với các trại xung quanh đã được cải thiện phần nào. Lúc đó chúng bỗng

phát hiện được một đồng gỗ trong sân trại, số gỗ này bị đốn cách đây khoảng chục năm. Số gỗ tìm được thật đúng lúc, Whympers khuyên Napoleon đem bán, cả Pilkington và Frederick đều muốn mua. Napoleon lưỡng lự, không biết nên bán cho ai. Cứ hễ nó định bán cho Frederick thì có tin nói là Tuyết Tròn đang trốn trong Trại Cáo, mà khi nó ngả sang Pilkington thì lại có tin Tuyết Tròn đang trong Trại Keo.

Đầu tháng giêng toàn trại bỗng sôi động vì một tin bất ngờ như sét đánh giữa trời quang. Hoá ra là Tuyết Tròn vẫn thường bí mật thâm nhập trại vào ban đêm! Lũ súc vật lo lắng đến mất ngủ. Đồn rằng đêm nào Tuyết Tròn cũng mò vào phá hoại. Nó ăn trộm lương thực, hất đổ các xô sữa, đập vỡ trứng, dẫm nát các đám mạ và nhai vỏ cây trong vườn. Khó khăn thất bại nào cũng bị quy là tại Tuyết Tròn. Nếu cửa sổ bị vỡ hay ống thoát nước bị tắc là y như rằng có con nói là tại Tuyết Tròn phá, ngay khi chia khóa nhà kho bị mất thì cả trại cũng cho rằng Tuyết Tròn đã ném xuống giếng. Điều lạ là sau khi đã tìm thấy chia khóa bên dưới túi bột thì cả trại vẫn tin là tại Tuyết Tròn. Lũ bò khẳng định rằng ban đêm Tuyết Tròn chui vào chuồng và vắt trộm sữa khi chúng ngủ. Đồn rằng lũ chuột, bọn này từng gây nhiều rắc rối mùa đông vừa rồi, cũng liên kết với Tuyết Tròn.

Napoleon hạ lệnh phải điều tra thật kĩ các hoạt động của Tuyết Tròn. Napoleon, được mấy con chó hộ tống, khảo sát một vòng tất cả các toà nhà trong trại, trong khi những con khác đi theo xa xa phía sau. Nó bảo nó có thể đánh hơi được Tuyết Tròn nên cứ đi vài bước lại dừng lại và ngửi đất để tìm dấu vết. Góc nào nó cũng ngửi, ngửi cả nhà kho, chuồng bò, chuồng gà, vườn rau và chỗ nào cũng có dấu vết Tuyết Tròn cả.

Nó dí mũi xuống đất vài lần rồi hít vào thật sâu, sau đó tuyên bố bằng một giọng nghe đã rợn người: “Tuyết Tròn! Hắn đã mò đến đây! Ta đã nhận ra mùi của nó!”, cứ nghe mỗi từ “Tuyết Tròn” là lũ chó lại nhe nanh và sủa phụ họa.

Tất cả run lên vì sợ. Có cảm tưởng như tên Tuyết Tròn bí ẩn và đầy quyền năng đang ẩn náu đâu đây, rất gần và sẵn sàng trút tai họa xuống đầu chúng. Tối hôm đó, Chỉ Điểm gọi tất cả lại và với bộ mặt nghiêm trọng nó bảo rằng có một số tin khẩn cấp cần thông báo.

“Thưa các đồng chí!”, nó gào lên, “chúng tôi đã phát hiện ra một tội ác không thể tha thứ được. Tuyết Tròn đã bán mình cho Frederick của Trại Keo, lão này vẫn đang dự định tấn công để cướp trại của chúng ta! Một khi chiến tranh xảy ra thì Tuyết Tròn sẽ làm nhiệm vụ dẫn đường. Nhưng nó còn táng tận lương tâm hơn thế nhiều. Trước đây chúng ta từng nghĩ rằng Tuyết Tròn gây rối là do tính tự phụ và ham hố quyền lực. Nhưng thưa các đồng chí, chúng ta đã lầm. Các đồng chí có biết lí do thật sự nằm ở đâu không? Ngay từ đầu nó đã liên kết với lão Jones! Nó là gián điệp nằm vùng của lão Jones. Chúng có đã được thể hiện trong những tài liệu mà nó để lại và chúng ta mới tìm thấy gần đây. Thưa các đồng chí, tôi cho rằng điều đó lí giải nhiều việc. Chẳng lẽ chúng ta chưa nhận ra là nó đã cố gắng, may mà không thành, làm cho chúng ta thua và tan rã trong Chiến dịch Chuồng bò hay sao?”

Tất cả đều ngó ra. Tội ác này thật quá khủng khiếp, vượt xa việc phá hoại cối xay gió. Phải một lúc sau chúng mới nhận thức được hết tính chất nghiêm trọng của sự việc. Tất cả chúng vẫn nhớ, hay chúng tưởng là vẫn nhớ hình ảnh của Tuyết Tròn khi

nó xông lên dẫn đầu cuộc tấn công trong Chiến dịch Chuồng bò, khi nó đoàn kết và cổ vũ chúng, khi nó không buông bỏ dù đã bị lão Jones bắn bị thương. Thật khó tưởng tượng làm sao chuyện đó lại xảy ra nếu như nó là gián điệp của lão Jones. Ngay cả Chiến Sĩ, vốn kiêu kì, cũng cảm thấy bối rối. Chiến Sĩ nằm xuống, co hai chân trước vào bụng, nhắm mắt lại, cố gắng tập trung tư tưởng và cuối cùng nói:

“Tôi không tin, trong Chiến dịch Chuồng bò Tuyết Tròn đã chiến đấu dũng cảm. Chính mắt tôi nhìn thấy như thế. Chẳng phải chúng ta đã phong nó làm Súc vật Anh hùng hạng nhất ngay sau chiến dịch là gì?”

“Thưa các đồng chí, đấy chính là sai lầm của chúng ta. Bây giờ chúng ta biết rằng, những việc này đều ghi rõ trong các tài liệu mật mà chúng ta mới tìm thấy, nó định dụ chúng ta vào bẫy cho bọn kia tiêu diệt.”

“Nhưng nó cũng bị thương”, Chiến Sĩ nói, tất cả chúng ta đều nhìn thấy máu chảy khi nó đang chạy.”

“Đấy là do đã sắp đặt từ trước!”, Chi Điểm gào lên, “phát súng của lão Jones chỉ suýt qua người nó thôi. Ước gì các đồng chí biết đọc để tôi có thể chỉ cho các đồng chí thấy tên Tuyết Tròn đã viết rõ bằng giấy trắng mực đen như thế nào. Chúng đã thoả thuận là vào lúc nguy kịch nhất thì Tuyết Tròn sẽ hạ lệnh rút lui, nhường trận địa cho địch quân. Và nó đã suýt thành công, tôi có thể nói rằng nó chắc chắn sẽ thành công nếu như không có nhà Lãnh đạo Anh hùng, Đồng chí Napoleon kính mến của chúng ta. Các bạn còn nhớ lúc lão Jones và gia nhân tiến vào sân chứ? Tuyết Tròn quay lưng bỏ chạy và nhiều con đã chạy theo hắn. Chả lẽ các bạn không nhớ rằng đúng lúc đó, khi mà

hỗn loạn bắt đầu lan ra và có vẻ như vỡ mặt trận đến nơi, thì đồng chí Napoleon xông lên và hô “Giết!” rồi lao thẳng vào chân lão Jones ư? Thưa các đồng chí, chắc chắn các đồng chí nhớ tình tiết đó!”, Chi Điểm vừa nói vừa nhảy từ bên này sang bên kia.

Bây giờ, khi Chi Điểm mô tả sống động như thế thì lũ súc vật dường như đã nhớ ra. Dù sao thì chúng cũng nhớ rõ là Tuyết Tròn đã quay đầu chạy đúng vào lúc nguy ngập. Nhưng Chiến Sĩ thấy vẫn chưa ổn.

“Tôi không tin là Tuyết Tròn đã phản bội ngay từ đầu”, nó nói, “sau này lại là chuyện khác. Tôi tin rằng trong Chiến dịch Chuông bò Tuyết Tròn vẫn là một đồng chí tốt.”

“Lãnh tụ của chúng ta, đồng chí Napoleon”, Chi Điểm nói một cách chậm rãi và kiên quyết, “đã tuyên bố dứt khoát, tôi xin nhắc lại, thưa các đồng chí, tuyên bố dứt khoát rằng ngay từ đầu Tuyết Tròn đã là gián điệp của lão Jones, từ trước khi chúng ta nghỉ đến Khởi nghĩa cơ.”

“Thế thì khác!”, Chiến Sĩ bảo “Đồng chí Napoleon đã nói thì nhất định đúng.”

“Đây là một thái độ thực sự cầu thị, thưa các đồng chí!”, Chi Điểm reo lên, nhưng mọi con đều thấy đôi mắt ti hí, đảo điên, hằn học của nó chiếu thẳng vào Chiến Sĩ. Nó đã định đi, nhưng còn nói thêm đầy đe dọa, “Tôi xin báo trước là các bạn phải cảnh giác. Có đầy đủ cơ sở để nghĩ rằng trong trại này vẫn còn tay sai của Tuyết Tròn đấy!”

Bốn ngày sau, buổi chiều, Napoleon hạ lệnh tất cả phải có mặt ngoài sân. Khi tất cả đã đến đủ thì Napoleon xuất hiện, ngực đeo hai huy chương (nó mới tự phong cho mình danh

hiệu Súc vật anh hùng bậc I và Súc vật anh hùng bậc II) với chín con chó to lớn, vừa chạy quanh vừa sủa to đến nỗi lũ súc vật sợ đến nỗi gai ốc. Chúng ngồi yên lặng, thu mình lại, như chờ đợi một trận cuồng phong dữ dội.

Napoleon nghiêm khắc nhìn đám đông, rồi rít lên lãnh lãnh như tiếng còi. Ngay lập tức lũ chó lao vào cắn tai bốn con lợn thịt, mấy con đó ngất đi vì đau và sợ, rồi kéo đến chân Napoleon. Máu chảy ra từ tai mấy con lợn, và lũ chó phát điên lên khi ngửi thấy mùi máu tươi. Mọi con còn ngạc nhiên hơn nữa khi có ba con chó lao vào Chiến Sĩ. Chiến Sĩ liền giơ chân lên tóm lấy một con và đè xuống đất. Con đó vội kêu ầm lên xin tha mạng, hai con kia cụp đuôi lại, bỏ chạy. Chiến Sĩ nhìn Napoleon có ý hỏi nên xéo chết hay nên thả con chó bị giữ. Napoleon thay đổi nét mặt và hạ lệnh cho Chiến Sĩ thả, thế là Chiến Sĩ nhấc chân lên, con chó thảm hại, mình mẩy thâm tím, vừa lết đi vừa rên ư ử.

Trật tự nhanh chóng được văn hồi. Bốn con lợn nằm chờ số phận, người run bắn, tội lỗi hiện rõ trên từng nét mặt. Napoleon hạ lệnh cho chúng phải thú nhận tội lỗi. Đây chính là bốn con lợn đứng lên phải đối khi Napoleon quyết định hủy bỏ những cuộc Họp vào ngày chủ nhật. Ngay lập tức chúng thú nhận đã từng bí mật tiếp xúc với Tuyết Tròn từ khi nó bị trục xuất khỏi trại, đã giúp nó phá cối xay gió và thỏa thuận cùng với nó bán đứng Trại Súc Vật cho Frederick. Chúng còn khai thêm rằng Tuyết Tròn đã nói với chúng rằng nó là gián điệp của lão Jones từ nhiều năm trước. Khi chúng vừa nói xong thì lũ chó lao lên cắn đứt cổ họng cả bốn con, sau đó Napoleon, bằng một giọng đe dọa, nghe đã nổi gai gà, hỏi có con nào thấy cần phải thú

tội không.

Ba con gà cầm đầu cuộc nổi loạn về trứng bước lên phía trước và tuyên bố rằng chúng mơ thấy Tuyết Tròn kích động chúng bất tuân mệnh lệnh của Napoleon. Chúng cũng bị hành quyết. Sau đó có một con ngỗng bước ra và thú nhận đã lấy sáu bông lúa trong vụ mùa vừa qua để đến đêm ăn. Rồi một con cừu cái thú nhận đã bị Tuyết Tròn xúi giục đái vào bể nước ăn, rồi hai con cừu nữa thú nhận đã hành hạ đến chết một con cừu đực già, con này đặc biệt trung thành với Napoleon, chúng đuổi nó chạy quanh đồng lúa khi nó bị ho. Tất cả những con này đều bị tử hình tại chỗ. Cứ thế, hành quyết đi liền ngay sau lời thú tội. Chẳng mấy chốc dưới chân Napoleon đã là một đồng xác, còn không khí thì nồng nặc mùi máu tươi, một cảnh tượng chưa từng có từ ngày ông Jones bị trục xuất.

Những con vật còn lại sau vụ hành quyết, tất nhiên không kể lũ chó và lũ lợn, tụ tập thành một đám và lặng lẽ bò ra khỏi sân. Trông chúng thật nhỏ nhoi và khốn nạn. Chúng không hiểu giữa sự phản bội của những con liên kết với Tuyết Tròn và sự trừng phạt dã man mà chúng vừa chứng kiến, cái nào gây sốc mạnh hơn. Ngày xưa chúng đã từng chứng kiến những cảnh thảm sát không kém phần man rợ, nhưng lần này sự việc rõ ràng khủng khiếp hơn vì đây là chúng giết lẫn nhau. Từ ngày lão Jones ra đi đến giờ chưa có con nào bị giết cả. Ngay cả chuột cũng chưa bị giết. Chúng đi lên khu đồi rồi cùng nằm sát vào nhau cho ấm bên cạnh cái cối xay gió đang xây dở: Bà Mập nằm cạnh Mona, Benjamin, rồi đến bả bò, cừu, gà, ngỗng, vắng mỗi con mèo, nó đã linh ngay trước khi Napoleon triệu tập. Chúng nằm yên lặng. Chỉ có Chiến Sĩ là vẫn đứng. Nó cứ đi đi

lại lại, đuôi đập liên hồi vào hai bên sườn, thỉnh thoảng lại hí khe khe đầy lo âu. Cuối cùng nó nói:

“Tôi chẳng hiểu gì cả. Không thể nào tin được là chuyện đó có thể xảy ra trong trại của chúng ta. Có thể là chính chúng ta cũng có lỗi. Chỉ có một lối thoát, đấy là làm việc nhiều hơn. Từ nay tôi sẽ dậy trước một tiếng đồng hồ.”

Rồi nó buồn bã bước về khu mỏ đá. Cu cậu nhặt đầy hai xe và kéo đến công trường xây dựng trước khi đi ngủ.

Lũ súc vật tùm tùm cạnh Bà Mập nhưng vẫn không có con nào lên tiếng. Từ trên đỉnh đồi chúng có thể nhìn thấy toàn cảnh khu vực. Chúng trông thấy gần như toàn bộ Trại Súc Vật - bãi chăn thả kéo dài đến tận con đường chính, đồng trống cỏ, rừng cây, bể nước, cánh đồng trống trọt với những cây lúa mì đang lên xanh tốt và mái ngói của những ngôi nhà trong trang trại với những vệt khói ngòai ngòai. Đấy là một buổi chiều mùa xuân, trời quang mây tạnh. Ánh chiều tà đỏ vàng trên thảm cỏ và trên những bờ đậu phía xa xa. Chúng ngạc nhiên nhớ lại rằng trang trại này là của chúng, mỗi thước đất ở đây đều là tài sản của chúng, mỗi thước đất đều đáng quý xiết bao. Bà Mập nhìn ra xa, mắt đắm lệ. Nếu có thể nói hết được những điều nó nghĩ thì chắc chắn nó sẽ nói rằng đấy không phải là điều chúng định làm khi chúng quyết định lật đổ ách thống trị của giống người. Trong cái đêm Thủ Lĩnh già kêu gọi chúng khởi nghĩa, chúng không thể nào tưởng tượng lại có cảnh khủng bố và giết hại hàng loạt như ngày hôm nay. Nếu lúc đó nó có nghĩ về tương lai thì đấy phải là một xã hội của những con vật không còn bị đói, không còn bị đòn roi, tất cả đều bình đẳng, tất cả đều làm việc theo năng lực, con khỏe bảo vệ con yếu,

như nó từng bảo vệ lũ vịt con mồ côi trong cái đêm Thủ Lĩnh già nói chuyện đó. Thế mà, nó không thể hiểu vì sao, giờ đây không con nào còn dám nói lên ý nghĩ thật của mình nữa, lũ chó săn hung dữ lùng sục khắp nơi và tất cả phải chứng kiến cảnh giết hại các đồng chí sau khi những con này thú nhận đã phạm những tội ác tày trời. Nhưng trong đầu nó không hề có một ý nghĩ bất tuân hay tạo phản nào. Dù sao chúng vẫn sợ hơn thời còn lão Jones và điều chính yếu là phải ngăn chặn con người quay trở lại. Dù thế nào thì nó cũng vẫn trung thành với sự nghiệp, tiếp tục lao động quên mình, hoàn thành mọi nhiệm vụ, tiếp tục đi theo con đường mà Napoleon đã chọn. Nhưng chả lẽ đấy chính là điều chúng hằng ao ước, là cái chúng đã khổ công mới tạo dựng được? Không, chúng xây cối xay gió với một mục đích hoàn toàn khác, cuộc chiến đấu sống còn với lão Jones cũng là để tạo dựng một xã hội khác hẳn cái mà chúng nhận được ngày hôm nay. Đây là những ý nghĩ lướt qua đầu Bà Mập, nhưng nó không thể nói thành lời.

Không thể tìm được lời để nói, Bà Mập đành hát bài “Sức Sinh Anh quốc”, đấy cũng là một cách thể hiện những tình cảm đang cuộn dâng trong lòng. Các con khác lập tức hát theo. Chúng hát ba lần, tiếng hát du dương, chậm và buồn; chưa bao giờ chúng hát như thế.

Khi chúng vừa hát xong lần thứ ba thì Chi Điểm, có hai con chó hộ tống, tiến lại. Cứ trông dáng chúng là biết ngay có tin quan trọng cần phải thông báo gấp. Nó tuyên bố rằng bài “Sức Sinh Anh quốc” đã bị hủy bỏ theo một nghị định đặc biệt của Đồng chí Napoleon. Từ nay trở đi cấm không con nào được hát bài đó nữa.

Các con vật đều ngó ra.

“Tại sao?”, Muriel hỏi.

“Thưa các đồng chí, bài hát này đã lỗi thời rồi”, Chi Điềm lạnh lùng nói, “Bài “Súc Sinh Anh quốc” là bài hát kêu gọi khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi hoàn toàn. Vụ hành quyết chiều nay chính là trận cuối cùng đấy. Kẻ thù, cả bên trong lẫn bên ngoài đều đã bị đánh bại. Bài “Súc Sinh Anh quốc” nói lên ước mơ của chúng ta về một xã hội tốt đẹp hơn trong tương lai. Xã hội đó đã xây dựng xong. Bài hát này rõ ràng là không còn cần thiết nữa.”

Dù đã rất hoảng sợ, nhưng chắc chắn sẽ có con đứng lên phản đối nếu như lúc đó lũ cừu không tụng ngay như thường lệ: “Bốn chân tốt, hai chân xấu”, chúng tụng liền mấy phút thành ra không con nào còn có ý kiến gì được nữa.

Không con nào còn hát “Súc Sinh Anh quốc” nữa. Thay vào đó, Kế Tục, một thi sĩ mới nổi, đã viết một bài hát khác, bắt đầu như sau:

Súc Vật Trại này, Súc Vật Trại này

Kẻ thù đến sẽ tan tâu.

Từ đó trở đi bao giờ chúng cũng hát bài này sau lễ kéo cò vào các sáng chủ nhật hàng tuần. Nhưng lũ súc vật cho rằng cả nhạc điệu lẫn lời bài mới đều không hay bằng bài *Súc Sinh Anh Quốc* trước đây.

VIII

Vài ngày sau, khi nỗi sợ hãi do vụ thảm sát tạo ra đã lắng xuống thì có mấy con đã nhớ được, hay tưởng là nhớ được rằng Điều Răn Thứ Sáu nói: “Loài vật không được giết hại lẫn nhau”. Dù không dám nói ra khi đứng gần lũ chó và lợn, nhưng cả bọn đều cho là những vụ giết chóc vừa qua không phù hợp với Điều Răn Thứ Sáu. Bà Mập yêu cầu Benjamin đọc cho nghe Điều Răn Thứ Sáu, nhưng cũng như mọi khi, Benjamin bảo rằng nó không dây vào những chuyện như vậy. Bà Mập đành đi tìm Muriel để nhờ đọc. Điều ấy được viết như sau: “Loài vật không được giết hại lẫn nhau nếu không có lí do”. Hoá ra là chúng đã quên mấy từ cuối. Nhưng như vậy là Điều Răn này vẫn được tôn trọng, những tên phản bội liên kết với Tuyết Tròn đáng bị giết quá đi chứ.

Năm nay chúng còn làm việc vất vả hơn năm trước rất nhiều. Ngoài những công việc thường nhật của trang trại, chúng còn phải xây dựng lại cối xay gió với những bức tường dày gấp đôi, mà lại phải hoàn thành đúng kế hoạch. Có những lúc chúng thấy phải làm nhiều hơn mà lại được ăn không khác gì thời còn ông Jones. Sáng chủ nhật nào Chỉ Điểm cũng cầm một mảnh giấy dài và đọc cho chúng nghe các số liệu chứng minh rằng

sản lượng các loại lương thực, thực phẩm đều tăng, khi thì hai trăm, khi thì ba trăm, khi thì năm trăm phần trăm. Chúng chẳng thấy có lí do gì để nghi ngờ, nhất là vì chúng đã quên, chẳng còn nhớ gì quá khứ trước ngày Khởi Nghĩa nữa. Tuy thế, đôi khi chúng thấy thà số liệu ít đi mà thức ăn nhiều thêm thì vẫn hơn.

Mọi mệnh lệnh bây giờ đều được Chỉ Điểm hay một con lợn khác đưa xuống. Napoleon chỉ xuất hiện nửa tháng một lần. Mỗi lần nó xuất hiện thì ngoài bảy chó hộ tống còn có một con gà trống màu đen đi trước, giống như lính thổi kèn trong đội kị binh, con gà này bao giờ cũng gáy “Ồ ó o...” thật to trước khi Napoleon hắng giọng bắt đầu bài diễn văn. Có tin nói rằng ngay trong ngôi nhà chính Napoleon cũng có một phòng riêng, tách biệt hẳn với những con lợn khác. Nó ăn riêng, khi ăn bao giờ cũng có hai con chó đứng hầu, bát đĩa đều bằng sứ, trước đây, hồi còn ông Jones những thứ này vốn để trong tủ phòng khách và chỉ đem ra dùng trong những ngày lễ trọng. Có thêm một quyết định mới là từ nay sẽ bắn súng chào mừng ba lần, một lần vào ngày sinh của Napoleon và hai lần khác vào những ngày lễ lớn của trại.

Bây giờ chúng không xưng hô với Napoleon đơn giản như trước nữa. Tên nó luôn đi kèm với những từ như “Lãnh tụ của chúng ta, Đồng chí Napoleon”, lũ lợn còn cố gắng phát minh ra các tên mới như: Cha của các loài vật, Nỗi khiếp sợ của giống người, Người bảo vệ của loài cừu, Bạn của loài vịt v.v... Mỗi khi nói về trí tuệ, lòng nhân từ, tình yêu thương sâu như trời biển của Napoleon dành cho súc vật, đặc biệt là những con còn phải sống trong vòng nô lệ tối tăm của các trang trại khác là nước mắt Tuyết Tròn lại chảy ướt đầm hai gò má. Mọi thành tích đều

được qui về cho Napoleon. Có thể nghe thấy hai con gà mái tâm sự: “Dưới sự dẫn dắt của Đồng chí Napoleon, Lãnh tụ của chúng ta, tôi đã đẻ được năm quả trứng trong sáu ngày vừa rồi”; hay hai con bò vừa uống nước vừa nói: “Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của đồng chí Napoleon mà nước dạo này mới ngọt làm sao!”. Tâm trạng chung của trại được thể hiện trong bài thơ mang tên: “Đồng chí Napoleon” do Kế Tục sáng tác:

Đồng chí Napoleon!
Người là cha của những đứa trẻ mồ côi,
Là suối nguồn hạnh phúc muôn đời,
Là vầng thái dương chiếu sáng bầu trời.
Ánh mắt người ấm mãi lòng tôi.
Đồng chí Napoleon!
Người cho tôi bữa ăn lúc đói lòng.
Người cho tôi nệm rom ấm mùa đông.
Người ngồi canh,
Cho bầy con giấc ngủ yên lành.
Con ơi!
Hạnh phúc muôn đời,
Là nhờ Đồng chí Napoleon.
Tên cha tên mẹ tên chồng,
Con có thể quên.
Nhưng tên người,
Vầng thái dương chiếu sáng đời đời
Con phải nhớ mãi không thôi:
*Napoleon, Napoleon, người ơi!*¹

Napoleon chấp nhận bài thơ và bảo viết lên bức tường nhà

kho lớn, bên cạnh Bảy Điều Răn. Bên trên bài thơ là hình Napoleon nhìn nghiêng do Chi Điểm vẽ bằng sơn trắng.

Trong khi đó, Napoleon, qua trung gian là Whymper, đang tiến hành những cuộc đàm phán rắc rối với Frederick và Pilkington. Vẫn chưa bán được đồng gỗ. Frederick muốn mua lắm, nhưng lại trả giá quá thấp. Đồng thời lại có tin đồn rằng Frederick và lũ gia nhân đang âm mưu tấn công Trại Súc Vật để phá cối xay gió vì lão ghét cay ghét đắng ngôi nhà này. Nghe nói Tuyết Tròn vẫn đang trốn trong Trại Keo. Đến giữa mùa hè thì lũ súc vật lại được một phen hoảng loạn khi nghe đồn có ba con gà tự thú đã bị Tuyết Tròn xúi giục mưu sát Napoleon. Chúng bị hành quyết ngay lập tức và các biện pháp an ninh nghiêm ngặt hơn cho Napoleon đã được thực hiện. Từ nay trở đi, ban đêm sẽ có bốn con chó, mỗi con canh một góc giường, đồng thời để tránh bị đầu độc, một con chó tên là Pinkeye được phân công ném tất cả thức ăn trước khi Napoleon dùng.

Cũng khoảng thời gian đó có tin Napoleon đã quyết định bán gỗ cho Pilkington; hơn thế, nó còn dự định sẽ thiết lập việc trao đổi sản phẩm thường xuyên giữa Trại Súc Vật và Trại Cáo nữa. Quan hệ giữa Napoleon và Pilkington, dù chỉ mới qua trung gian là Whymper, đã trở nên khá thân tình. Pilkington, cũng như mọi người nói chung, chẳng bao giờ được lũ súc vật tin, nhưng dù sao thì chúng cũng thích hơn Frederick là người chúng vừa ghét vừa sợ. Càng đến cuối mùa hè, khi mà cối xay gió đã sắp xong, thì tin đồn về cuộc tấn công phản trắc càng tăng. Có người nói rằng Frederick dự định dùng đội quân gồm hai mươi người đầy đủ súng ống để tấn công và đã mua chuộc chính quyền cũng như cảnh sát để được tự do hành sự. Ngoài

ra tin tức về những việc làm thất đức của hắn đối với các con vật trong Trại Keo cũng được tiết lộ. Hắn đánh đến chết một con ngựa già, hắn bỏ đói bảy bò, hắn ném một con chó vào bếp lò, chiều nào hắn cũng kích động cho bọn gà trống đá nhau, mà không đá nhau suông, hắn còn buộc dao cạo râu vào cựa gà để tìm cảm giác mạnh nữa. Khi nghe nói các đồng chí của mình bị đối xử một cách man rợ như vậy thì máu con nào cũng sôi lên vì giận, đôi khi chúng thét lên đòi kéo nhau đi tấn công Trại Keo, đuổi cổ giống người đi, giành lại tự do cho lũ súc vật ở đó. Nhưng Chi Điểm khuyên chúng tránh hành động một cách nóng vội và hãy tin tưởng vào đường lối chiến lược của Đồng chí Napoleon.

Lòng căm thù đối với Frederick tăng lên từng ngày. Một hôm, vào ngày chủ nhật, Napoleon xuất hiện trong nhà kho để giải thích cho lũ súc vật là nó chưa bao giờ nghĩ sẽ bán gỗ cho Frederick, nó bảo những loại như vậy không xứng đáng để nó giao tiếp. Những con bò câu vẫn được phái đi kêu gọi súc vật trong các trại khác đứng lên khởi nghĩa bị cấm không được lai vãng đến gần Trại Cáo, khẩu hiệu: “Đả đảo loài người!” được thay bằng: “Đả đảo Frederick!”. Đến cuối mùa hè thì một tội ác nữa của Tuyết Tròn được phát hiện. Lần này là cánh đồng lúa mì mọc đầy cỏ dại - sau khi điều tra mới phát hiện ra rằng ban đêm Tuyết Tròn đã lên vào trại rồi trộn hạt cỏ vào thóc giống. Một con ngỗng đục đồng phạm trong vụ này đã thú nhận tội lỗi với Chi Điểm và sau đó nuốt ngay một quả cà độc dược tự sát. Lũ súc vật còn được thông báo rằng, không phải như nhiều con vẫn tin, Tuyết Tròn chưa bao giờ được phong danh hiệu Súc vật Anh hùng bậc I. Chuyện ấy là do chính Tuyết Tròn bịa ra ngay

sau chiến dịch Chuồng bò. Nó không những không được khen thưởng mà còn bị phê phán nặng nề vì đã tỏ ra hèn nhát khi lâm trận. Cũng như mọi khi, tin này làm một số con bối rối, nhưng Chi Điểm đã nhanh chóng thuyết phục được chúng rằng thực ra là do chúng mau quên mà thôi.

Cối xay gió được xây dựng xong vào mùa thu, đúng vào lúc thu hoạch vụ mùa, chúng đã phải làm việc đến kiệt sức. Dù còn phải lắp thiết bị nữa, Whympers đang đàm phán để mua, nhưng cái chính là đã xây xong nhà xưởng rồi. Biết bao nhiêu khó khăn, chưa có kĩ thuật và kinh nghiệm, lại còn bị Tuyết Tròn phá hoại, thế mà chúng vẫn hoàn thành công tác xây dựng đúng ngày giờ đã định! Dù rất mệt mỏi, lũ súc vật vẫn cố đi nhiều vòng quanh cối xay gió, lòng đầy tự hào, lúc này trông nó còn đẹp hơn lần xây đầu tiên. Đây là chưa nói tường lần này dày gấp đôi lần trước. Bây giờ muốn phá mà không có thuốc nổ không xong! Và khi chúng nghĩ đến khối lượng công việc đã làm, những khó khăn đã vượt qua, những đổi thay sẽ tới khi cách quạt cối xay gió bắt đầu quay, khi máy phát điện bắt đầu chạy; khi chúng nghĩ đến những chuyện đó thì bao nhiêu mệt mỏi đều tan biến, chúng cùng nhau chạy vòng quanh cối xay gió, vừa chạy vừa reo hò ầm ĩ. Chính Napoleon, được mấy con chó và con gà trống hộ tống, cũng tới xem, nó chúc mừng cả lũ nhân dịp hoàn thành công trình và tuyên bố sẽ đặt tên công trình là Nhà máy Napoleon.

Hai ngày sau, lũ súc vật được mời tới dự một phiên họp đặc biệt trong nhà kho. Chúng không thể nào tin được khi nghe Napoleon nói đã bán gỗ cho Frederick. Ngày mai xe của Frederick sẽ tới chở. Hoá ra thời gian qua Napoleon giả vờ thân thiện với

Pilkington nhưng lại bí mật đàm phán với Frederick.

Mọi quan hệ với Trại Cáo đều bị cắt, một công hàm chứa đầy các từ ngữ có tính xúc phạm được gửi cho Pilkington. Đám bồ câu được lệnh tránh Trại Keo và thay khẩu hiệu “Đả đảo Frederick” thành “Đả đảo Pilkington”. Đồng thời Napoleon cũng cam đoan với lũ súc vật rằng lời đồn về vụ tấn công Trại Súc Vật là hoàn toàn vô căn cứ, cũng như việc Frederick đối xử tàn tệ với gia súc đã bị thổi phồng quá đáng. Chắc là Tuyết Tròn và tay sai đã tung ra các tin này. Hoá ra là Tuyết Tròn không những không trốn trong Trại Keo mà còn chưa bao giờ đến đấy nữa, thực ra là nó đang sống, theo người ta nói, thì khá sung túc trong Trại Cáo: nó đã bán mình cho Pilkington từ lâu.

Lũ lợn được dịp đưa Napoleon lên chín tầng mây. Giả vờ thân thiện với Pilkington, nó đã buộc Frederick phải trả thêm hai mươi bảng. Chỉ Điểm còn nói rằng Napoleon là một con heo siêu quần vì nó không bao giờ tin ai, không tin bất cứ con nào, không tin cả Frederick. Frederick muốn thanh toán bằng sec, nghĩa là bằng một tờ giấy có ghi rõ số tiền có thể nhận khi cần. Nhưng Napoleon tỏ ra khôn hơn hẳn ta nhiều. Nó đòi thanh toán bằng tiền mặt, loại năm bảng ², mà phải trả đủ tiền thì mới được mang gỗ đi. Frederick đã thanh toán hết rồi, số tiền này đủ mua toàn bộ thiết bị cho cối xay gió.

Gỗ được chuyển đi khá nhanh. Khi số gỗ trong sân đã được đưa đi hết thì lũ súc vật lại được mời tham gia một cuộc họp đặc biệt để cùng kiểm tra số tiền do Frederick giao. Napoleon, ngực đeo hai tấm huy chương, miệng cười rất tươi, nằm ngả người trên nệm rom, bên cạnh là cái đĩa sứ chất đầy những tập tiền mới cứng. Lũ súc vật lần lượt đi ngang qua, tha hồ ngắm nghía.

Chiến Sĩ còn đưa mũi hít, những tờ giấy mới khê rung lên và phát ra tiếng kêu loạt xoạt.

Ba ngày sau thì xảy ra một vụ náo loạn. Hôm đó, Whympet, mặt trắng bệch như người sắp chết, phóng xe đạp như điên vào sân trại, vừa tới nơi đã quăng xe xuống đất rồi vội vàng lao vào toà nhà chính. Gần như ngay lập tức người ta nghe thấy tiếng thét kinh hoàng phát ra từ phòng Napoleon. Tin tức truyền khắp trại nhanh như lửa cháy. Tiền do Frederick thanh toán là giả hết! Hắn đã ăn không số gỗ rồi!

Napoleon lập tức hạ lệnh tập trung và tuyên bố kết án tử hình Frederick. Thành ấy đáng bị thiêu sống - nó bảo như vậy. Đồng thời nó cũng nói phải chuẩn bị tinh thần để đối phó với những tình huống xấu nhất. Frederick và gia nhân của hắn có thể tấn công bất cứ lúc nào. Phải cử lính canh trên mọi ngã đường dẫn vào trại. Ngoài ra nó còn cử bốn con bò câu mang theo thông điệp hữu hảo sang Trại Cáo để mong bình thường hóa quan hệ.

Ngày sáng hôm sau Frederick đã tổ chức tấn công. Lũ súc vật đang chuẩn bị ăn sáng thì con canh gác chạy vào báo rằng Frederick cùng gia nhân đã vượt qua cổng chính của trại. Không lưỡng lự, lũ súc vật lập tức xông lên, nhưng lần này chúng phải chiến đấu vất vả hơn chiến dịch Chuồng bò nhiều. Cả thầy có mười lăm người với khoảng nửa tá súng, ngay từ xa hơn một trăm mét họ đã nổ súng rồi. Tiếng súng vang lên đinh tai nhức óc, đạn ghém vãi như trấu, lũ súc vật không ngờ cuộc chiến lại dữ dội đến như thế nên mặc dù Napoleon và Chiến Sĩ ra sức động viên, chúng vẫn lùi dần. Một số con đã bị thương. Chúng chạy vào nấp trong các toà nhà rồi ghé mắt nhìn qua các lỗ thùng trên tường. Toàn bộ bãi chăn thả lớn, kể cả cối xay gió đã

lọt vào tay địch quân. Ngay cả Napoleon cũng tỏ ra bối rối. Nó yên lặng đi đi lại lại, cái đuôi xoắn cứ đập hết bên này sang bên kia. Thình thoảng nó lại nhìn về hướng Trại Cáo. Nếu Filkington mang quân tiếp viện tới thì may ra mới có thể đánh đuổi được địch quân. Nhưng đúng lúc đó thì bốn con bồ câu được phái đi trước đó một ngày đã quay về. Một con ngậm miếng giấy trên ghi hai chữ “Đáng kiếp”.

Trong khi đó Frederick và gia nhân đã tiến gần đến cối xay gió. Lũ súc vật chăm chú theo dõi, tiếng thì thầm lo lắng bắt đầu nổi lên. Có hai người mang búa và xà beng tới. Chắc là họ định phá cối xay gió.

“Không xong đâu!”, Napoleon gào lên, “Tường cối xay gió dày lắm, chúng không làm gì được đâu. Phải mất cả tuần là ít. Cứ bình tĩnh đi, các đồng chí!”

Nhưng Benjamin vẫn không rời mắt khỏi mọi động tĩnh. Hai người đang dùng búa và xà beng đào một cái hố ngay dưới chân tường cối xay gió. Benjamin gật gù cái mõm dài ngoằng, có vẻ như nó còn cảm thấy thú vị nữa.

“Tôi vẫn nghĩ như thế, nó bảo, các vị có biết chúng đang làm gì không? Chúng sẽ cho thuốc nổ vào hố đấy.”

Lũ súc vật sợ hãi chờ đợi. Không con nào dám liều mạng xông ra. Rồi chúng thấy bốn người chạy tản ra tứ phía. Một tiếng nổ đinh tai nhức óc vang lên. Lũ bồ câu bay vọt lên, còn các con khác, trừ Napoleon thì vội nằm bẹp xuống, mặt dúi xuống đất. Khi ngẩng đầu lên thì chúng thấy một đám khói đen còn trùn lên khu vực cối xay gió. Khói tan dần. Cối xay gió đã bị đánh sập hoàn toàn!

Cảnh tượng làm lũ súc vật lập tức tỉnh ngộ. Hành động tàn

bạo, bất lương đó làm cho chúng vô cùng tức giận. Không cần mệnh lệnh, chúng đồng loạt lao lên, xông thẳng vào địch quân, miệng gầm lên những tiếng thét căm hận đòi trả thù. Đạn ghém vãi như mưa trên lưng cũng không làm chúng nao núng. Chúng sẵn sàng hi sinh tất cả. Frederick và gia nhân bắn liên hồi kì trận và khi lũ súc vật đến gần thì dùng gậy đánh, chân đá. Một con bò, ba con cừu, hai con ngỗng bị giết, hầu như con nào cũng bị thương. Napoleon, đứng đằng sau chỉ huy cũng bị đạn bắn vào đuôi. Nhưng một số gia nhân của Frederick cũng bị sút đầu mẻ trán. Ba người bị Chiến Sĩ đập vỡ đầu, một người bị bò húc thủng bụng, một người nữa bị chó cắn rách quần. Khi chín con chó thuộc đội cận vệ của Napoleon được lệnh bọc sườn và vừa sửa vừa lao vào tấn công thì lũ người hoảng loạn. Họ hiểu rằng sắp bị bao vây. Frederick hạ lệnh rút lui, thế là địch quân hốt hoảng bỏ chạy. Lũ súc vật đuổi theo đến tận sát biên giới và tiếp tục húc vào mông người khi họ chui qua lỗ hàng rào ngăn cách hai trại.

Chúng đã thắng, nhưng chúng cũng đã kiệt sức vì mệt và bị thương. Chúng từ từ quay trở về trang trại. Cảnh hi sinh của đồng đội làm chúng cảm động đến trào nước mắt. Chúng đứng lặng bên cạnh đống xà bần của cối xay gió. Cối xay gió không còn, bao nhiêu công sức đã bị xoá sạch! Ngay cả móng cũng bị phá hỏng gần hết. Lần trước, khi xây lại, chúng còn có thể sử dụng những viên đá cũ. Bây giờ thì đá cũng không còn. Vụ nổ đã làm đá bắn vung vãi khắp nơi, xa đến cả trăm mét.

Khi chúng về gần đến trang trại thì Chỉ Điểm, không con nào nhìn thấy nó khi lâm trận, bỗng ở đâu tiến lại, đuôi vẫy nhặng lên có vẻ rất hài lòng. Lũ súc vật nghe thấy tiếng sừng.

“Sao lại bắn súng thế nhỉ?”, Chiến Sĩ hỏi

“Để chào mừng chiến thắng”, Chỉ Điểm gào lên.

“Chiến thắng nào?”, Chiến Sĩ lại nói. Các đầu gối của nó đều bị rách, móng sắt thì bị tuột, bàn chân cũng bị thương, hai chân sau còn dính hàng chục mảnh đạn.

“Sao lại chiến thắng nào, thua các đồng chí? Không phải là chúng ta vừa giải phóng đất đai, đất đai thiêng liêng của Trại Súc Vật của chúng ta đấy ư?”

“Nhưng chúng đã đánh sập cối xay gió, hai năm xây dựng chứ có ít đâu!”

“Thế thì đã sao? Chúng ta sẽ xây cái khác. Nếu muốn chúng ta có thể xây sáu cái một lúc. Có thể đồng chí chưa đánh giá hết chiến công vĩ đại vừa rồi của chúng ta. Kẻ thù đã chiếm được chính mảnh đất mà chúng ta đang đứng đây. Bây giờ, nhờ sự lãnh đạo của đồng chí Napoleon, chúng ta đã giành lại được từng tấc đất của chúng ta.”

“Chúng ta giành lại chính đất của mình”, Chiến Sĩ nói.

“Đấy chính là chiến thắng chứ còn gì nữa”, Chỉ Điểm bảo.

Cuối cùng chúng cũng lê được về đến sân trại. Các mảnh đạn còn nằm trong chân Chiến Sĩ nhức nhối không thể chịu nổi. Nó đã muông tượng được những nỗi cực nhọc, vất vả của quá trình xây dựng lại từ đầu cối xay gió và trong thâm tâm đã sẵn sàng lao vào công việc. Nhưng đây cũng là lần đầu tiên nó ý thức được rằng nó đã mười một tuổi rồi, sức vóc không còn được như mọi năm nữa.

Nhưng khi nhìn thấy lá cờ xanh đang tung bay, nghe thấy loạt súng chào mừng, hôm đó bắn những bảy loạt và nhất là sau khi nghe Napoleon cảm ơn vì đã dũng cảm chiến đấu thì

chúng thực sự cảm thấy vừa giành được một chiến thắng vĩ đại. Những con hi sinh được chôn cất chu đáo. Đoàn đưa tang do chính Napoleon dẫn đầu, phía sau là một chiếc xe song mã được dùng làm xe tang do Chiến Sĩ và Bà Mập kéo. Chúng nghỉ việc hai ngày liền để mừng chiến thắng. Chúng tổ chức hát, đọc diễn văn chào mừng và bắn súng; mỗi con gia súc được phát một quả táo, mỗi con gia cầm được sáu mươi gram thóc, mỗi con chó được ba cái bánh xối. Sau đó có thông báo rằng trận đánh này được gọi là chiến dịch Cối xay gió, Napoleon quyết định thiết lập một danh hiệu mới gọi là “Huân chương cò xanh” và gắn cho chính mình. Trong niềm vui chung dạt dào đó, không con nào còn nghĩ đến vụ tiền giả vừa rồi nữa.

Sau đó mấy ngày thì lũ lợn phát hiện được một thùng whisky trong tầng hầm của ngôi nhà chính. Chiều hôm đó những con khác bỗng nghe thấy tiếng hát vọng ra từ ngôi nhà chính và điều làm chúng ngạc nhiên hơn nữa là có cả những đoạn của bài “Súc Sinh Anh Quốc”. Rồi vào khoảng chín giờ rưỡi, lúc đó trời vẫn còn sáng, chúng thấy Napoleon chui ra khỏi cửa sau, đầu đội chiếc mũ phớt cũ của ông Jones, nó chạy nước kiệu quanh sân một vòng rồi đi vào. Sáng hôm sau một không khí im lặng bao trùm cả toà nhà chính. Không thấy một con lợn nào hay bất cứ động tĩnh gì xung quanh toà nhà. Mãi đến khoảng chín giờ Chỉ Điểm mới xuất hiện, mắt cu cậu trông đỏ đẫm, đuôi buông thõng, chân bước uể oải, rõ là đang mệt nặng. Nó gọi tất cả lại và nói có một tin quan trọng cần phải thông báo. Đồng chí Napoleon đang hấp hối!

Tiếng gào khóc dậy lên. Chúng vội mang rom đến trải xuống trước cửa ngôi nhà chính, không con nào dám bước mạnh. Nước

mắt lung trông, chúng thì thầm hỏi nhau sẽ làm gì nếu như chẳng may lãnh tụ có mệnh hệ nào. Có tin đồn Tuyết Tròn đã đầu độc Napoleon. Mười một giờ Chi Điểm lại xuất hiện. Chi Điểm bảo rằng trước khi từ gia côi đòi, đồng chí Napoleon đã kí một nghị định, từ nay con nào uống rượu thì sẽ bị kết án tử hình.

Đến chiều có tin Napoleon đã đỡ và sáng hôm sau thì Chi Điểm thông báo rằng lãnh tụ đang bình phục. Chiều hôm đó Napoleon đã ngồi dậy làm việc và sáng hôm sau thì có tin là nó đã hạ lệnh cho Whymper mua ở Willingdon mấy cuốn sách dạy cất rượu bia. Một tuần sau Napoleon ra lệnh cày đám đất trước đây định dành làm bãi cỏ cho những con về hưu. Lũ súc vật được nghe giải thích rằng miếng đất ấy cần cỗi quá, phải trồng cấy một thời gian để lấy màu, nhưng sau này mới rõ là Napoleon định trồng lúa mạch ở đó.

Cũng khoảng thời gian này đã xảy ra một sự kiện mà hầu như không con nào hiểu. Hôm ấy, đã gần nửa đêm, bỗng có tiếng động lớn vang lên ở ngoài sân, tất cả đều lao ra khỏi chuồng. Trăng hôm đó rất tỏ, cả bọn nhìn thấy gần đầu hồi nhà kho lớn, nơi có chếp “Bảy Điều Răn”, một cái thang gãy làm đôi. Gần đấy là Chi Điểm, lúc đó đã bất tỉnh nhân sự, cái đèn bão cùng một hộp sơn màu trắng lẫn lóc bên cạnh. Mấy con chó lập tức đứng thành vòng tròn xung quanh Chi Điểm và diu nó về nhà chính khi nó vừa gượng dậy được. Có vẻ như ngoài Benjamin ra thì không con nào hiểu đã xảy ra chuyện gì, nhưng nó chỉ lắc đầu, không nói câu nào.

Mấy ngày sau, Muriel, trong khi đọc lại Bảy Điều Răn đã phát hiện ra chúng còn nhớ sai một điều nữa. Chúng tưởng rằng Điều răn thứ năm là “Không con vật nào được uống rượu”,

nhưng chúng đã quên mất ba từ. Thực ra Điều Răn đó như sau:
“Không con vật nào được uống rượu đến say xỉ

¹ Nguyên văn hai bài thơ *Đồng chí Napoleon*:

Comrade Napoleon
Friend of the fatherless!
Fountain of happiness!
Lord of the swill-bucket! Oh, how my soul is on
Fire when I gaze at thy
Calm and commanding eye,
Like the sun in the sky,
Comrade Napoleon!
Thou art the giver of
All that thy creatures love,
Full belly twice a day, clean straw to roll upon;
Every beast great or small
Sleeps at peace in his stall,
Thou watchest over all,
Comrade Napoleon!
Had I a sucking-pig,
Ere he had grown as big
Even as a pint bottle or as a rolling-pin,
He should have learned to be
Faithful and true to thee,
Yes, his first squeak should be
'Comrade Napoleon!'

² Đơn vị tiền tệ của nước Anh.

IX

Cái móng bị thương của Chiến Sĩ chưa mãi vẫn không khỏi. Trong khi đó lũ súc vật tiến hành khôi phục cối xay gió ngay sau lễ mừng chiến thắng. Chiến Sĩ không nghỉ ngày nào, nó rất tự hào là đã không để cho những con khác thấy nó đang bị đau. Chỉ đến tối nó mới bảo với Bà Mập là bị vết thương hành hạ. Bà Mập phải nhai lá cây và đắp vào vết thương cho Chiến Sĩ. Nó cùng với Benjamin thuyết phục Chiến Sĩ hãy tự bảo trọng.

“Phối loài ngựa không được khoẻ đâu”, Nó nói.

Nhưng Chiến Sĩ không nghe. Nó bảo chỉ có một ước nguyện duy nhất là được trông thấy cối xay gió hoàn thành trước khi nghỉ hưu mà thôi.

Ngay từ khi mới thiết lập luật lệ của Trại Súc Vật, đã có qui định tuổi nghỉ hưu của ngựa và lợn là mười hai, của bò là mười bốn, của chó là chín, của cừu là bảy, còn của gà là năm. Chúng cũng đã thống nhất là sẽ không để cho những con về hưu phải thiếu thốn bất cứ thứ gì. Thực ra thì cho đến nay cũng chưa có con nào nghỉ hưu cả, nhưng thời gian gần đây vấn đề này rất hay được đem ra bàn thảo. Bây giờ, khi miếng đất cạnh khu vườn được đem đi trồng lúa mạch rồi thì lại có tin là một góc bãi cỏ dài sẽ được rào riêng ra cho những con già cả. Cũng có tin

nói rằng ngựa hưu sẽ được lĩnh hai cân ngũ cốc mỗi ngày, đấy là mùa hè, còn mùa đông thì được bảy cân cỏ khô, ngày lễ thì còn được phát thêm một củ cà rốt hay một quả táo nữa. Sang năm Chiến Sĩ sẽ tròn mười hai tuổi.

Hiện nay đời sống của chúng phải nói là khá chật vật. Mùa đông năm nay lạnh không khác gì năm trước mà thực phẩm thì khan hiếm hơn. Khẩu phần, trừ của chó và lợn, đều bị cắt bớt. Tuyệt đối bình quân, Chỉ Điểm giải thích, là trái với nguyên tắc của Súc Sinh Kinh. Nó dễ dàng chứng minh cho những con khác thấy rằng thực ra là chúng có đủ lương thực, khan hiếm thực phẩm chỉ là giả tạo. Dĩ nhiên là lúc này cần phải có một sự điều chỉnh nhất định (Chỉ Điểm nói là “điều chỉnh” chứ không phải “cắt bớt”) nhưng nếu so với thời còn lão Jones thì sự cải thiện là rõ ràng. Bằng một giọng đọc nhanh và the thé chói tai, nó đưa ra những con số rất cụ thể, chứng minh rằng chúng thu được nhiều yến mạch, nhiều cỏ khô, nhiều củ cải hơn thời còn lão Jones, công việc lại nhẹ nhàng hơn, nước uống có chất lượng cao hơn, chúng sống lâu hơn, tỉ lệ trẻ sơ sinh sống sót cao hơn, chúng có nhiều rom làm nệm hơn, ít chấy rận hơn. Mọi con đều tin như thế. Thực ra mà nói thì chúng cũng đã quên gần hết những chuyện thời ông Jones rồi. Chúng chỉ biết rằng cuộc sống hiện nay rất khó khăn, vất vả, chúng thường bị đói, bị rét và hể mở mắt ra là chúng phải làm. Trước đây chắc là còn khó khăn nữa. Chúng vui lòng tin như thế. Ngoài ra, quan trọng hơn nữa là trước đây chúng là nô lệ, bây giờ chúng được tự do, Chỉ Điểm luôn nhấn mạnh như vậy.

Nhân khẩu ngày một tăng. Mùa thu vừa rồi có bốn chị lợn nằm ổ cùng một lúc, chúng sinh được những ba mươi mốt con

cả thầy. Tất cả đều là lợn khoang, cả trại chỉ có một mình Napoleon là lợn giống nên có thể đoán ngay được chúng là con ai. Toàn trại được thông báo rằng hiện đang tiến hành mua gạch và gỗ, khi nào mua được thì sẽ xây lớp học. Còn hiện thời thì lũ lợn con sẽ được giao cho Napoleon dạy dỗ trong khu nhà bếp. Lũ lợn con được đưa ra vườn chơi nhưng bị cấm tiếp xúc với bọn thú con khác loài. Một điều luật mới cũng được đưa ra trong khoảng thời gian này, ấy là khi gặp nhau thì tất cả phải đứng sang bên, nhường đường cho lợn đi trước, đồng thời, giống lợn, không phân biệt chức vụ được đeo băng xanh ở đuôi vào các ngày chủ nhật.

Năm nay là một năm khá thành công, nhưng tiền thì vẫn thiếu. Còn phải mua gạch, vôi và cát để xây trường học; lại còn phải tiết kiệm để mua máy móc cho cối xay gió nữa. Rồi phải mua dầu thắp, nến và đường cho riêng Napoleon (nó cấm các (những) con lợn khác ăn đường vì sợ chúng sẽ bị tăng trọng) và bao nhiêu thứ khác như dụng cụ, đinh, dây thùng, than, dây thép, tấm lợp và bánh bích qui cho chó nữa. Phải bán một phần cỏ khô và khoai tây, hợp đồng bán trứng gà đã tăng lên đến sáu trăm quả mỗi tuần thành thử số gà gần như không tăng, nếu không nói là giảm vì số trứng chúng để lại ấp quá ít. Tháng mười hai đã giảm khẩu phần một lần, tháng hai lại bị giảm một lần nữa và để tiết kiệm, từ nay ban đêm không được thắp đèn trong các chuồng nữa. Nhưng lũ lợn có vẻ như vẫn sống khỏe, chỉ ít con nào cũng lên cân. Một lần, vào buổi chiều tháng hai, trong khu sân trại bỗng có một mùi thơm nồng, lũ súc vật chưa từng ngửi thấy mùi này bao giờ. Hoá ra mùi ấy xuất phát từ cái nhà nằm ở sau bếp, thời còn lão Jones vẫn dùng để nấu bia, nhưng

lâu nay bỏ không. Có con nào đó nói rằng đây là mùi lúa mạch nấu. Lũ súc vật hít hà mãi cái mùi thơm nồng, cay cay đó và cố đoán xem tối nay chúng có được ăn “hèm” không. Nhưng tối hôm đó không có “hèm”, đến chủ nhật chúng lại được thông báo rằng từ nay lúa mạch sẽ để dành riêng cho lũ lợn. Miếng đất cạnh khu vườn đã được gieo lúa mạch rồi. Sau đó lại có tin nói rằng từ nay mỗi con lợn sẽ được nửa lít bia một ngày, riêng Napoleon thì được uống hai lít, mà phải uống bằng cốc pha lê.

Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng cuộc đời vẫn đáng sống hơn xưa rất nhiều. Chưa bao giờ chúng được hát, được nghe nói chuyện, được đi mít tinh, biểu tình nhiều như bây giờ. Napoleon ra lệnh mỗi tuần phải có một cuộc Diễu Hành mà nó gọi là Tự Phát, mục đích là để ngợi ca cuộc đấu tranh và những thành quả của Trại Súc Vật. Đúng giờ qui định tất cả sẽ rời bỏ ngay công việc, xếp thành đội ngũ, lần lượt là lũ lợn rồi đến ngựa, bò, cừu và cuối cùng là gà, vịt và đi đều bước xung quanh trang trại. Con gà trống màu đen của Napoleon luôn luôn đi đầu, còn hai bên đoàn diễu hành là lũ chó. Chiến Sĩ và Bà Mập mang lá cờ màu xanh giữa có hình súng và móng và khẩu hiệu “Đồng chí Napoleon muôn năm”. Các buổi mít tinh bao giờ cũng kết thúc với màn trình bày bài thơ ngợi ca Napoleon và báo cáo của Chi Điểm về những thành tích trong việc tăng gia sản xuất thời gian vừa qua; những dịp lễ lạt thường có bắn các loạt súng chào mừng nữa. Lũ cừu đặc biệt khoái đi diễu hành, nếu có con nào phàn nàn (nhất là khi vắng bọn chó và lợn) là diễu hành chi tổ rét và mất thời gian thì chúng lập tức tụng bài cầu nguyện muôn thuở: “Bốn chân tốt, hai chân xấu”, mà chúng tụng to đến nỗi át được mọi (cả những) lời phàn nàn, hậm hực. Nhưng nói chung

là đa số thích những buổi lễ lạt kiểu ấy. Chúng thấy được an ủi phần nào vì các buổi tụ tập như vậy nhắc nhở chúng rằng chúng thực sự là chủ nhân của trang trại và mọi việc chúng làm đều là vì chúng mà thôi. Những bài hát, những cuộc diễu hành, số liệu của Chỉ Điểm, tiếng súng chào mừng, tiếng gáy của con gà trống và ngọn cờ tung bay trước gió đã giúp quên đi, dù chỉ trong phút chốc cái đói cồn cào đang hành hạ chúng.

Tháng tư, Trại Súc Vật tự tuyên bố là Nước Cộng Hòa, cần phải bầu Tổng Thống. Chỉ có một ứng cử viên duy nhất. Napoleon trúng cử một trăm phần trăm. Ngay hôm đó lại có tin đã tìm thấy những tài liệu mới chứng tỏ Tuyết Tròn đã cộng tác với lão Jones ngay từ đầu. Hoá ra là Tuyết Tròn không chỉ sử dụng chiến thuật khôn khéo nhằm làm thất bại Chiến Dịch Chuồng Bò, như chúng đã thấy trước đây, mà còn đứng hẳn về phía lão Jones nữa. Chính Tuyết Tròn đã dẫn đầu đoàn người xâm nhập, miệng hô lớn: “Loài người muôn năm!”. Còn những vết thương trên lưng nó, vẫn có mấy con còn sống trông thấy những vết thương ấy và nhớ rõ rằng đấy chính là vết răng của Napoleon.

Sau nhiều năm vắng bóng, giữa mùa hè vừa rồi con Moses bỗng lại xuất hiện. Nó hầu như không thay đổi, vẫn chẳng chịu làm gì và suốt ngày kể chuyện hão huyền về Núi Xôi. Nó thường đậu trên cành cây, vẫy vẫy đôi cánh đen và nói hàng giờ liền, miễn là có con nào đó chịu nghe.

“Ồ trên kia, thưa các đồng chí”, Nó vừa nói vừa lấy mỏ chỉ lên trời, “phía trên những đám mây màu đen kia là Núi Xôi, là nơi các loài vật khốn khổ chúng ta sẽ được yên nghỉ đời đời.”

Nó còn nói rằng nó đã từng bay tới đó một lần rồi, đã từng trông thấy những cánh đồng cỏ ba lá xanh tốt quanh năm,

trông thấy những khu vườn mọc đầy bánh nhân hạt lanh cũng như đường cục. Thế mà có nhiều con tin. Chúng nghĩ rằng chúng đang bị đói, khổ, vất vả; thế thì việc có một thế giới an lành hơn ở đâu đó cũng là lẽ công bằng mà thôi. Nhưng điều chúng không thể hiểu được chính là thái độ của bọn lợn đối với Moses. Lũ lợn miệt thị rằng Núi Xôi chỉ là chuyện bịa, nhưng Moses không những không bị đuổi đi mà còn được cấp một vại bia mỗi ngày.

Cuối cùng thì móng của Chiến Sĩ cũng khỏi, nó lao vào công việc hăng hơn lúc nào hết. Những con khác cũng phải làm không khác gì tù khổ sai. Ngoài công việc thường kì của trại và khôi phục cối xay gió thì còn việc xây trường cho lũ lợn con nữa. Trường học được khởi công vào tháng ba. Đôi khi tưởng chừng như không thể nào chịu nổi thời gian và cường độ lao động ấy với một cái dạ dày lép kẹp, nhưng Chiến Sĩ không hề ngã lòng. Không có một dấu hiệu gì, kể cả trong lời nói cũng như việc làm chứng tỏ sức lực của nó không còn được như xưa nữa. Tuy thế, tướng mạo của nó có thay đổi chút ít, da nó không còn được nhuận như trước, hông nó trông cũng nhỏ đi. Mọi con đều nói: “Có cở non là Chiến Sĩ sẽ bình phục ngay ấy mà”, nhưng mùa xuân đã về, cỏ non đã lên xanh mà Chiến Sĩ chẳng hề mập thêm chút nào. Những khi trông nó gồng mình kéo đá lên khỏi bờ dốc, có cảm tưởng như sức nó đã kiệt, phải là một ý chí sắt đá lắm mới đứng vững được như thế. Nhìn vào đôi môi, người tinh có thể thấy rằng nó đang định nói: “Tôi sẽ cố gắng hơn nữa”, nhưng không thể thốt lên lời. Bà Mập và Benjamin lại nhắc nó giữ gìn sức khỏe, nhưng nó vẫn bỏ ngoài tai. Ngày sinh nhật lần thứ mười hai đang đến gần. Nó chỉ quan tâm đến một

việc duy nhất sau đây: làm sao gom được thật nhiều đá trước khi nghỉ hưu, còn sau đó muốn ra sao thì ra.

Một hôm, lúc ấy đã khá khuya, bỗng có tin Chiến Sĩ gặp nạn. Hoá ra là nó đi kéo xe đá một mình. Không phải là tin đồn nữa, sự thật là thế, mấy phút sau có hai con bồ câu bay về.

“Chiến Sĩ bị ngã! Nó ngã nằm nghiêng, không dậy được nữa rồi!”, hai con bồ câu thông báo.

Gần một nửa số súc vật trong trang trại lao về phía gò đất. Chiến Sĩ nằm đó, giữa hai cặng xe, cổ vươn ra, nhưng yếu quá, không thể nhấc đầu lên được. Lưng nó đẫm mồ hôi, hai mắt trông đại hẩn đi. Một dòng máu nhỏ đang rỉ ra khỏi miệng. Bà Mập quì xuống bên cạnh.

“Chiến Sĩ!”, nó hỏi, “Anh sao vậy?”

“Không thở được nữa rồi”, Chiến Sĩ thều thào nói, “Nhưng không sao. Tôi nghĩ các bạn sẽ dựng lại được cối xay gió. Có nhiều đá lắm rồi. Dù sao cũng chỉ một tháng nữa là tôi sẽ nghỉ hưu thôi. Nói thật, tôi mong được nghỉ hưu lắm. Benjamin cũng già rồi, nếu nó cũng được nghỉ hưu cùng lúc với tôi để cho có bạn thì tốt biết bao.”

“Đi báo cho Chi Điểm ngay”, Bà Mập nói.

Tất cả lập tức chạy về khu nhà chính để tìm Chi Điểm. Chỉ có Bà Mập và Benjamin ở lại. Benjamin yên lặng nằm xuống bên cạnh Chiến Sĩ và dùng đuôi đuổi ruồi cho nó. Khoảng mười lăm phút sau thì Chi Điểm tới, mặt lộ đầy vẻ thương cảm và sốt sắng. Nó nói rằng đồng chí Napoleon rất buồn khi biết tin tai nạn đã xảy ra với một trong những người lao động trung thành nhất của trang trại và đang sắp xếp để đưa Chiến Sĩ đến chữa tại bệnh viện ở Willingdon. Nhưng lũ súc vật lại cảm thấy có cái

gì đó không yên tâm vì từ trước tới nay ngoài Mollie và Tuyết Tròn ra thì chưa có con nào đi khỏi trang trại, và lại chúng cũng không thích giao một đồng chí bệnh hoạn vào tay con người. Nhưng Chi Điểm dễ dàng thuyết phục được chúng rằng các bác sĩ thú y ở Willingdon sẽ chữa cho Chiến Sĩ tốt hơn là cứ để nó nằm ở trại. Khoảng nửa tiếng sau thì Chiến Sĩ đứng dậy được, nó lết dần về chuồng. Bà Mập và Benjamin lấy rom trái cho nó một cái ổ khá dày.

Chiến Sĩ nằm trong chuồng hai ngày liền. Lũ lợn tìm được một chai thuốc màu hồng khá to ở trong tủ thuốc đặt tại phòng tắm và đem ra cho nó. Bà Mập bắt nó uống hai lần một ngày, ngay sau bữa ăn. Buổi tối Bà Mập vào chuồng của Chiến Sĩ để tâm sự, trong khi Benjamin thì đuổi ruồi cho nó. Chiến Sĩ nói rằng nó chẳng có gì phải phàn nàn. Nếu lần này hồi phục được thì nó có thể sống thêm khoảng ba năm nữa, nó mong được sống những ngày thanh thản còn lại trong góc cái bãi cỏ rộng dành cho những con về hưu. Nó sẽ dành trọn thời gian rảnh rỗi để học tập, nâng cao trình độ. Nó bảo nó sẽ dành toàn bộ quãng đời còn lại để học cho thuộc hai mươi hai chữ cái.

Benjamin và Bà Mập chỉ có thể chăm sóc Chiến Sĩ sau giờ tan tầm, thế mà cái xe đến bắt nó lại xuất hiện vào lúc gần trưa. Máy con lợn đang chỉ huy cả bọn gieo hạt cải ở ngoài đồng thì bỗng thấy Benjamin phi nước đại từ trang trại tới, miệng gào đến lạc cả giọng. Đây là lần đầu tiên chúng thấy Benjamin xúc động như vậy, cũng là lần đầu tiên chúng thấy nó phi nước đại.

“Mau lên! Mau lên!”, Nó gào lên, “Lại đây mau lên! Họ mang Chiến Sĩ đi rồi!”

Cả bọn lập tức bỏ việc và cùng chạy về phía khu nhà chính,

không đợi lũ lợn có cho phép hay không. Quả nhiên, trong sân có một cái xe song mã đóng kín cửa, bên sườn xe có ghi hàng chữ khá to, anh chàng đánh xe đội một cái mũ phớt trông rất lầu cá. Chiến Sĩ không còn trong chuồng nữa.

Lũ súc vật tập trung quanh chiếc xe.

“Đi khoẻ nhá, Chiến Sĩ!”, Chúng đồng thanh hô, “Tạm biệt!”

“Ngu, ngu thế”, Benjamin vừa gào thét, vừa chạy xung quanh, chân nện xuống đất ầm ầm, “Ngu, không nhìn thấy chữ gì à?”

Cả bọn như tỉnh ngộ, yên lặng nhìn nhau. Con lừa Muriel bắt đầu đánh vằn, nhưng Benjamin đã đẩy nó ra và đọc:

“Lò mổ Alfred Simmond, Willingdon. Mua bán thịt, xương, da ngựa. Cung cấp củi chó. Đã hiểu chưa? Chúng mang Chiến Sĩ đi làm thịt đấy!”

Một tiếng thét kinh hoàng cùng phát ra từ mọi lồng ngực. Đúng lúc đó, anh chàng đánh xe ra roi và hai con ngựa kéo bắt đầu chạy nước kiệu. Cái xe từ từ đi ra khỏi sân. Cả lũ cùng chạy theo sau, vừa chạy vừa khóc như mưa như gió. Bà Mập lao lên. Cái xe cũng tăng tốc. Bà Mập cố phóng lên, nhưng sức nó không còn, làm sao theo nổi hai con kia.

“Chiến Sĩ!”, Nó gào lên, “Chiến Sĩ! Chiến Sĩ! Chiến Sĩ!”

Không biết Chiến Sĩ có nghe thấy tiếng gọi từ bên ngoài hay không, nhưng cái mõm với một vệt màu trắng chạy dọc sống mũi của nó có lấp ló phía trong cái cửa sổ nhỏ ở đằng sau xe.

“Chiến Sĩ!”, Bà Mập gào đến lạc giọng, “Chạy đi! Chạy đi! Chạy mau lên! Chúng giết mày đấy!”

Tất cả đồng thanh thét lên:

“Chạy đi, Chiến Sĩ, Chạy đi!”

Nhưng hai con ngựa đã tăng tốc, cái xe ngày một đi xa hơn.

Không biết là Chiến Sĩ có nghe rõ Bà Mập nói gì hay không, nhưng không còn trông thấy mồm nó bên trong cửa sổ nữa, đồng thời người ta nghe thấy tiếng chân nó nện vào thành xe đều và vang không khác gì tiếng trống ngũ liên. Đây là Chiến Sĩ đạp vào thành xe để tìm lối thoát. Trước đây thì chỉ vài cái đạp như thế cũng đủ làm cho chiếc xe này biến thành củi rồi. Nhưng lạy chúa tôi! Súc nó nay còn đâu và tiếng đạp cứ nhỏ dần, nhỏ dần rồi im hẳn. Không biết làm thế nào, lũ súc vật đành quay ra cầu cứu hai con ngựa kéo, xin chúng đừng chạy nữa.

“Các đồng chí! Các đồng chí!”, Chúng lại đồng thanh gào lên, “Các đồng chí có biết đang mang người anh em của mình đi đâu không?”

Nhưng hai con vật ngu lâu, đầu óc tầm tối đó không hiểu, chúng chỉ khê vểnh tai lên và càng chạy nhanh thêm. Không còn thấy Chiến Sĩ thấp thoáng bên trong cái cửa sổ nhỏ nữa. Có con nghĩ đến việc chạy ra để đóng cánh cổng lớn lại, nhưng quá trễ mất rồi, chiếc xe đã ra đến đường lớn và đi xa dần. Từ đây không ai còn trông thấy Chiến Sĩ nữa.

Ba ngày sau có thông báo rằng Chiến Sĩ đã mất tại bệnh viện ở Willingdon, mặc dù đã được chăm sóc rất tận tình. Chính Chi Điểm thông báo như thế. Nó còn nói rằng nó đã ở cạnh Chiến Sĩ trong giờ phút lâm chung.

“Thật vô cùng cảm động”, Chi Điểm vừa nói vừa lau nước mắt, “Tôi ngồi bên Chiến Sĩ khi đồng chí ấy trút hơi thở cuối cùng. Trước khi chết đồng chí ấy đã yếu lắm, không nói được nữa, nhưng đồng chí ấy vẫn cố thì thầm nói rằng đồng chí ấy chỉ tiếc không được tham dự lễ khánh thành cối xay gió. “Tiến

lên, các đồng chí - đồng chí ấy nói - Vì sự nghiệp của cuộc Khởi Nghĩa hãy tiến lên! Trại Súc Vật muôn năm! Đồng chí Napoleon muôn năm! Đồng chí Napoleon bao giờ cũng đúng!” - Đây chính là những lời nói cuối cùng của đồng chí ấy.”

Lúc đó thái độ của Chi Điểm đột nhiên thay đổi. Nó ngồi im một lúc, sau đó nhìn quanh khắp lượt rồi mới tiếp tục câu chuyện.

Nó bảo rằng từ khi đưa Chiến Sĩ đi thì ở trại đã lan truyền những tin đồn thất thiệt. Một số con nhin thấy chữ “Lò mổ” trên thành xe đã vội kết luận rằng Chiến Sĩ bị đưa đi làm thịt. Chi Điểm nói rằng nó không thể tin là các con vật trong trại lại ngu ngốc đến thế. Không thể tin, Chi Điểm vừa nói vừa vẩy đuôi và nhảy loạn xạ lên, là các con vật trong trại lại có thể nghĩ về lãnh tụ kính yêu, nghĩ về đồng chí Napoleon theo chiều hướng đó! Mọi việc đơn giản hơn rất nhiều. Số là ông bác sĩ thú y đã mua lại cái xe của lò mổ, nhưng ông ta chưa kịp xóa tên chủ cũ đi. Lí do chỉ có vậy thôi.

Nghe nói thế, cả bọn đều cảm thấy yên lòng. Còn khi Chi Điểm tả rõ cảnh chăm sóc, cũng như những thuốc men đắt tiền mà Napoleon hạ lệnh mua để chạy chữa cho Chiến Sĩ trong những ngày cuối cùng vừa qua thì những nghi ngờ lâu nay được giải toả hẳn và nỗi buồn mất bạn voi đi bội phần: dù sao thì Chiến Sĩ cũng được mổ yên mà đẹp rồi.

Chính Napoleon tham dự cuộc họp vào sáng chủ nhật và đọc một bài diễn văn tưởng niệm Chiến Sĩ. Chúng ta không có điều kiện, nó nói, đưa thi hài của người đồng chí quá cố về trang trại, nhưng nó đã ra lệnh làm một vòng hoa thật lớn, hoa lấy ngay trong vườn trại và đưa đến Willingdon để đặt lên mộ Chiến Sĩ.

Lũ lợn sẽ tổ chức bốn chín ngày [1] thật to cho Chiến Sĩ, nó hứa như vậy. Napoleon kết thúc bài diễn văn bằng cách nhắc lại hai khẩu hiệu của Chiến Sĩ: “Tôi sẽ cố gắng hơn nữa” và “Đồng chí Napoleon lúc nào cũng đúng”. Napoleon còn bảo rằng tất cả các con vật trong trang trại nên học tập Chiến Sĩ, lấy khẩu hiệu của Chiến Sĩ làm khẩu hiệu hành động của chính mình.

Đúng hôm tổ chức bốn chín ngày cho Chiến Sĩ thì có một cái xe chở một thùng gỗ lớn đến toà nhà chính. Tối hôm đó từ trong toà nhà vọng ra tiếng hát, tiếng tranh luận ồn ào và vào lúc mười một giờ thì người ta nghe thấy tiếng cốc thủy tinh vỡ loảng xoảng, rồi tất cả chìm vào màn đêm yên lặng. Toà nhà chính đóng cửa kín mít cho đến tận trưa hôm sau, trong khi đó lại có tin đồn rằng lũ lợn đã kiếm được tiền và mua hẳn một thùng whisky.

X

Nhiều năm đã trôi qua. Xuân đi, đông lại, cuộc đời loài vật như bóng câu qua cửa sổ. Chỉ còn Benjamin, Bà Mập, con quạ Moses và một vài con lợn là còn nhớ được “ngày xưa”, khi chưa Khởi Nghĩa.

Muriel đã chết. Bluebell, Jessie và Pincher cũng không còn. Ông Jones cũng chết rồi, chết trong trại tế bần dành cho người nghiện. Không ai nhắc đến Tuyết Tròn nữa. Chỉ có vài con vật còn nhớ Chiến Sĩ. Bà Mập đã thành một con ngựa già béo phì, chân chậm, mắt mờ. Nó đã quá tuổi hưu hai năm, nhưng thực ra, đã có con nào được hưu trí đâu. Không còn ai nhắc đến chuyện ngăn một mảnh đất cho những con già cả nữa. Napoleon đã thành một con lợn đực to sụ, phải nặng tạ rưỡi là ít. Chỉ Điểm cũng béo lắm, mắt híp lại, gần như không trông thấy gì. Chỉ có Benjamin là vẫn như xưa, tuy râu có trắng ra và sau khi Chiến Sĩ mất thì càng tỏ ra lẩm lì, ít nói hơn.

Trại Súc Vật có thêm nhiều thành viên mới, tất nhiên là không nhiều như chúng nghĩ lúc đầu. Một số con được sinh ra ngay tại đây, đối với chúng, cuộc Khởi Nghĩa chỉ là một truyền thống mù mờ, được truyền khẩu cho nhau. Một số được mua từ nơi khác về, những con này chưa từng nghe ai nói chuyện đó trước

khi đến đây. Ngoài Bà Mập, trại còn có thêm ba con ngựa nữa. Đây là những con to, khỏe, chăm làm, tốt bụng nhưng ngu lảm. Không con nào thuộc quá chữ B. Chúng tin tưởng tuyệt đối vào Súc Sinh Kinh và những câu chuyện về cuộc Khởi Nghĩa, đặc biệt là những chuyện do Bà Mập, mà chúng coi như mẹ, kể lại; nhưng có vẻ như chúng cũng chẳng hiểu mô tê gì.

Trang trại được tổ chức tốt và ngày một phần vinh hơn; chúng còn mở rộng thêm bằng cách mua của Pilkington hai khu đất nữa. Cối xay gió đã hoàn thành, chúng mua được cả máy đập lúa, máy nâng hạ và còn xây được thêm nhiều toà nhà. Whymper cũng mua được cho mình một cỗ xe nhỏ. Chúng không lắp máy phát điện lên cối xay gió mà dùng nó để xay xát, nhờ thế chúng kiếm được khối tiền. Chúng lại đang xây một cối xay gió nữa, sẽ lắp máy phát điện ở đấy, chúng bảo thế. Nhưng những thứ xa xỉ như đèn điện, nước nóng, tuần làm việc ba ngày mà chúng từng mơ mộng thời còn Tuyết Tròn thì không được nhắc đến nữa. Napoleon từng tuyên bố rằng những tư tưởng đại loại như vậy là trái hoàn toàn với tinh thần của Súc Sinh Kinh. Hạnh phúc chân chính, nó bảo, là lao động hăng say và sống đạm bạc, tiết kiệm.

Trang trại giàu có thêm, nhưng ngoại trừ lũ lợn và chó ra, đời sống của các con khác thì vẫn như xưa. Cũng có thể một phần là do có nhiều lợn và chó quá. Bọn này cũng làm việc, dĩ nhiên là theo cách của mình. Chi Điểm giải thích không mệt mỏi rằng tổ chức và kiểm tra công tác của trại là những việc phải làm thường xuyên, liên tục. Mà những giống khác đâu có đảm đương được, việc này cần nhiều trí thông minh lắm. Thí dụ, Chi Điểm bảo rằng lũ lợn mất rất nhiều công sức vào việc

soạn những cái gọi là “tài liệu”, “dữ liệu”, “báo cáo”, “biên bản”, “ghi nhớ”. Đây là những tờ giấy to, viết đầy chữ và sau khi viết xong thì đem vào lò đốt. Nhờ thế mà trang trại mới được phồn vinh như ngày nay đây, Chi Điểm thường nói như vậy. Dù sao mặc lòng, những thứ ấy chẳng thể làm lũ chó, lợn ấy no được, mà chúng phàm ăn lắm.

Cuộc sống của những con khác thì vẫn như xưa. Ngày chúng thường bị đói, đêm chúng ngủ trên ổ rơm, nước thì uống ngay ở dưới ao, làm việc ngoài đồng trống, mùa đông thì mất ngủ vì rét, mùa hè thì khổ vì ruồi. Thịnh thoảng những con có tuổi cố nhớ lại xem nay đời sống của chúng có khá hơn ngay sau Khởi Nghĩa, khi chúng vừa đuổi lão Jones đi, hay không. Nhưng chúng không nhớ nổi. Không có gì cho chúng so sánh: trong đầu chúng chỉ có mỗi những số liệu của Chi Điểm, những con số luôn luôn chứng tỏ rằng mọi thứ đều được cải thiện, đều tốt thêm một bước mỗi ngày. Thôi thì đành vậy và lại chúng cũng chẳng có nhiều thời gian để mà suy nghĩ lung tung. Chỉ có Benjamin già nua là khẳng định rằng nó nhớ hết, nhớ đến từng chi tiết mọi việc đã qua và biết rõ rằng chúng chưa bao giờ khổ hơn cũng chẳng bao giờ được sướng hơn, vẫn là đói, là bán mặt cho đất bán lưng cho trời, là bị loè bịp; qui luật cuộc đời vốn là như thế, nó thường bảo như vậy.

Dù sao chúng vẫn cứ hi vọng. Hơn thế nữa, chúng còn luôn tự hào được là công dân của Trại Súc Vật. Trong nước này, mà là nước Anh hẳn hoi đấy nhé, đây là trang trại duy nhất của súc vật và do súc vật quản lí! Tất cả mọi con vật, từ những con nhỏ nhất cho đến những con mới được mua từ cách xa cả chục cây số về, đều tự hào như thế. Nhất là khi chúng nghe thấy tiếng

súng nổ, khi trông thấy lá cờ xanh tung bay là tìm chúng lại đập rộn rã, khi ấy, dù đang nói chuyện gì chúng cũng quay lại đề tài về những năm tháng hào hùng, về việc lật đổ lão Jones, về việc thiết lập Bảy Điều Răn và về những trận chiến đấu oanh liệt chống lũ người xâm lược. Chúng cũng không quên nhắc nhở nhau những kỉ vọng thuở ban đầu. Chúng tin rằng lời tiên tri của Thủ Lĩnh già về ngày thành lập Nước Cộng Hòa Súc Vật trên toàn lãnh thổ Anh quốc, ngày con người bị tống khứ khỏi sử sở này nhất định sẽ tới. Ước mơ của chúng sẽ thành hiện thực, nhất định ngày đó sẽ tới, dù còn lâu, dù rằng tất cả những con đang sống hiện nay sẽ không được chứng kiến, nhưng ngày đó nhất định sẽ tới. Chúng cũng không quên bài “Súc Sinh Anh quốc”, con nào cũng biết hát bài này, nhưng chúng chỉ dám hát thầm với nhau mà thôi. Dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, dù không phải tất cả ước mơ của chúng đều được thực hiện, nhưng trong thâm tâm chúng biết rằng chúng là những con vật đặc biệt. Dù chúng chưa được no, nhưng chúng không phải làm để nuôi bọn người tàn độc; dù chúng còn phải lao động vất vả, nhưng đấy là chúng làm cho chính mình. Không con nào đi hai chân, không con quan hệ chủ tớ. Tất cả đều bình đẳng.

Một hôm, đấy là đầu mùa hạ, Chi Điểm bỗng ra lệnh cho lũ cừu đi theo nó ra cánh đồng bỏ hoang bên ngoài trại, nơi có cả một rừng bạch dương non. Lũ cừu ở đó cả ngày, tha hồ nhai lá, dĩ nhiên là dưới sự chỉ đạo của Chi Điểm. Tối hôm đó Chi Điểm quay lại trang trại một mình, hôm đó thời tiết tốt nên nó bảo lũ cừu ngủ ngay ngoài đồng cho mát. Chúng ở lại đó suốt một tuần liền. Ngày nào Chi Điểm cũng ra với lũ cừu. Theo như nó nói thì nó đang dạy lũ cừu một bài hát mới mà yên tĩnh thì học

mới mau “vào”.

Một chiều, hôm ấy lũ cừu đã học xong và trở về rồi, trong khi cả bọn đang quay về sau một ngày lao động thì chúng bỗng nghe thấy tiếng ngựa kêu thất thanh từ phía trại vọng lại. Quá hoảng sợ, tất cả lập tức đứng như trời trồng. Đây là tiếng kêu của Bà Mập. Nó lại kêu lên lần nữa, tất cả lập tức phóng thật nhanh vào sân trại để xem có chuyện gì. Và chúng nhìn thấy chính cái điều đã làm Bà Mập hoảng loạn.

Đây là một con lợn đang bước đi bằng hai chân sau.

Vâng, chính là Chi Điểm đang đi. Có vẻ vụng về, dĩ nhiên rồi, một phần vì chưa quen, một phần vì quá nặng, nhưng nó vẫn giữ được thăng bằng và đi từ bên này sang tận bên kia sân. Một lúc sau thì từ cửa chính ngôi nhà cả đàn lợn bước ra, tất cả, không trừ con nào, đều đi bằng hai chân sau. Một số con bước đi một cách tự tin, một số con còn lảo đảo, giả có cái ba toong thì vững hơn, nhưng tất cả đều đi một vòng quanh sân mà không con nào bị ngã. Cuối cùng là tiếng chó sủa dữ dội, tiếng gà gáy vang rền và Napoleon bước ra, lưng thẳng tắp, dáng oai vệ, nó nhìn khắp lượt, xung quanh tíu tít bầy cừu.

Chân trước nó cầm một cái roi to.

Xung quanh lặng ngắt như tờ. Ngạc nhiên pha lẫn hoảng sợ, lũ súc vật tụ vào một góc để nhìn đàn lợn nối nhau đi quanh sân. Thế giới đảo điên hết rồi sao? Phút hoảng loạn ban đầu rồi cũng qua và dù có sợ bầy chó, dù bao năm đã quen không dám phản nản, không dám phản đối, lần này chắc chắn chúng sẽ lên tiếng phản đối. Nhưng đúng lúc đó, như có hiệu lệnh, bọn cừu đồng thanh gào lên:

“Bốn chân tốt, hai chân tốt hơn! Bốn chân tốt, hai chân tốt

hon! Bốn chân tốt, hai chân tốt hơn!”

Chúng tụng như thế năm phút liền, không ngưng nghỉ. Khi lũ cừu im thì đàn lợn đã vào hết trong nhà rồi, có phản đối cũng chẳng ai nghe.

Benjamin cảm thấy như có con nào đang lấy mũi cọ vào vai mình. Nó quay đầu lại. Hoá ra là Bà Mập. Đôi mắt đã mờ của nó trông càng buồn hơn lúc nào hết. Nó khẽ ngoạm vào bờm của Benjamin và kéo ra phía đầu hồi của nhà kho lớn. Chúng đứng đó, yên lặng ngắm những dòng chữ màu trắng trên bức tường sơn hắc ín.

“Tôi chẳng còn trông thấy gì cả - Cuối cùng Bà Mập lên tiếng - Ngay khi còn trẻ tôi cũng có đọc được chữ nào đâu. Nhưng tôi thấy hình như bức tường trông khác lắm. Bảy Điều Răn vẫn thế chứ, anh Benjamin?”

Đây là lần đầu tiên Benjamin từ bỏ thói quen cố hữu của nó và khẽ đọc cho Bà Mập nghe. Trên bức tường chỉ còn ghi một Điều Răn duy nhất như sau:

MỌI CON VẬT SINH RA ĐỀU BÌNH ĐẲNG, NHƯNG CÓ MỘT SỐ CON BÌNH ĐẲNG HƠN NHỮNG CON KHÁC.

Sau đó thì ngay cả việc những con lợn đốc công mang theo roi ra đồng cũng không làm chúng ngạc nhiên nữa. Chúng cũng không ngạc nhiên khi thấy bọn lợn mua đài, rồi thảo luận kĩ hợp đồng đặt máy điện thoại cũng như đặt mua các báo như John Bull¹, Tits-Bit¹ và Daily Mirror². Chúng cũng không ngạc nhiên khi trông thấy Napoleon mồm ngậm tẩu thuốc đi dạo trong vườn, cũng như khi thấy lũ lợn lấy quần áo của ông Jones ra diện nữa. Napoleon chọn cho mình chiếc áo khoác đen,

quần ống túm, ủng da; trong khi con lợn cái mà nó thích nhất được bộ lụa tơ tằm mà bà Jones thường mặc khi đi nhà thờ, vào những ngày chủ nhật.

Một tuần sau, buổi chiều, có rất nhiều xe cộ đi vào trại. Đây là đại biểu các trang trại lân cận được mời đến thăm quan Trại Súc Vật. Quan khách rất ngạc nhiên khi được xem các cánh đồng, các công cụ sản xuất của trại, đặc biệt là cối xay gió. Lúc đó các con vật đang nhổ cỏ trên cánh đồng trông củ cải. Chúng làm việc chăm chỉ, ít khi ngẩng đầu lên. Chúng cũng không biết trong hai loại đó, quan khách và lợn, bọn nào đáng sợ hơn.

Tối hôm đó có tiếng hát và tiếng cười rất to vang lại từ phía ngôi nhà chính. Lũ súc vật bỗng cảm thấy tò mò, muốn biết trong nhà đó đang nói chuyện gì vì đây là lần đầu tiên con người và con vật gặp nhau như những đối tác bình đẳng. Rồi không con nào bảo con nào, chúng cùng nằm xuống và im lặng bò đến gần toà nhà chính.

Chúng hơi lưỡng lự khi bò đến cổng, nhưng Bà Mập đã tiến lên hàng đầu. Khi đến gần toà nhà thì chúng nhón gót đứng lên, những con đủ chiều cao có thể nhìn được qua cửa sổ. Bên trong, có sáu điển chủ và sáu con lợn xuất chúng nhất đang ngồi xung quanh một cái bàn dài. Napoleon ngồi ngay đầu bàn, chỗ trang trọng nhất. Có vẻ như lũ lợn đã quen với việc ngồi ghế từ lâu. Cả bọn vừa đánh bài, nhưng lúc ấy đã ngưng, chắc là để nâng cốc chúc mừng nhau. Một chiếc bình khá to được chuyển tay nhau và tất cả các li đều được rót đầy bia. Không ai để ý đến lũ súc vật đang tò mò nhìn qua cửa sổ.

Ông Pilkington, Trại Cáo, tay cầm li bia, đứng dậy. Ông nói rằng sau đây ông sẽ đề nghị nâng li chúc mừng. Nhưng ông xin

được nói vài lời trước đã.

“Thật là vô cùng phấn khởi - ông nói - đối với ông, cũng như đối với tất cả những người đang có mặt ở đây hôm nay, vì giai đoạn nghi kị và hiểu lầm đã chấm dứt”. Đã có thời kì, dĩ nhiên là ông cũng như những người có mặt ở đây hôm nay không hề muốn như thế, nhưng rõ ràng là đã có những thời kì mà những người xung quanh nhìn các chủ nhân đáng kính của Trại Súc Vật với một thái độ, không thể nói là thù địch, nhưng với một sự thiếu thiện cảm. Đáng tiếc là đã xảy ra một vài va chạm, đã lưu truyền một vài quan niệm sai lầm. Có ý kiến cho rằng một trang trại của lợn và do lợn quản lí là một điều bất bình thường và không nghi ngờ gì rằng trại này sẽ tạo ra những ảnh hưởng không hay cho những trang trại xung quanh. Nhiều điền chủ, phải nói là khá nhiều, không hề điều nghiên, đã vội kết luận rằng ở đây sẽ có nhiều hành vi quá trớn và thiếu kỉ cương. Họ lo lắng về ảnh hưởng của trang trại này không chỉ đối với súc vật mà còn đối với cả những người làm thuê cho họ nữa. Nhưng tất cả những mối ngờ vực đó đã chấm dứt. Hôm nay, ông và các đồng nghiệp đã được mời thăm quan trang trại, họ đã xem xét rất kĩ, họ đã tìm thấy gì? Không chỉ công nghệ hiện đại nhất mà cả kỉ cương, trật tự của trại đều xứng đáng cho các trang trại khắp nơi học tập. Ông tin không nói sai khi bảo rằng những loài súc vật hạ đẳng ở đây làm việc nhiều hơn nhưng lại nhận được khẩu phần ít hơn so với các trại khác trong khu vực. Tóm lại, ông và các đồng nghiệp đã trông thấy ở đây nhiều điều đáng phải áp dụng ngay.

Ông nói xin chúc tình hữu nghị giữa Trại Súc Vật và các trại khác đã, đang và sẽ tồn tại mãi mãi. Quyền lợi của loài lợn và của loài người không hề và không được mâu thuẫn nhau. Cả hai đều

có chung mục đích và có chung những khó khăn. Vấn đề sức lao động thì ở đâu chả giống nhau, có phải thế không? Đến đây thì rõ ràng là Pilkington định nói một câu khôi hài đã chuẩn bị sẵn từ lâu, nhưng buồn cười qua, không thể thốt thành lời. Sau một lúc cố gắng đè nén tình cảm, Pilkington nói một câu như sau:

“Nếu các bạn phải xử lí những loài vật hạ đẳng, thì chúng tôi, chúng tôi cũng phải xử lí các giai cấp hạ đẳng.”

Đáp lại câu nói ý vị đó³ là tiếng cười tưởng muốn vỡ nhà, Pilkington lại chúc mừng lũ lợn về việc ăn ít, làm nhiều và kỉ cương, nề nếp của trại.

Và bây giờ, Pilkington đề nghị mọi người cùng đứng dậy, đổ đầy bia vào li.

“Thưa các ngài!”, Pilkington kết thúc bài diễn văn như vậy, “Thưa các ngài, xin các ngài cùng nâng cốc chúc Trại Súc Vật ngày càng thịnh vượng.”

Tiếng vỗ tay, tiếng dặm chân âm âm. Napoleon khoái bài diễn văn đến nổi đến chạm cốc với Pilkington rồi mới uống. Khi tiếng vỗ tay đã dịu xuống, thì Napoleon, lúc đó vẫn đứng, tuyên bố rằng nó cũng xin được phát biểu vài câu.

Napoleon bao giờ cũng nói ngắn và đi ngay vào thực chất vấn đề. Napoleon bảo rằng nó cũng rất mừng là đã thanh toán hết mọi hiểu lầm. Trước đây từng có những tin đồn, chắc chắn là do những thế lực thù địch tuyên truyền, rằng dường như nó và các cộng sự đang theo đuổi những ý tưởng phá hoại, nếu không nói là có tính cách mạng. Người ta vu cho chúng ý định kích động súc vật trong các trại khác đứng lên khởi nghĩa. Vu khống, bịa đặt từ đầu tới cuối! Ước muốn duy nhất của chúng, hiện nay cũng như trong quá khứ, là được sống trong hoà bình

và có quan hệ làm ăn bình thường với những người láng giềng. Trại mà nó được vinh dự lãnh đạo, Napoleon nói thêm, là một loại hợp tác xã. Tất cả những thứ nằm dưới sự quản lí của nó là tài sản chung của cả loài lợn trong trại.

Napoleon nói, nó tin là mọi nghi ngờ đã được giải toả và những thay đổi gần đây càng làm tăng thêm sự tin cậy lẫn nhau hơn nữa. Cho đến nay các con vật trong trang trại có một thói quen không hay là gọi nhau bằng “Đồng chí”. Thói quen này sẽ bị bãi bỏ. Còn một thói quen nữa, không biết bắt đầu từ khi nào, ấy là việc sáng nào cũng đi thành hàng ngũ trong sân, xung quanh một cái sọ heo cắm trên cọc. Thói quen này cũng bị bãi bỏ và cái đầu heo đã được đem chôn rồi. Các vị khách chắc đã có dịp trông thấy lá cờ xanh tung bay. Nếu quả họ đã trông thấy thì chắc chắn là họ phải nhận ra rằng biểu tượng sừng và móng màu trắng cũng đã bị xóa bỏ rồi. Từ nay trở đi lá cờ sẽ chỉ có một màu xanh tinh khiết mà thôi.

Nó nói rằng nó xin phép được sửa lại chút xíu bài diễn văn vô cùng súc tích và đầy thiện ý của ngài Pilkington. Trong suốt bài diễn văn ngài Pilkington đã gọi trại này là Trại Súc Vật. Ngài Pilkington dĩ nhiên không thể biết, vì hôm nay, đây là lần đầu tiên Napoleon tuyên bố hủy bỏ tên Trại Súc Vật. Từ nay trở đi trại sẽ lấy tên là Điện Trang, cần phải gọi như thế vì từ nguyên uỷ trại này vốn vẫn mang tên như thế.

“Thưa các ngài!”, Napoleon kết luận, “Tôi đề nghị các ngài nâng cốc chúc mừng, nhưng với một chút xíu sửa đổi. Xin các ngài rót đầy cốc đi đã. Xin các ngài nâng cốc chúc Điện Trang ngày càng thịnh vượng!”

Tiếng vỗ tay vang lên, mọi người cạn cốc. Nhưng những con

vật đang đứng bên ngoài thì thấy như đang xảy ra một chuyện kì lạ. Tại sao mặt những con heo lại thành như thế kia nhỉ? Đôi mắt đục mờ của Bà Mập hết nhìn con này lại nhìn sang con khác. Con thì cầm có đến năm ngón, con lại có bốn, con thì có ba. Tại sao mọi thứ lại trở nên mờ ảo và thay đổi nhanh thế nhỉ? Tiếng vỗ tay chấm dứt, bàn tiệc quay lại với ván bài bỏ dở, những con đứng xem bên ngoài lục tục bỏ trở ra.

Nhưng chúng vừa bỏ cách khoảng hai mươi mét thì tất cả cùng dừng lại. Có tiếng hò hét âm ỉ vọng ra từ toà nhà. Chúng lập tức quay lại và tiếp tục nhìn qua cửa sổ. Cuộc tranh cãi đang hồi quyết liệt. Có tiếng hét, tiếng đập bàn, tiếng tranh luận và những ánh mắt nghi kỵ. Nguyên nhân cuộc tranh cãi có lẽ là do Napoleon và Pilkington đưa ra con đầm pích cùng một lúc.

Mười hai cái miệng tức giận cùng lên tiếng, có trời mới phân biệt được ai với ai. Bọn súc vật không còn để ý đến mặt mấy con lợn bên trong nữa. Chúng nhìn lợn rồi lại nhìn người, nhìn người rồi lại nhìn lợn, một lúc sau thì chúng chịu, không thể phân biệt được đâu là người, đâu là lợn nữa.

Tháng 11 năm 1943 - tháng 2 năm 1944

¹ Tạp chí ra hàng tháng, thường đăng các bài báo, truyện ngắn, tranh có tính cách giải trí. Xuất bản từ năm 1895.

² Tờ báo ra hàng ngày, dành cho độc giả bình dân, ngả về Đảng Lao động, thường đăng nhiều bài giết gân, quảng cáo do tập đoàn Mirror Group Newspaper phát hành. In 3 triệu bản mỗi kì. Xuất bản từ năm 1903.

³ Nguyên văn: bon mot (tiếng Pháp).

Dịch theo:

GEORGE ORWELL: *HOMAGE TO CATALONIA: A NOVEL*

CATALONIA -
TÌNH YÊU CỦA TÔI
PHẠM NGUYỄN TRƯỜNG dịch

VÀI LỜI PHI LỘ

Nhằm thiết thực tổ chức kỉ niệm lần thứ 110 ngày sinh của George Orwell (25 tháng 6 năm 2003 – 25 tháng 6 2013), từ ngày hôm nay bắt đầu khởi đăng tác phẩm *Homage to Catalonia* (Tưởng niệm Catalonia).

Homage to Catalonia là một trong những cuốn sách du ký hay nhất của mọi thời đại của George Orwell (1903-1950) - một nhà văn, một nhà phê bình văn học nổi tiếng người Anh đã viết như thế.

Còn nhà bình luận Arthur Herman thì nói: nghiên cứu thế kỉ XX mà không đọc cuốn sách này là một thiếu sót lớn. Tác phẩm *Homage to Catalonia* kể về giai đoạn nội chiến ở Tây Ban Nha (1936-1939) mà tác giả từng tham gia, trong đó có những trang rất xúc động nói về tình đồng chí, đồng đội giữa những người dân quân đang phải sống trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, thiếu thốn về vật chất. Họ xem nhau như những người bạn, những người anh em cùng chung lý tưởng, mà trên hết là tinh thần cách mạng quân binh giữa những sỹ quan và binh sỹ, không có sự phân biệt đẳng cấp, đối xử bất bình đẳng. Chính nó đã tạo cho George Orwell suy nghĩ về một xã hội tốt đẹp, một xã hội phi giai cấp mà trước đây ông chưa từng biết đến.

Cũng thông qua tác phẩm này, Orwell muốn gửi gắm đến đọc

giả phần nào tính cách của con người và của thiên nhiên Tây Ban Nha, với những đoạn văn làm cho người đọc xúc động, chan chứa tình yêu đối với miền đất đầy đau thương này.

Homage to Catalonia là tác phẩm này đứng thứ 3 trong bảng tổng sắp 100 tác phẩm non-fiction hay nhất thế kỉ XX do tờ *National Review* bình chọn, còn nhà xuất bản Random House thì xếp nó ở thứ 42. Nó cũng cho ta thấy một hình ảnh George Orwell khác với Orwell, tác giả của *Trại súc vật* và *1984*.

Chớ đáp lời kẻ ngu tùy sự ngu dại của nó,

E con giống như nó chẳng.

Hãy đáp lời kẻ ngu tùy sự ngu dại của nó,

Kẻo nó khôn ngoan theo mắt nó chẳng.

Châm-Ngôn 26, 5-6

1

Một ngày trước khi gia nhập lực lượng dân quân, tôi đã trông thấy một dân quân người Ý đứng trước bàn sý quan tham mưu trong trại lính mang tên Lenin ở Barcelona.

Đấy là một chàng trai chừng hai lăm, hai sáu tuổi, vai rộng, tóc nâu, trông rất rắn rỏi. Chiếc mũ chào mào bằng da đội trễ hẳn sang một bên. Anh đứng, cạnh sườn quay về phía tôi, cầm thu vào sát ngực, dán cặp mắt đầy ưu tư lên tấm bản đồ được một sý quan trải trên mặt bàn. Có một cái gì đó trên nét mặt anh làm tôi vô cùng xúc động. Đấy là nét mặt của một người sẵn sàng giết hoặc hy sinh mạng sống của mình vì bạn bè - ta vẫn muông tượng đấy là một người vô chính phủ, nhưng anh này có lẽ là một người cộng sản thì đúng hơn. Nét mặt của anh ta thể hiện cả tính bộc trực lẫn thói hung ác, và sự xun xoe của một kẻ ít học đối với những người mà anh ta cho là cao quý hơn mình. Rõ ràng là anh ta chẳng biết bản đồ đầu đuôi ra sao, cũng thấy rõ là anh cho rằng phải thông minh tài trí lắm thì mới đọc được tấm bản đồ trước mặt. Không biết tại sao, nhưng hiếm khi tôi gặp người nào - ý tôi nói là đàn ông - mà tôi lại có cảm tình ngay như vậy. Trong khi họ ngồi nói chuyện thì một người nào đó đã buột miệng nói rằng tôi là người ngoại quốc. Anh chàng

người Ý quay sang và nói rất nhanh:

- Italiano.¹

- No, Inglés. Y tú?², tôi áp ứng đáp lại bằng tiếng Tây Ban Nha

- Italiano³.

Khi chúng tôi đi ra, anh bước lại phía tôi và bắt tay tôi thật chặt. Có cảm tình ngay với một người ngoại quốc, chuyện lạ đấy chứ! Có cảm giác như tâm hồn anh và tôi đã bắc được chiếc cầu vượt qua đại dương mệnh mông của ngôn ngữ và truyền thống để hòa quyện với nhau trong niềm thương mến thương vô bờ bến. Tôi tin rằng anh cũng có cảm tình với tôi như tôi có cảm tình với anh vậy. Nhưng tôi cũng biết rằng muốn giữ được tình cảm ban đầu thì tôi không bao giờ được gặp lại anh ta nữa. Dĩ nhiên là chúng tôi chẳng bao giờ còn gặp lại nhau. Ở Tây Ban Nha những cuộc gặp gỡ bất ngờ như thế là chuyện bình thường.

Tôi nhắc đến anh chàng dân quân người Ý này vì hình ảnh của anh vẫn còn sống động trong tâm trí tôi. Với bộ quân phục đã sờn và khuôn mặt dữ tợn nhưng cũng dễ làm người ta mỉm lòng; đối với tôi, anh chính là nhân vật điển hình của thời đó. Anh luôn gắn bó với những kỉ niệm của tôi về một thời chiến tranh: những là cờ đỏ trên đường phố Barcelona, những đoàn tàu dài lê thê chở đầy những người lính nhếch nhác, rách rưới bò ra mặt trận, những phố thị xám ngoét bị chiến tranh tàn phá, những giao thông hào đầy bùn với cái lạnh thấu xương trên sườn núi.

Chuyện đó xảy ra vào cuối tháng 12 năm 1937, tức là mới cách đây bảy tháng, thế mà thấy như đã lâu lắm rồi. Những sự kiện sau đó đã làm chúng trở nên nhạt nhòa còn hơn cả những chuyện xảy ra vào năm 1935, thậm chí 1905. Tôi đến Tây Ban Nha với ý định viết báo, nhưng tôi đã tham gia vào lực lượng dân

quân gần như ngay lập tức, vì vào lúc đó và trong khung cảnh đó thì đây có vẻ là quyết định duy nhất có thể chấp nhận được.

Trên thực tế, những người vô chính phủ vẫn kiểm soát được Catalonia, còn cách mạng thì đang ở cao trào. Đối với những người từng có mặt ở đây từ những ngày đầu tiên thì có vẻ như cách mạng đã rơi vào thoái trào vào tháng mười hai hoặc tháng một; nhưng đối với một người mới từ Anh tới thì khung cảnh Barcelona vừa làm người ta ngạc nhiên vừa làm người ta choáng váng. Đây là lần đầu tiên tôi có mặt trong một thành phố, nơi giai cấp công nhân đã nắm được quyền lực. Hầu như tất cả các tòa nhà lớn đều đã bị công nhân tịch thu và có treo cờ đỏ hoặc cờ nửa đỏ nửa đen của lực lượng vô chính phủ; tất cả các bức tường đều có hình búa liềm và tên của các đảng cách mạng; hầu hết các nhà thờ đều bị cướp phá sạch, tranh ảnh bị đốt hết.

Cứ một quãng lại thấy có đám công nhân đang đập phá nhà thờ. Tất cả các cửa hàng và quán café đều có bảng hiệu nói rằng đã được tập thể hóa; ngay cả hiệu đánh giày cũng được tập thể hóa, mấy chiếc hộp đựng đồ nghề cũ được sơn hai màu đỏ và đen. Những người hầu bàn và nhân viên bán hàng nhìn thẳng vào mặt khách và coi khách như bạn bè. Cảnh quy lụy và ngay cả những từ thưa gửi, xã giao, cũng tạm thời biến mất. Không thấy ai nói “Señior” hay “Don”, thậm chí “ông” cũng không thấy ai nói; mọi người đều gọi nhau là “đồng chí” và “anh”, và nói “Chào!” chứ không “Chào ông ạ!” khi gặp nhau như xưa nữa.

Tiền lót tay bị pháp luật cấm hoàn toàn, tôi đã được người quản lý khách sạn dạy cho bài học đầu tiên khi vừa định đưa cho người coi thang máy vài xu. Không ai có ô tô riêng, tất cả đều bị quân đội trưng dụng; tàu điện, taxi cũng như phần lớn các

phương tiện vận tải khác cũng đều được sơn hai màu đỏ và đen. Khẩu hiệu cách mạng hiện diện khắp nơi, tất cả các bức tường đều rực lên một màu đỏ hoặc xanh da trời, một vài biển hiệu quảng cáo còn sót lại trông giống như những vết bầm nhem nhuốc. Trên phố Ramblas, con phố chính của thị trấn, người đi lại như mắc cửi; suốt ngày, thậm chí đến tận đêm khuya, những bài ca cách mạng còn tiếp tục gấm rêu trên loa phóng thanh. Nhưng khó hiểu nhất chính là diện mạo của đám đông. Nhìn cách ăn mặc, người ta có thể nghĩ rằng ở đây đã không còn người giàu nữa. Trừ mấy người phụ nữ và một ít người ngoại quốc, chẳng còn người nào có thể được gọi là “ăn vận lịch sự”. Hầu như tất cả mọi người đều mặc quần áo lao động hoặc những bộ đồng phục màu xanh hay những kiểu đồng phục của các đơn vị dân quân. Tất cả đều có vẻ bất bình thường và làm cho người ta cảm thấy lo lo thế nào đó. Có nhiều việc tôi không hiểu, thậm chí có những việc tôi không thích, nhưng tôi lập tức nhận ra rằng đây chính là sự nghiệp mà mình phải chiến đấu để bảo vệ. Tôi còn tin rằng mọi việc được thể hiện đúng như chúng đang là, rằng đây chính là đất nước của giai cấp công nhân, toàn bộ giai cấp tư sản đã bỏ trốn hay bị giết hoặc đã chạy sang phía giai cấp công nhân rồi; tôi không ngờ rằng nhiều nhà tư bản giàu có đã nằm im thở khè và chỉ đóng giả vô sản trong một thời gian mà thôi.

Hoà quyện với tất cả những chuyện đó là cái âm hưởng quái gở của chiến tranh. Thành phố trông có vẻ hoang vắng và bẩn thỉu; phố xá, nhà cửa thì rách nát; ban đêm cũng chỉ có vài ngọn đèn đường mờ đục vì sợ máy bay tấn công; hầu hết các nhà hàng đều xuống cấp và gần như trống rỗng. Thịt là của hiếm,

sữa thì gần như đã biến mất hẳn, thiếu cả than, đường, dầu hoả, bánh mì cũng thiếu một cách nghiêm trọng. Muốn mua bánh mì cũng phải xếp hàng dài cả trăm mét. Nhưng theo tôi nhận xét thì dân chúng có vẻ hài lòng và tràn đầy hi vọng. Không có người thất nghiệp, giá cả sinh hoạt thấp; ít thấy những người nghèo đến mức cơ cực, không còn người ăn xin, trừ dân Di-Gan. Vượt lên trên tất cả là niềm tin vào cách mạng, vào tương lai; là cảm giác như vừa thực hiện xong một cú nhảy đột ngột vào thời đại của bình đẳng và tự do. Mọi người đều cố gắng cư xử như những con người thực thụ chứ không còn như những chiếc ốc vít trong cỗ máy của chủ nghĩa tư bản nữa. Trong tất cả các hiệu cắt tóc đều có treo các khẩu hiệu của đảng vô chính phủ (đa số thợ cắt tóc đều theo phe vô chính phủ) long trọng giải thích rằng thợ cắt tóc không còn là những người nô lệ nữa. Trên đường phố còn có cả những khẩu hiệu đủ màu sắc kêu gọi các cô gái điếm bỏ nghề. Những người thuộc nền văn minh mang tính diều cọt và khô khan như dân chúng các nước nói tiếng Anh sẽ coi việc những người Tây Ban Nha đầy lí tưởng thực sự tin vào những khẩu hiệu sáo rỗng của cách mạng có cái gì đó mang tính cải lương. Lúc đó, trên đường phố người ta còn bán những bản ballad, chỉ có vài xu một bản, đấy là những bài ca cách mạng chất phác, nói về lòng hữu ái giai cấp của giai cấp vô sản và sự độc ác của Mussolini. Tôi thường thấy những người dân quân gần như chưa thoát nạn mù chữ mua những bản ballad đó rồi kiên nhẫn đánh vần từng từ một cho đến khi thuộc lòng rồi cất tiếng hát theo giai điệu phù hợp.

Tôi ở doanh trại mang tên Lenin trong suốt thời gian được coi là giai đoạn huấn luyện trước khi ra mặt trận. Khi ghi danh, tôi

được người ta bảo là sẽ lên đường ngay ngày hôm sau, nhưng trên thực tế, tôi phải đợi cho đến khi thành lập xong một centuria mới. Các đơn vị vũ trang công nhân, do các tổ chức công đoàn vội vã lập nên trong thời kì đầu cuộc chiến, không được tổ chức như các đơn vị quân đội chính qui. Các đơn vị được gọi là “phân đội”, khoảng ba mươi người; trên nữa gọi là centuria, có khoảng một trăm người; còn “đơn vị” thì bao nhiêu người cũng được. Doanh trại mang tên Lenin là một dãy nhà xây bằng đá rất đẹp, có khu quần ngựa và một cái sân lát đá rất rộng; cái doanh trại kỵ binh này đã bị quân cách mạng chiếm trong những trận đánh diễn ra vào tháng bảy. Centuria của tôi ngủ trong một cái chuồng ngựa, ngay bên dưới máng ăn bằng đá còn ghi đầy đủ tên từng chú ngựa chiến được nuôi ở đây. Tất cả ngựa đều bị trung dụng và đưa ra mặt trận rồi, nhưng mùi nước đái ngựa và mùi lúa mạch thối thì vẫn còn. Tôi sống trong doanh trại khoảng một tuần. Tôi nhớ nhất là mùi ngựa và tiếng kèn xung trận ngập ngừng (tất cả lính kèn của chúng tôi đều là dân nghiệp dư - mãi khi ra trận tôi mới được nghe nghe tiếng kèn hiệu của quân đội Tây Ban Nha, đấy là tiếng kèn của quân phát xít phía bên kia chiến hào), tiếng giày đinh lạo xạo trên sân, những buổi duyệt binh buổi sáng dưới ánh nắng mùa đông, những trận đá bóng cuồng nhiệt - mỗi bên năm mươi người - trên sân quần ngựa lát sỏi. Lúc đó, trong doanh trại có khoảng một ngàn đàn ông và vài chục phụ nữ; ngoài ra, còn có vợ của các dân quân nữa, họ làm luôn vai trò chị nuôi. Lúc đó, phụ nữ cũng tòng quân, tuy số lượng không nhiều. Trong những trận đánh đầu tiên, phụ nữ chiến đấu bên cạnh nam giới, mọi người cũng coi đấy là chuyện bình thường. Đấy được coi là đương nhiên trong thời buổi cách

mạng. Sau này, người ta nghĩ khác. Bây giờ, khi phụ nữ tập thì đàn ông phải đứng thật xa vì họ hay chế điều, làm phụ nữ mất tập trung. Thế mà mới cách đây vài tháng, chẳng ai lấy làm ngạc nhiên khi thấy một người phụ nữ đeo súng.

Doanh trại lúc nào cũng bẩn thiu và lộn xộn. Tòa nhà nào bị dân quân chiếm đóng cũng như thế cả, có vẻ như đây chính là sản phẩm phụ của cách mạng. Góc nhà nào cũng đầy bàn ghế gãy, yên ngựa hỏng, mũ sắt kỵ binh bẹp, bao kiếm rỗng và thức ăn thiu. Sự lãng phí thức ăn, đặc biệt là bánh mì, thật là khủng khiếp. Chỉ riêng trại của tôi bữa nào cũng vứt đi cả sọt bánh mì, một việc thật đáng xấu hổ, nhất là lúc đó dân chúng lại đang bị đói. Chúng tôi ngồi ăn quanh những cái bàn dài, thực ra là những tấm ván kê trên hai cái ghế ngựa, bát ăn làm bằng sắt tây, lúc nào cũng nhóp nhép, còn đồ uống thì đựng trong một cái bình quái gở gọi là porron. Porron là một cái chai bằng thủy tinh có vòi, chỉ cần lật nghiêng là rượu vang sẽ phun thành tia, có thể uống mà không cần ghé môi vào vòi, mọi người cứ thế xoay vòng. Tôi đã đứng lên phản đối khi trông thấy cách uống như thế và đòi bằng được một cái ly. Tôi thấy mấy cái poron này trông chẳng khác gì chai nước chườm, nhất là khi đựng đầy vang trắng.

Dần dần những người mới nhập ngũ đều được phát đồng phục, và vì đây là Tây Ban Nha cho nên chỉ được phát từng thứ một, chẳng thể nào biết được ai đã được nhận cái gì; có những thứ chúng tôi rất cần như thắt lưng hay băng đạn thì lại chỉ được nhận vào phút chót, khi tàu hỏa đã chuẩn bị đưa chúng tôi ra mặt trận. Tôi vừa nói từ “đồng phục”, nhưng từ này có thể làm bạn đọc hiểu lầm. Đây không phải là những bộ đồng phục như

ta vẫn thấy. Có thể phải gọi là “đa sắc phục” thì mới đúng. Nói chung, mọi người đều mặc tương đối giống nhau, nhưng không bao giờ có hai bộ hoàn toàn như nhau. Tất cả quân nhân đều mặc quần nhưng dài đến đầu gối, đây là sự giống nhau duy nhất. Một số người quần xà cạp, một số người đi ghệt bằng nhung, một số thì đi ủng. Tất cả đều mặc áo blu-dông có phéc-mơ-tuya, nhưng cái thì bằng da, cái thì bằng vải len đủ màu sắc khác nhau. Mũ cũng thế, có bao nhiêu người thì có bấy nhiêu kiểu mũ. Phía trước mũ thường được trang trí bằng phù hiệu đảng, ngoài ra gần như ai cũng thắt quanh cổ một chiếc khăn tay màu đỏ hay nửa đỏ, nửa đen. Đúng là một lũ hỗn quân hỗn quan. Nhưng quần áo là do nhiều nhà máy khác nhau sản xuất và phải phát ngay, nếu xét đến hoàn cảnh lúc đó thì phải nói cũng không đến nỗi tồi. Áo và tất bằng vải bông chất lượng rất kém, chẳng giúp được gì khi trời lạnh. Tôi thật không muốn nhắc lại những điều mà các dân quân đã trải qua trong những tháng đầu tiên, khi mọi việc vẫn còn rất lộn xộn. Tôi còn nhớ hai tháng trước đã đọc một bài báo, trong đó một lãnh tụ của P.O.U.M⁴., sau khi đi thị sát mặt trận về, đã tuyên bố rằng sẽ cố gắng “phát cho mỗi chiến sỹ một cái chăn”. Câu này khiến những người từng ngủ trong chiến hào phải rùng mình vì lạnh.

Tôi đến hôm trước thì hôm sau bắt đầu cái có thể gọi một cách khôi hài là “huấn luyện”. Lúc đầu, mọi sự bắt đầu một cách lộn xộn không thể tưởng tượng nổi. Phần lớn tân binh mới mười sáu, mười bảy tuổi, xuất thân từ các khu phố nghèo của Barcelona, đầy nhiệt tình cách mạng, nhưng hoàn toàn không biết chiến tranh có nghĩa là gì. Xếp hàng đã là việc cực kì khó. Không có kỉ luật nào, ai không thích có thể nhảy ra cãi nhau

tay đôi với chỉ huy. Huấn luyện chúng tôi là một trung úy trẻ, khoẻ mạnh, nét mặt tươi tỉnh và dễ thương. Anh ta vốn là sỹ quan trong quân đội thường trực, có thể thấy rõ điều đó qua dáng điệu và bộ quân phục còn mới toanh của anh. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi biết rằng anh ta là một người ủng hộ chủ nghĩa xã hội nhiệt tình và rất chân thành. Anh đòi mọi người đều phải được bình đẳng, không phân biệt cấp bậc, còn hơn cả các chiến sỹ. Tôi còn nhớ nét mặt đau khổ của anh khi một tân binh gốc nghèo gọi anh là “Ngài”. “Cái gì? Ngài à? Ai vừa gọi tôi là Ngài? Chẳng lẽ tất cả chúng ta không phải là đồng chí hay sao?” Tôi nghĩ rằng chuyện này cũng chẳng làm cho công việc huấn luyện của anh được dễ dàng hơn. Trong khi đó, các tân binh được huấn luyện toàn những chuyện vô bổ cả. Người ta bảo tôi rằng người nước ngoài không cần tham gia “huấn luyện” (dân Tây Ban Nha, như tôi thấy, tin rằng tất cả người ngoại quốc đều biết các vấn đề quân sự giỏi hơn họ), nhưng dĩ nhiên là tôi vẫn ra bãi tập cùng với mọi người. Tôi rất muốn học bắn súng máy, chưa bao giờ tôi có dịp làm quen với loại vũ khí này. Tôi thực sự hoảng hốt khi thấy người ta không dạy chúng tôi sử dụng vũ khí. Cái gọi là huấn luyện chỉ đơn giản là những kỹ năng cũ rích và cực kì ngu xuẩn: quay phải, quay trái, quay đằng sau, đi đều bước và những thứ nhảm nhí khác mà tôi đã học từ lúc mười lăm tuổi. Thật không thể tưởng tượng nổi là người ta lại huấn luyện cho dân quân những chuyện như thế. Rõ ràng là nếu người lính chỉ được huấn luyện trong vòng có mấy ngày thì phải dạy cho anh ta những điều cần thiết nhất: ẩn nấp, di chuyển trên đồng vắng, đứng gác, đào công sự và trên hết là sử dụng vũ khí. Nhưng những chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết,

những người sẽ được ném ra mặt trận trong vài ngày tới, lại không được dạy ngay cả cách sử dụng một khẩu súng trường hay rút chốt lựu đạn. Lúc đó tôi đâu có biết là họ không có súng để dạy. Lực lượng vũ trang của P.O.U.M. thiếu súng một cách tuyệt vọng đến mức các đơn vị mới phải dùng súng của các đơn vị đang rời trận địa. Trong doanh trại mang tên Lenin, tôi tin là cũng chỉ có mấy khẩu đặt ở trạm gác mà thôi.

Sau vài ngày, mặc dù xét theo tiêu chuẩn nào thì chúng tôi vẫn còn là một lũ hỗn quân hỗn quan, nhưng người ta cho là có thể đem ra cho quân chúng chiêm ngưỡng được rồi và buổi sáng hôm đó chúng tôi được xếp hàng rồi đi thẳng ra công viên ở phía sau quảng trường Espana. Đây là nơi duyệt binh của các lực lượng vũ trang của tất cả các đảng phái. Ngoài ra, còn có công an vũ trang và những đơn vị đầu tiên của Quân đội nhân dân vừa được thành lập nữa. Quang cảnh công viên thật là lạ và vui. Trên tất cả các con đường và các lối đi, giữa những luống hoa được cắt tỉa cẩn thận là các trung đội, đại đội nặng nề cất bước, ngực ưỡn ra đằng trước, cố gắng làm ra vẻ như những người lính thực thụ. Tất cả đều không có súng, không người nào có một bộ đồng phục thực sự, thậm chí nhiều người còn mặc những bộ quân phục đã bị vá. Thủ tục luôn luôn giống nhau. Chúng tôi đi đều bước, đi qua rồi đi lại suốt ba tiếng đồng hồ (bước duyệt binh của người Tây Ban Nha ngắn và nhanh), sau đó được nghỉ, giải tán và chạy vội xuống cái cửa hàng nhỏ có bán loại rượu vang rẻ tiền ở lưng chừng đồi. Mọi người đều tỏ ra thân mật với tôi. Ai cũng ngạc nhiên khi biết tôi là người Anh, mấy ông sỹ quan cảnh sát vũ trang hỏi đủ thứ chuyện rồi mời tôi mấy ly. Trong lúc đó, tôi đã kéo tay trung úy của chúng

tôi vào một góc và tìm cách thuyết phục anh ta dạy bắn súng máy. Tôi phải lôi cuốn từ điển Hugo ra khỏi túi áo và bắt đầu nói với anh ta bằng thứ tiếng Tây Ban Nha khủng bố của mình: “Yo sé manejar fusil. No sé manejar ametralladora. Quiero aprender ametralladora. Quando vamos aprender ametralladora?”⁵

Anh mỉm cười một cách nguơng nghịu và hứa mañana⁶ sẽ dạy. Nói rằng mañana sẽ chẳng bao giờ tới là thừa. Lại thêm mấy ngày nữa, các tân binh đã học đi đều bước và tuân thủ hiệu lệnh gần như hoàn hảo rồi, họ còn biết đạn sẽ bay ra từ đầu nào của khẩu súng nữa, nhưng đây là tất cả kiến thức quân sự mà họ có lúc đó. Một hôm, trong khi chúng tôi đang giải lao thì có một người cảnh sát vũ trang mang khẩu súng trường tới cho chúng tôi xem. Hoá ra cả trung đội, trừ tôi ra, không người nào biết lắp đạn, ngắm bắn thì càng không cần nói tới rồi.

Suốt thời gian đó, tôi vẫn tiếp tục chiến đấu với tiếng Tây Ban Nha. Trong doanh trại, ngoài tôi ra chỉ có một người Anh nữa, ngay các sỹ quan cũng không có ai nói được một từ tiếng Pháp nào. Tôi còn gặp khó khăn hơn vì các bạn đồng ngữ thường nói chuyện với nhau bằng tiếng Catalonia. Tôi chỉ còn mỗi một cách là đi đâu cũng mang theo một cuốn từ điển và rút ra đúng lúc nguy kịch nhất. Nhưng nếu phải ở nước ngoài thì tôi nghĩ không đâu tốt hơn là Tây Ban Nha. Người Tây Ban Nha dễ làm thân lắm. Chỉ mới một hai ngày mà đã có khoảng hai chục người gọi tôi bằng tên tục, họ giúp tôi nắm rõ tình hình và hiểu khách vô cùng. Đây không phải là tác phẩm tuyên truyền và tôi cũng không muốn lý tưởng hoá lực lượng dân quân của P.O.U.M. Hệ thống quân sự có những khiếm khuyết nghiêm trọng, quân nhân gồm đủ các hạng người khác nhau vì lúc đó số quân tình

nguyện đã giảm nhiều, đa số những người xứng đáng nhất đã ở mặt trận hoặc hy sinh rồi. Trong các đơn vị của chúng tôi lúc nào cũng có một số người hoàn toàn vô dụng. Những đứa trẻ mới mười tám tuổi được cha mẹ dẫn đến ghi danh, họ công khai nói rằng để nhận mỗi ngày mười đồng, tức là lương của các dân quân lúc đó, ngoài ra còn bánh mì thừa nữa vì dân quân được phát nhiều, có thể tuần về cho gia đình một ít. Nhưng tôi tin rằng bất cứ ai có điều kiện sống cùng giai cấp công nhân Tây Ban Nha, đúng ra phải nói rằng giai cấp công nhân Catalonia vì ngoài mấy người Aragon và Andaluse ra, xung quanh tôi chủ yếu với người Catalonia, đều sẽ phải kinh ngạc trước sự cao thượng, mà trước hết là thái độ thẳng thắn và sự hào phóng của họ. Sự hào phóng của người Tây Ban Nha, theo đúng nghĩa của từ này, đôi khi làm người ta lúng túng. Nếu bạn hỏi xin một điều thuốc, người Tây Ban Nha có thể dúi vào tay bạn cả một bao. Ngoài ra, sự hào phóng của họ còn có ý nghĩa sâu sắc hơn, đây đúng là những tâm hồn rộng lượng mà tôi đã gặp không biết bao nhiêu lần trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Một số phóng viên và những người ngoại quốc khác từng đến Tây Ban Nha trong thời gian diễn ra cuộc chiến đã tuyên bố rằng ở chỗ riêng tư, người Tây Ban Nha tỏ thái độ bất mãn với sự giúp đỡ của ngoại quốc. Tôi chỉ có thể nói rằng chưa bao giờ thấy những chuyện tương tự như thế. Tôi còn nhớ, trước khi rời doanh trại vài ngày có một nhóm chiến sỹ đi phép từ mặt trận về. Họ kể chuyện chiến đấu rất sôi nổi và rất phấn khởi khi nói đến một đơn vị quân Pháp chiến đấu bên cạnh họ ở Huesca. Người Pháp dùng cảm lăm, họ bảo thể và nói thêm: "Más valientes que nosotros" - "dũng cảm hơn chúng ta!" Dĩ nhiên là tôi phản

đối, nhưng họ giải thích rằng người Pháp chiến đấu giỏi hơn, ném lựu đạn chính xác hơn, bắn chính xác hơn, vân vân. Tôi cho đây là một thái độ rất đặc biệt. Người Anh thà để người ta chặt tay chứ không bao giờ nói như thế.

Chỉ cần sống vài tuần ở đây là sẽ thấy người Tây Ban Nha rất đáng yêu, nhưng một vài tính cách của họ cũng có thể làm ta tức đến không chịu nổi. Ngoài mặt trận, đôi khi họ làm tôi đến phát điên lên được. Người Tây Ban Nha giỏi nhiều việc, nhưng đánh nhau thì rất kém. Sự vụng về và trên hết là sự tùy tiện của họ đã làm tất cả người ngoại quốc phải kinh ngạc. Có một từ mà người ngoại quốc nào cũng biết, đây là từ *mañana* - “ngày mai” (đúng ra là “buổi sáng”). Hễ có thể hoãn được là y như rằng bao giờ họ cũng để đến *mañana*. Chính người Tây Ban Nha cũng cảm thấy khó chịu vì sự lè mề của mình và mang ra chế giễu. Ở Tây Ban Nha, không có việc gì, từ bữa ăn cho đến trận đánh, có thể diễn ra đúng thời gian qui định. Nói chung, mọi việc đều diễn ra muộn hơn qui định, nhưng đôi khi, để cho người ta không dựa dẫm vào sự chậm chễ, công việc lại được tiến hành sớm hơn rất nhiều. Nếu tàu hỏa phải khởi hành vào lúc tám giờ thì bao giờ cũng khởi hành vào khoảng từ chín đến mười giờ, nhưng mỗi tuần một lần, người lái tàu có thể đột nhiên muốn cho tàu chạy sớm, thế là nó có thể xuất phát vào lúc bảy giờ rưỡi cũng nên. Những chuyện như thế gây ra khá nhiều phiền phức. Về lí thuyết, tôi thán phục người Tây Ban Nha vì họ không bị mắc cái bệnh cứng nhắc về thời gian biểu như chúng ta. Chỉ tiếc là chính tôi cũng mắc căn bệnh đó.

Sau rất nhiều đồn đoán, nhiều *mañana* và trì hoãn, chúng tôi bất ngờ nhận được lệnh lên đường sau hai giờ nữa, trong khi

phần lớn quân trang quân dụng vẫn chưa được cấp. Khu vực kho ồn ào như chợ vỡ, nhưng vào phút chót một số chiến sỹ vẫn không nhận được đầy đủ quân trang quân dụng. Một đám phụ nữ, không biết từ đâu, bất ngờ xuất hiện trong doanh trại, họ giúp người thân gập chăn màn và sắp xếp ba lô. Thật là xấu hổ khi tôi được một người phụ nữ Tây Ban Nha, vợ của Williams - một dân quân người Anh khác - hướng dẫn cách đeo băng đạn bằng da mới tinh. Đây là một người phụ nữ dịu dàng, có đôi mắt đen, trông rất hiền thực, tưởng như công việc của cô chỉ là ru nôi, nhưng sự thật là cô đã chiến đấu rất dũng cảm khi diễn ra các trận đánh ngay trên đường phố vào tháng bảy vừa qua. Cô đem theo cả đứa con mới sinh sau khi chiến tranh bùng nổ mười tháng vào doanh trại, đứa bé này có thể đã được thụ thai ngay đằng sau chiến lũy.

Tàu phải khởi hành vào lúc tám giờ, nhưng mãi đến tám giờ mười các sỹ quan mệt phờ, mặt lấm tấm mồ hôi mới sắp xếp được chúng tôi thành hàng ngũ trong sân trại. Tôi vẫn còn nhớ rõ chiếc sân được chiếu sáng bằng đèn pha, tiếng hò hét và cảnh ồn ào nhộn nhịp, những lá cờ đỏ tung bay dưới ánh đèn, những hàng dài các binh sỹ ba lô trên lưng và những tấm chăn cuộn tròn quấn qua vai giống như những băng đạn, tiếng quát tháo, tiếng giầy đinh và tiếng leng keng của những chiếc bi đông, rồi có tiếng hò rất to yêu cầu giữ trật tự; sau đó là một chính trị viên đứng bên dưới một tấm biểu ngữ màu đỏ úy lạo bằng tiếng Catalonia. Cuối cùng, họ đưa chúng tôi ra ga, theo con đường xa nhất, chừng năm sáu cây số để cho cả thành phố đều thấy. Đoàn quân dừng lại một lúc ở Ramblas để nghe mấy bản nhạc cách mạng do đội kèn trình diễn. Rồi lại duyệt binh,

những tiếng reo hò và những vè mặt thán phục, những lá cờ đỏ rồi cờ nửa đỏ nửa đen tung bay khắp nơi, đám đông chen lấn trên vỉa hè để chào đón chúng tôi, còn trên cửa sổ các ngôi nhà là những người phụ nữ đang vẫy tay chào. Lúc đó sao cảm thấy tất cả đều tự nhiên đến thế, còn nay sao lại thấy xa vời và khó tin đến như thế! Tàu chạt đến nổi ngay trên sàn cũng không còn chỗ chứ đừng nói đến ghế. Vợ Williams xuất hiện trên sân ga ngay trước khi tàu xuất phát, cô đem đến cho chúng tôi một chai rượu vang và một khúc lạp xường dài đến vài gang, màu đỏ, có mùi xà phòng, ai ăn vào cũng bị tiêu chảy cả. Tàu chậm chạp bò ra khỏi Catalonia và đi về hướng cao nguyên Aragon với tốc độ trung bình của thời chiến, tức là khoảng hai mươi cây số một giờ.

¹ Người Ý à?

² Không, người Anh. Còn anh?

³ Người Ý.

⁴ Đảng công nhân thống nhất mác-xít, theo đường lối trái ngược với đường lối của Cộng sản quốc tế do Liên Xô đứng đầu - ND.

⁵ Tôi biết sử dụng súng trường. Tôi không biết bắn súng cối. Tôi muốn học bắn súng cối. Lúc nào chúng ta sẽ học súng cối?

⁶ Ngày mai.

2

Thành phố Barbastro, tuy nằm xa mặt trận nhưng trông khá tiêu điều và đổ nát. Từng toán lính áo quần xơ xác, tránh rét bằng cách đi qua đi lại hết phố này đến phố khác. Tôi bắt gặp trên một bức tường đồ một tờ áp phích từ năm ngoái viết rằng ngày này, tháng này, sẽ có “sáu con bò tốt đẹp” bị giết trên đấu trường. Tờ giấy bạc màu gọi lại biết bao hoài niệm! Những con bò đẹp và những đấu sỹ đẹp trai đã trôi dạt về đâu? Tôi nghe nói rằng ngay cả ở Barcelona cũng không còn tổ chức đấu bò nữa, không hiểu sao tất cả các đấu sỹ dừng cảm nhất đều chạy theo phe phát xít hết.

Đại đội của chúng tôi được đưa bằng ô tô tải đến Sietamo, rồi đi sang hướng tây, tới ngôi làng gọi là Alcubierre, nằm ngay phía sau chiến tuyến Zaragoza. Sietamo bị giành đi giật lại đến ba lần trước khi quân vô chính phủ chiếm được vào tháng mười, một số ngôi nhà đã bị súng đại bác phá sập, còn phần lớn cũng đều bị vết đạn lỗ chỗ. Chúng tôi ở trên độ cao 500 mét so với mặt biển. Gió rét căm căm; sương mù dày đặc, không biết từ đâu ra, vẩn vù đầy trời. Đi đến khoảng giữa Sietamo và Alcubierre thì lái xe bị lạc đường (đây cũng là một trong những đặc điểm thường trực của cuộc chiến tranh này) và chúng tôi đi loanh quanh suốt mấy tiếng đồng hồ liền. Mãi đến nửa đêm chúng tôi

mới đến được Alcubierre. Một người đưa chúng tôi qua đi qua một bãi bùn để đến chuồng la, chúng tôi chui vào ổ rong và ngủ thiếp đi ngay lập tức. Rong sạch thì ngủ cũng tốt, dĩ nhiên là không bằng cỏ khô, nhưng tốt hơn Ạ. Chỉ đến khi trời sáng tôi mới phát hiện ra rằng rong lẫn đầy vỏ bánh mì, giấy báo vụn, xương, chuột chết và ống bơ bẹp.

Lúc này chúng tôi đã ở gần chiến tuyến, gần đến nỗi có thể ngửi thấy mùi của chiến tranh, theo kinh nghiệm của tôi thì đây là mùi cứt và mùi thức ăn thiu. Alcubierre chưa bao giờ bị pháo kích và trông có vẻ thanh bình hơn hầu hết những ngôi làng nằm ngay sau chiến tuyến. Nhưng tôi tin rằng ngay cả trong thời bình, những ai từng đi ngang qua đây cũng đều nhận ra ngay sự nghèo khổ và bẩn thỉu của làng quê vùng Aragon. Làng giống như một pháo đài với những ngôi nhà tồi tàn, được xây bằng đá và đất sét, đứng lộn xộn xung quanh một nhà thờ. Ngay cả mùa xuân cũng khó thấy một cánh hoa; không nhà nào có vườn, chỉ có sân sau với mấy con gà gầy, suốt ngày bôi những ổ phân la. Thời tiết thật kinh khủng: không mây mù thì lại mưa. Những con đường đất hẹp biến thành những bể bùn, đôi chỗ sâu đến nửa thước. Ô tô tải không thể đi được, bánh xe cứ quay tròn trong bùn; nông dân phải đóng có khi đến sáu con la, con trước con sau, mới kéo được một chiếc xe còm của họ. Những đội quân thường xuyên đi qua đã biến ngôi làng thành một bãi rác, bản không thể tưởng tượng nổi. Làng không có, thực ra là chưa bao giờ có cái gọi là hố xí hay cống thoát nước và bây giờ thì ở đâu cũng phải quan sát thật kĩ trước khi muốn bước. Nhà thờ đã được sử dụng làm nhà xí từ lâu, khu vực xung quanh rộng cả trăm mét cũng được dùng vào việc

tương tự. Mỗi khi nhớ lại hai tháng đầu tiên của cuộc chiến, bao giờ trong đầu tôi cũng hiện lên hình ảnh những mảnh ruộng hiu hắt mùa đông, lóm chớm gốc rạ, bờ đầy phân người.

Đã hai ngày trôi qua mà chúng tôi vẫn chưa được phát súng. Nếu có dịp ghé qua Ủy ban quân sự bạn sẽ thấy những vết đạn lỗ chỗ trên tường, đấy là dấu vết còn lại của những vụ hành quyết bọn phát xít, và toàn bộ khung cảnh vùng Alcubierre. Mặt trận có vẻ yên ắng, chỉ có vài người bị thương đang đi vào. Náo nhiệt nhất là cảnh giải mấy tên phát xít đào ngũ từ mặt trận về. Nhiều binh sỹ thuộc các đơn vị đang đánh nhau với chúng tôi vốn không phải là phát xít, chiến tranh bùng nổ đúng vào lúc những người lính bất hạnh này đang thi hành nghĩa vụ quân sự và chỉ muốn tìm cách chuồn chứ có thiết đánh đấm gì đâu. Thịnh thoảng lại có một nhóm nhỏ liều mạng lén qua bên phía chúng tôi. Chắc chắn là sẽ có nhiều người làm thế hơn nếu thân nhân của họ không sống trong vùng phát xít kiểm soát. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy những tên phát xít “thật”. Tôi lấy làm kinh ngạc khi thấy ngoài bộ quần áo kaki, trông họ cũng chẳng khác gì chúng tôi. Khi mới đến người nào cũng là đi vì đói, chắc chắn đấy là do họ phải lẩn tránh từ một đến hai ngày trong những khu vực không một bóng người, nhưng người ta lại hân hoan khẳng định rằng điều đó chứng tỏ bọn phát xít đang bị đói. Tôi đã xem tù binh ăn trong nhà một người nông dân. Cảnh tượng thật đáng thương. Đấy là một chàng trai chừng hai mươi tuổi, cao, mặt sạm đi vì nắng gió, quần áo rách bươm, ngồi xồm ngay bên bếp lửa, nín thở xúc thịt hầm đưa vào miệng, trong khi mắt vẫn láo liên nhìn mấy người lính đứng quan sát xung quanh. Tôi tin là anh ta vẫn còn bán tín bán nghi việc chúng tôi là “cộng

sản” khát máu và sẽ bắn ngay khi anh ta ăn xong; người lính áp giải có đeo súng vồ nhẹ vào vai và nói vài câu an ủi anh ta. Tôi còn nhớ có ngày có đến mười lăm người đào ngũ cùng tôi một lần. Họ được dẫn qua làng trong niềm hân hoan phấn khởi của mọi người, thậm chí còn có một người cưỡi ngựa trắng dẫn đầu nữa. Tôi đã chụp được một kiểu ảnh, tuy không đẹp lắm, nhưng sau này đã bị người ta ăn cắp mất.

Sáng ngày thứ ba súng mới được chuyển tới. Một viên trung sỹ mặt xương xẩu, rậm nắng, phát cho mỗi người một khẩu ngay trong chuồng nhốt la cũ. Tôi cảm thấy choáng váng khi cầm khẩu súng vừa được phát. Đây là một khẩu mauser do Đức sản xuất từ năm 1896, nghĩa là đã 40 năm rồi. Bên ngoài đã han gỉ cả, quy-lát thì rít, báng gỗ thì nứt, chỉ nhìn qua cũng thấy bên trong nòng súng đã rỉ gần hết. Đa số những khẩu khác cũng ở trong tình trạng tương tự, có khẩu còn cũ hơn của tôi nữa kia, không ai nghĩ rằng nên đưa những khẩu tốt hơn cho những người đã biết bắn. Khẩu mới nhất, được sản xuất cách đây mười năm, rơi vào tay một cậu nhóc, miệng còn hôi sữa, vẫn bị mọi người gọi là mar-icón (tức là *gái*). Viên trung sỹ bỏ ra chừng năm phút để hướng dẫn chúng tôi cách sử dụng, bao gồm lắp đạn và tháo quy-lát. Nhiều người chưa bao giờ được cầm khẩu súng trong tay và tôi cho rằng rất ít người biết đầu ruồi dùng để làm gì. Mỗi người được phát năm mươi viên đạn. Sau đó chúng tôi xếp thành hàng ngũ, khoác ba lô lên vai và tiến ra mặt trận, cách đó chừng năm cây số.

Centuria, gồm tám mươi người và mấy con chó, thất thủ lên đường. Mỗi đơn vị đều mang theo ít nhất là một con chó, đây là bùa hộ mệnh của họ. Con chó khốn khổ đi cùng chúng tôi bị đóng dấu trên lưng mấy chữ cái: P.O.U.M. to tướng bằng

sắt nung đỏ, dường như nó cũng thấy ngượng vì diện mạo của mình. Phía trước đoàn quân, đi bên cạnh lá cờ đỏ là Georges Kopp, vị chỉ huy dũng cảm người Bỉ, cưỡi một con ngựa ô; xa hơn một chút là tay kỵ binh còn rất trẻ, trông chẳng khác gì một tên du thủ du thực, thường thúc cho ngựa chạy nước đại lên những chỗ cao rồi dừng lại một cách rất điệu nghệ trên đỉnh đồi. Trong thời cách mạng người ta đã tịch thu được rất nhiều ngựa của kỵ binh Tây Ban Nha, số ngựa này sau đó được giao cho dân quân, những người không hề biết chăm sóc mà chỉ nghĩ cách cưỡi chúng cho đến chết mới thôi.

Con đường uốn lượn giữa những cánh đồng đất màu vàng, cằn cỗi, đã bị bỏ hoang từ năm ngoái. Phía trước là dãy núi đá thấp vốn là biên giới giữa Alcubierre và Zaragoza. Chúng tôi đã đến rất gần mặt trận, gần bom đạn, súng máy và bùn lầy. Trong thâm tâm tôi thấy sợ. Tôi biết rằng mặt trận lúc này đang yên ắng, nhưng khác với đa số người đang có mặt bên cạnh, tôi đã đủ lớn để nhớ cuộc Chiến tranh Thế giới Thứ nhất, mặc dù lúc đó chưa đến tuổi nhập ngũ. Đối với tôi, chiến tranh là đạn réo, bom gầm, là hàng đống mảnh bom, nhưng trước hết là bùn lầy, chảy rện, đói và rét. Điều lạ là tôi sợ lạnh còn hơn sợ kẻ thù. Ý nghĩ về cái lạnh cứ bám lấy tôi trong suốt thời gian tôi ở Barcelona, có những đêm tôi hoàn toàn không ngủ, chỉ nghĩ đến cái lạnh trong chiến hào, trong những lần báo động trước khi trời sáng, trong những buổi tuần tra ban đêm với khẩu súng lạnh như băng, nghĩ về lớp bùn buốt giá bám vào ủng. Xin thú nhận là tôi phát hoảng khi nhìn vào những người đang đi bên cạnh. Độc giả không thể nào tưởng tượng nổi cảnh khốn khổ khốn nạn của chúng tôi lúc đó. Chúng tôi lê bước, còn rời rạc hơn cả một đàn cừu, mới đi chưa

được ba cây số mà đầu đuôi đã không nhìn thấy nhau. Một nửa binh sỹ của chúng tôi là trẻ con, trẻ con theo đúng nghĩa của từ này, tức là chỉ mới mười sáu tuổi là cùng. Nhưng tất cả đều tỏ ra phấn chấn và mừng rỡ ra mặt vì cuối cùng thì họ cũng sắp đến mặt trận rồi. Khi đến gần chiến tuyến, mấy anh chàng đi gần lá cờ đỏ bắt đầu hô “Visca P.O.U.M.! Fascistas-maricones!”¹ và những khẩu hiệu tương tự, ngôn từ có vẻ quyết liệt và đầy đe dọa, nhưng phát ra từ miệng những đứa trẻ còn hôi mùi sữa nghe thậm hại như tiếng mèo gào. Thật là kinh khủng khi nghĩ rằng bảo vệ nền cộng hoà lại chính là lũ trẻ rách rưới, tay cầm những khẩu súng trường han gỉ mà phần lớn còn chưa biết bắn ra làm sao. Tôi còn nhớ lúc đó đã tự hỏi: nếu máy bay phát xít bay ngang qua và lao xuống bắn cho một loạt thì sao? Chắc chắn là ngay ở trên không viên phi công cũng nhận thấy chúng tôi không phải là những người lính thực thụ.

Vừa đến chân dãy núi đá thì chúng tôi rẽ sang bên phải và trèo dần lên theo con đường mòn uốn lượn xung quanh sườn núi vốn chỉ dùng cho la đi. Đồi núi ở vùng này có hình thù rất kì lạ, y như móng ngựa, đỉnh thì phẳng nhưng sườn lại rất dốc, đổ thẳng vào những khe núi sâu hoắm. Trên sườn dốc, chỉ có những bụi cây còi cọc và mấy cây thạch nham, không che hết được đất, chỗ nào cũng có đầu mẩu đá vôi trơ ra như những mảnh xương. Chiến tuyến ở đây không phải là một giao thông hào liên tục, không thể đào được một đường như thế trên dãy núi này; đây chỉ là một loạt hỏa điểm, được gọi là “chốt”, nằm ở trên các đỉnh đồi. Từ xa đã có thể nhìn thấy “chốt” của chúng tôi ở trên đỉnh một cái móng ngựa, gồm có mấy bao cát rách, một lá cờ đỏ tung bay trước gió và khói bốc lên từ đồng lửa

suối. Đi đến gần người ta có thể thấy một mùi hôi thối, ngậy ngậy phát buồn nôn, vẫn như sộc vào mũi tôi suốt nhiều tuần sau. Đã mấy tháng trời, tất cả rác rưởi, từ bánh mì thiu đến vỏ đồ hộp han gỉ và cút người đều được tuồn thẳng xuống cái khe ở ngay phía sau vị trí đóng quân.

Đại đội mà chúng tôi đến thay thế đang sắp xếp ba lô. Họ đã ở trên chiến tuyến ba tháng rồi, người nào cũng râu ria tua tủa, áo quần đầy bùn đất, giày rách tứ tung. Người chỉ huy tên là Levinski, nhưng ai cũng gọi là Benjamin, vốn là dân Do Thái sinh ở Ba Lan, nói tiếng Pháp như tiếng mẹ đẻ, chui ra khỏi hầm trú ẩn để chào chúng tôi. Anh ta mới khoảng hai mươi lăm tuổi, thấp bé, tóc rẽ tre màu đen, khuôn mặt tái mét nhưng đầy nhiệt huyết và cũng giống như những người khác, tức là rất bẩn. Vài loạt đạn rít đầu đó rất cao phía trên đỉnh đầu. Chốt là một vòng cung đường kính chừng bốn mươi lăm mét được quây lại bằng mấy bao cát và những tảng đá vôi. Ở đây có từ ba mươi đến bốn mươi hầm trú ẩn khoét sâu vào lòng đất trông như những cái hang chuột. Williams, tôi và một tay người Tây Ban Nha, em trai vợ của Williams, chui ngay vào cái công sự không người, nhưng có vẻ sạch sẽ đầu tiên mà chúng tôi trông thấy. Ở đằng trước, thỉnh thoảng lại vang lên một loạt đạn súng trường, tiếng vọng kéo dài mãi trong vách núi đá nghe réo rất, rất lạ. Chúng tôi vừa bỏ ba lô xuống và đang chui ra ngoài công sự thì lại có một tiếng nổ nữa và tôi thấy một cậu nhóc trong nhóm chúng tôi nhảy từ trên công sự xuống, máu me đầy mặt. Hóa ra là chính anh ta bắn và không hiểu làm thế nào mà để văng quy-lát ra, vỏ đạn vỡ làm sứt một ít da đầu. Đây là thương binh đầu tiên của chúng tôi, chính anh ta làm mình bị thương.

Buổi chiều chúng tôi thực hiện ca gác đầu tiên, Benjamin chỉ cho chúng tôi toàn bộ vị trí. Đằng trước công sự là hệ thống giao thông hào hẹp được đục vào vách đá, với những lỗ châu mai được xếp bằng mấy miếng đá vôi trông rất sơ sài. Trên các giao thông hào và đằng trước công sự có hai mươi lính gác. Bên ngoài giao thông hào còn có hàng rào kẽm gai, xa thêm một chút nữa là sườn dốc như lao thẳng xuống khe núi sâu thẳm thẳm. Phía bên kia là những ngọn đồi trọc, xám ngoét và lạnh lẽo, đôi chỗ chỉ có những tảng đá tro tro, không thấy một biểu hiện gì của cuộc sống, không thấy ngay cả một chú chim nào. Tôi thận trọng ghé mắt vào lỗ châu mai, có ý tìm chiến hào của quân phát xít.

“Kẻ thù ở đâu?”

Benjamin vung tay thành một vòng tròn. “Đằng kia kia”. (Benjamin nói bằng tiếng Anh, nghe như đâm vào tai)

“Nhưng ở đâu?”

Theo tôi hiểu về trận địa chiến thì bọn phát xít chỉ có thể ở cách chúng tôi từ năm mươi đến một trăm mét là cùng. Tôi chẳng nhìn thấy gì hết, hay là chiến hào của chúng được ngụy trang quá kĩ. Rồi tôi thất vọng nhận ra rằng Benjamin đang chỉ lên đỉnh ngọn đồi trước mặt, tức là phía bên kia khe núi, cách chỗ chúng tôi ít nhất cũng phải bảy trăm mét, chỉ thấy lá cờ nửa đỏ nửa vàng và một vệt nhỏ mờ, đấy là công sự của bọn phát xít. Tôi cảm thấy vô cùng thất vọng. Chúng tôi ở xa quân địch quá! Xa thế thì súng trường còn có tác dụng gì.

Nhưng đúng lúc đó thì tôi nghe thấy tiếng thét của ai đó. Hai tên phát xít, từ khoảng cách như thế trông chỉ như hai cái bóng màu xám, đang bò trên sườn đồi trọc trước mặt. Benjamin giằng lấy khẩu súng của người đứng ngay bên cạnh, anh ta

nhằm thẳng vào mục tiêu và bóp cò. Tách! Không có đạn, tôi chột nghì: điềm gở rồi.

Toán lính gác mới vừa chiếm lĩnh vị trí là lập tức bắn như vãi đạn vào không trung. Tôi nhìn thấy mấy tên phát xít, bé chỉ như những con kiến, đi qua đi lại đằng sau công sự, thỉnh thoảng lại có tên cố tình thò đầu ra ngoài. Rõ ràng là bắn chẳng có tác dụng gì. Thế mà tay lính gác ở bên trái tôi đã bỏ vị trí của mình, đứng theo phong cách Tây Ban Nha, lò dò đi đến bên cạnh tôi và giục tôi bắn ngay. Tôi cố gắng giải thích cho anh ta rằng với khoảng cách xa như thế và với khẩu súng cũ như thế này thì bắn trúng là việc cực kì hãn hữu. Nhưng đây chỉ là một đứa trẻ con, hẳn tiếp tục hướng nòng súng vào một trong những chấm đen di động, rằng nhe ra y như một con chó đang chờ lao theo viên sỏi được người ta ném ra vậy. Cuối cùng tôi cũng đưa nòng súng lên và bóp cò. Chấm đen biến mất. Đây là lần đầu tiên tôi bắn vào một người thật sự bằng da bằng thịt.

Bây giờ, khi đã nhìn thấy mặt trận, tôi bỗng cảm thấy chán nản vô cùng. Đây mà là chiến tranh à! Chúng tôi gần như hoàn toàn không chạm trán với quân địch, tôi có thể đứng thẳng người ngay trong chiến hào. Nhưng ngay lúc đó một viên đạn réo sát mang tai tôi và cắm vào thành công sự phía sau. Lạy chúa tôi! Tôi vội cúi đầu xuống. Tôi đã thề suốt đời rằng sẽ không bao giờ cúi xuống khi viên đạn đầu tiên bay ngang, nhưng đây là hành động mang tính bản năng và hầu như ai cũng làm thế, ít nhất là một lần.

¹ P.O.U.M muôn năm! Bọn phát xít là lũ hèn nhất!

3

Sống trong chiến hào có năm thứ quan trọng: củi đun, thức ăn, thuốc lá, nển và quân thù. Trên mặt trận mùa đông ở Zaragoza thì mức độ quan trọng được xếp theo đúng thứ tự như thế, quân thù được xếp cuối cùng. Trừ ban đêm, khi kẻ thù có thể tấn công bất cứ lúc nào, không ai thèm để ý đến quân địch. Quân địch trên thực tế chỉ là những con côn trùng màu đen ở rất xa, thỉnh thoảng người ta mới thấy chúng nhảy ra nhảy vào. Cả hai bên chỉ quan tâm đến mỗi một việc là làm sao không bị chết còng.

Nhân tiện xin nói thêm rằng trong suốt thời gian ở Tây Ban Nha tôi chỉ chứng kiến có vài trận đánh. Tôi ở mặt trận Aragon từ tháng giêng đến tháng năm; từ tháng giêng đến cuối tháng ba, ngoài trận đánh ở Teruel ra thì không có gì hoặc gần như không có gì xảy ra cả. Tháng ba có những trận đánh lớn ở Huesca, nhưng chính tôi lại tham gia rất ít. Sau này, nghĩa là trong tháng sáu, đã xảy ra một trận tấn công đẫm máu vào Huesca, mấy ngàn người bị giết trong một ngày, nhưng lúc đó tôi đã bị thương và bị loại khỏi vòng chiến rồi. Nỗi khủng khiếp của chiến tranh, điều mọi người thường hay nghĩ tới, lại ít khi đụng chạm đến người tôi. Máy bay không bỏ một quả bom nào gần những chỗ tôi ở; đại bác, theo tôi nhớ, bao giờ cũng nổ cách

chỗ tôi năm mươi mét trở lên. Tôi chỉ tham gia đánh giáp lá cà có một lần (một lần cũng đã là quá nhiều, có thể nói như thế). Dĩ nhiên là tôi đã nhiều lần nằm dưới làn đạn súng máy, nhưng thường là bắn từ rất xa. Ngay cả ở Huesca, nếu thận trọng, vẫn có thể an toàn như thường.

Ở đây, trên những ngọn đồi xung quanh Zaragoza người ta chỉ mệt mỏi vì buồn và sự thiếu thốn mà thôi. Đơn điệu, chẳng khác gì cuộc sống của một viên thư kí quèn, ngày nào cũng lặp đi lặp lại những việc y như cũ. Tuần tra, canh gác, đào hào; rồi lại đào hào, canh gác, tuần tra. Trên mỗi đỉnh đồi, một nhóm người rách rưới, bẩn thỉu, run rẩy xung quanh những lá cờ và tìm mọi cách để khỏi chết cóng. Phát xít hay cộng hoà thì cũng thế. Đạn bắn qua cái thùng lưng vắng suốt ngày đêm, nhưng ít khi trúng được người nào.

Tôi thường nhìn khung cảnh mùa đông xung quanh và nghĩ đến sự phù phiếm của tất cả những việc đang diễn ra ở đây. Chiến tranh kiểu này chẳng bao giờ đi đến đâu. Trước đây, khoảng tháng mười, đã từng diễn ra những trận chiến đấu kinh hoàng để giành giật mỗi ngọn đồi ở đây; sau đó, vì không có đủ người và vũ khí, nhất là pháo binh, không thể tiến hành được các chiến dịch lớn, quân đội hai bên phải đào công sự và đóng lại trên những đỉnh đồi mà họ chiếm được. Bên phải chúng tôi có một toán P.O.U.M. nữa, còn bên trái, chỗ quả đồi nhô ra là toán quân của P.S.U.C¹., vị trí này nằm đối diện với một quả núi cao hơn với vô số tiền đồn của quân phát xít. Tiền tuyến là một đường chữ chi, thò ra thụt vào, không thể nào phân biệt được nếu trên mỗi vị trí không có một lá cờ. Quân P.O.U.M. và P.S.U.C. treo cờ đỏ, vô chính phủ treo cờ nửa đỏ nửa đen,

còn quân phát xít thì treo cờ bảo hoàng (đỏ-vàng-đỏ), nhưng đôi khi chúng cũng treo cờ tam tài của quân cộng hoà (đỏ-vàng-tia). Khung cảnh thật là hoành tráng, đây là nói nếu có thể quên được sự kiện là trên mỗi ngọn đồi đều có một toán quân và xung quanh là hàng đồng vỏ đồ hộp và phân người. Phía bên phải chúng tôi, dãy núi đá đi theo hướng đông nam, tạo ra một bình nguyên rộng, có nhiều con suối nhỏ, kéo dài đến tận Huesca. Ở giữa cánh đồng nổi lên mấy khối nhà bé tí, trông như những con súc sắc, đây là thành phố Robres, hiện đang nằm trong tay quân phát xít. Buổi sáng, bình nguyên thường bị che phủ bởi một biển sương mù, bên trên nhô lên những ngọn đồi phẳng màu xanh, phong cảnh lúc đó trông chẳng khác gì một bức ảnh âm bản. Bên kia Huesca còn có nhiều đồi hơn, hình thù cũng như ở đây, nhưng những vết tuyết phủ trên đó thì thay đổi hàng ngày. Xa hơn nữa là những ngọn núi cao ngất như đang bơi vào thình không của dãy Pyrenees, tuyết ở trên đó quanh năm không bao giờ tan. Nhưng bên dưới, thung lũng trông tro trụi và hoang vắng đến rợn người. Mấy ngọn đồi trước mặt chúng tôi chỉ có một màu xám xịt và đầy những đường rãnh trông như da voi. Gần như chẳng có chú chim nào bay qua. Tôi chưa từng thấy nơi nào có ít chim đến như thế. Đôi khi tôi có thấy mấy con trông như ác là và có lần một đàn gà gô vỗ cánh ban đêm làm mấy anh lính gác giật mình, hiếm lắm mới thấy vài chú chim ung lượn lơ bên trên, mặc cho những loạt đạn cổ tình nhắm vào chúng.

Ban đêm và vào những ngày có nhiều sương mù, các đơn vị tuần tra phải đi xuống thung lũng giữa hai cao điểm. Chẳng ai thích công việc này vì vừa rét vừa rất dễ bị lạc và tôi nhanh

chúng nhận ra rằng tôi có thể đi tuần bất cứ khi nào tôi muốn. Trong những cái hẻm núi lởm chởm này không hề có lấy một con đường mòn nào, muốn tìm được lối về thì phải đi thường xuyên và mỗi lần lại phải tìm cách ghi nhớ các dấu hiệu trên đường. Theo đường chim bay, bọn phát xít chỉ cách chúng tôi khoảng bảy trăm mét, nhưng muốn tới đó thì phải đi ít nhất là hai cây số. Đi trong đêm tối, trên đầu thỉnh thoảng lại có một loạt đạn réo rất như tiếng chim, nghĩ cũng vui. Còn thú hơn nếu đây là những ngày có nhiều sương mù. Sương mù kéo dài suốt ngày và thường chỉ phủ trên đỉnh đồi còn bên dưới thung lũng thì lại quang đãng. Đến gần phòng tuyến của quân phát xít thì phải bò thật chậm, nhưng trong những sườn đồi như thế này giữ yên lặng là việc khó, không dè vào cành khô thì cũng làm lấn một cục đá nào đó. Chỉ đến lần thứ ba hay thứ tư tôi mới đến gần được vị trí của quân phát xít. Sương mù dày đặc, tôi bò sát đến hàng rào kẽm gai và đóng tai lên nghe. Đứa thì nói chuyện, đứa thì hát. Sau đó tôi hốt hoảng nhận ra rằng có mấy tên đang đi xuống đồi, về hướng tôi. Tôi nấp sau một bụi cây, lúc đó không hiểu sao tôi thấy bụi cây lại nhỏ như thế và cố gắng lên đạn một cách nhẹ nhàng nhất. Nhưng bọn phát xít đã rẽ ngang trước khi lọt vào tầm ngắm của tôi. Tôi đã phát hiện được ở đằng sau bụi cây đó khá nhiều dấu tích của những trận đánh trước đây, đây là mấy băng đạn rỗng, một cái mũ da bị đạn bắn thủng và một lá cờ đỏ, rõ ràng là cờ của chúng tôi. Tôi mang lá cờ về chốt, nhưng người ta xé ra làm giẻ lau ngay lập tức.

Tôi được phong hàm hạ sỹ hay cabo, theo cách gọi của người Tây Ban Nha, ngay khi vừa đặt chân đến mặt trận và được chỉ

huy mười hai binh sỹ. Đây không phải là địa vị ngồi mát ăn bát vàng, nhất là thời gian đầu. Centuria này gồm toàn những thanh thiếu niên tuổi từ mười ba đến mười chín, lại chưa được huấn luyện gì. Đôi khi còn có cả những đứa trẻ mới mười một, mười hai, đấy thường là những người tị nạn từ vùng chiếm đóng của quân phát xít, tham gia dân quân là cách kiếm cơm đơn giản nhất. Thường thì trẻ con được làm những công việc nhẹ ở hậu phương, nhưng đôi khi chúng cũng tìm cách ra được mặt trận và trở thành mối đe dọa cho chính các đơn vị của mình. Tôi còn nhớ cảnh một thằng nhóc đã ném lựu đạn vào hầm trú ẩn “cho vui”. Theo tôi nhớ thì ở Monte Pocero không có người nào dưới mười lăm tuổi, thế mà tuổi trung bình vẫn chưa đến hai mươi. Đáng lẽ không được đưa những thiếu niên như thế này ra mặt trận bởi vì họ không chịu nổi cảnh mất ngủ mà đấy lại là phần không thể thiếu của trận địa chiến. Thời gian đầu gần như không thể tổ chức được việc canh gác một cách nghiêm túc vào ban đêm. Phải nắm chân lòi ra khỏi hầm trú ẩn thì mới đánh thức được những đứa trẻ ở đơn vị tôi, nhưng vừa quay lưng đi là chúng đã bỏ vị trí và trở về hầm trú ẩn hoặc dựa lưng vào tường chiến hào mà ngủ ngay lập tức, mặc kệ rét. May là quân địch cũng rất thụ động. Có những đêm tôi có cảm tưởng rằng chỉ cần hai mươi chàng trai hoặc hai mươi cô gái hướng đạo sinh trang bị súng hơi hay vợt cũng có thể chiếm được chốt của chúng tôi.

Lúc đó, cũng như mãi về sau các đơn vị ở Catalonia vẫn được tổ chức hết như hồi đầu cuộc chiến. Ngay khi Franco nổi loạn, tất cả các đảng phái và tổ chức công đoàn đều đứng ra thành lập các đơn vị tự vệ; đấy thực chất là các tổ chức chính trị phải

trung thành với đảng của mình cũng như phải trung thành với chính phủ trung ương. Đầu năm 1937, khi Quân đội Nhân dân, một đội quân “phi chính trị”, được thành lập một cách tương đối chính qui thì về mặt lý thuyết tất cả các lực lượng vũ trang của các đảng phái đều hợp nhất vào đó. Nhưng trong một thời gian dài tất cả các thay đổi mới chỉ diễn ra trên giấy, mãi đến tháng sáu các đơn vị Quân đội Nhân dân mới tiến đến mặt trận Aragon, trước đó hệ thống dân quân vẫn giữ nguyên như cũ. Mấu chốt của hệ thống này là sự bình đẳng giữa sỹ quan và binh sỹ. Tất cả mọi người, từ tướng tới lính, đều nhận cùng một mức lương, ăn cùng một mâm, mặc cùng một loại quần phục, hoàn toàn bình đẳng trong mọi lĩnh vực. Nếu muốn hút thuốc, bạn có thể vỗ vào vai viên tướng chỉ huy sư đoàn để xin một điếu, không ai coi đó là chuyện lạ. Về lý thuyết, tất cả các đơn vị dân quân đều là tổ chức dân chủ chứ không phải là đơn vị có cấp bậc hẳn hoi, cấp dưới phải phục tùng cấp trên. Mọi người đều hiểu rằng mệnh lệnh thì phải thi hành, nhưng đây là đồng chí ra lệnh cho nhau chứ không phải là cấp trên hạ lệnh cho cấp dưới. Vẫn có các sỹ quan và hạ sỹ quan, nhưng không phải theo nghĩa thông thường; không có danh hiệu, không có cầu vai, không có dậm chân và giơ tay chào như ở những nơi khác. Người ta có ý định tạo ra trong các đơn vị dân quân hình mẫu của một xã hội phi giai cấp. Dĩ nhiên là không thể có bình đẳng tuyệt đối rồi, nhưng tôi chưa thấy ở đâu có một cái gì tương tự như thế hoặc tôi không bao giờ nghĩ rằng điều đó lại có thể xảy ra trong thời chiến được.

Phải công nhận rằng lúc đầu cảnh tượng mặt trận như vậy đã làm tôi phát hoảng. Làm sao mà một đội quân kiểu này có

thể thắng được? Lúc đó ai cũng nói như thế cả, kể cũng đúng, nhưng không hợp thời. Trong hoàn cảnh đó, khó mà có một lực lượng tốt hơn. Một đội quân cơ giới hoá hiện đại không thể sinh ra từ con số không, nếu chính phủ đợi cho đến khi huấn luyện xong thì Franco có thể tiến mà không gặp bất cứ sự kháng cự nào. Sau này, người ta thường chỉ trích lực lượng dân quân và cho rằng khiếm khuyết của nó là do sự bình đẳng quá trớn chứ không phải là do thiếu huấn luyện và không đủ khí giới. Thực ra, tất cả các đơn vị dân quân vừa được thành lập đều là một đám hỗn quân hỗn quan không phải là do sỹ quan gọi chiến sỹ là “đồng chí” mà vì các đơn vị mới bao giờ cũng là một đám người vô kỉ luật cả. Trên thực tế, kỉ luật cách mạng mang tính dân chủ hoá ra lại đáng tin cậy hơn người ta tưởng rất nhiều. Kỉ luật trong các đội quân công nhân, về lí thuyết, là kỉ luật tự giác, dựa vào ý thức giai cấp, trong khi kỉ luật trong quân đội tư sản hoàn toàn dựa vào sợ hãi (Quân đội Nhân dân, thay thế cho dân quân, nằm giữa hai lực lượng này). Úc hiếp và chửi rủa, vốn là hiện tượng bình thường trong quân đội chính qui, không bao giờ xảy ra ở đây. Các biện pháp trừng phạt chỉ được áp dụng cho những trường hợp nghiêm trọng. Một người bất tuân thượng lệnh thường sẽ không bị trừng phạt ngay, bao giờ người ta cũng khuyến khích tinh đồng chí của anh ta. Những người yếu thế, không có kinh nghiệm sẽ nói rằng “không ăn thua”, nhưng trên thực tế làm thế lại “ăn”. Sau một thời gian, kỉ luật của ngay cả những đơn vị ngổ ngáo nhất cũng được cải thiện trông thấy. Trong tháng giêng, việc huấn luyện khoảng một tá chiến sỹ mới làm tôi lo đến bạc cả tóc. Tháng năm, có lúc tôi được thay một viên trung úy chỉ huy ba mươi chiến sỹ,

có cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh. Chúng tôi đã sống dưới làn đạn suốt mấy tháng liền, nhưng tôi không gặp bất kì khó khăn nào khi giao việc cho các chiến sỹ hoặc tìm người tình nguyện làm những việc nguy hiểm. Giác ngộ chính trị, tức là hiểu vì sao phải thi hành mệnh lệnh là cơ sở của kỉ luật cách mạng, muốn thế phải có thời gian, nhưng muốn biến một con người thành cỗ máy tự động trên sa trường cũng cần thời gian cơ mà. Các phóng viên từng đưa ra những nhận xét có tính chế nhạo lực lượng dân quân đã quên mất một điều rằng chính họ đã giữ vững trận địa trong khi Quân đội Nhân dân đang huấn luyện tại hậu phương. Chỉ nhờ có kỉ luật “cách mạng” mà lực lượng dân quân mới ở lại mặt trận vì mãi đến tháng 6 năm 1937 ngoài ý thức giai cấp thì chẳng có gì có thể níu kéo được họ. Những kẻ đào ngũ đơn độc có thể bị bắn - đã có những trường hợp như thế - nhưng nếu cả ngàn người cùng quyết định rời bỏ mặt trận thì chẳng sức mạnh nào có thể giữ được họ. Trong hoàn cảnh như thế, nếu không có các đơn vị quân cảnh, lính quân dịch sẽ tan rã ngay lập tức. Dân quân đã giữ vững được trận địa, nhưng có Chúa chúng giám, họ chỉ thắng được có vài trận, tuy nhiên hiện tượng đào ngũ cũng ít xảy ra. Trong bốn, năm tháng ở trong lực lượng vũ trang của P.O.U.M., tôi chỉ nghe nói có bốn người đào ngũ, trong đó có hai tên chắc chắn gián điệp. Trong thời gian đầu, do binh lính chưa được huấn luyện, thường phải mất năm phút mới thuyết phục được một người nào đó thi hành mệnh lệnh đã làm tôi phát hoảng và có lúc tức muốn điên lên được. Tôi có quan niệm theo kiểu quân đội Anh, chắc chắn là lực lượng dân quân Tây Ban Nha hoàn toàn khác quân đội Anh rồi. Nhưng nếu xét đến hoàn cảnh lúc đó thì phải

công nhận rằng dân quân đã chiến đấu tốt hơn là người ta có quyền hi vọng.

Nhưng lúc này vấn đề là củi, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến củi thôi. Cuốn nhật kí tôi viết trong giai đoạn này gần như không ngày nào không nói đến củi, đúng hơn là nói đến việc không có củi. Chúng tôi đóng quân ở độ cao từ 700 đến 1.000 mét trên mực nước biển, lại giữa mùa đông, lạnh không bút nào tả xiết. Thực ra, nhiệt độ cũng không thấp lắm, nhiều đêm còn cao hơn không độ, giữa trưa thường có nắng khoảng một tiếng đồng hồ; nhưng dù ngay cả những lúc không lạnh lắm chúng tôi vẫn cảm thấy buốt thấu xương. Đôi khi có những cơn gió rú rít, hất văng mũ ra và làm tung tóc lên, đôi khi sương mù phủ kín chiến hào; lại thường có mưa, chỉ mưa mười lăm phút đã khủng khiếp lắm rồi. Lớp đất mỏng phủ trên bề mặt đá vôi ngay lập tức trở thành trơn như đổ mỡ, thật khó mà không trượt chân khi đi trên sườn dốc. Những đêm tối trời, có khi tôi ngã đến năm sáu lần trên đoạn đường chỉ dài có hai mươi mét; rất nguy hiểm bởi vì quy-lát có thể bị dính bùn và hóc. Sau nhiều ngày, cả quần áo, giấy, chăn, súng đều bẩn hết. Tôi mang theo rất nhiều quần áo ấm, nhưng nhiều người ăn mặc rất phong phanh. Cả đơn vị khoảng một trăm người mà chỉ có hai mươi chiếc áo bông, chỉ lính gác mới được thay phiên nhau mặc, đa số chỉ có một chiếc chăn đơn. Trong một đêm lạnh giá tôi đã liệt kê vào nhật kí tất cả quần áo đang mang trên người. Khá thú vị, bởi vì nó cho thấy một người có thể mang trên mình bao nhiêu quần áo. Tôi mặc một áo lót, một quần xà lỏn dày, một áo sơ mi, hai áo len, một áo vét len, một áo khoác da, quần nhung, xà cạp, tất, ủng, áo đi mưa, khăn quàng cổ, tất tay da và mũ len. Thế mà

lúc nào cũng run như cây sậy. Nhưng nói cho ngay, tôi là người chịu lạnh rất kém.

Củi đun là vấn đề quan trọng nhất. Phải nói đến củi là vì ở đây hầu như không có một cây khô nào. Dãy núi này, ngay cả những lúc mưa thuận gió hòa nhất cũng chẳng có mấy cây cối, dân quân lại đóng ở đây đúng vào những tháng rét mướt nhất, thành thử cảnh cây bằng ngón tay trở lên đã bị đốt sạch. Mọi người, trừ lúc ăn, lúc ngủ hay đi tuần, thời gian còn lại tất cả đều phải đi xuống thung lũng ở phía sau chốt để kiếm củi đun. Cứ mỗi lần nghĩ đến giai đoạn này là tôi lại nhớ cảnh trèo lên trèo xuống những bờ dốc đứng, đầy những tảng đá vôi sắc nhọn, cửa nát ủng, chỉ cốt túm được một bụi cây nhỏ nào đó. Ba người lượm suốt vài tiếng đồng hồ cũng chỉ đủ đốt trong vòng một giờ. Việc săn lùng củi đã biến tất cả chúng tôi thành những nhà thực vật học. Tất cả cây cối mọc trên sườn núi đều được phân loại, tùy vào khả năng giữ lửa của chúng; cỏ và các loại thạch nham dễ bén lửa nhưng cháy rất nhanh, cây hương thảo dại và kim tước lại chỉ cháy khi bếp đã hồng, những cây sồi tí hon, nhỏ hơn cả bụi lí gai, thì gần như không cháy được. Có một loại sậy, rất dễ bén lửa, mọc trên đỉnh đồi, bên trái chốt của chúng tôi, lên đấy dễ bị ăn đạn lắm. Nếu mấy tên giữ súng máy của bọn phát xít mà nhìn thấy thì thế nào chúng cũng xả hết cả một băng mồi thôi. Đạn thường bay rất cao, nghe như tiếng chim kêu trên đỉnh đầu, nhưng đôi khi chúng cũng bắn vào những hòn đá vôi ngay bên cạnh, lúc đó phải nấp úp mặt xuống ngay lập tức. Hết loạt đạn chúng tôi lại đứng lên tiếp tục tìm kiếm, chẳng có gì quan trọng bằng củi đun.

So với rét thì mọi sự bất tiện khác chỉ là chuyện vặt. Dĩ nhiên

là lúc nào chúng tôi cũng bắn suốt từ đầu đến chân. Nước, cũng giống như thức ăn, được la chở từ Alcubierre tới, một người mỗi ngày được hơn một lít. Một thứ nước kinh khủng, đục nhò nhò như sữa. Chính thức thì nước chỉ được dùng để uống, nhưng bao giờ tôi cũng lấy trộm được một bát sắt đầy để rửa mặt vào buổi sáng. Tôi thường rửa mặt hôm trước, hôm sau cạo râu, không đủ nước làm hai việc cùng một lúc. Hồi thối kinh khủng, ngay bên ngoài hàng rào chương ngại vật là hàng đông phân người. Một số dân quân còn có thói quen ỉa ngay trong chiến hào, thật là khủng khiếp nếu phải đi lại vào ban đêm. Nhưng tôi không ngại bắn. Nhưng bắn là đề tài được nói đến thường xuyên. Điều ngạc nhiên là người ta làm quen rất nhanh với việc không có khăn tay và dùng cùng một cái bát để vừa ăn vừa rửa mặt. Chỉ một hai ngày là việc mặc cả quần áo đi ngủ sẽ chẳng gây ra bất cứ sự khó chịu nào. Lúc nào cũng phải sẵn sàng chiến đấu, quần áo, đặc biệt là giày, lúc nào cũng phải sẵn sàng trên người, kể cả lúc ngủ. Trong tám mươi ngày trên chốt, tôi chỉ cởi áo có ba lần, lại thường cởi vào ban ngày. Lạnh quá nên không có rận, nhưng chuột cống và chuột chù thì rất nhiều. Người ta bảo chỗ nào có chuột cống thì không có chuột chù, nhưng hóa ra chúng có thể sống cùng một chỗ, miễn là đủ thức ăn.

Các mặt khác không đến nỗi nào. Thức ăn khá ngon, rượu vang đủ uống. Mỗi người, mỗi ngày được một bao thuốc lá, hai ngày một bao diêm, chúng tôi còn được phát cả nến nữa. Những cây nến rất nhỏ, giống như những cây dùng để trang trí trên những chiếc bánh trong ngày lễ Nô-en, mọi người đều nói là đồ ăn cắp của nhà thờ. Mỗi hầm, mỗi ngày được phát ba cây,

mỗi cây dài chừng 7cm, cháy trong khoảng hai mươi lăm phút. Lúc đó còn bán nến, tôi có mua được một ít. Sau này, chúng tôi đã lâm vào tình trạng khốn khổ, khốn nạn vì không có diêm và nến trong một thời gian dài. Người ta chỉ có thể thấy được sự quan trọng của những thứ này khi thiếu chúng. Thí dụ, khi có báo động vào ban đêm, mọi người trong hầm đều lao vào chỗ để súng, dầm đạp lên cả mặt nhau, có que diêm mà bật lên sẽ thấy cuộc đời khác hẳn. Mỗi người đều được phát một nắm bụi nhùi và đoạn bắc màu vàng dài chừng nửa mét. Đối với mỗi người lính, nếu không kể đến súng thì đây là tài sản quý giá nhất. Bụi nhùi có cái hay là có thể bén lửa ngay trước ngọn gió, nhưng lại không đủ sức đốt cháy được đồng lửa. Khi không còn tìm đâu ra được diêm, để có thể đốt được lửa, chúng tôi chỉ còn cách là tháo đầu đạn ra lấy thuốc làm mồi cho bụi nhùi.

Chúng tôi sống một cách bất bình thường, bất bình thường trong chiến tranh, nếu có thể gọi đấy là chiến tranh. Tất cả chiến sỹ đều bất bình vì cảnh ăn không ngồi rồi và lúc nào cũng đòi giải thích vì sao không được phép tấn công. Nhưng rõ ràng là nếu quân địch không khởi sự trước thì còn lâu mới đánh nhau. Georges Kopp, trong những chuyến kinh lý định kì của ông, đã nói thẳng với chúng tôi: “Đây đâu phải là chiến tranh. Đây chỉ là một vở hài kịch, thỉnh thoảng mới có một vài người chết mà thôi”. Mặt trận Aragon giẫm chân tại chỗ là do những nguyên nhân chính trị mà lúc đó tôi không biết; nhưng khó khăn về quân sự, chưa kể việc thiếu lực lượng trừ bị, thì ai cũng biết cả.

Trước hết là vấn đề địa hình. Chiến tuyến, cả chúng tôi lẫn phát xít, nằm ở những vị trí rất thuận lợi về mặt địa hình, về

nguyên tắc chỉ có thể tiếp cận từ một phía. Chỉ cần đào được vài hầm trú ẩn là bộ binh địch đã bó tay, trừ phi có một lực lượng vượt trội hẳn về quân số. Chỉ cần một tiểu đội với hai khẩu súng máy là chúng tôi có thể cầm cự được cả tiểu đoàn rồi. Các vị trí khác cũng như vậy. Đứng trên đỉnh đồi như thế này, chúng tôi có thể là mục tiêu tốt cho pháo binh, nhưng quân địch không có pháo binh. Đôi khi tôi lại ngồi nhìn ra xung quanh và ao ước, ao ước đến cồn cào, một vài khẩu đội pháo binh. Có thể bắn nát hết vị trí này đến vị trí khác của quân thù như dùng búa đập hạt dẻ vậy. Nhưng chúng tôi không có khẩu nào. Bọn phát xít thỉnh thoảng cũng lôi được một vài khẩu từ Zaragoza tới và bắn mấy viên, bắn ít đến nỗi không kịp chính mục tiêu, chẳng gây ra bất kì thiệt hại nào. Không có pháo binh, trước họng súng máy chỉ có thể làm ba việc: đào hầm ở khoảng cách an toàn, tức là cách quân địch chừng bốn trăm mét; lao lên tấn công giữa đồng trống và bị giết hàng loạt hoặc thực hiện các cuộc đột kích nhỏ vào ban đêm, mà kết quả cũng chẳng thay đổi được gì. Nghĩa là chỉ có hai lựa chọn: giữ vững vị trí hoặc tự sát.

Ngoài ra, phương tiện chiến đấu cũng hoàn toàn không có. Cần phải huy động trí tưởng tượng thì mới hiểu được lực lượng dân quân được trang bị kém đến mức nào. Các phòng huấn luyện quân sự trong các trường phổ thông ở Anh còn có nhiều vũ khí hiện đại hơn chúng tôi lúc đó. Thật khó tin, xin được mô tả một cách kĩ lưỡng hơn.

Trên toàn bộ khu vực này có tất cả bốn khẩu súng cối tầm ngắn, mỗi khẩu lại chỉ có đúng mười lăm quả đạn. Quí đến nỗi không thể nào mang ra bắn được và tất cả bốn khẩu đều được giữ ở Alcubierre. Khoảng năm mươi người thì có một khẩu súng

máy; nhưng đây là những mẫu cũ, chỉ có thể bắn chính xác trong khoảng từ ba trăm đến bốn trăm mét là cùng. Ngoài ra toàn là súng trường, mà đa số đều đáng bán ve chai từ lâu. Có ba kiểu súng trường. Thứ nhất là loại Mauser nòng dài. Ít khẩu được sản xuất cách đây dưới hai mươi năm, đa phần đã hạn hết, mười khẩu may mới có một khẩu dùng được. Rồi đến loại Mauser nòng ngắn hay còn gọi là mousqueton, thực chất là súng của kỵ binh. Đây là loại súng được nhiều người thích vì nhẹ và dễ sử dụng trong chiến hào, lại tương đối mới và có vẻ tốt. Nhưng trên thực tế hầu như chẳng có tác dụng gì. Chúng được lắp từ những cơ phận cũ, không khẩu nào có bộ phận qui-lát phù hợp, chỉ bắn độ năm phát là phần lớn đã bị hóc rồi. Còn có mấy khẩu súng trường Winchester nữa. Loại này bắn dễ, nhưng độ chính xác thì lại rất kém; ngoài ra, vì không có băng đạn nên mỗi lần chỉ bắn được một phát. Đạn cũng thiếu, khi lên chiến tuyến mỗi người chỉ được phát năm mươi viên, đa số cũng đều hạn hết cả. Đạn do Tây Ban Nha Sản xuất là loại tái chế cho nên ngay cả súng tốt cũng rất dễ hóc. Đạn do Mexico sản xuất thì khá hơn cho nên chỉ được dùng cho súng máy. Đạn của Đức là tốt nhất, nhưng không nhiều, chỉ khi bắt được tù binh hay lính đào ngũ thì mới có. Bao giờ tôi cũng cất trong túi một băng đạn Mexico hay Đức để dùng trong những trường hợp khẩn cấp. Nhưng khi có trường hợp khẩn cấp thì tôi lại ít khi bắn bằng súng của mình vì sợ nó sẽ bị hóc hoặc sẽ chẳng còn viên đạn nào.

Chúng tôi không được trang bị mũ sắt, cũng chẳng có lưới lê, rất ít người có súng lục hay súng ngắn, năm hay mười người mới có một quả lựu đạn. Đây là loại lựu đạn F.A.I². rất đáng sợ,

do những người vô chính phủ sản xuất ngay từ những ngày đầu chiến tranh. Nó được kích nổ theo nguyên lý Mills, nhưng chốt an toàn lại được giữ bằng một đoạn giấy. Phải giật giấy và ném thật nhanh. Người ta gọi đây là loại lựu đạn “vô tư” vì chúng giết cả người bị ném lẫn người ném. Có cả những loại lựu đạn khác nữa, có thể thô sơ hơn, nhưng ít nguy hiểm hơn, đối với người ném, tôi muốn nói như thế. Mãi đến cuối tháng ba tôi mới trông thấy một quả lựu đạn với đúng nghĩa của nó.

Ngoài vũ khí, chúng tôi còn thiếu cả những vật dụng cần thiết khác. Thí dụ như sơ đồ hay bản đồ địa hình cũng không có. Đất nước Tây Ban Nha chưa được khảo sát một cách toàn diện. Những tấm bản đồ quân sự cũ, tất cả đều nằm trong tay quân phát xít, lại chính là những tấm bản đồ chi tiết nhất về khu vực này. Chúng tôi không có máy đo xa, không có kính viễn vọng, không có cả ống nhòm, trừ một vài cái của cá nhân, không có pháo hiệu, không có kéo cắt dây thép gai, không có cả dụng cụ sửa súng, ngay cả giẻ lau cũng hiếm hoi. Có vẻ như người Tây Ban Nha chưa nghe nói đến cái dây thông nòng súng bao giờ, họ rất ngạc nhiên khi thấy tôi làm được một cái giấy như thế. Khi muốn lau súng họ phải đến gặp viên hạ sỹ, chỉ người này mới có cái que thông nòng dài, bằng đồng và bao giờ cũng cong cho nên thường làm xước rãnh trong nòng súng. Không có cả mỡ bò. Người ta dùng cả dầu ô liu để lau súng, đấy là nói khi kiếm được; thỉnh thoảng tôi còn lau súng bằng dầu vazolin, bằng kem chống rét, bằng mỡ lợn xông khói nữa. Không có đèn, cũng chẳng có đèn pin. Chắc là lúc đó trên toàn khu vực mặt trận của chúng tôi chẳng có chiếc đèn pin nào, phải đến Barcelona thì may ra mới mua được.

Thời gian tiếp tục trôi dưới những loạt đạn súng trường ròi rạc giữa những sườn đồi hoang vắng và tôi bắt đầu tự hỏi liệu có thể xảy ra một chuyện gì đó đủ sức làm thay đổi cuộc chiến tranh chán ngắt này hay không. Chúng tôi đang phải chiến đấu với bệnh viêm phổi chứ không với quân thù. Khi mà chiến hào hai bên nằm cách nhau cả nửa cây số thì khó mà bắn trúng lắm. Tất nhiên là có thương vong, nhưng đa phần là tự thương. Nếu tôi nhớ không lầm thì cả năm trường hợp bị thương ở Tây Ban Nha mà tôi thấy đều là do vũ khí của chúng tôi gây ra. Tôi không nói rằng đó là do cố ý, không, tất cả đều là vô tình hoặc cẩu thả mà ra. Những khẩu súng cũ của chúng tôi là mối nguy chính. Một số khẩu có thể nổ khi chống báng súng xuống đất, tôi đã thấy một người bị bắn vào tay theo cách đó. Ban đêm các tân binh rất dễ bắn vào nhau. Một lần, mới nhá nhem tối mà tay lính gác đã bắn vào tôi, hai người cách nhau chỉ khoảng vài chục mét, viên đạn đi cách tôi chừng một mét. Chỉ có trời mới biết tài thiện xạ của người Tây Ban Nha đã cứu tôi mấy lần. Một lần, hôm ấy có nhiều sương mù, tôi đi trinh sát, trước đó đã báo cáo cho chỉ huy toán lính gác rồi. Nhưng khi quay về tôi lại đâm sầm vào một bụi rậm, tay lính gác giật mình kêu ầm lên là phát xít tấn công và tôi nghe thấy tay chỉ huy hạ lệnh bắn về hướng tôi. Tôi lập tức nằm xuống, đạn bay vèo vèo ngay trên lưng. Không ai có thể thuyết phục được người Tây Ban Nha, nhất là những người còn trẻ, rằng súng là vật nguy hiểm. Một lần, sau câu chuyện vừa nói ở trên, tôi đứng chụp ảnh cho mấy anh chàng xạ thủ súng máy ngồi sau khẩu súng hướng thẳng vào tôi.

“Đừng bắn nhé”, tôi vừa nói đùa vừa chỉnh tiêu cự.

“Không, không bắn đâu”

Tiếng súng kinh hoàng vang lên ngay lúc đó, một loạt đạn bay sát mặt tôi, đến nỗi má tôi bị thuốc đạn làm cháy xém. Dĩ nhiên là một hành động bất cẩn, nhưng các xạ thủ lại coi là một trò đùa tuyệt vời. Thế mà mới cách đây mấy hôm, họ đã trực tiếp nhìn thấy tay chính trị viên chỉ vì đùa mà đã bắn một lúc năm phát đạn vào ngực một dân công làm nhiệm vụ đất la rồi đấy.

Những khẩu lệnh rất khó nhớ lúc đó cũng là một mối nguy. Phải nhớ cả hai, cả câu hỏi lẫn câu trả lời. Thường thì đấy là những từ có tính cách mạng, thí dụ như *Cultura - progreso*, hay *Seremos - invencibles*³, những người lính gác mù chữ khó mà nhớ được những lời có cánh như thế. Một đêm, tôi nhớ, khẩu lệnh là *Cataluña - eroica*. Jaime Domenech, một anh chàng nông dân mặt tròn như mặt trăng hỏi tôi:

“Eroica nghĩa là gì?”

Tôi bảo anh ta rằng Eroica cũng có nghĩa như từ *valiente*. Chỉ vài phút sau, khi anh ta đang dò dẫm trong chiến hào thì nghe có tiếng lính gác hỏi:

‘Alto! Cataluña!’⁴

‘Valiente!’, Jaime thét lên, tin rằng mình đã trả lời đúng.

Đoàng!

May mà tay lính gác bắn trượt. Trong cuộc chiến tranh này mọi người đều tìm mọi cách để tránh bắn vào nhau.

¹ Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất vùng Catalonia.

² Liên đoàn những người vô chính phủ Iberia.

³ Văn hoá - Tiến bộ hay Chúng ta sẽ - Bất khả chiến bại.

⁴ Đứng lại! Catalonia!

4

Tôi đến mặt trận được khoảng ba tuần thì có một nhóm từ hai mươi đến ba mươi người Anh do Đảng lao động độc lập gửi sang cùng tôi Alcubierre. Tôi và Williams được chuyển sang với họ để thành một đơn vị toàn người Anh. Chúng tôi đóng chốt ở Monte Oscuro, cách chỗ cũ mấy dặm về phía Tây, có thể nhìn thấy Zaragoza.

Chốt của chúng tôi nằm trên một mỏm đá sắc như lưỡi dao cạo, hầm trú ẩn được khoét sâu vào bên trong tảng đá như hang của loài chim én. Hầm trú ẩn được đào rất sâu, bên trong vừa tối vừa thấp, quỳ cũng không được chứ không nói là đứng. Trên những mỏm núi phía bên trái chúng tôi còn có hai chốt của lực lượng P.O.U.M. nữa, trong đó có một chốt được tất cả mọi người trên chiến tuyến quan tâm vì có ba cô chị nuôi. Các cô này thực ra là không đẹp, nhưng ban chỉ huy cho rằng cần phải cấm người các đơn vị khác lai vãng đến đó. Ở bên phải, cách chúng tôi chừng năm trăm mét, cạnh chỗ rẽ của con đường đi Alcubierre có một chốt nữa, đây là lực lượng của P.S.U.C. Từ đây trở đi con đường nằm trong tay đối phương. Ban đêm có thể nhìn thấy đèn xe vận tải của quân ta từ Alcubierre tới và cùng lúc đó là đèn xe của phát xít từ Zaragoza lại. Zaragoza nằm ở phía tây-nam, cách

đây khoảng hai mươi cây số, có thể trông thấy vào ban đêm, đây là một vệt sáng mỏng, trông như ánh sáng phát ra từ cửa sổ của những con tàu thủy vậy. Các đơn vị quân đội của chính phủ đã phải đứng ở đây để dò mắt về thành phố từ tháng tám năm 1936 và bây giờ họ còn tiếp tục dò theo như thế.

Đơn vị của chúng tôi có khoảng ba mươi người, trong đó có một người Tây Ban Nha (Ramón, em vợ của Williams) và hơn một chục xạ thủ súng máy người Tây Ban Nha nữa. Ngoài một vài trường hợp ngoại lệ, chiến tranh, như mọi người đều biết, luôn luôn hấp dẫn các phần tử bất hảo - nhóm người Anh ở đây thật là tuyệt vời, cả về thể chất lẫn tinh thần. Đáng yêu nhất là anh chàng Bob Smillie. Anh vốn là cháu nội của một trong những lãnh tụ nổi tiếng của công nhân mỏ, sau này anh đã chết, một cái chết cực kì vô nghĩa ở Valencia. Dù có những khó khăn trong giao tiếp, nhưng các chiến sĩ người Anh và người Tây Ban Nha luôn giữ được thái độ hữu hảo, đây phần lớn là do tính cách của người Tây Ban Nha. Tất cả các chiến sĩ Tây Ban Nha chỉ biết có hai câu tiếng Anh. Một câu là "O.K., baby", còn câu thứ hai là ngôn ngữ mà các cô gái điếm ở Barcelona thường dùng trong giao tiếp với các thủy thủ người Anh, tôi nghĩ là có viết ra đây thì thợ sắp chữ cũng sẽ bỏ đi thôi.

Trên khắp chiến tuyến vẫn chẳng có chuyện gì cả: thỉnh thoảng mới có một viên đạn lạc hay một quả đạn súng cối, mọi người cùng chạy vội lên giao thông hào cao nhất để xem viên đạn nổ ở đâu. Chỗ này hai bên ở gần nhau hơn, khoảng ba bốn trăm mét. Chốt gần nhất nằm đối diện với chúng tôi, có một khẩu súng máy, các chiến sĩ của chúng tôi cứ nhằm vào lỗ châu mai mà bắn, nhưng chỉ phí đạn. Bọn phát xít không thèm dùng súng trường, nhưng hề ai lộ ra là chúng dùng súng máy nã ngay. Thế

mà phải mười ngày sau hoặc hơn mới có người bị thương đầu tiên. Đối diện với chúng tôi là đơn vị người Tây Ban Nha, nhưng theo lời những kẻ đào ngũ thì có cả mấy người Đức thuộc lực lượng N.C.O.S. nữa. Trước đây, phía phát xít còn có cả người Marocco - đấy là những người rất nghèo, chắc là rét lắm - vì trên vùng đất trung gian có một xác người Marocco, hẳn đã trở thành danh lam thắng cảnh của khu vực. Chiến tuyến bị đứt đoạn ở cách chỗ chúng tôi khoảng ba cây số về bên trái, đấy là vùng đất thấp hơn, có những cánh rừng rậm, không bên nào kiểm soát được. Ban ngày, cả hai bên đều có thể đi tuần trong vùng này. Một trò ú tim không đến nỗi tồi theo kiểu hướng đạo sinh, nhưng bao giờ bọn phát xít cũng đi cách chúng tôi đến mấy trăm mét. Chúng tôi đã từng bò qua chiến tuyến của quân phát xít và nhìn thấy một ngôi nhà có treo lá cờ bảo hoàng, đấy là sở chỉ huy tại chỗ của quân địch. Chúng tôi nã một loạt đạn rồi tìm chỗ nấp ngay. Tôi hi vọng bắn vỡ một vài cửa sổ, nhưng với khoảng cách tám trăm mét như thế, đến bắn trúng ngôi nhà cũng còn khó.

Trời quang và lạnh, đôi khi có nắng vào giữa trưa nhưng vẫn lạnh. Trên sườn đồi, đôi khi đã thấy xuất hiện những chồi nghệ dại hay cây irit, thế là mùa xuân đang đến, nhưng đến rất chậm. Đêm còn lạnh. Những hôm đi gác về vào lúc bình minh chúng tôi thường cùng nhau vét sạch những gì còn sót lại từ bữa ăn tối hôm trước rồi nhảy vào đám than hồng. Để giấy bị nướng chín, nhưng chân thì đỡ lạnh rất nhanh. Nhưng có những hôm phong cảnh bình minh trên những đỉnh đồi ở đây đẹp đến nỗi không ai cảm thấy hối tiếc khi phải chui khỏi chăn vào lúc sáng sớm. Tôi không thích cảnh đồi núi, nhưng đôi khi, nhìn ánh bình minh đang lên trên những ngọn núi phía sau trận địa, ngắm

những tia sáng màu vàng óng như những lưỡi kiếm xé toạc màn đêm và khoảng sáng rộng dần ra, biển mây màu đỏ chót biến mất trong khoảng không vô cùng vô tận, tôi thực sự không thấy hối tiếc vì đã phải thức suốt đêm, chân tay tê cứng và phải ba tiếng đồng hồ nữa mới được ăn sáng. Trong những ngày sống ở đây, tôi đã thấy nhiều buổi bình minh hơn tất cả thời gian trước đây cộng lại, và mong sao sau này cũng không còn phải dậy sớm thường xuyên như thế nữa.

Chúng tôi không có đủ người, thế có nghĩa là phải đứng gác lâu hơn và mệt mỏi hơn. Tôi bắt đầu cảm thấy thiếu ngủ, một hiện tượng không thể tránh được, ngay cả trên những mặt trận yên tĩnh nhất. Ngoài việc đứng gác và đi tuần, ban đêm còn thường xuyên có báo động, không có những chuyện đó cũng chẳng ai có thể ngủ đầy giấc trong những cái hố chật ních, chân tay thì tê buốt vì lạnh. Trong ba bốn tháng đầu tiên ở trên chiến tuyến có đến chục ngày tôi hoàn toàn không ngủ, nhưng mặt khác, cũng không được ngủ trọn giấc quá mười đêm. Ngủ hai mươi đến ba mươi giờ mỗi tuần là chuyện bình thường. Thiếu ngủ cũng không tai hại như ta có thể tưởng; đầu óc có thể mụ mị đi, leo lên leo xuống đồi có thể chậm chạp hơn, nhưng tâm trạng thì vẫn bình thường, chỉ có đói, đói khủng khiếp! Món ăn nào cũng ngon cả, ngay cả món đậu mà ngày nào chúng tôi cũng phải ăn, đến nỗi cuối cùng tất cả những ai từng đến Tây Ban Nha chỉ nhìn thấy đã phát khiếp. Nước, hay cái gọi là nước, được chở từ cách đây mấy cây số, trên lưng những con la hay những con lừa gầy nhom. Không hiểu vì sao người nông dân Aragon đối xử với la tử tế nhưng lại hay hành hạ lừa. Lừa không chịu đi sẽ bị đá ngay vào dái.

Không được phát nển nữa, diêm cũng chẳng còn bao nhiêu.

Người Tây Ban Nha dạy chúng tôi cách làm đèn đốt bằng dầu ôliu từ hộp sữa, vỏ đạn và một ít giẻ. Thịnh thoảng chúng tôi mới được phát dầu ôliu, ánh sáng vừa nhỏ vừa khói, chỉ sáng bằng một phần tư ngọn nến, nhưng cũng giúp tìm súng một cách dễ dàng hơn nhiều.

Có vẻ như sẽ chẳng bao giờ có đánh nhau. Khi rời Monte Pocero, tôi mang đạn ra đếm và phát hiện ra rằng trong suốt gần ba tuần tôi chỉ bắn có ba phát. Người ta bảo rằng phải một ngàn viên mới giết được một người, cứ đà này thì phải hai mươi năm may ra tôi mới giết được một tên phát xít. Tại Monte Oscuro, chiến hào ở gần nhau hơn, bắn nhiều hơn, nhưng tôi có đủ lí do để tin rằng mình chưa bắn trúng người nào. Sự thật là, tại mặt trận này và trong giai đoạn này, vũ khí không phải là súng đạn mà là loa phóng thanh. Không thể giết được kẻ thù, chúng tôi đành quát tháo chúng vậy. Đây là một cách tiến hành chiến tranh độc đáo, cần phải giải thích một chút.

Khi chiến lũy hai bên gần nhau, hò hét cũng là một cách tốt. Chúng tôi thường hò: “Fascistas - maricones!”¹. Phát xít trả lời: “Viva España! Viva Franco!”², còn khi biết có người Anh ở đây thì chúng hò: “Người Anh cút đi! Chúng tôi không muốn người ngoại quốc ở đây!” Quân đội chính phủ cũng như lực lượng dân quân của các đảng phái có hẳn kĩ thuật tuyên truyền bằng cách hò hét nhằm phân hoá hàng ngũ của kẻ thù. Khi có điều kiện, bao giờ người ta cũng giao cho các chiến sỹ, thường là các xạ thủ pháo binh loa và bảo hô cho thật to. Họ thường hô các khẩu hiệu đầy tinh thần cách mạng, nhằm giải thích cho binh lính phía phát xít rằng chúng chỉ là tay sai của chủ nghĩa phát xít quốc tế, rằng chúng đang chiến đấu chống lại chính giai cấp của mình .v.v.. và

thúc giục họ chạy sang phía chúng tôi. Việc hô khẩu hiệu có khi kéo dài suốt đêm, toán này mệt thì có toán khác đến thay. Chắc chắn là có hiệu quả, mọi người đều tin rằng quân phát xít đào ngũ một phần là do kết quả của việc tuyên truyền như thế. Quả thật, một người lính gác, nếu lại đã từng là đảng viên xã hội hay đoàn viên công đoàn vô chính phủ bị bắt nhập ngũ, đang chết công trên vọng gác thì khẩu hiệu “Đừng chống lại chính giai cấp của mình” được nhắc đi nhắc lại trong đêm tối sẽ buộc anh ta phải suy nghĩ. Đây có thể là giọt nước làm lệch cán cân “đào ngũ - không đào ngũ”. Dĩ nhiên chuyện này không phù hợp với quan niệm của người Anh về chiến tranh. Phải công nhận rằng tôi đã ngạc nhiên, thậm chí khó chịu khi chứng kiến cảnh tượng đó lần đầu tiên. Thuyết phục kẻ thù trong khi đang ra phải cho nó một phát! Bây giờ, tôi công nhận rằng dù đứng trên quan điểm nào thì đây cũng là cách làm chấp nhận được. Trong cuộc trận địa chiến binh thường, lại thiếu pháo binh, thật khó tiêu hao được lực lượng địch nếu không muốn có số người bị thương vong tương tự bên phía mình. Nếu có thể làm cho chỉ một số người đào ngũ thôi thì cũng tốt rồi, bọn đào ngũ có ích hơn là mấy cái xác chết vì chúng có thể cho biết thông tin. Nhưng thời gian đầu chúng tôi rất chán nản, chúng tôi nghĩ rằng người Tây Ban Nha thiếu nghiêm túc đối với cuộc chiến này. Người làm nhiệm vụ hô khẩu hiệu trên chốt của lực lượng P.S.U.C., nằm ở bên phải chúng tôi, là một chuyên gia trong lĩnh vực này. Đôi khi, thay vì hô khẩu hiệu cách mạng, anh ta lại bảo bọn phát xít rằng chúng tôi được ăn uống tốt hơn chúng. Dĩ nhiên là khẩu phần có tương tượng thêm. “Bánh mì chiên bơ!”, giọng anh ta vang xa khắp thung lũng. “Chúng tớ đang ngồi cạnh đĩa bánh mì chiên bơ! Thom ơi là thom!” Không

ngghi ngờ gì rằng, giống như tất cả chúng tôi, cả tuần nay, thậm chí cả tháng nay anh ta không nhìn thấy miếng bánh mì chiên bơ nào, nhưng trong cái đêm lạnh lẽo này câu chuyện bánh mì chiên bơ chắc chắn đã làm nhiều tên phát xít phải rỏ dãi. Tôi cũng rỏ dãi, tuy biết rằng anh ta xạo.

Một lần, vào tháng hai, chúng tôi trông thấy một chiếc phi cơ phát xít bay lại gần. Như mọi khi, chúng tôi lôi súng máy ra chỗ đất trống, hướng nòng lên cao và nằm ngửa để ngắm cho dễ. Vị trí đơn độc của chúng tôi không đáng ném bom, trước đây máy bay phát xít thường bay vòng qua để tránh đạn súng máy. Lần này phi cơ bay thẳng qua đầu, nhưng rất cao, không thể bắn tới; từ trong bụng nó tung ra một cái gì đó màu trắng giống như những tờ giấy, vừa rơi vừa lật qua lật lại mãi trên đầu. Có mấy tờ rơi đúng vào chốt của chúng tôi. Hoá ra là tờ báo *Heraldo de Aragón*, đưa tin chúng đã chiếm được Malaga.

Đêm đó bọn phát xít tung ra một trận tấn công, nhưng không thành. Tôi vừa đi nằm, mệt muốn chết được, thì bỗng nghe một loạt đạn nổ ngay trên đầu, rồi có người thò đầu vào công sự, hét: “Chúng tấn công rồi!” Tôi vội lấy khẩu súng và lao lên vị trí của mình ở trên đỉnh đồi, ngay cạnh khẩu súng máy. Tối như hũ nút, ồn ào như vỡ chợ. Chúng bắn như vãi đạn, tôi nghĩ phải đến năm khẩu súng máy đang bắn chứ không ít, một loạt lựu đạn nổ, bọn phát xít ném ngay vào bờ công sự của chúng. Tối quá. Bên dưới thung lũng, về phía bên trái, tôi nhìn thấy những luồng đạn súng trường màu xanh. Chắc là một nhóm tuần tra phát xít đã tham chiến. Đạn bay vèo vèo xung quanh chúng tôi. Có những quả đạn cối bay ngang qua đầu và rơi ở đâu đó khá xa, phần lớn (chuyện thường ngày ở đây) không nổ. Tôi bỗng phát hoảng khi

nghe thấy tiếng súng máy nổ trên đỉnh đồi phía sau, hoá ra đấy là lực lượng tăng viện, nhưng lúc đó lại ngỡ là chúng tôi đã bị bao vây. Lúc đó súng máy của chúng tôi đang bị hóc, nó thường bị hóc vì đạn quá kém, tối quá, không thấy cái thông nòng đâu. Không thể làm được gì, chỉ mỗi việc đứng đây và đợi một phát đạn vào đầu. Các xạ thủ súng máy người Tây Ban Nha không chịu nấp, họ còn cố tình phơi mình ra trước làn đạn, tôi phải làm theo họ. Hành động này, dù chẳng có ý nghĩa gì, đã để lại cho tôi cảm giác rất thú vị. Nói cho ngay, đây là lần đầu tiên tôi đứng dưới làn đạn. Thật xấu hổ vì tôi thấy mình sợ run lên. Dưới làn đạn, ai cũng cảm thấy như thế cả, không phải là sợ bị bắn mà là không biết sẽ bị bắn vào đâu. Người ta luôn tự hỏi không biết sẽ trúng vào đâu và mọi chỗ trên người đều trở nên nhạy cảm hơn rất nhiều.

Khoảng một hai giờ sau, tiếng súng bắt đầu vãn dần rồi ngừng hẳn. Bên chúng tôi chỉ có một người bị thương. Bọn phát xít đã đưa mấy khẩu súng máy ra vùng đất tranh chấp, nhưng vẫn giữ khoảng cách và không có ý định tràn vào chốt của chúng tôi. Thực ra, chúng không tấn công, chỉ bắn phí đạn, cốt yếu là gây ồn ào để chào mừng việc chiếm được Malaga. Sau chuyện này tôi rút ra được bài học là phải cẩn thận với tin tức chiến sự trên các báo. Một hai ngày sau báo chí và đài phát thanh đều đưa tin là quân tình nguyện anh hùng người Anh đã đẩy lui được cuộc tấn công của kỵ binh và xe tăng phát xít (trên sườn đồi gần như thẳng đứng!)

Ban đầu chúng tôi cho rằng tin bọn phát xít chiếm được Malaga là造谣, nhưng ngày hôm sau thì có nhiều tin đồn và vài ngày sau nữa thì có thông báo chính thức. Phải một thời gian sau toàn bộ câu chuyện nhục nhã này mới loang ra hết, nào là thành phố đã di tản mà không hề kháng cự, nào là sự điên rồ

của quân đội Ý không đổ lên đầu quân đội cộng hoà mà lại đổ lên đầu dân chúng, có người bị săn đuổi và bị bắn chết bằng súng cối khi đã đi cách xa thành phố hàng trăm cây số. Tin tức như một gáo nước lạnh dội lên toàn bộ mặt trận; dù sao mặc lòng, tất cả dân quân đều tin rằng Malaga thất thủ là do có kẻ nào đó đã phản bội. Đây là lần đầu tiên tôi nghe nói tới chuyện phản bội hay là sự thiếu nhất trí về mục tiêu. Lần đầu tiên trong đầu tôi xuất hiện một mối nghi ngờ, tuy không rõ rệt, về cuộc chiến tranh này, một cuộc chiến tranh mà trước đó chính tà đã được xác định một cách cực kì đơn giản.

Chúng tôi rời Monte Oscuro vào giữa tháng hai và được đưa, cùng với lực lượng P.O.U.M. đóng trong khu vực này, vào đơn vị tham gia bao vây Huesca. Xe ô tô tải đưa chúng tôi đi qua một bình nguyên dài tám mươi kilomet giữa mùa đông lạnh giá, nơi những giàn nho chưa kịp đâm chồi, vài nhánh lúa mạch mới kịp nhú ra trên những thửa ruộng lổn nhổn. Huesca, nhỏ tí và quang đãng, nằm cách chiến hào mới của chúng tôi chừng bốn kilomet, trông như thành phố của những ngôi nhà búp bê vậy. Mấy tháng trước đây, sau khi chiếm được Sietamo, viên tướng chỉ huy các đơn vị của chính phủ đã vui vẻ nói: “Ngày mai chúng ta sẽ uống cà phê ở Huesca.” Nhưng ông đã lầm. Đã diễn ra những cuộc tấn công đẫm máu, nhưng vẫn không chiếm được thành phố và “Ngày mai chúng ta sẽ uống cà phê ở Huesca” trở thành trò cười cho toàn thể bộ đội. Nếu có dịp trở lại Tây Ban Nha, nhất định tôi phải đến Huesca để uống một li cà phê.

¹ Phát xít hèn nhát!

² Tây Ban Nha muôn Năm - Franco muôn năm!

5

Đến mãi cuối tháng ba, ở mặt trận phía đông Huesca vẫn không có sự cố nào, nói chính xác thì gần như không có sự cố nào. Chúng tôi đóng cách quân địch hai trăm mét. Khi bọn phát xít bị đánh bật trở lại Huesa, quân đội cộng hòa đã không hăng hái tiến công cho nên chiến tuyến ở khu vực này có hình một cái móng ngựa. Sau này, khi quân ta chuyển sang tấn công, sẽ phải nắn thẳng chiến tuyến - dưới hỏa lực của địch, đấy không phải là việc dễ - nhưng hiện giờ có thể coi là quân địch không hề tồn tại; chúng tôi chỉ phải lo mỗi một việc là giữ cho ấm và tìm cho đủ thức ăn. Nhưng trên thực tế, giai đoạn này có nhiều chuyện khá hay, tôi sẽ kể sau. Hiện thời tôi sẽ cố gắng bám sát các sự kiện nhằm trình bày cho được phần nào nội tình chính trị bên phía chính phủ.

Thời gian đầu tôi không để ý đến khía cạnh chính trị của cuộc chiến, chỉ đến mãi giai đoạn này chính trị mới bắt đầu thu hút sự chú ý của tôi. Độc giả nào không quan tâm tới những sự thật ghê tởm đằng sau chính sách của các đảng phái có thể bỏ qua chương này; tôi cố gắng tách lĩnh vực chính trị thành một chương riêng là có ý như thế. Nhưng đồng thời, chỉ đứng trên góc độ quân sự thì không thể nào mô tả được cuộc chiến tranh

ở Tây Ban Nha. Đây trước hết là cuộc chiến tranh chính trị. Nếu không biết những cuộc đấu đá giữa các đảng phái phía sau chiến tuyến của quân đội chính phủ thì ta sẽ không thể hiểu được bất cứ sự kiện nào, nhất là năm đầu tiên.

Khi mới tới Tây Ban Nha và cả một thời gian sau đó, tôi không những không quan tâm mà còn mù tịt về tình hình chính trị ở đây nữa. Tôi biết là đang có chiến tranh, nhưng không biết người ta đánh nhau vì chuyện gì. Nếu ai hỏi tôi tại sao lại tham gia dân quân thì chắc chắn tôi sẽ nói: “Để chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít”, còn nếu hỏi tôi chiến đấu vì cái gì thì tôi sẽ nói: “Vì sự tử tế nói chung”. Tôi đồng ý với định nghĩa về cuộc chiến của tờ *News Chronicle-New Statesman* rằng đây là sự tự vệ của nền văn minh nhằm chống lại cuộc bạo động điên rồ của lực lượng quân sự dưới quyền đại tá Blimp¹ được Hitler trả lương. Không khí cách mạng ở Barcelona có sức hấp dẫn to lớn đối với tôi, nhưng tôi lại không chịu bỏ công tìm hiểu xem thực chất của cuộc cách mạng ấy là gì. Đủ thứ đảng phái và tổ chức công đoàn, với những cái tên chán ngắt - P.S.U.C., P.O.U.M., F.A.I., C.N.T²., U.G.T³., J.C.I⁴., J.S.U⁵., A.I.T. - chỉ làm tôi bức mình thêm. Mới nhìn người ta có thể nghĩ rằng Tây Ban Nha đang mắc căn bệnh viết tắt. Tôi biết rằng mình đang phục vụ trong đơn vị mang tên P.O.U.M. (Tôi tham gia vào lực lượng dân quân P.O.U.M. chứ không phải lực lượng khác đơn giản vì tôi đến Barcelona theo giấy giới thiệu của I.L.P⁶.), nhưng tôi đâu có biết rằng có sự khác biệt rất lớn giữa các đảng phái ở đây. Tại Monte Pocero, khi người ta chỉ vào chốt bên trái chúng tôi và bảo: “Đây là những người xã hội chủ nghĩa” (ý nói P.S.U.C.), tôi đã ngạc nhiên và hỏi: “Thế chúng ta không phải là xã hội chủ

nghĩa à?” Tôi cho rằng chỉ những người ngu mới phân biệt đảng nọ đảng kia trong khi đang chiến đấu giữa sống và chết. Quan điểm của tôi luôn luôn là: “Vứt hết những thứ đảng phái nhằm nhĩ ấy đi để tập trung sức lực cho cuộc chiến”. Tất nhiên đây là thái độ “chống phát xít” đúng đắn mà báo chí Anh cố tình gieo rắc nhằm đánh lạc hướng, cản trở quần chúng hiểu bản chất của cuộc đấu tranh này. Nhưng ở Tây Ban Nha, đặc biệt là ở Catalonia, không ai có thể giữ vững được quan điểm như thế. Dù muốn dù không, trước sau gì người ta cũng phải ngã về một bên nào đó. Ngay cả một người không quan tâm đến các đảng phái và “đường lối” của chúng thì người đó cũng phải biết rằng đây là vấn đề vận mệnh của chính anh ta. Mỗi chiến sỹ dân quân là một người lính trên mặt trận chống Franco, nhưng anh ta còn là một con tốt trong cuộc quyết đấu giữa hai học thuyết chính trị nữa. Khi bò đi tìm củi bên sườn đồi, tôi thường tự hỏi đây có phải là cuộc chiến tranh hay chỉ là trò hề như tờ *News Chronicle* nói, khi tôi lẩn tránh làn đạn súng máy của những người cộng sản trong cuộc nổi loạn ở Barcelona; khi, cuối cùng, tôi trốn khỏi Tây Ban Nha dưới sự săn lùng sát gót của cảnh sát - tất cả những chuyện đó đã xảy ra với tôi là vì tôi phục vụ trong lực lượng dân quân P.O.U.M. chứ không phải trong lực lượng P.S.U.C. Sự khác nhau giữa những chữ viết tắt này thật là to lớn vậy!

Muốn hiểu được phân bố lực lượng bên phía chính phủ, cần phải biết cuộc chiến tranh đã bắt đầu như thế nào. Khi cuộc chiến bùng nổ vào ngày 18 tháng 7 chắc hẳn tất cả những người chống phát xít ở châu Âu đều tràn trề hi vọng. Vì cuối cùng cũng đã có một chính phủ dân chủ đứng lên chống lại

chủ nghĩa phát xít. Đã nhiều năm qua, cái gọi là các nước dân chủ luôn luôn nhượng bộ chủ nghĩa phát xít. Họ đã để cho người Nhật làm mọi điều họ muốn ở Mãn Châu. Hitler đã giành được quyền lực và tiến hành việc thủ tiêu tất cả những người đối lập đủ mọi màu sắc. Mussolini ném bom Abyssinia ngay cả khi năm mươi ba (hi vọng là tôi không lầm) quốc gia cùng đồng thanh nói “không!” Nhưng khi Franco định lật đổ chính phủ trung tả thì nhân dân Tây Ban Nha đã gây bất ngờ cho tất cả mọi người, họ đã đứng lên chống lại hắn. Có vẻ như đây chính là một bước ngoặt, hoàn toàn có thể như thế.

Nhưng mọi người đã bỏ qua một vài sự kiện. Thứ nhất, không thể đánh đồng Franco với Hitler và Mussolini được. Vụ nổi loạn chỉ là một cuộc binh biến được giới quý tộc và nhà thờ ủng hộ mà thôi. Mục đích của cuộc nổi dậy, nhất là thời gian đầu, là khôi phục chế độ phong kiến chứ không hẳn là thiết lập chế độ phát xít. Kết quả là không chỉ giai cấp công nhân mà cả giai cấp tư sản tự do, tức là những người ủng hộ chủ nghĩa phát xít, nếu như nó xuất hiện dưới hình thức hiện đại hơn, cũng đứng lên chống lại Franco. Quan trọng hơn là giai cấp công nhân Tây Ban Nha đứng lên chống lại Franco không phải vì dân chủ hay nhằm bảo tồn tình trạng hiện tại, như giai cấp công nhân Anh có thể làm chẳng hạn; cuộc kháng chiến của giai cấp công nhân Tây Ban Nha đi liền với - thực ra có thể nói - là một cuộc bùng nổ cách mạng. Nông dân chiếm ruộng đất, công đoàn chiếm giữ các nhà máy và hầu hết phương tiện vận tải, nhà thờ bị đập phá, tu sĩ thì bị đuổi đi hoặc bị giết hại. Từ *Daily Mail*, được giới tăng lữ của nhà thờ Thiên chúa giáo ủng hộ, đã viết về Franco như một người yêu nước, đang cứu đất nước khỏi

bọn “đỏ” mọi rợ.

Trong mấy tháng đầu, kẻ thù của Franco không hẳn là lực lượng chính phủ mà chính là các công đoàn. Ngay khi nổ ra bạo loạn, giai cấp công nhân có tổ chức ở đô thị đã đáp lại bằng những cuộc tổng đình công, sau đó thì đòi và qua đấu tranh đã nhận được vũ khí từ kho của chính phủ. Nếu công nhân không tự động đứng lên và không hành động một cách tương đối độc lập thì có thể Franco sẽ không gặp phải bất kì sự kháng cự nào. Không thể khẳng định như thế, nhưng có cơ sở để nghi như thế. Chính phủ không làm hoặc gần như không làm gì để ngăn chặn cuộc bạo loạn, một cuộc bạo loạn đã được dự đoán từ lâu. Còn khi cuộc bạo loạn bùng nổ thì chính phủ lại lúng túng và phản ứng một cách yếu ớt đến nỗi trong có mấy ngày Tây Ban Nha đã thay đến ba thủ tướng⁷. Mặc dù muốn cứu được tình hình thì chỉ có một cách: phát súng cho công nhân, nhưng người ta đã lưỡng lự và chỉ làm như thế do áp lực của quần chúng quá mạnh. Cuối cùng, súng đã được phân phát và tại các thành phố lớn ở phía Đông, nhờ những cố gắng vượt bậc của giai cấp công nhân và lực lượng còn trung thành với chính phủ (cảnh sát vũ trang...) quân phát xít đã bị đánh tan. Những cố gắng như thế, tôi nghĩ, chỉ có thể xảy ra khi nhân dân chiến đấu với tinh thần cách mạng, nghĩa là khi họ tin rằng đang chiến đấu vì một cái gì đó cao quý hơn tình trạng hiện tại. Đôi khi chỉ trong một ngày đã có đến ba ngàn người hi sinh trong những trận chiến đấu trên đường phố. Những người đàn ông và đàn bà, chỉ được trang bị mấy quả mìn, đã lao qua những khoảng sân trống trải và tấn công những ngôi nhà do binh lính được huấn luyện kĩ càng, được trang bị súng máy chiếm giữ. Những

chiếc xe taxi chạy với tốc độ một trăm cây số một giờ lao thẳng vào các ổ súng máy nằm trên các vị trí chiến lược. Ngay cả khi người ta không có tin tức gì về việc nông dân chiếm đất hay việc thành lập các Xô Viết địa phương thì người ta cũng khó mà tin rằng những người vô chính phủ và những người xã hội chủ nghĩa, tức là thành phần cốt cán của phong trào kháng chiến, lại làm những việc như thế để bảo vệ nền dân chủ tư sản, đặc biệt là những người vô chính phủ, vốn coi chế độ dân chủ tư sản chỉ là bộ máy tập trung nhằm lừa bịp quần chúng mà thôi.

Trong khi đó, công nhân đã nắm được vũ khí và lúc này họ không có ý định giao nộp lại. (Một năm sau người ta tính được rằng các đoàn viên công đoàn vô chính phủ ở Catalonia còn giữ tổng cộng 30.000 khẩu súng trường). Tại nhiều địa phương, tài sản của các đại diện chủ ủng hộ Franco đã bị nông dân tịch thu. Cùng với việc tập thể hóa trong lĩnh vực công nghiệp và giao thông vận tải; mầm mống chính quyền của giai cấp công nhân, đây là các ủy ban, cũng đã được thành lập; lực lượng cảnh sát tư sản cũ được thay bằng các đội tuần tra của công nhân; công đoàn đứng ra thành lập các đội dân quân tự vệ, v.v. Dĩ nhiên là phong trào không diễn ra một cách đồng đều, mạnh nhất là ở Catalonia. Có những nơi chính quyền địa phương vẫn còn nguyên như cũ, có nơi thì song song tồn tại bên cạnh các ủy ban cách mạng. Tại một vài địa phương, người ta còn thành lập được cả các công xã vô chính phủ nữa, sau gần một năm các công xã này mới bị chính phủ đàn áp. Trong những tháng đầu tiên, chính quyền ở Catalonia gần như nằm hoàn toàn trong tay các công đoàn vô chính phủ vì họ kiểm soát được hầu như toàn bộ các ngành công nghiệp chủ lực của thành phố. Trên

thực tế, những sự kiện ở Tây Ban Nha chứng tỏ rằng đây không đơn thuần là một cuộc nội chiến mà là khởi đầu của một cuộc cách mạng. Báo chí chống phát xít ở bên ngoài Tây Ban Nha đã tìm mọi cách che dấu sự kiện này. Vấn đề đã bị thu hẹp lại thành cuộc đấu tranh “của chủ nghĩa phát xít chống lại nền dân chủ” còn khía cạnh cách mạng của các sự kiện thì bị người ta tìm mọi cách dấu nhẹm đi. Ở Anh, nơi báo chí bị chính quyền trung ương kiểm soát kĩ và dân chúng dễ bị lừa bịp hơn các nước khác, chỉ có hai cách giải thích về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha được phép công bố: Cảnh hữu nói rằng đây là cuộc chiến đấu của những người Thiên chúa giáo yêu nước chống lại bọn Bolsevik khát máu, còn phái tả thì lại nói rằng đây là những người cộng hòa hào hoa phong nhã đang dẹp loạn. Bản chất của các sự kiện đã được che dấu một cách thành công.

Có mấy lí do. Đầu trước hết là sự dối trá về những hành động đã man của những người cộng hòa mà báo chí thân phát xít bịa đặt ra và những người làm công tác tuyên truyền hảo tâm nghĩ rằng phủ nhận việc Tây Ba Nha “đỏ hóa” là họ đang giúp đỡ chính phủ nước này. Nhưng lí do chính lại là: trừ một vài nhóm cách mạng nhỏ mà nước nào cũng có, toàn thế giới lúc đó quyết tâm dập tắt ngọn lửa cách mạng ở Tây Ban Nha. Đặc biệt là Đảng cộng sản, được nước Nga Xô Viết hậu thuẫn, đã tìm mọi cách để ngăn chặn cuộc cách mạng. Cộng sản khẳng định rằng cách mạng lúc này là tự sát và mục tiêu của họ không phải là chính quyền của giai cấp công nhân mà là chế độ dân chủ tư sản. Có lẽ chẳng cần phải nói rõ vì sao những nhà tư sản “tự do” lại có cùng quan điểm như thế. Đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Tây Ban Nha. Thí dụ,

Anh đã đầu tư vào Công ty Vận Tải Barcelona mười triệu bảng, trong khi đó công đoàn lại tịch thu toàn bộ phương tiện vận tải ở Catalonia. Nếu cách mạng tiến triển thêm thì sẽ không có đền bù hoặc sẽ được đền bù rất ít; còn nếu chế độ cộng hòa tư sản thắng lợi thì vốn đầu tư nước ngoài sẽ được bảo toàn. Người ta đã quyết tâm bóp chết cuộc cách mạng, cho nên tốt nhất là lờ nó đi. Bằng cách đó, người ta có thể che dấu được bản chất của bất cứ sự kiện nào, những vụ chuyển giao quyền lực từ công đoàn sang cho chính phủ đều chỉ được coi là một bước cần thiết trong việc tái cơ cấu lực lượng võ trang. Tình hình lúc đó quả thật là rất lạ lùng. Ở bên ngoài, ít người biết rằng đang diễn ra một cuộc cách mạng; còn ở bên trong thì đây lại không phải là chuyện phải bàn. Ngay cả những tờ báo của P.S.U.C., do cộng sản kiểm soát, dù ít dù nhiều đều thực thi đường lối phản cách mạng, cũng nói đến “cuộc cách mạng vinh quang của chúng ta”. Cùng lúc, báo chí cộng sản ngoại quốc lại đồng thanh hò hét rằng không hề có dấu hiệu cách mạng, không có chuyện chiếm nhà máy hay thành lập các ủy ban công nhân, v.v. mà nếu có thì cũng “chẳng có ý nghĩa chính trị nào”. Tờ *Daily Worker* (ngày 6 tháng 8 năm 1936) còn tuyên bố rằng chỉ có những kẻ vô lại đối trá trắng trợn mới có thể nói rằng nhân dân Tây Ban Nha không phải đang chiến đấu cho nền dân chủ tư sản mà là chiến đấu cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hay bất cứ cái gì khác. Nhưng mặt khác, tháng 2 năm 1937, Juan López, một thành viên của chính quyền Valencia, lại tuyên bố rằng “nhân dân Tây Ban Nha đang đổ máu không phải cho nước Cộng hòa dân chủ và bản Hiến pháp trên giấy của nó mà đang chiến đấu cho cách mạng”. Hóa ra “những kẻ vô lại đối trá

trắng trợn” đã len lỏi được vào cả cái chính phủ mà chúng tôi đang bảo vệ. Một số tờ báo chống phát xít ở nước ngoài còn hạ mình đến mức dối trá khi viết rằng chỉ những nhà thờ bị quân phát xít chiếm đóng và biến thành các pháo đài mới bị tấn công cướp phá. Trên thực tế, nhà thờ ở khắp nơi đều bị cướp bóc và là hiện tượng đương nhiên vì người ta cho rằng nhà thờ Tây Ban Nha là tay sai của bọn tư sản. Trong suốt sáu tháng ở Tây Ban Nha, tôi chỉ trông thấy có hai nhà thờ không bị cướp bóc và cho đến tháng 7 năm 1937, trừ một vài nhà thờ của đạo Tin Lành ở Madrid, tất cả những nhà thờ khác đều chưa được mở cửa và chưa được làm lễ trở lại.

Nhưng đây chỉ là sự khởi đầu, chưa phải là sự kết thúc của cách mạng. Ngay cả khi công nhân có đủ điều kiện (Catalonia rõ ràng là như thế, những chỗ khác có thể cũng như vậy) họ vẫn không lật đổ chính quyền hay nắm lấy toàn bộ quyền lực. Rõ ràng là họ không thể làm như thế khi quân của Franco đang đóng ngay tại cửa ngõ thành phố và một bộ phận giai cấp trung lưu còn đứng về phía chúng. Đất nước đang đứng trước ngã ba đường, có thể phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa, mà cũng có thể quay trở lại thành nước cộng hòa tư sản bình thường. Nông dân đã nắm được phần lớn ruộng đất và muốn giữ lại, đấy là nói nếu Franco thất bại; tất cả các ngành công nghiệp chính đều đã được tập thể hóa, nhưng có còn tập thể hóa nữa hay sẽ trở lại chế độ tư bản, nhóm giành được quyền kiểm soát sẽ có tiếng nói quyết định chung cuộc. Thời gian đầu, có thể nói một cách chần chừ rằng cả chính phủ trung ương lẫn chính quyền nửa tự trị ở Catalonia đều là đại diện của giai cấp công nhân. Trong chính phủ do Caballero, một đảng viên xã hội cánh tả,

đứng đầu, có các bộ trưởng đại diện cho U.G.T. (Công đoàn xã hội chủ nghĩa) và C.N.T. (Liên hiệp công đoàn nằm dưới sự lãnh đạo của những người vô chính phủ). Chính quyền Catalonia được thay thế bằng Ủy ban quân sự chống phát xít, đa số thành viên Ủy ban này là người của các tổ chức công đoàn. Sau này, Ủy ban quân sự bị giải tán, chính quyền Catalonia được tổ chức lại, bao gồm đại diện các công đoàn và đảng phái cánh tả khác nhau. Nhưng mỗi lần cải tổ là chính phủ lại ngã sang hữu một chút. Tại Catalonia, đầu tiên là P.O.U.M. bị đẩy ra, sáu tháng sau đến lượt Caballero bị Negrín, một đảng viên xã hội cánh hữu thay thế; ngay sau đó C.N.T. bị loại khỏi chính phủ trung ương, rồi U.G.T. và C.N.T. cũng bị bật ra khỏi chính quyền Catalonia. Cuối cùng, một năm sau khi chiến tranh nổ ra, chính phủ gồm toàn những đảng viên xã hội cánh hữu, các đảng theo đường lối tự do và những người cộng sản mà thôi.

Việc ngã sang phái hữu một cách toàn diện bắt đầu diễn ra từ tháng 10, tháng 11 năm 1936, đúng vào lúc Liên Xô bắt đầu cung cấp vũ khí cho chính phủ và quyền lực chuyển từ tay những người vô chính phủ sang những người cộng sản. Ngoài Liên Xô và Mexico, chẳng có nước nào chịu cứu chính phủ Tây Ban Nha; mà Mexico, vì những lí do dễ hiểu, cũng chẳng cung cấp được bao nhiêu. Kết quả là người Nga có quyền ra điều kiện. Chắc chắn các điều kiện đó phải là: “Các vị hãy chấm dứt những hành động cách mạng đi, nếu không chúng tôi sẽ không cung cấp vũ khí nữa”. Không nghi ngờ gì rằng biện pháp đầu tiên là nhằm chống lại các thành phần cách mạng, tức là đẩy P.O.U.M. ra khỏi chính quyền Catalonia, cũng được thực hiện theo lệnh của Liên Xô. Những lời phủ nhận việc Liên Xô can

thiếp trực tiếp đều chẳng có mấy giá trị vì ai cũng biết rằng đảng cộng sản tất cả các nước đều thực thi đường lối chính trị của nước Nga, đồng thời không ai phủ nhận việc Đảng cộng sản Tây Ban Nha là lực lượng chủ chốt trong cuộc đấu tranh, trước hết là chống lại P.O.U.M., và sau đó là chống lại những người vô chính phủ và cánh xã hội chủ nghĩa do Caballero cầm đầu, nghĩa là chống lại đường lối cách mạng nói chung. Một khi Liên Xô đã can thiệp thì đảng cộng sản nhất định sẽ thắng lợi. Trước hết, lòng biết ơn Liên Xô và sự kiện là đảng cộng sản, sau khi các binh đoàn quốc tế kéo tới, có vẻ sẽ là người chiến thắng đã làm cho uy tín của cộng sản dâng cao trông thấy. Thứ hai, vũ khí của Nga được cấp qua đảng cộng sản và những đảng nằm trong liên minh với họ. Cộng sản còn tìm mọi cách để vũ khí không lọt vào tay các lực lượng đối lập nữa⁸. Thứ ba, bằng cách tuyên bố cương lĩnh phi cách mạng, cộng sản đã lôi kéo được tất cả những người vốn sợ các lực lượng cực đoan. Thí dụ, người ta có thể dễ dàng động viên được những người nông dân khá giả đứng lên chống lại chính sách tập thể hóa của những người vô chính phủ. Số lượng đảng viên tăng lên nhanh chóng, phần lớn xuất thân từ giai cấp trung lưu, như những người buôn bán nhỏ, viên chức, sỹ quan quân đội, trung nông lớp trên... Vẫn phải tiếp tục cuộc chiến đấu chống Franco, nhưng đồng thời chính phủ lại đặt ra mục tiêu giành bằng được quyền lực từ tay các tổ chức công đoàn, việc này được thực hiện bằng hàng loạt các hành động nhỏ lẻ, mà có người gọi là chính sách đâm bằng kim, nhưng nói chung là rất khôn khéo. Những biện pháp phản cách mạng một cách rõ rệt đã không được thực hiện và đến tận tháng 5 năm 1937 vẫn chưa cần sử dụng lực lượng quân sự.

Chỉ cần dùng những lí lẽ rất rõ ràng như thế này cũng có thể buộc được công nhân vâng lời: “Nếu các anh không làm việc này hay việc này thì chúng ta sẽ thua trận mất thôi”. Chẳng cần phải nói rằng nhân danh các mục tiêu quân sự bao giờ người ta cũng đòi hỏi giai cấp công nhân phải từ bỏ những thành quả mà họ đã giành được vào năm 1936. Nhưng lí lẽ này ít khi thất bại bởi vì các đảng cách mạng chẳng bao giờ muốn thua trận; thua trận có nghĩa là dân chủ, cách mạng, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa vô chính phủ sẽ trở thành những từ sáo rỗng. Vô chính phủ là đảng cách mạng lớn, mà người ta không thể bỏ qua, cũng buộc phải lùi từng bước một. Quá trình tập thể hóa đã bị chặn đứng, các ủy ban địa phương bị giải tán, các đội tuần tra của công nhân bị giải thể, còn lực lượng cảnh sát trước chiến tranh thì được tăng cường và được trang bị nhiều loại vũ khí tốt. Các xí nghiệp công nghiệp chủ lực do công đoàn kiểm soát được chuyển giao cho chính phủ (việc chiếm Trung tâm viễn thông Barcelona đã dẫn đến những trận đánh vào tháng 5 là một trong những vụ rắc rối của quá trình này); cuối cùng, điều quan trọng nhất đã xảy ra, đó là các đơn vị dân quân do công đoàn tổ chức bị giải tán dần và phiên chế vào Quân đội Nhân dân vừa được thành lập, đây là một đội quân “phi chính trị” theo đường lối nửa tư sản, nghĩa là cũng trả lương theo chức vụ, cũng có tầng lớp sỹ quan có nhiều đặc quyền, đặc lợi..v.v.. Trong tình hình đặc thù lúc đó, đây là bước đi có tính chất quyết định. Ở Catalonia, việc giải thể các đơn vị dân quân diễn ra sau cùng vì các đảng cách mạng ở đây mạnh hơn các nơi khác. Rõ ràng là công nhân chỉ có thể giữ được thành quả nếu họ kiểm soát được một số đơn vị vũ trang nào đó. Người

ta thường viện cớ tăng cường hiệu quả chiến đấu để giải thể lực lượng dân quân, dĩ nhiên là không ai phủ nhận sự cần thiết của việc tái tổ chức lực lượng vũ trang rồi. Hoàn toàn có thể sắp xếp lại lực dân quân, tăng cường hiệu quả cho nó trong khi vẫn để nó nằm dưới quyền kiểm soát của công đoàn, nhưng mục đích chính ở đây lại là không để cho những người vô chính phủ có quân đội riêng nữa. Hơn nữa, tinh thần dân chủ của dân quân lại là mảnh đất màu mỡ cho các tư tưởng cách mạng. Cộng sản hiểu rõ chuyện đó và kịch liệt công kích nguyên tắc trả lương như nhau cho cả lính lẫn quan của P.O.U.M. và những người vô chính phủ. Việc “tư sản hóa” và thủ tiêu một cách có chủ đích tinh thần bình đẳng từng tồn tại trong những tháng đầu tiên của cách mạng đã được thực hiện trên cả nước. Sự việc diễn ra nhanh đến nỗi những khách tham quan trở lại sau vài tháng đã nói rằng dường như đây đã là một nước khác. Cái đất nước mới nhìn thì tưởng như của công nhân đã nhanh chóng biến thành nhà nước cộng hòa tư sản bình thường, cũng chia ra kẻ giàu, người nghèo. Mùa thu năm 1937, “đảng viên xã hội” Negrín đã công khai tuyên bố rằng “chúng tôi tôn trọng sở hữu tư nhân”, còn các đại biểu Cortes⁹, những người hồi đầu chiến tranh bị nghi là có cảm tình với phát xít, đã trở lại Tây Ban Nha.

Có thể dễ dàng hiểu được toàn bộ quá trình này nếu ta nhớ lại rằng đây là kết quả của cái liên minh tạm thời giữa công nhân và tư sản mà chủ nghĩa phát xít, trong những biểu hiện của nó, đã buộc họ phải kí với nhau. Liên minh này, được người ta biết đến với tên là Mặt trận Nhân dân, thực chất là liên minh của những phe đối kháng, chắc chắn sẽ phải cáo chung bằng việc một bên nuốt sống bên kia. Ở Tây Ban Nha, điều làm người

ta bất ngờ nhất - còn ở bên ngoài thì nó lại tạo ra nhiều lần lần nhất - đấy là bên phía chính phủ, những người cộng sản không đứng về phía các lực lượng cực tả mà lại đứng về phía các lực lượng cực hữu. Trên thực tế, đấy là điều không đáng ngạc nhiên, bởi vì chiến thuật của cộng sản lúc đó, đặc biệt là ở Pháp, đã cho người ta thấy rõ rằng chủ nghĩa cộng sản phải được coi, ít nhất là trong giai đoạn đó, là lực lượng phản cách mạng. Toàn bộ đường lối của Comintern (Quốc tế cộng sản - ND) trong giai đoạn này đều nhằm phục vụ (trong tình hình lúc đó, có thể tha thứ được) cho chính sách quốc phòng của Liên Xô, mà chính sách này lại phụ thuộc vào các liên minh quân sự. Cụ thể là, Liên Xô đã kí hiệp ước liên minh với một nước tư bản-đế quốc chủ nghĩa, đấy là nước Pháp. Liên minh này chỉ có ý nghĩa khi nước Pháp mạnh, vì thế chính sách của cộng sản ở Pháp phải là chống cách mạng. Điều đó không chỉ có nghĩa là từ nay những người cộng sản Pháp phải đi sau lá cờ Tam tài và hát Marseillaise, mà, quan trọng hơn, họ phải từ bỏ công tác tuyên truyền khá hiệu quả ở các nước thuộc địa nữa. Chưa đầy ba năm trước đây, Thorez, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Pháp còn tuyên bố rằng công nhân Pháp sẽ không bao giờ bị lôi kéo vào cuộc chiến chống lại những người đồng chí Đức của mình, thì nay ông ta trở thành một trong những người yêu nước to mồm nhất của Pháp. Đường lối của cộng sản ở bất kì nước nào cũng phụ thuộc vào quan hệ quân sự, hiện tại hoặc tiềm năng, của nước đó với Liên Xô. Thí dụ, quan điểm của nước Anh vẫn chưa rõ ràng cho nên Đảng cộng sản Anh tiếp tục giữ thái độ thù địch đối với chính phủ và công khai chống lại việc tái vũ trang. Nhưng nếu Anh quốc tham gia liên minh hay

kí hiệp định quân sự với Liên Xô thì cộng sản Anh, cũng như cộng sản Pháp, sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc trở thành những người yêu nước và những người ủng hộ chủ nghĩa đế quốc; những dấu hiệu như thế đã xuất hiện rồi. “Đường lối” của cộng sản Tây Ban Nha chắc chắn là phụ thuộc vào sự kiện là Pháp, một đồng minh của Nga, hoàn toàn không muốn thấy một nhà nước cách mạng ở ngay sát nách và sẽ tìm mọi cách chống lại việc giải phóng nước Marocco thuộc Tây Ban Nha lúc đó. Từ *Daily Mail*, một tờ báo chuyên đơm đặt về cuộc cách mạng “đỏ” do Moskva tài trợ, còn tiếp tục dối trá hơn cả trước đây. Trên thực tế, cộng sản là những người tích cực nhất trong việc ngăn chặn cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha. Sau này, khi lực lượng cánh hữu đã nắm được quyền kiểm soát toàn bộ tình hình thì chính cộng sản đã chứng tỏ rằng họ sẵn sàng đi xa hơn cả những người theo trường phái tự do trong việc săn đuổi các lãnh tụ cách mạng¹⁰.

Tôi đã cố gắng phác họa chiều hướng chung của cuộc cách mạng Tây Ban Nha trong năm đầu tiên, vì nó giúp ta dễ dàng hiểu được tình hình trong mỗi giai đoạn sau này. Nhưng như thế không có nghĩa là tháng hai năm đó tôi đã có quan điểm được thể trong những câu chuyện được nói đến bên trên. Trước hết, lúc đó chưa xảy ra những sự kiện có tính chất khai minh đối với tôi, và hơn nữa, tình cảm của tôi lúc đó, trong một vài lĩnh vực, cũng khác với hiện nay. Một phần là vì khía cạnh chính trị của cuộc chiến đã làm tôi chán ngấy và dĩ nhiên là tôi chống lại quan điểm được nghe nói đến nhiều hơn cả, tức là quan điểm của P.O.U.M.-I.L.P. Đa phần người Anh trong đơn vị tôi là thành viên của I.L.P., ngoài ra, còn có một vài đảng viên cộng

sản nữa; nói chung họ, đều có nhận thức chính trị cao hơn tôi. Suốt nhiều tuần liền, đây là nói thời kì không có chuyện gì xảy ra xung quanh Huesca, tôi đã trực tiếp tham gia vào những cuộc tranh luận chính trị gần như không bao giờ dứt. Những đường lối mâu thuẫn nhau được đem ra thảo luận hết lần này đến lần khác, chúng được thảo luận trong những chuồng ngựa lộng gió và hôi hám, trong những hầm trú ẩn tối tăm và ngột ngạt, chúng được thảo luận cả sau những bờ công sự trong những đêm lạnh buốt thấu xương nữa. Người Tây Ban Nha cũng thế, nhiều tờ báo còn đưa cuộc đấu tranh nội bộ đảng thành tin quan trọng nhất nữa kia. Chỉ có điếc hay ngu thì mới không có được một vài khái niệm nào đó về tư tưởng của các đảng khác nhau mà thôi.

Về lí thuyết, chỉ có ba đảng đáng quan tâm, đây là P.S.U.C., P.O.U.M. và C.N.T.-F.A.I., thường được gọi một cách đơn giản là Vô chính phủ. Xin bắt đầu bằng P.S.U.C. vì đây là đảng quan trọng nhất, cũng là đảng giành được chiến thắng cuối cùng và ngay lúc đó cũng đang tỏ ra có ưu thế.

Cần phải giải thích rõ rằng khi nói đường lối của P.S.U.C. là người ta nghĩ đến đường lối của của Đảng cộng sản. P.S.U.C. (Partido Socialista Unificado de Cataluña) nghĩa là Đảng xã hội chủ nghĩa Catalonia, được thành lập ngay khi chiến tranh nổ ra; đây là sự kết hợp của nhiều đảng mác-xít khác nhau, trong đó có cả Đảng cộng sản Catalonia, nhưng hiện đã bị cộng sản kiểm soát hoàn toàn và là một phân bộ của Quốc tế III. Đây là liên minh chính thức duy nhất giữa những người xã hội và những người cộng sản Tây Ban Nha, nhưng quan điểm của những người cộng sản và những người xã hội cánh hữu thì ở đâu cũng

có thể được coi là một cả. Về đại thể, có thể nói P.S.U.C. là cánh chính trị của U.G.T. (Unión General de Trabajadores), tức là công đoàn xã hội chủ nghĩa. Công đoàn này có khoảng một triệu rưỡi thành viên trên khắp Tây Ban Nha. Nó bao gồm rất nhiều nhóm những người lao động chân tay, nhưng sau khi chiến tranh nổ ra nó đã phình lên rất nhanh vì có nhiều người thuộc tầng lớp trung lưu tham gia, đây là do trong những ngày đầu cách mạng nhiều người cho rằng ra nhập U.G.T. hay C.N.T. thì sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn. Hai tổ chức công đoàn này có nhiều mặt tương đối giống nhau, nhưng C.N.T. có nhiều tính công nhân hơn. Như vậy nghĩa là P.S.U.C. vừa là đảng của giai cấp công nhân vừa là đảng của giai cấp tiểu tư sản, nghĩa là của những người buôn bán nhỏ, của các viên chức nhà nước và trung nông.

Đường lối của P.S.U.C. mà báo chí cộng sản cũng như thân cộng tuyên truyền trên khắp thế giới về đại thể là như sau: “Trong thời điểm hiện tại, quan trọng nhất là giành chiến thắng; không chiến thắng thì mọi thứ đều vô nghĩa hết. Vì vậy, bây giờ không phải lúc nói đến việc tiến hành cách mạng. Chúng ta không được ép buộc nông dân tập thể hoá vì như thế là làm cho họ xa lánh chúng ta; chúng ta cũng không được làm cho giai cấp trung lưu, những người đang chiến đấu bên phía chúng ta, hốt hoảng. Trước hết, muốn có hiệu quả, chúng ta phải chấm dứt tình trạng lộn xộn do cách mạng gây ra. Chúng ta cần một chính phủ trung ương mạnh, chứ không phải là các hội đồng địa phương, chúng ta cần một lực lượng quân sự chính qui với một bộ chỉ huy thống nhất. Bám vào một vài tàn dư của các tổ chức kiểm tra của công nhân và nhai đi nhai lại một cách thiếu

suy nghĩ những khẩu hiệu cách mạng không những là việc làm vô ích mà còn có hại, thậm chí là phản cách mạng nữa vì nó gây ra chia rẽ và có thể bị bọn phát xít lợi dụng. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta không chiến đấu vì chính quyền chuyên chính của giai cấp vô sản mà đang chiến đấu cho nền dân chủ đại nghị. Bất cứ người nào muốn biến nội chiến thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng đều là những người tiếp tay cho bọn phát xít, nếu đây không phải là những kẻ cố ý thì trên thực tế họ cũng đều là những kẻ phản bội”

Đường lối của P.O.U.M. khác hẳn, dĩ nhiên là trừ khoản phải giành bằng được chiến thắng. P.O.U.M. (Partido Obrero de Unificación Marxista) là một trong những đảng cộng sản đối lập, những đảng xuất hiện tại một loạt nước trong mấy năm gần đây nhằm chống lại “chủ nghĩa Stalin”, tức là chống lại sự thay đổi, thực chất hay chỉ mang vẻ hình thức, trong chính sách của cộng sản. P.O.U.M. bao gồm những người cựu cộng sản cũng như thành viên của khối công-nông trước đây. Đây là một đảng có ít đảng viên¹¹, không có nhiều ảnh hưởng bên ngoài Catalonia, nó quan trọng bởi vì có nhiều đảng viên có nhận thức chính trị vững vàng. Thành trì của đảng này nằm ở Lerida, thuộc Catalonia. Nó không đại diện cho bất cứ tổ chức công đoàn nào. Lực lượng dân quân của P.O.U.M. đa số là thành viên C.N.T., nhưng nói chung dân quân-đảng viên lại thuộc U.G.T. Nhưng P.O.U.M. lại chỉ có ảnh hưởng đối với C.N.T. mà thôi. Về đại thể, đường lối của P.O.U.M. có thể tóm tắt như sau:

“Nói đến dùng “dân chủ” tư sản để chống phát xít là vô nghĩa. “Dân chủ” tư sản chỉ là một tên gọi khác của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phát xít thì cũng thế; nhân danh “dân chủ” để chống

phát xít thì cũng có nghĩa là nhân danh một hình thức tư bản này để chống lại một hình thức tư bản khác, mà bất kì lúc nào cái sau cũng có thể biến thành cái trước. Chính quyền của công nhân hay là chủ nghĩa phát xít, ta chỉ có thể chọn một trong hai. Đặt mục tiêu thấp hơn nghĩa là trao chiến thắng vào tay Franco hoặc trong trường hợp tốt nhất cũng là để chủ nghĩa phát xít chui vào bằng cửa sau. Lúc này, công nhân phải nắm chặt tất cả những gì họ đã giành được, chỉ cần nhượng bộ chính phủ nửa-tư sản một lần thôi là chắc chắn họ sẽ bị lừa bịp. Dân quân và lực lượng cảnh sát phải được giữ nguyên trạng, phải chống lại mọi mưu toan nhằm “tư sản hoá” hai lực lượng này. Nếu công nhân không kiểm soát được lực lượng vũ trang thì lực lượng vũ trang sẽ kiểm soát công nhân. Chiến tranh và cách mạng gần bó mật thiết với nhau.”

Quan điểm của những người vô chính phủ thì khó xác định hơn. Dù sao mặc lòng, từ vô chính phủ được dùng để chỉ rất nhiều người có những quan điểm vô cùng khác nhau. Cảnh chính trị của liên hiệp công đoàn C.N.T. (Confederación Nacional de Trabajadores), với khoảng hai triệu đoàn viên, có tên gọi là F.A.I. (Federación Anarquista Ibérica), là một tổ chức vô chính phủ thực sự. Nhưng ngay cả các thành viên của F.A.I., những người luôn luôn, mà có thể hầu hết người Tây Ban Nha đều như thế, ngả theo triết lí vô chính phủ thì cũng không hẳn đã là vô chính phủ theo đúng nghĩa của từ này. Sau khi chiến tranh nổ ra, họ đã có một bước tiến về phía chủ nghĩa xã hội vì hoàn cảnh buộc họ phải tham gia vào các cơ quan hành chính trung ương và thậm chí phá bỏ mọi nguyên tắc để tham gia vào thành phần chính phủ. Nhưng họ vẫn khác xa những người

cộng sản; tương tự như P.O.U.M., mục tiêu của họ là chính quyền của công nhân chứ không phải là chế độ dân chủ đại nghị. Vô chính phủ sử dụng khẩu hiệu: “Chiến tranh và cách mạng gắn bó mật thiết với nhau!” của P.O.U.M., nhưng ít giáo điều hơn. Đại khái C.N.T.-F.A.I. đấu tranh cho: 1. Công nhân trong từng ngành công nghiệp như vận tải, dệt may... trực tiếp kiểm soát các ngành đó; 2. Quyền lực nằm trong tay các uỷ ban địa phương và chống lại mọi hình thức của chế độ độc đoán tập quyền; 3. Mỗi thù không khoan nhượng đối với giai cấp tư sản và nhà thờ. Điểm cuối cùng, tuy không được trình bày thật rõ ràng, nhưng lại là quan trọng nhất. Vô chính phủ đối lập với hầu như tất cả những người gọi là cách mạng ở chỗ mặc dù các nguyên tắc của họ tương đối mù mờ nhưng họ thực sự căm thù đặc quyền đặc lợi và bất công. Cộng sản và vô chính phủ là hai cực đối lập nhau về mặt triết học. Trên thực tế, đây là sự khác nhau về hình thức xã hội mà họ hướng tới, đây là điều mà họ coi trọng, nhưng đây là những hình thức không thể dung hoà. Cộng sản luôn luôn coi trọng chủ nghĩa tập trung và tính hiệu quả, còn vô chính phủ thì lại coi trọng tự do và công bằng. Chủ nghĩa vô chính phủ đã ăn sâu bén rễ ở Tây Ban Nha và có vẻ như sẽ tiếp tục sống sót trong khi chủ nghĩa cộng sản sẽ cáo chung ngay khi ảnh hưởng của Liên Xô chấm dứt. Trong hai tháng đầu tiên của cuộc chiến, những người vô chính phủ, hơn ai hết, đã cứu vãn được tình hình và mãi về sau này, lực lượng dân quân vô chính phủ, dù rất thiếu kỉ luật, lại là lực lượng chiến đấu tốt nhất, đây là nói nếu chỉ kể các đơn vị gồm toàn người Tây Ban Nha với nhau. Từ khoảng tháng 2 năm 1937 trở đi, lực lượng vô chính phủ và P.O.U.M. đã hợp tác với nhau ở một

mức độ nào đó. Nếu ngay từ đầu những người vô chính phủ, P.O.U.M., và phong trào xã hội chủ nghĩa cánh tả đã nghĩ đến việc hợp tác và thực thi chính sách mang tính thực tế hơn thì kết quả cuộc chiến tranh có thể đã khác. Nhưng trong giai đoạn đầu, khi tất cả các đảng cách mạng đều tưởng rằng át chủ bài đang nằm trong tay mình thì đây là việc bất khả thi. Sự ghen tị cố hữu là nguyên nhân mối bất hoà giữa phe vô chính phủ và phe xã hội, còn P.O.U.M., vốn là một đảng mác-xít, lại có thái độ nghi ngờ đối với phe vô chính phủ, trong khi theo quan điểm của vô chính phủ thì “chủ nghĩa Trotskyist” của P.O.U.M. cũng chẳng khác gì chủ nghĩa “Stalin” của những người cộng sản. Trong khi đó, cộng sản lại tìm cách li gián hai đảng này. Khi P.O.U.M. tham gia vào những trận đánh gây nhiều thương vong vào tháng 5 ở Barcelona thì chính bản năng đã buộc nó phải đứng về phía C.N.T., và sau này, khi P.O.U.M. bị đàn áp thì chỉ có những người vô chính phủ là dám lên tiếng bảo vệ mà thôi.

Như vậy là, về đại thể, lực lượng được phân bố như sau. Một bên là C.N.T.-F.A.I., P.O.U.M., và những người xã hội chủ nghĩa ủng hộ quyền kiểm soát của công nhân, còn bên kia là những người xã hội chủ nghĩa cánh hữu, những người theo đường lối tự do và cộng sản ủng hộ chính phủ tập quyền và quân đội chính qui.

Dễ hiểu là vì sao lúc đó tôi lại thích quan điểm của cộng sản hơn là quan điểm của P.O.U.M. Cộng sản có một chính sách thực tế rõ ràng, phù hợp với lương tri, đây là nói nếu chỉ nhìn tương lai trong vài tháng trước mắt. Còn chính sách hàng ngày cũng như công tác tuyên truyền và mọi việc khác của P.O.U.M. đều kém đến mức không thể tả được, nếu làm tốt hơn

thì P.O.U.M. có thể còn thu hút được nhiều thành viên hơn. Nhưng vấn đề chính là những người cộng sản, như tôi thấy, đang chiến đấu, còn chúng tôi cũng như những người vô chính phủ thì dẫm chân tại chỗ. Đây là tâm trạng chung lúc đó. Cộng sản giành được quyền lực và thu hút được số lượng đảng viên rất lớn một phần vì các tầng lớp trung lưu ủng hộ đường lối phản cách mạng của họ, một phần vì họ là lực lượng duy nhất có thể giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh này. Vũ khí của Liên Xô cũng như cuộc chiến đấu ngoan cường nhằm bảo vệ Madrid của những lực lượng do cộng sản chỉ huy đã biến họ thành những người anh hùng. Có người còn nói rằng ngay một máy bay Liên Xô bay qua đầu chúng tôi cũng đã là tuyên truyền rồi. Mặc dù công nhận rằng P.O.U.M. có lí, nhưng tôi vẫn có cảm tưởng là các khẩu hiệu cách mạng của họ chẳng có giá trị gì. Nói cho cùng, vấn đề vẫn là phải chiến thắng.

Trong khi đó, các đảng phái tiếp tục cắn xé nhau trên mặt báo, trên những tờ rơi, trên các biểu ngữ, trong các cuốn sách, tóm lại, diễn ra khắp nơi. Tôi thường đọc *La Batalla* và *Adenlante* của P.O.U.M., nhưng tôi cho rằng đây là hai tờ báo hời hĩnh và chán ngắt vì lúc nào họ cũng soi mói “những kẻ phản cách mạng” ở P.S.U.C. Sau này, khi đã nghiên cứu kĩ báo chí của P.S.U.C. và cộng sản, tôi mới thấy rằng P.O.U.M. chẳng là gì so với các đối thủ của họ, đây là chưa nói điều kiện của họ cũng kém hơn rất nhiều. Khác với cộng sản, P.O.U.M. không có cơ sở trong bất kì cơ quan báo chí nào ở nước ngoài, trong nước họ cũng bị thiệt thòi vì cơ quan kiểm duyệt chủ yếu nằm trong tay cộng sản, nghĩa là báo chí của P.O.U.M. dễ bị cấm đoán hay bị phạt nếu đăng các tài liệu có hại cho cộng sản.

Công bằng mà nói, mặc dù P.O.U.M. suốt ngày rao giảng về cách mạng và trích dẫn Lenin đến phát chán, nhưng họ thường không hạ mình đến mức bôi bác cá nhân người nào. Hơn nữa, họ chỉ tranh luận trên báo. Những tờ biểu ngữ lớn nhiều màu sắc dành cho công chúng của họ (biểu ngữ đóng vai trò quan trọng vì có nhiều người mù chữ) không công kích các đảng đối lập mà thường là kêu gọi đấu tranh chống phát xít hay cách mạng chung chung, các bài ca mà dân quân thường hát cũng như vậy. Cộng sản khác hẳn. Tôi sẽ trở lại vấn đề này sau. Ở đây tôi chỉ có thể mô tả một cách ngắn gọn phương pháp công kích của cộng sản mà thôi.

Mới nhìn thì cộng sản và P.O.U.M. chỉ tranh cãi với nhau về mặt chiến thuật. P.O.U.M. muốn làm cách mạng ngay lập tức, còn cộng sản thì không. Về mặt này thì mọi sự đều rõ ràng: mỗi bên đều đưa ra đủ lí lẽ ủng hộ cho quan điểm của mình. Nhưng cộng sản còn khẳng định rằng chính sách tuyên truyền của P.O.U.M. đã gây chia rẽ và làm suy yếu lực lượng chính phủ, nghĩa là bên ta sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Một lần nữa, mặc dù cuối cùng ý kiến này đã không thuyết phục được tôi, nhưng nó cũng chứa đựng một phần sự thật. Nhưng đây chính là đặc thù của cộng sản. Đầu tiên họ còn thăm dò, sau đó càng ngày càng công khai khẳng định rằng P.O.U.M., không phải do lầm lẫn mà là cố tình gây chia rẽ lực lượng chính phủ. Người ta còn tuyên bố rằng P.O.U.M. chỉ là một băng đảng phát xít cải trang, tay sai của Franco và Hitler, to mồm hô hào các khẩu hiệu giả cách mạng chỉ có lợi cho bọn phát xít. P.O.U.M. là tổ chức "Trotskyist" và là "đội quân thứ năm" của Franco. Điều đó có nghĩa là hàng chục ngàn công nhân, trong đó có từ tám đến

mười ngàn binh sỹ đang chết cồng trong các chiến hào và hàng trăm người ngoại quốc, những người đã đến Tây Ban Nha để chiến đấu chống phát xít, những người phải hi sinh cả đời sống đầy đủ tiện nghi lẫn quốc tịch của mình khi làm như thế, hoá ra lại là những kẻ phản bội, tay sai của kẻ thù. Câu chuyện như thế được phổ biến trên các băng rôn và các phương tiện truyền truyền khác khắp cả nước Tây Ban Nha và được nhắc đi nhắc lại trên báo chí cộng sản và thân cộng sản toàn thế giới. Tôi có thể viết được dăm cuốn sách nếu chịu khó bỏ công thu thập những câu người ta đã nói, đã viết về vấn đề này.

Như vậy là cộng sản đã gọi chúng tôi là Trotskyists, là phát xít, là kẻ phản bội, là bọn giết người, là lũ hèn nhát, là gián điệp, v.v. Phải công nhận rằng đây là điều không hay, nhất là khi nghĩ đến những người chịu trách nhiệm về những việc như thế. Thật chẳng thú vị gì khi chứng kiến cảnh một cậu bé Tây Ban Nha mười lăm tuổi được khiêng khỏi chiến hào trên một cái cang, mặt trắng bệch, và nghĩ đến những người đầu tóc bóng láng ở London hay Paris đang viết những bài báo chứng minh rằng cậu bé kia chỉ là một tên phát xít cải trang. Một trong những đặc trưng khủng khiếp của chiến tranh là tất cả các tài liệu truyền truyền, tất cả những tiếng gào thét và dối trá, tất cả lòng hận thù đều do những kẻ ngồi tit ở hậu phương bịa đặt ra. Những người dân quân của P.S.U.C. mà tôi biết trên chiến tuyến, những đảng viên cộng sản trong các binh đoàn quốc tế mà thỉnh thoảng tôi gặp không bao giờ gọi tôi là Trotskyist hay phản bội, họ dành việc đó cho các nhà báo ở hậu phương. Những kẻ viết các tờ rơi chống lại chúng tôi, bôi bác chúng tôi trên mặt báo đang sống một cách an toàn ở nhà họ hay trong trường hợp xấu nhất thì

cũng đang sống trong các văn phòng ở Valencia, cách những chỗ bom rơi đạn lạc và bùn lầy hàng trăm cây số. Ngoài những lời lăng mạ mà các đảng phái tung vào mặt nhau, tất cả những điều nhảm nhí khác về chiến tranh, tất cả những lời huyênh hoang, những lời ca ngợi quân ta và phỉ báng kẻ thù thường là đều do những kẻ ngồi ở hậu phương, những kẻ sẽ vắt chân lên cổ mà chạy khi chiến tranh đến gần, sáng tác ra. Một trong những bài học bi thảm nhất mà cuộc chiến tranh này đã dạy cho tôi là: báo chí cánh tả cũng đầy những chuyện dối trá và bất lương chẳng khác gì cánh hữu.

Tôi thực sự tin rằng chúng tôi, nghĩa là phía chính phủ, đang tiến hành một cuộc chiến tranh khác hẳn với những cuộc chiến tranh đế quốc bình thường khác, nhưng bộ máy tuyên truyền lại làm cho ta không thể nghĩ như thế. Chiến dịch vừa bùng nổ là báo chí, cả cánh tả lẫn cánh hữu, lập tức xông vào chửi bới. Hẳn mọi người còn nhớ đầu đề bài báo trên tờ *Daily Mail*: “CỘNG SẢN ĐÓNG ĐINH CÂU RÚT CÁC NỮ TU!”, trong khi tờ *Daily Worker* thì viết rằng các binh đoàn lê dương của Franco “gồm toàn những tên sát nhân, những kẻ buôn bán phụ nữ, những kẻ nghiện hút và cặn bã từ tất cả các nước châu Âu”. Tháng 10 năm 1937, tờ *New Statesman* còn thết chúng tôi câu chuyện cổ tích rằng bọn phát xít bắt các trẻ em còn sống nằm đè lên nhau thành chiến lũy (khó làm chiến lũy với loại vật liệu như thế lắm), còn ngài Arthur Bryant thì tuyên bố rằng “cưa chân một nhà buôn bảo thủ” là việc thường ngày bên phía quân đội cộng hoà. Sáng tác ra những chuyện nhảm nhí như thế là những người chưa từng chiến đấu bao giờ, có thể họ nghĩ rằng viết như thế cũng là chiến đấu rồi. Cuộc chiến tranh nào cũng thế cả, trong khi lính tráng

đánh nhau thì các nhà báo hò hét và chẳng có một người yêu nước chân chính nào chịu đến gần chiến hào, trừ khi đấy là một chuyến đi mang tính tuyên truyền. Đôi khi tôi còn lấy làm khoái chí khi nghĩ rằng máy bay đang làm thay đổi điều kiện của chiến tranh. Có thể, khi cuộc chiến tranh lớn sắp tới xảy ra, chúng ta sẽ nhìn thấy một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử: một người yêu nước to mồm bị bắn vỡ sọ.

Đối với các nhà báo, cuộc chiến tranh này, cũng như mọi cuộc chiến tranh khác, chỉ là một phi vụ làm ăn mà thôi. Nhưng ở đây có một sự khác biệt, đấy là các nhà báo thường dành cho kẻ thù những lời công kích mãnh liệt nhất, song lần này, cộng sản và P.O.U.M. lại viết về nhau với những lời lẽ càng ngày càng độc địa hơn, độc địa hơn cả những lời họ dành cho bọn phát xít nữa. Tuy nhiên, tôi đã không còn coi đấy là điều quan trọng nữa. Việc các đảng phái cắn xé nhau làm cho tôi bức mình, thậm chí kinh tởm, nhưng tôi cho rằng đấy việc anh em trong nhà cãi nhau. Tôi không tin là nó có thể thay đổi được điều gì hay ở đây có sự bất đồng không thể nào dung hoà được. Tôi nhận thức được rằng cộng sản và những người theo đường lối tự do quyết tâm cản trở cuộc cách mạng, tôi không nhận thức được rằng họ có đủ sức đẩy lùi được nó.

Có đầy đủ cơ sở để nghĩ như thế. Tôi nằm ngoài mặt trận trong suốt thời gian này, mà ở mặt trận thì tình hình xã hội và chính trị không có gì thay đổi cả. Tôi rời Barcelona vào đầu tháng giêng và mãi đến cuối tháng tư mới được nghỉ phép, suốt thời gian đó và cả sau này, trên khu vực mặt trận Aragon, do lực lượng vô chính phủ và P.O.U.M. kiểm soát, tình hình vẫn không có gì thay đổi. Không khí cách mạng vẫn giữ nguyên như hồi tôi mới đến. Tướng

lính và binh nhì, người nông dân và binh sỹ vẫn giao tiếp với nhau như những người bằng vai phải lứa; mọi người đều nhận một mức lương như nhau, mặc một loại quần áo như nhau, ăn thức ăn như nhau và cùng gọi nhau là “anh” hay “đồng chí”; không còn chủ tớ, không còn người ăn mày, không còn gái điếm, không có luật sư, không còn cha cố, không còn cảnh nịnh bợ, cũng không còn cảnh giơ tay lên ngang vành mũ nữa. Tôi đắm mình trong không khí bình đẳng và thật ngây thơ khi nghĩ rằng khắp nước Tây Ban Nha đều như thế cả. Tôi không thể nào biết được rằng do may mắn mà tôi đã lọt được vào khu vực cách mạng nhất của giai cấp công nhân Tây Ban Nha.

Cho nên khi các đồng chí có nhận thức chính trị sâu sắc hơn nói rằng không được dùng quan điểm thuần túy quân sự để xem xét cuộc chiến này và cần phải lựa chọn giữa cách mạng và chủ nghĩa phát xít thì tôi đã muốn cười vào mặt họ. Nói chung, tôi đồng ý quan điểm của cộng sản, tóm tắt là: “Chúng ta không thể nói đến cách mạng trước khi giành được thắng lợi” chứ không đồng ý với quan điểm của P.O.U.M., theo đó “Chúng ta phải tiến lên, nếu không thì chúng ta phải rút lui.” Sau này tôi mới nghĩ rằng P.O.U.M. có lí, hay ít nhất thì cũng có lí hơn cộng sản, nhưng đây không phải là lí thuyết suông. Cứ theo giấy tờ thì quan điểm của cộng sản có vẻ thuyết phục hơn, nhưng vấn đề là hành động thực tế lại làm cho người ta không tin rằng đấy là những người trung thực. Cái khẩu hiệu thường được nhắc đi nhắc lại: “Chiến tranh trước, cách mạng sau” chỉ là một câu nói sáo rỗng, nhưng đã tạo được lòng tin trong các chiến sỹ trong lực lượng dân quân P.S.U.C., họ thực sự nghĩ rằng người ta sẽ tiếp tục làm cách mạng ngay sau chiến thắng. Thực ra, không phải là cộng sản đang níu

kéo cuộc cách mạng cho đến một thời điểm thích hợp hơn mà là đang tìm mọi cách làm cho nó không bao giờ xảy ra. Chuyện này càng ngày càng trở nên rõ ràng, càng ngày giai cấp công nhân càng mất dần quyền lực, càng ngày càng có nhiều người cách mạng thuộc đủ mọi khuynh hướng bị tống vào tù. Tất cả đều nhân danh nhu cầu quân sự, nhưng đây chỉ là cái cớ; có thể nói đã được bịa ra từ trước, còn thực chất lại là đẩy giai cấp công nhân khỏi những vị trí thuận lợi và dồn họ vào vị thế mà sau này, tức là sau khi chiến tranh chấm dứt họ sẽ không thể kháng cự được sự phục hồi của chủ nghĩa tư bản. Xin nhớ rằng tôi không chống lại những đảng viên cộng sản bình thường và dĩ nhiên là không chống lại hàng ngàn đảng viên cộng sản đã anh dũng hi sinh trong những trận đánh ở ngoại ô thành phố Madrid. Nhưng họ lại không phải là những người quyết định chính sách của đảng. Trong khi đó, không thể tin được rằng những người lãnh đạo của họ đã nhắm mắt làm liều.

Nhưng cuối cùng thì vẫn cần phải thắng cuộc chiến tranh này, dù rằng cách mạng có thể thất bại. Và tôi bắt đầu nghi ngờ, không hiểu cộng sản có muốn chiến thắng hay không. Rất ít người nhận thức được rằng mỗi giai đoạn của cuộc chiến lại cần những chính sách khác nhau. Quân vô chính phủ đã cứu được tình hình trong hai tháng đầu, nhưng họ không thể tổ chức được cuộc kháng chiến trong giai đoạn sau; cộng sản có lẽ đã cứu được tình hình trong giai đoạn từ tháng mười đến tháng mười hai nhưng giành chiến thắng toàn triệt là việc hoàn toàn khác. Hầu như tất cả mọi người ở Anh đều chấp nhận chính sách của cộng sản vì rất ít chỉ trích được phép xuất hiện trên mặt báo và vì đường lối chung của nó là chấm dứt sự rối loạn

do cách mạng gây ra, là tăng cường sản xuất và thành lập quân đội chính qui, tất cả đều có vẻ thực tế và hiệu quả. Cần phải nói đến điểm yếu nội tại của chính sách này.

Nhằm ngăn chặn từ trong trứng nước bất cứ xu hướng cách mạng nào và làm cho cuộc chiến càng ngày càng gần với cuộc chiến tranh thông thường thì cần phải tránh xa các cơ hội mang tính chiến lược có thể xuất hiện trên thực tế. Tôi đã mô tả quân trang của chúng tôi trên mặt trận Aragon. Không nghi ngờ gì rằng người ta đã cố tình cản trở việc cấp phát vũ khí, để chúng không rơi vào tay lực lượng vô chính phủ vì sợ rằng sau này họ sẽ sử dụng để làm cách mạng; kết quả là cuộc phản công trên mặt trận Aragon, một cuộc phản công có thể buộc lực lượng của Franco phải rút khỏi Bilbao, thậm chí rút khỏi Madrid đã không thể nào xảy ra được. Nhưng đấy chỉ là chuyện nhỏ. Quan trọng hơn là khi cuộc chiến bị thu hẹp lại thành “chiến đấu vì dân chủ” thì không thể nào kêu gọi sự giúp đỡ của giai cấp công nhân thế giới được nữa. Nhìn thẳng vào sự thật, chúng ta phải công nhận rằng giai cấp công nhân thế giới có thái độ bàng quan đối với cuộc chiến tranh Tây Ban Nha. Hàng chục ngàn người đã tham gia chiến đấu, nhưng hàng chục triệu người ở phía sau đã tỏ ra lãnh đạm. Trong năm đầu tiên, các quỹ “trợ giúp Tây Ban Nha” khác nhau của nước Anh chỉ quyên góp được đâu khoảng hai trăm năm mươi ngàn Bảng, có lẽ còn ít hơn một nửa số tiền mua vé xem phim trong một tuần lễ. Giai cấp công nhân các nước dân chủ có thể giúp đỡ các đồng chí Tây Ban Nha bằng cách bãi công hay tẩy chay hàng hoá. Nhưng chuyện đó chưa bao giờ xảy ra. Lãnh tụ các đảng cộng sản và đảng lao động khắp nơi đều tuyên bố rằng không thể làm thế được; chắc chắn là họ có lí, đấy là nói

khi họ vẫn tiếp tục gào đến khán hòng rằng “đỏ” ở Tây Ban Nha không phải là “đỏ” thật. Kể từ Thế chiến I trở đi, câu “chiến đấu vì dân chủ” đã mang ý nghĩa xấu. Suốt nhiều năm, chính những người cộng sản đã dạy giai cấp công nhân toàn thế giới rằng “dân chủ” chỉ là một tên gọi khác của chủ nghĩa tư bản. Ban đầu thì nói “dân chủ là giả hiệu” rồi sau lại nói “chiến đấu vì dân chủ!” rõ ràng không phải là một chiến thuật hay. Những người cộng sản, được Liên Xô, lúc đó đang có uy tín rất lớn, ủng hộ. Nếu họ nhân danh nước “Tây Ban Nha cánh mạng” chứ không phải nhân danh “nước Tây Ban Nha dân chủ” thì chắc chắn lời kêu gọi của họ sẽ được đáp ứng.

Nhưng quan trọng nhất, nếu không thực hiện cải cách mang tính cách mạng thì sẽ khó, nếu không nói là không thể, tấn công được vào hậu phương của Franco. Cho đến tận mùa hè năm 1937, Franco kiểm soát được nhiều dân hơn chính phủ cộng hòa, phải nói là hơn rất nhiều, nếu tính cả các thuộc địa. Trong khi đó, lực lượng quân sự hai bên tương đương nhau. Ai cũng biết rằng nếu dân chúng ở hậu phương có thái độ thù địch thì lực lượng bảo vệ các tuyến giao thông, ngăn chặn bạo loạn, v.v. cũng phải ngang bằng với lực lượng ngoài mặt trận. Dễ hiểu là vì sao quần chúng ở hậu phương phát xít không nổi dậy. Không thể tin được rằng quần chúng trong vùng phát xít chiếm đóng, nhất là công nhân thành thị và nông dân nghèo, thích hay ủng hộ Franco; nhưng việc ngả sang phía hữu đã làm cho ưu thế của chính phủ cộng hòa giảm đi. Rõ nhất là trường hợp Marocco. Tại sao nhân dân Marocco không nổi dậy? Franco đang tìm cách thiết lập một nền độc tài khét tiếng nhất, thế mà người dân ở đấy lại ủng hộ nó chứ không ủng hộ chính phủ của

Mặt trận Dân tộc! Sự thật là người ta đã không kích động cuộc khởi nghĩa ở Marocco vì làm như thế cũng có nghĩa là thổi tinh thần cách mạng vào cuộc chiến tranh. Muốn cho dân chúng tin tưởng vào sự trung thực của chính phủ cộng hòa thì việc đầu tiên là phải tuyên bố giải phóng cho Marocco. Chắc chắn là chính phủ Pháp sẽ phản đối. Một cơ hội mang tính chiến lược tuyệt vời nhất đã bị bỏ qua chỉ vì người ta vẫn nuôi hi vọng hão huyền rằng có thể xoa dịu được các nhà tư sản ở Anh và Pháp. Chính sách của cộng sản là biến cuộc chiến thành một cuộc nội chiến thông thường, mà không phải là chiến tranh cách mạng, nghĩa là chính phủ cộng hòa bị trói chân trói tay rất chặt. Muốn thắng cuộc chiến tranh kiểu đó thì phải có phương tiện kĩ thuật vượt trội, nghĩa là phải có nguồn cung cấp vũ khí vô giới hạn, nhưng Liên Xô là nước cung cấp vũ khí chủ yếu lại có hạn chế là ở xa quá trong khi Ý và Đức lại ở rất gần. Có thể khẩu hiệu của P.O.U.M. và lực lượng vô chính phủ: “Chiến tranh không tách rời với cách mạng” không đến nỗi thiếu thực tế như ban đầu người ta nghĩ.

Tôi đã giải thích vì sao tôi lại nghĩ chính sách phản cách mạng của cộng sản là sai, nhưng cũng hi vọng rằng tôi đã đánh giá không đúng về ảnh hưởng của nó đối với cuộc chiến. Tôi đã tự nhủ hàng ngàn lần như thế. Tôi chỉ mong chiến thắng, dù phải dùng bất cứ phương tiện nào. Nhưng dĩ nhiên là chúng ta không thể nói trước được bất cứ việc gì. Chính phủ có thể chuyển sang phía tả, người Morocco có thể tự nổi dậy, chính phủ Anh có thể quyết định mua chuộc để nước Ý rút khỏi cuộc chiến, mà cũng có thể chúng ta sẽ chiến thắng bằng các biện pháp quân sự - không ai có thể biết được. Tôi xin ghi lại các ý kiến bên trên, chỉ

có thời gian mới trả lời được là tôi đúng hay sai mà thôi.

Nhưng tháng 2 năm 1937, tôi đã nhìn mọi việc với con mắt khác. Tôi phát chán vì cảnh ăn không ngồi rồi trên mặt trận Aragon và cái chính là tôi cho rằng mình không đóng góp đúng mức sức lực vào cuộc đấu tranh. Tôi thường nghĩ đến cái biểu ngữ ở Barcelona với những lời đòi hỏi gay gắt người qua đường “Bạn đã làm gì cho nền dân chủ” và tự nghĩ mình chỉ có thể trả lời: “Nhận khẩu phần ăn hàng ngày”. Khi tham gia lực lượng dân quân tôi đã tự hứa rằng phải giết cho bằng được một tên phát xít, nói cho cùng, nếu mỗi người chúng tôi đều giết được một tên thì chẳng mấy mà chúng sẽ tuyệt chủng. Cho đến nay, tôi vẫn chưa giết được tên nào và chắc là cũng khó có điều kiện giết trong tương lai. Tôi muốn đến Madrid, dĩ nhiên là như thế. Tất cả các binh sỹ, dù theo quan điểm chính trị nào, cũng đều muốn đến Madrid cả. Đấy có thể là do người ta muốn tham gia vào các lữ đoàn quốc tế vì P.O.U.M. có rất ít quân ở Madrid, vô chính phủ cũng ít hơn trước đây.

Còn hiện nay thì phải ở lại trên chiến tuyến, nhưng tôi thường nói với mọi người rằng có thể sau khi đi phép tôi sẽ chuyển sang các lữ đoàn quốc tế, nghĩa là chịu sự chỉ huy của cộng sản. Nhiều người cố gắng thuyết phục tôi, nhưng không ai can thiệp. Phải công nhận rằng P.O.U.M. không đàn áp những người bất đồng chính kiến, thậm chí còn tỏ ra độ lượng nếu xét đến hoàn cảnh lúc đó; trừ bọn thân phát xít, không ai bị đàn áp vì quan điểm chính trị. Trong thời gian ở trong dân quân, tôi đã nhiều lần chỉ trích và chỉ trích một cách quyết liệt “đường lối” của P.O.U.M., nhưng không hề bị rắc rối gì. Không ai ép tôi phải ra nhập đảng, mặc dù theo tôi nghĩ đa số dân quân đều là đảng

viên. Tôi không bao giờ vào đảng, sau này, khi P.O.U.M. bị đàn áp tôi vẫn lấy làm ân hận mãi vì chuyện đó.

¹ Đại tá Blimp - cách nói chế giễu những người bảo thủ Anh.

² Liên minh lao động toàn quốc.

³ Tổng hiệp hội công nhân.

⁴ Liên đoàn thanh niên cộng sản Iberian.

⁵ Liên đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa thống nhất.

⁶ Đảng lao động độc lập (của Anh)

⁷ Đây là Quiroga, Barrios và Giral. Hai ông đều không chịu phát vũ khí cho lực lượng công đoàn.

⁸ Chính vì thế mà trên mặt trận Aragon, nơi các đơn vị vô chính phủ đóng vai trò chủ đạo, có rất ít vũ khí của Liên Xô. Đến tháng 4 năm 1937, vũ khí duy nhất là tôi thấy, nếu không kể máy bay cũng có thể do Liên Xô sản xuất, là một khẩu súng máy.

⁹ Cortes - Quốc hội Tây Ban Nha.

¹⁰ Cuốn *The Spanish Cockpit* của Franz Borkenau mô tả rất rõ cuộc đấu tranh trong nội bộ liên minh cầm quyền. Đây là tác phẩm thuyết phục nhất về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha từ trước tới nay.

¹¹ Tháng 6 năm 1936 P.O.U.M. có 10.000 thành viên, tháng 12 năm 1936 có 70.000, tháng 6 năm 1937 có 40.000. Nhưng đây là số liệu chính thức do P.O.U.M. công bố, các đảng thù địch với nó đưa ra số liệu ít hơn, theo tôi, phải đến 4 lần. Điều duy nhất có thể nói một cách chắc chắn về số đảng viên, đấy là đảng nào cũng đưa vống số lượng đảng viên lên.

6

Trong khi đó, hàng ngày, đúng hơn là hàng đêm vẫn phải làm nhiệm vụ một cách bình thường. Tuần tra, canh gác, đào hào; bùn, mưa, gió rít và đôi khi có tuyết. Mãi đến trung tuần tháng 4, ban đêm mới thực sự đỡ rét. Thời tiết tháng ba trên cao nguyên ở đây khá giống ở Anh, cũng bầu trời xanh nhạt và những trận gió giật từng hồi. Những ruộng lúa mạch cao khoảng một gang tay, trên cánh anh đào những nụ non màu hồng cũng bắt đầu lấp ló (chiến hào ở đây đi ngang qua những vườn anh đào và vườn trồng rau bỏ hoang) và nếu chịu khó tìm, ta sẽ thấy những nhánh hoa vi-ô-lét và một loại cây dạ lan hương dại trông như hoa chuông tròn. Ngay đằng sau chiến hào của chúng tôi có một dòng suối nhỏ, nước trong xanh, đây là dòng nước trong duy nhất mà tôi thấy kể từ ngày ra mặt trận. Một hôm tôi phải nghiêng răng lại để lợi xuống nước, đã sáu tuần nay tôi không được tắm. Có thể gọi là tắm vội vì nhiệt độ chỉ cao hơn không độ một chút, lạnh không khác gì nước đá.

Mọi việc vẫn như cũ, tuyệt đối không có gì xảy ra cả. Mấy người Anh ở đây bắt đầu nói với nhau rằng đây không phải là chiến tranh mà chỉ là một vở kịch câm đẫm máu mà thôi. Bọn phát xít khó mà bắn thẳng đến chỗ chúng tôi. Chỉ có mấy viên

đạn lạc là nguy hiểm, nhất là ở những chỗ chiến hào ăn sâu vào phía bên địch, đạn có thể đến từ tất cả các hướng. Tất cả các trường hợp thương vong trong giai đoạn này đều là do đạn lạc cả. Arthur Clinton bị trúng một viên không biết từ đâu tới, làm vỡ cả vai phải và liệt cánh tay, tôi sợ là tay anh ta sẽ bị hỏng vĩnh viễn. Pháo binh ít khi khai hoả, mà có bắn cũng chẳng tác dụng gì. Chúng tôi coi tiếng réo và tiếng nổ của đạn đại bác như một trò giải trí. Chưa bao giờ bọn phát xít bắn trúng được bờ công sự của chúng tôi. Cách chiến hào của chúng tôi chừng vài trăm mét về phía sau có một trang trại gọi là La Garja với những ngôi nhà rộng rãi vừa được dùng làm kho, vừa được dùng làm chỗ đóng quân của ban chỉ huy và nhà bếp. Đây là mục tiêu của bọn phát xít, nhưng chúng ở cách xa từ năm đến sáu cây số, thành ra chỉ có thể làm vỡ kính cửa sổ hay gây ra một vài vết lõm trên tường mà thôi. Chỉ nguy hiểm nếu bị bắn lúc đang đi, đạn sẽ nổ ở cả hai bên đường. Chúng tôi đã nắm được gần như ngay lập tức nghệ thuật chỉ nghe tiếng đạn réo đã biết nó sẽ rơi xa hay gần. Đạn của bọn phát xít thời kì này rất dở. Pháo 150mm mà chỉ khoét được một cái hố đường kính chừng một mét tám và sâu chừng một mét hai; rồi cứ bốn quả đã có ít nhất một quả không nổ. Người ta thường kể những câu chuyện về công tác phá hoại trong nhà máy của bọn phát xít và nói rằng những quả đạn không nổ là vì công nhân không nạp thuốc súng mà lại nhét vào đó mảnh giấy có chữ: "Hồng quân", nhưng tôi chưa bao giờ thấy quả nào như thế. Sự thật là đạn đã quá cũ, có người đã tháo nắp đậy và nhìn thấy hàng chữ đóng bên trên: 1917. Súng của bọn phát xít cũng cùng loại và cùng cỡ với súng của chúng tôi, cho nên những quả không nổ thường được tái

chế và bắn trở lại. Người ta còn nói rằng có một viên đạn, được đặt tên đảng hoàng, ngày nào cũng được bắn qua bắn lại suốt mà không nổ.

Ban đêm người ta thường đưa những đội tuần tra nhỏ tiến sát chiến hào của bọn phát xít để nghe ngóng động tĩnh (kèn hiệu, còi ô tô...) để dự đoán hoạt động ở Huesca. Các đơn vị phát xít di chuyển thường xuyên, nhưng vụ nghe lén như thế có thể giúp tính toán được quân số của chúng. Chúng tôi được lệnh phải đặc biệt chú ý nghe tiếng chuông nhà thờ. Trước khi ra trận, bao giờ bọn phát xít cũng đi lễ nhà thờ. Ở giữa cánh đồng và các vườn cây thường có những túp lều hoang, tường đắp bằng đất. Che kín cửa sổ và dùng một que diêm để soi, đôi khi ta có thể tìm được những thứ có giá trị, thí dụ như một con dao phay hay bi đông đựng nước của bọn phát xít (tốt hơn của chúng tôi và rất có giá). Chúng tôi đi tuần cả vào ban ngày, nhưng phải bò. Một cảm giác thật kì lạ dâng lên trong lòng khi tôi bò qua những cánh đồng màu mỡ, bỏ hoang, nơi mọi vật dường như đã đông cứng lại ngay giữa mùa thu hoạch. Vụ mùa năm ngoái không được ai đoái hoài tới. Những cành nho không được cắt tỉa bò lều ngều trên mặt đất, lõi ngô trên thân cây cứng như đá, củ cải và củ cải đường đầy sọ bên ngoài, cứng chẳng khác gì gỗ. Chắc chắn là nhân dân oán trách quân đội cả hai bên. Thình thoảng chúng tôi lại cử mấy chiến sỹ đi đào khai tây. Cách chỗ chúng tôi chừng hai cây số về bên phải, nơi chiến hào hai bên tương đối gần nhau, có một cánh đồng khoai tây. Chúng tôi thường ra đó đào vào ban ngày còn bọn phát xít thì đào ban đêm vì súng máy của chúng tôi giữ thế thượng phong ở đây. Một đêm, bọn phát xít đi cả đoàn và đào sạch, làm chúng

tôi rất bức bối. Chúng tôi tìm được một cánh đồng khác, xa hơn, nhưng chỗ đó không có gì che chắn cả, muốn đào phải nằm sát bụng xuống đất, rất mỏi. Nếu bọn phát xít phát hiện được thì phải nằm thẳng ra, y như con chuột chui qua khe cửa vậy. Đạn sẽ cày tung đám đất cách đó vài mét. Nhưng đây là việc đáng làm. Khoai tây rất hiếm. Trong nhà bếp, một bao khoai tây có thể đổi được một bi đông cà phê đầy.

Vẫn chẳng có gì xảy ra cả, thậm chí có vẻ như chẳng thể nào xảy ra bất cứ chuyện gì. “Bao giờ thì chúng ta sẽ tấn công?” “Tại sao chúng ta không tấn công?”, đây là những câu hỏi được nghe thường xuyên, đêm cũng như ngày, cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh ở đây đều nói. Người ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy binh lính muốn đánh nhau, mà chắc chắn là họ muốn thế thật. Trong chiến hào, người lính chỉ mong có ba thứ: đánh nhau, thuốc lá và một tuần nghỉ phép. Chúng tôi đã được trang bị tốt hơn trước. Mỗi người đã được phát một trăm năm mươi chứ không phải năm mươi viên đạn nữa, dần dà rồi ai cũng được phát lưỡi lê, mũ sắt và vài quả lựu đạn. Ngày nào cũng có tin đồn về trận đánh sắp tới. Nhưng tôi lại nghĩ rằng người ta cố tình tung tin như thế để giữ vững tin thần binh sỹ. Không cần có nhiều hiểu biết về quân sự cũng có thể nhận thức được rằng không thể có những trận đánh lớn ở mặt trận này của Huesca, ít nhất là trong thời gian trước mắt. Con đường đi Jaca, ở phía bên kia thành phố, mới là mục tiêu chiến lược. Một thời gian sau, khi các lực lượng vô chính phủ tấn công vào quốc lộ đi Jaca thì chúng tôi được giao nhiệm vụ “cầm chân” và kéo lực lượng phát xít về phía mình.

Trong suốt gần sáu tuần lễ, trên khu vực chúng tôi chỉ có mỗi

một cuộc tấn công duy nhất. Đây là tiểu đoàn xung kích của chúng tôi tấn công Manicomio, một nhà thương điên bỏ hoang được quân phát xít biến thành pháo đài. Trong lực lượng của P.O.U.M. có mấy trăm người tị nạn người Đức. Họ được phiên chế thành một tiểu đoàn đặc biệt, gọi là tiểu đoàn xung kích. Xét từ quan điểm quân sự thì họ khác hẳn các đơn vị dân quân còn lại và có đáng dấp nhà binh hơn tất cả các đơn vị khác ở Tây Ban Nha, nếu không kể lực lượng cảnh sát vũ trang và một vài đơn vị của các binh đoàn quốc tế. Cuộc tấn công đã thất bại, như thường lệ. Có bao nhiêu cuộc tấn công của quân chính phủ không thất bại, tôi tự hỏi. Tiểu đoàn xung kích đã chiếm được Manicomio bằng một cuộc xung phong, nhưng đơn vị, tôi không nhớ thuộc lực lượng nào, yểm trợ cho họ đã không chiếm được cao điểm có thể khống chế được Manicomio. Viên đại úy chỉ huy trận đánh vốn là một sỹ quân đội cũ, khó mà tin được lòng trung thành của những người đó, nhưng chính phủ vẫn sử dụng họ. Không hiểu là do hoảng loạn hay phản bội mà anh ta đã báo động cho bọn phát xít bằng cách ném một quả lựu đạn khi còn cách vị trí của chúng những hai trăm mét. Tôi cảm thấy thích thú khi biết rằng anh ta đã bị binh lính dưới quyền bắn chết ngay tại trận. Nhưng trận tấn công đã mất tính bất ngờ, dân quân đã bị hoả lực mạnh bắn gục hàng loạt và buộc phải rút lui; tối hôm đó tiểu đoàn xung kích cũng buộc phải bỏ Manicomio. Xe cứu thương nối đuôi nhau trên con đường đầy ổ gà đi Sietamo, một số thương binh nặng đã bị chết vì những ổ gà, ổ voi trên con đường này.

Tất cả chúng tôi đều bắt đầu có rận, mặc dù đối với người thì vẫn còn rét, nhưng rận đã có thể sống được rồi. Tôi đã gặp đủ

thứ sâu bọ, nhưng chưa từng thấy loài nào kinh tởm như là rận. Những loài khác, thí dụ như muỗi, cắn đau hơn nhưng chúng không sống ngay trên cơ thể. Rận trông giống như con tôm nhỏ và thường chui vào quần áo. Trừ phi đốt hết quần áo, còn thì không có cách nào thoát được bọn chúng. Những cái trứng màu trắng, trông như những hạt gạo bé xíu, bám vào các đường chỉ và chỉ mấy ngày là đã sinh ra một đàn một lũ mới. Tôi nghĩ những người phản chiến nên phóng to hình một chú rận và in thêm vào các tờ rơi của họ. Chiến tranh là như thế đấy! Trong chiến tranh, tất cả binh lính đều có rận hết, chỉ ít là khi trời ấm. Dù chiến đấu ở đâu, bên cạnh pháo đài Verdun, hay trên cánh đồng Waterloo, ở Flodden, hay ở Senlac, hoặc ở Thermopylae, ở đâu thì trong háng mỗi người lính cũng có vài chú rận đang bò. Chúng tôi giết chúng bằng cách hơ quần áo trên bếp và tắm mỗi khi có điều kiện. Nếu không có rận thì chẳng ai có thể bắt được tôi lội xuống sông giữa mùa băng giá như thế này.

Mọi thứ: giày, quần áo, thuốc lá, xà phòng, diêm, dầu ăn đều sắp hết. Quần áo đồng phục rách tả tơi, nhiều người không còn giày, đành phải mang dép để tết bằng dây thùng. Giày rách xếp thành đống khắp nơi. Có lần chúng tôi đốt hai ngày liền mới hết số giày cũ, hoá ra đấy là một loại nhiên liệu không tồi. Lúc này vợ tôi đang ở Barcelona, cô thường gửi cho tôi trà, kẹo sôcôla và cả thuốc lá nữa, đấy là nói nếu mua được. Ngay cả ở Barcelona cũng có tình trạng khan hiếm, nhất là thuốc lá. Trà là của quý, sữa thì đừng có mong, đường đôi khi mới được phát. Ở Anh người ta vẫn thường xuyên gửi quà sang, nhưng chúng tôi không bao giờ được nhận; thức ăn, quần áo, thuốc lá, nếu không bị bưu điện trả về thì cũng bị tịch thu ở Pháp. Xin kể một

câu chuyện vui: kho quân nhu của Hải quân là nơi duy nhất đã gửi được cho vợ tôi mấy gói chè và một lần còn gửi được cả một hộp bánh quy. Tôi nghiệp quá! Họ đã thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, nhưng có lẽ họ sẽ mừng hơn nếu mấy món đó rơi vào tay binh lính của Franco bên kia chiến tuyến. Thiếu thuốc lá là khó chịu nhất. Thời kì đầu chúng tôi được phát một bao, sau đó là tám điếu, rồi năm điếu mỗi ngày. Mười ngày cuối cùng không có điếu nào. Đây là lần đầu tiên tôi thấy, là nói Tây Ban Nha chứ ở London thì ngày nào cũng có, cảnh người ta phải kiểm đầu mẩu vứt đi để hút.

Cuối tháng ba tôi bị một cái nhọt ở tay, phải mổ, cánh tay treo ngang vai. Tôi phải đi viện, nhưng Sietamo thì xa quá cho nên người ta đưa tôi đến “binh trạm” Monflorite, mà thực chất chỉ là một trạm băng bó tạm thời. Tôi ở lại đây mười ngày, có nhiều lúc nằm bẹp trên giường. Các thực tập sinh (y tá của trạm) đã ăn cắp gần hết các thứ có giá trị, kể cả ảnh và máy ảnh của tôi. Ngoài mặt trận thì ai cũng ăn cắp cả, đây là do thiếu thốn quá mà ra, nhưng nhân viên bệnh viện ăn cắp dã man nhất. Sau này, khi nằm trong bệnh viện ở Barcelona tôi có gặp một người Mỹ đến Tây Ban Nha trên một con tàu để tham gia vào binh đoàn quốc tế. Tàu của anh ta bị tàu ngầm Ý đánh chìm, thế mà theo lời anh ta, sau khi lên bờ, các nhân viên y tế còn kịp tháo chiếc đồng hồ đeo tay trong khi khiêng cáng của anh ta vào xe cứu thương.

Tay vẫn còn đau, vẫn phải treo ngang người mà tôi đã đi lang thang mấy ngày liền xung quanh Monflorite. Thật là tuyệt vời! Monflorite là một làng bình thường với những ngôi nhà tường làm bằng đất hoặc xây bằng đá, những con đường hẹp ngoằn ngoèo, đầy xe tải trông như những miệng núi lửa trên mặt trăng

vậy. Ngôi nhà thờ cũ nát được dùng làm kho quân dụng. Cả khu vực chỉ có hai trang trại tương đối lớn, gọi là Torre Lorenzo và Torre Fabián, và hai toà nhà khá to, chắc là nhà của mấy gia đình địa chủ. Cảnh giàu sang của họ thật là tương phản với những túp lều tồi tàn của nông dân xung quanh. Ngay cạnh dòng sông, không xa phòng tuyến, có một chiếc cối xay gió lớn, bên cạnh cũng có một ngôi nhà. Thật là xấu hổ khi thấy những cỗ máy đất tiền bị để cho thành han gỉ còn những tấm ván lát nền thì bị bóc ra làm củi đun. Sau này, để có củi đun, các đơn vị ở hậu phương đã cho xe đến rở sạch cả khu vực này. Người ta thường phá nền bằng cách cho nổ một trái lựu đạn. La Granja, nhà kho và bếp ăn của chúng tôi, có lẽ một thời từng là nữ tu viện. Trên một khu đất khoảng một ngàn mét vuông có một cái sân và mấy ngôi nhà, có cả chuồng ngựa nhốt được từ ba mươi đến bốn mươi con. Nhà dân ở khu vực này không có gì đặc biệt về mặt kiến trúc; nhưng nhà trong các trang trại, được xây bằng đá và đất sét với những mái vòm hình tròn và những cái rầm cực lớn trông khá đẹp. Có lẽ những ngôi nhà này được xây theo mẫu có từ hàng trăm năm trước. Thấy cách dân quân sử dụng những căn nhà này, đôi khi trong lòng ta cũng nảy sinh tình cảm, dù bất giác, với những tên phát xít chủ nhân của chúng. Ở La Granja, phòng nào không có người ở đều trở thành nhà xí hết, đồ gỗ gãy và cột đá trông đến rợn người. Tường ngôi nhà thờ nhỏ bên cạnh thì đầy vết đạn, còn nền thì cột đóng dày cả gang tay. Cái sân lớn, nơi các anh nuôi thường chia com, cũng đầy vỏ đồ hộp, bùn, cứt ngựa, thức ăn thiu. Tự nhiên tôi nhớ một bài mà binh lính trước đây thường hát:

Chuột cống, chuột cống,

*To như con mèo,
Trong kho quân nhu!*

Ở La Granja, chuột đúng là to chẳng khác gì mèo, béo múp míp, suốt ngày lượn lờ trên những đồng rác, dạn đến nỗi phải nổ súng thì may mới xua được chúng đi.

Mùa xuân thực sự đã về. Màu xanh da trời dường như dịu hơn, không khí như bỗng có mùi hương vậy.Ếch kêu inh ỏi. Tôi bắt được mấy con ếch màu xanh, to chỉ bằng đồng xu ở gần hồ nước vẫn dùng cho la uống. Da của nó xanh biếc và óng ánh còn hơn cả lá cây. Mấy chú nhóc, con những người nông dân còn ở lại đây mang xô đi bắt ốc sên rồi nướng ngay trên tấm sắt tây. Trời vừa ấm là nông dân đã ra đồng cày rồi. Cuộc cải cách nông nghiệp ở Tây Ban Nha khó hiểu đến nỗi tôi cũng chẳng biết là ruộng đất đã được tập thể hoá hay là nông dân tự chia ruộng với nhau. Tôi nghĩ rằng vì đây là vùng do P.O.U.M. và quân vô chính phủ kiểm soát cho nên về mặt lý thuyết ruộng đất đã được tập thể hoá. Dù sao thì cũng không còn địa chủ nữa, ruộng đất vẫn được cày cấy, còn nông dân thì tỏ ra phấn khởi. Tôi không khỏi ngạc nhiên trước tình cảm của người nông dân đối với chúng tôi. Đối với những người lớn tuổi, chiến tranh chỉ là một việc nhảm nhí, là thiếu thốn đủ thứ, cuộc sống chẳng có gì vui nữa; đây là chưa nói, ngay cả những lúc thuận lợi nhất người nhà quê cũng không muốn có binh lính đóng trong làng. Thế nhưng họ luôn tỏ ra hân hỉ, tôi nghĩ rằng về mặt nào đó họ không ưa chúng tôi, nhưng chúng tôi là người bảo vệ họ khỏi những tên địa chủ cũ. Nội chiến bao giờ cũng đầy chuyện lạ. Huesa chỉ cách đây chừng mười cây số, người nông dân ở

đây vẫn vào đấy mua bán, thân nhân của họ sống trong đó, tuần nào họ cũng vào đó bán gà và rau tươi. Thế mà đã tám tháng nay một hàng rào dây kẽm gai và súng máy đã chia vùng này thành hai nửa, không ai ra vào được thành phố nữa. Thế mà đôi khi họ cũng quên. Có lần, khi nói chuyện với một bà lão đang cầm một cái đèn sắt tây dùng để thắp bằng dầu ôliu, tôi buột miệng hỏi: “Mua cái này ở đâu?”. Bà lão đáp, không cần suy nghĩ: “Ở Huesa”, rồi cả hai cùng phá lên cười. Những cô thôn nữ xinh đẹp, tóc đen huyền, bước nhún nhảy, cư xử tự nhiên, thẳng thắn, có lẽ đấy là sản phẩm của cách mạng.

Mấy anh nông dân quần áo cũ nát; thường là áo sơ mi xanh, quần nhung đen, đội mũ rom rộng vành, cầm cày đi sau mấy con la liên tục vẫy tay. Cày của họ đã quá cũ, chỉ đủ làm xước đất chứ không thể tạo được cái mà ta quen gọi là luống cày. Tất cả công cụ sản xuất của họ đều đã quá cũ, đấy là do giá sắt thép quá đắt mà ra. Thí dụ, khi lưỡi cày bị gãy thì người ta phải đem đắp lại, lần sau gãy lại đắp, cho đến khi chỉ còn là những miếng vá mới thôi. Cào và cò leo toàn làm bằng gỗ. Nông dân ít khi có giày, họ không biết xẻng là gì; họ đào đất bằng những cái cuốc chẳng khác gì người Ấn Độ. Ở đây có những cái bừa trông như có từ thời đồ đá vậy. Đấy là những tấm ván ghép vào nhau, to bằng cái bàn ăn, mỗi tấm được khoét hàng trăm lỗ, mỗi lỗ nhét một viên đá được mài như người ta đã từng mài cách đây cả chục ngàn năm trước. Tôi vẫn nhớ cảm giác hốt hoảng khi nhìn thấy mấy thứ này trong một ngôi nhà bỏ hoang giữa vùng đất tranh chấp. Tôi đã xem xét nó rất lâu trước khi hiểu rằng đấy là một cái bừa. Tôi cảm thấy choáng váng khi nghĩ đến khối lượng công việc mà người ta đã bỏ ra và cái nghèo đã buộc người ta

phải dùng đá chứ không thể dùng sắt để làm lưỡi bừa. Tôi có thiện cảm hơn với quá trình công nghiệp hoá kể từ đây. Thế mà trong làng lại có đến hai cái máy kéo hiện đại, chắc chắn là do người ta tịch thu được của mấy tay địa chủ giàu có ở đầu đó.

Tôi có đến khu nghĩa trang nhỏ, có hàng rào, cách làng chừng hai cây số, một đôi lần. Những người chết trận thường được đưa về Sietamo, đây là nghĩa địa của làng. Trông khác hẳn nghĩa địa ở Anh. Không có một sự kính trọng nào đối với người quá cố! Mồ mả đầy bụi cây và cỏ dại, xương người nổi lên khắp nơi. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất là không thấy có một dấu hiệu tôn giáo nào trên bia mộ, mặc dù đây là những ngôi mộ có từ trước cách mạng. Tôi nhớ chỉ một lần nhìn thấy câu: “Hãy cầu nguyện cho hương hồn...”, tức là câu thường gặp trên các bia mộ của người Công giáo. Đa số bia mộ đều viết những câu thuộc về thể tục, phần lớn là những bài về ca ngợi đức hạnh của người quá cố. Bốn, năm ngôi mộ mới có một ngôi có dấu chữ thập hay một kí hiệu gì đó nhắc đến Thượng Đế; nhưng tất cả đều đã bị một kẻ vô thần nào đó dùng đục bóc hết đi rồi.

Điều làm tôi kinh ngạc nhất là dân chúng ở đây hoàn toàn không có tình cảm tôn giáo, tôi muốn nói cái tình cảm chính thống, như những ngày xa xưa. Đáng chú ý là suốt thời gian ở Tây Ban Nha, tôi không thấy ai làm dấu thánh giá, những động tác như thế tưởng chừng đã thành bản năng, cách mạng hay không thì cũng vậy mà thôi. Chắc chắn là nhà thờ Tây Ban Nha sẽ quay trở lại (như câu ngạn ngữ: Ban đêm người dòng Tên sẽ quay trở về), nhưng không nghi ngờ gì rằng nhà thờ đã sụp đổ ngay khi cách mạng vừa bùng lên. Tôi nghĩ rằng nếu xảy ra những hoàn cảnh tương tự thì nhà thờ Anh, tuy đã suy tàn

lầm rồi, cũng sẽ không thể suy sụp đến như thế được. Đối với người Tây Ban Nha, ít nhất là đối với vùng Catalonia và Aragon, nhà thờ chỉ còn là biểu tượng của sự lừa gạt. Ở một mức độ nào đó, niềm tin Thiên chúa giáo đã được thay thế bằng chủ nghĩa vô chính phủ, ảnh hưởng của nó cũng khá rộng và cũng mang màu sắc tôn giáo từ lâu.

Đúng hôm tôi ra viện thì chúng tôi đưa chiến hào tiến lên được chừng một ngàn mét, dọc theo một dòng suối nhỏ, cách chiến hào quân phát xít chừng vài trăm mét. Việc này đáng lẽ phải làm cách đây cả mấy tháng. Hiện nay mới làm là vì quân vô chính phủ đang tấn công vào quốc lộ đi Jaca, chúng tôi tiến lên nhằm thu hút bớt lực lượng địch về phía mình.

Chúng tôi đã thức suốt sáu mươi hay bảy mươi tiếng đồng hồ liền, kí ức trở nên mờ mịt, nói chính xác hơn là trở thành những hình ảnh rời rạc. Tôi nhớ đã cùng tham gia nghe trộm trên vùng đất tranh chấp, cách nông trại có tên là Casa Francesa khoảng một trăm mét. Trang trại này đã biến thành một cứ điểm trên phòng tuyến của bọn phát xít. Chúng tôi nằm suốt bảy tiếng đồng hồ trong đám bùn nhão nhoét, sặc mùi lau sậy thối. Tôi vẫn còn nhớ mùi lau sậy thối rữa, nhớ cái rét thấu xương, nhớ những ngôi sao bất động giữa đêm đen, nhớ tiếng ếch kêu inh ỏi. Mặc dù đã sang tháng tư, nhưng tôi cho là đây là một đêm lạnh nhất ở Tây Ban Nha. Phía sau, cách đây chỉ một trăm mét, mọi người đang hối hả đào hào, nhưng vẫn không nghe thấy gì ngoài tiếng ếch kêu. Suốt đêm tôi chỉ nghe thấy một tiếng động duy nhất, đấy là tiếng xẻng đập lên bao tải cát. Thật thú vị, đòi khi người Tây Ban Nha cũng có ý thức tổ chức ra phết! Toàn bộ công việc đã được tổ chức rất khéo. Trong vòng bảy tiếng đồng

hồ, sáu trăm con người đã đào được hai trăm mét giao thông hào với đầy đủ bờ công sự, mà lại chỉ cách phòng tuyến quân thù từ 150 mét đến 300 mét. Bọn phát xít không nghe thấy gì, suốt đêm chỉ có một người bị thương. Hôm sau, dĩ nhiên là có nhiều thương vong hơn. Mỗi người đều có nhiệm vụ rõ ràng, thậm chí anh nuôi đã kịp mang đến mấy thùng rượu vang có pha brandy ngay khi công việc vừa kết thúc.

Trời sáng, bọn phát xít bất ngờ phát hiện được rằng chúng tôi đã ở ngay trước mũi chúng. Chúng tôi còn cách Casa Francesa khoảng hai trăm mét, nhưng mấy ngôi nhà màu trắng trông như treo ngay trên đầu, những khẩu súng máy sau mấy bao cát từ cửa sổ tầng hai như nhắm thẳng vào giao thông hào của chúng tôi. Chúng tôi đứng nhìn, miệng há hốc, tự hỏi vì sao bọn phát xít không thấy chúng tôi, thì bất thình lình đạn bắn như vãi trấu. Mọi người vội vàng quỳ xuống, đào lấy đào để, vừa đào sâu thêm giao thông hào vừa đào những công sự nhỏ sang hai bên. Tay vẫn còn đeo băng, không đào được, tôi đọc sách suốt ngày hôm đó, đây là cuốn tiểu thuyết trinh thám Người cho vay lãi mất tích. Tôi không còn nhớ nội dung, nhưng tôi nhớ rõ cảm giác lúc ngồi đọc: đất sét nền chiến hào ẩm ướt, thỉnh thoảng lại phải co chân vào để tránh đường cho người ta đi và tiếng đạn réo ngay trên đầu. Thomas Parker bị một viên đạn xuyên qua phía trên bắp đùi, anh ta bảo chuyện đó vượt ra ngoài mọi tính toán. Có thương vong trên toàn tuyến, nhưng nếu bọn phát xít phát hiện được từ ban đêm thì thương vong sẽ lớn hơn nhiều. Sau này, mấy tên đào ngũ khai rằng năm lính gác phát xít đã bị bắn vì tội lo là nhiệm vụ. Nhưng ngay cả lúc này, nếu biết kéo đến đây mấy khẩu súng cối thì chúng vẫn có thể làm thịt hết

chúng tôi. Khiêng thương binh trong chiến hào vừa chật vừa đông người là việc khá khó khăn. Tôi đã nhìn thấy một thương binh, quần đẫm máu, đau quá, lăn lộn đến nổi rơi khỏi cáng. Thương binh phải cáng khá xa, khoảng một cây số rưỡi hay hơn vì ngay cả nếu có đường, xe cứu thương cũng không bao giờ dám đến quá gần chiến tuyến. Bọn phát xít sẽ bắn ngay nếu thấy xe cứu thương đến gần, chúng làm thế cũng có lí vì trong cuộc chiến tranh hiện đại chẳng có ai áy náy khi đem xe cứu thương đi tải đạn.

Đêm hôm sau chúng tôi ngồi chờ lệnh tấn công ở Torre Fabián. Nhưng rồi quyết định bãi bỏ cuộc tấn công được truyền qua máy bộ đàm vào phút chót. Cái kho, nơi chúng tôi ngồi đợi lệnh được trải một lớp rom mỏng, bên dưới đầy các thú xương, cả xương người lẫn xương bò. Chuột cống chạy loạn xạ, chúng lao vào trong nhà tù khắp các hướng. Tôi ghét nhất là trong bóng tối mà bị mấy con chuột chạy lên người. Tôi rất khoái khi đã trúng một con thật mạnh làm nó bay tít ra xa.

Chúng tôi ngồi đợi, cách bờ công sự của bọn phát xít khoảng năm mươi đến sáu mươi mét. Một dãy dài các chiến sỹ lom khom dưới chiến hào xâm xấp nước, trong màn đêm chỉ nhìn thấy mũi lưỡi lê và con ngoi lấp lánh mà thôi. Sau lưng chúng tôi là Kopp và Benjamin và một liên lạc viên đeo máy bộ đàm trên lưng. Phía Tây, thỉnh thoảng lại thấy những ánh chớp màu hồng và sau đó mấy giây là tiếng nổ đing tai nhức óc của đạn đại bác. Có tiếng loẹt xoẹt của máy bộ đàm và tiếng thì thầm ra lệnh rút lui trong khi còn kịp. Chúng tôi rút, nhưng không được nhanh lắm. Mười hai chú nhóc tội nghiệp của J.C.I. (Liên đoàn Thanh niên của P.O.U.M., trong lực lượng dân quân của P.S.U.C.

được gọi là J.C.I.) nằm chỉ cách chiến hào phát xít chừng bốn chục mét, không biết là trời sắp sáng, không kịp rút lui. Họ phải nằm ở đấy suốt một ngày, chỉ có mấy nắm cỏ làm lá nguy trang, trong khi chỉ cần động đậy một chút là bọn phát xít đã bắn như vãi đạn rồi. Đến chiều có bảy người hi sinh, năm người bò được về khi đêm xuống.

Nhiều ngày sau chúng tôi còn nghe thấy âm thanh của những cuộc tấn công của quân vô chính phủ ở mặt trận phía bên kia Huesa. Lúc nào cũng là những âm thanh đó: bất thình lình, trước khi trời rạng sáng, là một loạt tiếng nổ của hàng chục quả đại bác - dù ở rất xa nhưng tiếng nổ nghe như muốn xé màng nhĩ - rồi đến tiếng nổ không ngừng nghỉ của súng trường và súng máy, những âm thanh rền vang, nặng nề nghe như tiếng trống ngũ liên. Dần dần cả mặt trận xung quanh Huesa đều vang lên tiếng súng, chúng tôi đứng, lưng dựa vào thành công sự, gật gà ngủ, mặc kệ tiếng đạn nổ phía trên đầu.

Ban ngày, đạn đại bác thường nổ đều từng chập. Torre Fabián, bây giờ là nhà ăn của chúng tôi, đầy vết đạn và đã bị sập vài chỗ. Thật lạ là nếu đứng ở xa mà nhìn thì bao giờ ta cũng muốn đạn rơi trúng mục tiêu, ngay cả ở đấy có những người đồng đội và bữa ăn trưa của ta. Sáng nay bọn phát xít bắn khá chính xác, cũng có thể đấy là mấy xạ thủ người Đức. Chúng bắn hai phát, một phát xa hơn, một phát gần hơn để chính cự li và phát thứ ba thì bắn trúng mục tiêu. Xà gỗ, tấm lợp bị bắn tung lên không trung như những quân bài. Phát thứ tư cất gọn hẳn một góc nhà, trông chẳng khác gì có một người khổng lồ cầm dao xén vảy. Thế mà các anh nuôi vẫn cho ăn đúng giờ, thật là một kì công.

Chỉ sau mấy ngày, dù không nhìn thấy, nhưng chỉ nghe tiếng nổ là chúng tôi đã có thể phân biệt được từng khẩu súng. Có hai khẩu đội 75-mm do Nga sản xuất, bắn từ khoảng cách khá gần, không hiểu sao mỗi lần nghe thấy tiếng nổ là trong đầu tôi lại xuất hiện hình ảnh một anh chàng béo đang chơi golf. Đây là lần đầu tiên tôi thấy, đúng hơn là nghe thấy, đại bác của Nga. Đạn bay thấp với tốc độ rất cao, tiếng đầu nòng, tiếng rít và tiếng nổ của quả đạn xảy ra gần như cùng một lúc. Phía bên kia Monflorite có hai khẩu pháo hạng nặng, mỗi ngày chỉ bắn mấy phát, tiếng nổ trầm và nghẹn như tiếng rống của một con quái vật bị xích. Trên ngọn núi Aragon có một pháo đài xây từ hồi Trung cổ, quân đội chính phủ đã chiếm được bằng một cuộc tấn công vào năm ngoái (người ta nói rằng đây là lần đầu tiên nó bị thất thủ), pháo đài này bảo vệ một trong những con đường đi Huesa, có một khẩu pháo hạng nặng chắc chắn là được sản xuất từ thế kỉ XIX. Những viên đạn nặng nề của nó bay chậm đến nỗi có cảm tưởng như chẳng nhanh hơn người ta chạy là mấy. Tiếng rít của nó nghe như có người vừa đi xe đạp vừa huýt gió. Súng cối tầm gần, tuy nhỏ, nhưng nổ khủng khiếp nhất. Đạn súng cối trông như những quả thủy lôi có cánh, to bằng cái chai một lít, đầu nhọn như phi tiêu. Tiếng gầm rít chói của nó nghe như một quả cầu gang giòn rơi lên đe và vỡ tan thành hàng trăm mảnh. Đôi khi máy bay của chúng tôi cũng thả xuống vài quả bom, cách vài cây số tiếng nổ còn làm cho mặt đất rung lên bần bật. Đạn phòng không của bọn phát xít bắn lên nhiều đến nỗi khói cuộn lại thành những đám mây nhỏ trên nền trời, nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng cách máy bay dưới một cây số. Khi máy bay bổ nhào để bắn thì tiếng súng

máy bên dưới nghe dồn dập chẳng khác gì tiếng vỗ cánh của một đàn chim cực lớn.

Khu vực của chúng tôi vẫn gần như chẳng có động tĩnh gì. Cách chúng tôi chừng hai trăm mét về bên phải có một cao điểm của bọn phát xít, lính bắn tỉa của chúng đã làm mấy người của chúng tôi bị thương. Cách chúng tôi cũng chừng hai trăm mét về bên trái có một cái cầu, ở đây đã diễn ra trận đấu súng giữa súng cối của bọn phát xít và toán chiến sỹ đang dùng xi măng để xây chiến lũy ngay trên cầu. Những viên đạn nhỏ rú rít trên không, bùm! bùm! tiếng nổ trên đường nhựa nghe càng khủng khiếp gấp bội. Cách khoảng một trăm mét, tức là trong vùng an toàn, có thể thấy khói và đất đá tung lên như những chiếc nấm khổng lồ. Mấy anh chàng khốn khổ trên cầu gần như phải ngồi cả ngày trong hầm trú ẩn đào vội cạnh bờ chiến hào. Nhưng số thương vong không lớn như người ta có thể nghĩ, chiến lũy vẫn được xây cao thêm từng ngày. Cuối cùng, họ đã xây được một bức tường dày khoảng nửa mét, có lỗ châu mai cho hai khẩu súng cối và một khẩu súng máy. Cốt thép là những thanh sắt lấy từ mấy chiếc giường cũ.

7

Buổi chiều Benjamin bảo anh ta cần mười lăm người tình nguyện. Cuộc tấn công vào vị trí của bọn phát xít, đã bị huỷ bỏ lần trước, sẽ được khởi động lại vào đêm nay. Tòilau dầu lại mười viên đạn do Mexico sản xuất, bôi đen nòng súng đi (khi có ánh sáng nó có thể phản quang làm lộ vị trí) rồi cho vào ba lô một cái bánh mì, một khoanh xúc xích đỏ, một miếng xi gà, do bà xã gửi từ Bcelona tới từ khá lâu rồi. Mỗi người được phát ba quả lựu đạn. Cuối cùng, chính phủ Tây Ban Nha cũng tổ chức sản xuất được những quả lựu đạn tử tế. Vẫn hoạt động theo nguyên tắc Mills, nhưng có hai chốt an toàn chứ không phải một như trước đây. Lựu đạn sẽ nổ sau khi rút cả hai chốt an toàn được bẫy giây. Khiếm khuyết lớn nhất của nó là một chốt thì quá chặt, còn chốt kia lại quá lỏng. Nếu để nguyên thì khi hữu sự có thể không rút kịp cái chốt quá chặt, còn rút một cái trước thì lúc nào cũng lo nó sẽ nổ ngay trong túi. Nhưng dù sao đây cũng là loại lựu đạn nhỏ, dễ ném.

Gần nửa đêm, Benjamin dẫn mười lăm người chúng tôi đi xuống Torre Fabián. Mưa nặng hạt ngay từ chiều. Nước tràn bờ mấy con kênh, trượt chân xuống kênh là ướt đến ngang thắt lưng ngay. Mưa và tối như hũ nút, thế mà một đám đông vẫn

đang ngồi đợi ngay trong sân trang trại. Kopp đứng đàn, giải thích kế hoạch tấn công, lúc đầu nói bằng tiếng Tây Ban Nha, sau đó bằng tiếng Anh. Chiến hào của bọn phát xít ở khu vực này có hình chữ L, chúng tôi phải tấn công công sự nằm trên một khu đất cao ngay góc chữ L. Khoảng ba mươi người, một nửa là người Tây Ban Nha, một nửa là người Anh, do Jorge Roca, lữ đoàn trưởng của chúng tôi (lữ đoàn dân quân có khoảng bốn trăm người) và Benjamin chỉ huy, có nhiệm vụ bò lên cất hàng rào kẽm gai. Sau đó Jorge sẽ ném quả lựu đạn đầu tiên làm hiệu lệnh, rồi tất cả mọi người đồng loạt ném, đẩy bọn phát xít khỏi công sự và tiến lên trước khi bọn chúng kịp trấn tĩnh lại. Đồng thời bảy mươi chiến sỹ thuộc lực lượng xung kích sẽ tấn công “chốt” bên cạnh, cách chúng tôi chừng hai trăm mét về bên phải. Hai “chốt” được nối với nhau bằng một giao thông hào. Để không bắn vào nhau, mỗi người đều sẽ được phát một dải băng màu trắng để đeo vào cánh tay. Nhưng đúng lúc đó thì liên lạc viên tới thông báo rằng không chuẩn bị được dải băng. Trong bóng tối vang lên tiếng làu bàu của ai đó: “Bảo bọn phát xít đeo băng trắng vào có được không?”

Phải đợi thêm một đến hai tiếng nữa. Kho chứa cỏ đã bị pháo kích tan hoang đến nỗi không thể đi được nếu không có đèn. Một nửa sàn tầng trên đã bị phá hỏng và rơi từ trên cao khoảng sáu mét xuống nền đá bên dưới. Người ta tìm được một cái xà beng và nạy ra mấy thanh gỗ, chỉ mấy phút sau chúng tôi đã mang quần áo ướt ra hong trên ngọn lửa. Một người lấy ra bộ bài. Người ta bắt đầu kháo nhau - đây là một trong những tin đồn bí hiểm đặc thù của cuộc chiến tranh này - rằng mỗi người sẽ được phát một li cà phê có pha brandy ngay bây giờ. Mọi

người cùng lao theo cái cầu thang sắp sập và đi tìm xung quanh xem cà phê để ở đâu. Lạy chúa tôi! Làm gì có cà phê. Người ta gọi chúng tôi lại, hạ lệnh cho chúng tôi xếp hàng rồi tất cả vội vã theo Jorge và Benjamin bước vào màn đêm.

Vẫn còn mưa và rất tối, nhưng gió đã lặng. Bẩn không thể tả xiết. Đường đi xuyên qua những cánh đồng trồng củ cải đã biến thành đầm bùn nhão nhoẹt, trơn như đổ mỡ, thỉnh thoảng lại còn gặp những ổ gà, ổ voi đầy nước nữa. Trước khi đến xuất phát điểm, ai cũng bị ngã vài lần, súng thì bắn hết. Có mấy người trong đơn vị dự bị và một bác sỹ với những cái cẳng thương đợi sẵn ở đây. Từng người một chui qua khoảng trống trên bờ công sự và lội ngang qua một kênh đào nữa. Nước ngập đến thắt lưng, bùn chui vào trong ủng. Jorge ngồi đợi chúng tôi trên bãi cỏ. Sau đó anh bắt đầu gập người xuống và rón rén bước. Công sự của bọn phát xít còn cách khoảng một trăm năm mươi mét. Phải giữ thật yên lặng thì mới mong bò được đến đó.

Tôi đi bên cạnh Jorge và Benjamin. Người vẫn cúi gập như cũ, nhưng mặt phải ngẩng lên, chúng tôi rón rén bước trong màn đêm, càng đến gần càng đi chậm hơn. Mưa lả tả rơi vào mặt. Quay đầu nhìn lại, tôi chỉ thấy mấy người đi ngay đằng sau, ai cũng cong cong như những chiếc nấm lớn màu đen đang di chuyển. Nhưng mỗi khi tôi ngẩng đầu lên thì Benjamin, tức là người đi ngay bên cạnh, lại thì thầm sát vào tai: “Cúi đầu xuống! Cúi đầu xuống!” Tôi có thể nói với anh ta rằng không cần phải lo. Tôi biết là trong đêm tối thì cách hai chục bước là đã không trông thấy nhau rồi. Quan trọng nhất là giữ yên lặng. Chỉ cần chúng nghe thấy là xong. Chúng chỉ việc bấm cò súng máy là chúng tôi chỉ còn có nước tháo lui hay là bị giết sạch.

Nhưng đi trong bùn lầy thì thật khó mà giữ được yên lặng. Kiểu gì thì chân cũng dính đầy bùn và mỗi lần bước là một lần phát ra tiếng kêu ì oạp. Tai hại hơn nữa là không có gió, tuy có mưa nhưng đêm xem ra có vẻ cực kì yên tĩnh. Tiếng động sẽ truyền đi rất xa. Sợ nhất là lúc tôi chạm phải cái vỏ đồ hộp, tưởng như bọn phát xít cách vài cây số cũng nghe thấy. Nhưng không, không có tiếng súng, không thấy có động tĩnh nào bên phía phát xít. Chúng tôi tiếp tục trườn lên, càng lúc càng chậm hơn. Ước muốn đến ngay được chỗ đó cứ cuộn cuộn dâng lên trong lòng, không thể nào mô tả được. Ước gì có thể lao ngay đến gần để ném một quả lựu đạn trước khi chúng nhận ra! Không còn sợ gì hết, trong đầu chỉ còn một ước muốn tuyệt vọng, đấy là làm sao tiến ngay được đến chỗ quân thù. Tôi từng có cảm giác như thế, đấy là lúc đi săn trong rừng. Cùng cái ước muốn tiến được đến gần con mồi đến xé lòng như thế, cùng với niềm tin chắc chắn rằng đấy là việc bất khả thi như thế nào. Mà khoảng cách thì như cứ dài thêm ra! Tôi biết khu vực này, chỉ khoảng một trăm rưỡi mét, thế mà tưởng như dài cả vài cây số. Bò một cách chậm chạp như thế, có cảm tưởng như mình là một con kiến trước phong cảnh đổi thay của vùng đất: chỗ này có một đám cỏ muột, chỗ này là đám bùn lầy chó chết, chỗ này là đám sậy cao phải vượt qua càng nhanh càng tốt, chỗ này là một đồng đá, tưởng như không thể nào bò qua mà không gây ra tiếng động.

Chúng tôi bò lâu đến nỗi tôi bắt đầu nghĩ rằng chúng tôi đã lạc đường. Thế rồi trong màn đêm bỗng hiện lên mờ mờ những vệt đen. Đấy là hàng rào dây thép gai bên ngoài (bọn phát xít thường rào hai hàng). Jorge quì lên đầu gối, rồi cho tay vào túi.

Chiếc kéo cắt dây thép gai duy nhất được giao cho anh ta giữ. Tách, tách. Những đoạn dây đứt được kéo sang bên cạnh. Phải đợi những người đi đằng sau đến cho đủ. Họ bò ồn ào phát sợ lên được. Còn cách công sự của bọn phát xít chừng năm mươi mét nữa thôi. Cúi xuống, bước tiếp. Nhấc chân thật rón rén, rồi hạ xuống thật nhẹ nhàng, y như mèo đến gần hang chuột vậy, dừng lại nghe ngóng rồi sau mới bước tiếp. Tôi vừa ngẩng đầu lên thì bị Benjamin nắm cổ ấn thật mạnh xuống đất. Tôi biết là hàng rào bên trong chỉ cách công sự có hai mươi mét. Tôi có cảm tưởng là ba mươi con người này không thể nào đi được đến đó mà không bị phát hiện. Ngay tiếng thở cũng đủ làm lộ rồi. Thế mà chúng tôi vẫn tới được. Công sự của bọn phát xít đã hiện rõ, đấy là một ụ đất đen, nhô cao phía trên chúng tôi. Jorge lại quỳ xuống đầu gối và ra tay. Tách, tách. Không thể nào cắt khê hơn được.

Thế là xong hàng rào kẽm gai bên trong. Chúng tôi bò qua bằng cả bốn vó, còn nhanh hơn trước. Nếu có thì giờ triển khai thì mọi sự đã hoàn toàn tốt đẹp rồi. Jorge và Benjamin bò sang bên phải. Những người khác sẽ phải lần lượt bò qua cửa mở trên hàng rào. Đúng lúc đó thì có một tia chớp và tiếng nổ vang lên trong công sự của bọn phát xít. Linh gác đã phát hiện được chúng tôi. Jorge quỳ một gối xuống và vung tay ném một quả lựu đạn. Đoàng! Lựu đạn nổ bên trên công sự. Ngay lập tức, nhanh hơn người ta tưởng rất nhiều, phải đến mười hay hai mươi khẩu súng cùng nổ một lúc. Như vậy là bọn chúng đã chờ sẵn rồi. Trong khoảng sáng nhợt nhạt có thể nhìn rõ từng bao cát. Những người ở xa phía sau vội vã ném ngay lựu đạn, nhiều quả không bay tới công sự. Có vẻ như lỗ châu mai nào

cũng có tia lửa phun ra vậy. Nằm dưới làn đạn trong bóng đêm là việc cực kì khó chịu. Cứ thấy tia lửa loé lên là lại tưởng như nó đang nhắm thẳng vào mình. Nhưng lựu đạn mới thật đáng sợ. Phải chúng kiến một quả lựu đạn nổ ngay bên cạnh, mà phải vào ban đêm thì mới thấy hết được sự khủng khiếp của nó. Ban ngày, đây chỉ là một tiếng nổ; ban đêm, ngoài tiếng nổ còn có một quầng lửa chói lòe màu đỏ nữa. Tôi bỏ nhào xuống đất ngay sau loạt đạn đầu tiên. Tôi nằm nghiêng trên đám bùn nhào nhoẹt và tìm mọi cách để tháo ngòi nổ quả lựu đạn. Cái que chết tiệt này mãi không chịu ra. Cuối cùng tôi phát hiện ra là mình quay ngược. Tôi rút chốt an toàn, rồi quì trên hai đầu gối và vung tay ném. Quả lựu đạn không bay tới đích, mà lại rơi về phía bên phải, sợ quá cho nên tôi đã ném trệch mục tiêu. Đúng lúc đó có một quả nổ ngay trước mặt tôi, gần đến nỗi tôi cảm thấy cả hơi nóng của nó. Tôi vội nằm sấp xuống đất, mặt đập xuống bùn mạnh đến nỗi cổ bị đau, tôi cứ tưởng là đã bị thương. Dù rất ồn ào, nhưng tôi vẫn nghe thấy tiếng một người Anh thì thầm ngay phía sau: “Tôi bị thương rồi”. Quả lựu đạn này đã làm mấy người xung quanh tôi bị thương, may mà tôi không việc gì. Tôi ngồi dậy và vung tay ném quả thứ hai, không nhớ quả này rơi vào đâu.

Phát xít bắn từ đằng trước, quân ta bắn từ đằng sau, rõ ràng là tôi đang nằm giữa hai làn đạn. Tiếng súng nổ sát bên tai, tôi biết rằng người bắn đang nằm ngay đằng sau mình. Tôi đứng dậy và hét lớn: “Đừng bắn vào tôi, đồ ngu!”. Đúng lúc đó tôi nhìn thấy Benjamin, anh ta nằm cách tôi chừng mười đến mười lăm mét và đang giơ tay vẫy. Tôi chạy lại phía anh. Nghĩa là phải chạy qua một loạt lỗ châu mai đang bắn như vãi đạn, thế mà tôi

vẫn chạy, tay trái đưa lên che mặt; thật là một hành động ngu xuẩn, tay thì làm sao che được đạn, nhưng tôi rất sợ bị thương vào mặt. Benjamin quì, khuôn mặt anh trông mẫn nguyện một cách đầy ác ý, và đang nhắm khẩu súng lục vào những chỗ vừa phát ánh chớp để bắn. Jorge đã bị thương ngay từ loạt đạn đầu và đang nằm ở đâu đó, tôi không trông thấy. Tôi quì xuống bên cạnh Benjamin, rồi rút chốt quả lựu đạn thứ ba và ném. Tuyệt vời! Lần này thì trúng là cái chắc. Quả lựu đạn nổ bên trong công sự, ngay bên cạnh chỗ chúng đặt khẩu súng máy.

Tiếng súng của bọn phát xít bất ngờ yếu hẳn đi. Benjamin đứng thẳng dậy và hô lớn: “Xông lên! Tấn công!”. Chúng tôi lao lên theo bờ dốc đứng, công sự của bọn phát xít nằm trên đỉnh đồi. Tôi nói “lao lên”, nhưng “bò lên” mới đúng. Người ướt như chuột lột, bùn lấm từ chân lên đầu, lại mang cả súng lẫn lưỡi lê và một trăm năm mươi viên đạn thì chẳng thể nào đi nhanh được. Tôi tin là có một tên phát xít đang đợi mình trên đỉnh dốc. Với khoảng cách như thế này, hẳn mà bắn thì chắc chắn phải trúng, nhưng không hiểu sao tôi lại nghĩ là hẳn sẽ không bắn mà sẽ đâm bằng lưỡi lê. Tôi tưởng tượng ra cảnh chúng tôi đang đấu với nhau và tự hỏi không biết tay ai khỏe hơn. Nhưng hoá ra chẳng có tên phát xít nào ở đây cả. Cảm giác có phần nhẹ nhõm khi tôi phát hiện ra rằng bờ công sự không cao, mấy bao cát còn giúp cho người ta trèo lên nhanh hơn. Thường thì đây phải là những chỗ khó trèo. Mọi thứ bên trong đều tan nát hết, xà gỗ, mái che vung vãi khắp nơi. Lựu đạn của chúng tôi đã phá sập hết mái che và công sự. Nhưng xung quanh không một bóng người. Tôi nghĩ chắc chúng nấp ở đâu đó, nên hô lớn bằng tiếng Anh (lúc đó tôi chẳng nghĩ ra một từ Tây Ban

Nha nào): “Ra đi! Đầu hàng đi!” Không ai trả lời. Rồi có một người, trong ánh sáng mờ mờ trông chỉ như một cái bóng, nhảy qua mái mấy túp lều đã sập và phóng về phía bên trái. Tôi lao ra, vừa chạy vừa đâm lưới lê theo nhưng không trúng. Khi vượt qua góc một cái lều tôi lại thấy một người - không biết có phải là người tôi đã nhìn thấy không - đang chạy trong giao thông hào dẫn sang cái chốt khác của bọn phát xít. Tôi nhìn rõ anh ta, chắc chắn là tôi đuổi gần kịp rồi. Anh ta không đội mũ, mà có vẻ như cũng chẳng có quần áo gì hết, chỉ thấy khoác một cái chăn. Nếu tôi bắn thì chắc chắn anh ta sẽ tan ra từng mảnh. Để không bắn phải nhau chúng tôi được lệnh là khi đã vào được công sự rồi thì chỉ dùng lưới lê thôi. Nhưng quả thật lúc đó tôi cũng không hề nghĩ đến bắn. Trong đầu tôi lúc đó bỗng hiện lên câu chuyện của hai mươi năm về trước: đây là ông thầy dạy đấm bốc diễn lại cảnh ông đã dùng lưới lê đâm chết một anh lính người Thổ ở Dardanelles. Tôi nắm chặt báng súng và đâm mạnh vào lưng người kia. Không tới. Một cú nữa, cũng không tới. Chúng tôi tiếp tục như thế, anh ta chạy dưới giao thông hào, còn tôi thì ở trên, thỉnh thoảng lại đâm vào bả vai anh ta, nhưng không tới. Nghĩ lại thật là tức cười, nhưng lúc đó anh ta chẳng thể buồn cười được đâu.

Chắc chắn là anh ta nắm vững địa hình hơn tôi và chẳng mấy chốc đã chạy thoát. Khi tôi quay lại thì vị trí đã đầy người đang hò hét rồi. Bọn phát xít bắn như vài đạn từ cả ba hướng, nhưng hai bên cách nhau rất xa.

Hiện chúng tôi đã đẩy lui được chúng. Tôi nhớ đã nói một cách đầy bí hiểm: “Chúng ta chỉ giữ được vị trí này nửa tiếng là cùng”. Tôi cũng không hiểu vì sao mình lại nói nửa tiếng. Chỉ

cần nhìn sang bên phải là có thể sẽ thấy hàng loạt chớp đạn súng trường màu xanh xuyên qua màn đêm. Nhưng vẫn còn xa, khoảng từ một trăm đến hai trăm mét. Công việc của chúng tôi bây giờ là lục lọi thật kĩ vị trí và lấy đi tất cả những gì đáng giá. Benjamin và một vài người nữa đang cào bới đồng xà bần của một cái chòi hay tầng sê ở giữa vị trí. Benjamin chui ra khỏi cái mái sập, mặt mũi vô cùng hớn hờ, vừa đi vừa kéo theo hòm đạn buộc trên một sợi dây thừng.

“Các đồng chí! Đạn! Nhiều đạn lắm!”

“Không cần đạn!”, có người trả lời, “Cần súng cơ!”

Đúng như thế. Một nửa súng của chúng tôi đã bị kẹt vì bùn, không dùng được nữa. Có thể chữa, nhưng tháo ra trong lúc tối thế này thì thật nguy hiểm, chẳng thể nào nhớ được là đã đặt ở đâu. Tôi có một chiếc đèn pin nhỏ, bà xã nhà tôi đã tìm cách mua được ở Barcelona, nếu không chúng tôi sẽ chẳng có một ngọn đèn nào. Mấy người có súng còn tốt bắt đầu đáp trả một cách rời rạc. Nhưng không ai dám bắn liên tục vì ngay cả những khẩu súng tốt nhất cũng có thể hóc, nếu nóng quá. Có khoảng mười sáu người trong công sự, kể cả một hay hai người bị thương. Còn mấy người bị thương nữa, cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh, nằm bên ngoài công sự. Patrick O'Hara, một người Ái-Nhĩ-Lan xuất thân từ Belfast đã học qua lớp sơ cứu, tay cầm mấy cuộn băng chạy qua chạy lại để băng bó cho những người bị thương và lần nào quay về công sự cũng bị quân ta nhắm bắn mặc dù anh ta đã hét thật to: “P.O.U.M!”

Chúng tôi bắt đầu xem xét vị trí. Có mấy người chết nằm rải rác, nhưng tôi không dừng lại để xem. Cái tôi tìm là súng máy cơ. Khi còn nằm bên ngoài, lúc nào tôi cũng tự hỏi tại sao súng

máy lại không bắn. Tôi lấy đèn pin soi ụ súng máy. Thật là chán! Không có súng. Có giá súng, có cả vài hộp đạn nữa và phụ thùng thay thế, nhưng súng thì không. Chắc là chúng đã tháo và mang đi ngay khi có báo động. Chắc chắn là chúng làm theo lệnh, nhưng đây là hành động vừa ngu vừa hèn. Nếu có súng thì chúng đã thịt hết chúng tôi rồi. Chúng tôi phát điên lên. Chúng tôi đã hạ quyết tâm bắt cho bằng được khẩu súng máy.

Chúng tôi lục khắp nhưng chẳng tìm được cái gì có giá trị cả. Lựu đạn nằm rải rác khắp nơi, cơ chế hoạt động khá đơn giản, chỉ cần rút sợi dây là phải ném liền. Tôi đút vào túi vài quả làm kỉ niệm. Không thể không phát hoảng trước cảnh nghèo nàn của hầm trú ẩn của quân phát xít. Không có những đồng quần áo, sách vở, thức ăn và các vật dụng cá nhân như trong hầm của chúng tôi, có vẻ như những tên lính khốn khổ này chẳng có gì ngoài chăn và vài mẩu bánh mì sũng nước. Cuối giao thông hào có một cái hầm nhô cao khỏi mặt đất và có cả cửa sổ nữa. Chúng tôi rọi đèn pin qua cửa sổ, mọi người cùng kinh ngạc reo lên. Đây là một vật hình trụ, trong bao da, cao khoảng mét hai, đường kính chừng mười lăm phân nằm dựa vào tường. Chắc chắn là nòng súng máy rồi. Chúng tôi chui qua cửa và lôi nó ra khỏi vỏ, hoá ra không phải nòng súng máy, nhưng trong hoàn cảnh được trang bị nghèo nàn như chúng tôi, nó còn giá trị hơn nhiều. Đây là một cái kính viễn vọng, độ khuếch đại ít nhất cũng phải sáu bảy mươi lần, lại có cả chân gấp nữa. Phía mặt trận chúng tôi không có loại kính viễn vọng như thế này, mà nhu cầu thì khỏi phải nói. Chúng tôi vui mừng kéo nó ra và dựa nó vào bờ hào, đợi khi rút sẽ mang theo.

Đúng lúc đó thì có người hét lên là bọn phát xít đang đến gần.

Quả thật là tiếng súng đã nghe to hơn rất nhiều. Nhưng rõ ràng là bọn phát xít sẽ không phản công từ bên phải vì chúng sẽ phải đi qua vùng đất tranh chấp và tấn công ngay vào bờ công sự của chính mình. Chỉ cần có một chút suy nghĩ thì chúng sẽ tấn công từ phía sau. Tôi đi vòng ra phía sau công sự. Vị trí này giống như một cái móng ngựa, công sự nằm ở giữa, thành ra chúng tôi còn có một bức tường che cả phía bên trái nữa. Súng bắn mạnh từ phía đó, nhưng không gây ra thiệt hại nào. Mỗi nguy nằm ngay phía trước, ở đây hoàn toàn không có gì bảo vệ cả. Đạn bắn như vãi trấu ngay trên đầu. Chắc chắn là chúng được bắn từ vị trí bên cạnh, rõ ràng là lực lượng xung kích đã không chiếm được vị trí này. Tiếng nổ đinh tai nhức óc. Tiếng súng trường bắn cấp tập, như tiếng trống đập liên hồi kì trận, tôi vẫn thường nghe thấy như thế ở khoảng cách gần, nhưng đây là lần đầu tiên tôi lọt vào giữa trận địa. Bây giờ thì tiếng súng đã vang lên trên khắp các hướng. Douglas Thompson, với một cánh tay bị thương treo lủng lẳng bên sườn, đứng tựa lưng vào thành công sự và tiếp tục bắn bằng một tay vào những khu vực vừa loé sáng. Một người, súng của tay này bị hóc, nạp đạn cho anh ta.

Ở đây chúng tôi chỉ có bốn hay năm người. Chúng tôi biết phải làm gì: kéo những bao cát từ bức tường phía trước để tạo ra chướng ngại vật trên đoạn không có gì che chắn. Và phải làm thật nhanh. Đạn vẫn bắn xối xả, nhưng có thể giảm bất cứ lúc nào. Chỉ nhìn vào những điểm loé sáng xung quanh cũng có thể thấy là chúng tôi đang phải chống chọi với khoảng từ một trăm đến hai trăm tên phát xít. Chúng tôi bắt đầu lôi các bao cát ra rồi kéo chúng đi khoảng hai mươi mét và xếp thành một đồng.

Vất vả lắm. Đây là những bao cát lớn, nặng khoảng một tạ, phải lấy hết sức mới lôi được chúng ra; bao đã cũ nát, rách tứ tung, đất ướt trút thẳng lên đầu, chui cả vào cổ và ống tay áo. Tôi vẫn nhớ cảm giác hoảng hốt lúc đó, cái gì cũng đáng sợ cả: cảnh hỗn loạn, bóng đêm, tiếng nổ, bùn lầy rồi còn phải chiến đấu với những bao cát rách nữa. Mà lúc nào cũng đeo khẩu súng kè kè bên hông, tôi không dám đặt xuống vì sợ mất. Tôi thậm chí còn hét lên với người cùng kéo bao cát: “Chiến tranh đấy! Khốn nạn quá!” Bất thình lình có bóng người cao lớn hiện lên bên trên bờ công sự trước mặt. Chúng tôi nhận ra những bộ quân phục của lính xung kích khi họ tới gần hơn, mọi người reo lên vì cho rằng lực lượng tăng viện đã tới. Nhưng hoá ra chỉ có năm người, bốn Đức và một Tây Ban Nha.

Mãi sau này chúng tôi mới biết tình hình của đơn vị xung kích. Họ không nắm được địa hình và đã đi lạc. Quân xung kích vướng vào hàng rào kẽm gai của bọn phát xít, nhiều người hi sinh ngay tại trận. Bốn người này bị lạc đường, thật là may cho họ. Mấy người Đức không biết tiếng Anh, cũng chẳng biết tiếng Pháp hay tiếng Tây Ban Nha gì cả. Phải “nói” mỗi tay chúng tôi mới giải thích được cho họ hiểu việc mình đang làm và nhờ họ giúp xây chiến lũy.

Bọn phát xít đã kéo súng máy tới. Có thể nhìn thấy nó đang khắc lửa từ khoảng cách một trăm đến hai trăm mét; tiếng đạn réo sắc lạnh ở ngay trên đầu. Chẳng bao lâu sau chúng tôi đã kéo được số cát đủ để làm một công sự nổi, mấy người chúng tôi có thể vừa nằm vừa bắn được rồi. Tôi quì xuống. Quả đạn cối vừa bay qua và nổ trên vùng đất tranh chấp. Thêm một mối nguy nữa, nhưng chinh được cự li cũng phải mất mấy phút. Bây

giờ, khi chúng tôi đã đánh vật xong với mấy bao tải cát khổng kiếp, mọi thứ dường như đều là trò đùa, cả tiếng nổ, cả bóng đêm, cả những tia chớp đang tiến lại gần và mấy chiến sĩ của chúng tôi đang bắn trả nữa. Còn có cả thì giờ để suy nghĩ. Tôi nhớ đã tự hỏi có sợ không và quyết định là không. Ngoài kia, nơi có thể không nguy hiểm như ở đây, tôi đã từng run lên vì sợ. Đột nhiên lại có tiếng người kêu lên rằng bọn phát xít đang đến gần. Lần này thì không còn ngờ vực gì nữa, đạn đã loé lên ở khoảng cách rất gần rồi. Tôi nhìn thấy có những ánh chớp chỉ cách chừng hai mươi mét. Chắc chắn là chúng đang đi theo giao thông hào. Hai mươi mét là khoảng cách ném lựu đạn, dễ trúng lắm; tám chín người chúng tôi tụ tập vào một chỗ thế này thì chỉ cần một quả là tan xác hết. Bob Smillie, máu từ vết thương chảy đầy mặt anh, quì xuống và ném một quả lựu đạn. Tất cả chúng tôi đều thu mình lại để đợi tiếng nổ. Quả lựu đạn về thành một đường màu đỏ, nhưng không nổ (ít nhất một phần tư lựu đạn bị thối). Tôi không còn quả nào, ngoài vài quả chiến lợi phẩm của bọn phát xít, nhưng tôi không tin tưởng lắm. Tôi hét lên để hỏi xem có ai còn quả nào không. Douglas Moyle lục túi và đưa cho tôi một quả. Tôi ném rồi nằm úp mặt xuống đất. Thật may, chuyện này chỉ xảy ra một lần trong năm, tôi đã ném trúng vào chỗ khẩu súng trường vừa bắn ra. Một tiếng nổ lớn và ngay lập tức là tiếng rên la. Dù thế nào thì cũng có một tên bị thương vong rồi; không biết là hắn đã chết chưa, nhưng chắc chắn là bị thương nặng. Tội nghiệp quá! Tôi bỗng cảm thấy thương hại khi nghe thấy hắn rên la. Nhưng ngay lúc đó tôi lại nhìn thấy, hay tưởng là nhìn thấy trong ánh sáng lò mờ từ những tia chớp đạn súng trường một người đứng gần chỗ khẩu súng

trường vừa nhả đạn. Tôi nâng nòng súng lên và bóp cò. Một tiếng thét nữa, nhưng tôi nghĩ đây vẫn là do quả lựu đạn mà ra. Chúng tôi còn ném thêm mấy quả lựu đạn nữa. Ánh chớp của đạn súng trường đã ở xa, phải từ một trăm mét trở lên. Chúng tôi đã đẩy được chúng đi rồi, tạm thời là như thế.

Mọi người bắt đầu chửi và nói tại sao bọn khốn kiếp không gửi tiếp viện tới. Chỉ cần một khẩu tiểu liên hay hai mươi người với những khẩu súng trường tử tế là chúng tôi có thể chống cự được cả tiểu đoàn. Đúng lúc đó thì Paddy Donovan, phó của Benjamin, người được cử về tuyển sau để xin mệnh lệnh, trèo qua bờ hào.

“Này! Ra thôi! Mọi người cùng rút mau!”

“Cái gì?”

“Rút! Ra mau!”

“Tại sao?”

“Lệnh như thế. Trở lại vị trí cũ, nhanh lên.”

Tất cả đã trèo qua bờ hào phía trước. Có mấy người đang kéo một thùng đạn khá nặng. Tôi sực nhớ đến cái kính viễn vọng nằm dựa trên bờ hào ở phía bên kia vị trí. Nhưng đúng lúc đó tôi lại nhìn thấy bốn chiến sĩ thuộc lực lượng xung kích đang thực hiện một nhiệm vụ bí mật mà chỉ mình họ biết, tức là họ đang cắm đầu chạy xuống giao thông hào dẫn về phía quân phát xít. Bóng họ tan nhanh vào màn đêm. Họ đang đi đến chỗ chết. Tôi chạy theo, vừa chạy vừa cố vắt óc tìm từ “rút lui” bằng tiếng Tây Ban Nha; cuối cùng tôi kêu lên:

“Atrás! Atrás!”, chắc là đúng. Tay người Tây Ban Nha hiểu và kéo mấy người kia quay lại. Paddy đợi bên bờ công sự.

“Mau lên, mau lên”

“Thế còn kính viễn vọng?”

“Kính cái con c.!. Benjamin đang đợi bên ngoài kia kia.”

Chúng tôi trèo lên. Paddy giữ dây thép gai cho tôi trèo ra. Vừa ra khỏi bức tường chắn là chúng tôi đã bước vào vùng lửa đạn rồi; đạn bắn xối xả, từ tất cả các hướng. Chắc chắn là có cả đạn của quân ta nữa vì lúc đó toàn mặt trận đều bắn như thế cả. Chúng tôi lẩn mò trong đêm tối chẳng khác gì một bầy cừu. Thế mà chúng tôi còn kéo theo một thùng đạn chiến lợi phẩm gồm 1750 viên, nặng khoảng năm mươi cân, một hòm lựu đạn và mấy khẩu súng nữa. Mặc dù chiến hào hai bên chỉ cách nhau chừng hai trăm mét, đa số chúng tôi đều biết rõ địa hình, thế mà chỉ mấy phút sau chúng tôi đã mất phương hướng. Chúng tôi trườn trên đồng lầy, điều duy nhất chúng tôi biết là mình bị bắn từ cả hai phía. Không có trăng, nhưng trời bắt đầu sáng hơn một chút. Vị trí của quân ta nằm ở phía đông Huesca; tôi bảo nằm đợi trời hừng sáng để xem đông tây là hướng nào, nhưng đa số không chịu nghe. Chúng tôi thay nhau kéo hòm chiến lợi phẩm và tiếp tục trườn lên phía trước, nhưng vì không xác định được phương hướng nên phải quay đi rồi lộn lại đến mấy lần. Cuối cùng chúng tôi cũng nhìn thấy một bờ đất lở mờ trước mặt. Không biết là công sự của ta hay của địch. Chẳng ai biết là hiện mình đang ở đâu. Benjamin nằm sát xuống đất và bò vào giữa đám lau lách. Cách công sự chừng hai mươi mét thì anh cất tiếng gọi. “P.O.U.M”, chúng tôi thấy họ hô lên như thế. Tất cả cùng nhảy dựng lên và cùng tìm đường leo qua hàng rào, nhưng lại rơi vào một kênh dẫn nước nữa; nhưng không sao, bị bồm một lúc là chúng tôi đã vào được vị trí an toàn rồi.

Kopp và mấy người Tây Ban Nha nữa đang đợi chúng tôi bên

trong công sự. Tay bác sĩ và mấy y tá đã rút về tuyến sau. Hoá ra tất cả thương binh đều được mang đi rồi, chỉ có hai người là Jorge và Hiddlestone là bị mất tích thôi. Kopp, mặt tái mét, ngay lớp da ở đằng sau gáy ông cũng tái mét, cứ đi đi lại suốt, ông không thềm để ý ngay cả khi có những viên đạn bay sát sạt trên đầu. Chúng tôi ngồi xổm trong chiến hào để tránh đạn. Kopp vừa đi vừa lẩm bẩm: “Jorge! Cogño! Jorge!” và sau đó nói bằng tiếng Anh: “Jorge mà bị chết thì kinh khủng quá, kinh khủng quá!” Jorge vừa là bạn thân vừa là sĩ quan đặc lực nhất của ông. Bất ngờ ông quay lại và gọi năm người tình nguyện, hai người Anh và ba người Tây Ban Nha, đi tìm các chiến sĩ mất tích. Tôi, Moyle và ba người Tây Ban Nha nữa đứng lên.

Vừa ra đến bên ngoài, mấy người Tây Ban Nha đã bảo rằng sáng quá, nguy hiểm lắm. Đúng thế, trời đã lờ mờ xanh rồi. Có tiếng ồn ào dữ dội vọng lại từ vị trí quân phát xít. Có lẽ quân số của chúng đã đông hơn rất nhiều. Chúng đã nhìn thấy hay nghe thấy khi chúng tôi còn cách chiến hào chừng sáu bảy chục mét, một loạt đạn nổ vang làm tất cả chúng tôi cùng phải nằm úp mặt xuống đất. Một quả lựu đạn được quăng ra, rõ ràng là có dấu hiệu hoảng loạn rồi. Chúng tôi nằm trên cỏ, chờ cơ hội để tiến lên. Thế rồi chúng tôi nghe thấy, hay nghĩ là nghe thấy - tôi nghĩ rằng đấy là sản phẩm của trí tưởng tượng, nhưng lúc đó có vẻ rất thật - là giọng nói của bọn phát xít đã ở rất gần. Chúng đã ra khỏi chiến hào và đang tiến về phía chúng tôi. “Chạy”, tôi hét lên với Moyle rồi vùng ngay dậy. Trời đất, tôi vất chân lên cỏ mà chạy! Trước đó tôi đã nghĩ rằng khi người bị lăm từ đầu đến chân lại thêm súng đạn nặng thế này thì không thể nào chạy được. Bây giờ thì tôi biết rằng nếu bị năm mươi hay một

trăm người cầm súng sẵn đuổi thì bao giờ người ta cũng chạy được cả. Nhưng nếu tôi đã chạy nhanh thì mấy người kia còn chạy nhanh hơn. Có cảm giác như mấy ngôi sao băng vừa lướt qua vậy. Đây là ba người Tây Ban Nha vừa lao lên. Tôi chỉ đuổi kịp họ khi tất cả đã dừng lại ngay sát bờ công sự. Chúng tôi đã mất tinh thần, có vậy thôi. Nhưng tôi biết rằng khi trời lờ mờ thế này, có thể nhìn thấy năm người chứ một người thì khó cho nên tôi quay lại một mình. Tôi đã tìm cách quay lại đến hàng rào kẽm gai bên ngoài và hết sức tìm kiếm, tuy không thể hoàn toàn như ý vì tôi phải nằm sát bụng xuống đất. Không thấy Jorge hay Hiddlestone đâu, tôi đành bò quay lại. Sau này chúng tôi mới biết rằng cả Jorge lẫn Hiddlestone đều được đưa đến trạm quân y từ trước rồi. Jorge chỉ bị thương nhẹ vào bả vai. Còn Hiddlestone thì bị thương rất nặng, một viên đạn đi xuyên theo cánh tay trái, xương cánh tay gãy làm mấy đoạn; thế rồi lúc anh đang còn nằm bất tỉnh nhân sự thì lại có một quả lựu đạn nổ ngay bên cạnh làm bị thương mấy chỗ trên người nữa. May là anh đã thoát chết. Sau này anh nói với tôi rằng đã bò bằng lưng được một đoạn, sau đó thì bám được vào một chiến sĩ Tây Ban Nha, cũng bị thương và hai người diu nhau đi cho đến lúc gặp được quân ta.

Trời sáng hẳn. Suốt mấy cây số dọc chiến tuyến tiếng súng vẫn nổ loạn xạ, giống như những giọt mưa sau cơn bão vậy. Tôi vẫn nhớ cảnh tượng tiêu điều lúc đó: bùn đọng thành từng đống, hàng thủy dương rên rỉ, nước trong giao thông hào có màu vàng xỉn; và những khuôn mặt nhếch nhác, mệt mỏi, râu ria xồm xoàm, bùn lấm từ đầu đến chân, xám đen vì khói súng. Khi tôi về đến hầm trú ẩn thì ba người kia đã ngủ say. Họ nằm

vật ra đất với đầy đủ lệ bộ, khẩu súng trường đầy bùn còn đeo trước ngực. Tất cả đều sũng nước. Mọi vật đều sũng nước. Sau một thời gian tìm kiếm tôi đã thu thập được đủ mảnh dăm và bắt đầu nhóm lửa. Sau đó châm một điếu thuốc vẫn mang theo bên mình, thật lạ lùng là sau một đêm như thế mà nó vẫn chưa bị gãy.

Sau này chúng tôi mới biết rằng trận đánh đã thành công. Đây chỉ là một cuộc đột kích nhằm kéo quân phát xít khỏi khu vực Huesca, nơi quân vô chính phủ bắt đầu tấn công. Tôi nghĩ rằng bọn phát xít đã tung từ một trăm đến hai trăm tên vào trận phản công, nhưng có một tên đào ngũ nói rằng chúng đã tung ra đến sáu trăm tên. Tôi cho là hắn nói dối. Bọn đào ngũ thường hay tìm cách lấy lòng lắm. Đáng tiếc là phải bỏ lại cái kính viễn vọng. Cho đến tận hôm nay, cứ nghĩ đến việc để mất một thứ chiến lợi phẩm tuyệt vời như thế là tôi vẫn áy náy không yên.

8

Trời trở nóng, ngay cả ban đêm cũng tương đối ấm. Trên cái cây anh đào bị đạn bắn tóe tả trước bờ công sự của chúng tôi cũng đã xuất hiện những chùm quả nhỏ. Tầm sông không còn là tra tấn mà đã trở thành niềm vui. Những cây hồng dại, với những chùm hoa to bằng cái đĩa con mọc rải rác trên cánh đồng bị đạn cày xới xung quanh Torre Fabian. Phía sau mặt trận thình thoảng lại thấy một người nông dân cài trên kê tai một bông hồng như thế. Buổi tối họ thường mang những chiếc lưới màu xanh đi săn chim cú. Người ta chăng lưới trên ngọn cỏ rồi nằm xuống và giả làm tiếng cú mái. Chim đục nghe thấy là bay lại ngay. Khi chim đã chui vào lưới thì chỉ ném một hòn là nó sẽ sợ, bay lên và mắc lưới liền. Chắc là người ta chỉ bắt được chim đục, tôi nghĩ thế là không công bằng.

Bên cạnh chúng tôi là đơn vị người vùng Andaluse. Tôi không biết họ đến đây bằng cách nào. Người ta nói rằng họ chạy từ Malaga tới, nhưng chạy nhanh quá đến nỗi vượt qua cả Valencia mà không biết. Nhưng đây dĩ nhiên là do những người vùng Catalonia nói, họ vốn coi dân Andaluse là những người bán khai. Mà quả thật, dân Andaluse dốt nát lắm. Rất ít người biết đọc biết viết, có vẻ như họ không biết mình thuộc đảng phái

nào, một điều mà người Tây Ban Nha nào cũng biết. Lúc thì họ nghĩ thuộc phái vô chính phủ, khi thì lại cho rằng thuộc phái cộng sản. Đây là những người nông dân chất phác, quê mùa, vốn là thợ chăn cừu hay nông dân làm thuê trên những cánh đồng trồng ôliu, mặt đen sạm vì ánh nắng gay gắt của miền Nam. Họ quán thuốc lá rất khéo và thường giúp chúng tôi làm việc này. Thuốc điếu không còn được phát nữa, nhưng ở Monflorite đôi khi vẫn có thể mua được những bịch thuốc rất rẻ, trông chẳng khác gì rom vụn. Mùi vị không đến nỗi nào, nhưng thuốc khô đến nỗi ngay cả khi đã vắn xong nó vẫn có thể rơi hết ra ngoài, chỉ còn lại một cái ống rỗng. Thế mà mấy người Andalusie vẫn có thể quán thành những điếu thuốc rất đẹp mắt, đầu điếu thuốc còn xoắn chặt lại nữa.

Hai chiến sĩ người Anh bị ốm vì say nắng. Tôi nhớ nhất là cái nóng ban trưa, lưng trần với những bao cát nặng đè trên đôi vai râm nắng; quần áo, giấy dép đều rách như xơ mướp cả. Chúng tôi còn phải đánh vật với con la chuyển đồ ăn tối, nó không sợ tiếng súng trường nhưng lại bỏ chạy ngay khi nghe thấy tiếng trái phá nổ trên không trung. Rồi muỗi (chúng bắt đầu hoạt động mạnh) và chuột, chuột dạn đến nỗi chén cả thắt lưng lẫn bao đạn bằng da. Không có gì xảy ra cả, nếu không tính những vụ thương vong do bọn bắn tia hay những quả đạn pháo hoặc những vụ nổ bom mà thỉnh thoảng mới xảy ra ở Huesca. Cây đã mọc đầy lá, chúng tôi làm những cái sào bắn tia, giống như những cái chòi của thợ săn, ngay trên những cây dương mọc dọc chiến hào. Ở phía bên kia của Huesca, sức tấn công của quân ta đang yếu dần. Quân vô chính phủ bị thiệt hại rất nặng nề và không còn đủ sức phong tỏa con đường đi Jaca nữa. Họ

đã tiến đến gần con đường để giữ nó trong tầm ngắm của súng máy và khống chế, không để cho xe chạy qua, nhưng hai bên vẫn còn đóng cách cách nhau cả cây số, nhờ thế mà bọn phát xít có thể đào được cả một giao thông hào lớn cho xe tải đi. Bọn đào ngũ nói rằng ở Huesca còn nhiều vũ khí, nhưng lương thực thực phẩm thì đã sắp cạn. Nhưng rõ ràng là thành phố sẽ không đầu hàng. Với mười lăm ngàn người được trang bị kém như thế này thì tấn công là việc bất khả thi. Sau này, trong tháng sáu, chính phủ đã rút các đơn vị khỏi Madrid và tập trung ở Huesca đến ba mươi ngàn người cùng với rất nhiều máy bay, thế mà thành phố vẫn không thất thủ.

Tôi đi phép sau khi đã ở mặt trận tất cả là 150 ngày, lúc đó tôi cho rằng đây là một trong những giai đoạn vô ích nhất của cuộc đời. Tôi tham gia lực lượng dân quân là để đánh nhau với chủ nghĩa phát xít, nhưng hầu như tôi chẳng phải đánh nhau gì hết. Tôi chỉ sống qua ngày như một kẻ thờ ơ, nếu không tính đến cảnh rét mướt và mất ngủ thì có thể nói tôi đã chẳng làm gì để đền đáp lại khẩu phần ăn mà người ta vẫn phát cho tôi. Có thể đấy chính là số phận của tất cả những người lính trong hầu hết các cuộc chiến tranh. Nhưng bây giờ nhìn lại, tôi không còn lấy làm tiếc về giai đoạn đó nữa. Đúng là tôi muốn giúp đỡ chính phủ Tây Ban Nha một cách hiệu quả hơn, nhưng nếu xét theo quan điểm cá nhân, xét theo quan điểm từ sự tiến bộ của tôi thì ba bốn tháng ngoài mặt trận không đến nỗi vô ích như tôi nghĩ lúc đó. Đây là một giai đoạn khác hẳn, khác với quá khứ mà có thể khác với cả tương lai, nó đã dạy tôi những điều mà chỉ có ở đấy tôi mới có thể học được.

Cái chính là tôi đã bị cách li trong suốt thời gian này - ngoài

mặt trận người ta gần như bị cách li hoàn toàn với thế giới bên ngoài: ngay cả những sự kiện ở Barcelona chúng tôi cũng chỉ biết rất mù mờ - mặc dù tôi sống giữa những người có thể gọi, tuy không thật chính xác lắm, là những nhà cách mạng. Đây là do cách làm việc của lực lượng dân quân, trên mặt trận Aragon, cho đến mãi tháng 6 năm 1937, cách làm việc của nó vẫn chẳng có thay đổi gì đáng kể. Các đơn vị dân quân do các công đoàn đứng ra thành lập và bao gồm những người có cùng quan điểm chính trị đã tập hợp vào một chỗ những thành phần cách mạng nhất của đất nước. Do một sự tình cờ mà tôi đã rơi vào một cộng đồng, có thể nói là duy nhất ở Tây Âu, nơi mà giác ngộ chính trị và lòng hoài nghi chủ nghĩa tư bản được coi là hiện tượng bình thường. Trên mặt trận Aragon này tôi chỉ là một trong hàng chục ngàn người, đa số, tuy không phải tất cả, đều là công nhân; mọi người đều sống như nhau và hoà vào nhau theo lẽ công bằng. Về lý thuyết thì đây là công bằng tuyệt đối, trên thực tế thì cũng gần như thế. Theo nghĩa nào đó, có thể nói tôi đã được nếm mùi chủ nghĩa xã hội, ý tôi là mình đã được sống trong không khí của chủ nghĩa xã hội rồi. Rất nhiều hiện tượng bình thường của đời sống như thói hợm hĩnh, lòng tham, sợ hãi cấp trên... đơn giản là đã biến mất. Trong cái không khí bị đồng tiền làm cho băng hoại như ở nước Anh, người ta sẽ không thể nào tưởng tượng được rằng sự phân chia giai cấp đã không còn. Ở đây chỉ có chúng tôi cùng với những người nông dân, không còn ai là chủ ai là tớ nữa. Dĩ nhiên là tình trạng đó không thể kéo dài được lâu. Đây chỉ là một hoạt cảnh ngắn và có tính khu vực của một trò chơi lớn đang được triển khai trên toàn thế giới mà thôi. Nhưng nó đã kéo dài khá

lâu, đủ sức để lại dấu ấn cho tất cả những người đã từng tham gia vào cuộc chơi này. Mặc dù lúc đó chúng tôi đã nguyên rửa tất cả mọi thứ, nhưng sau này chúng tôi mới hiểu rằng mình đã được tiếp xúc với một hiện tượng kì lạ nhưng rất có ý nghĩa. Chúng tôi đã sống trong một cộng đồng, nơi mà thái độ thờ ơ và yếm thế đã phải rút lui để nhường chỗ cho niềm hi vọng, nơi mà từ “đồng chí” có nghĩa là những người đồng chí hướng, chứ không phải như tại đa số các nước khác, là để bịp bợm. Chúng tôi đã từng được thở hít cái không khí bình đẳng đó. Tôi biết rõ rằng bây giờ phải nói chủ nghĩa xã hội chẳng có liên quan gì đến sự bình đẳng mới là đúng mốt. Nước nào trên thế giới cũng có một lũ viết thuê mang tính đảng và các giáo sư ti tiện bóng mượt đang cố “chứng minh” rằng chủ nghĩa xã hội chỉ là chủ nghĩa tư bản nhà nước được kế hoạch hoá, còn động cơ chụp giựt thì vẫn y nguyên như cũ. May mắn là đâu đó vẫn còn tồn tại một quan điểm khác hẳn về chủ nghĩa xã hội. “Bí kíp” của chủ nghĩa xã hội chính là tư tưởng công bằng, chính nó đã lôi kéo những người dân bình thường đến với chủ nghĩa xã hội, làm cho họ sẵn sàng hi sinh mạng sống của mình. Đối với phần lớn người dân thì chủ nghĩa xã hội nghĩa là xã hội phi giai cấp, không có nó thì chẳng thể nào gọi là chủ nghĩa xã hội được. Máy tháng phục vụ trong lực lượng dân quân có giá trị đối với tôi là vì như thế. Lực lượng dân quân Tây Ban Nha, đấy là nói lúc nó còn tồn tại, là một mô hình thu nhỏ của chủ nghĩa xã hội. Sống trong cộng đồng, nơi không còn những kẻ bon chen, tuy thiếu thốn mọi thứ nhưng không còn đặc quyền đặc lợi và cảnh nịnh hót, người ta có thể đã nhìn thấy bức tranh sơ lược về những giai đoạn ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Rốt cuộc, không

những tôi đã không thất vọng mà còn bị nó hấp hồn nữa. Bây giờ ước muốn chủ nghĩa xã hội được thiết lập còn mạnh hơn trước. Một phần có thể là do may mắn mà tôi được sống với người Tây Ban Nha, những người trung thực bẩm sinh và luôn luôn có xu hướng vô chính phủ; nếu có điều kiện họ có thể làm cho ngay cả những giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội thành ra chấp nhận được.

Dĩ nhiên là lúc đó tôi chưa nhận thức được những thay đổi đang diễn ra trong tư tưởng của mình. Giống như tất cả những người xung quanh, tôi chỉ thấy buồn chán, nóng, lạnh, bùn bầm, chấy rận, thiếu thốn và những hiểm nguy thỉnh thoảng lại xảy ra mà thôi. Hiện nay thì hoàn toàn khác. Cái giai đoạn tưởng chừng như vô ích và chán ngắt đó lại trở thành cực kì quan trọng đối với tôi. Nó khác hẳn với cuộc sống trước đây của tôi và có ma lực giống như kỉ niệm về những tháng ngày xưa cũ vậy. Lúc đó thấy thật là kinh khủng, nhưng hoá ra nó lại là mảnh đất tốt cho sự phát triển trí óc của tôi. Tôi rất muốn chuyển đến độc giả không khí của thời ấy. Hi vọng rằng tôi đã thành công phần nào trong những chương trước của tác phẩm này. Trong tâm trí tôi chỉ còn lại cái lạnh mùa đông, những người lính rách rưới, những khuôn mặt trái xoan của người Tây Ban Nha, tiếng súng máy nghe như tiếng lạch cạch của máy điện báo, mùi nước đái và mùi bánh mì thiu, và những món hầm đầy mùi sắt tây nướng vội trong những chiếc bát sắt cáu bẩn.

Tất cả giai đoạn này vẫn còn sống động trong tâm trí tôi. Tôi vẫn còn tưởng tượng được những sự kiện nhỏ nhất tưởng chừng chẳng đáng nhớ làm gì. Tôi như thấy mình đang nằm trên một phiến đá, dùng làm giường, trong hầm trú ẩn ở Monte

Pocero, còn anh chàng Ramon thì gí mũi vào bả vai tôi mà xi. Rồi tôi thấy mình lang thang trong chiến hào đầy bùn, sương mù dày đặc chẳng khác gì làn hơi nước lạnh vẩn vũ xung quanh. Và tôi thấy mình đang bò trên sườn đồi, vừa giữ thăng bằng vừa nhổ cây hương thảo về làm củi. Mấy viên đạn vô tình réo rất ở trên đầu.

Tôi đang nằm trong một bụi thông nhỏ ở giữa thung lũng phía tây Monte Oscuro, bên cạnh là Kopp, Bob Edwards và ba người Tây Ban Nha nữa. Phía bên phải, trên sườn đồi trọc màu xám là một đám lính phát xít đang leo lên, trông như một đàn kiến. Tiếng kèn hiệu của bọn phát xít vang lên ngay đằng trước. Kopp liếc nhìn tôi rồi hếch mũi chỉ về phía tiếng kèn hiệu, y như một cậu học trò.

Tôi đang đứng giữa sân ở La Granja. Đám đông đang cầm bát sắt chen nhau xung quanh chảo thịt hầm. Người đầu bếp to béo và mệt mỏi đang dùng cái muôi để xua họ tránh ra xa. Ở cái bàn bên cạnh có một người đàn ông râu ria xồm xoàm với một khẩu súng lục to tướng ngang hông đang cắt những chiếc bánh mì ra làm năm phần. Phía sau tôi là một giọng hát mang âm hưởng vùng ngoại ô London (đấy là Bill Chambers, tôi đã cãi nhau một trận kịch liệt với anh ta, sau này anh đã hi sinh ở ngoại ô Huesca):

Chuột, chuột, chuột.

Chuột to như mèo...

Một quả đạn rú rít ngay trên đầu. Mấy cậu bé mới mười lăm tuổi vội nằm úp mặt xuống đất. Người đầu bếp vội nấp sau cái chảo. Mọi người cùng ngượng ngập đứng lên khi thấy viên đạn

đã bay qua và nổ cách đó chừng một trăm mét.

Tôi đang đi tuần dọc theo chiến hào, dưới những tán dương rậm rạp. Trong con muong đầy nước bên cạnh, lũ chuột đang bơi bì bõm chẳng khác gì rái cá. Khi bình minh màu vàng vừa ló rạng ở phía sau, tôi thấy anh lính gác người Andalusie kéo áo choàng kín đầu và cất giọng hát. Phía bên kia vùng đất tranh chấp, cách chỗ chúng tôi chừng một trăm đến hai trăm mét, mấy thằng lính gác phát xít cũng bắt đầu hát.

Ngày 25 tháng tư, sau nhiều lần mañanas (ngày mai) một đơn vị khác đã đến thay thế cho chúng tôi. Chúng tôi bàn giao súng, sắp xếp ba lô và hành quân trở về Monflorite. Tôi không cảm thấy buồn khi phải rời mặt trận. Rận sinh sôi nảy nở nhanh hơn số bị giết rất nhiều. Đã gần một tháng nay tôi không còn tất, giấy thì gần như đã mòn hết đế, thành ra tôi hầu như phải đi chân không. Người đã từng có một cuộc sống văn minh không thể khát khao mãnh liệt bất cứ cái gì bằng tôi khát khao được tắm nước nóng, được mặc quần áo sạch sẽ và được ngủ giữa chăn êm nệm ấm. Chúng tôi ngủ vài tiếng đồng hồ trong một nhà kho ở Monflorite, rồi nhảy lên một chiếc xe tải ngay từ sáng sớm, kịp đón chuyến tàu năm giờ ở Barbastro, may mắn lên được chuyến tàu tốc hành ở Lerida và vào lúc ba giờ chiều ngày 24 tháng tư thì đến Barcelona. Rắc rối bắt đầu từ đấy.

9

Từ Mandalay, thượng du của Burma, bạn có thể đi tàu tới Maymyo, nhà ga chính nằm trên đỉnh đồi của cái tỉnh ở ngay biên giới của cao nguyên Shan. Cảm giác thật là lạ lùng. Bạn vừa ra khỏi một thành phố đặc thù của phương Đông, với ánh mặt trời chói chang, với những cảnh cộ đầy bụi, với mùi cá, mùi gia vị và mùi tỏi, với những loại quả mọng nước vùng nhiệt đới và đám đông người da ngăm đen, và vì bạn đã quen với tất cả, bạn như đã mang theo mình cái không khí ấy lên tàu. Về mặt tâm lý, bạn vẫn còn ở Mandalay khi đoàn tàu dừng lại tại Maymyo, tức là trên độ cao 1200 mét¹ so với mặt nước biển. Nhưng vừa ra ngoài là bạn đã như đã bước một thế giới khác hẳn. Bạn được thở một bầu không khí mát mẻ, trong lành, như ở Anh và xung quanh là những thảm cỏ xanh mượt, những bụi dương xỉ, những rừng thông, những người phụ nữ vùng sơn cước má hồng đứng bán những giỏ dâu mọng nước.

Tôi nhớ lại cảnh đó khi trở về Barcelona sau ba tháng rưỡi nằm ở mặt trận. Nhớ lại là vì cũng xảy ra cảnh thay đổi bất ngờ và làm người ta sững sốt như thế. Không khí mặt trận vẫn còn bám mãi theo đoàn tàu trên suốt chặng đường tới Barcelona, cũng vẫn cảnh tượng bắn thiêu, ồn ào, lộn xộn, quần áo rách nát,

thiếu thốn, tình đồng đội và bình đẳng. Đoàn tàu đã đầy nhóc lính khi rời Barbastro rồi, thế mà ga nào cũng có người lên, đấy là những người nông dân với những bó rau, những con gà bị xách lộn đầu xuống dưới, với những bao tải buộc túm lại và vắt khắp sàn tàu, sau này mới biết là đựng những chú thỏ còn sống nguyên - và cuối cùng là một bày cừu, được lùa vào mọi góc trống trên toa. Lính tráng gào lên những bài hát cách mạng và thấy bóng cô nào bên đường là họ hôn gió hoặc đưa khăn mùi xoa nửa đỏ nửa trắng vẫy theo. Những chai vang, chai anis, một loại rượu rất khó uống của vùng Aragone, được truyền từ tay người nọ sang tay người kia. Với những cái túi đựng rượu làm bằng da dê của người Tây Ban Nha, người ngồi đầu toa có thể phun thẳng rượu vào mồm người ngồi cuối toa, đỡ được khỏi chuyện phiền phức. Ngồi cạnh tôi là một chú nhóc, mắt đen láy, chỉ khoảng mười lăm tuổi thao thao bất tuyệt suốt cả chặng đường, còn hai người đàn ông da rám nắng thì ngồi, miệng há hốc như nuốt lấy từng lời câu chuyện giật gân, mà tôi cho là bịa đặt một trăm phần trăm, của cậu ta. Sau đó mấy người nông dân này mở túi và mời chúng tôi uống loại rượu màu đỏ thắm của họ. Mọi người đều rất vui vẻ, vui không bút nào tả xiết. Nhưng khi tàu rời Sabadell và đỗ lại ở Barcelona, thì những người xung quanh bỗng có thái độ xa cách và thù nghịch với chúng tôi và những người giống như chúng tôi chẳng khác gì tình cảm của những người ở Paris và London.

Bất kì ai từng tới Barcelona vài lần, cách nhau vài ba tháng, trong thời gian chiến tranh, đều nhận ra ngay những thay đổi bất thường ở đấy. Và điều ngạc nhiên là dù đến lần đầu vào tháng tám và trở lại vào tháng giêng năm sau hay đến vào tháng

mười hai và trở lại vào tháng tư, như trường hợp của tôi, thì mọi người cũng đều nói có một chuyện như nhau: tinh thần cách mạng đã tiêu tan. Dĩ nhiên là những người đến đây vào tháng tám, khi máu trên đường phố vẫn chưa kịp khô và binh lính còn đóng trong các khách sạn sang trọng thì Barcelona vào tháng mười hai đã là thành phố tư sản rồi, nhưng với tôi, một người mới từ Anh sang thì thành phố vẫn là biểu tượng của giai cấp công nhân. Nhưng ngọn triều đã rút. Barcelona lại là một thành phố bình thường, tuy có bị chiến tranh làm cho sút mẻ đôi chút, nhưng ưu thế của giai cấp công nhân thì đã biến mất từ lâu.

Diện mạo của đám đông thay đổi đến bất ngờ. Quần áo bộ đội và những bộ bảo hộ lao động màu xanh đã gần như biến mất hẳn, hầu như ai cũng mặc những bộ trang phục mùa hè may rất khéo, thợ may Tây Ban Nha có biệt tài về khoản này. Những người đàn ông béo tốt, thành đạt; những người đàn bà thanh lịch và những chiếc xe bóng lộn có mặt khắp nơi. (Hình như vẫn chưa được có xe riêng, tuy nhiên, có vẻ như tất cả những kẻ “ra hồn người” đều có thể sở hữu một chiếc). Sĩ quan Quân đội Nhân dân nhan nhản khắp nơi, hồi rời Barcelona tôi hầu như chưa trông thấy người nào. Cứ mười chiến sĩ thì có một sĩ quan. Một số người phục vụ trong các đơn vị dân quân và được đưa về đây chính huấn, nhưng đa số là những thanh niên trẻ, vào các trường võ bị vì không muốn đi dân quân. Quan hệ của họ với chiến sĩ dưới quyền không hoàn toàn giống như quan hệ trong quân đội tư sản, nhưng phân biệt đẳng cấp thì rõ ràng là có, phụ cấp khác nhau, quân phục cũng khác nhau. Chiến sĩ mặc áo liền quần, vải thô, màu nâu, còn sĩ quan thì mặc đồng phục kaki, trang nhã, bó sát lấy người, giống như

sĩ quan quân đội Anh, nhưng đẹp hơn một chút. Tôi ngờ rằng trong hai mươi người thì mới có một người từng ra mặt trận, nhưng anh nào cũng có một khẩu súng lục đeo kè kè bên hông, ngoài mặt trận có bao nhiêu tiền cũng không thể mua được một khẩu như thế. Khi đi trên đường, dân chúng cứ nhìn chăm chăm vào những bộ quần áo bẩn thiu của chúng tôi. Dĩ nhiên là, giống như tất cả những người lính đã từng ở mặt trận vài ba tháng, bộ dạng của chúng tôi chắc là khủng khiếp lắm. Tôi biết mình trông chẳng khác gì một thằng bù nhìn giữ dưa. Chiếc áo khoác bằng da đã rách toạc tả, cái mũ len thì chẳng còn hình thù gì, đôi khi lại còn xệ xuống, che hết cả mắt, đôi ủng thì gần như chỉ còn phần trên. Tất cả chúng tôi, ít nhiều đều giống như thế, ngoài ra, tóc tai thì bù xù và cáu ghét nữa, trách gì dân chúng chẳng nhìn. Nhưng chuyện đó chỉ hơi làm tôi thất vọng thôi, có cảm tưởng rằng những chuyện lạ lùng nào đó đã xảy ra ở đây trong ba tháng qua.

Mấy ngày sau tôi còn phát hiện ra nhiều chi dấu chứng tỏ cảm tưởng ban đầu của mình là đúng. Thành phố đã biến đổi một cách sâu sắc. Có thể thấy ngay hai sự kiện chính. Một là dân chúng, tức là những người dân thường, đã hầu như không còn quan tâm đến chiến tranh nữa; thứ hai, xã hội đã lại chia thành kẻ giàu, người nghèo, thành giai cấp thượng lưu và hạ lưu như cũ.

Thái độ bàng quan đối với cuộc chiến làm người ta phải ngạc nhiên, thậm chí kinh tởm. Nó làm cho những người đến từ Madrid, thậm chí từ Valencia phát hoảng. Một phần là do Barcelona nằm quá xa mặt trận; một tháng sau, ở Tarragona, một thành phố sang trọng ngay trên bờ biển, nơi cuộc sống thường ngày

hầu như không bị xoá trộn, tôi cũng thấy dân chúng có thái độ như thế. Quan trọng là, bắt đầu từ tháng giêng, số người tình nguyện trên khắp Tây Ban Nha đã giảm hẳn. Tháng hai ở Catalonia một không khí hào hứng diễn ra xung quanh cuộc tuyển quân lớn đầu tiên, nhưng số người nhập ngũ gia tăng không đáng kể. Chiến tranh mới kéo dài khoảng sáu tháng, thế mà chính phủ Tây Ban Nha đã phải dùng đến biện pháp bắt lính, sẽ là bình thường nếu đây là chiến tranh ở nước ngoài, nhưng nội chiến thì lại là chuyện khác. Chắc chắn đây là do người ta đã không còn hi vọng nhiều vào cách mạng như hồi đầu nữa. Các đoàn viên công đoàn tự động tham gia lực lượng dân quân và trong mấy tuần đầu đã đẩy quân phát xít đến tận Zaragoza vì họ tin rằng đang chiến đấu cho chính quyền của giai cấp công nhân. Nhưng càng ngày càng thấy rõ là chính quyền của giai cấp công nhân đã thất bại, và không thể trách những người dân thường, nhất là giai cấp vô sản thành phố, trong bất kì cuộc chiến tranh nào, nội chiến hay ở bên ngoài, thì đây cũng là những người phải đăng lính trước tiên. Không ai muốn thua, nhưng đa số chỉ muốn làm sao chấm dứt cho nhanh. Có thể thấy điều đó ở khắp mọi nơi. Ở đâu cũng thấy người ta nói một câu chiếu lệ: “Cuộc chiến này khủng khiếp quá. Bao giờ mới kết thúc nhỉ?” Những người có ý thức chính trị hiểu rõ cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn giữa phái vô chính phủ và phái cộng sản hơn là cuộc chiến chống lại Franco. Còn đối với đa số dân chúng thì thiếu lương thực là vấn đề quan trọng nhất. “Mặt trận” thì xa xôi huyền bí, đây là nơi các chàng trai trẻ ra đi mà không trở về hoặc là trở về sau ba bốn tháng, túi rỗng rình tiền. (Binh lính thường được trả toàn bộ tiền lương khi đi phép).

Những người bị thương, ngay cả khi họ phải chống nạng, cũng chẳng được mấy người quan tâm. Lính tráng không còn được hâm mộ nữa. Các cửa hàng, bao giờ cũng là hàn thử biểu của thị hiếu xã hội, cho ta thấy rõ điều đó. Khi tôi đến Barcelona lần đầu, các cửa hàng - nghèo nàn và tàn tạ - bán chủ yếu là đồ quân dụng. Quầy hàng nào cũng có mũ bộ đội, áo khoác, thắt lưng to bản, dao đi rừng, bi đông đựng nước, bao súng lục. Bây giờ các cửa hàng đều trông sang trọng hơn, nhưng chiến tranh đã lùi về dĩ vãng. Sau này, trước ngày lên đường trở lại mặt trận, tôi có đi mua sắm và phát hiện ra rằng một số thứ ngoài mặt trận không có không được nhưng lại rất khó mua.

Trong khi đó người ta lại tiến hành chiến dịch tuyên truyền có hệ thống nhằm chống lại lực lượng dân quân của các đảng phái và ủng hộ Quân đội Nhân dân. Tình hình thật là lạ lùng. Về lí thuyết, ngay từ tháng hai tất cả các lực lượng vũ trang đều đã hợp nhất vào Quân đội Nhân dân. Dân quân, đấy là nói theo giấy tờ, cũng là một phần của Quân đội Nhân dân, với những mức lương và quân hàm quân hiệu khác nhau, v.v. và v.v. Các sư đoàn được thành lập trên cơ sở “các trung đoàn hỗn hợp”, bao gồm cả các đơn vị quân đội chính qui lẫn các đơn vị dân quân. Nhưng trên thực tế, chỉ có tên gọi là thay đổi mà thôi. Thí dụ như các đơn vị của P.O.U.M., trước đây là sư đoàn Lenin thì nay là sư đoàn 29. Đến mãi tháng 6 vẫn chỉ có vài đơn vị Quân đội Nhân dân đến được mặt trận Aragon, và kết quả là dân quân vẫn giữ được cơ cấu riêng và tính chất đặc thù của mình. Nhưng trên bức tường nào người ta cũng thấy khẩu hiệu do nhân viên chính phủ viết: “Chúng ta cần Quân đội Nhân dân!”, còn đài và báo chí cộng sản thì không ngừng tấn công, thậm chí đôi khi

với những lời lẽ độc địa, chống lại lực lượng dân quân. Họ bảo là dân quân không được đào tạo bài bản, thiếu tinh thần kỉ luật, v.v. và v.v. còn Quân đội Nhân dân thì được gọi là “anh hùng”. Phần nhiều là do cách tuyên truyền như thế mà người ta có cảm giác xấu hổ vì đã tình nguyện ra mặt trận, trong khi cứ ở nhà chờ nhập ngũ lại có vẻ như được tán dương. Trong khi đó, chính lực lượng dân quân lại là người bảo vệ chiến tuyến, còn Quân đội Nhân dân thì đang luyện tập ở hậu phương, nhưng người ta đã cố tình bỏ qua chuyện này. Các đơn vị dân quân trở lại mặt trận đã không còn đi qua thành phố với tiếng trống trận và cờ hoa nữa. Họ được đưa đi một cách lặng lẽ bằng tàu hoả hay xe tải ngay từ lúc năm giờ sáng. Lúc đó một vài đơn vị của Quân đội Nhân dân cũng bắt đầu lên đường ra mặt trận; các đơn vị này, cũng như trước đây, vẫn được đưa tiễn một cách trọng thể. Nhưng việc đưa tiễn các đơn vị này, do mối quan tâm chung đối với cuộc chiến đã phai nhạt nhiều, cũng chẳng được hào hứng như xưa. Sự kiện là về mặt giấy tờ thì dân quân là thành phần của Quân đội Nhân dân đã được bộ máy tuyên truyền lợi dụng một cách khéo léo. Tất cả thắng lợi đều được tự động gán cho Quân đội Nhân dân, còn thất bại thì bao giờ cũng là do dân quân mà ra. Đôi khi có cả chuyện là một đơn vị được ca ngợi, rồi lại bị phê bình, chỉ vì khi thì người ta bảo đấy là Quân đội Nhân dân, lúc lại gọi họ là dân quân.

Ngoài tất cả những chuyện đó ra, tình hình xã hội cũng đã có những thay đổi rất đáng chú ý. Người không có kinh nghiệm thực tế thì thật khó mà hiểu được. Lần đầu tiên tới Barcelona, tôi nghĩ rằng thành phố này hầu như không có sự phân biệt giai cấp và không có cách biệt quá lớn về tài sản. Chắc chắn là tình

hình đã trông có vẻ như thế. Chẳng mấy khi thấy người mặc diện, không có hiện tượng xun xoe hay đòi tiền trà thuốc, từ anh hầu bàn đến chị bán hoa hay gã đánh giày đều nhìn thẳng và gọi người đối diện là “đồng chí”. Lúc đó tôi đã không nhận ra rằng đấy chính là sự pha trộn giữa khát vọng và giả trá. Giai cấp công nhân tin vào cuộc các mạng đã khởi đầu nhưng không bao giờ kết thúc này, còn bọn tư sản thì sợ và tạm thời đóng giả làm công nhân. Trong những tháng đầu tiên, chắc chắn là phải có hàng ngàn người sẵn sàng chui vào bộ quần áo bảo hộ lao động và gào lên những khẩu hiệu cách mạng, muốn sống thì phải làm như thế. Bây giờ mọi sự đã trở lại bình thường. Nhà hàng và khách sạn sang trọng lúc nào cũng chật cứng, đấy là những người giàu có, được ăn đủ thứ sơn hào hải vị, trong khi giai cấp công nhân chạy ăn từng bữa, giá cả leo thang khủng khiếp mà tiền lương thì tăng không đáng kể. Ngoài chuyện mọi thứ đều đắt đỏ, còn không có cả hàng hoá nữa, mà cái này thì dĩ nhiên là bao giờ cũng ảnh hưởng đến người nghèo nhiều hơn người giàu. Nhà hàng, khách sạn có vẻ như chẳng gặp mấy khó khăn, muốn mua gì cũng được, nhưng trong các khu lao động thì người mua bánh mì, mua dầu ôliu và những nhu yếu phẩm khác phải xếp hàng dài cả mấy trăm mét². Trước đây tôi đã lấy làm ngạc nhiên vì Barcelona không có người ăn mày, nhưng bây giờ ở đây nhiều ăn mày lắm. Bên ngoài cửa hàng đồ ăn chế biến sẵn ở đầu phố Ramblas bao giờ cũng có một đám trẻ con chân trần đứng đợi, hễ có người ra là chúng bao vây và ngửa tay xin một ít dầu thừa đuôi thẹo. Ngôn ngữ “cách mạng” đã không còn được sử dụng nữa. Bây giờ, người ta ít khi gọi bạn là *tú* (anh) hay *camarada* (đồng chí), người ta thường sử dụng

cách xưng hô cũ *señor* (ngài) hay *usted* (ông) . *Buenos días* đã bắt đầu thay thế cho *salud*. Hầu bàn đã quay về với những chiếc áo sơ mi là cứng, còn người bán hàng thì lại có thái độ xun xoe như cũ. Hai vợ chồng tôi vào một cửa hàng dệt kim trên phố Ramblas để mua mấy đôi tất. Anh nhân viên bán hàng cúi gập người và liên tục xoa hai tay vào nhau, thái độ xun xoe còn hơn cả nhân viên bán hàng ở Anh hiện nay, mặc dù cách đây hai ba mươi năm họ vẫn thường làm như thế. Tiền lót tay đã ngấm ngấm quay trở lại. Các đội tuần tra của công nhân đã bị giải tán, lực lượng cảnh sát thời trước chiến tranh đã xuất hiện trở lại trên đường phố. Kết quả là hộp đêm và các nhà chứa sang trọng, mà một thời đã bị các đội tuần tra công nhân cấm chỉ, đã vội vã mở cửa trở lại³. Mọi thứ đều nhằm thoả mãn nhu cầu của những người có cửa, thí dụ nhỏ nhưng khá rõ là cảnh thiếu thuốc lá. Thiếu đến mức người ta bán cả những điều thuốc vắn từ rễ cây cam thảo. Tôi đã thử hút một lần. (Nhiều người đã thử hút một lần). Franco chiếm giữ quần đảo Canary, khu vực trồng thuốc lá chính của Tây Ban Nha. Chính phủ chỉ còn trong kho số thuốc được sản xuất từ trước chiến tranh. Dự trữ còn ít đến mức cửa hàng bán thuốc chỉ mở mỗi tuần một lần. Phải xếp hàng vài tiếng đồng hồ và may lắm thì mới mua được một bao bé tí. Về lí thuyết, chính phủ không cho nhập thuốc lá vì sẽ làm hao hụt số vàng dự trữ dùng để mua vũ khí và những thứ cần thiết khác. Nhưng trên thực tế, việc nhập lậu các loại thuốc lá đắt tiền, như Lucky Strikes, vẫn diễn ra thường xuyên. Bọn buôn lậu tha hồ hốt bạc. Có thể công khai mua thuốc lá nhập lậu trong các khách sạn sang trọng, thậm chí ngay trên đường phố, tuy phải lén lút một chút, với giá là mười peseta (tiền lương một ngày

của dân quân) một bao. Buôn lậu có lợi cho người giàu vì thế mà được lơ đi. Nếu có tiền, có thể mua đủ thứ, bao nhiêu cũng được, trừ mỗi bánh mì là món được phân phối tương đối nghiêm chỉnh. Cách đây mấy tháng, khi công nhân còn kiểm soát hay có vẻ như còn kiểm soát tình hình, không thể nào xảy ra cảnh cách biệt giàu nghèo như thế được. Nhưng sẽ là bất công nếu quy tất cả cho sự thay đổi cho chính quyền. Một phần là do cuộc sống an toàn ở Barcelona, nếu thỉnh thoảng không có vài vụ không kích thì chẳng có gì gọi là chiến tranh hết. Ở Madrid tình hình khác hẳn, tất cả những người đã đến đây đều nói như thế. Mối nguy hiểm treo trên đầu đã buộc mọi người phải có tinh thần đồng đội. Thật là kinh tởm khi thấy một người đàn ông béo tốt nhai chim cút trước mặt mấy đứa trẻ ăn xin, nhưng bạn sẽ khó gặp cảnh tượng đó khi súng đại bác gầm rú xung quanh.

Có lần, một hay hai ngày sau những trận đánh diễn ra trên đường phố, tôi có đi ngang qua một dãy phố sang trọng và nhìn thấy cửa hàng bánh kẹo bày đầy những loại bánh nướng và kẹo sang trọng với giá cao đến chóng mặt. Bạn có thể thấy những cửa hàng như thế trên phố Bond Street ở London hay Rue de la Paix ở Paris. Tôi nhớ mình đã phát hoảng và ngạc nhiên khi nghĩ rằng người ta có thể dùng tiền để mua những món hàng như thế ở cái đất nước bị chiến tranh tàn phá và nghèo đói này. Nhưng xin Chúa tha tội cho tôi vì đã làm ra vẻ cao đạo như thế. Sau mấy tháng thiếu thốn, tôi cảm thấy thèm đủ thứ món ngon, thèm rượu vang, thèm còctai, thèm thuốc lá Mỹ và nhiều thứ khác nữa; phải công nhận là tôi đã chẳng từ bất cứ món hàng xa xỉ nào, miễn là có đủ tiền để mua. Trong tuần đầu tiên, trước khi diễn ra những trận đánh trên đường phố, tôi đã làm liền một

lúc mấy việc liên quan với nhau. Thứ nhất, như đã nói, tôi lao vào hưởng thụ để bù cho những ngày kham khổ. Thứ hai, vì ăn nhiều, uống lắm mà tôi cảm thấy hơi mệt suốt cả tuần liền. Tôi cảm thấy khó chịu, thế là leo lên giường nằm suốt nửa ngày, vừa dậy đã lại chén một bữa ra trò và lại cảm thấy mệt. Cũng thời gian đó tôi đã bí mật đàm phán để mua một khẩu súng lục. Tôi rất cần một khẩu súng lục, khi đánh giáp lá cà súng lục hiệu quả hơn súng trường, nhưng khó kiếm lắm. Chính phủ chỉ phát súng lục cho cảnh sát và sĩ quan Quân đội Nhân dân, không phát cho dân quân. Phải tự mua, dĩ nhiên là bất hợp pháp, từ những kho hàng bí mật của bọn vô chính phủ. Rất nhiều rắc rối và phiền toái, nhưng cuối cùng, một anh bạn trong đội quân vô chính phủ cũng tìm cách mua được cho tôi khẩu súng lục tự động 26 li nhỏ tí, chẳng có mấy giá trị, chỉ có khả năng sát thương trong vòng chưa đến năm mét⁴, nhưng có còn hơn không. Ngoài ra, tôi còn chuẩn bị rút khỏi lực lượng dân quân của P.O.U.M. và chuyển sang đơn vị khác với mục đích là được điều đến mặt trận Madrid.

Trước đây tôi từng nói với mọi người rằng sẽ đi khỏi lực lượng P.O.U.M. Nếu chỉ theo sở thích cá nhân thì tôi thích gia nhập đội quân vô chính phủ hơn. Khi đã là thành viên C.N.T. thì có nhiều khả năng là sẽ được gia nhập lực lượng dân quân F.A.I., nhưng có người bảo với tôi rằng F.A.I. muốn đưa tôi đến mặt trận Teruel chứ không phải Madrid. Nếu tôi muốn đến mặt trận Madrid thì tôi phải ra nhập Binh đoàn Quốc tế, mà như thế lại cần có lời giới thiệu của một đảng viên Cộng sản. Tôi tìm được một người bạn là đảng viên, đang công tác trong lực lượng y tế Tây Ban Nha và kể cho anh ta nghe trường hợp của mình. Anh

ta có vẻ như rất muốn tuyển mộ tôi và bảo tôi nếu có thể thì thuyết phục thêm vài người Anh nữa trong lực lượng I.L.P. cùng đi với tôi. Nếu sức khỏe của tôi khá hơn thì tôi đã đồng ý ngay lúc ấy rồi. Bây giờ thật khó mà nói nếu tôi đi thì sẽ như thế nào. Có nhiều khả năng là tôi đã được đưa tới Albacete trước khi xảy ra những trận đánh trên đường phố ở Barcelona. Trong trường hợp đó, vì không thấy những trận đánh ở cự li gần, có thể tôi đã chấp nhận luận điệu tuyên truyền của chính phủ. Mặt khác, nếu tôi chịu sự chỉ huy của quân cộng sản trong thời gian diễn ra trận chiến ở Barcelona mà thâm tâm vẫn trung thành với đồng đội trong lực lượng P.O.U.M., thì hoàn cảnh của tôi thật là tiến thoái lưỡng nan. Nhưng tôi còn một tuần phép nữa, tôi rất muốn củng cố lại sức khỏe trước khi lên đường ra mặt trận. Ngoài ra - những chuyện vặt vãnh như thế lại thường quyết định số phận người ta - tôi phải đợi người thợ giày khâu xong đôi ủng mới. (Quân đội Tây Ban Nha không làm được những đôi giày to như của tôi). Tôi bảo người bạn đảng viên là sẽ quyết định sau. Còn bây giờ tôi muốn nghỉ đã. Thậm chí tôi còn nghĩ hay là chúng tôi, tức là tôi và bà xã đi tắm biển vài ngày. Thật là một ý tưởng hay! Nhưng tình hình chính trị cho thấy đây là những việc không thể làm được vào lúc này.

Vì bên dưới vẻ ngoài của một thành phố ở hậu phương, bên dưới cảnh xa hoa và nghèo túng đang gia tăng của nó, bên dưới cảnh hào nhoáng của các đường phố với những quán bán hoa, những lá cờ đầy màu sắc, những biểu ngữ tuyên truyền và đám đông ồn ào của nó, ẩn chứa một cảm giác kinh hoàng và không thể nào lẫn lẩn được về lòng hận thù và cuộc đấu tranh chính trị đang diễn ra. Dân chúng, dù thuộc trường phái nào,

cũng đều tiên đoán: “Rắc rối đến nơi rồi”. Nguy cơ cũng đơn giản và dễ hiểu. Đây là sự đối đầu giữa những người muốn đưa cách mạng tiến lên và những người muốn trì hoãn hoặc ngăn chặn - rút cục lại là sự đối đầu giữa những người vô chính phủ và những người cộng sản. Toàn bộ quyền lực chính trị ở Catalonia nằm trong tay các đơn vị P.S.U.C. và đồng minh của họ là lực lượng của phái Tự do. Nhưng còn lực lượng C.N.T. nữa, không biết là mạnh đến mức nào, trang bị kém hơn và mục tiêu cũng không rõ rệt bằng đối thủ, song lại đông và nắm giữ được những ngành công nghiệp then chốt. Trong tình hình phân bố lực lượng như thế, rắc rối là không thể tránh được. Chính quyền Catalonia, do P.S.U.C. kiểm soát, cho rằng muốn bảo vệ được địa vị của mình thì việc đầu tiên là phải tước vũ khí đang nằm trong tay công nhân C.N.T. Như tôi đã nói trước đây, giải tán các đơn vị dân quân là để nhằm mục đích đó. Đồng thời, người ta tiến hành khôi phục lại và tăng cường cho các lực lượng cảnh sát và bảo vệ vũ trang, có từ trước chiến tranh. Không có gì khó hiểu cả. Lực lượng bảo vệ vũ trang, tương tự như hiến binh ở các nước khác, trong gần một trăm năm qua vẫn làm nhiệm vụ vệ sỹ cho những người giàu có. Đồng thời, lại có lệnh thu hồi hết vũ khí do cá nhân nắm giữ. Lệnh đó đương nhiên là không được thực hiện, rõ ràng là chỉ có dùng vũ lực thì mới có thể tước được vũ khí của quân vô chính phủ. Suốt thời gian đó lại có tin đồn, thường là mơ hồ và mâu thuẫn vì báo chí bị kiểm duyệt, về những vụ đụng độ nhỏ xảy ra trên khắp vùng Catalonia. Ở một vài nơi cảnh sát vũ trang đã tấn công các vị trí của quân vô chính phủ. Ở Puigcerda, trên biên giới với Pháp, một đơn vị cảnh sát vũ trang được lệnh chiếm trụ sở Hải quan

do quân vô chính phủ giữ. Antonio Martin, một người vô chính phủ nổi tiếng bị giết chết trong trận này. Những sự cố tương tự như thế từng xảy ra ở Figueras và theo tôi biết thì ở cả Tarragona nữa. Một loạt những cuộc bãi công không chính thức cũng đã xảy ra ở khu lao động ngoại ô. Có thời thành viên của C.N.T. và U.G.T. còn giết lẫn nhau. Đôi khi, sau những vụ giết chóc là những đám tang có tính khiêu khích với rất nhiều người tham gia, rõ ràng là có ý kích động hận thù chính trị. Một thời gian ngắn trước đây, có một thành viên C.N.T. bị hạ sát, và C.N.T. đã tổ chức một đám tang với hàng trăm ngàn người tham gia. Cuối tháng tư, ngay sau khi tôi tới Barcelona thì ông Roldan, một nhân vật xuất chúng của U.G.T. bị người của C.N.T. giết. Chính phủ hạ lệnh tất cả các cửa hàng đều phải đóng cửa và tổ chức một đám tang vô cùng lớn, chủ yếu là các đơn vị Quân đội Nhân dân tham gia. Đoàn đưa tang kéo dài đến hai tiếng đồng hồ. Tôi đứng trong cửa sổ khách sạn nhìn theo đoàn đưa tang mà lòng lạnh băng. Rõ ràng, đám tang chỉ là cách phô trương lực lượng, chỉ cần tiến thêm một bước ngắn nữa là sẽ có cảnh đầu rơi máu chảy. Ngay đêm đó vợ chồng tôi đã bị đánh thức bởi một tiếng nổ trên quảng trường de Cataluña, cách khách sạn của chúng tôi từ một đến hai trăm mét⁵. Hôm sau chúng tôi nghe nói rằng một thành viên C.N.T. đã bị hạ sát. Thủ phạm được cho là người của U.G.T. Rất có thể là có bàn tay của những tên khiêu khích trong những vụ giết chóc này. Có thể thấy thái độ của báo chí tư sản ngoại quốc đối với mối thâm thù giữa cộng sản và vô chính phủ: họ nói rất nhiều về cái chết của Roland, nhưng vụ trả đũa sau đó thì bị im đi.

Ngày 1 tháng 5 đang tới gần và người ta nói tới một cuộc

biểu tình cực lớn, cả C.N.T. và U.G.T. sẽ cùng tham gia. Những người lãnh đạo của C.N.T., có thái độ ôn hoà hơn nhiều thành viên của họ, từ lâu đã tìm cách hoà giải với U.G.T.; mục tiêu của họ là hợp nhất hai tổ chức công đoàn thành một liên minh cực lớn. Ý tưởng là C.N.T. và U.G.T. sẽ cùng điều hành và thể hiện tinh đoàn kết của họ. Nhưng cuộc điều hành đã bị huỷ bỏ vào phút chót. Rõ ràng là cuộc điều hành sẽ dẫn tới bạo động. Kết quả là không có tổ chức kỉ niệm ngày 1 tháng 5. Thật là kì quặc. Barcelona, được gọi là thành phố cách mạng, có thể là thành phố duy nhất trong vùng phi-phát xít ở châu Âu không tổ chức kỉ niệm ngày này. Nhưng tôi công nhận là đã thờ phào nhẹ nhõm. Theo kế hoạch thì người của I.L.P. sẽ cùng điều hành với các đơn vị của P.O.U.M. và mọi người đều cho là sẽ có rắc rối. Tôi chẳng muốn dính líu vào những vụ đánh nhau vô nghĩa trên đường phố một tí nào. Bước đi trên đường phố, dưới những lá cờ đỏ với những câu khẩu hiệu làm chấn động lòng người để rồi bị hạ sát bởi một phát súng tiểu liên do một người hoàn toàn xa lạ bắn ra từ cửa sổ ngôi nhà bên cạnh - không, tôi nghĩ rằng cái chết của mình phải hữu ích hơn.

¹ Nguyên văn 4000 feet - ND.

² Hàng trăm yards (một yard dài 0,9144m) - ND.

³ Một số người nói rằng các đội tuần tra công nhân đã cho đóng cửa 75% nhà chứa trong thành phố.

⁴ Nguyên văn 5 yards - ND.

⁵ Nguyên văn một đến hai trăm yards - ND.

Giữa trưa ngày 3 tháng 5, một người bạn ở phòng chờ khách sạn tình cờ bảo: “Nghe nói có rắc rối ở tổng đài điện thoại.” Lúc đó tôi đã không chú ý đến câu nói của anh ta.

Khoảng ba bốn giờ chiều hôm đó, lúc đang đi trên phố Ramblas tôi bỗng nghe thấy mấy tiếng súng nổ ở phía sau. Tôi quay lại và nhìn thấy mấy thanh niên tay cầm súng, cổ quàng khăn của quân vô chính phủ nửa đỏ nửa đen, đang chạy vào con đường dẫn lên hướng bắc, cắt ngang phố Ramblas. Có lẽ họ vừa bắn nhau với người ngồi trên cái tháp bát giác - tôi nghĩ đây là nhà thờ - nhìn xuống con đường đó. Tôi nghĩ ngay: “Bắt đầu rồi!” Ý nghĩ ấy hoàn toàn không làm tôi ngạc nhiên. Đã mấy ngày nay ai cũng tin rằng “nó” có thể bắt đầu bất cứ lúc nào. Tôi cho là mình phải quay lại khách sạn ngay lập tức để xem bà xã có việc gì không. Nhưng có mấy người thuộc đội quân vô chính phủ đứng ở ngã tư vẫy tay ra hiệu cho dân chúng quay lại và quát tháo bảo họ không được đi ngang qua trận địa. Tiếng súng lại vang lên. Đạn bắn từ trên tháp xuống, đám đông hốt hoảng chạy dọc theo phố Ramblas, mọi người đều tìm cách tránh xa chỗ bắn nhau. Có thể nghe thấy tiếng kim loại va vào nhau suốt dọc dãy phố, đây là tiếng cửa kéo bằng sắt trước các quầy hàng

đang được đóng lại. Tôi nhìn thấy hai người sỹ quan Quân đội Nhân dân tay đặt trên bao súng lục, đang thận trọng lùi lại sau hàng cây. Đám đông chạy xuống ga tàu điện ngầm nằm giữa phố Ramblas. Tôi quyết định ngay lập tức là không đi theo họ. Có thể bị kẹt ở dưới đó hàng tiếng đồng hồ.

Lúc ấy có một viên bác sỹ người Mỹ, ông này đã từng ở mặt trận với chúng tôi, chạy tới và nắm lấy tay tôi. Ông ta có vẻ rất xúc động.

“Đi thôi, chúng ta phải đến ngay khách sạn Falcón”. (Khách sạn Falcón là kiểu nhà tập thể do lực lượng P.O.U.M. cai quản và chủ yếu là dành cho dân quân đi phép sử dụng). “Quân P.O.U.M. sẽ tập trung ở đây. Rắc rối rồi! Chúng ta phải tập trung lại một chỗ”.

“Nhưng chuyện quái này là thế nào ấy nhỉ?” - Tôi hỏi.

Ông bác sỹ tiếp tục kéo tay tôi. Vì quá xúc động ông ta chẳng nói được chuyện gì rõ ràng cả. Có vẻ như ông ta đã có mặt trên quảng trường de Cataluña khi có mấy chiếc xe tải chở lực lượng bảo vệ vũ trang tiến về phía tổng đài điện thoại do công nhân thuộc C.N.T. vận hành, rồi bất ngờ tấn công tổng đài. Quân vô chính phủ đến và thế là xảy ra đánh nhau. Tôi hiểu ra là “rắc rối” mà anh bạn nói sáng nay chính là yêu cầu của chính phủ đòi nắm tổng đài nhưng dĩ nhiên là đã bị từ chối.

Có một chiếc xe tải chở đầy quân vô chính phủ, súng trường lăm lăm trong tay chạy ngược lại hướng với chúng tôi. Ở đằng trước xe có một thanh niên ăn mặc rách rưới nằm trên đồng nệm với một khẩu trung liên. Khi chúng tôi tới khách sạn Falcón, nằm ở cuối phố Ramblas, thì đã có một đám đông tập trung tại tiền sảnh. Khung cảnh cực kì hỗn loạn, không ai biết

phải làm gì, và cũng chỉ có mấy chiến sỹ xung kích làm nhiệm vụ bảo vệ toà nhà là có vũ khí mà thôi. Tôi đi sang khu vực Ủy ban P.O.U.M., nằm ở bên kia đường. Ở tầng trên, trong căn phòng nơi dân quân thường đến lĩnh lương cũng có một đám đông đang hò hét. Tôi thấy một người đàn ông, cao, gầy, xanh xao nhưng bảnh trai, mặc thường phục vừa cố gắng vãn hồi trật tự vừa lấy thắt lưng cùng với những hộp đạn vút thành đồng trong góc phòng ra phân phát cho mọi người. Hình như không có súng. Tay bác sỹ đã biến đầu mất, chắc là có người bị thương, cần bác sỹ, nhưng lại thấy một người Anh nữa đi tới. Sau đó, người đàn ông cao gầy ban nãy cùng với mấy người nữa đem súng trường từ phòng bên trong ra phát cho mọi người. Vì là người nước ngoài cho nên lúc đầu tôi và tay người Anh kia không được phát súng, họ có vẻ nghi ngờ chúng tôi. Rồi có một tay dân quân mà tôi đã quen ở ngoài mặt trận xuất hiện, anh ta cũng nhận ra tôi, lúc đó người ta mới miễn cưỡng phát súng với vài băng đạn cho chúng tôi.

Có tiếng súng từ đằng xa vọng lại, đường phố vắng ngắt. Mọi người đều nói rằng bây giờ không thể đi trên phố Ramblas được nữa. Lực lượng bảo vệ vũ trang đã chiếm tất cả các cao điểm và nã đạn xuống người đi đường. Tôi sẵn sàng liều mạng và đã định quay lại khách sạn, nhưng lại có tin nói rằng Ủy ban có thể bị tấn công bất cứ lúc nào, tốt nhất là mọi người nên ở lại. Trong tất cả các phòng, trên cầu thang, ngoài vỉa hè, chỗ nào cũng có một nhóm người tụ tập, bàn tán sôi nổi. Nhưng dường như chẳng ai nắm được tình hình. Điều duy nhất tôi biết là lực lượng bảo vệ vũ trang đã tấn công tổng đài điện thoại và đã chiếm được những vị trí chiến lược, có thể khống chế những toà nhà

do công nhân kiểm soát. Mọi người đều có cảm tưởng là lực lượng bảo vệ vũ trang đang chống lại C.N.T. và chống lại toàn thể giai cấp công nhân. Có thể dễ dàng nhận ra là lúc đó chưa có người nào lên tiếng phê phán chính phủ. Các giai cấp cần lao ở Barcelona căm ghét lực lượng bảo vệ vũ trang và có vẻ như họ tin chắc rằng lực lượng này đã tự ý tấn công. Sau khi nghe được tình hình như thế tôi thấy đầu óc thanh thản hơn. Vấn đề thế là đã rõ. Một bên là lực lượng thuộc C.N.T., còn bên kia là cảnh sát. Tôi không có tình cảm đặc biệt nào đối với người “công nhân” đã được lí tưởng hoá, như những người cộng sản trong các nước tư bản vẫn nghĩ, nhưng khi nhìn thấy người công nhân thực sự bằng xương bằng thịt đang chiến đấu với bọn cảnh sát, tức là chiến đấu với kẻ thù truyền kiếp của họ, thì tôi biết ngay mình cần phải đứng về phía nào.

Đã nhiều giờ trôi qua, nhưng dường như chẳng có gì xảy ra trong cái góc phố này hết. Thế mà tôi lại không nghĩ đến chuyện gọi về khách sạn để hỏi xem bà xã có làm sao không. Tôi tin rằng tổng đài điện thoại đã ngừng làm việc, nhưng hoá ra trên thực tế nó chỉ ngưng có vài giờ. Có khoảng ba trăm người tụ tập trong hai toà cao ốc. Phần lớn là những người rất nghèo, sống trong những khu phố cạnh bờ biển. Khá nhiều phụ nữ, một số bế những đứa con còn ẵm ngửa và một lũ trẻ ăn mặc rách rưới. Tôi nghĩ nhiều người trong số họ không có khái niệm gì về những điều đang diễn ra, họ chạy vào toà nhà của P.O.U.M. đơn giản là để tìm chỗ trú ẩn. Có khá nhiều dân quân đang nghỉ phép và mấy người ngoại quốc nữa. Theo tính toán của tôi thì tuy có rất nhiều người nhưng chỉ có chừng 60 khẩu súng trường. Căn phòng ở tầng trên liên tục bị đám đông

vây hãm, họ đòi được cấp súng, nhưng người ta bảo rằng chẳng còn khẩu nào. Có cả những cậu dân quân còn rất trẻ, dường như chúng chỉ coi đây là một trò vui. Mấy cậu này cứ đi lảng vảng hết chỗ này đến chỗ khác và tìm cách xin hoặc lấy trộm súng của người khác. Chẳng bao lâu sau một cậu đã cuỗm được khẩu súng của tôi và biến mất dạng. Thế là tôi lại trở thành trắng tay, chỉ còn mỗi khẩu súng lục với một băng đạn.

Trời tối dần. Tôi bắt đầu cảm thấy đói, nhưng khách sạn Falcón không bán thức ăn. Tôi và một người bạn tìm cách chuồn sang khách sạn của anh ta, cũng ở gần đấy, để kiếm bữa tối. Đường phố tối mịt và vắng ngắt, không một bóng người, tất cả các cửa sổ đều đóng kín, nhưng chiến lũy thì chưa có. Phải nói mãi người ta mới cho chúng tôi vào, khách sạn đã khoá và chốt hết cửa từ trước rồi. Khi quay lại khách sạn Falcón tôi mới biết là tổng đài vẫn làm việc, tôi đi lên tầng trên để gọi cho bà xã. Nhưng hoá ra ở đây không có số danh bạ điện thoại, mà tôi thì lại không nhớ số khách sạn Continental. Phải đi hết các phòng, mất gần một tiếng đồ hồ tôi mới tìm thấy một cuốn cẩm nang du lịch có ghi số điện thoại khách sạn. Không liên lạc được với bà xã, nhưng tôi đã tìm được John McNair, đại diện của I.L.P. ở Barcelona. Anh ta bảo rằng mọi chuyện đều ổn, chưa ai bị trúng đạn và hỏi tôi tình hình ở Ủy ban. Tôi trả lời rằng mọi chuyện đều bình thường, chỉ tội không có thuốc lá thôi. Tôi chỉ muốn nói đùa cho vui, ai ngờ khoảng một tiếng rưỡi sau thì McNair xuất hiện cùng với hai bao Lucky Strikes. Anh đã phải đi qua những đường phố tối đen như mực, các đơn vị tuần tra của quân vô chính phủ đã hai lần bắt anh dừng lại để kiểm tra giấy tờ. Tôi sẽ không bao giờ quên hành động anh hùng này

của anh. Mọi người cùng vui vẻ hút thuốc.

Hầu như cửa sổ nào cũng có người cầm súng đứng gác, bên dưới đường còn có một nhóm thuộc lực lượng xung kích làm nhiệm vụ kiểm soát giấy tờ người qua đường. Một chiếc ô tô chở đơn vị tuần tra của quân vô chính phủ tôi, nòng súng lắp lánh ánh thép. Bên cạnh người lái xe là một cô gái, tóc đen, chừng mười tám tuổi, tay giữ khẩu súng máy đặt ngang trên hai đầu gối. Tôi giết thời gian bằng cách lang thang khắp toà nhà, khó mà nắm được đường ngang ngõ dọc của nó. Đâu cũng thấy có rác, bàn ghế gãy, giấy vụn vương vãi khắp nơi, có lẽ đấy cũng là thành tố không thể tránh được của mọi cuộc cách mạng. Chỗ nào cũng có người ngủ, trên cái tràng kỉ gãy kê ngoài hành lang có hai người đàn bà nghèo đang bình thần ngáy. Trước khi bị quân P.O.U.M chiếm, toà nhà này vốn là một quán bar. Vài phòng vẫn còn sân khấu, thậm chí có cả một chiếc dương cầm khổng lồ nữa. Cuối cùng tôi đã phát hiện thấy cái mình định tìm: kho chứa vũ khí. Lúc đó tôi không biết là chuyện này rồi sẽ dẫn đến đâu, tôi chỉ biết là mình rất cần một khẩu súng. Tôi thường nghe người ta nói rằng tất cả các đảng đang cạnh tranh với nhau, như P.S.U.C., P.O.U.M., cũng như C.N.T.-F.A.I., đều tích trữ vũ khí ở Barcelona, cho nên tôi không tin là hai toà nhà quan trọng của P.O.U.M. lại chỉ có vồn vện 60 khẩu súng trường. Không có người bảo vệ kho, cánh cửa thì mỏng. Tôi và một tay người Anh nữa đã phá được cửa một cách dễ dàng. Vào đến bên trong chúng tôi mới nhận ra rằng người ta đã nói thật - không còn khẩu súng nào. Chỉ có vài chục khẩu súng trường loại nhỏ, cù rích và mấy khẩu súng săn, nhưng không có đạn. Tôi quay lại văn phòng để hỏi xem họ có đạn súng lục không.

Không có. Chỉ có mấy thùng lựu đạn, một chiếc xe của quân vô chính phủ vừa chở tới. Tôi nhét hai quả lựu đạn vào bao đựng đạn. Đây là loại lựu đạn tự chế, có thể nổ khi lấy que diêm xát vào đầu, thậm chí có thể nổ bất cứ lúc nào.

Mọi người ta đều nằm ngủ ngay trên nền nhà. Trong một căn phòng có tiếng trẻ khóc, khóc đã lâu mà không thấy nín. Tuy là tháng năm, nhưng về đêm trời vẫn lạnh. Tôi dùng dao cắt tấm màn che sân khấu rồi quấn vào người và nằm ngủ được mấy tiếng đồng hồ. Tôi nhớ, đang ngủ thì bỗng giật mình vì chợt nghĩ rằng nếu quấn chặt quá thì mấy quả lựu đạn trong túi kia có thể nổ và xé tung tôi ra thành từng mảnh. Người đàn ông cao và đẹp trai hồi sáng, có lẽ là chỉ huy, đánh thức tôi dậy vào lúc ba giờ; anh ta đưa cho tôi một khẩu súng trường và bảo đứng gác bên cạnh cửa sổ. Anh ta bảo rằng Salas, giám đốc cảnh sát, kẻ chủ mưu vụ tấn công tổng đài điện thoại đã bị bắt. (Sau này mới biết rằng ông ta mới chỉ bị cách chức. Nhưng tin này đã phụ họa cho ý kiến chung là lực lượng bảo vệ vũ trang đã tự tiện hành động). Trời vừa sáng là dân chúng bắt đầu dựng lên hai chiến lũy, một cái ở gần Ủy ban, cái kia nằm bên cạnh khách sạn Falcón. Đường phố Barcelona được lát bằng những viên đá hình vuông, dễ dàng dựng lên thành những bức tường; bên dưới là sỏi, cũng dễ cho vào bao. Chiến lũy có hình thù kì quặc và lạ mắt lắm, tôi sẵn sàng đối bất cứ thứ gì để lấy một tấm ảnh mấy chiến lũy này. Người Tây Ban Nha khi đã quyết làm một việc gì đó thì họ rất nhiệt tình; một hàng dài, đàn ông, đàn bà và cả những đứa trẻ bé tí cùng tham gia lật những phiến đá, đặt chúng lên những cái xe cút kit rồi kéo đi hay oằn lưng dưới những bao cát nặng. Một cô gái Đức gốc Do Thái, mặc một cái

quần lính quá dài đứng bên cửa ra vào Ủy ban nhìn người dân làm việc, miệng mỉm cười. Khoảng vài giờ sau thì chiến lũy đã cao lút đầu người, phía sau mỗi lỗ châu mai lại có một người cầm súng đứng gác. Lửa đã được nhóm lên sau một chiến lũy và mấy người mang trứng ra rán.

Họ lại mang súng của tôi đi, có vẻ như tôi chẳng có việc gì làm nữa. Tôi và tay người Anh kia quyết định quay lại khách sạn Continental. Rất nhiều tiếng nổ vọng lại từ phía xa, nhưng hình như trên phố Ramblas thì không. Chúng tôi rẽ vào khu chợ bán thức ăn. Chỉ có vài quầy mở cửa, quầy nào cũng đầy người bu quanh, họ là những người lao động sống ở khu vực phía nam Ramblas. Chúng tôi vừa vào đến nơi thì nghe thấy tiếng súng trường nổ chát chúa ở bên ngoài, mảnh kính vỡ từ trên mái nhà bay tứ tung. Dân chúng vội vã chạy tản ra ngoài. Nhưng mấy quầy hàng kia vẫn mở, chúng tôi uống mỗi người một ly cà phê, rồi mua ít pho mát làm từ sữa dê, tôi nhét pho mát vào bên cạnh hai quả lựu đạn. Mấy ngày sau mới thấy quyết định mua pho mát là cực kì đúng đắn.

Ở cái góc phố mà hôm trước tôi trông thấy mấy người vô chính phủ vừa đi vừa bắn bây giờ cũng đã mọc lên một chiến lũy. Người đàn ông đứng đằng sau chiến lũy (lúc đó tôi còn ở bên kia đường) kêu tôi phải thận trọng. Lực lượng bảo vệ vũ trang chiếm giữ tháp chuông nhà thờ bắn vào bất cứ ai đi ngang qua đường. Tôi dừng lại một chút rồi lấy đà chạy qua chỗ trống, chắc chắn là có một viên đạn đã ghim xuống mặt đường ngay phía sau tôi. Khi đã đến gần trụ sở của P.O.U.M., nhưng vẫn ở bên kia đường, tôi còn nghe thấy mấy người thuộc lực lượng xung kích gác cửa hò hét, lần này tôi không hiểu họ nói gì. Tôi bị

hàng cây và mấy quầy báo che (giữa phố ở Tây Ban Nha thường có những lối đi bộ khá rộng), không nhìn thấy toà nhà cho nên không biết họ chỉ đi đâu. Tôi vào khách sạn Continental, sau khi biết chắc là mọi thứ vẫn bình thường tôi đi rửa mặt và quay lại trụ sở của P.O.U.M. (cách đây khoảng một trăm mét) để nhận nhiệm vụ. Lúc này thì tiếng súng trường và súng máy đã nổ tứ phía, tưởng như đang ở giữa mặt trận vậy. Tôi tìm được Kopp và đang hỏi xem phải làm gì thì lại nghe thấy một loạt tiếng nổ khủng khiếp ở bên dưới. Tiếng nổ to đến nỗi tôi nghĩ rằng người ta đã bắn chúng tôi bằng đại bác. Nhưng hoá ra đây chỉ là lựu đạn, nghe to là vì nó nổ ngay ở trong nhà.

Kopp nhìn ra cửa sổ và sau khi thắt dây lưng, anh bảo tôi: “Ta ra ngoài xem sao, đi”. Rồi vẫn giữ nguyên vẻ bất cần đời như mọi khi, anh chậm rãi đi xuống cầu thang. Tôi cũng bước theo. Bên trong cửa ra vào có một nhóm chiến sĩ thuộc lực lượng xung kích. Họ đang lăn những trái bom dọc theo vỉa hè, hết như đang chơi bowling vậy. Bom nổ cách đó chừng hai chục mét, tiếng bom cùng với tiếng súng trường rền vang tưởng như muốn rách màng nhĩ. Một cái đầu thấp thoáng hiện ra đằng sau quán báo xây trên giải phân cách giữa phố - đây là đầu một tay dân quân người Mi mà tôi biết khá rõ. Sau này tôi mới hiểu vì sao lại có chuyện như thế. Bên cạnh toà nhà của P.O.U.M. là khách sạn với một quán café ở tầng trệt, gọi là quán café Moka. Ngày hôm trước có khoảng hai mươi đến ba mươi bảo vệ vũ trang vào quán và khi chiến sự nổ ra thì bất ngờ chiếm lấy toà nhà rồi cố thủ ở bên trong. Có lẽ họ đã được lệnh chiếm quán café làm điểm tựa để sau này tấn công văn phòng của P.O.U.M. Họ đã thử đột kích ngay từ sáng sớm, hai bên bắn nhau, một

chiến sĩ xung kích bị thương nặng, bên kia cũng có một bảo vệ vũ trang bị giết. Lực lượng bảo vệ vũ trang chạy trở lại quán café, nhưng khi tay người Mi kia đi ra thì bị họ bắn, mặc dù anh ta không có vũ khí. Tay người Mi phải nấp vội vào sau quầy báo, còn lính xung kích thì lặn bom để buộc lực lượng bảo vệ vũ trang phải rút vào trong nhà.

Kopp nhìn quanh một lượt rồi bước vội lên phía trước và dùng tay lôi, không cho một anh “lính xung kích” người Đức ném quả lựu đạn mà anh ta vừa dùng răng rút chốt ra. Kopp kêu gọi mọi người hãy tránh xa lối ra vào rồi nói bằng mấy thứ tiếng rằng chúng tôi phải tìm cách tránh một cuộc tắm máu. Sau đó anh bước ra vỉa hè và từ từ tháo khẩu súng lục và đặt nó xuống đất ngay trước mắt lực lượng bảo vệ vũ trang. Hai sĩ quan dân quân người Tây Ban Nha cũng làm như thế. Rồi cả ba người cùng chậm rãi bước vào quán café, nơi lực lượng bảo vệ vũ trang đang cố thủ. Có cho tôi hai mươi bảng tôi cũng chả dám làm như thế. Họ bước đi, tay không tắc sắt. Phía trước là những con người hoảng loạn, tay lăm lăm những súng, đạn đã lên nòng. Một người lính bảo vệ, áo sắn tay, mặt bạc đi vì sợ, đi ra đàm phán với Kopp. Anh ta run rẩy chỉ vào hai quả bom chưa nổ còn nằm trên hè phố. Kopp quay lại và bảo rằng chúng tôi nên cho nổ hai quả bom. Để như thế sẽ nguy hiểm cho khách qua đường. Một lính xung kích lấy súng bắn vào một trong hai quả bom. Bom nổ, nhưng đến phát tứ hai thì trượt. Tôi mượn súng của anh ta rồi quì gối và bắn vào quả thứ hai. Cũng trượt, tôi lấy làm tiếc mà nói như thế. Đây là phát súng duy nhất tôi bắn trong vụ lộn xộn này. Mảnh kính biển hiệu quán café Moka vỡ nằm đầy vỉa hè. Hai chiếc ô tô đậu trước cửa, một chiếc là của

Kopp, cũng bị đạn bắn thủng lỗ chỗ, kính chắn gió bị bom làm vỡ tan tành.

Kopp kéo tôi lên tầng trên và giải thích cho tôi biết tình hình. Chúng tôi có nhiệm vụ bảo vệ toà nhà của P.O.U.M., nếu nó bị tấn công. Nhưng lãnh đạo P.O.U.M. đã chỉ thị rằng chỉ tự vệ và nếu có thể tránh được thì không nổ súng. Ngay bên kia đường, trước mặt chúng tôi có một rạp chiếu phim, gọi là Poliorama, bên trên là viện bảo tàng, trên đỉnh, cao hơn tất cả các mái nhà ở đây là hai mái vòm của một đài thiên văn nhỏ. Mái vòm chính là cao điểm án ngữ cả dãy phố, chỉ cần vài người trang bị súng trường nằm ở trên đó là có thể ngăn chặn mọi cuộc tấn công vào toà nhà của P.O.U.M. Bảo vệ rạp phim là người của C.N.T., họ đã đồng ý cho chúng tôi vào. Lực lượng bảo vệ vũ trang trong quán café Moka không phải là vấn đề. Họ không muốn đánh nhau và sẽ không ra tay nếu được để yên. Kopp nhắc đi nhắc lại rằng chúng tôi được lệnh không nổ súng trừ khi chính mình hoặc toà nhà bị tấn công. Tuy Kopp không nói, nhưng tôi đồ rằng lãnh đạo P.O.U.M. cảm thấy lúng túng vì bị dính vào chuyện này, song họ lại không thể không ủng hộ lực lượng C.N.T.

Đã cử người gác trên đài thiên văn. Nếu không kể những lúc đi sang khách sạn để ăn, có thể nói tôi ở trên nóc rạp phim Poliorama ba ngày ba đêm liền. Không có gì nguy hiểm, tôi chỉ thấy khổ vì đói và buồn, đây là một trong những giai đoạn khó chịu nhất trong cuộc đời tôi. Tôi nghĩ thật khó mà có cảnh sống nào kinh tởm hơn, chán nản hơn và điên đầu hơn là mấy ngày đánh nhau trên đường phố đó.

Những lúc ngồi trên mái nhà tôi thường nghĩ về sự điên rồ

đang diễn ra xung quanh. Qua cái cửa sổ nhỏ trong đài thiên văn, có thể phóng tầm mắt ra rất xa - những ngôi nhà cao tầng thanh mảnh, những mái vòm bằng kính, những mái nhà uốn lượn với những viên ngói màu đồng đỏ hay màu xanh dương, xa hơn về phía đông là mặt biển màu xanh lấp lánh dưới ánh mặt trời - kể từ ngày đặt chân tới Tây Ban Nha, đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy biển. Cái thành phố với cả triệu người này đã bị mắc kẹt trong một cái có thể gọi là quán tính bạo lực, trong cơn ác mộng của sự ồn ào bất động. Những đường phố đầy nắng, vắng lặng như tờ. Không có gì xảy ra cả. Chỉ có những loạt đạn bắn ra từ các chiến lũy và những ô cửa sổ đã được chèn bằng bao tải cát. Không thấy bóng dáng một chiếc xe nào trên đường phố. Đọc Ramblas thỉnh thoảng lại thấy một chiếc tàu điện đứng im lìm, bất động, lái tàu đã bỏ chạy ngay khi chiến sự bắt đầu. Chỉ có tiếng nổ là không bao giờ dứt, tiếng nổ vọng lại từ hàng ngàn bức tường đá, âm âm như những trận mưa bão miền nhiệt đới. Tạch-tạch, tạch-tà-rạch, bùm - đôi khi ngừng lại vài giây để rồi lại bùng lên bằng hàng loạt tiếng nổ muốn điếc tai, cho đến tận tối và sáng hôm sau lại bắt đầu y hệt như thế.

Thời kì đầu thật khó mà biết được đang xảy ra chuyện gì, ai đánh nhau với ai, ai đang thắng ai. Người dân Barcelona đã quen với cảnh đánh nhau trên đường phố và thông thạo địa hình đến mức họ biết rõ bằng bản năng đảng nào đang giữ phố nào hay toà nhà nào. Nhưng người ngoại quốc thì vô phương. Từ trên đài thiên văn nhìn xuống, tôi chỉ có thể nói rằng Ramblas, một trong những đường phố chính, đã trở thành đường phân giới. Bên phải Ramblas là các khu phố lao động, căn cứ của quân vô chính phủ; bên trái, không rõ ai đang đánh nhau với

ai trong những khu phố nghèo đói, nhưng nói chung P.S.U.C. và lực lượng bảo vệ vũ trang làm chủ phía bên này. Cuối phố Ramblas của chúng tôi, xung quanh quảng trường Cataluña, tình hình rối rắm đến mức không thể nào phân biệt được nếu trên mỗi tòa nhà không có một lá cờ. Điểm dễ nhận ra nhất ở đây là khách sạn Colón, án ngữ quảng trường Cataluña, là tổng hành dinh của P.S.U.C. Trong cái cửa sổ gần chữ O thứ hai trên biển quảng cáo Hotel Colón, kéo dài suốt mặt tiền tòa nhà, có một khẩu súng máy đủ sức bao quát toàn bộ quảng trường. Bên phải, cách chúng tôi khoảng một trăm mét là một cửa hàng bách hoá lớn, do lực lượng J.S.U., tức là liên đoàn thanh niên của P.S.U.C. (tương tự như Liên đoàn Thanh niên Cộng sản ở Anh) chiếm giữ, cửa sổ xếp đầy bao cát của tòa nhà nằm đối diện với đài thiên văn của chúng tôi. Họ đã hạ lá cờ đỏ xuống và thay bằng lá quốc kì Catalonia. Ở tổng đài điện thoại, nơi phát sinh rắc rối, bên cạnh lá quốc kì Catalonia là cờ của quân vô chính phủ. Đã đạt được thoả thuận tạm thời: tổng đài làm việc bình thường và không được bắn từ trong nhà ra.

Vị trí của chúng tôi yên tĩnh một cách đáng ngờ. Lực lượng bảo vệ vũ trang trong quán café Moka đã kéo cửa sắt xuống và lấy bàn ghế dựng thành chiến lũy. Sau này còn có năm sáu người leo lên mái nhà, đối diện với chúng tôi, và dùng chân nện dựng lên một chiến lũy nữa, bên trên cũng có một lá quốc kì Catalonia. Nhưng rõ ràng là họ không có ý định đánh nhau. Kopp thoả thuận với họ: nếu họ không bắn chúng tôi thì chúng tôi cũng không bắn họ. Anh ta đã trở thành người thân của lực lượng bảo vệ vũ trang và đã vào quán café Moka mấy lần. Đương nhiên là họ đã cướp hết bia rượu của cửa hàng và còn

tặng Kopp mười lăm chai bia nữa. Đáp lại, Kopp cho họ một khẩu súng trường để bù vào khẩu mà họ đã đánh mất ngày hôm trước. Nhưng ngồi trên mái nhà mãi cũng thấy khó chịu. Đôi khi chán quá, tôi chẳng thèm để ý đến tiếng ồn ào hỗn loạn xung quanh nữa mà vùi đầu vào đọc mấy cuốn sách, rất may là tôi đã mua được từ mấy hôm trước. Đôi khi tôi nhận thức rất rõ rằng những người kia chỉ cách mình có mười lăm mét, họ có súng và đang chăm chăm theo dõi nhất cử nhất động của mình. Hơi giống thời còn sống trong chiến hào. Mấy lần tôi thấy mình gọi, theo thói quen, lực lượng bảo vệ vũ trang là “quân phát xít”. Binh thường có sáu người trực ở trên mái. Mỗi đài thiên văn có một người gác, số còn lại ngồi trên mái nhà làm bằng chì ở bên dưới, ngoài hàng lan can bằng đá ra thì chẳng có gì che chắn hết. Tôi hiểu rõ rằng lực lượng bảo vệ vũ trang có thể được lệnh khai hoả bất cứ lúc nào. Họ đã hứa sẽ thông báo cho chúng tôi biết trước, nhưng chẳng có gì bảo đảm là họ sẽ giữ lời hứa cả. Có một lần tưởng như rắc rối đã bắt đầu. Một tay bảo vệ trước mặt tôi quì gối xuống và bắt đầu khai hoả. Lúc đó tôi đang trực trong đài thiên văn. Hướng nòng súng vào anh ta, tôi hét lên:

“Này! Đừng bắn chúng tôi!”

“Sao?”

“Đừng bắn, chúng tôi bắn lại đấy!”

“Không, không! Tôi không bắn anh. Nhìn kia!”

Anh ta lấy súng chỉ vào con phố nhỏ đi ngang ngay dưới chân toà nhà của chúng tôi. Đúng là có một thanh niên mặc đồng phục màu xanh, tay cầm khẩu súng trường đang lén vào góc phố. Chắc là anh ta vừa bắn vào lực lượng bảo vệ vũ trang trên

mái nhà.

“Tôi bắn thẳng đó. Nó khai hoá trước” (Tôi tin là như thế).
“Chúng tôi không muốn bắn các anh. Chúng tôi chỉ là công nhân như các anh thôi”

Anh ta giơ tay theo kiểu những người chống phát xít vẫn chào nhau, tôi cũng làm như thế và hỏi lớn:

“Còn bia không?”

“Hết rồi”

Cũng ngày hôm đó, không hiểu vì lý do gì mà một tay trong toà nhà do J.S.U. chiếm đóng bỗng rút súng ra và bắn vào tôi khi tôi đang thò đầu ra ngoài cửa sổ. Có thể lúc đó tôi đã trở thành mục tiêu hấp dẫn quá. Tôi không bắn trả. Mặc dù chỉ cách nhau chừng một trăm mét nhưng viên đạn đi chệch đến nỗi không trúng vào mái dãi thiên văn. Cũng như mọi khi, khả năng xạ kích của người Tây Ban Nha đã cứu tôi. Sau này tôi còn bị người ta bắn mấy lần từ toà nhà đó.

Việc bắn nhau hãi hùng như thế cứ diễn ra hết ngày này đến ngày khác. Nhưng như tôi thấy và nghe được thì cả hai bên đều chỉ tự vệ. Họ chỉ ở trong nhà hoặc ngồi sau chiến lũy và bắn như vãi đạn vào người của phía bên kia. Cách chỗ chúng tôi chừng nửa cây số có một con phố mà văn phòng chính của lực lượng C.N.T. và U.G.T. nằm gần như quay hẳn mặt vào nhau, tiếng súng đặc biệt dữ dội thường phát ra từ khu vực ấy. Một ngày sau khi chiến sự kết thúc, tôi đi lang thang dọc phố và trông thấy cửa kính các quầy hàng bị bắn lỗ chỗ chẳng khác gì những cái sàng. (Ngay khi chiến sự nổ ra các chủ cửa hàng ở Barcelona đã dán lên cửa kính những băng giấy bắt chéo lên nhau cho nên đạn đã không làm cho chúng vỡ tung ra). Đôi khi

một loạt tiểu liên hay súng máy lại được điểm xuyết bằng tiếng nổ xé tai của một quả lựu đạn. Và lâu lâu, có thể hơn chục lần cả thấy, lại có một tiếng nổ khủng khiếp, lúc đó tôi không biết là cái gì. Giống như tiếng bom ném từ máy bay xuống, nhưng không phải vì lúc đó không có máy bay bay qua. Sau này tôi được nghe nói rằng những tên khiêu khích đã cho nổ những khối thuốc nổ lớn nhằm tạo ra sự ồn ào và hỗn loạn trong dân chúng, có thể là đúng như thế. Tuy vậy, không thấy tiếng nổ của súng đại bác. Tôi có ý lắng nghe vì nếu đại bác khai hoả có nghĩa là tình hình đã trở thành nghiêm trọng (đại bác có vai trò quyết định trong những trận đánh trên đường phố). Sau này người ta đã đăng lên báo những câu chuyện vu vơ rằng có những khẩu đại bác bắn trên đường phố, nhưng không ai chỉ được toà nhà nào đã bị trúng đạn. Một người đã quen trận mạc thì không thể lầm lẫn khi nghe thấy tiếng nổ của các loại vũ khí.

Lương thực, thực phẩm đã bị thiếu gần như ngay từ đầu. Phái ban đêm và khó khăn lắm mới mang được thức ăn từ khách sạn Falcón sang cho mười lăm đến hai mươi người trong toà nhà hành chính của P.O.U.M. (vì quân bảo vệ vũ trang thường dùng súng bắn tia trên phố Ramblas), nhưng quảng đường này trống lăm thành ra chúng tôi thường đến khách sạn Continental để ăn. Ngay khi chiến sự vừa nổ ra, khách sạn đã đầy ứ đủ mọi hạng người rồi. Ở đây có các nhà báo ngoại quốc, có những người với quá khứ chính trị đáng ngờ, có một phi công người Mĩ đang làm việc cho chính phủ, có phái viên của các đảng cộng sản khác nhau, kể cả một tay người Nga to béo, mặt đầng đầng sát khí, nghe đâu là nhân viên cơ quan OGPU ¹, lúc nào cũng đeo một khẩu súng lục và một quả lựu đạn xinh xắn bên hông,

tên lóng là Charlie Chan, một vài gia đình giàu có người Tây Ban Nha có vẻ như có cảm tình với bọn phát xít, vài ba chiến sĩ từ Binh đoàn Quốc tế bị thương trở về, mấy tay lái xe tải nặng chở cam về Pháp bị kẹt lại và khá nhiều sĩ quan Quân đội Nhân dân. Quân đội Nhân dân vẫn giữ vai trò trung lập trong suốt cuộc chiến, mặc dù có một số chiến sỹ đã bỏ đơn vị để đi đánh nhau với tư cách cá nhân, sáng thứ ba vừa rồi tôi đã trông thấy vài người đứng sau chiến lũy của quân P.O.U.M. Lúc đầu, khi lương thực thực phẩm còn chưa thiếu lắm và báo chí chưa kích động lòng hận thù, mọi người đều muốn coi tất cả chuyện này chỉ là trò đùa. Năm nào ở Barcelona cũng xảy ra những chuyện như thế này, người dân ở đây bảo như thế. George Tioli, một tay phóng viên người Ý, bạn tốt của tôi, bỗng nhiên xuất hiện với một chiếc quần đầy máu. Hoá ra là anh ta đi ra ngoài nghe ngóng tình hình và đang băng bó cho một người bị thương trên hè phố thì bị một người ném lựu đạn vào, mục đích là mua vui. May là vết thương không nặng. Tôi nhớ anh ta bảo rằng cần phải đánh số những viên đá lát đường ở Barcelona, xây dựng đường và rờ chiến lũy cũng đỡ phức tạp hơn. Tôi còn nhớ, có lần sau một đêm đứng gác, người mỗi nhừ, đói khát, tôi bắt gặp mấy người thuộc các đơn vị quốc tế đang ngồi chơi trong phòng mình. Họ tỏ ra là những người rất bàng quan. Nếu họ là những đảng viên tốt, đấy là tôi giả định thế, thì họ đã thuyết phục tôi chạy sang phía họ hoặc ít nhất là tước những quả lựu đạn trong túi tôi. Chẳng những không làm thế, họ còn tỏ vẻ thương hại tôi vì phải đứng gác trên mái nhà trong thời gian nghỉ phép. Mọi người đều cho rằng đây chỉ là vụ xung đột vô văn giữa quân vô chính phủ và cảnh sát mà thôi. Mặc cho qui

mô của trận đánh và số người bị thương vong, tôi tin rằng điều này gần với sự thật hơn là một vụ bạo loạn có tổ chức, theo giải thích của chính phủ.

Tình hình bắt đầu thay đổi vào ngày thứ tư, mùng 5 tháng 5. Đường phố, hai bên cửa đóng then cài, trông rất đáng sợ. Một vài khách bộ hành vội vã bước, tay vẫy những chiếc khăn màu trắng, còn ở giữa phố Ramblas, nơi có những quầy hàng có thể tránh được đạn, mấy người đang gào lên tên của những tờ báo vừa ra lò. Hôm thứ ba tờ Solidaridad Obrera, một tờ báo của phe vô chính phủ đã gọi cuộc tấn công tổng đài điện thoại là “một vụ khiêu khích trắng trợn” (hoặc những từ ngữ có hiệu quả tương tự như thế), nhưng sang ngày thứ tư thì họ đổi giọng và bắt đầu thuyết phục mọi người quay lại làm việc. Lãnh đạo phe vô chính phủ cũng đưa ra những lời kêu gọi như thế trên đài phát thanh. Cơ quan của tờ La Batalla, một tờ báo của phe P.O.U.M., không có phòng vệ, đã bị lực lượng bảo vệ bố ráp và chiếm đóng cùng lúc với tổng đài điện thoại, nhưng tờ báo vẫn được in và đem phân phát từ một địa điểm khác. Tờ báo này kêu gọi mọi người giữ vững chiến lũy. Dân chúng không biết nghe ai và cứ đoán già đoán non xem chuyện này sẽ kết thúc như thế nào. Tôi ngờ rằng chưa có ai rời bỏ chiến lũy, nhưng mọi người cũng đã chán cuộc chiến vô nghĩa này rồi; nó sẽ chẳng đi đến đâu vì không ai muốn đẩy nó thành một cuộc nội chiến thật sự, thế thì sẽ thua Franko. Tất cả các bên đều nói rằng họ sợ. Theo người ta nói thì ngay từ đầu của các thành viên C.N.T. chỉ muốn có hai việc: chiếm lại tổng đài điện thoại và giải giáp lực lượng bảo vệ vũ trang mà họ rất căm tức. Nếu chính phủ Catalonia hứa thực hiện hai việc ấy và ngoài ra còn hứa chấm dứt nạn đầu

cơ lương thực thực phẩm thì không nghi ngờ gì rằng chiến lữ sẽ được rời bỏ trong vòng hai giờ. Nhưng rõ ràng là chính phủ không chịu nhượng bộ. Đang lan truyền những tin đồn xấu. Người ta đồn rằng chính phủ Valencia đã cử sáu ngàn quân đến để chiếm đóng Barcelona, còn năm ngàn quân vô chính phủ và P.O.U.M. cũng đã rời khỏi mặt trận Aragon để đến bảo vệ thành phố. Chỉ có tin đầu là đúng. Từ trên đài thiên văn, chúng tôi trông thấy những chiếc tàu chiến đang cập cảng. Douglas Moyle, có thời từng là thủy thủ, bảo rằng trông như tàu khu trục của Anh. Hoá ra đấy đúng là tàu khu trục Anh, mặc dù mãi sau này chúng tôi mới biết như thế.

Chiều hôm đó chúng tôi nghe nói rằng ở quảng trường Espana có bốn trăm lính thuộc lực lượng bảo vệ vũ trang đầu hàng và giao nộp vũ khí cho quân vô chính phủ, cũng có tin đồn rằng ở các khu ngoại ô (chủ yếu là các khu phố lao động) quân C.N.T. đã kiểm soát được tình hình. Có vẻ như chúng tôi đã thắng. Nhưng cũng ngay chiều hôm đó, Kopp cho gọi tôi và bằng nét mặt nghiêm trọng, anh bảo tôi rằng theo thông tin mà anh nhận được thì chính phủ sắp đưa P.O.U.M. ra ngoài vòng pháp luật và tuyên bố chiến tranh với lực lượng này. Tôi cảm thấy choáng váng. Tôi đã hiểu ra ngay ý nghĩa của những chuyện sẽ diễn ra sau này. Trước đó tôi đã lơ mơ nhận ra rằng sau khi chiến sự chấm dứt, người ta sẽ đổ tất cả tội lỗi lên đầu P.O.U.M., đây là đảng yếu nhất và vì vậy cũng dễ trở thành vật tế thần nhất. Đấy cũng là lúc địa vị trung lập của chúng tôi phải kết thúc. Nếu chính phủ tuyên bố chiến tranh với chúng tôi thì chúng tôi buộc phải tự vệ. Chắc chắn là lực lượng bảo vệ vũ trang trong toà nhà bên cạnh sẽ được lệnh tấn công chúng tôi.

Chúng tôi phải ra tay trước thì mới hi vọng. Kopp ngồi trực điện thoại. Nếu có tin chắc chắn rằng P.O.U.M. đã bị đặt ra ngoài vòng pháp luật thì chúng tôi phải sẵn sàng đánh chiếm ngay quán café Moka.

Tôi nhớ rõ cái buổi tối dài dặc, kinh hoàng đó. Việc gia cố toà nhà được tiến hành suốt đêm, chúng tôi đóng cửa chính lại rồi dựng đằng sau nó một chiến lũy bằng đá do những công nhân sửa chữa để lại. Chúng tôi kiểm lại số vũ khí hiện có. Nếu kể cả sáu khẩu trên mái rạp phim Poliorama thì chúng tôi có hai mươi mốt khẩu súng trường, trong đó có một khẩu hồng, mỗi khẩu có chừng năm mươi viên đạn, vài chục quả lựu đạn, mấy khẩu súng lục. Khoảng mười chiến sĩ, chủ yếu là người Đức, tình nguyện tấn công quán café Moka khi có lệnh. Dĩ nhiên là chúng tôi phải tấn công từ trên mái nhà, ngay từ sáng sớm, làm cho họ bị bất ngờ. Họ đông hơn, nhưng tinh thần chiến đấu của chúng tôi cao hơn. Chắc chắn là chúng tôi sẽ chiếm được toà nhà, mặc dù sẽ có người bị giết. Lương thực trong toà nhà đã cạn, đây là nói nếu không kể mấy thỏi sôcôla còn sót lại. Có tin nói rằng “chúng” sắp cắt cả nước nữa. (Không ai biết “chúng” là ai. Có thể đấy là chính phủ, họ đang kiểm soát các nhà máy nước, mà cũng có thể là lực lượng C.N.T. - không ai biết). Chúng tôi đổ đầy nước vào tất cả các bồn rửa mặt, các loại xô chậu kiếm được và cuối cùng là đầy mười lăm chai bia - dĩ nhiên là không còn bia nữa - mà cánh bảo vệ vũ trang đã cho Kopp.

Tôi cảm thấy chán nản vô vùng, mệt rã rời vì đã gần năm ngày đêm hầu như không được ngủ. Đêm đã khuya. Dân chúng nằm rải rác khắp nền nhà tầng trệt, ngay sau chiến lũy. Tầng trên có một phòng nhỏ, có kê một bộ đi văng; chúng tôi định

dùng phòng này làm trạm cứu thương. Nhưng phải nói là trong toà nhà chẳng có một lọ thuốc đỏ hay cuộn băng nào. Bà xã nhà tôi đã đi từ khách sạn tới đây, cô ấy sẽ làm y tá, khi hữu sự. Tôi nằm trên di văng, tôi muốn ngủ chùng nửa giờ trước khi tấn công vào quán café Moka, tôi có thể bị giết trong cuộc tấn công này. Tôi nhớ rõ cảm giác khó chịu vì khẩu súng lục đeo ở thắt lưng cứ thúc vào mạng sườn. Tôi còn nhớ một chuyện nữa, đấy là đột nhiên tôi thức giấc và thấy bà xã đứng ngay bên cạnh. Đã sáng rõ, nhưng không có chuyện gì xảy ra cả, chính phủ không tuyên bố chiến tranh với P.O.U.M., nước không bị cắt và nếu không có những loạt súng nổ hỗn loạn ngoài phố thì mọi chuyện có thể coi là bình thường. Bà xã bảo rằng không dám gọi tôi, cô ấy ngủ trên một chiếc ghế bành trong phòng đối diện.

Chiều hôm đó giống như là đã ngừng bắn vậy. Tiếng súng đã lặng hẳn và đường phố đột nhiên đầy người qua lại. Một vài cửa hàng đã kéo cửa sắt lên, ở chợ có một đám đông người tụ tập đòi lương thực thực phẩm, mặc dù các quầy hàng hầu như trống rỗng. Tàu điện vẫn chưa chạy. Lực lượng bảo vệ vũ trang vẫn nằm sau chiến lũy trong quán café Moka, chưa có bên nào dỡ bỏ chiến lũy. Ai cũng hối hả tìm cách mua bằng được lương thực, thực phẩm. Ở đâu cũng thấy người ta lo lắng hỏi nhau: “Anh tin là nó chấm dứt rồi chứ? Anh có tin là nó sẽ lại bắt đầu không?”. “Nó” - vụ bắn nhau vừa rồi - bây giờ được coi là thiên tai, giống như một trận bão hay là trận động đất, ảnh hưởng đến tất cả mọi người nhưng không ai có đủ sức ngăn chặn. Tôi cho rằng đã có thoả thuận ngừng bắn trong vài giờ, nhưng vài giờ này sẽ trôi nhanh như vài phút. Và chắc chắn là tiếng súng sẽ

lại bùng lên một cách bất ngờ như những trận mưa rào mùa hạ. Mọi người sẽ lại chạy nháo nhào, cửa sắt sẽ lại được kéo xuống, đường phố sẽ vắng ngắt giống như vừa có bàn tay phù thủy ra lệnh vậy. Lính tráng sẽ lại trở về sau chiến lũy và “nó” sẽ lại bắt đầu một lần nữa.

Tôi quay lại vị trí của mình ở trên mái nhà, thâm tâm cảm thấy vô cùng phần nộ và giận dữ. Khi tham gia vào những sự kiện như thế này, tôi cho rằng người ta có quyền cảm thấy mình là một nhân vật lịch sử vì dù sao thì họ cũng đang là người sáng tạo ra lịch sử. Nhưng chuyện đó không bao giờ xảy ra vì trong những giờ phút như thế bao giờ những việc nhỏ nhen cũng che lấp hết mọi thứ khác. Suốt trong thời gian đánh nhau, chưa bao giờ tôi “phân tích” được đúng tình hình, thế mà những nhà báo ngồi cách đó cả trăm dặm lại làm một cách ngon ơ. Điều tôi nghĩ đến nhiều nhất không phải là cái đúng và cái sai của vụ đụng độ huynh đệ tương tàn đáng thương này mà là những điều bực dọc và chán nản do phải ngồi suốt ngày đêm trên cái mái nhà khốn kiếp, và cái đói đang hành hạ càng ngày càng dữ dội thêm - từ hôm thứ hai đến giờ chưa có ai được ăn lấy một bữa no. Suốt thời gian đó tôi luôn nghĩ rằng mình phải trở lại mặt trận ngay sau khi việc này chấm dứt. Nó làm tôi phát điên lên được. Tôi đã có mặt ở mặt trận đúng một trăm mười lăm ngày và trở lại Barcelona với ước muốn duy nhất là thư giãn và hưởng thụ một thời gian. Thế mà tôi lại phải ngồi ở trên một cái mái nhà, ngay trước mặt lực lượng bảo vệ vũ trang, những kẻ cũng buồn chán như tôi, lại còn thỉnh thoảng vẩy tay, cam đoan rằng họ là “công nhân” (hi vọng rằng tôi sẽ không bắn), nhưng chắc chắn họ sẽ bắn khi có lệnh. Nếu đây là lịch sử thì rõ ràng

là chúng tôi không cảm nhận được nó. Chẳng khác gì giai đoạn tôi tẹt trên mặt trận khi thiếu người và chúng tôi phải đứng gác rất lâu. Đã không thành anh hùng lại còn phải đứng gác, chán ngán, gục xuống vì buồn ngủ và mặc kệ mọi sự, muốn ra sao thì ra.

Trong khách sạn với đủ mọi hạng người mà đa số chẳng dám thò mặt ra khỏi cửa, không khí ngột ngạt khủng khiếp đang ngày càng gia tăng. Những kẻ bị mắc chứng hoang tưởng thấy ai cũng là gián điệp, không gián điệp của cộng sản thì cũng của phái Trotskyist hay của phe vô chính phủ, hay có trời mới biết là của phe phái nào. Tay nhân viên to béo người Nga nắm áo tất cả những người tị nạn ngoại quốc và giải thích một cách dẻo quẹo rằng tất cả mọi chuyện đều là do âm mưu của phe vô chính phủ mà ra. Tôi cảm thấy vui khi quan sát anh ta vì nếu không kể cánh báo chí thì đây là lần đầu tiên tôi trông thấy một người mà nghề nghiệp chính là nói dối. Trong cái trò bắt chước đời sống của một khách sạn sang trọng đằng sau những cánh cửa sắt đóng kín, trong khi những loạt đạn súng trường nổ ngay bên cạnh, ẩn chứa một cái gì đó thật tởm lợm. Một viên đạn xuyên qua cửa sổ và làm sứt một cái cột trong phòng ăn phía trước, thế là không còn ai vào phòng này nữa. Tất cả khách tụ tập trong cái phòng âm u tối ở phía sau, bàn ghế lúc nào cũng thiếu. Nhân viên cũng giảm - một số là thành viên C.N.T. và đã tham gia vào cuộc tổng bãi công - tạm thời quyết định không mặc những chiếc áo cổ cứng, nhưng thức ăn vẫn được phục vụ với vẻ long trọng như cũ. Nhưng thức ăn thì chẳng có gì. Chiều thứ năm hôm đó món chính chỉ là một con cá mòi. Đã mấy ngày liền không có bánh mì, rượu vang cũng cạn dần, càng

ngày chúng tôi càng uống những loại vang lâu đời hơn, mà giá cũng ngày càng cao hơn. Mấy ngày sau khi chiến sự kết thúc cũng vẫn chưa có đủ lương thực thực phẩm. Tôi nhớ, suốt ba ngày liền, bữa sáng hai vợ chồng tôi chỉ ăn một miếng pho mát nhỏ làm từ sữa dê, không bánh mì, không đồ uống. Chỉ có cam là nhiều. Mấy tay lái xe tải người Pháp mang rất nhiều cam vào khách sạn. Bọn này trông khá bặm trợn, có mấy cô gái Tây Ban Nha ăn mặc sặc sỡ và một tay bốc vác to con mặc bộ đồng phục màu đen đi cùng. Lúc khác thì tay quản lý khách sạn hống hách kia sẽ tìm mọi cách nhằm gây khó khăn cho mấy tay lái xe nọ, thậm chí không cho họ vào khách sạn, nhưng hiện nay họ được nhiều người biết, vì khác với chúng tôi, họ có khá nhiều bánh mì và chúng tôi thường đến xin mỗi người một ít.

Đây là đêm cuối cùng tôi trực trên mái nhà, sáng hôm sau cuộc chiến tưởng chừng như là đã chấm dứt. Tôi mừng tượng là hôm đó, thứ sáu, không còn nhiều tiếng súng nữa. Không ai biết là các đơn vị từ Valencia đã đến hay chưa. Thực ra là chiều hôm đó họ mới tới. Loa phóng thanh truyền đi thông điệp của chính phủ, vừa vỗ về vừa đe dọa, kêu gọi mọi người ai về nhà nấy và nói rằng ai sau giờ đó, giờ đó.. mà còn mang theo vũ khí thì sẽ bị bắt. Mặc dù chẳng ai để ý đến lời kêu gọi của chính phủ, nhưng dân chúng cũng đã nhanh chóng rời bỏ chiến lũy. Tôi tin rằng thiếu lương thực là nguyên nhân chủ yếu. Khắp nơi người ta đều nói: “Hết lương thực rồi, phải đi làm thôi.” Trong khi đó lực lượng bảo vệ vũ trang, tức là những người biết rằng khi nào thành phố còn lương thực thì họ sẽ có suất, vẫn không rời vị trí. Đến chiều thì đường phố đã trở lại gần như bình thường, mặc dù các chiến lũy vẫn còn y nguyên.

Ramblas chật ních người, hầu như tất cả các cửa hàng đều đã mở và điều làm người ta yên lòng nhất là mấy đoàn tàu điện, sau bao nhiêu ngày đứng im như hoá đá, đã rùng mình mấy cái và bắt đầu chạy. Lực lượng bảo vệ vũ trang vẫn đóng trong quán café Moka và chưa hạ chiến lũy xuống, nhưng một vài người đã mang ghế ra vỉa hè ngồi chơi, súng kẹp giữa hai đầu gối. Khi đi ngang qua tôi đã nháy mắt với một tay bảo vệ, hắn cũng mỉm cười đáp lại. Chắc chắn là hắn đã nhận ra tôi. Lá cờ của quân vô chính phủ bên trên tổng đài điện thoại đã được kéo xuống, chỉ có lá cờ của Catalonia là còn treo ở đấy. Nghĩa là công nhân đã hoàn toàn thất bại. Tôi biết - mặc dù do ngu dốt về chính trị tôi không nhận thức được rõ lắm - là một khi chính phủ đã cảm thấy tự tin thì sẽ có đàn áp. Nhưng lúc đó tôi không quan tâm đến vấn đề này. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ người: súng không còn nổ nữa, có thể đi mua thức ăn và nghỉ ngơi, thư giãn vài ngày trước khi lên đường trở lại mặt trận.

Chắc chắn là phải gần nửa đêm những đơn vị đầu tiên từ Valencia mới xuất hiện trên đường phố. Đây là lực lượng xung phong, tương tự như bảo vệ vũ trang và cảnh sát vũ trang (tức là những đơn vị làm nhiệm vụ cảnh sát là chính) và các đơn vị tinh nhuệ của Quân đội Cộng hoà. Họ đến một cách bất ngờ như vừa chui ở dưới đất lên vậy, ở đâu cũng thấy những một nhóm tuần tra, chừng mười người, cao to, mặc đồng phục màu xám hoặc xanh nhạt, súng trường nòng dài lưng lửng trên vai, mỗi nhóm lại có một khẩu súng máy. Còn chúng tôi thì phải làm một công việc phải nói là tế nhị. Sáu khẩu súng mà chúng tôi sử dụng trong khi gác trên mái đài thiên văn vẫn còn nằm nguyên trên đó, phải tìm mọi cách mang về trụ sở của P.O.U.M. Vấn đề

chỉ là mang mấy khẩu súng đó qua một con phố mà thôi. Đây là một phần trang bị của trụ sở, nhưng mang ra phố là vi phạm lệnh của chính phủ. Nếu họ trông thấy đang mang vũ khí thì nhất định sẽ bị bắt và quan trọng hơn nữa là súng sẽ bị tịch thu. Trong trụ sở chỉ có tất cả hai mươi một khẩu, chúng tôi không được phép để mất sáu khẩu đó. Sau một hồi thảo luận, tôi và một cậu người Tây Ban Nha tóc vàng bắt đầu bí mật mang súng ra ngoài. Lừa đám xung phong thì tương đối dễ, nhưng bọn bảo vệ vũ trang trong quán café Moka thì khó vì họ biết chúng tôi có để súng trên đài thiên văn và có thể đi báo nếu họ nhìn thấy chúng tôi mang súng ra ngoài. Chúng tôi cởi áo ngoài ra, đeo súng vào vai trái, báng kẹp nách còn nòng thì đút vào trong ống quần. Nhưng thật đáng tiếc, đây là loại Mauser khá dài. Ngay cả một người cao như tôi cũng không thể nhét khẩu Mauser vào trong ống quần mà có thể đi lại một cách bình thường được. Đi theo cái cầu thang xoắn ốc của đài thiên văn với chân trái cứng đơ, bất động đúng là một khổ hình. Ra đến phố chúng tôi mới phát hiện ra rằng phải đi thật chậm, chậm đến mức không cần co đầu gối. Bên cạnh rạp phim có một đám người tò mò nhìn theo cách đi như rùa bò của tôi. Tôi thường tự hỏi không biết những người đó nghĩ gì về tôi. Có lẽ họ cho là tôi bị thương. Dù sao mặc lòng, tất cả súng đã được bí mật mang qua đường mà không xảy ra một sự cố nào.

Ngày hôm sau, người của lực lượng xung phong đã đi đầy đường, chẳng khác gì bọn xâm lược. Không nghi ngờ gì rằng chính phủ muốn phô trương lực lượng để dọa dẫm dân chúng, chứ họ biết rõ là sẽ không có sự chống đối nào. Nếu quả thật họ sợ rằng sẽ có bạo động thì quân xung phong đã bị cấm trại

chứ không được đi lang thang thành từng tốp nhỏ như thế. Đây là những người lính tuyệt vời, tuyệt hơn tất cả đơn vị tôi đã thấy ở Tây Ban Nha, và mặc dù theo nghĩa nào đó thì họ là “kẻ thù” nhưng tôi vẫn khoái ngắm họ. Tôi không khỏi lấy làm ngạc nhiên mỗi khi nhìn thấy họ đi lại trên đường phố. Tôi đã quen với những người dân quân rách rưới, trang bị tồi ở mặt trận vùng Aragon và không thể biết rằng chính phủ còn có những đội quân như thế này. Không chỉ khoẻ mạnh và cân đối, vũ khí của họ mới là cái làm cho tôi ngạc nhiên. Tất cả đều đeo những khẩu súng trường mới cứng, thường gọi là “súng trường Nga” (được gửi tới từ Liên Xô nhưng tôi tin là sản xuất ở Mỹ). Tôi đã từng xem một khẩu như thế rồi. Chưa thể gọi là lí tưởng, nhưng thật là một trời một vực so với những khẩu cổ lỗ sĩ mà chúng tôi đã dùng ngoài mặt trận. Lính xung phong, mỗi người có một khẩu súng lục, mười người một khẩu súng máy. Còn chúng tôi, khoảng năm mươi người mới có một khẩu súng máy, còn súng lục thì chỉ có cách là mua trộm. Mặc dù trước đây tôi không biết, nhưng sự thật là ở đâu cũng như thế cả. Cảnh bảo vệ vũ trang và cảnh sát vũ trang, những người không bao giờ phải ra mặt trận, lại được trang bị tốt hơn và ăn mặc nghiêm chỉnh hơn chúng tôi. Tôi ngờ rằng chiến tranh luôn luôn là như thế: bao giờ cũng có sự tương phản giữa những tay cảnh sát bóng mượt ở hậu phương và những người lính rách rưới ngoài mặt trận. Nói chung, chỉ một hai ngày sau là lính xung phong đã hoà đồng với dân chúng rồi. Ngày đầu tiên cũng có một vài rắc rối vì lính xung phong đã có những hành động mang tính khiêu khích - tôi cho là họ hành động theo lệnh trên. Họ nhảy lên tàu điện, khám người đi tàu, nếu tìm được thẻ đoàn viên C.N.T. thì xé đi

và lấy chân dẫm lên. Có vài vụ ẩu đả với quân vô chính phủ và một vài người đã bị giết. Nhưng ngay sau đó quân xung phong đã bỏ thái độ hống hách và quan hệ trở thành hữu hảo hơn. Chỉ vài ngày sau là đa số đã kiếm được gái.

Những cuộc đụng độ ở Barcelona đã tạo cho chính quyền Valencia cơ hội, họ đã chờ đợi cơ hội này từ lâu, nhằm kiểm soát hoàn toàn Catalonia. Lực lượng dân quân của công nhân sẽ bị giải thể và cho nhập vào các đơn vị Quân đội Nhân dân. Cờ của nước Cộng hoà Tây Ban Nha tung bay trên khắp bầu trời Barcelona - đây là lần đầu tiên tôi trông thấy lá cờ này, đây là không kể những lần thấy nó được cắm trên chiến hào quân phát xít. Chiến lũy trong các khu lao động đang được dỡ bỏ, nhưng thường là từng đoạn một, vì dựng chiến lũy thì dễ mà đặt những phiến đá lát đường vào chỗ cũ thì khó hơn nhiều. Chiến lũy bên ngoài trụ sở P.S.U.C. vẫn được để lại, thực ra nhiều đoạn còn đứng yên mãi đến cuối tháng sáu mới bị dỡ bỏ. Lực lượng bảo vệ vũ trang vẫn tiếp tục nắm giữ các vị trí chiến lược xung yếu. C.N.T bị tịch thu khá nhiều vũ khí, nhưng tôi ngờ rằng họ cũng đã giấu được khá nhiều. Tờ La Batalla vẫn xuất hiện đều đặn, nhưng vì bị kiểm duyệt cho nên trang nhất hầu như bị bỏ trắng hoàn toàn. Báo chí của P.S.U.C. không bị kiểm duyệt và đã cho đăng những bài có tính kích động, đòi cấm không cho P.O.U.M. hoạt động. Họ tuyên bố rằng P.O.U.M. là tổ chức phát xít trá hình. Thành viên của P.S.U.C. đem phân phát khắp thành phố bức biếm họa về một người đánh rơi chiếc mặt nạ có hình búa liềm và bên trong hiện ra bộ mặt khủng khiếp với hình chữ thập ngược. Như vậy là người ta đã chính thức xác định nguyên nhân vụ đụng độ ở Barcelona: đây là vụ nổi loạn của “đội quân

thứ năm” của bọn phát xít, do P.O.U.M. kích hoạt.

Sau khi chiến sự kết thúc, không khí nghi ngờ và thù địch trong khách sạn vốn đã khủng khiếp lại càng gia tăng hơn nữa. Nếu ở đầu cũng thấy người ta kết án nhau thì giữ thái độ trung lập là việc bất khả thi. Buu điện lại làm việc, báo chí cộng sản nước ngoài cũng bắt đầu xuất hiện trở lại, nhưng những bài viết về cuộc đụng độ vừa qua thì vừa thiên lệch vừa thiếu chính xác một cách nghiêm trọng. Tôi nghĩ rằng một số người cộng sản có mặt tại trận, tức là những người đã chứng kiến những sự kiện diễn ra trên thực tế, đã bị bối rối vì những lời giải thích của báo chí, nhưng dĩ nhiên là họ đành phải ngậm miệng. Anh bạn cộng sản của tôi lại tới và hỏi xem tôi có muốn ra nhập các Binh đoàn Quốc tế nữa không.

Tôi rất ngạc nhiên. “Báo chí của các anh nói tôi là phát xít rồi mà”, tôi bảo. “Từ P.O.U.M. chạy sang thì tôi sẽ bị nghi ngờ ngay”.

“Không thành vấn đề. Thực ra anh cũng chỉ thực hiện mệnh lệnh thôi mà”.

Tôi buộc phải nói với anh ta rằng sau vụ này, tôi không thể ra nhập các đơn vị do cộng sản kiểm soát được nữa. Tham gia vào các đơn vị đó thì trước sau gì tôi cũng sẽ bị sử dụng để chống lại giai cấp công nhân mà thôi. Không thể nói rằng khi nào thì chuyện đó sẽ lại xảy ra một lần nữa. Nhưng nếu phải sử dụng vũ khí trong trường hợp như thế thì tôi sẽ đứng về phía giai cấp công nhân chứ không phải là chống lại họ. Anh ta tỏ ra rất thông cảm với những điều tôi nói. Nhưng tình hình đã thay đổi. Không còn có cảnh “đồng ý có những khác biệt” và không thể làm một vai bia với người bất đồng chính kiến nữa rồi. Đã xảy ra vài cuộc cãi vã trong tiền sảnh khách sạn. Nhà tù thì đầy

nhóc người. Sau khi chiến sự kết thúc, quân vô chính phủ đã thả hết tù binh nhưng lực lượng bảo vệ vũ trang lại không thả. Chẳng những thế, họ còn đưa tù nhân vào trại giam, giữ ở đó, mấy tháng liền mà không đem ra xét xử. Nhiều người hoàn toàn vô tội đã bị cảnh sát bắt oan. Bên trên tôi đã nói rằng Douglas Thompson bị thương ngay từ đầu tháng tư. Chúng tôi bị mất liên lạc với anh ta, chuyện đó thường hay xảy ra với thương binh vì thương binh được chuyển hết bệnh viện này đến bệnh viện khác. Anh ta được đưa đến bệnh viện ở Tarragona rồi quay lại Barcelona vào khoảng thời gian nổ ra chiến sự. Tôi gặp anh trên đường phố vào sáng thứ ba. Anh ta tỏ ra hết sức kinh ngạc khi nghe thấy tiếng súng vang lên khắp nơi và hỏi, như mọi người đều hỏi hôm đó:

“Có chuyện gì thế nhỉ?”

Tôi giải thích theo cách hiểu của mình. Thompson nói ngay:

“Tôi sẽ tránh xa vụ này. Tay tôi vẫn còn đau. Tôi phải quay lại và ở lì trong đó thôi.”

Anh ta quay lại khách sạn, nhưng thật không may là khách sạn đó lại nằm trong khu vực do lực lượng bảo vệ vũ trang kiểm soát (trong những trận đánh nhau trên đường phố như thế này, nắm được địa hình khu vực là hệ trọng lắm!). Khách sạn bị khám xét. Thompson bị bắt rồi bị tống vào nhà giam chật ních người, không có chỗ nào đặt lưng và bị giam tám ngày liền. Nhiều người bị như thế. Nhiều người ngoại quốc có lí lịch chính trị đáng ngờ phải bỏ trốn, nom nớp lo sợ bị cáo giác vì cảnh sát thường xuyên tung lực lượng truy lùng họ. Khổ nhất là người Ý và người Đức, tức là những người không có hộ chiếu và cũng đang bị cảnh sát mật của chính nước mình săn đuổi. Nếu

bị bắt, chắc chắn họ sẽ bị trục xuất sang Pháp, cũng có nghĩa là có thể bị đưa trở lại nước Ý hay nước Đức, chỉ có Trời mới biết những sự khổ ải đang chờ họ ở đấy mà thôi. Một hai cô gái ngoại quốc đã vội vã làm đám cưới giả với đàn ông Tây Ban Nha, đấy cũng là một lối thoát. Một cô gái người Đức không có bất cứ giấy tờ gì đã trốn cảnh sát bằng cách đóng giả tình nhân của một người đàn ông Tây Ban Nha suốt mấy ngày. Tôi còn nhớ nét mặt ngượng ngùng và khổ sở của cô khi vô tình gặp cô đi ra khỏi phòng ngủ của người đàn ông nọ. Dĩ nhiên, cô không phải là tình nhân của người đàn ông đó, nhưng chắc chắn là cô nghĩ rằng tôi coi cô là người như thế. Lúc nào người ta cũng có cảm giác bức bối khi nghĩ rằng một người bạn cũ nào đó có thể đang tố cáo mình với cảnh sát mật. Con ác mộng kéo dài của cuộc giao tranh, những tiếng ồn ào, đói ăn và buồn ngủ, tâm trạng căng thẳng và buồn chán khi ngồi canh gác trên mái nhà cùng với ý nghĩ rằng khi nào thì mình bị bắn hay khi nào thì mình phải bắn vào một người nào đó làm thần kinh tôi muốn vỡ tung ra. Căng thẳng đến mức vừa nghe thấy tiếng kẹt cửa là tôi đã nắm lấy súng lục rồi. Sáng thứ bảy lại có tiếng nổ rộ lên ở bên ngoài, mọi người cùng hét lên: “Lại bắt đầu rồi!” Tôi chạy ra ngoài, hoá ra mấy tay thuộc lực lượng xung phong bắn một con chó điên. Những người đã từng có mặt ở Barcelona lúc đó, hoặc hàng tháng sau đó, sẽ không thể nào quên được không khí kinh hoàng do nỗi sợ hãi, sự ngờ vực, lòng hận thù, báo chí bị kiểm duyệt, nhà tù chật cứng người, những đám người chen nhau mua lương thực thực phẩm và từng nhóm vũ trang lảng vảng khắp nơi, tạo ra.

Tôi đã cố gắng ghi lại cảm tưởng của một người từng có mặt

ở Barcelona đúng vào lúc diễn ra những trận giao tranh trên đường phố. Tôi không nghĩ rằng mình đã chuyển tải được đầy đủ sự kì quặc của tình hình lúc đó. Mỗi khi nhớ lại, trong đầu tôi lại hiện ra những người không tham gia vào cuộc giao tranh mà tôi vô tình gặp gỡ trong thời gian đó, đối với họ tất cả đơn giản chỉ là một vụ ồn ào vô nghĩa lí. Tôi vẫn nhớ hình dáng một người đàn bà ăn mặc hợp thời trang, với một chiếc làn đi chợ khoác trên một tay còn tay kia thì dắt sợi xích buộc một con chó nhỏ, đi trên phố Ramblas, đúng vào lúc tiếng súng đang rộ lên trên một hai dãy phố gần đấy. Tôi nghĩ rằng bà ấy điếc. Hay hình ảnh người đàn ông chạy qua quảng trường Cataluña không một bóng người, mỗi bàn tay đều có một chiếc khăn mùi xoa trắng. Và đây là hình ảnh một nhóm khá đông người mặc quần áo màu đen, cả tiếng đồng hồ tìm cách đi ngang qua quảng trường Cataluña mà không được. Cứ mỗi lần họ lò đầu ra khỏi góc phố là súng máy của lực lượng P.S.U.C. trong khách sạn Colón lại bắn và buộc họ phải lùi lại - không biết là tại làm sao vì rõ ràng là họ không có súng. Tôi nghĩ rằng đấy là đám ma. Rồi hình ảnh một người đàn ông nhỏ nhắn, bảo vệ viện bảo tàng bên trên rạp chiếu phim Poliorama, có vẻ như ông ta coi tất cả chỉ là trò đùa. Ông rất vui khi thấy có cả một người Anh đến thăm - người Anh dễ thương lắm, ông bảo thế. Ông hi vọng rằng khi những sự lộn xộn như thế này chấm dứt, chúng tôi sẽ lại đến thăm ông. Sau đó tôi có đến thăm ông như đã hứa. Một ông già nhỏ bé nữa, đứng nép bên cánh cửa, vui vẻ nhìn về phía quảng trường Cataluña đang bị bắn như vãi đạn từ mọi phía và bảo (như là nói về một buổi sáng đẹp trời vậy): “Lại một ngày mười chín tháng bảy nữa rồi!” Và những người trong cửa hàng giày,

nơi tôi đặt đóng một đôi ủng. Tôi đến đó ba lần: trước và sau khi xảy ra giao tranh, lúc có ngừng bắn hôm mồng 5 tháng 5 tôi cũng rẽ vào trong vòng vài phút. Đây là một cửa hàng bán toàn giày đắt tiền, những người làm ở đây là thành viên công đoàn U.G.T., mà cũng có thể có cả đoàn viên công đoàn P.S.U.C. nữa. Dù thế nào thì họ cũng là những người đối lập với tôi về mặt chính trị và họ biết là tôi đang chiến đấu trong lực lượng của P.O.U.M. Nhưng họ lại tỏ ra thờ ơ với mọi chuyện. “Thật đáng tiếc là lại xảy ra những chuyện như thế. Làm ăn càng khó khăn thêm. Làm sao chấm dứt mau thì tốt! Bắn nhau ngoài mặt trận còn chưa đủ hay sao!”..v.v.. Chắc chắn là có nhiều người, mà có thể là phần lớn dân chúng Barcelona, chẳng hề quan tâm đến các sự kiện ở đây, hoặc là chỉ chú ý đến chúng như chú ý đến những vụ không kích mà thôi.

Trong chương này tôi mới chỉ kể về trải nghiệm của cá nhân mình. Trong chương sau tôi sẽ cố gắng thảo luận những vấn đề rộng lớn hơn, tức là cố gắng trình bày những sự kiện đã diễn ra trên thực tế, ai đúng, ai sai, ai phải chịu trách nhiệm. Cần phải đánh giá một cách khách quan vì có một số người đã lợi dụng những vụ đụng độ ở Barcelona. Vấn đề này đã được viết quá nhiều rồi, có thể in thành mấy cuốn sách dày và tôi nghĩ rằng không phải là phóng đại khi nói rằng 90% là bịa đặt. Hầu như tất cả các bài báo xuất bản trong thời gian đó đều do những kẻ giả ở xa mặt trận bịa ra, không những thiếu chính xác mà còn cố tình xuyên tạc sự thật nữa. Thường thì chỉ một phía được phép trình bày trước công luận mà thôi. Giống như tất cả những người có mặt ở Barcelona trong thời gian đó, tôi chỉ nhìn thấy những điều xảy ra ngay bên cạnh, nhưng những điều tôi nhìn

và nghe thấy cũng đủ phản bác lại nhiều chuyện dối trá được người ta loan truyền khắp nơi. Như trước đây tôi đã nói, độc giả nào không quan tâm đến những cuộc tranh cãi chính trị, không quan tâm đến các đảng phái và các tiểu đảng phái với những cái tên có thể làm người ta rối trí (chẳng khác gì tên các tướng lĩnh Trung Hoa) có thể bỏ qua chương này. Tìm hiểu những cuộc tranh cãi nội bộ trong các đảng phái là việc làm khủng khiếp, chẳng khác gì lặn hụp trong một hồ phân. Nhưng đây lại là việc cần làm nếu ta có ý định phục hồi lại sự thật. Những vụ cãi vã bẩn thỉu ở một thành phố xa xôi có thể có ý nghĩa quan trọng hơn là ta tưởng lúc ban đầu.

¹Tổng cục cảnh sát chính trị của Liên Xô - ND.

11

Sẽ không bao giờ có được một bản báo cáo hoàn toàn chính xác và không thiên vị về trận đụng độ ở Barcelona vì không có những tài liệu cần thiết. Các nhà sử học tương lai sẽ chẳng có gì ngoài những lời buộc tội lẫn nhau và những tài liệu tuyên truyền mang tính đảng phái. Chính tôi cũng có rất ít tư liệu, tôi chỉ dựa vào những điều mắt tôi nhìn thấy và những điều tai tôi nghe được từ những người chứng kiến tin cậy được mà thôi. Tuy nhiên, tôi có thể phản bác một số điều đối trá trắng trợn và sắp xếp các sự kiện vào một mối tương quan nhất định.

Trước hết, đã xảy ra chuyện gì?

Trước đây một thời gian, căng thẳng đã xảy ra trên khắp vùng Catalonia. Trong những chương trước tôi đã nói đến cuộc đấu tranh giữa những người cộng sản và những người theo phái vô chính phủ rồi. Đến đầu tháng 5 năm 1937, tình hình căng thẳng đến mức bạo lực là không thể tránh được. Nguyên nhân trực tiếp là lệnh của chính phủ buộc phải giao nộp tất cả vũ khí cá nhân, trùng hợp với quyết định xây dựng lực lượng cảnh sát “phi chính trị” được trang bị một cách đầy đủ, không còn các công đoàn viên nữa. Ý nghĩa của nó thì ai cũng rõ. Bước tiếp theo sẽ là kiểm soát những ngành công nghiệp chủ chốt hiện

đang nằm trong tay C.N.T. Ngoài ra, giai cấp công nhân còn bất mãn vì khoảng cách giàu nghèo ngày một gia tăng và cảm giác chung của mọi người là cuộc cách mạng đã bị phản bội. Nhiều người còn phấn khởi, ngạc nhiên khi bạo loạn không nổ ra vào ngày 1 tháng 5. Ngày 3 tháng 5 chính phủ quyết định chiếm tổng đài điện thoại mà ngay từ đầu cuộc chiến đã do các công nhân thuộc C.N.T. vận hành. Lí do là nó hoạt động kém và các cuộc gọi của chính phủ đã bị nghe trộm. Salas, Giám đốc Sở cảnh sát điều ba ô tô tải chở đầy lính bảo vệ vũ trang đến chiếm toà nhà (ông ta có vượt quyền hay không thì chưa rõ), các khu phố xung quanh bị cảnh sát vũ trang mặc thường phục bao vây chặt. Cùng thời gian đó, các đơn vị bảo vệ vũ trang cũng chiếm các toà nhà nằm ở các vị trí chiến lược. Dù mục đích thực sự có như thế nào thì mọi người cũng đều tin rằng đây là tín hiệu để cho lực lượng bảo vệ vũ trang và P.S.U.C. (cộng sản và xã hội) tấn công vào C.N.T. Khắp nơi trong thành phố, người ta đồn rằng các toà nhà do công đoàn nắm giữ đang bị tấn công, lực lượng vũ trang vô chính phủ xuất hiện trên đường phố, công nhân ngừng việc, chiến sự bùng lên ngay lập tức. Đêm đó và sáng hôm sau chiến lữ được dựng lên khắp nơi, mãi đến sáng mùng 6 tháng 5 chiến sự vẫn chưa chấm dứt. Nhưng ở cả hai bên, cuộc chiến chỉ có tính phòng vệ. Các ngôi nhà đã bị bao vây, nhưng theo tôi biết thì không có cuộc tấn công đánh chiếm nào, pháo binh cũng không được sử dụng. Về đại thể, lực lượng C.N.T.-F.A.I.-P.O.U.M. chiếm giữ các khu phố lao động ở ngoại ô, cảnh sát vũ trang và lực lượng P.S.U.C. giữ khu trung tâm và khu hành chính của thành phố. Ngày mùng 6 tháng 5 có thoả thuận ngừng bắn, nhưng chiến sự lại nổ ra ngay sau đó vì lực

lượng bảo vệ vũ trang định tước vũ khí của công nhân-đoàn viên công đoàn C.N.T. Nhưng sáng hôm sau, dân chúng tự ý rời bỏ chiến lũy. Trước đó, tức là đến trước đêm này mỏng 5 tháng 5 lực lượng C.N.T. vẫn giữ thế thượng phong, có khá nhiều lính bảo vệ vũ trang đầu hàng. Nhưng công nhân không có ban lãnh đạo chính thức được mọi người chấp nhận, không có một kế hoạch xác định - thực ra là chẳng có một kế hoạch nào, họ chỉ có mỗi quyết tâm mơ hồ là phải chống lại lực lượng bảo vệ vũ trang mà thôi. Những người lãnh đạo của C.N.T. đã cùng với lãnh đạo U.G.T. kêu gọi dân chúng trở lại làm việc, trước hết là vì lương thực thực phẩm đã cạn. Trong những hoàn cảnh như thế, không ai dám chắc kết quả sẽ như thế nào nếu còn tiếp tục đánh nhau. Đến chiều ngày mỏng 7 tình hình đã gần như đã trở lại bình thường. Tối hôm đó, sáu ngàn quân xung phong được đưa từ Valencia tới bằng đường biển và họ kiểm soát toàn bộ thành phố. Chính phủ ra lệnh cho các lực lượng không chính qui phải giao nộp toàn bộ vũ khí. Trong vòng có vài ngày một số lượng lớn vũ khí đã bị tịch thu. Theo số liệu chính thức, trong thời gian diễn ra chiến sự đã có bốn trăm người bị giết và khoảng một ngàn người bị thương. Bốn trăm người bị giết có thể là phóng đại, nhưng vì không có cách nào kiểm tra nên chúng ta đành phải chấp nhận vậy.

Thứ hai, về hậu quả của cuộc xung đột. Không có gì chắc chắn cả. Không có bằng chứng nào chứng tỏ vụ đụng độ ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình mặt trận, nhưng chắc chắn sẽ có ảnh hưởng nếu nó kéo dài thêm vài ngày nữa. Đây là cái cớ để cho Valencia kiểm soát hoàn toàn Catalonia nhằm đẩy nhanh việc giải tán lực lượng dân quân và đàn áp P.O.U.M., và không

ngghi ngờ gì rằng vụ đụng độ này đã góp phần làm sụp đổ chính phủ của Caballero. Nhưng những sự kiện này chắc chắn sẽ xảy ra dù có xung đột hay là không. Vấn đề là những người công nhân-công đoàn viên C.N.T. được hay thua trong cuộc chiến này. Chỉ có thể đoán, nhưng tôi cho rằng họ được nhiều hơn mất. Vụ chiếm tổng đài điện thoại Barcelona chỉ là một tình tiết trong một loạt các sự kiện. Công đoàn đã mất dần quyền lực ngay từ năm ngoái và xu hướng chung là quyền kiểm soát chuyển dần từ tay giai cấp công nhân sang chính quyền trung ương, sang chủ nghĩa tư bản nhà nước, mà cũng có thể là đang dẫn đến sự phục hồi chủ nghĩa tư bản tư nhân. Sự phản đối chỉ có thể làm cho quá trình diễn ra một cách chậm chạp hơn. Một năm sau khi chiến tranh nổ ra, công nhân vùng Catalonia đã đánh mất khá nhiều quyền lực, nhưng họ vẫn có vị trí tương đối thuận lợi. Địa vị của họ sẽ kém hơn nhiều nếu họ cúi mặt làm ngơ trước bất kì vụ khiêu khích nào. Có những lúc thù đánh nhau mà thua còn hơn là không đánh đấm gì hết.

Thứ ba, đánh nhau để làm gì? Đây có phải là một vụ đảo chính hay một hành động cách mạng không? Có phải mục tiêu cuối cùng là lật đổ chính phủ không? Nói chung, mục tiêu đã được hoạch định hay chưa?

Cá nhân tôi cho rằng vụ đụng độ đã được hoạch định theo nghĩa là mọi người đều tin rằng nhất định nó sẽ xảy ra. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ rằng các bên đã có sẵn kế hoạch từ trước. Hành động của quân vô chính phủ gần như chắc chắn là mang tính tự phát vì các đảng viên thường tham gia là chủ yếu. Quân chúng đổ ra đường phố, còn lãnh đạo thì miễn cưỡng đi theo hoặc hoàn toàn không theo. Chỉ có "Những người bạn

của Durruti”, một nhóm cực tả, chẳng có mấy thành viên trong lực lượng F.A.I. và P.O.U.M. là nói theo tinh thần cách mạng mà thôi. Nhưng họ cũng chỉ đi theo chứ không phải là lực lượng lãnh đạo. Những người bạn của Durruti đem phân phát những tờ truyền đơn cách mạng, nhưng đấy là ngày mùng 5 và không thể nói rằng truyền đơn khơi mào cho cuộc chiến vì nó đã nổ ra trước đó hai ngày rồi. Các nhà lãnh đạo chính thức của C.N.T. phủ nhận toàn bộ trách nhiệm ngay từ đầu. Có nhiều lí do. Trước hết là C.N.T. vẫn có đại diện trong chính phủ trung ương, còn chính phủ Catalonia thì tìm mọi cách để bảo đảm rằng lãnh đạo C.N.T. phải là những người bảo thủ hơn các công đoàn viên của họ. Thứ hai, mục tiêu chủ yếu của lãnh đạo C.N.T. là thành lập liên minh với U.G.T., xung đột chỉ làm chia rẽ sâu sắc thêm, ít nhất là trong thời gian đó. Thứ ba - mặc dù chuyện này lúc đó chưa có nhiều người biết - những người lãnh đạo quân vô chính phủ sợ rằng nếu tình hình vượt quá giới hạn nào đó và công nhân chiếm được thành phố (họ có thể làm như thế vào ngày mùng 5 tháng năm) thì nước ngoài sẽ can thiệp. Một tuần dương hạm và hai khu trục hạm của Anh đã đậu trong cảng và chắc chắn còn những chiếc tàu chiến khác lớn hơn gần đó nữa. Báo chí Anh viết rằng những con tàu này đến Barcelona là “để bảo vệ quyền lợi của Anh”, nhưng trên thực tế, họ không có ý định làm việc đó vì không thấy họ đưa người lên cũng không thấy họ đón bất kì người tị nạn nào. Không có bằng chứng chắc chắn, nhưng hoàn toàn có khả năng là chính phủ Anh sẽ không động một ngón tay để cứu chính quyền Tây Ban Nha khỏi bọn phát xít Franco, nhưng nó sẽ nhanh chóng can thiệp để cứu chính phủ này khỏi tay giai cấp công nhân của chính mình.

Lãnh đạo P.O.U.M. không chối bỏ trách nhiệm, trên thực tế họ còn khuyến khích người của mình giữ vững chiến lũy, thậm chí ủng hộ (trên tờ *La Batalla*, ra ngày 6 tháng 5) khẩu hiệu cực đoan của Những người bạn của Durruti nữa. (Không ai biết chắc nội dung tờ truyền đơn này vì cho đến nay chưa ai tìm thấy tờ nào). Một số tờ báo nước ngoài gọi những tờ truyền đơn này là “khẩu hiệu kích động” được “dán” khắp thành phố. Nhưng chắc chắn là không có khẩu hiệu nào như thế cả. Sau khi so sánh những nguồn tin khác nhau, tôi có thể nói rằng truyền đơn kêu gọi (i) Thành lập hội đồng cách mạng, (ii) Bắn bỏ tất cả những người chịu trách nhiệm trong vụ tấn công tổng đài điện thoại, (iii) tước vũ khí lực lượng bảo vệ vũ trang. Vẫn còn chưa rõ là báo *La Batalla* ủng hộ truyền đơn đến mức độ nào. Tôi không được đọc truyền đơn cũng như không đọc báo *La Batalla* ra ngày hôm ấy. Trong suốt thời gian diễn ra cuộc xung đột tôi chỉ nhìn thấy một tờ truyền đơn. Đây là tờ truyền đơn do nhóm Trotskyist (“Bolshevik-Leninist”), một nhóm rất ít thành viên, phân phát hôm mùng 4 tháng 5. Tờ này viết: “Tất cả đều lên chiến lũy - Tổng bãi công trong tất cả các ngành, xí nghiệp, trừ các xí nghiệp sản xuất vũ khí”. (Nói cách khác, nó chỉ yêu cầu làm những việc đã xảy ra rồi). Nhưng trên thực tế, lãnh đạo P.O.U.M. đã giao động. Họ không bao giờ ủng hộ cuộc nổi dậy nếu chưa chiến thắng Franco, nhưng khi công nhân nắm lấy vũ khí thì những nhà lãnh đạo P.O.U.M. đã tuân theo đường lối Marxist giáo điều, tức là đường lối cho rằng khi công nhân đã xông ra đường phố thì các đảng cách mạng có trách nhiệm ủng hộ họ. Vì thế, trong khi mồm thì hô những khẩu hiệu cách mạng “đánh thức tinh thần ngày 19 tháng 7”

và những khẩu hiệu tương tự, nhưng trên thực tế họ lại tìm mọi cách giới hạn hành động của công nhân theo hướng phòng thủ là chính. Thí dụ, họ không bao giờ ra lệnh tấn công bất kì toà nhà nào, và như tôi đã viết trong chương trước, họ chỉ hạ lệnh cho người của mình luôn phải sẵn sàng, nhưng tìm mọi cách tránh nổ súng. Tò La Batalla còn in chỉ thị cấm các đơn vị quân đội rời mặt trận nữa ¹. Theo đánh giá của tôi thì trách nhiệm của P.O.U.M. chỉ là đã kêu gọi mọi người ở lại trên chiến lũy, và có thể đã thuyết phục được một số người ở lại lâu hơn là đáng lẽ họ đã làm. Những người đã từng tiếp xúc với các nhà lãnh đạo P.O.U.M. trong thời gian đó (tôi không tiếp xúc với họ) đều nói với tôi rằng họ đã mất hết tinh thần, nhưng cảm thấy có trách nhiệm ủng hộ công nhân. Sau này, dĩ nhiên là người ta đã thu được vốn liếng chính trị, đấy cũng là việc bình thường. Ông Gorkin, một trong những nhà lãnh đạo của P.O.U.M., thậm chí còn nói đến “những ngày tháng năm vinh quang” nữa. Từ quan điểm tuyên truyền thì điều này có thể là đúng. Trong giai đoạn ngắn trước khi bị cấm, lực lượng của P.O.U.M. có gia tăng được một ít. Về mặt chiến thuật, việc ủng hộ truyền đơn của nhóm Những người bạn của Durruti có thể là một sai lầm; tổ chức này vừa nhỏ, vừa hay có thái độ thù địch đối với P.O.U.M. Xét tình trạng kích động nói chung và những lời phát biểu từ cả hai phía lúc đó thì truyền đơn chỉ có nghĩa là kêu gọi mọi người tiếp tục giữ vững chiến lũy. Nhưng ủng hộ nó, trong khi tò Solidaridad Obrera, cơ quan ngôn luận của những người vô chính phủ, lên án truyền đơn, tức là các nhà lãnh đạo P.O.U.M. đã tạo cơ cho báo chí chí cộng sản sau này nói rằng vụ chạm súng là một hình thức khởi nghĩa chỉ do một mình P.O.U.M. phát động. Tuy

nhiên, chắc chắn là đảng nào thì báo chí cộng sản cũng nói như thế. Trước và sau cuộc chiến, dù chẳng có sơ sở nào thì hai bên cũng đã kết án nhau hết sức nặng nề rồi. Lãnh đạo C.N.T., vì quá thận trọng nên chẳng được gì. Người ta đã ca ngợi họ vì có lòng trung thành, và khi có cơ hội thì đã tố giác họ ra khỏi cả chính phủ trung ương lẫn chính quyền Catalonia.

Theo lời người ta nói lúc đó thì không ai có ý định làm cách mạng. Đúng sau chiến lũy chỉ là những người công nhân bình thường, thành viên của công đoàn C.N.T., có thể có cả thành viên công đoàn U.G.T. nữa; họ không có ý định lật đổ chính phủ mà chỉ muốn chống lại, có thể đúng mà cũng có thể sai, cuộc tấn công của cảnh sát mà thôi. Thực ra, hành động của họ chỉ có tính chất tự vệ và tôi không biết đây có phải là một “cuộc nổi dậy” như báo chí ngoại quốc viết hay không. Nổi dậy hàm ý có hành động tấn công và một kế hoạch nhất định. Đây rõ ràng là một cuộc bạo loạn - một cuộc bạo loạn đẫm máu vì cả hai bên đều có vũ khí nóng và sẵn sàng nổ súng.

Còn ý định của phía bên kia thì sao? Nếu đây không phải là cuộc đảo chính của lực lượng vô chính phủ thì có thể là cuộc đảo chính của cộng sản chăng? Đây có phải là cố gắng đã được tính toán trước nhằm tước đoạt quyền lực của C.N.T. chỉ bằng một cú ra đòn hay không?

Tôi không tin, mặc dù là có một số lí do để người ta ngờ là như thế. Đáng kể là sự kiện tương tự như thế đã xảy ra tại Tarragona hai ngày sau đó (cảnh sát vũ trang, theo lệnh của Barcelona, đã chiếm tổng đài điện thoại). Còn ở Barcelona thì tấn công tổng đài điện thoại không còn là hành động đơn lẻ nữa. Các đơn vị bảo vệ vũ trang và thành viên P.S.U.C. đã chiếm các toà nhà có

vị trí chiến lược, nếu không nói là ngay trước khi xung đột xảy ra thì cũng diễn ra một cách mau lẹ đến bất ngờ. Nhưng nên nhớ rằng đây là chuyện xảy ra ở Tây Ban Nha chứ không phải ở Anh. Barcelona là một thành phố có lịch sử đánh nhau khá dài. Trong những khu vực như thế mọi chuyện xảy ra rất nhanh, các bên đều đã sẵn sàng, mọi người đều nắm được địa hình địa vật, cho nên khi súng vừa nổ là mọi người đã vào đúng vị trí, hết như trong cuộc diễn tập cứu hoả vậy. Có lẽ những người chịu trách nhiệm chiếm tổng đài điện thoại cho rằng sẽ có rắc rối - nhưng không đến mức như thực tế đã diễn ra - và sẵn sàng đề bẹp mọi kháng cự. Nhưng như thế cũng không có nghĩa là họ đã lập kế hoạch tấn công C.N.T. Tôi không tin rằng một trong hai bên đã sẵn sàng cho một trận xung đột rộng lớn hơn. Có hai lí do:

(i) Trước đó không có bên nào đưa quân tới Barcelona. Chỉ có những người đang ở Barcelona, mà chủ yếu là thường dân và cảnh sát, tham gia đánh nhau mà thôi.

(ii) Lương thực thực phẩm cạn kiệt gần như ngay lập tức. Những người đã từng phục vụ ở Tây Ban Nha đều biết rằng chiến dịch duy nhất mà người Tây Ban Nha làm được một cách hoàn hảo trong thời gian diễn ra cuộc chiến là nuôi quân. Có vẻ như hoàn toàn không có khả năng là một bên nào đó đã dự liệu trước một hai tuần rằng cuộc đụng độ và tổng đình công sẽ xảy ra mà lại không dự trữ lương thực thực phẩm.

Cuối cùng, bên nào đúng, bên nào sai?

Báo chí chống phát xít đã tung ra một đồng hồ hoà mù, nhưng thường là chỉ có một bên được nghe mà thôi. Kết quả là vụ đụng độ ở Barcelona được người ta mô tả như là cuộc nổi dậy của những kẻ phản bội - tức là phe vô chính phủ và Trotskyist

- những người đã “đâm một nhát dao vào sau lưng chính phủ Tây Ban Nha” ..v.v... Nhưng vấn đề không hoàn toàn đơn giản như thế. Không nghi ngờ gì rằng khi đang giao chiến với kẻ thù thì tốt nhất là quân ta không được đánh quân mình, nhưng cũng cần nhớ rằng phải có hai bên tham gia thì mới thành cãi nhau và dân chúng sẽ không xây chiến lũy nếu họ không nhận được tín hiệu mà họ có thể coi là khiêu khích.

Rắc rối thực sự bùng lên khi chính phủ ra lệnh cho quân vô chính phủ giao nộp vũ khí. Ở Anh, báo chí đã diễn giải theo cách hiểu của người Anh như thế này: mặt trận Aragon đang rất cần vũ khí, nhưng những người vô chính phủ không có lòng yêu nước đã giữ lại. Viết như thế là không hiểu hoàn cảnh thực tế ở Tây Ban Nha. Mọi người đều biết rằng cả quân vô chính phủ lẫn P.S.U.C. đều tích trữ vũ khí và khi cuộc chiến bùng lên ở Barcelona thì càng rõ rằng hai bên đã sản xuất được rất nhiều vũ khí. Quân vô chính phủ biết rằng ngay cả nếu họ giao nộp vũ khí thì P.S.U.C., lực lượng chính trị chủ yếu ở Catalonia, cũng sẽ không nộp. Sau khi cuộc xung đột chấm dứt, thực tế đã diễn ra đúng như thế. Trong khi đó, như có thể nhìn thấy trên đường phố, một số lượng lớn vũ khí rất cần cho mặt trận lại bị lực lượng cảnh sát “phi chính trị” giữ lại ở hậu phương. Nguyên nhân sâu xa là mâu thuẫn không thể dung hoà giữa những người cộng sản và những người vô chính phủ, trước sau gì cũng sẽ dẫn tới đụng độ. Từ ngày nổ ra chiến tranh, Đảng cộng sản Tây Ban Nha đã phát triển rất nhanh về số lượng đảng viên và nắm được hầu hết quyền lực chính trị ở trong nước. Ngoài ra, còn có hàng ngàn người cộng sản nước ngoài tìm đến Tây Ban Nha, nhiều người còn nói rõ rằng sau khi đánh bại

Franco thì sẽ “thanh toán” chủ nghĩa vô chính phủ. Trong tình hình như thế, thật khó mà nghĩ rằng lực lượng vô chính phủ sẽ giao nộp số vũ khí mà họ đã nắm được vào mùa hè năm 1936.

Việc chiếm tổng đài điện thoại chỉ là que diêm châm vào khối thuốc nổ đã sẵn sàng từ lâu mà thôi. Rất có thể là những người có trách nhiệm đã không tưởng tượng được rằng nó sẽ gây ra rắc rối. Người ta còn đồn rằng ông Company, Chủ tịch Catalonia, trước đó vài ngày còn vừa cười vừa tuyên bố rằng bọn vô chính phủ sẽ phải ngậm bồ hòn làm ngọt ². Nhưng rõ ràng đây là một hành động thiếu khôn ngoan. Suốt mấy tháng gần đây, đụng độ giữa cộng sản và vô chính phủ đã xảy ra tại nhiều khu vực khác nhau rồi. Catalonia và đặc biệt là Barcelona đã ở trong tình trạng căng thẳng đến mức đã xảy ra những vụ xung đột trên đường phố và giết người. Bất ngờ có tin loang ra khắp thành phố rằng một số người vũ trang đã tấn công những toà nhà mà công nhân chiếm được trong những trận đụng độ hồi tháng bảy, mà đây lại là những biểu tượng rất quan trọng đối với họ. Cần phải nhớ rằng công nhân chẳng ưa gì bảo vệ vũ trang. Các thế hệ trước vốn vẫn coi la guardia (bảo vệ -ND) là dày tớ của các ông trùm và địa chủ. Bảo vệ vũ trang còn bị ghét nữa vì người ta ngờ rằng họ trung thành với bọn phát xít ³. Có thể chính những tình cảm đã thúc đẩy người dân đứng lên chống lại các tướng lĩnh phản loạn hồi đầu chiến tranh lần này đã đưa họ lên chiến lũy ngay trong những giờ phút đầu tiên. Dĩ nhiên là người ta có thể cãi rằng công nhân của C.N.T. không nên kháng cự mà phải bàn giao ngay tổng đài điện thoại. Ở đây, ý kiến của mỗi người lại phụ thuộc vào thái độ của người đó đối với quyền kiểm soát của chính phủ trung ương và quyền kiểm

soát của giai cấp công nhân. Câu trả lời phù hợp nhất có thể là: “Vâng, hoàn toàn có thể là C.N.T. có lí. Nhưng đang có chiến tranh, họ không nên gây sự ở hậu phương”. Tôi hoàn toàn đồng ý như thế. Bất kì sự rối loạn nào ở bên trong cũng chỉ có lợi cho Franco mà thôi. Nhưng ai là người ta tay trước? Chính phủ có thể có quyền mà cũng có thể không có quyền chiếm tổng đài điện thoại; vấn đề là trong hoàn cảnh lúc đó việc chiếm tổng đài nhất định dẫn đến đụng độ. Đây là một hành động khiêu khích, nó chỉ có nghĩa là: “Quyền lực của các vị đã hết, bây giờ đến lượt chúng tôi.” Chỉ có điên mới nghĩ là không có kháng cự. Công bằng mà nói, những việc đại loại như thế này, không thể đổ lỗi hoàn toàn cho một phía. Quan điểm thiên lệch đã được mọi người chấp nhận chỉ đơn giản là vì các đảng cách mạng Tây Ban Nha không có cơ sở trong các cơ quan báo chí ngoại quốc. Đặc biệt là trong báo chí Anh, phải tìm rất lâu thì may ra mới thấy ý kiến có thiện cảm với những người vô chính phủ Tây Ban Nha. Họ bị bôi nhọ một cách có hệ thống, và theo kinh nghiệm của tôi thì đưa những ý kiến biện hộ cho họ lên mặt báo là việc gần như bất khả thi.

Tôi đã cố gắng viết một cách khách quan về trận đụng độ ở Barcelona, mặc dù rõ ràng là chẳng ai có thể hoàn toàn khách quan về những vấn đề như thế này. Trên thực tế, ai cũng phải chọn phe. Tất nhiên là tôi đã có sai lầm, không chỉ trong lúc viết về những sự kiện ở Barcelona mà còn trong những đoạn khác của tác phẩm này nữa. Thật khó mà viết được một cách chính xác về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha vì không có tài liệu nào là không mang màu sắc tuyên truyền. Tôi xin cảnh báo với độc giả về thành kiến của mình cũng như sai lầm của mình. Nhưng tôi

đã cố gắng hết sức để có thể viết một cách trung thực. Nhưng báo cáo của tôi sẽ khác hẳn với những bài viết trên sách báo ngoại quốc, nhất là trên báo chí cộng sản. Cần phải xem xét lại lối giải thích của cộng sản vì nó được báo chí toàn cầu đăng lại, được cập nhật thường xuyên và vì vậy mà được nhiều người chấp nhận nhất.

Báo chí cộng sản và thân cộng sản đổ toàn bộ tội lỗi vụ đụng độ ở Barcelona lên đầu P.O.U.M. Họ không coi đây là một hành động bột phát mà là một vụ bạo loạn có tổ chức, có kế hoạch, nhằm chống lại chính phủ, do P.O.U.M. cùng với một vài phần tử “quá khích” bị dụ dỗ khởi sự. Hơn thế nữa, họ bảo đây là âm mưu của bọn phát xít, do bọn phát xít chỉ huy nhằm phát động cuộc nội chiến ở hậu phương và như thế là làm tê liệt chính phủ. P.O.U.M. là “đạo quân thứ năm” của Franco, là tổ chức Trotskyist cộng tác với bọn phát xít. Theo tờ *Daily Worker* (ngày 11 tháng năm):

Điệp viên Đức và Ý tràn vào Barcelona, bề ngoài là để “chuẩn bị Đại hội quốc tế IV” đầy tai tiếng, nhưng trên thực tế, chúng lại làm những việc hoàn toàn khác. Đây là: Cùng với những tên Trotskyist ở địa phương gây ra tình trạng hỗn loạn và đổ máu, tạo điều kiện cho Đức và Ý tuyên bố rằng “vì những vụ bạo loạn ở Barcelona cho nên không thể kiểm soát được một cách hiệu quả vùng bờ biển Catalonia” và vì vậy mà “cần phải đưa quân vào Barcelona”.

Nói cách khác, lúc đó người ta cố tình tạo điều kiện để chính phủ Đức và Ý có thể công khai đưa bộ binh hoặc thủy quân đến bờ biển Catalonia nhằm “bảo vệ trật tự”...

Đức và Ý đã có sẵn phương tiện trong tay, đó là tổ chức

Trotskyist, vẫn được gọi là P.O.U.M.

P.O.U.M. đã cộng tác với những phần tử tội phạm nổi tiếng và một số cá nhân lầm đường lạc lối trong các tổ chức phi chính phủ để lên kế hoạch, tổ chức và chỉ huy vụ tấn công ở hậu phương, đúng vào lúc bọn phát xít công kích trên toàn mặt trận ở Bilbao, v.v. và v.v.

Ở đoạn sau của bài báo, thì vụ đụng độ ở Barcelona đã trở thành “cuộc tấn công của P.O.U.M.”, còn một bài khác, cũng trong số này, lại tuyên bố: “Không nghi ngờ gì rằng P.O.U.M. phải chịu toàn bộ trách nhiệm về vụ đổ máu ở Catalonia”. Tờ In-precor (ngày 29 tháng 5) tuyên bố rằng tất cả những người xây dựng chiến lũy ở Barcelona “đều là thành viên của P.O.U.M., họ được đảng cử đi để làm việc đó.”

Tôi có thể trưng ra nhiều trích dẫn hơn nữa, nhưng như thế cũng đã đủ. P.O.U.M. phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và P.O.U.M. đã hành động theo lệnh của phát xít. Sau này tôi sẽ trưng ra thêm trích dẫn từ báo chí cộng sản, để thấy rằng chúng tự mâu thuẫn với nhau nên chẳng có giá trị gì. Nhưng trước khi làm như thế, cần phải chỉ ra một số lí do vì sao quan điểm cho rằng vụ đụng độ vào tháng năm ở Barcelona là vụ bạo loạn của bọn phát xít, do người của P.O.U.M. tổ chức, là không thể chấp nhận được.

1. P.O.U.M. không có đủ người và ảnh hưởng để có thể tạo ra những vụ hỗn loạn lớn đến như thế. Lại càng không đủ sức kêu gọi được cuộc tổng bãi công. Đây là tổ chức chính trị không có cơ sở vững chắc trong phong trào công đoàn, khả năng gây ra một cuộc đình công trên toàn lãnh thổ Barcelona cũng chẳng khác gì, thí dụ, khả năng của Đảng cộng sản Anh trong việc gây

ra cuộc tổng đình công trên toàn lãnh thổ Glasgow vậy. Như tôi đã nói bên trên, thái độ của những người lãnh đạo P.O.U.M. có thể giúp kéo dài vụ đình độ, nhưng họ không thể gây ra vụ đình độ, ngay cả khi họ muốn như thế.

2. Âm mưu của bọn phát xít chỉ là lời khẳng định suông, trong khi tất cả bằng chứng đều chỉ theo hướng ngược lại. Người ta bảo rằng kế hoạch là để Đức và Ý đưa quân tới Catalonia, nhưng chẳng có chiếc tàu chiến Đức hay Ý nào đến gần bờ chứ đừng nói đổ bộ. Còn “Đại hội quốc tế IV” cũng như “gián điệp Đức và Ý” cũng hoàn toàn là chuyện bịa đặt. Theo tôi biết thì chưa hề có ai nói đến Đại hội quốc tế IV. Có kế hoạch, nhưng chưa chắc chắn, cho Đại hội của P.O.U.M. và những đảng anh em của họ (ở Anh là I.L.P., ở Đức là S.A.P v.v. và v.v.) vào khoảng tháng 7 - hai tháng sau vụ đình độ - nhưng không có đại biểu nước ngoài nào tham dự cả. “Gián điệp Đức và Ý” thì chỉ có mặt trên tờ Daily Worker mà thôi. Những ai từng đi qua biên giới thời gian đó đều biết rõ rằng “tràn” vào hoặc đi ra khỏi Tây Ban Nha là việc không dễ dàng gì.

3. Ở Lerida, vị trí trọng yếu của P.O.U.M., cũng như ở ngoài mặt trận đều không có chuyện gì cả. Rõ ràng là nếu các lãnh tụ của P.O.U.M. muốn giúp đỡ quân phát xít thì họ đã hạ lệnh cho lực lượng của mình tránh ra cho quân phát xít đi qua rồi. Nhưng không có chuyện gì như thế cả, kể cả nghe nói cũng không nổi. Cũng không có chuyện rút người khỏi mặt trận, mặc dù đưa lên một vài ngàn người đến Barcelona không phải là khó, thiếu gì lí do để làm như thế. Cũng không có những hành động phá hoại, ngay cả gián tiếp, ở ngoài mặt trận. Việc vận chuyển lương thực, đạn dược và những thứ khác vẫn được tiến hành

một cách bình thường; tôi đã kiểm tra vấn đề này. Nhưng trước hết là một cuộc nổi dậy kiểu như thế, đây là nói một cuộc nổi dậy theo kế hoạch, phải chuẩn bị hàng tháng trời, phải tiến hành tuyên truyền trong hàng ngũ dân quân, v.v. Nhưng không có dấu hiệu hay tin đồn nào như thế cả. Sự kiện là lực lượng dân quân không tham gia vào cuộc “bạo loạn” là chúng có thuyết phục nhất. Nếu P.O.U.M. thực sự lập kế hoạch đảo chính⁴ thì họ không thể không sử dụng khoảng mười ngàn chiến sĩ vũ trang, tức là lực lượng tấn công duy nhất mà họ có trong tay.

Như thế là đủ chứng tỏ luận điệu của cộng sản cho rằng “vụ bạo loạn” là do P.O.U.M tổ chức theo lệnh của bọn phát xít là hoàn toàn không có cơ sở. Xin dẫn ra thêm một vài trích dẫn từ báo chí cộng sản. Những bài viết về vụ đột kích tổng đài điện thoại, tức là sự kiện mở màn vụ xung đột, là rõ ràng hơn cả; mỗi bài nói một phách, ngoại trừ độc một điểm, đây là đổ tội cho phía bên kia. Đáng chú ý là báo chí cộng sản Anh ban đầu đổ lỗi cho quân vô chính phủ, sau đó mới quay sang gán cho P.O.U.M. Họ có đầy đủ lí do để làm như thế. Chẳng mấy người ở Anh được nghe nói tới “chủ nghĩa Troskyist”, nhưng ai cũng phát run khi nghe thấy từ “vô chính phủ”. Đầu tiên hãy bảo rằng “quân vô chính phủ” có dính líu vào chuyện này, tạo được định kiến rồi thì sẽ quay sang kết tội bọn “Troskyist” cũng chưa muộn. Tờ *Daily Worker* bắt đầu như sau (ngày 6 tháng 5):

“Trong ngày thứ hai và thứ ba một nhóm quân vô chính phủ đã chiếm và cố gắng giữ trụ sở điện báo và điện thoại và bắt đầu xả súng xuống đường phố”.

Bắt đầu bằng việc đảo lộn vai trò. Lực lượng bảo vệ vũ trang tấn công toà nhà do C.N.T. kiểm soát, cho nên họ phải viết

là C.N.T. tấn công toà nhà của mình, nghĩa là tấn công chính mình. Mặt khác, ngày 11 tháng 5 tờ *Daily Worker* lại tuyên bố:

“Ông Aiguade, Bộ trưởng bộ an ninh, thuộc phe tả và ông Rodriguez Salas, Tổng tư lệnh lực lượng giữ gìn trật tự xã hội, đảng viên đảng xã hội thống nhất, đã ra lệnh cho lực lượng cảnh sát cộng hoà vào tổng đài điện thoại để tước vũ khí những người đang làm việc ở đó, mà đa số là thành viên tổ chức công đoàn C.N.T.”

Điều này có vẻ như mâu thuẫn với tuyên bố ban đầu, tuy nhiên *Daily Worker* không thêm công nhận là thông tin trước sai. Cũng ngày 11 tháng 5, *Daily Worker* lại nói rằng những tờ truyền đơn của “Những người bạn của Durruti”, vốn bị C.N.T. lên án, xuất hiện vào ngày 4 và 5 tháng 5, tức là trong thời gian đang đánh nhau. Tờ *Inprecor* (ngày 22 tháng 5) lại khẳng định rằng truyền đơn xuất hiện vào ngày 3 tháng năm, tức là trước khi đánh nhau và nói thêm “trên cơ sở các sự kiện như thế” (sự kiện xuất hiện những tờ truyền đơn này):

“Lực lượng cảnh sát, do chính Cảnh sát trưởng chỉ huy đã chiếm tổng đài điện thoại vào chiều ngày 3 tháng 5. Người ta đã bắn vào lực lượng cảnh sát trong khi họ thi hành nhiệm vụ. Đây chính là tín hiệu cho những tên khiêu khích nổ súng loạn xạ trong khắp thành phố”.

Và đây là tờ *Inprecor* ngày 29 tháng 5:

“Vào lúc ba giờ chiều, đồng chí Salas, Tổng tư lệnh lực lượng giữ gìn trật tự xã hội, đi đến tổng đài điện thoại, mà đêm hôm trước đã bị 50 thành viên của P.O.U.M. và những phần tử vô trách nhiệm khác chiếm giữ”.

Thật là kì quặc. Việc chiếm tổng đài điện thoại do 50 người thuộc P.O.U.M. tiến hành có thể coi là sự kiện khác thường và

có thể chắc chắn là người ta đã nhận ra ngay lúc đó rồi. Nhưng hoá ra là phải ba bốn tuần sau người ta mới phát hiện được nó. Trong một số khác của tờ Inprecor, 50 thành viên của P.O.U.M. đã biến thành 50 du kích quân thuộc lực lượng P.O.U.M. Thật khó mà đưa được nhiều mâu thuẫn hơn vào mấy đoạn văn ngắn như thế. Ban đầu C.N.T. là người tấn công tổng đài điện thoại, sau đó họ lại là người bị tấn công; truyền đơn khi thì xuất hiện trước vụ chiếm tổng đài và là nguyên nhân của nó, lúc khác lại xuất hiện sau và là kết quả của vụ tấn công tổng đài; người ở tổng đài điện thoại khi thì là của C.N.T., lúc khác lại là của P.O.U.M., v... Và trên tờ *Daily Worker* ra ngày 3 tháng 6 ông J. R. Campbell lại cho chúng ta biết rằng chính phủ chỉ chiếm đài phát thanh sau khi chiến lũy đã mọc lên trên đường !

Vì khuôn khổ của tác phẩm, tôi chỉ dừng lại ở những bài viết về có một sự kiện, nhưng những mâu thuẫn như thế có mặt trong tất cả các bài viết trên báo chí cộng sản. Đây là chưa kể những bài mà thực chất là bịa đặt một cách trắng trợn. Thí dụ như tờ *Daily Worker* (ngày 7 tháng 5) trích dẫn tuyên bố, dường như là do đại sứ quán Tây Ban Nha ở Paris đưa ra như sau:

“Đặc điểm nổi bật của vụ bạo loạn là lá cờ của phe bảo hoàng thủ cựu đã phấp phới bay trên nhiều toà nhà của Barcelona, thể hiện niềm tin chắc chắn rằng những kẻ bạo loạn đã làm chủ được tình hình.”

Rất có khả năng là tờ *Daily Worker* đã tin khi đăng lại lời tuyên bố, nhưng những người đưa ra lời tuyên bố đó đã cố tình nói dối. Bất kì người Tây Ban Nha nào cũng biết rằng không phải như thế. Cờ bảo hoàng bay trên Barcelona! Đây là điều duy nhất có thể đoàn kết ngay lập tức tất cả các phe phái đang giao tranh. Ngay

những người cộng sản có mặt tại chỗ cũng phải mỉm cười khi đọc tin này. Có thể nói tương tự như thế về những bài trên những tờ báo khác nhau của phe cộng sản viết về số vũ khí mà P.O.U.M. đã sử dụng trong “vụ bạo loạn”. Chỉ có những người không biết một chút sự kiện nào mới có thể tin được mà thôi. Ngày 17 tháng 5, ông Frnak Pitcairn viết trên tờ *Daily Worker* như sau:

“Họ đã sử dụng mọi loại vũ khí, khí tài. Có loại là do họ ăn cắp và dấu diếm suốt mấy tháng trời, còn những loại khí tài như xe tăng thì họ lấy từ trại lính đúng vào thời điểm diễn ra bạo loạn. Rõ ràng là họ còn giữ nhiều khẩu súng máy và mấy ngàn khẩu súng trường.”

Tờ *Inprecor* (ngày 29 tháng 5) còn khẳng định:

“Ngày 3 tháng 5, lực lượng P.O.U.M. có trong tay mấy chục khẩu súng máy và mấy ngàn khẩu súng trường ... Ở quảng trường Plaza de España, bọn Trotskyist dùng cả súng 75-milimet, đây là những khẩu đáng lẽ phải được đưa ra mặt trận Aragon, nhưng họ lại đem dấu trong doanh trại của mình.”

Ông Pitcairn không nói cho chúng ta bằng cách nào và khi nào thì người ta biết rằng P.O.U.M. có hàng chục khẩu súng máy và mấy ngàn khẩu súng trường. Tôi đã liệt kê số vũ khí có trong ba toà nhà chính của P.O.U.M.: khoảng 80 khẩu súng trường, mấy quả bom, nhưng không có khẩu súng máy nào. Đây là số vũ khí đủ để trang bị cho lực lượng bảo vệ những toà nhà mà đảng phái chính trị nào lúc đó cũng có. Thật kì lạ là sau đó, khi P.O.U.M. đã bị cấm và các toà nhà của tổ chức này bị tịch thu thì hàng ngàn khẩu súng ấy bỗng biến đi đâu mất hút; đặc biệt là xe tăng và trọng pháo là những thứ không thể dấu vào ống khói được. Nhưng điều đập vào mắt trong hai bản tin vừa dẫn là tác giả của

chúng hoàn toàn mù tịt, hoàn toàn chẳng nắm được tình hình gì hết. Theo ông Pitcairn thì P.O.U.M. đã ăn cắp xe tăng “từ doanh trại quân đội”. Lực lượng của P.O.U.M. ở Barcelona (lúc đó đã không còn bao nhiêu vì các đảng phái đã không còn tuyển thêm quân nữa) đóng trong doanh trại mang tên Lenin, Quân đội Nhân dân cũng đóng ở đấy mà quân số lại đông hơn nhiều. Như vậy là ông Pitcairn yêu cầu chúng ta tin rằng P.O.U.M. đã ăn cắp xe tăng với sự đồng lõa của Quân đội Nhân dân. Các “doanh trại”, nơi giấu những khẩu pháo 75-milimet thì cũng thế. Không thấy nói các doanh trại ấy nằm ở đâu. Nhiều tờ báo nói đến việc nã pháo vào quảng trường Plaza de España, nhưng theo tôi, ta có thể nói một cách chắc chắn rằng không làm gì có những khẩu pháo như thế. Như trước đây tôi đã nói, tôi không hề nghe thấy tiếng pháo nổ trong suốt thời gian giao tranh, mà quảng trường Plaza de España chỉ cách chỗ tôi chưa đến hai cây số ⁵. Sau khi chiến sự chấm dứt mấy ngày, tôi có đến quảng trường Plaza de España nhưng không thấy toà nhà nào có vết đạn pháo. Một người từng có mặt gần quảng trường trong suốt thời gian diễn ra chiến sự nói rằng ở đó không có khẩu pháo nào cả. (Nhân đây xin nói thêm rằng câu chuyện về những khẩu súng bị đánh cắp có thể là do Antonov-Ovseenko, tổng lãnh sự Liên Xô, bịa ra. Dù sao thì ông ta cũng đã nói như thế với một nhà báo nổi tiếng người Anh, người này tin lời ông ta và đã nhắc lại đúng như thế trên một tờ tuần báo. Sau này Antonov-Ovseenko đã bị “thanh trừng”. Chuyện đó có ảnh hưởng thế nào đối tới mức độ khả tín của ông ta thì tôi không biết). Sự thật, dĩ nhiên là, người ta phải bịa ra xe tăng, pháo binh ..v.v.. vì nếu không thì khó có thể coi P.O.U.M., với một số lượng thành viên ít ỏi, là lực lượng đã gây ra

những trận xung đột dữ dội như thế. Người ta cần phải tuyên bố rằng P.O.U.M. chịu hoàn toàn trách nhiệm về vụ xung đột, người ta cũng cần tuyên bố rằng đây chỉ là một đảng không đáng kể, chỉ có “mấy ngàn đảng viên”, nhưng không có người ủng hộ, như tờ *Inprecor* viết. Muốn cho người ta tin cả hai lời tuyên bố trên thì phải bịa ra là P.O.U.M. được trang bị những loại vũ khí, khí tài hiện đại nhất.

Không thể không nghĩ rằng, đây là nói khi đọc báo chí cộng sản, người ta đã cố tình lợi dụng sự kém hiểu biết của độc giả và chỉ nhắm tới một mục đích duy nhất là tạo ra định kiến mà thôi. Thí dụ như lời tuyên bố của ông Pitcairn trên tờ *Daily Worker* ra ngày 11 tháng 5 rằng “vụ bạo loạn” đã bị Quân đội Nhân dân dẹp rồi. Ý tưởng là làm cho người bên ngoài nghĩ rằng mọi người ở Catalonia đều chống lại “bọn Trotskyist”. Nhưng Quân đội Nhân dân đã giữ thái độ trung lập trong suốt thời gian xung đột, mọi người ở Barcelona đều biết như thế, và thật khó mà tin rằng ông Pitcairn lại không biết chuyện này. Hay là trò lừa gạt của báo chí cộng sản về số người chết và bị thương, mục đích của họ là thổi phồng mức độ rối loạn. Báo chí cộng sản thường trích tuyên bố của Diaz, Tổng bí thư Đảng cộng sản Tây Ban Nha, rằng có 900 người chết và 2.500 người bị thương. Trong khi ông Bộ trưởng Bộ tuyên truyền Catalonia lại nói chỉ có 400 người chết và 1000 người bị thương thôi. Đảng cộng sản sau khi đã nhân đôi lại còn cộng thêm vài trăm nữa cho chắc ăn.

Báo chí tư sản ngoại quốc, nói chung, đều đổ tội cho lực lượng vô chính phủ, nhưng cũng có vài tờ theo đuôi cộng sản. Một trong số đó là tờ báo tiếng Anh mang tên *News Chronicle*, thông tin viên của nó, ông John Langdon-Davies, cũng có mặt ở Barce-

lona trong thời gian đó. Xin trích một phần bài báo của ông này:

VỤ BẠO LOẠN CỦA NHÓM TROTSKYIST

*... Đây không phải là vụ bạo loạn của bọn vô chính phủ. Đây là vụ đảo chính bất thành của đảng Trotskyist P.O.U.M., thông qua những tổ chức mà nó kiểm soát như: "Những người bạn của Durruti" và "Thanh niên tự do"... Bị kích bắt đầu vào trưa ngày thứ hai, khi chính phủ đưa lực lượng cảnh sát vũ trang đến giải giới số công nhân, phần lớn là thành viên C.N.T., làm việc ở tổng đài điện thoại. Tình trạng lộn xộn nghiêm trọng ở đây đã gây ra tranh cãi từ khá lâu rồi. Đám đông tụ tập trên quảng trường Plaza de Cataluña, trong khi các thành viên của C.N.T. vừa chống cự vừa rút dần lên những tầng lầu phía trên...
... Tình tiết rất không rõ ràng, nhưng người ta đồn rằng chính phủ đánh nhau với quân vô chính phủ. Đường phố đầy người mang súng... Ngay tối hôm đó trong các khu công nhân và xung quanh những toà nhà chính phủ, chiến lũy đã được dựng lên, và đến khoảng mười giờ thì thấy những loạt súng đầu tiên, rồi tiếng còi của xe cứu thương vang lên trên đường phố. Trước khi trời sáng cả thành phố chìm trong tiếng súng... Sáng ra, số người chết đã là hơn một trăm, có thể đoán được là chuyện gì đã xảy ra. Lực lượng C.N.T., theo đường lối vô chính phủ và lực lượng U.G.T., theo đường lối xã hội chủ nghĩa về nguyên tắc là "không đổ ra đường". Trong khi đứng sau chiến lũy, họ chỉ quan sát, nhưng sẵn sàng bắn vào bất cứ người nào mang súng xuất hiện trên phố... Khủng khiếp nhất là những phát súng của mặt trận đỏ - những tên bắn tia, thường là phát xít, nấp trên mái nhà và bắn lung tung, nhưng chúng đã tìm mọi cách để làm cho tình hình càng hỗn loạn thêm... Tuy nhiên, đến chiều ngày*

thứ tư thì người ta đã biết rõ kẻ nào đứng đằng sau vụ bạo loạn. Trên các bức tường xuất hiện những lời hiệu triệu với giọng điệu khiêu khích một cách trắng trợn, họ kêu gọi làm cách mạng và bắt bỏ các lãnh tụ cộng hoà và xã hội chủ nghĩa ngay lập tức. Do “Những người bạn của Durruti” kí. Sáng thứ năm, tờ nhật báo của lực lượng vô chính phủ tuyên bố rằng họ không biết và không đồng tình với những lời hiệu triệu đó, nhưng tờ La Batalla, cơ quan ngôn luận của P.O.U.M., chẳng những đã in lại mà còn đánh giá rất cao. Barcelona, thành phố đầu tiên của Tây Ban Nha đã rơi vào một vụ tắm máu, do những tên khiêu khích sử dụng tổ chức phá hoại này gây ra.

Hoàn toàn khác với cách giải thích của cộng sản mà tôi đã nói tới bên trên, nhưng chính bài báo này tự nó cũng đã chứa đầy mâu thuẫn rồi. Đầu tiên sự kiện được mô tả như là “vụ bạo loạn của những người theo phái Trotskyist”, sau đó lại được coi là kết quả của vụ đánh chiếm tổng đài điện thoại và mọi người tin rằng chính phủ “ra đòn chống lại quân vô chính phủ. Chiến lữ được dựng lên trong thành phố và người của C.N.T. cũng như U.G.T. đứng sau chiến lữ. Hai ngày sau đó thì xuất hiện biểu ngữ (thực ra là những tờ truyền đơn), và đây được coi là nguyên nhân của toàn bộ vụ việc - hậu quả có trước nguyên nhân. Còn một sự xuyên tạc trắng trợn nữa. Ông Langdon-Davies viết rằng “Những người bạn của Durruti” và “Thanh niên tự do” là những tổ chức do P.O.U.M. “kiểm soát”. Trên thực tế đây là hai tổ chức vô chính phủ và chẳng có liên hệ gì với P.O.U.M. Tổ chức “Thanh niên tự do” là liên đoàn thanh niên vô chính phủ, tương tự như J.S.U. của đảng P.S.U.C. Còn “Những người bạn của Dur-

ruti” là một nhóm nhỏ trong F.A.I., và có thái độ thù nghịch với P.O.U.M. Theo tôi biết thì không có ai lại cùng một lúc là thành viên của cả hai tổ chức đó. Nói thế thì cũng chẳng khác gì bảo rằng Liên đoàn những người xã hội chủ nghĩa là tổ chức do Đảng tự do Anh “kiểm soát”. Ông Langdon-Davies có hiểu điều đó hay không? Nếu hiểu thì ông ta nên viết một cách thận trọng hơn về vấn đề cực kì phức tạp này mới phải.

Tôi không bảo rằng ông Langdon-Davies không trung thực, nhưng cuộc xung đột đã chấm dứt ngay sau khi ông ta rời Barcelona, nghĩa là ông đã ra đi đúng vào lúc có thể tìm hiểu sự việc một cách kĩ lưỡng hơn. Qua bài báo, có thể thấy rõ là ông đã chấp nhận cách giải thích chính thức về “vụ bạo loạn Trotskyist” mà không kiểm tra một cách đầy đủ. Điều này thể hiện rõ ngay trong đoạn tôi vừa trích dẫn. “Buổi tối” chiến lũy đã được dựng lên và “khoảng mười giờ” thì có tiếng súng nổ. Đây không phải là lời của người tận mắt chứng kiến. Theo như bài báo này thì phải đợi cho kẻ thù dựng xong chiến lũy rồi mới bắn. Có cảm tưởng là phải mấy tiếng đồng hồ sau khi xây xong chiến lũy thì mới có những loạt đạn đầu tiên, trong khi trên thực tế không phải như thế. Tôi và nhiều người khác nhìn thấy những loạt đạn đầu tiên ngay từ buổi chiều. Lại còn những tên bắn tỉa, “thường là phát xít”, bắn từ trên mái nhà xuống nữa chứ. Ông Langdon-Davies không bảo làm sao ông biết đấy là bọn phát xít. Có lẽ là ông ta không leo lên mái để hỏi rồi. Ông ta chỉ nhắc lại những điều người khác nói, mà vì đấy là những điều phù hợp với cách giải thích chính thức nên ông ta không kiểm tra nữa. Vấn đề là ngay ở đầu bài báo ông ta đã thiếu thận trọng khi nói rằng Bộ tuyên truyền là một trong những nguồn thông tin chủ yếu của

ông ta. Các phóng viên ngoại quốc hoàn toàn phụ thuộc vào Bộ tuyên truyền, mặc dù đáng lẽ ra người ta phải thận trọng khi nghe thấy cái tên này rồi. Nói Bộ tuyên truyền đưa tin khách quan về những rắc rối ở Barcelona thì cũng chẳng khác gì bảo huân tước Carson, nay đã ra người thiên cổ, đưa tin khách quan về vụ bạo loạn ở Dublin vào năm 1916 vậy.

Tôi đã đưa ra những lí do để có thể khẳng định rằng cách giải thích của cộng sản về vụ đụng độ là không nghiêm túc. Ngoài ra, tôi phải nói thêm một chút về lời buộc tội vẫn thường được nhắc tới, đấy là P.O.U.M. là tổ chức phát xít bí mật, do Franco và Hitler cung cấp tiền bạc.

Lời buộc tội này được báo chí cộng sản nhắc đi nhắc lại, nhất là từ đầu năm 1937 trở đi. Đấy là một phần của chiến dịch chống phái Trotskyist trên phạm vi toàn cầu do cộng sản phát động, mà P.O.U.M. lại được coi là đại diện của phái này ở Tây Ban Nha. Theo tờ *Prente Rojo* (tờ báo của Đảng bộ đảng cộng sản Valencia) thì phái Trotskyist “không phải là một học thuyết chính trị. Trotskyist là tổ chức tư sản, là một băng nhóm khủng bố phát xít, chuyên phá hoại và gây tội ác chống lại nhân dân.” P.O.U.M. là tổ chức “Trotskyist liên minh với bọn phát xít và là một phần của đạo quân thứ năm của Franco.” Đáng chú ý là ngay từ đầu người ta đã không trưng ra được bất kì bằng chứng nào, tất cả chỉ là những lời khẳng định của những người có vẻ như là có uy quyền mà thôi. Việc công kích lại được thực hiện bằng những lời phi báng cá nhân dữ dội nhất, người ta chẳng thèm quan tâm đến hậu quả của nó đối với cuộc chiến. Để thoát mạ P.O.U.M, nhiều cây viết cộng sản có vẻ như sẵn sàng coi bí mật quân sự chỉ là chuyện nhỏ. Thí dụ, trong số ra vào tháng

2 trên tờ *Daily Worker* nhà báo (Winifred Bates) tự cho mình quyền tuyên bố rằng P.O.U.M. chỉ đưa ra mặt trận có một nửa binh sĩ mà họ có. Điều này là không đúng, nhưng cứ cho là nhà báo tin là đúng đi. Có nghĩa là, nhà báo này và tờ *Daily Worker* sẵn sàng trao cho quân thù những tin tức cực kì quan trọng. Còn trên tờ *New Republic* thì ông Ralph Bates lại tuyên bố rằng các chiến sĩ của P.O.U.M. “đã đá bóng với bọn phát xít trên vùng đất vô chủ”, trong khi trên thực tế lúc đó P.O.U.M. đang bị thiệt hại nặng nề, nhiều người bạn của tôi đã bị giết hoặc bị thương. Rồi còn một bức tranh châm biếm rất hiểm ác, lưu hành rộng rãi, ban đầu là ở Madrid, sau đó lan đến Barcelona, vẽ P.O.U.M. với chiếc mặt nạ có hình búa liềm đang bị tuột ra, để lộ bộ mặt thật xấu hình chữ thập ngược. Nếu chính phủ thực chất không bị cộng sản kiểm soát thì nó sẽ không bao giờ để cho những chuyện như thế xảy ra trong lúc đang có chiến tranh. Đây là một đòn có chủ ý nhắm vào không chỉ lực lượng quân sự của P.O.U.M. mà còn giáng vào cả những người bên cạnh họ nữa, vì tin nói rằng đơn vị bên cạnh toàn bọn phản bội chỉ có tác dụng làm nản lòng binh sĩ mà thôi. Tôi ngờ là chiến dịch thoả mạ P.O.U.M. cũng chẳng làm cho các binh sĩ của họ nản lòng. Nhưng mục đích là như thế, và những người chịu trách nhiệm về chiến dịch này đã đưa mâu thuẫn đảng phái lên trên sự đoàn kết của các lực lượng chống phát xít.

Lời kết án P.O.U.M. rút cuộc lại là như sau: tổ chức này gồm mấy ngàn người, đa số là công nhân, chưa kể khá nhiều ủng hộ viên người ngoại quốc, mà phần lớn là người tị nạn từ các nước phát xít cũng như hàng ngàn dân quân chỉ là tổ chức gián điệp ăn lương của bọn phát xít. Thật là trái ngược với lí trí thông thường,

lịch sử của P.O.U.M. chúng tôi thấy là những điều không đáng tin. Tất cả các nhà lãnh đạo của P.O.U.M. đều có quá trình hoạt động cách mạng khá lâu dài. Một số người từng tham gia vào cuộc khởi nghĩa năm 1934, phần lớn đều bị chính quyền quân chủ hoặc chính phủ Lerroux bỏ tù vì những hoạt động theo đường lối xã hội chủ nghĩa. Năm 1936, người lãnh đạo lúc đó là Joaquin Maurin đã là một trong những đại biểu quốc hội báo động về việc chuẩn bị bạo loạn của Franco. Sau khi chiến tranh bùng phát, trong khi đang tổ chức kháng chiến ở hậu phương của Franco thì ông đã bị bọn phát xít bỏ tù. Sau khi nổ ra bạo loạn, P.O.U.M. có vai trò nổi bật trong cuộc kháng chiến, nhiều thành viên của P.O.U.M., đặc biệt là ở Madrid, đã hi sinh trong những trận chiến đấu trên đường phố. Đây là một trong những tổ chức đầu tiên thành lập được lực lượng dân quân ở Madrid và Catalonia. Thật không thể nào tưởng nổi rằng đây là những hành động của một đảng ăn tiền của bọn phát xít. Đảng do phát xít nuôi sẽ làm một việc đơn giản là chạy sang phía bên kia.

Trong thời gian chiến tranh cũng không thấy họ có hoạt động thân phát xít nào. Có người biện luận rằng việc P.O.U.M. đòi chính phủ phải thực hiện đường lối cách mạng hơn đã gây chia rẽ trong chính phủ và như vậy là gián tiếp giúp đỡ bọn phát xít. Tôi không đồng ý như thế. Tôi nghĩ bất kì chính phủ theo đường lối cải cách nào cũng sẽ được thể tất nếu họ coi những tổ chức tương tự như P.O.U.M. là những kẻ nhiều sự. Nhưng phản bội lại là vấn đề khác hẳn. Không thể nào giải thích được vì sao - đây là nói nếu P.O.U.M. là tổ chức phát xít - lực lượng dân quân của họ lại vẫn trung thành với chính phủ. Mà đây là tám đến mười ngàn người trên những khu vực xung yếu nhất, trong những điều kiện vượt

quá sức chịu đựng của con người trong những ngày mùa đông năm 1936-1937. Nhiều người trong số họ phải ở trong chiến hào suốt bốn năm tháng liền. Nếu những lời kết án trên kia là đúng thì thật không thể nào hiểu được vì sao họ không rời bỏ mặt trận hoặc đơn giản là chạy sang phía bên kia. Lúc nào họ cũng có thể làm như thế, có những giai đoạn mà việc bỏ trống trận địa có thể tạo ra ảnh hưởng quyết định tới kết quả cuộc chiến. Nhưng họ vẫn tiếp tục chiến đấu. Ngay cả sau khi P.O.U.M. đã bị cấm hoạt động. Lúc sự kiện này vẫn còn tươi rói trong trí óc của mọi người, thì lực lượng dân quân - lúc đó chưa bị phân bổ vào các đơn vị Quân đội Nhân dân - đã tham gia vào một trận tấn công đẫm máu ở phía đông Huesca với mấy ngàn người bị giết trong có một hai ngày. Ít nhất họ cũng phải có thái độ hữu hảo đối với quân địch hoặc binh sĩ thường xuyên đào ngũ. Nhưng như tôi đã nói trước đây, đào ngũ là hiện tượng cực kì hiếm. Hay là công việc tuyên truyền thân phát xít, “chủ bại”. Không có dấu hiệu nào như thế cả. Chắc chắn là có những tên gián điệp, những kẻ khiêu khích trong hàng ngũ P.O.U.M. rồi; đảng cánh tả nào mà chả có. Nhưng không hề có bằng chứng nào chứng tỏ rằng P.O.U.M. có nhiều gián điệp hơn những đảng khác.

Đúng là một số bài trên báo chí cộng sản có nói, dù là miễn cưỡng, rằng chỉ có các lãnh tụ của P.O.U.M. mới được lĩnh lương của bọn phát xít, còn các đảng viên thường thì không. Nhưng đây chỉ là mảnh khoé nhằm chia rẽ lãnh đạo với quần chúng mà thôi. Thực chất của lời kết án là từ các đảng viên thường đến dân quân của P.O.U.M. đều cùng một giuộc. Vì nếu Nin, Gorkin và những người khác thực sự ăn lương của bọn phát xít thì các đồng chí từng tiếp xúc với họ phải biết trước khi tin ấy đến tai các phóng

viên ngồi tận London, Paris và New York chứ. Dù sao mặc lòng, sau khi P.O.U.M. bị cấm, lực lượng cảnh sát mật do cộng sản kiểm soát đã coi tất cả đều có tội như nhau. Họ bắt tất cả những người có dính líu với P.O.U.M., trong đó có cả thương binh, ý tá, vợ và đôi khi cả con các thành viên của P.O.U.M. nữa.

Cuối cùng, ngày 15-16 tháng 6, P.O.U.M. bị cấm hoạt động và bị tuyên bố là tổ chức bất hợp pháp. Đây là một trong những hành động đầu tiên của chính phủ Negrin. Chính phủ này được thành lập vào tháng 5. Khi Ban chấp hành của P.O.U.M. đã bị tống vào tù, thì ở bên ngoài báo chí cộng sản tuyên bố rằng đã phá vỡ một âm mưu to lớn của bọn phát xít. Có thời, báo chí cộng sản toàn thế giới đã phát sốt lên với những bản tin đại loại như (Tờ *Daily Worker*, ngày 21 tháng 6):

BỌN TROTSKYIST TÂY BAN NHA ÂM MƯU VỚI FRANCO

Sau khi bắt giam phần lớn những tên Trotskyist đầu sỏ ở Barcelona và những nơi khác... đến cuối tuần, người ta mới biết chi tiết một trong những vụ án gián điệp rừng rợn nhất trong lịch sử chiến tranh và sự phản bội nhor bần nhất của bọn Trotskyist cho đến nay... Tài liệu mà cảnh sát nắm được cùng với lời thú nhận của của khoảng 200 người bị bắt chứng minh ..v.v. và ..v.v..

Đã “chứng minh” được rằng các lãnh tụ của P.O.U.M. đã dùng điện đài để chuyển các bí mật quân sự cho tướng Franco; tiếp xúc với Berlin, và hợp tác với tổ chức phát xít bí mật ở Madrid. Ngoài ra còn có những chi tiết giật gân về những bức thư viết bằng mực hoá học, những tài liệu bí ẩn với chữ kí là N. (nghĩa là Nin), v.v. và v.v.

Nhưng kết quả cuối cùng là như thế này: sáu tháng sau sự kiện mà tôi vừa kể, phần lớn các nhà lãnh đạo của P.O.U.M.

vẫn còn nằm trong tù, nhưng họ vẫn chưa được đưa ra toà; tội dùng điện đài liên lạc với Franco .v.v.. vẫn chưa được khởi tố. Nếu quả thật họ mắc tội hoạt động gián điệp thì họ đã bị đưa ra toà và bị bắn ngay trong vòng một tuần như nhiều tên gián điệp phát xít khác rồi. Nhưng ngoài những lời tuyên bố suông trên báo chí cộng sản, người ta đã không tìm được một tí bằng chứng nào. Còn về hai trăm “lời thú tội”, nếu quả thật có những lời thú tội như thế thì đấy chính là bằng chứng kết tội rồi. Nhưng không thấy ai nói đến nữa. Thực ra, đấy cũng chỉ là kết quả của trí tương tượng của một người nào đó mà thôi.

Hơn thế nữa, phần lớn các thành viên trong chính phủ Tây Ban Nha cũng không tin vào những lời kết án chống lại tổ chức P.O.U.M. Gần đây, chính phủ còn ra quyết định thả tất cả các tù nhân chống phát xít với năm phiếu thuận và hai phiếu chống, hai phiếu chống là của các bộ trưởng đảng viên cộng sản. Trong tháng 8 có một phái đoàn quốc tế do ông James Maxton, đại biểu quốc hội Anh, dẫn đầu đến Tây Ban Nha điều tra những cáo buộc chống lại P.O.U.M. và những sự kiện liên quan đến việc mất tích của Andrés Nin. Prieto, bộ trưởng quốc phòng, Irujo, bộ trưởng bộ tư pháp, Zugazagoitia, bộ trưởng nội vụ, Ortega y Gasset, tổng trưởng lí, Prat García và những người khác đã nói là họ không tin rằng các vị lãnh đạo P.O.U.M. là những tên gián điệp. Irujo nói thêm rằng ông ta đã kiểm tra các tài liệu, tất cả những cái gọi là bằng chứng đều không có căn cứ và những giấy tờ được cho là do Nin kí đều “không có giá trị”, nghĩa là giả mạo hết. Prieto cho rằng các lãnh đạo P.O.U.M. phải chịu trách nhiệm về vụ xung đột hồi tháng 5 ở Barcelona, nhưng phủ nhận ý tưởng cho rằng họ là điệp viên của lực lượng phát xít. “Quan trọng nhất là không phải

chính phủ quyết định bắt các lãnh đạo P.O.U.M. mà cảnh sát đã tự ý làm. Không phải những người lãnh đạo cảnh sát quyết định, mà là bộ sậu của họ, vốn vẫn bị rất nhiều đảng viên cộng sản thâm nhập từ lâu”, Prieto nói như thế. Ông ta còn nói đến một số trường hợp câu lưu phi pháp khác. Irujo cũng tuyên bố rằng cảnh sát đã trở thành lực lượng “độc lập giả hiệu” và trên thực tế đã bị những phần tử cộng sản quốc tế kiểm soát. Prieto đã nhắc khéo phái đoàn rằng trong khi người Nga còn cung cấp vũ khí thì chính phủ không được làm phật lòng đảng cộng sản. Phái đoàn thứ hai, do ông John McGovern, đại biểu quốc hội Anh, dẫn đầu đến Tây Ban Nha vào tháng 12, cũng nhận được những thông tin tương tự; ông Zugazagoitia, bộ trưởng nội vụ còn nhắc lại ý của ông Prieto một cách thẳng thắn hơn nữa. “Chúng tôi được Nga viện trợ cho nên chúng tôi buộc phải chấp nhận một số hành động mà chúng tôi thực sự không ưa.” Một trong những biểu hiện của sự tự tung tự tác của cảnh sát là mặc dù đã có lệnh của giám đốc nhà tù cũng như của bộ trưởng bộ tư pháp, McGovern và những người trong đoàn vẫn không được tiếp cận với một trong những “nhà tù bí mật” do đảng cộng sản quản lý ở Barcelona ⁶.

Tôi nghĩ rằng như thế là đủ rõ. Người ta chỉ dựa vào những bài viết trên báo chí cộng sản và tài liệu của cảnh sát mật do cộng sản kiểm soát để kết tội hoạt động gián điệp của P.O.U.M. mà thôi. Lãnh đạo P.O.U.M. và hàng trăm, hay hàng ngàn đảng viên của họ vẫn còn bị giam, đã sáu tháng rồi mà báo chí cộng sản vẫn còn lớn giọng đòi xử tử “những tên phản bội”. Nhưng Negrín và những người khác vẫn kiên định, họ không chịu giết hại những người theo phái Trotskyists. Nếu xét thêm những áp

lực mà họ phải chịu thì càng thấy rằng họ là những người rất đáng được tôn trọng. Cùng với những tài liệu mà tôi trích dẫn bên trên, thật khó mà tin được rằng P.O.U.M. là tổ chức tình báo phát xít. Đây là nói nếu ta không tin rằng những người như Maxton, Mc-Govern, Prieto, Irujo, Zugazagoitia và những người khác nữa cũng đều là gián điệp ăn lương của bọn phát xít.

Cuối cùng, xin xem xét lời kết án cho rằng P.O.U.M. là tổ chức Trotskyist. Đây là từ rất thông dụng hiện nay, thường bị hiểu sai và bị người ta cố tình làm sai lệch đi. Xin xem xét ý nghĩa của nó một cách cụ thể hơn. Từ Trotskyist được sử dụng cho ba loại người khác nhau sau đây:

1. Những người, tương tự như Trotsky, kêu gọi tiến hành “cách mạng thế giới”, chống lại “chủ nghĩa xã hội trong một quốc gia”. Đại khái, đây là người cách mạng quá khích.
2. Thành viên của tổ chức do Trotsky lãnh đạo.
3. Những tên phát xít đóng giả người cách mạng, thực tế là chống lại Liên Xô và nói chung là chia rẽ và phá hoại lực lượng cánh tả.

Có thể gọi P.O.U.M. là tổ chức Trotskyist theo nghĩa thứ nhất. Nhưng thế thì cũng có thể gọi Đảng lao động độc lập ở Anh, Đảng S.A.P. ở Đức, Đảng xã hội cánh tả ở Pháp.. là các tổ chức Trotskyist vậy. Nhưng P.O.U.M. không có liên hệ gì với bản thân Trotsky cũng như với tổ chức Trotskyist (“Bolshevik-Leninist”). Khi chiến tranh nổ ra, những người theo phái Trotskyist ngoại quốc đến Tây Ban Nha (khoảng mười lăm đến hai mươi người) ban đầu đã làm việc cho P.O.U.M. vì đảng này có quan điểm gần gũi với họ, nhưng họ không phải là thành viên của đảng. Nhưng sau này, khi Trotsky ra lệnh cho người của mình tấn công

đường lối của P.O.U.M. thì những người theo phái Trotskyist bị đuổi ra khỏi các cơ quan của đảng, nhưng một vài người vẫn còn ở lại trong lực lượng vũ trang. Nin, trở thành người lãnh đạo của P.O.U.M. sau khi Maurín bị bọn phát xít bắt, có thời từng là thư kí của Trotsky, nhưng đã li khai với ông này cách đó mấy năm để thành lập ra P.O.U.M. bằng cách liên kết những tổ chức cộng sản đối lập với đảng gọi là khối công nông. Việc Nin có thời liên minh với Trotsky đã được báo chí cộng sản sử dụng để chứng minh rằng P.O.U.M. là tổ chức Trotskyist. Nhưng bằng cách đó ta cũng có thể chứng minh rằng Đảng cộng sản Anh là tổ chức phát xít vì John Strachey có thời đã liên minh với Oswald Mosley.

Theo nghĩa thứ hai, nghĩa chính xác nhất của từ này, thì P.O.U.M. rõ ràng không phải là tổ chức Trotskyist. Đây là điều đặc biệt quan trọng vì đối với phần lớn các đảng viên cộng sản, tổ chức Trotskyist theo nghĩa thứ hai chắc chắn phải là tổ chức Trotskyist theo nghĩa tứ ba, tức là Trotskyist đơn giản chỉ là tổ chức gián điệp của bọn phát xít mà thôi. Từ chủ nghĩa Trotskyist trở thành thông dụng trong thời gian diễn ra những phiên toà mang tính trình diễn ở Moskva và gọi một người là Trotskyist cũng đồng nghĩa với việc coi người đó là tên sát nhân, tên khiêu khích... Nhưng đồng thời bất cứ người nào đứng trên lập trường tả khuynh mà phê phán đường lối của cộng sản thì cũng đều có thể bị gán cho là Trotskyist. Như vậy có phải là khẳng định rằng tất cả những người cách mạng quá khích đều ăn lương của phát xít?

Câu trả lời có thể là khẳng định, mà cũng có thể là phủ định, tùy lúc và tùy nơi. Khi Maxton dẫn đầu đoàn đại biểu quốc tế đến Tây Ban Nha, như tôi đã nói bên trên, những tờ báo cộng sản như Verdad, Frente Rojo và một số tờ khác đã lập tức lên

án ông ta là “Trotskyist-Fascist”, là gián điệp của Gestapo ..v.v... Nhưng báo chí cộng sản Anh đã không vào hùa với những lời kết án như thế. Báo chí cộng sản Anh chỉ kết án Maxton một cách tù mù là “kẻ thù của giai cấp công nhân”. Lí do rất đơn giản: sau một vài bài học đau xót, báo chí cộng sản ở Anh đã biết sợ pháp luật, không còn dám phỉ báng nữa. Việc người ta không dám nhắc lại lời kết án ở đất nước, nơi mà đương sự có thể bị buộc phải chứng minh đủ cho ta thấy tính chất dối trá của những lời kết án kiểu đó.

Có người sẽ cho rằng tôi bàn quá nhiều, quá mức cần thiết, về những lời kết án đối với P.O.U.M. So với những tai hoạ khủng khiếp mà cuộc nội chiến đã gây ra thì những vụ cãi vã giữa các đảng phái với những lời kết án sai lầm và bất công có thể chỉ là chuyện vặt. Nhưng thực tế không hoàn toàn như thế. Tôi tin rằng những lời vu khống và các chiến dịch do báo chí tiến hành và thói quen tư duy mà chúng cho thấy có thể giáng vào sự nghiệp chống phát xít những đòn chí tử.

Ai có hiểu biết sơ qua về cách thức cộng sản đối phó với những người đối lập đều biết rằng bịa ra những lời kết án không phải là việc mới. Hôm nay họ gán cho là “Trotskyist-Fascist”; còn trước đây thì họ vu cho là “Xã hội-phát xít”. Chỉ mới sáu hay bảy năm trước đây toà án Liên Xô từng “chứng minh” rằng Quốc tế II, trong đó có Leon Blum và những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng lao động Anh từng tham gia vào âm mưu to lớn với mục đích là đánh chiếm Liên Xô. Thế mà hiện nay những người cộng sản Pháp lại thấy vô cùng sung sướng khi có một nhà lãnh đạo là Blum, còn đảng viên cộng sản Anh thì tìm mọi cách để được đứng vào hàng ngũ của Đảng lao động. Tôi ngờ rằng cách làm

như thế chẳng mang lại lợi ích gì, ngay cả xét theo quan điểm đảng phái. Nhưng không nghi ngờ gì rằng việc kết án là “Trotskyist-Fascist” đã gây ra hận thù và chia rẽ. Khắp mọi nơi, các đảng viên thường đều được huy động tham gia vào một công việc vô nghĩa lí là truy lùng những người theo phái Trotskyist, còn các đảng như kiểu P.O.U.M. thì bị đẩy vào tình thế cực kì khó khăn vì mang tiếng là những đảng chống cộng. Phong trào công nhân quốc tế đứng trước những dấu hiệu chia rẽ đầy nguy hiểm. Chỉ cần một vài chiến dịch bôi nhọ những người đã đấu tranh suốt đời cho chủ nghĩa xã hội, chỉ cần một vài âm mưu xảo trá tương tự như những lời kết án chống lại P.O.U.M. là sự phân rã có thể trở thành không gì cứu vãn nổi. Chỉ còn hi vọng là những mâu thuẫn về mặt chính trị sẽ được giữ ở mức độ cho phép thảo luận mọi vấn đề một cách thấu đáo. Có sự khác biệt thực sự giữa những người cộng sản và những người “tả hơn” hoặc tuyên bố là “tả hơn” họ. Cộng sản cho rằng có thể liên minh với một vài bộ phận của giai cấp tư sản (Mặt trận dân tộc) để đánh đổ chủ nghĩa phát xít, còn những người phản đối thì cho rằng sách lược đó chỉ tạo thêm khu vực hoạt động cho bọn phát xít mà thôi. Đây là vấn đề cần phải giải quyết ngay. Quyết định sai lầm có thể đẩy nhân loại vào tình trạng nô lệ trong hàng thế kỉ. Nhưng khi mà lí lẽ duy nhất chỉ là những tiếng rên rỉ “Trotskyist-Fascist!” thì khởi sự đã là việc bất khả thi rồi, nói gì đến thảo luận một cách nghiêm túc. Thí dụ, tôi không thể nào tranh luận về vụ đụng độ ở Barcelona với một người đảng viên cộng sản vì không có người cộng sản nào - đây là nói người cộng sản “chân chính” - chịu tin rằng tôi đã trình bày các sự kiện một cách chân thực. Nếu anh ta tuân thủ “đường lối” của đảng thì anh ta sẽ tuyên bố rằng tôi cố tình nói dối hoặc

tôi đã lầm lẫn một cách nghiêm trọng. Anh ta sẽ nói rằng chỉ cần đọc đầu đề của những bài báo trên tờ Daily Worker là một độc giả có ở xa cả ngàn cây số cũng biết rõ các sự kiện ở Barcelona hơn là tôi. Không thể thảo luận trong tình hình như thế, điều kiện tối thiểu cho sự đồng thuận cũng không thể có. Nói rằng những người như Maxton ăn tiền của bọn phát xít để nhằm mục đích gì? Mục đích duy nhất là chặn đứng mọi cuộc thảo luận nghiêm túc. Chẳng khác gì đang chơi cờ mà một trong hai người bỗng gào lên rằng người kia từng đốt nhà hay mắc tội đa thê. Không thể giải quyết được vấn đề. Vu khống không giải quyết được gì hết.

¹ Trong số ra gần đây, tờ *Inprecor* (cơ quan ngôn luận của Ban chấp hành Comintern) tuyên bố hoàn toàn ngược lại rằng tờ La Batalla ra lệnh cho các đơn vị của P.O.U.M. rời mặt trận! Có thể dễ dàng kiểm tra nếu xem lại số báo La Batalla ra ngày hôm đó.

² Tờ *New Statesman*, ra ngày 14 tháng 5.

³ Ngay khi cuộc chiến nổ ra lực lượng bảo vệ vũ trang bao giờ cũng chạy sang phía mạnh hơn. Sau này, thí dụ như ở Santander, nhiều lính bảo vệ vũ trang đã chạy sang phía phát xít.

⁴ Coup d'état - nguyên văn tiếng Pháp - ND.

⁵ Nguyên văn: a mile - ND.

⁶ Xem báo cáo của hai phái đoàn trên các tờ báo: *Le Populaire* (ngày 7 tháng chín), *Lalèche* (ngày 18 tháng chín), Báo cáo của phái đoàn Maxton được *Independent News* (219 Rue Saint-Denis, Paris) và McGovern xuất bản thành cuốn sách Khủng bố ở Tây Ban Nha.

12

Phải ba ngày sau khi những vụ đụng độ ở Barcelona chấm dứt chúng tôi mới quay lại mặt trận. Sau vụ đụng độ - nhất là sau cuộc đấu khẩu trên báo chí - thật khó mà nghĩ về cuộc chiến này một cách lí tưởng thơ ngây như trước được nữa. Tôi cho rằng không có người nào từng ở Tây Ban Nha vài ba tuần mà không cảm thấy thất vọng, dù ít dù nhiều. Tôi chợt nhớ đến người phóng viên mà tôi gặp trong ngày đầu tiên tới Barcelona. Anh ta bảo: “Cuộc chiến tranh này cũng chỉ là một thủ đoạn giống như mọi cuộc chiến tranh khác mà thôi”. Nhận xét của anh ta đã làm tôi choáng váng, lúc đó (tháng 12) tôi cho là không đúng, còn bây giờ là tháng 5, cũng vẫn không đúng, mà phải nói là quá đúng. Vấn đề là cuộc chiến nào cũng dẫn đến thoái hoá, thời gian càng kéo dài thì thoái hoá lại càng gia tăng vì hiệu quả của các hành động quân sự không thể song hành với tự do cá nhân và báo chí trung thực.

Bây giờ người ta có thể dự đoán được các sự kiện sẽ phát triển theo hướng nào. Dễ dàng đoán được là chính phủ của Caballero sẽ đổ và sẽ được thay bằng một chính phủ hữu khuynh hơn, chịu nhiều ảnh hưởng của cộng sản hơn (chuyện này xảy ra sau đó một hoặc hai tuần), với mục tiêu là đập tan sức mạnh

của các tổ chức công đoàn. Tương lai - đấy là nói sau khi đánh bại được Franco và để sang một bên những khó khăn to lớn của thời kì tái thiết - cũng sẽ chẳng lấy gì làm tốt đẹp. Câu chuyện của báo chí nói rằng “đây là cuộc chiến vì dân chủ” chỉ là những lời ba hoa chích choè mà thôi. Không một người có lí trí nào lại hi vọng rằng sẽ có dân chủ - dù là dân chủ theo kiểu ở Anh hay theo kiểu Pháp - ở đất nước Tây Ban Nha đầy chia rẽ và kiệt quệ này, ngay cả sau khi chiến tranh đã kết thúc. Sẽ là chế độ chuyên chính và rõ ràng là cơ hội thiết lập chế độ chuyên chính của giai cấp công nhân đã vĩnh viễn qua rồi. Điều đó có nghĩa là sẽ hướng về chủ nghĩa phát xít. Không nghi ngờ gì rằng chủ nghĩa phát xít với một cái tên tao nhã hơn, và - vì đây là Tây Ban Nha - cho nên cũng nhân bản hơn và kém hiệu quả hơn là phát xít Đức và Ý. Chỉ có mấy khả năng, đấy là nền độc tài tồi tệ của Franco hoặc là chiến tranh sẽ kết thúc bằng việc chia cắt Tây Ban Nha với những đường biên giới thực sự hoặc thành những khu vực kinh tế riêng biệt.

Kiểu nào cũng khổ. Nhưng như thế không có nghĩa là không cần chiến đấu bảo vệ chính phủ, không cần chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít không che đậy và đã ăn sâu bén rễ của Franco và Hitler. Dù chính phủ thời hậu chiến có mắc sai lầm gì đi nữa thì chế độ của Franco chắc chắn là vẫn xấu hơn. Đối với công nhân, tức là đối với người vô sản thành thị, ai chiến thắng có lẽ cũng không phải là điều quan trọng. Nhưng Tây Ban Nha là đất nước nông nghiệp và nông dân có phần chắc là sẽ được lợi nếu chính phủ cộng hoà giành được chiến thắng. Nông dân sẽ giữ lại được một phần đất đai mà họ đã chiếm đoạt được, rồi ruộng đất trong khu vực còn nằm dưới quyền kiểm soát của

phát xít cũng sẽ được đem chia, và chế độ nông nô từng tồn tại ở một vài khu vực có lẽ sẽ không được tái lập nữa. Nếu chính phủ giành được chiến thắng thì nhất định nó phải có tinh thần phản phong và bài giáo hội. Chính phủ sẽ hạn chế được ảnh hưởng của nhà thờ, ít nhất là trong một thời gian nào đó; sẽ hiện đại hoá đất nước, thí dụ như xây dựng đường sá, thúc đẩy giáo dục và bảo vệ sức khoẻ; ngay cả trong thời chiến người ta cũng đã làm được một vài việc theo hướng này rồi. Mặt khác, Franco, ngay cả nếu không coi hắn là bù nhìn của Đức và Ý, gần bó chặt chẽ với những điền chủ lớn và là tay sai của các thế lực tăng lữ-quân phiệt phản động. Mặt trận nhân dân có thể là bịp bợm, nhưng Franco lại là hiện tượng lỗi thời. Chỉ có những triệu phú hoặc những người viễn vông mới mong cho hắn thắng mà thôi.

Hơn nữa, còn có vấn đề uy tín của chủ nghĩa phát xít quốc tế. Câu hỏi này, chẳng khác gì một con ác mộng, đã hành hạ tôi suốt một hai năm nay. Từ năm 1930 đến nay, bọn phát xít đã giành hết chiến thắng này đến chiến thắng khác. Đã đến lúc cho chúng một bài học, ai làm việc đó không phải là quan trọng. Nếu chúng ta có thể hất cẳng được Franco và bọn lính đánh thuê ngoại quốc của hắn thì tình hình thế giới sẽ được cải thiện một cách đáng kể. Chỉ cần như thế cũng đáng phải thắng rồi, ngay cả nếu sau đó Tây Ban Nha có rơi vào tay chế độ độc tài và những người con ưu tú nhất của nó có bị tù đầy.

Trong thời gian đó tôi đã nghĩ như thế. Có thể nói rằng hiện giờ tôi đánh giá chính phủ của Negrín cao hơn là khi ông ta mới cầm quyền. Chính phủ đã kiên trì theo đuổi cuộc chiến đấu đầy khó khăn với một tinh thần dũng cảm vô song và đã thể

hiện thái độ khoan dung chính trị không ai có thể ngờ được. Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng - trừ phi Tây Ban Nha bị chia cắt với những hậu quả không thể lường trước được - chính phủ thời hậu chiến sẽ ngã về phe phát xít. Một lần nữa tôi xin đưa ra ý kiến của mình như thế, hãy để thời gian phán xét, cũng như đã từng phán xét hầu hết các nhà tiên tri khác.

Vừa ra đến mặt trận, chúng tôi nhận được tin là Bob Smillie đang trên đường trở về Anh thì bị bắt ở biên giới rồi bị giải về Valencia và tống vào tù. Smillie đến Tây Ban Nha vào tháng 10 năm ngoái. Anh làm trong văn phòng P.O.U.M. mấy tháng, và khi những thành viên khác của I.L.P. tới thì cùng với họ tham gia lực lượng dân quân và ra ngay mặt trận với điều kiện là sau ba tháng sẽ trở lại Anh để tham gia vào một đoàn tuyên truyền cổ động. Phải sau một thời gian chúng tôi mới biết vì sao Smillie bị bắt. Anh bị biệt giam cho nên ngay cả luật sư cũng không tiếp xúc được. Ở Tây Ban Nha - ít nhất là trên thực tế - người ta có thể bắt giam người mấy tháng liền mà không cần đưa ra bản án chứ chưa nói tới việc xét xử. Cuối cùng, có một người tù được thả cho chúng tôi biết rằng Smillie bị bắt vì “mang theo vũ khí”. Sau này, tình cờ tôi mới biết được rằng “vũ khí” ở đây là hai quả lựu đạn cổ lỗ sỹ được sử dụng hồi đầu cuộc chiến. Smillie mang theo cùng với vài mảnh vỏ đạn và đồ lưu niệm lặt vặt khác để làm “giáo cụ trực quan” trong những bài nói chuyện ở quê nhà. Mấy quả lựu đạn này đã bị tháo hết thuốc và ngòi nổ, chỉ còn là mấy ống kim loại rỗng, hoàn toàn vô hại. Rõ ràng đây chỉ là cái cớ, Bob Smillie bị bắt là vì mối liên hệ của anh với P.O.U.M. mà ai cũng biết. Vụ đụng độ ở Barcelona vừa mới kết thúc và chính quyền tìm mọi cách không để cho những người có thể phản

bác cách giải thích của chính phủ ra khỏi Tây Ban Nha. Kết quả là một số người đã bị bắt ở biên giới chỉ vì những lí do rất vớ vẩn. Hoàn toàn có khả năng là đầu tiên người ta chỉ định giữ Smillie mấy ngày thôi. Nhưng rắc rối là ở chỗ, ở Tây Ban Nha đã vào tù rồi thì cứ ngồi đấy, ra toà hay không không thành vấn đề.

Chúng tôi vẫn đóng ở Huesca, nhưng lần này bị đẩy xa hơn về phía bên phải. Trước mặt chúng tôi là đồn địch mà chúng tôi đã tạm chiếm được cách đây vài tuần. Bây giờ tôi giữ chức teniente - có lẽ tương đương với chức thiếu úy trong quân đội Anh - chỉ huy khoảng ba mươi chiến sĩ, cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh. Người ta đã đưa tên tôi vào danh sách phong hàm quân đội chính qui, nhưng không chắc là sẽ được phong. Trước đây sĩ quan dân quân không chấp nhận quân hàm chính qui vì nhận nghĩa là được thêm lương, mà như thế là trái ngược với nguyên tắc bình đẳng của lực lượng dân quân, nhưng nay thì bắt buộc phải nhận. Benjamin đã được phong hàm đại úy, còn Kopp thì đang đợi phong hàm thiếu tá. Dĩ nhiên là chính phủ không thể không dùng các sĩ quan trưởng thành từ lực lượng dân quân, nhưng chưa phong ai cao hơn cấp bậc thiếu tá, có lẽ họ muốn giữ các cấp bậc cao hơn cho các sĩ quan quân đội chính qui và học viên các trường sĩ quan. Kết quả là trong sư đoàn 29 của chúng tôi, chắc chắn là các sư đoàn khác cũng thế, sư trưởng, các trung đoàn trưởng, các tiểu đoàn trưởng, tất cả đều đeo lon thiếu tá!

Mặt trận vẫn bình lặng. Trận đánh giành quốc lộ Jaca đã chấm dứt, phải mãi đến tháng 6 chiến sự mới tái tục. Ở khu vực của chúng tôi rắc rối chủ yếu là bọn bắn tỉa. Chiến hào của bọn phát xít cách chúng tôi chừng một trăm năm mươi mét, nhưng

chúng ở cao hơn và bọc chúng tôi từ cả hai phía vì chiến hào của chúng tôi có một góc nhọn đâm thẳng vào chiến hào của bọn chúng. Cái góc này là chỗ nguy hiểm nhất, nhiều thương vong do bọn bắn tia gây ra nhất. Đôi khi bọn phát xít còn bắn bằng súng phóng lựu hoặc là những loại vũ khí tương tự khác. Lựu đạn nổ rất to và rất đáng sợ, vì không thể biết trước mà tránh. Nhưng lại không nguy hiểm, nó chỉ tạo ra một hố bằng cái thau. Đầm mát mẻ và dễ chịu, nhưng ngày thì nóng như thiêu như đốt, muỗi bay như trấu và mặc dù có quần áo sạch sẽ mang từ Barcelona tới, chúng tôi gần như có rận ngay lập tức. Trong những vườn cây ăn trái vô chủ trên khu đất tranh chấp, hoa anh đào nở trắng xoá. Mùa xối xả kéo dài hai ngày liền, hầm trú ẩn đầy nước, bờ công sự sụt lở; sau trận mưa chúng tôi phải đào suốt ngày, đất thì dính mà xẻng Tây Ban Nha thì không có cán, lại cong queo chẳng khác gì những chiếc thìa bằng thiếc.

Họ hứa cấp cho chúng tôi một khẩu súng cối tầm gần. Nhưng chờ đến sốt ruột mà vẫn chưa thấy. Chúng tôi vẫn đi tuần đêm như thường lệ. Nhưng bây giờ nguy hiểm hơn vì bọn phát xít có đông quân hơn và chúng đã cảnh giác hơn, chúng vất vỏ đồ hộp bên ngoài hàng rào kẽm gai và thường nổ súng ngay khi nghe thấy tiếng vỏ đồ hộp va chạm nhau. Ban ngày chúng tôi nấp trong khu đất đang còn tranh chấp, hề thấy tên nào lộ ra thì bắn. Phải bò khoảng một trăm mét mới tới cái hào có đám cỏ cao che kín, nằm ở đây có thể nhắm bắn vào khoảng trống trên bờ công sự của bọn phát xít. Chúng tôi dựng một ụ súng trên bờ hào. Nếu chịu khó đợi thì thế nào cũng có lúc trông thấy một người mặc quần áo kaki vội vã chạy qua khoảng trống trên bờ công sự. Tôi đã bắn mấy lần. Chẳng biết có trúng

không, nhiều khả năng là không; tôi bắn rất kém. Nhưng mà vui, bọn phát xít không biết đạn bắn từ hướng nào, còn tôi thì tin chắc rằng trước sau gì tôi cũng hạ được một tên. Nhưng thật là đồ chó chết, tôi trúng đạn trước. Tôi ra mặt trận khoảng mười ngày thì bị. Cảm giác trúng đạn cũng rất thú vị và tôi nghĩ là xứng đáng được ghi chép lại một cách tỉ mỉ.

Lúc đó tôi đang đứng ở góc chiến hào, mới năm giờ sáng. Đây là thời điểm nguy hiểm vì mặt trời mọc ở phía sau lưng chúng tôi, chỉ cần thò đầu lên khỏi chiến hào là bị phát hiện ngay. Tôi đang nói chuyện với mấy chiến sĩ sắp đổi gác. Bất tỉnh linh, tôi chưa nói hết câu thì cảm thấy - thật khó nói tôi cảm thấy cái gì dù rằng cảm giác vẫn còn sống động như ngày nào.

Đại khái là tôi cảm thấy như đứng giữa trung tâm của một vụ nổ. Tiếng nổ rất to và tia chớp loá mắt bao trùm tất cả, rồi tôi thấy người mình giật bắn lên - không đau, chỉ bị giật mạnh, như điện giật, người lá đi, như đang rửa ra và tan biến đi vậy. Những bao cát trước mặt tôi bỗng lùi ra một khoảng cách rất xa. Tôi nghĩ là người bị sét đánh cũng có cảm giác như thế. Tôi biết ngay là mình đã trúng đạn, nhưng vì tưởng là có tiếng nổ và tia chớp cho nên tôi nghĩ là khẩu súng bên cạnh đã cướp cò và bắn phải tôi. Tất cả xảy ra chỉ trong vòng chưa đến một giây. Đầu gối khuỵu xuống, tôi ngã, đầu đập mạnh vào bờ hào, nhưng không thấy đau. Người tôi cứng đơ, mê đi, tôi biết mình bị thương nặng, nhưng không thấy đau theo nghĩa thông thường của từ này.

Tay lính gác người Mi vừa nói chuyện với tôi cúi xuống hỏi: “Này! Anh bị thương hả?” Đám đông bu lại xung quanh. Mọi sự bắt đầu rối tinh lên, như vẫn thường thấy trong những trường hợp thế này. “Đồ anh ta dậy! Bị thương ở đâu? Cởi áo ra!” ..v.v..

và ..v.v.. Tay lính người Mĩ hỏi xem ai có dao để rạch áo cho tôi. Tôi nhớ có một con dao trong túi áo và định đưa tay tìm nhưng hoá ra tay phải của tôi đã bị liệt, không cử động được nữa. Vẫn không đau, thậm chí còn cảm thấy hài lòng. Bà xã sẽ khoái lắm đấy, tôi tự nhủ. Bà xã lúc nào cũng mong tôi bị thương, vì bị thương thì sẽ không bị giết. Chỉ đến lúc này tôi mới bắt đầu nghĩ xem mình bị thương ở đâu, có nghiêm trọng không. Tôi không có cảm giác gì, nhưng ý thức được rằng viên đạn đã bay từ đằng trước tôi. Tôi cố lên tiếng, nhưng hoá ra không nói được thành lời, chỉ có những tiếng khè khè nhè nhẹ, nhưng rồi tôi cũng hỏi được là bị thương ở đâu. Vào cổ, họ bảo thế. Harry Webb, chiến sĩ cứu thương của chúng tôi, mang băng và một chai cồn dùng cho những trường hợp bị thương ngoài mặt trận. Tôi vừa được đỡ ngồi dậy thì đã thấy máu từ miệng tuôn ra xối xả. Một chiến sĩ người Tây Ban Nha đứng đằng sau tôi bảo rằng viên đạn bay xuyên qua cổ. Bình thường thì cồn rất xót, nhưng lần này tôi lại thấy cảm giác mát dịu khi những giọt cồn đầu tiên lan trên vết thương.

Trong khi đợi người ta mang cáng tới, họ lại đặt tôi nằm xuống. Vừa nghe thấy nói đạn xuyên qua cổ là tôi đã chắc mẩm: đời mình tiêu rồi. Tôi chưa từng nghe nói ai hay con vật nào bị đạn bắn xuyên quả cổ mà sống sót. Máu vẫn rỉ ra bên khoe miệng. “Đứt động mạch rồi”, tôi tự nhủ. “Không hiểu động mạch cảnh bị đứt thì còn sống được bao lâu? Chắc chỉ mấy phút thôi”, tôi thầm nghĩ như thế. Mọi thứ như đang trôi trong màn sương mù dày đặc. Tôi cảm thấy như mình đã chết rồi, chuyện ấy kéo dài độ hai phút. Cũng rất thú vị - ý tôi là thú vị khi biết ta đã nghĩ gì trong thời gian đó. Cũng bình thường thôi, trước hết tôi nghĩ

đến bà xã. Thứ hai, cảm thấy rất hận khi phải từ biệt thế giới này, cái thế giới đầy những khiếm khuyết nhưng rất hợp với tôi. Cảm giác này rất là sống động. Rủi thế, tôi muốn phát điên lên được. Nhảm nhí quá thể! Trúng đạn, không phải ở giữa trận tiền mà trong góc cái chiến hào chết tiệt này, chỉ vì một phút lơ đãnh! Tôi cũng nghĩ về kẻ đã bắn trúng tôi - không hiểu đây là người Tây Ban Nha hay người ngoại quốc, liệu hẳn ta có biết là đã bắn trúng tôi không .v.v.. Tôi không hề cảm hận hẳn. Tôi mừng tượng rằng vì hẳn là một tên phát xít cho nên chắc chắn là tôi sẽ giết nếu có điều kiện, nhưng nếu hẳn bị bắt làm tù binh và được đưa đến trước mặt tôi thì tôi sẽ chúc mừng hẳn vì đã bắn trúng mục tiêu. Cũng có thể, một người chết thật sẽ có những ý nghĩ hoàn toàn khác với ý nghĩ của tôi.

Họ vừa đặt tôi lên cáng thì cánh tay phải cũng bắt đầu hồi sinh và đau không thể chịu nổi. Tôi mừng tượng rằng tôi đã làm gãy tay khi ngã, nhưng cơn đau lại làm tôi yên tâm vì tôi biết rằng khi người ta hấp hối thì cảm giác không thể sắc bén như vậy được. Tôi bắt đầu cảm thấy khá hơn và thấy ái ngại cho bốn chiến sĩ tải thương tội nghiệp, áo đầm mồ hôi, bước thấp bước cao, đang phải cáng tôi. Phải đi gần hai cây số mới tới được trạm cứu thương, mà chiến hào thì trơn, đầy ổ trâu, ổ gà. Tôi biết rõ như thế, vì trước đó một hai ngày đã từng giúp cáng một thương binh trên con đường này. Đồi chỏ, cành bạch dương rủ xuống sát mặt chiến hào, lá bạch dương mỏng manh trên má tôi. Tôi nghĩ thật hạnh phúc biết bao khi được sống trên thế gian, nơi có những cây bạch dương như thế này. Trong khi đó tay vẫn đau không thể nào chịu nổi, tôi đã mấy lần văng tục, nhưng rồi lại cố không văng tục vì mỗi lần thở mạnh là máu lại sùi ra ở miệng.

Bác sĩ băng bó lại vết thương, tiêm cho tôi một liều morfin rồi cho chở tôi đi Sietamo ngay lập tức. Bệnh xá ở Sietamo là những nhà gỗ tạm, thương binh thường chỉ được giữ lại trong vài giờ rồi được chở đi Barbastro hoặc Lerida. Tôi bị say morfin, nhưng vẫn đau khủng khiếp, gần như không cử động nổi, máu vẫn chảy, tôi phải nuốt vì không nhổ ra được. Một cô y tá mang tới khẩu phần ăn của bệnh viện gồm một bát súp, mấy quả trứng luộc và một miếng thịt hầm béo ngậy - các bệnh viện Tây Ban Nha bao giờ cũng làm như vậy. Cô y tá tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi không ăn. Tôi hỏi xin thuốc lá, nhưng đây là giai đoạn khan hiếm trầm trọng, bệnh viện không còn thuốc lá nào. Một lúc sau có hai người bạn xin được phép đi thăm tôi xuất hiện.

“Chào! Thế là sống rồi hả? Tốt. Hãy cho chúng tôi đồng hồ, súng lục, đèn pin nữa. Nếu cậu có dao thì cũng cho xin luôn đi.”

Họ lấy hết những gì tôi có trong người. Thương binh nào cũng thế - tất cả những gì anh ta có đều bị chia ngay lập tức. Mà thế là đúng. Ngoài mặt trận đồng hồ, súng lục và những thứ khác đều là của quý cả, còn thương binh mà mang theo người thì trước sau gì cũng bị ăn cắp sạch.

Buổi chiều, khi thương bệnh binh đã nhiều, họ cho chúng tôi lên mấy chiếc xe cứu thương và chở đi Barbastro. Thật là một chuyến đi hãi hùng! Người ta thường nói rằng trong cuộc chiến tranh này nếu bị thương vào chân tay thì sống, còn bị thương vào bụng thì chết là cái chắc. Bây giờ thì tôi hiểu vì sao. Vượt qua đoạn đường dài đã bị ô tô tải nặng cày nát và từ hồi chiến tranh đến giờ vẫn chưa được sửa chữa lần nào mà lại còn bị chảy máu nội tạng nữa thì sống làm sao nổi! Xe lao vào hết ổ

gà nọ đến ổ gà kia, rung lên bần bật. Nó làm tôi nhớ lại trò chơi “bập bênh”¹ hồi còn bé. Người ta quên cột chặt chúng tôi vào cáng. May là tay trái tôi còn khỏe nên vẫn bám được, nhưng có một cậu bị rơi xuống sàn, chắc là đau lắm. Một người khác, đi lại được, ngồi trong góc xe, nôn thốc nôn tháo suốt cả đoạn đường. Bệnh viện ở Barbastro chật cứng người, giường kê sát nhau. Ngày hôm sau, một số người được đưa lên mấy toa tàu bệnh viện để đi Lerida.

Tôi nằm ở Lerida năm hoặc sáu ngày. Đây là một bệnh viện lớn, thương binh, bệnh binh và bệnh nhân binh thường nằm lẫn lộn với nhau. Trong phòng tôi có những thương binh rất nặng. Bên cạnh tôi là một thanh niên tóc đen, không biết uống thuốc gì mà nước tiểu xanh như ngọc bích. Chai đựng nước tiểu của anh ta trở thành sự kiện lạ, thu hút khối người tò mò. Nghe tin có một người Anh nằm viện, một đảng viên cộng sản Hà Lan nói được tiếng Anh đã đến thăm tôi. Chúng tôi kết bạn với nhau, anh ta mang báo tiếng Anh đến cho tôi đọc. Anh bị thương rất nặng trong trận đánh diễn ra hồi tháng mười, anh tìm cách ở lại làm việc tại bệnh viện Lerida và đã kịp cưới một cô y tá làm vợ. Vết thương làm một chân anh teo lại, bây giờ trông nó còn nhỏ hơn cả cánh tay tôi. Có hai cậu dân quân đi phép ghé vào thăm tôi. Tôi đã gặp hai cậu này ngay trong những ngày đầu tiên ra mặt trận, họ cũng nhận ra tôi. Hai cậu này còn rất trẻ, chỉ khoảng mười tám là cùng. Họ đứng cạnh giường tôi, áp a ấp ứng, không nói lên lời. Sau đó, họ rút hết thuốc lá trong túi ra và đưa cho tôi rồi chuồn thẳng đến nỗi tôi không kịp trả lại nữa. Đây là cách thể hiện tình cảm của họ. Đặc sệt Tây Ban Nha! Sau này tôi mới biết rằng trong thành phố này không có

chỗ nào bán thuốc lá, họ đã cho tôi tất cả số thuốc lá được phát cho cả một tuần.

Sau vài ngày tôi đã có thể đứng dậy và đi lại được, tuy tay vẫn còn phải băng và treo trước ngực. Không hiểu sao bỏ xuống thì đau hơn nhiều. Vẫn còn rất đau ở bên trong, đấy là do tôi ngã. Giọng nói thì mất hẳn, nhưng bản thân vết đạn thì không đau nữa. Có vẻ như ai cũng thế cả. Chính cú va đập mạnh của đầu đạn đã làm tê liệt cảm giác; trong khi mảnh đạn hay mảnh bom nham nhở, tuy va đập không mạnh bằng như lại gây đau đớn hơn nhiều. Trong sân bệnh viện có một mảnh vườn khá xinh xắn và bề bệ, có cả cá vàng và mấy chú cá màu xám nhỏ nữa. Tôi thường ngắm chúng hàng giờ liền không biết chán. Cách làm việc ở Lerida cho phép tôi hiểu được hệ thống quân y viện ở mặt trận Aragon - ở những nơi khác có như thế hay không thì tôi không biết. Về một số mặt, quân y viện ở đây phải nói là tốt. Các bác sĩ đều giỏi, thuốc và dụng cụ y tế có vẻ như cũng không thiếu. Nhưng có hai khiếm khuyết nghiêm trọng, chắc chắn đã làm hàng trăm, thậm chí hàng ngàn thương bệnh binh chết oan.

Một là, tất cả các quân y viện gần mặt trận chỉ được sử dụng gần như là trạm băng bó. Kết quả là chỉ các thương binh nặng, không thể chuyển đi được mới được cứu chữa tại chỗ. Về lý thuyết thì hầu hết thương binh đều phải được chuyển thẳng đến Barcelona hay Tarragona, nhưng vì không có phương tiện nên phải một tuần, thậm chí mười ngày sau họ mới được chuyển tới nơi. Thương binh nằm lẫn lộn ở Sietamo, Barbastro, Monzon, Lerida và những nơi khác, trong khi chẳng được chữa trị gì ngoài việc thay băng, đôi khi ngay cả băng cũng chẳng

được thay. Vết thương sâu hoắm hay gãy chân gãy tay cũng chỉ được băng hay bó bột sơ sài, bệnh án thì được viết bằng bút chì lên trên, rồi cứ để như thế cho đến khi tới được Barcelona hay Tarragona, tức là mười ngày sau mới được tháo ra. Chữa trị vết thương trên đường là việc gần như bất khả thi. Mấy ông bác sĩ đi theo không thể làm xuể được. Họ thường chỉ chạy ngang qua, miệng lẩm bẩm: “Vâng, vâng, ở Barcelona người ta sẽ chữa cho anh.” Lúc nào cũng thấy nói *mañana* (ngày mai) sẽ có tàu bệnh viện đi Barcelona. Khiếm khuyết thứ hai là thiếu y tá có tay nghề. Rõ ràng là Tây Ban Nha không có đủ số y tá có tay nghề, có thể là do trước chiến tranh công việc này chủ yếu là do các bà xơ làm. Tôi không phàn nàn gì mấy cô y tá, bao giờ họ cũng rất nhã nhặn, chỉ có điều là tay nghề rất kém. Tất cả các nữ y tá đều biết cấp nhiệt độ, một số người biết băng bó, tất cả kiến thức chỉ có thế. Kết quả là những thương binh nặng không tự chăm sóc được thường bị bỏ mặc. Các cô y tá sẵn sàng để mặc người bị tảo bón nằm như thế cả tuần lễ, họ cũng ít khi tắm rửa những người yếu quá không tự tắm được. Tôi nhớ một anh chàng tôi nghiệp báo với tôi là tay bị gãy, ba tuần liền không rửa được mặt. Chăn chiếu mấy ngày liền cũng chẳng ai thay. Thức ăn thì quân y viện nào cũng tốt, quá tốt là khác. Ở Tây Ban Nha người ta có thói quen cho người ốm ăn còn nhiều hơn là các nước khác. Thức ăn ở Lerida nhiều khủng khiếp. Sáu giờ sáng, điểm tâm: súp, trứng rán, thịt hầm, bánh mì, vang trắng, café; buổi trưa còn nhiều hơn - mà đây là trong lúc đa số dân chúng đang bị thiếu đói nghiêm trọng. Có vẻ như người Tây Ban Nha không công nhận chế độ ăn kiêng. Cùng một khẩu phần cho cả người ốm lẫn người khỏe, nhiều năng lượng, nhiều mỡ, lại

tươi đầm dầu ô-liu.

Buổi sáng hôm đó người ta bảo rằng tất cả mọi người trong phòng đều được chuyển đến Barcelona ngay. Tôi đã tìm cách gửi điện thông báo cho bà xã là mình sắp về. Sau đó họ đưa chúng tôi lên ô tô ra ga. Chỉ đến khi tàu đã chạy người hộ lí đi cùng mới làm như vô tình nói rằng tàu không đi Barcelona mà đi Tarragona. Tôi cho rằng tay lái tàu đã đổi ý. “Đúng là Tây Ban Nha!” - tôi tự nhủ. Nhưng còn Tây Ban Nha hơn nữa, khi họ đồng ý đợi tôi gửi bức điện thứ hai rồi mới khởi hành. Bà xã không nhận được bức điện này, đấy cũng là đặc trưng của Tây Ban Nha.

Họ đưa chúng tôi vào toa hạng ba, ghế ngồi bằng gỗ. Nhiều thương binh nặng, đây là lần đầu tiên họ bước ra khỏi giường. Chẳng bao lâu sau, vì nóng và sóc, một nửa số thương binh trong toa đã mệt rũ ra, có người nôn ngay ra sàn. Tay hộ lí chạy qua chạy lại giữa đám thương binh nằm ngổn ngang, tay cầm một cái bục làm bằng da dê đựng đầy nước; thỉnh thoảng anh ta lại phun thẳng vào miệng một người nào đó. Nước có mùi vị rất hôi, tôi vẫn còn nhớ rõ. Chúng tôi đến Tarragona khi chiều tà. Đường tàu hoả chạy ngay sát bờ biển. Khi chúng tôi vào thì một đoàn tàu khác chở quân nhân các Binh đoàn quốc tế đang rời ga. Đám đông đứng trên cầu vẩy tay chào họ. Đoàn tàu này rất dài, toa nào cũng đầy lính, pháo đặt trên những toa không mui, xung quanh cũng đầy lính. Cảnh tượng sống động đó vẫn hằn sâu trong tâm trí tôi: đoàn tàu hoả khởi hành trong ánh chiều vàng nhạt; những khuôn mặt đen nhẻm, rạng rỡ nụ cười bên cửa sổ các toa tàu; nòng súng trường và những chiếc khăn quàng màu đỏ thắm - tất cả lần lượt qua một cách chậm rãi,

đằng sau là mặt biển màu xanh ngọc.

“Extranjeros - người ngoại quốc”, có người nói, “Người Ý”.

Chắc chắn là người Ý rồi. Chỉ có người Ý mới sôi động và đáp lại lời chào của đám đông một cách trang trọng như thế - trang trọng ngay cả khi có đến một nửa số người trên tàu đang dốc ngược những chai rượu vang sắp cạn lên tu. Sau này mới biết rằng đây là một trong những đơn vị đã giành chiến thắng trong trận đánh ở Guadalajara hồi tháng ba. Họ vừa trả phép và được đưa ra mặt trận Aragon. Tôi nghĩ là chỉ sau đó mấy tuần đa số đã hi sinh ở Huesca. Tất cả các thương binh có thể đi được đều đứng lên vẫy chào các chiến sĩ người Ý khi đoàn tàu của họ lướt qua. Người giơ nạng ra ngoài cửa sổ, kẻ đưa cách tay bằng bó lên làm động tác chào. Thật là một bức tranh đầy ấn tượng về cuộc chiến: một bên là đoàn tàu hoả với những chàng trai tuổi rồi đang hùng dũng tiến ra tiền tuyến, còn bên kia là một đoàn tàu khác chở đầy thương binh chậm chạp bò về hậu phương; còn hình ảnh những khẩu pháo trên những toa tàu không mui lại làm tim đập rộn lên, làm sống lại cái tình cảm nguy hiểm nhưng rất khó bỏ: dù sao mặc lòng, chiến đấu vẫn là vinh quang.

Quân y viện ở Tarragona thuộc loại rất lớn, đầy thương bệnh binh từ khắp các mặt trận đổ về. Đủ loại thương tật! Một số vết thương được điều trị bằng những phương pháp hiện đại nhất, nhưng chỉ cần nhìn vào cũng đã sờn ra gà rồi. Vết thương được để hở hoàn toàn, không băng bó gì, người ta chỉ che vết thương bằng mấy sợi to căng trên cái khung bằng dây thép để không cho ruồi bám vào. Có thể nhìn thấy rõ những miếng thịt bầy nhầy, đỏ chót trên những vết thương đang lên da non. Có

một người bị thương vào mặt và cổ thành ra đầu anh ta được che không chỉ bằng mấy sợi tơ mà được bọc trong một cái lưới, trông như mũ bảo hộ; miệng ngậm một cái ống nhỏ làm lỗ thông hơi. Anh chàng tội nghiệp trông rất cô đơn, cứ đi ra đi vào một mình, chỉ nhìn mọi người mà không nói được. Tôi đã ở Tarragona được ba hoặc bốn ngày. Sức khoẻ đã dần hồi phục, một hôm tôi đã lết tới tận bãi biển. Tôi lấy làm ngạc nhiên khi nhìn thấy cuộc sống trên bãi biển vẫn diễn ra một cách bình thường. Những quán café sang trọng dọc con đường ven biển, những nhà tư sản địa phương béo núc ních tắm biển và nắm phơi nắng trên những chiếc ghế bố như thể chiến tranh đang xảy ra cách đây hàng ngàn dặm vậy. Thế mà tôi lại nhìn thấy một người bị chết đuối, thật không thể tưởng tượng được là có thể chết đuối trong vùng nước nông và lặng sóng thế này.

Cuối cùng, sau khi rời mặt trận được tám hay chín ngày, tôi được đưa đi kiểm tra vết thương. Trong phòng phẫu thuật, nơi những người mới tới được đưa vào khám, các bác sĩ dùng những chiếc kéo lớn rạch những tấm thạch cao mà ở các trạm cứu thương ngoài tiền duyên người ta dùng để bọc những người bị gãy xương sườn hay xương đòn gập. Đằng sau những tấm thạch cao sù sì ấy là những khuôn mặt đầy lo âu, bồn chồn, râu ria tua tủa vì cả tuần chưa cạo. Một tay bác sĩ đẹp trai, nhanh nhẹn, tuổi chừng ba mươi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh tôi; anh ta lấy một miếng gạc để lên lưới của tôi và kéo ra ngoài, rồi anh ta đưa vào họng tôi một chiếc gương nhỏ và bảo nói “a”. Sau khi làm lưới tôi chảy máu và nước mắt tôi trào ra, anh ta bảo rằng một dây thanh âm của tôi đã bị liệt.

“Bao giờ thì tôi có thể nói được như trước?”, tôi hỏi.

“Nói như trước? Anh không bao giờ có thể nói như trước được nữa”, tay bác sĩ vui vẻ đáp.

Nhưng anh ta đã làm. Trong vòng hai tháng tôi chỉ có thể nói thầm, thế rồi bất ngờ tôi lại nói được. Hoá ra dây âm thanh kia đã “gánh đỡ” được cho cái dây bị liệt. Cánh tay vẫn còn đau vì viên đạn đã làm đứt bó dây thần kinh ở sau gáy. Đau đớn kéo dài cả tháng, nhất là ban đêm, thành ra tôi gần như mất ngủ hoàn toàn. Các ngón tay trên bàn tay phải của tôi cũng gần như bị liệt. Đến nay, đã năm tháng rồi mà các ngón tay vẫn còn tê - cũng lạ, bị thương vào cổ mà lại liệt ngón tay.

Theo một nghĩa nào đó thì vết thương của tôi cũng là hiện tượng lạ. Khá nhiều bác sĩ tới khám đã tặc lưỡi bảo: “May quá! May quá!” Một ông còn bảo rằng viên đạn chỉ cách động mạch chủ “khoảng một milimet”. Tôi không hiểu làm sao mà ông ta biết được như thế. Tất cả những người tôi gặp hồi đó - bác sĩ, y tá, thực tập sinh, thương binh cùng phòng - đều khẳng định rằng người bị thương vào cổ mà còn sống thì nhất định sẽ là người hạnh phúc. Nhưng cá nhân tôi thì nghĩ rằng đã là người hạnh phúc thì không thể nào bị thương được.

¹ Dịch thoát ý từ Wiggle-Woggle.

13

Trong những tuần cuối cùng, khi tôi còn ở Barcelona, cảm giác ngột ngạt bao trùm lên khắp thành phố - thái độ nghi kị, sợ hãi, bất an và thù hận ngấm ngấm hiện diện khắp nơi. Những vụ đụng độ hồi tháng 5 còn để lại dấu vết chưa phai mờ. Sau khi chính phủ của Caballero đổ, quyền lực rơi vào tay những người cộng sản. Các bộ trưởng cộng sản chịu trách nhiệm bảo vệ trật tự công cộng và mọi người đều tin rằng họ sẽ đập tan các đối thủ chính trị khi có điều kiện, dù là nhỏ nhất. Tôi không tưởng tượng được chuyện gì sẽ xảy ra, nhưng nhận thức mù mờ về hiểm nguy, về một chuyện gì đó tồi tệ sắp xảy ra thì lúc nào cũng thường trực trong đầu. Cho dù không có chân trong một hội kín nào, nhưng không khí xung quanh làm người ta có cảm tưởng như mình đang tham gia vào một âm mưu nào đó. Ở các quán xá, chỗ nào cũng thấy người ta thì thầm với nhau, mắt lăm lét, như thể bàn bên đang có một tên chỉ điểm vậy.

Kiểm duyệt báo chí gây ra đủ loại tin đồn. Trong đó có tin chính phủ Negrín-Prieto chuẩn bị thoả hiệp nhằm chấm dứt chiến sự. Lúc đó tôi ngả sang quan điểm như thế vì bọn phát xít đã tiến gần đến Bilbao mà chính phủ thì không có hành động gì nhằm bảo vệ thành phố cả. Cờ xứ Basque tung bay trên khắp

thành phố, các cô con gái mang hòm công đức đi quỳ tiền trong các quán xá, loa phóng thanh ra rả suốt ngày về “những người bảo vệ anh hùng”, nhưng người dân xứ Basque lại chẳng nhận được một sự trợ giúp nào. Có vẻ như chính phủ đang chơi trò nước đôi. Các sự kiện sau đó chứng tỏ rằng tôi hoàn toàn sai, nhưng vẫn có thể cứu được Bilbao nếu quân đội cộng hoà cố gắng thêm một chút nữa. Tấn công trên mặt trận Aragon, ngay cả nếu không thành công cũng buộc Franco rút bớt quân khỏi Bilbao. Nhưng chính phủ chỉ ra lệnh tấn công khi đã quá muộn, đây là lúc Bibao đã thất thủ rồi. Lực lượng C.N.T. tung ra rất nhiều truyền đơn, nói: “Hãy cảnh giác!”, ngầm hiểu rằng “có đảng” (tức là đảng cộng sản) đang chuẩn bị đảo chính. Mọi người còn sợ rằng quân phát xít sẽ tràn vào cả Catalonia nữa. Trước đó, trên đường trở lại mặt trận tôi đã trông thấy những chiến tuyến vững chắc, được xây dựng cách mặt trận cả chục cây số, ở Barcelona người ta còn đào cả hầm tránh bom nữa. Ngày nào còi báo động tấn công bằng đường không và đường biển cũng hú vài lần, phần lớn là báo động giả, nhưng mỗi lần như thế thành phố lại mất điện mấy giờ liền, còn dân chúng thì phải chui xuống hầm. Cảnh sát mật có mặt khắp nơi. Nhà tù lúc nào cũng chật cứng, đây phần lớn là những người bị bắt sau cuộc đụng độ hồi tháng 5. Ngoài ra, thỉnh thoảng lại có một hai thành viên đảng vô chính phủ hay P.O.U.M. bị bắt. Theo những gì được biết thì chưa có ai bị đưa ra toà hoặc bị kết án, ngay cả kết án là theo “phái Trotskyist” cũng không nốt. Đơn giản là bị tống vào tù, mà thường là biệt giam. Bob Smillie vẫn còn ngồi tù ở Valencia. Chúng tôi chỉ biết rằng cả đại diện tại chỗ của I.L.P. cũng như luật sư bào chữa đều chưa được phép tới thăm anh.

Người ngoại quốc trong các Binh đoàn quốc tế bị bắt tù ngày một nhiều hơn. Họ thường bị vu là đào ngũ. Nói chung, hiện nay không hiểu người ta coi dân quân là lính tình nguyện hay lính chính qui. Mấy tháng trước, khi ghi tên, người ta nói rằng dân quân là lính tình nguyện và nếu muốn, có thể được cấp giấy chứng nhận xuất ngũ trong thời gian nghỉ phép. Bây giờ hoá ra chính phủ đã thay đổi thái độ, dân quân cũng được coi là lính chính qui và bị coi là đào ngũ nếu anh ta tìm cách trở về nhà. Nhưng ngay cả chuyện này cũng không có gì là chắc chắn cả. Ở một số khu vực, người ta vẫn cấp giấy xuất ngũ. Ở biên giới, đôi khi người ta công nhận giấy xuất ngũ, nhưng có khi lại không; có người bị tống vào tù là vì như thế. Sau này số người ngoại quốc “đào ngũ” bị tù lên đến hàng trăm, nhưng đa số đã được thả khi du luận trong các nước đó phản đối dữ dội quá.

Các đơn vị xung kích sục sạo khắp các đường phố, trong khi lực lượng bảo vệ vũ trang vẫn còn chiếm đóng trong các quán café và những ngôi nhà giữ vị trí chiến lược, chiến lũy và bao cát vẫn xếp đầy xung quanh những toà nhà của P.S.U.C. Người ta dựng lên trong thành phố những trạm kiểm soát, do lực lượng bảo vệ hay cảnh sát vũ trang trấn giữ, để kiểm tra giấy tờ người đi đường. Mọi người đều nhắc tôi không được đưa thẻ dân quân P.O.U.M., chỉ cần trình hộ chiếu và thẻ ra vào khách sạn là được. Nếu họ biết là đã từng phục vụ trong lực lượng dân quân P.O.U.M. là đã nguy hiểm rồi. Thương binh hay dân quân P.O.U.M. đi phép gặp đủ thứ phiền toái, thí dụ như gây khó dễ trong việc nhận lương. Tờ La Batalla vẫn ra, nhưng bị kiểm duyệt đến mức chẳng còn gì mà đọc nữa; tờ Solidaridad và những tờ báo khác của phe vô chính phủ cũng bị kiểm duyệt

rất ngặt nghèo. Có luật mới là phần bị kiểm duyệt không được để trắng, phải thay bài khác vào, cho nên nhiều khi không biết phần nào bị cắt xén nữa.

Việc thiếu hụt lương thực thực phẩm vẫn thường xuyên xảy ra, nhưng đây là giai đoạn tồi tệ nhất. Bột mì khan hiếm, người ta đem trộn những loại rẻ tiền với bột gạo. Binh lính trong trại được phát những mẩu bánh mì trông như ma-tít chèn cửa sổ. Sữa và đường cực kì khan hiếm, thuốc lá không còn, trừ những loại đắt tiền do buôn lậu mà có. Dầu ô liu là thứ người Tây Ban Nha rất hay dùng cũng cực kì khan hiếm. Phụ nữ xếp hàng mua dầu ô liu dài đến nỗi phải đưa các kĩ sư thuộc lực lượng bảo vệ vũ trang ra giữ trật tự, bọn này thỉnh thoảng lại cố tình để ngựa nhả vào chân các bà để mua vui. Không có tiền lẻ cũng gây ra phiền toái. Tiền xu bằng bạc đã bị thu hồi, trong khi tiền lẻ mới thì lại chưa có. Người nghèo lại càng khốn khó thêm. Một người phụ nữ có mười đồng bạc có thể phải xếp hàng nhiều tiếng đồng hồ mà vẫn không thể mua được gì vì người bán hàng không có tiền lẻ, mà bà ta lại không thể tiêu một lúc cả mười đồng.

Thật khó mà tả được con ác mộng của thời đó - đấy là sự bất an đặc thù, sinh ra bởi những lời đồn đại cứ thay đổi luôn soàn soạch, bởi báo chí bị kiểm duyệt và sự có mặt của binh lính. Thật khó mà mô tả được vì nước Anh hiện không có những cái làm nên con ác mộng đó. Ở Anh thái độ bất dung chính trị chưa phải là hiện tượng đương nhiên. Những vụ kì thị lật vặt về chính trị dĩ nhiên là có, thí dụ nếu tôi là công nhân mỏ thì tôi không muốn ông chủ biết tôi là đảng viên cộng sản; nhưng khác với châu Âu lục địa, ở Anh hiện tượng “đảng viên trung kiên”, hiện

tượng những ông trùm trong nền chính trị còn là của hiếm; khái niệm “tiêu diệt” hay “loại bỏ” tất cả những người bất đồng ý kiến còn chưa được coi là đương nhiên. Nhưng ở Barcelona thì đây lại là những chuyện đương nhiên. Những người theo phái Stalin đang giữ thế thượng phong, và như thế, những người theo phái Trotskyist bị nguy là đúng rồi. Điều mọi người sợ nhất là sẽ nổ ra một vụ xung đột mới và cũng như trước đây, người ta sẽ lại đổ vấy cho P.O.U.M. và lực lượng vô chính phủ. Nhưng cuối cùng chuyện đó đã không xảy ra. Đôi khi tôi thấy mình dỏng tai nghe xem có tiếng súng không. Dường như thành phố đang bị một thế lực hắc ám đầy sức mạnh nào đó bao phủ vậy. Mọi người đều nhận thấy như thế. Và điều kì lạ là mọi người đều dùng những từ ngữ như nhau để nói về chuyện đó: “Thật kinh khủng. Chẳng khác gì sống trong một nhà thương điên.” Có lẽ tôi không nên nói là mọi người. Một số khách du lịch người Anh, những người chỉ đi từ khách sạn nọ sang khách sạn kia qua khắp nước Tây Ba Nha có vẻ như đã không nhận thấy điều gì bất thường cả. Trên tờ Sunday Express ra ngày 17 tháng 10 năm 1937, bà Haul tước xứ Atholl viết như sau:

Tôi đã đến Valencia, Madrid và Barcelona... Trật tự vẫn được giữ vững trong các thành phố này mà không hề thấy sự hiện diện của lực lượng quân sự. Tất cả các khách sạn mà tôi có dịp dùng chân đều không chỉ “bình thường” và “lịch sự” mà còn cực kì tiện nghi nữa, chỉ hiếm bơ và café thôi.

Đặc điểm của các khách du lịch người Anh là họ thực sự không tin rằng bên ngoài những bức tường của các khách sạn sang trọng kia là một đời sống khác hẳn. Hi vọng là người ta đã tìm được bơ cho bà Haul tước xứ Atholl.

Tôi được đưa tới an dưỡng đường Maurin, một trong những an dưỡng đường do lực lượng P.O.U.M. cai quản. An dưỡng đường này nằm ở ngoại ô, ngay dưới chân dãy núi Tibidabo, một dãy núi có hình thù kì quặc, dựng đứng như một bức tường thành ngay bên ngoài thành phố Barcelona. Truyền thuyết kể rằng quỷ Satan đã đứng trên ngọn núi này và chỉ cho Chúa Jesus vị trí của các nước trên trái đất. Ngôi nhà này trước đây là của một tay tư sản giàu có và đã bị tịch thu trong giai đoạn cách mạng. Đa số người đến đây là các thương phế binh, không thể nào chiến đấu được nữa, thí dụ như bị cụt chân cụt tay. Có cả mấy người Anh: Williams, bị thương ở chân; còn Stafford Cottman, một chàng trai mới có mười tám tuổi thì bị nghi là lao phổi; Arthur Clinton, với cánh tay trái bị thương phải nẹp bằng những cái thanh khá to, người Tây Ban Nha gọi là máy bay. Bà xã nhà tôi vẫn ở lại khách sạn Continental, ban ngày tôi thường trở về Barcelona. Buổi sáng tôi phải đến bệnh viện trung tâm để chạy điện cánh tay bị thương. Cách chữa khá kì quặc - kích thích cơ bắp bằng một loạt xung điện gây tê - nhưng hình như có tác dụng; các ngón tay đã cử động được và đỡ đau hơn. Chúng tôi quyết định tốt nhất là nên quay lại nước Anh ngay khi có điều kiện. Tôi còn yếu lắm, có vẻ như đã mất hẳn giọng nói, còn các bác sĩ thì bảo rằng phải mấy tháng nữa may ra tôi mới phục hồi được sức chiến đấu. Trước sau gì tôi cũng phải nghĩ đến chuyện kiếm tiền, ở lại Tây Ban Nha và ăn những thứ mà người khác đang rất cần là việc làm vô nghĩa. Nhưng động cơ của tôi vẫn chủ yếu là có tính ích kỉ. Tôi muốn rời xa tất cả những thứ này, muốn rời xa không khí nghi ngờ và thù hận chính trị ở đây, rời xa những đường phố đầy lính tráng, những vụ không kích,

những giao thông hào, súng máy, rời xa những đoàn tàu điện rên rĩ, những tách trà không sửa, những món ăn đầy dầu ô liu và cảnh thêm thuốc lá - rời xa tất cả những thứ mà tôi tin là một phần của nước Tây Ban Nha ngày nay.

Các bác sĩ ở bệnh viện trung tâm phát cho tôi giấy chứng nhận thương tật. Nhưng để có giấy xuất ngũ, tôi phải trình diện hội đồng y khoa tại một trong những bệnh viện gần mặt trận và sau đó đến tổng hành dinh của P.O.U.M. ở Sietamo để họ đóng dấu vào giấy tờ của tôi. Kopp vừa trở về từ mặt trận, anh tỏ ra rất phấn chấn. Anh đã tham gia vào chiến dịch và nói rằng quân ta sắp chiếm được Huesca rồi. Chính phủ đã đưa quân từ Madrid tới, quân số lên đến ba mươi ngàn, với rất nhiều máy bay yểm trợ nữa. Các đơn vị người Ý mà tôi nhìn thấy trên đường tới Taragona đã tham gia tấn công vào quốc lộ Jaca, nhưng bị thương vong rất nhiều, mất cả hai chiếc xe tăng. Nhưng Huesca nhất định sẽ thất thủ, Kopp nói như thế. (Lạy chúa tôi! Nó không thất thủ. Cuộc tấn công đã thất bại thảm hại, nếu không kể những trò dối trá trên mặt báo thì chẳng mang lại lợi lộc gì). Trong khi đó Kopp phải đi đến Valencia để gặp người của bộ chiến tranh. Anh có mang theo bức thư giới thiệu của tướng Pozas, chỉ huy tập đoàn quân phương Đông. Ông này giới thiệu Kopp là “người đặc biệt tin cậy” và đề nghị đưa anh vào các đơn vị kĩ thuật (Kopp vốn là kĩ sư). Ngày 15 tháng 6 chúng tôi cùng khởi hành, Kopp đi Valencia, còn tôi đi Sietamo.

Năm ngày sau tôi mới trở lại Barcelona. Chúng tôi tới Sietamo trên một chiếc xe tải vào lúc nửa đêm. Việc đầu tiên khi tới trụ sở của P.O.U.M. là xếp thành hàng, rồi chẳng cần hỏi tên tuổi gì, họ phát ngay súng đạn cho chúng tôi. Có vẻ như sắp bị tấn

công và có thể phải gọi lực lượng dự bị bất cứ lúc nào. Tôi có giấy chứng thương, nhưng không nỡ từ chối tham gia với tất cả mọi người. Tôi nằm xuống đất, đầu gối lên hộp đạn, lòng buồn rười rượi. Vết thương đã làm đầu óc tôi mụ mẫm đi - tôi nghĩ cũng là việc bình thường - và khả năng phải nằm dưới tầm hỏa lực của đối phương làm tôi vô cùng sợ hãi. Nhưng rồi cái ma-nã-na - ngày mai - như thường lệ đã diễn ra và chúng tôi không bị đưa ra mặt trận. Sáng hôm sau tôi mang giấy chứng thương ra trình và xin xuất ngũ. Phải đi qua khá nhiều nơi và làm đủ thứ thủ tục rắc rối, mệt mỏi. Họ đẩy tôi đi hết bệnh viện này đến bệnh viện khác, từ Sietamo qua Barbastro, tới Monzon, rồi quay lại Sietamo để đóng dấu vào giấy chứng thương, sau đó trở về qua ngã Barbastro và Lerida. Toàn bộ phương tiện giao thông đã được trưng dụng cho việc chuyển quân đến mặt trận Huesca, chẳng còn trật tự nào hết. Tôi nhớ đã qua đêm ở những chỗ lạ lùng, khó tưởng tượng nổi - khi thì ngủ trên giường bệnh viện, lúc thì nằm dưới giao thông hào, có hôm lại ngủ trên một chiếc ghế băng hẹp đến mức đang ngủ thì bị rơi xuống đất, còn đến Barbastro thì được ngủ trong nhà tập thể của chính quyền địa phương. Đoạn nào không có đường sắt thì chỉ còn cách đi nhờ xe ô tô tải. Phải đứng đợi hàng tiếng, thậm chí ba bốn tiếng liền; bên cạnh là những người nông dân mệt mỏi, chán chường, tay xách nách mang những bao tải chứa đầy vịt và thỏ, liên tục vẫy tay xin đi nhờ những chiếc xe tải chạy ngang qua. Cuối cùng rồi cũng được một chiếc xe tải nào đó đã lên chặt người với đủ thứ linh kinh như là bánh mì, hòm đạn dừng lại bên đường và cho lên. Chưa có con ngựa nào hất tôi lên cao như những chiếc xe tải này. Chỉ còn cách là ngồi sát và bám chặt vào nhau. Thật

xấu hổ khi tôi phát hiện ra là mình yếu đến nỗi không thể trèo được lên ô tô nếu không có người giúp đỡ.

Tôi ngủ một đêm ở bệnh viện Monzon, hội đồng giám định y khoa nằm trong bệnh viện này. Bên cạnh giường tôi nằm là một chiến sĩ thuộc lực lượng xung kích, bị thương vào trán, phía trên mắt bên trái. Anh ta tỏ ra thân thiện và lấy thuốc lá mời tôi. Tôi bảo: “Chút nữa là chúng ta đã bắn vào nhau ở Barcelona rồi”, và cả hai cùng phá lên cười. Điều thú vị là tình cảm người ta thay đổi khi tiến đến gần mặt trận. Tất cả hay gần như tất cả lòng hận thù mang tính đảng phái đã biến mất, không để lại dấu vết gì. Suốt trong thời gian ở mặt trận tôi chưa bao giờ thấy thành viên nào của P.S.U.C. tỏ thái độ thù địch với tôi chỉ vì tôi là quân của P.O.U.M. Thái độ chỉ có ở Barcelona hay ở những khu vực cách xa mặt trận. Ở Sietamo có rất nhiều lính xung kích. Họ được đưa từ Barcelona tới để tham gia tấn công vào Huesca. Về nguyên tắc, lực lượng xung kích không dùng để đánh nhau, nhiều người còn chưa ra trận lần nào. Họ là những ông tướng trên các đường phố ở Barcelona, nhưng ở đây họ chỉ là bọn lính mới tò te, bị cả những chú nhóc mới mười lăm tuổi, nhưng đã có thâm niên mặt trận vài tháng, nhìn bằng nửa con mắt.

Tay bác sĩ ở Monzon cũng vẫn làm những động tác như kéo lưỡi ra và đưa chiếc gương nhỏ vào miệng tôi rồi vui vẻ khẳng định rằng tôi sẽ không bao giờ nói bình thường được nữa. Sau đó ông ta kí giấy chứng nhận. Trong khi tôi chờ khám thì trong phòng phẫu thuật người ta thực hiện một ca mổ mà không có thuốc gây mê. Tôi không biết tại sao lại không gây mê. Ca mổ kéo dài rất lâu, bệnh nhân kêu thét vang trời. Khi tôi ghé vào phòng mổ thì thấy ghế đổ ngổ ngang, trên nền máu và nước

đái đọng thành từng vũng.

Những chi tiết của chuyến đi cuối cùng vẫn còn in đậm trong kí ức của tôi. Tôi đã có một tâm trạng khác, tôi chú ý quan sát hơn là mấy tháng trước đó. Tôi đã được giải ngũ, có dấu của sư đoàn 29 và giấy chứng thương của bác sĩ, nói rằng “tôi là phế binh”. Tôi được tự do trở về Anh, và vì vậy mà gần như đây là lần đầu tiên tôi có cơ hội ngắm nhìn lại Tây Ban Nha. Tôi có một ngày đi dạo ở Barbastro vì mỗi ngày chỉ có một chuyến tàu đi qua thành phố này. Trước đây tôi chỉ được nhìn lướt qua thành phố và đối với tôi, nó chỉ đơn giản là một phần của cuộc chiến tranh - tất cả đều một màu xám ngoét, bùn lầy, lạnh lẽo và tiếng gầm rú của những chiếc xe tải, tiếng bước chân của những đoàn quân. Nhưng bây giờ mọi sự đều đã khác. Trong khi đi dạo quanh thành phố tôi đã phát hiện ra những con đường ngoằn ngoèo dễ thương, những chiếc cầu đá cũ, những cửa hàng rượu vang với những thùng rượu cao ngang đầu người và tò mò đứng ngắm những người thợ thủ công bên vỉa hè đang làm những chiếc bánh xe bò, những con dao găm, những chiếc thìa bằng gỗ và những chiếc bình đựng nước làm bằng da dê. Tôi nhìn người người thợ làm bình đựng nước bằng da dê và phát hiện ra một điều cực kì thú vị là họ lộn phần lông, chưa hề cạo vào bên trong, hoá ra là người ta uống nước ngâm với lông dê. Tôi đã uống nước đó hàng tháng liền mà không biết. Sát ngoại ô thành phố có một con suối rất nông, nước màu xanh biếc. Một tảng đá lớn với những ngôi nhà đục trong đá đứng sừng sững giữa dòng nước. Có thể nhỏ thẳng từ cửa sổ các ngôi nhà nằm trên độ cao chừng ba mươi mét đó xuống dòng suối bên dưới. Rất nhiều chim bồ câu sống trong vách đá. Ở Lerida

tôi còn trông thấy những ngôi nhà đổ nát mà dưới mái hiên có hàng ngàn tổ én, cái nhô ra cái thụt vào, đứng gần trông như những hoa văn trang trí thời Rococo vậy. Điều kì lạ là suốt sáu tháng qua tôi đã không để ý đến những thứ như thế. Bây giờ, sau khi có tờ giấy xuất ngũ trong tay, tôi mới lại cảm thấy mình là một con người, thậm chí còn có vẻ như là một lữ khách nữa. Đây gần như là lần đầu tiên tôi cảm thấy mình thực sự đang ở Tây Ban Nha, đất nước mà tôi suốt đời mong ước được tới thăm. Khi dạo bước trên những con phố nhỏ yên tĩnh ở Lerida và Barbastro, trong đầu tôi bỗng hiện lên hình ảnh của nước Tây Ban Nha xưa cũ, những hình ảnh mà qua những lời đồn đại vẫn sống trong trí tưởng tượng của mỗi chúng ta. Đây là những dãy núi đá lởm chởm màu trắng, những đàn dê, những nhà ngục tối tăm của toà án giáo hội, những toà lâu đài của người Moor, những đàn la chỏ hàng màu đen đi thành hàng dài ngoằn ngoèo, những hàng cây ô liu màu xám và những vườn chanh, những cô gái choàng khăn đen, rượu vang vùng Malaga và Alicante, những giáo đường, những vị hồng y giáo chủ, những trận đấu bò tót, những người Di Gan và dạ khúc - tóm lại là nước Tây Ban Nha. Trong tất cả các nước châu Âu thì đây là nước kích thích trí tưởng tượng của tôi nhiều nhất. Chỉ đáng tiếc là, cuối cùng, khi có điều kiện tới đây thì tôi lại chỉ nhìn thấy mỗi cái góc đông bắc nhỏ hẹp này, giữa thời buổi chiến tranh và trong mùa đông giá nữa.

Đêm đã khuya tôi mới về đến Barcelona. Ở đây không có taxi mà an dưỡng đường Maurín lại nằm ở ngoại ô thành phố cho nên tôi đi đến khách sạn Continental để ăn tối trước khi đi tiếp. Tôi nhớ đã nói chuyện với một người hầu bàn hiền hậu về

những cái bình gỗ sồi viền đồng đựng bia để rót cho khách. Tôi nói muốn mua một bộ để mang về Anh. Người hầu bàn tỏ vẻ thông cảm và nói: “Vâng, đẹp phải không? Nhưng hiện không thể nào mua được. Không ai làm nữa, không ai làm bất cứ thứ gì nữa. Chiến tranh - tiếc quá!” Chúng tôi đồng ý rằng chiến tranh là đáng tiếc. Tôi lại cảm thấy mình là một lữ khách. Người hầu bàn thân mật hỏi tôi có thích Tây Ban Nha không, có trở lại Tây Ban Nha nữa không? Có, tôi sẽ trở lại Tây Ban Nha. Câu chuyện đầy tinh thần hữu hảo này bám chặt vào trí nhớ của tôi vì nó trái ngược hẳn với những gì diễn ra ngay sau đó.

Vừa bước vào khách sạn tôi đã nhìn thấy bà xã ngồi trong tiênsảnh. Cô ấy đứng dậy và tiến về phía tôi với dáng vẻ rất điềm tĩnh, rồi cô đưa tay choàng lấy cổ tôi và quay sang những người trong phòng với một nụ cười dịu dàng nhất nhưng lại ghé sát vào tai tôi:

“Ra ngay!”

“Sao cơ?”

“Ra khỏi đây ngay!”

“Sao cơ?”

“Đừng đứng ở đây nữa! Anh phải đi ra khỏi đây ngay lập tức!”

“Cái gì? Tại sao? Em định nói gì?”

Cô cầm lấy tay tôi và dẫn ra phía cầu thang. Trên đường đi xuống chúng tôi gặp một người Pháp, tôi sẽ không nói tên vì tuy không liên quan với P.O.U.M. nhưng anh đã giúp chúng tôi rất nhiều trong suốt giai đoạn khó khăn đó. Anh nhìn tôi với nét mặt đầy băn khoăn.

“Nghe đây! Anh không được đến đây. Đi ngay, trốn mau trước khi họ kịp báo cảnh sát.”

Trời đất! vừa đi tới chân cầu thang thì có một nhân viên khách sạn hốt hơi hốt hải lao từ trong thang máy ra, anh này cũng là thành viên P.O.U.M. (nhưng có lẽ ban giám đốc khách sạn không biết, tôi đoán thế), anh ta bảo tôi phải đi ngay. Đến lúc đó tôi vẫn chưa hiểu đã xảy ra chuyện gì.

“Có chuyện gì quái gì thế?”, tôi hỏi, sau khi cả hai đã ra đến hè phố.

“Anh chưa nghe thấy gì sao?”

“Chưa. Chuyện gì? Chưa nghe nói gì hết”

“P.O.U.M. đã bị cấm. Họ đã chiếm hết các toà nhà. Hầu như tất cả đều đã bị bắt. Người ta bảo rằng đã tử hình một số người rồi.”

Thế đấy. Phải tìm một chỗ nào đó để nói chuyện. Tất cả các quán café trên đường Ramblas đã đầy cảnh sát, nhưng chúng tôi cũng tìm được một quán café yên tĩnh trên một con hẻm. Bà xã vội vàng kể cho tôi nghe những chuyện đã xảy ra ở đây trong thời gian tôi đi vắng.

Ngày 15 tháng 6 cảnh sát bắt ngờ xông vào bắt Andrés Nin ngay trong văn phòng làm việc của ông, chiều hôm đó thì bố ráp khách sạn Falcón và bắt tất cả những người có mặt trong đó, đa số là dân quân đang nghỉ phép. Người ta lập tức biến toà nhà thành nhà tù và chẳng bao lâu sau đã chật cứng tù nhân đủ mọi loại. Ngày hôm sau người ta tuyên bố P.O.U.M. là tổ chức bất hợp pháp và tất cả các văn phòng, các cửa hàng sách báo, nhà nghỉ, trung tâm chữ thập đỏ ... đều bị đóng cửa hết. Trong khi đó họ cũng bắt giữ tất cả những người từng có liên hệ với P.O.U.M. Trong vòng một đến hai ngày tất cả hay gần như tất cả bốn mươi Ủy viên ban chấp hành đều bị bắt giam. Có thể là một

hoặc hai uỷ viên đã trốn được, nhưng cảnh sát đã áp dụng một biện pháp đơn giản (cả hai phía tham gia cuộc chiến này vẫn thường xuyên sử dụng biện pháp này) là bắt vợ người đó làm con tin. Không thể nào biết được có bao nhiêu người đã bị bắt. Bà xã nhà tôi nghe nói rằng chỉ riêng ở Barcelona đã có bốn trăm người rồi. Tôi nghĩ rằng ngay cả lúc đó số người bị bắt đã lớn hơn rất nhiều. Họ bắt mà chẳng cần phân biệt gì hết. Thậm chí có trường hợp cảnh sát còn bắt cả những thương binh đang điều trị trong bệnh viện.

Tôi cảm thấy chán nản vô cùng. Sao thế nhỉ? Cấm P.O.U.M. thì tôi có thể hiểu được, nhưng vì sao lại bắt người? Chẳng có lí do gì cả. Chắc là việc cấm P.O.U.M. đã có hiệu lực hồi tố, tức là hiện nay P.O.U.M. bị coi là bất hợp pháp và vì vậy mà tất cả các thành viên của nó đều bị coi là tội phạm. Thường thì chẳng có ai bị khởi tố hết. Trong khi đó, báo chí cộng sản ở Valencia chạy những hàng tít với những câu chuyện về “một âm mưu của bọn phát xít”, về việc liên lạc bằng sóng vô tuyến với quân thù, về những tập tài liệu được viết bằng mực hoá học..v.v.. và ..v.v.. Chuyện này tôi đã kể rồi. Đặc biệt là chuyện này chỉ xuất hiện trên báo chí ra ở Valencia mà thôi. Tôi nghĩ sẽ không sai khi nói rằng báo chí ở Barcelona - dù là cộng sản, vô chính phủ hay cộng hoà - không nói một lời nào về việc cấm P.O.U.M. hoặc âm mưu nọ kia. Không phải báo chí Tây Ban Nha mà là báo chí xuất bản ở Anh được đưa đến Barcelona sau đó một hai ngày đã cung cấp cho độc giả cáo trạng chống lại những nhà lãnh đạo P.O.U.M. Lúc đó chúng tôi cũng không biết rằng chính phủ Tây Ban Nha không phải là người đưa ra cáo trạng về tội phản bội hay gián điệp, sau này chính các thành viên chính phủ đã phủ

nhận những cáo trạng như thế. Chúng tôi chỉ biết một cách mờ mờ rằng các nhà lãnh đạo của P.O.U.M. và có thể là tất cả chúng tôi đều bị kết tội là nhận tiền của bọn phát xít. Có tin đồn là tù nhân đã bị lén lút tử hình ngay trong nhà giam. Nhiều vụ đã bị thổi phồng, nhưng chắc chắn là đã có một vài trường hợp như thế. Nin là trường hợp khó có thể nghi ngờ được. Sau khi bị bắt, Nin được giải về Valencia, sau đó đến Madrid và ngày 21 tháng 6 thì có tin đồn ở Barcelona là ông đã bị bắn. Sau này người ta còn nói cụ thể hơn: Nin đã bị cảnh sát mật bắn chết trong tù rồi vứt xác ra đường. Nhiều người, kể cả Federico Montsenys, một cựu quan chức chính phủ đã nói như thế. Từ đó đến nay không thấy ai nói rằng Nin còn sống nữa. Sau này, khi bị các đoàn đại biểu ngoại quốc khác nhau chặn vấn, chính phủ đã tìm cách chối quanh và thường bảo rằng Nin đã biến mất và họ không biết ông đang ở đâu. Một vài tờ báo còn bịa chuyện nói rằng ông đã trốn sang vùng phát xít kiểm soát. Không có bằng chứng nào như thế cả, còn Irujo, bộ trưởng Bộ tư pháp thì tuyên bố rằng hãng thông tấn Tây Ban Nha đã xuyên tạc bản thông cáo chính thức của ông ta. Dù gì thì gì, một người tù quan trọng như Nin khó mà có cơ hội đào thoát. Tôi nghĩ ông đã bị giết trong tù.

Số vụ bắt bớ ngày càng gia tăng, bắt bớ kéo dài mấy tháng liền, cho đến khi con số người bị bắt lên đến mấy ngàn, đấy là chưa kể những tên phát xít bị bắt giam từ trước. Điều đặc biệt dễ nhận ra là sự lộng hành của cảnh sát cấp dưới. Nhiều người bị bắt một cách phi pháp, một số người được thả theo lệnh của cảnh sát trưởng đã bị bắt lại ngay ở cửa trại giam và bị đưa đến các “nhà tù bí mật”. Điển hình là trường hợp của vợ chồng Kurt Landau. Họ bị bắt vào khoảng ngày 17 tháng 6, Landau “biến

mất” ngay sau đó. Năm tháng sau người vợ vẫn còn bị giam giữ, không có án mà cũng chẳng nhận được tin tức gì của chồng. Bà tuyên bố tuyệt thực, lúc đó bộ trưởng bộ tư pháp mới gửi thư cho bà, nói rằng chồng bà đã chết. Bà được thả ngay lập tức, nhưng cũng ngay lập tức lại bị bắt giam và tống vào ngục. Rõ ràng là, cảnh sát, chí ít là trong thời gian đầu, chẳng thêm quan tâm tới hệ quả của những hành động của họ đối với cuộc chiến. Họ sẵn sàng bắt giam các sĩ quan quân đội đang giữ trọng trách mà không cần lệnh của ai hết. Khoảng cuối tháng 6, José Rovira, tướng chỉ huy sư đoàn 29, bị một nhóm cảnh sát từ Barcelona tới bắt ngay gần chiến tuyến. Các chiến sĩ dưới quyền ông đã cử đoàn đại biểu đến tận Bộ chiến tranh để phản đối. Hoá ra cả bộ trưởng bộ chiến tranh lẫn cảnh sát trưởng đều không nhận được báo cáo về vụ bắt giữ Rovira. Tuy có thể không phải là chi tiết đặc biệt quan trọng nhưng điều làm tôi day dứt hơn cả là các đơn vị ngoài mặt trận không hề hay biết gì về tất cả các sự kiện nói trên. Không có ai ngoài mặt trận biết rằng P.O.U.M. đã bị cấm hoạt động. Tất cả các sở chỉ huy dân quân, các trung tâm chữ thập đỏ của P.O.U.M. và các cơ quan khác vẫn hoạt động bình thường và cho đến tận ngày 20 tháng 6 ở Lerida, cách Barcelona khoảng 160 km, vẫn không ai nghe nói đến những sự kiện đang diễn ra ở đây. Báo chí ở Barcelona không hề viết một chữ nào về những vụ bắt bớ (báo chí xuất bản ở Valencia với những câu chuyện bịa đặt về hoạt động gián điệp của P.O.U.M. không tới được mặt trận Aragon) và chắc chắn là một trong những lí do bắt giữ tất cả các dân quân P.O.U.M. đang nghỉ phép ở Barcelona là để họ không thể đưa tin ra mặt trận. Lực lượng tăng cường mà tôi đi cùng hôm 15 tháng 6 chắc

chấn là đơn vị cuối cùng. Tôi vẫn suy nghĩ nát óc không hiểu họ làm thế nào mà giữ được bí mật, trong khi xe vận tải và những loại xe cộ khác vẫn đi đi về về; nhưng không nghi ngờ gì rằng vẫn giữ được bí mật và sau này nhiều người nói với tôi rằng mấy ngày sau những người ở mặt trận vẫn không hay biết gì. Động cơ thì đã rõ. Cuộc tấn công vào Huesca đã bắt đầu, mà P.O.U.M. vẫn là đơn vị riêng biệt, có thể người ta sợ rằng nếu dân quân P.O.U.M. biết thì họ sẽ không chịu chiến đấu nữa. Nhưng trên thực tế, khi tin tức đến được mặt trận thì những chuyện như thế đã không xảy ra. Trong những ngày đó chắc chắn là có nhiều chiến sĩ đã hi sinh mà không biết rằng báo chí ở hậu phương đã gọi họ là quân phát xít. Đây là điều khó có thể tha thứ. Tôi biết là người ta thường không cho quân sĩ biết những tin thất thiệt, nguyên tắc này cũng có thể chấp nhận được. Nhưng đưa người ta ra mặt trận mà lại không nói cho người ta biết rằng ở hậu phương đảng của người ta đang bị đàn áp, lãnh đạo của họ bị kết tội phản bội, bạn bè và người thân của người ta bị tổng giam, thì lại là chuyện khác được.

Bà xã bắt đầu kể cho tôi nghe về mấy người bạn của mình. Một vài người Anh và người ngoại quốc khác đã kịp thời vượt biên rồi. Williams và Stafford Cottman đã trốn thoát khi an dưỡng đường Maurín bị bố ráp và đang lẩn trốn ở đâu đó. John McNair cũng đã bỏ trốn, anh này đã sang Pháp nhưng lại quay về Tây Ban Nha sau khi P.O.U.M. bị coi là tổ chức bất hợp pháp. Mạo hiểm đấy, nhưng anh không thể sống trong cảnh thanh bình khi các đồng chí của mình gặp nguy hiểm. Còn những người khác thì chỉ đơn giản là: “Họ đã bắt trong hoàn cảnh như thế, như thế.” Có vẻ như họ đã bắt được tất cả mọi người rồi.

Nhưng việc họ bắt George Kopp đã làm tôi choáng váng.

“Sao? Cả Kopp nữa à? Anh nghĩ là anh ta ở Valencia?”

Hoá ra là Kopp đã quay lại Barcelona với một bức thư của bộ chiến tranh gửi cho viên đại tá chỉ huy các đơn vị kĩ thuật ở mặt trận phía đông. Anh biết là P.O.U.M. đã bị cấm hoạt động, dĩ nhiên là như thế, nhưng có thể anh không nghĩ rằng cảnh sát lại ngu đến mức bắt người đang trên đường ra mặt trận để thi hành một nhiệm vụ quân sự cấp bách. Anh ghé vào khách sạn Continental để lấy ba lô, lúc đó vợ tôi đang đi vắng, nhân viên khách sạn tìm cách giữ chân anh cho đến khi cảnh sát tới. Tin Kopp bị bắt làm tôi tức điên lên được. Anh là bạn của tôi, anh là người chỉ huy của tôi suốt mấy tháng liền. Chúng tôi đã ở bên nhau dưới làn đạn của quân thù và tôi biết khá nhiều chuyện về anh. Anh là người đã hi sinh tất cả - gia đình, tổ quốc, đời sống tiện nghi - để đến Tây Ban Nha nhằm chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít. Bí mật rời khỏi nước Bỉ và tham gia quân đội nước ngoài trong khi anh đang là lực lượng trụ bị của Bỉ, và trước đó anh đã giúp đỡ bí mật sản xuất vũ khí cho chính phủ Tây Ban Nha, nếu một mai Kopp trở về cố quốc thì đây sẽ là những tội lỗi phải trả giá bằng nhiều năm tháng tù đầy. Anh đã ra trận từ tháng 10 năm 1936 và đã tiến từ một dân quân bình thường lên đến cấp bậc thiếu tá, tôi không biết anh đã chiến đấu trong bao lâu, nhưng đã có lần bị thương. Trong những vụ lộn xộn hồi tháng 5, chính mắt tôi đã nhìn thấy Kopp đứng ra ngăn cản một vài vụ nổ súng trong khu vực và như vậy là anh đã cứu sống từ mười đến hai mươi người. Họ đã trả công bằng cách tống anh vào tù. Tức giận chỉ làm mất thì giờ, nhưng ngu đến mức như thế thì khó ai có thể bình tĩnh được.

Họ vẫn chưa bắt bà xã nhà tôi. Mặc dù cô ấy vẫn ở trong khách sạn Continental nhưng cảnh sát chưa động tới. Chắc chắn là họ đang dùng cô làm một cái bẫy. Cách đây vài ngày, khi trời vẫn còn chưa sáng hẳn, có sáu cảnh sát mặc thường phục xông vào phòng của chúng tôi thuê trong khách sạn. Họ lục soát và lấy đi tất cả giấy tờ, may là họ còn để lại hộ chiếu và sổ tín dụng. Họ tịch thu tất cả các cuốn nhật kí, tất cả sách vở của tôi; cả những mẫu báo cắt từ những tờ báo ra cách đây mấy tháng (tôi không biết họ lấy để làm gì), cả những vật kỉ niệm chiến trường và thư từ của chúng tôi họ cũng không tha. (Cảnh sát tịch thu cả những bức thư của độc giả gửi cho tôi. Có một số bức tôi chưa kịp hồi âm, và dĩ nhiên là tôi cũng không có địa chỉ người gửi. Không hiểu những người đã viết cho tôi về cuốn sách mới ra gần đây của tôi mà không nhận được hồi âm, khi đọc những dòng này có coi đây là là lời tạ lỗi hay không?) Sau này tôi mới biết rằng cảnh sát còn tịch thu cả những thứ tôi bỏ lại ở an dưỡng đường Maurín nữa. Họ mang đi cả những tấm vải trải giường đã bẩn. Có lẽ họ nghĩ rằng trên đó có những bức thư viết bằng mực hoá học.

Bà xã nhà tôi cứ ở lại khách sạn thì sẽ an toàn hơn, ít nhất là trong giai đoạn hiện nay. Nếu cô có ý định đi khỏi đây thì họ sẽ theo dõi ngay. Còn tôi thì phải trốn cho mau. Viễn cảnh quả là ngán ngấm. Mặc dù đã có vô số vụ bắt bớ, tôi vẫn không thể tin là mình đang gặp nguy hiểm. Tất cả đều có vẻ quá nhảm nhí. Chính vì không chịu cân nhắc một cách nghiêm túc những vụ bắt bớ ngu ngốc này mà Kopp đã bị tống vào tù. Nhưng tôi tự hỏi vì sao người ta lại muốn bắt tôi? Mình phải làm gì bây giờ? Tôi không chỉ là thành viên của P.O.U.M. Đúng là trong thời

gian diễn ra những vụ xung đột hồi tháng 5 tôi đã mang súng, nhưng lúc đó có chừng bốn năm chục ngàn người mang súng như tôi. Ngoài ra, tôi buồn ngủ quá rồi. Tôi định đi vào khách sạn đánh một giấc, nhưng bà xã nhất định không chịu. Cô đã nhẫn nại giải thích cho tôi toàn bộ tình hình. Vấn đề không phải là tôi đã làm hay không làm một việc gì đó. Vấn đề không phải là sẵn lòng tội phạm mà là chế độ khủng bố. Tôi không có tội gì ngoài tội theo phái Trotskyist. Chỉ một việc là chiến đấu trong hàng ngũ dân quân P.O.U.M. cũng đủ để người ta bắt giam tôi rồi. Bám vào khái niệm của nước Anh - người không phạm pháp là người vô tội - là việc làm vô ích. Ở đây, luật pháp là do cảnh sát quyết định. Chỉ còn cách là đi trốn và xóa sạch dấu vết liên hệ với P.O.U.M. Chúng tôi xem lại tất cả giấy tờ đang giữ trong túi áo. Bà xã bắt tôi phải xé thẻ quân nhân có chữ P.O.U.M. in to bên trên, xé tấm ảnh chụp mấy chiến hữu trên nền lá cờ P.O.U.M.; đấy là những thứ mà hôm nay có thể đưa người ta vào tù. Nhưng tôi phải giữ lại giấy chứng nhận xuất ngũ. Mặc dù trên những tờ giấy này có đóng dấu của sư đoàn 29, mà cảnh sát có thể biết rằng sư 29 là quân của P.O.U.M., nhưng nếu không mang theo những giấy tờ này thì tôi lại có thể bị bắt vì tội đào ngũ.

Bây giờ phải nghĩ cách chuồn khỏi Tây Ban Nha. Trước sau gì cũng vào tù thì ở lại đây là việc làm vô nghĩa. Sự thật là cả hai chúng tôi đều rất muốn ở lại, đơn giản để xem sẽ xảy ra chuyện gì. Tôi biết là nhà tù Tây Ban Nha thật là kinh khủng (nhưng trên thực tế còn tệ hơn tôi tưởng tượng nhiều), đã vào tù thì sẽ không biết bao giờ ra, mà tôi thì đang rất yếu, đấy là chưa nói cánh tay lại đang bị đau. Chúng tôi hẹn gặp lại nhau ở lãnh

sự quán Anh vào ngày hôm sau, Cottman và McNair cũng sẽ đến đó. Có thể phải mất vài ngày mới thu xếp xong hộ chiếu. Trước khi rời Tây Ban Nha, cần phải xin được dấu ở ba nơi khác nhau, đây là văn phòng cảnh sát trưởng, lãnh sự quán Pháp và cơ quan xuất nhập cảnh Catalonia. Văn phòng cảnh sát trưởng dĩ nhiên là chỗ nguy hiểm rồi. Nhưng chúng tôi hi vọng là lãnh sự Anh có thể giải quyết được mà không để lộ mối liên hệ của chúng tôi với P.O.U.M. Chắc chắn là cảnh sát có danh sách những người ngoại quốc bị nghi là theo phái Trotskyist và có nhiều khả năng là chúng tôi có tên trong bản danh sách này, nhưng nếu gặp may thì chúng tôi có thể ra khỏi biên giới trước khi người ta lập xong danh sách. Ở đây mọi thứ bao giờ cũng lộn xộn và bẽ trễ lắm. Đây là Tây Ban Nha chứ không phải Đức. Cảnh sát mật Tây Ban Nha cũng tương tự như Gestapo nhưng năng lực thì kém xa.

Chúng tôi chia tay nhau. Bà xã quay lại khách sạn, còn tôi lang thang trong bóng đêm để tìm chỗ ngủ. Buồn bã và chán nản vô cùng. Chỉ muốn có một cái giường để ngã lưng! Không biết đi đâu, không biết trốn vào đâu. Thực tế là P.O.U.M. không có các tổ chức bí mật. Chắc là các nhà lãnh đạo của nó đã nghĩ đến khả năng bị cấm đoán, nhưng không bao giờ họ lại nghĩ là đàn áp sẽ biến thành vụ săn lùng phù thủy triệt để đến như thế. Quả thật là họ không nghĩ như thế, cho nên đến tận ngày bị đặt ra ngoài vòng pháp luật họ vẫn còn tiếp tục cải tạo những toà nhà do P.O.U.M. chiếm giữ (trong đó có việc dựng một rạp chiếu phim trong toà nhà dùng làm văn phòng của P.O.U.M.). Kết quả là P.O.U.M. không có những điểm hẹn và những nơi ẩn náu bí mật mà đương nhiên đảng cách mạng nào cũng phải

có. Chỉ có trời mới biết có bao nhiêu người - những người mà nhà ở đang bị cảnh sát lục soát - phải ngủ ngoài trời đêm nay. Tôi đã trải qua một cuộc hành trình vất vả dài suốt năm ngày, đã qua đêm ở những chỗ khó tưởng tượng nhất, cánh tay thì nhức buốt không thể nào chịu nổi, thế mà bọn ngu ngốc đó lại đang sẵn lòng tôi và tôi sẽ lại phải nằm ngủ ngoài đường. Đầu óc chỉ quanh quẩn những chuyện như thế. Không còn sức đâu để nghĩ đến chính trị chính em nữa. Đây là cách phản ứng của tôi. Tôi nhận thấy là khi bị dính líu vào chuyện chiến tranh hay chính trị là y như rằng bao giờ tôi cũng chỉ nghĩ đến những thiếu thốn về mặt vật chất và chỉ mong sao cho những chuyện vô nghĩa khốn nạn đó chấm dứt cho mau mà thôi. Sau này tôi có thể đánh giá được tầm quan trọng của những sự kiện đó, nhưng khi chúng đang diễn ra thì tôi lại chỉ muốn tránh cho xa. Thái độ tiểu nhân, có thể như thế lắm.

Tôi đi khá xa và đã đến gần khu vực bệnh viện trung tâm. Tôi muốn tìm một chỗ ngủ lưng mà không sợ bị cảnh sát đến hỏi giấy tờ. Tôi đã thử chui vào một hầm trú ẩn, nhưng đây là cái hầm mới, tường còn ẩm ướt lắm. Tôi tìm được một ngôi nhà thờ đổ, trong những ngày cách mạng ngôi nhà thờ này bị cướp và đốt sạch. Chỉ còn cái vỏ với bốn bức tường, không có mái, xung quanh đầy gạch vụn. Quờ quạng mãi trong bóng đêm tôi mới tìm thấy một chỗ như cái hang để nằm. Gạch vụn đâm vào lưng rất khó chịu nhưng may mà trời ấm và tôi đã ngủ được mấy tiếng.

Đối với những người bị cảnh sát truy nã ở những thành phố như Barcelona thì khó chịu nhất là các cửa hàng, cửa hiệu đều mở rất muộn. Khi phải ngủ ở ngoài đường, bao giờ người ta cũng dậy ngay từ lúc rạng đông, nhưng ở đây không có quán café nào mở cửa trước chín giờ sáng. Phải mấy tiếng đồng hồ sau tôi mới cạo được râu hay uống được một li café. Những bức tranh cổ động của phe vô chính phủ treo trên tường hiệu cắt tóc, bảo cấm đưa tiền lót tay, giờ trông thật khôi hài. “Cách mạng đã chặt đứt gông xiềng”, tranh cổ động viết như thế. Tôi chỉ muốn nói với người thợ cắt tóc rằng nếu họ không cẩn thận thì chẳng bao lâu nữa gông xiềng sẽ lại quay về mất thôi.

Tôi đi lang thang về phía trung tâm thành phố. Cờ đỏ đã bị gỡ khỏi những toà nhà của P.O.U.M., thay vào đó là cờ của chính phủ cộng hoà, lính gác của lực lượng bảo vệ vũ trang thấp thoáng bên trong. Cửa sổ toà nhà hội chữ thập đỏ trên quảng trường Cataluna gần như không còn một tấm kính nào. Cảnh sát đã đập hết, để mua vui. Các quán sách báo của P.O.U.M. sạch trơn, không còn cuốn nào, trên tấm biển quảng cáo đối diện với phố Ramblas có một bức biếm họa - P.O.U.M. mang một cái mặt nạ, đằng sau là mặt của một tên phát xít. Khi đi đến cuối phố Ramb-

las, tức là sát bờ biển, tôi bắt gặp một cảnh tượng kì lạ: một đám dân quân rách rưới, bẩn thiu, mệt mỏi, ngồi đợi trên những chiếc ghế ngay trước hiệu đánh giày. Tôi biết họ là ai rồi, thậm chí còn nhận ra cả một người quen nữa. Đây là những dân quân của P.O.U.M., những người mới rời mặt trận ngày hôm trước, nhưng nay P.O.U.M. đã bị cấm hoạt động. Họ phải ngủ ngoài đường vì nhà đã bị lục soát. Dân quân của P.O.U.M. trở về Barcelona vào thời gian đó chỉ có hai lựa chọn: chạy trốn hoặc vào tù. Cảnh đón tiếp chẳng lấy gì làm thú vị, nên nhớ rằng trước đó họ đã ở ngoài mặt trận ba bốn tháng liền.

Chúng tôi rơi vào một hoàn cảnh thật là chó đẻ. Ban đêm chúng tôi phải lẩn trốn, nhưng ban ngày có thể sống một cách bình thường. Tất cả những ngôi nhà có người ủng hộ P.O.U.M. cư trú cũng đều bị theo dõi, hoặc có vẻ như bị theo dõi. Vào khách sạn hay nhà nghỉ cũng không được vì chủ nhà được lệnh khi có người lạ phải báo ngay cho cảnh sát. Trên thực tế, điều đó có nghĩa là chỉ còn cách ngủ ngoài đường. Nhưng với thành phố cỡ như Barcelona, ban ngày lại khá an toàn. Ngoài đường đầy bảo vệ vũ trang, lực lượng xung kích, cảnh sát vũ trang cũng như cảnh sát thường; rồi chỉ có Trời mới biết có bao nhiêu mật vụ mặc thường phục đang lẩn lộn khắp nơi. Nhưng họ không thể hỏi giấy tờ tất cả mọi người được và người bình thường có thể vẫn thoát được sự dòm ngó của họ. Chỉ cần tránh xa những toà nhà của P.O.U.M. và không được đến các quán café hay khách sạn mà nhân viên biết rõ mặt mình là được. Tôi ngồi trong nhà tắm công cộng gần suốt ngày hôm đó cũng như ngày hôm sau. Đây là cách giết thì giờ hữu hiệu mà lại không bị người ta để ý. Không may là nhiều người cũng nghĩ

như thế và mấy ngày sau - đây là nói khi tôi đã rời Barcelona rồi - cảnh sát đã bố ráp một nhà tắm công cộng và bắt được khá nhiều thành viên nhóm Trotskyist trong tình trạng khoả thân.

Đang đi trên phố Ramblas thì tôi bắt gặp một thương binh từng nghỉ ở an dưỡng đường Maurín. Chúng tôi nháy mắt ra hiệu cho nhau, lúc đó người ta vẫn chào nhau như thế, và tìm cách gặp được nhau trong một quán café cũng nằm trên con phố này. Anh đã chạy thoát khi cảnh sát bố ráp an dưỡng đường Maurín; nhưng, cũng như những người khác, anh trở thành kẻ vô gia cư. Anh chỉ có mỗi một chiếc áo sơ mi - phải vắt lại cả áo vét khi bỏ chạy - túi không có xu nào. Anh kể cho tôi nghe lính bảo vệ vũ trang đã giật bức chân dung khá lớn của Maurín vẫn treo trên tường toà nhà và xéo nát như thế nào. Maurín (một trong những người sáng lập P.O.U.M.) bị bọn phát xít bắt và người ta tin rằng lúc đó ông đã bị chúng giết rồi.

Tôi gặp bà xã ở lãnh sự quán Anh vào lúc mười giờ sáng. McNair và Cottman cũng đến ngay sau đó. Họ nói rằng Bob Smillie đã chết. Anh chết trong nhà tù ở Valencia, còn vì sao thì không ai biết. Người ta đem anh đi chôn ngay, David Marray, đại diện của I.L.P. tại địa phương, cũng không được nhìn thấy xác của anh.

Dĩ nhiên tôi nghĩ ngay là chúng đã bắn chết Smillie. Lúc đó mọi người đều nghĩ như thế. Nhưng bây giờ tôi cho rằng có thể mình đã lầm. Sau này người ta nói rằng anh chết là do ruột thừa, một tù nhân được thả sau đó nói rằng Smillie đã bị ốm. Cho nên câu chuyện về bệnh ruột thừa có thể là đúng. Còn việc Murray không được nhìn thấy xác của Smillie có thể chỉ vì ác ý mà thôi. Bob Smillie mới có hai mươi hai tuổi, anh là một trong những

những người khoẻ nhất mà tôi từng gặp. Tôi nghĩ anh là người duy nhất, kể cả người Anh lẫn người Tây Ban Nha, đã ở chiến hào suốt ba tháng liền mà không bị ốm ngày nào. Những người khoẻ mạnh như thế ít khi chết vì bệnh ruột thừa, đấy là nói nếu được chăm sóc tử tế. Nhưng nếu nhìn thấy nhà tù Tây Ban Nha - nhà tù thường phạm được cải tạo lại để giam chính trị phạm - thì không ai còn nghĩ rằng người bệnh được chăm sóc tử tế nữa. Có thể coi những nhà tù này là ngục tối thời trung cổ. Phải quay lại thế kỉ XVIII mới tìm được những nhà tù kiểu như thế ở Anh. Nhiều người bị lèn vào những phòng chật hẹp, đến nỗi không có chỗ mà nằm, đấy thường là các tầng hầm hoặc những chỗ tối tăm khác. Đây không phải là những biện pháp tạm thời, có người bị giam trong những phòng hầu như không có ánh sáng suốt năm sáu tháng liền. Thức ăn thì bẩn và thiếu: hai bát súp với hai mẩu bánh mì mỗi ngày. (Sau đó vài tháng thức ăn có vẻ như đã được cải thiện một chút). Tôi không nói ngoa, độc giả nào không tin xin cứ hỏi những người đã từng ngồi tù ở Tây Ban Nha thì sẽ biết. Tôi có bằng chứng về nhà tù Tây Ban Nha từ nhiều nguồn khác nhau, những bằng chứng này giống nhau đến mức ta buộc phải tin vào tính chân thực của chúng. Ngoài ra, chính tôi cũng đã vào nhà tù Tây Ban Nha vài lần rồi. Một ông bạn người Anh khác, bị đi tù sau đó một thời gian, viết rằng sự trải nghiệm “giúp anh ta dễ dàng hiểu được trường hợp của Smillie hơn.” Smillie chết là việc khó mà tha thứ được. Chàng trai dũng cảm và đầy tài năng này đã từ bỏ con đường hoạn lộ ở trường đại học Glasgow để lên đường chiến đấu chống lại bè lũ phát xít. Ngoài mặt trận, anh có thái độ tốt và dũng cảm không chê vào đâu được. Chính mắt tôi là người chứng kiến tất

cả những chuyện đó. Thế mà để đáp lại, họ đã tống anh vào tù và để anh chết thảm chẳng khác gì một con chó hoang. Tôi biết rằng giữa lúc đang đánh nhau dữ dội và đẫm máu như thế này thì gây ồn ào về cái chết của một người là việc làm vô ích. Một quả bom thả từ trên không xuống một dãy phố đông người còn gây ra nhiều đau khổ hơn hàng loạt vụ bắt bớ chính trị. Nhưng điều làm người ta căm hận là Smillie và những người tương tự như anh đã chết một cách hoàn toàn phi lí. Bị giết trên chiến trường là chuyện đương nhiên, người ta sẵn sàng chấp nhận; nhưng bị tống vào tù chỉ vì lòng thù hận mù quáng rồi bị bỏ mặc cho chết trong cảnh cô đơn lại là chuyện khác. Tôi không biết những việc làm như thế - trường hợp của Smillie không phải là ngoại lệ - làm sao có thể mang lại chiến thắng được.

Hai vợ chồng tôi đến thăm Kopp ngay chiều hôm đó. Có thể đến thăm những người tù không bị biệt giam, nhưng sẽ không an toàn nếu đến quá một hai lần. Cảnh sát theo dõi việc ra vào nhà tù, những người đến thường xuyên bị coi là cảm tình với Trotskyist và có thể bị bỏ tù. Nhiều người đã bị như thế.

Kopp không bị biệt giam, chúng tôi được phép gặp anh mà không gặp phải khó khăn gì. Khi được đưa qua cánh cửa sắt nhà giam tôi đã trông thấy một dân quân người Tây Ban Nha mà tôi đã quen từ hồi còn ở mặt trận đang được hai lính bảo vệ vũ trang giải đi. Bốn mắt gặp nhau, chúng tôi cùng bí mật chào nhau. Người đầu tiên chúng tôi gặp trong tù là một dân quân người Mi. Anh này được cho về nhà cách đây vài hôm, giấy tờ đủ cả nhưng bị bắt ở biên giới, có thể là vì anh vẫn mặc quần nhung, mà họ coi là sắc phục của dân quân. Chúng tôi bước ngang qua nhau như những người hoàn toàn xa lạ. Cảm giác

thật kinh khủng. Tôi quen anh đã nhiều tháng nay, chúng tôi đã từng cùng ngủ trong một căn hầm, anh đã khiêng tôi ra khỏi mặt đất khi tôi bị thương. Nhưng bây giờ không thể làm khác được. Lính bảo vệ mặc quân phục màu xanh có mặt khắp nơi. Muốn sống thì chớ làm ra bộ biết nhiều người ở đây.

Phòng giam là tầng hầm của một cửa hàng. Gần một trăm con người chen chúc nhau trong hai phòng, mỗi phòng chừng hai mươi mét vuông. Chẳng khác gì những nhà giam hồi thế kỉ XVIII, vẫn được vẽ trên những tờ lịch treo tường. Ấm ướt, bẩn thỉu, rất nhiều người, không giường phản - chỉ có nền đá, một cái ghế dài và mấy tấm nệm rách - ánh sáng lò mờ vì cửa sổ đã bị bít bằng những tấm thép đục lỗ như mắt sàng. Trên những bức tường màu xám vẫn còn những khẩu hiệu cách mạng: “P.O.U.M. muôn năm!”, “Cách mạng muôn năm!” Chỗ này được dùng để giam chính trị phạm được mấy tháng nay rồi. Ôn ào tưởng muốn vỡ màng nhĩ. Đây là giờ thăm nuôi, chật cứng người, đi lại rất khó khăn. Hầu như tất cả đều thuộc tầng lớp lao động nghèo khổ nhất. Tôi đã trông thấy những người phụ nữ đang mở những cái túi đựng thức ăn thăm nuôi lép kẹp. Có cả mấy thương binh đã nghỉ ở an dưỡng đường Maurín cũng bị giam ở đây. Hai người bị cưa chân, mà một người thì không có nạng, đành phải nhảy lò cò mỗi khi muốn di chuyển. Có cả một thằng bé chưa đến mười hai tuổi, chắc là họ bắt giam cả trẻ con. Mùi hôi nồng nặc, những chỗ đông người mà không có điều kiện vệ sinh thì bao giờ cũng hôi hám như thế cả.

Kopp chen lấn một lúc mới ra được chỗ chúng tôi. Khuôn mặt đầy đặn, tươi tỉnh của anh trông vẫn như xưa; ở một chỗ bẩn thỉu như thế này mà anh vẫn giữ được quần áo tuom tấ, lại

còn cạo được cả râu. Còn một người mặc đồng phục sĩ quan Quân đội Nhân dân nữa. Anh ta và Kopp vừa chen lấn vừa giơ tay chào nhau, trông có vẻ khôi hài thế nào ấy. Kopp có vẻ rất phấn chấn. “Tớ ngờ rằng chúng tớ sẽ bị bắn hết”, anh vui vẻ nói. Tôi thấy nhột khắp người khi nghe anh nói từ “bắn”. Tôi bị trúng đạn cách đây chưa lâu, cảm giác vẫn còn sống động trong trí nhớ. Chẳng thú vị gì khi nghĩ rằng điều đó sẽ xảy ra với những người thân quen với mình. Lúc đó tôi tin rằng tất cả những nhà lãnh đạo của P.O.U.M., trong đó Kopp, đều sẽ bị bắn. Đây là lúc có tin là Nin đã chết, chúng tôi cũng biết rằng P.O.U.M. bị kết tội phản bội và hoạt động gián điệp. Tất cả các sự kiện đều cho thấy sẽ có một phiên tòa bịa đặt với rất đông bị can và sau đó là vụ giết hại hàng loạt những người Trotskyist chủ chốt. Thật là kinh khủng khi phải chứng kiến cảnh người bạn ở trong tù mà mình không thể nào giúp đỡ được. Vì không thể làm được gì. Kêu gọi chính phủ Bỉ cũng vô ích vì bỏ nước ra đi là Kopp đã phạm luật rồi. Tôi phải để bà xã nói chuyện là chính, trong khung cảnh như thế này anh sẽ không thể nào nghe được giọng nói the the của tôi. Kopp kể cho chúng tôi nghe về những người bạn mà anh mới kết thân trong tù, về lính gác, một số lính gác là người tốt, nhưng cũng có người chửi mắng và đánh đập tù nhân, thức ăn thì chẳng khác gì cám lợn. May là chúng tôi có đem theo một bọc đồ ăn và cả thuốc lá nữa. Sau đó Kopp kể về sổ giấy tờ mà họ đã tịch thu khi bắt anh. Trong đó có bức thư của ông Bộ trưởng chiến tranh gửi cho viên đại tá chỉ huy lực lượng kĩ thuật ở mặt trận phía Đông. Cảnh sát đã tịch thu mà không chịu trả lại, nghe nói nó nằm trong văn phòng của cảnh sát trưởng. Nếu tìm được thì hoàn

cảnh của Kopp có thể sẽ khác.

Tôi nhận thức ngay được tầm quan trọng của bức thư này. Bức thư với lời giới thiệu của Bộ trưởng chiến tranh và tướng Pozas sẽ cho người ta thấy Kopp là một người rất đáng tin cậy. Nhưng vấn đề là phải chứng minh được rằng Kopp đã mang theo người một bức thư như thế, nếu văn phòng cảnh sát trưởng đã mở bức thư thì chắc chắn mật thám đã tiêu huỷ rồi. Chỉ có một người có thể lấy lại bức thư, đấy là người nhận. Kopp đã nghĩ đến chuyện này và anh đã viết một bức thư, nhờ tôi mang ra và gửi theo đường bưu điện. Nhưng tôi nghĩ nhanh nhất và bảo đảm nhất là tự mình mang đến gặp viên đại tá. Để bà xã ngồi lại với Kopp, tôi lao vội ra ngoài và sau một hồi tìm kiếm tôi đã bắt được một chiếc taxi. Tôi biết rằng thời gian là tất cả. Bây giờ là năm giờ rưỡi, đại tá có thể sẽ rời văn phòng vào lúc sáu giờ; còn ngày mai thì có Trời mới biết bức thư sẽ nằm ở đâu - bị xé hay bị thất lạc giữa hàng đống giấy tờ của những người bị bắt. Văn phòng của đại tá nằm ở Cục phòng vệ, gần cầu cảng. Tôi đang lao lên bậc tam cấp thì bị một lính xung kích đưa báng súng dài ngoẵng của anh ta ra chặn đường và đòi "giấy tờ". Tôi giơ giấy xuất ngũ của mình ra. Có lẽ anh ta không biết đọc, nhưng bị mấy mảnh giấy làm cho choáng váng nên đã cho tôi vào. Bên trong là những toà nhà to và rắc rối, bao quanh một cái sân, với hàng trăm văn phòng làm việc trên mỗi tầng. Vì đây là Tây Ban Nha nên không ai biết văn phòng tôi cần tìm nằm ở đâu. Tôi luôn mồm nói: "El coronel -, jefe de ingenieros, Ejército de Este!"³⁸. Tất cả những người tôi gặp đều mỉm cười và nhún vai một cách rất tao nhã. Mỗi người chỉ theo một hướng. Hết lên rồi xuống, rồi lại đi theo những hành lang dài bất tận để cuối cùng

vào một ngõ cụt. Mà thời gian thì cứ thế trôi. Tôi có cảm giác như đang rơi vào một con ác mộng: chạy lên rồi lao xuống cầu thang, thấy những người bí ẩn đi dọc hành lang, ngó vào những văn phòng, giấy tờ vương vãi khắp nơi, tiếng máy chữ lạch cạch. Mà thời gian thì cứ trôi, trong khi cuộc sống của một người lại như đang treo trên đầu sợi tóc.

Nhưng tôi đã đến kịp và lấy làm ngạc nhiên là người ta đã tiếp tôi. Tôi không được gặp đại mà chỉ gặp viên sĩ quan tùy tùng hay thư kí của ông ta thôi. Đây là một người nhỏ bé, mặc bộ quân phục may vừa khít, đôi mắt to và lác. Anh ta ra hẳn phòng ngoài để tiếp tôi. Tôi bắt đầu kể câu chuyện của mình: Tôi được cấp trên cử đến đây, đây là thiếu tá Jorge Kopp, người được phái ra mặt trận với một nhiệm vụ khẩn cấp, nhưng do nhầm lẫn nên đã bị bắt. Bức thư mà thiếu tá mang đến cho đại tá là tài liệu mật và phải thu hồi ngay lập tức. Tôi đã chiến đấu cùng với Kopp suốt mấy tháng liền, đây là một sĩ quan tuyệt vời, chắc chắn là có sự nhầm lẫn, cảnh sát đã nhầm anh với ai đó ..v.v. Tôi khẳng định rằng nhiệm vụ của Kopp là cực kì cấp bách, đây chính là át chủ bài của tôi. Nhưng câu chuyện, khi thì bằng tiếng Tây Ban Nha ngọng ngịu, lúc lại chuyển sang tiếng Pháp chắc chắn là nghe cũng khá kì quặc. Tệ hại nhất là tôi bị mất giọng ngay từ đầu và cố gắng lắm tôi cũng chỉ phát ra những âm thanh khô khè. Tôi sợ nhất là sẽ mất hẳn giọng và người sĩ quan nhỏ bé này sẽ chán. Sau này tôi thường tự hỏi không biết anh ta nghĩ thế nào: tôi say hay là lúng túng vì lương tâm không trong sáng.

Nhưng anh đã kiên nhẫn nghe tôi nói đến cùng, nhiều lần gật đầu tỏ vẻ đồng ý với tôi. Vâng, có thể đây là một sự lầm lẫn. Rõ ràng là cần phải xem xét vấn đề. Ngày mai - viên sĩ quan nói.

Không, không để đến mai được! - tôi phản đối. Vấn đề cực kì khẩn cấp, Kopp đáng lẽ đã phải có mặt ở mặt trận rồi. Viên sĩ quan có vẻ như đồng ý. Bây giờ đến câu hỏi mà tôi sợ nhất:

“Thiếu tá Kopp phục vụ trong lực lượng nào?”

“Trong lực lượng dân quân của P.O.U.M.” - mấy từ khủng khiếp nhất đã được nói ra.

“P.O.U.M. à!”

Ước gì tôi có thể mô tả được sự hoảng hốt trong giọng nói của anh ta. Cần phải biết rõ hoàn cảnh của P.O.U.M. lúc đó. Chiến dịch săn lùng gián điệp đang ở thời kì cao điểm, có thể tất cả những người cộng hoà đều tin rằng P.O.U.M. là tổ chức tình báo lớn ăn tiền của Đức. Nói từ đó với một sĩ quan Quân đội Nhân dân cũng chẳng khác gì có mặt trong câu lạc bộ kỵ binh ngay sau vụ “Bức thư đỏ”³⁹ và tuyên bố rằng mình là cộng sản vậy. Đôi mắt đen của anh ta lướt nhanh trên mặt tôi. Sau một lúc im lặng, anh ta chậm rãi nói:

“Anh bảo rằng đã cùng ở mặt trận với anh ta. Nghĩa là anh là dân quân của P.O.U.M.?”

“Vâng”

Anh ta quay lưng và chui tọt vào phòng viên đại tá. Tôi nghe thấy người ta thảo luận rất sôi nổi. “Dĩ nhiên rồi”, tôi thầm nghĩ. Không bao giờ người ta trả lại thư của Kopp. Hơn nữa, vì tôi tự nhận là người của P.O.U.M. nên chắc chắn là họ sẽ gọi cảnh sát và đưa thêm được một Trotskyist nữa vào tù. Nhưng người sĩ quan đã lại xuất hiện, anh ta lấy mũ và ra hiệu cho tôi đi theo. Chúng tôi đi tới văn phòng cảnh sát trưởng. Đường đi khá xa, mất hai mươi phút. Người sĩ quan nhỏ nhắn đi đằng trước, bước đều như duyệt binh. Không ai nói câu nào. Chúng tôi trông thấy

một đám đông những kẻ du thủ du thực, trông rất hắc ám; có nhiều khả năng đây là những tên mật thám, những tên chi điểm, những tên gián điệp đủ mọi loại, đang tụ tập trước văn phòng cảnh sát trưởng. Người sĩ quan nhỏ nhắt đi vào văn phòng. Tôi nghe thấy người ta nói rất to, có lúc gay gắt nữa. Tôi mừng tượng trong đầu những cái vung tay quá đà, những cái nhún vai tỏ vẻ khó hiểu và cả cảnh đập bàn đập ghế nữa. Chắc là cảnh sát không chịu trao trả bức thư. Nhưng cuối cùng người sĩ quan cũng đi ra, mặt đỏ gay, tay cầm một chiếc phong bì to tướng. Đây chính là thư của Kopp. Chúng tôi đã giành được một chiến thắng nho nhỏ, nhưng hoá ra sau này mới biết là cũng chẳng có ý nghĩa gì. Bức thư đã được chuyển đi, nhưng những người chỉ huy của Kopp đã không thể đưa anh ra khỏi nhà tù.

Người sĩ quan hứa với tôi là bức thư sẽ được đưa đến tay người nhận. “Thế còn Kopp?”, tôi hỏi. “Không thể đưa được anh ta ra hay sao?” Người sĩ quan khề nhún vai. Đây lại là vấn đề khác. Họ không biết Kopp bị bắt vì lý do gì. Anh ta chỉ có thể nói với tôi rằng họ sẽ cho điều tra đến nơi đến chốn. Không còn gì để nói với nhau nữa, đã đến lúc chia tay. Chúng tôi cùng khề nghiêng mình chào nhau. Nhưng đúng lúc đó đã xảy ra một chuyện bất ngờ và cảm động. Người sĩ quan lưỡng lự trong giây lát, rồi anh tiến lên nắm lấy tay tôi.

Không biết tôi có đủ khả năng thể hiện cho độc giả thấy sự xúc động của mình trước cử chỉ đó hay không. Đường như đây chỉ là một chuyện nhỏ nhặt, nhưng không phải như thế. Phải hiểu được khung cảnh thời đó, đây là lúc mà lòng hận thù và nghi kỵ hiện diện khắp nơi, đây là lúc mà những lời dối trá và tin đồn thất thiệt lan truyền cùng khắp, đây là lúc mà ở đâu cũng

có những khẩu hiệu nói rằng tôi và những người như tôi là gián điệp của bọn phát xít. Ngoài ra, cần phải nhớ rằng chúng tôi đang đứng ngay bên ngoài văn phòng cảnh sát trưởng, ngay trước mắt những kẻ ngồi lê đôi mách và những tên khiêu khích, bọn chúng có thể biết là tôi đang bị cảnh sát truy nã. Bắt tay tôi lúc đó cũng chẳng khác gì công khai bắt tay một người Đức trong thời gian diễn ra Chiến tranh thế giới Thứ nhất. Tôi đồ rằng anh ta nghĩ tôi không phải là gián điệp. Dù sao mặc lòng, anh ta vẫn là một người rất tử tế.

Tôi ghi lại câu chuyện này, tuy nghe có vẻ tầm thường, nhưng theo tôi rất đặc trưng cho người Tây Ban Nha: lòng hào hiệp trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Trong đầu tôi, nước Tây Ban Nha để lại nhiều hình ảnh rất không hay, nhưng hình ảnh người Tây Ban Nha không ra gì thì rất ít. Tôi chỉ nổi đóa với người Tây Ban Nha có hai lần, nhưng bây giờ nghĩ lại, cả hai lần tôi đều là người có lỗi. Họ là những người có lòng hào hiệp, nhân cách cao thượng, không hoàn toàn phù hợp với thế kỉ XX. Điều đó gieo vào lòng ta hi vọng rằng ở Tây Ban Nha, ngay cả chủ nghĩa phát xít cũng sẽ có hình thức tự do hơn và dễ chịu hơn. Ít người Tây Ban Nha có những phẩm chất như kiên trì và mẫn cán đến mức bệnh hoạn, mà đấy lại là những đặc tính tối cần thiết đối với nhà nước toàn trị. Có thể lấy việc cảnh sát khám xét căn phòng của bà xã nhà tôi cách đó mấy ngày làm minh chứng cho điều đó. Rất tiếc là tôi đã không được chứng kiến cảnh khám xét, nếu có mặt tại chỗ có thể tôi đã nổi đóa lên rồi.

Cảnh sát tiến hành khám xét theo đúng phong cách của OGPU hay GESTAPO. Tức là đập cửa vào lúc rạng đông, rồi

sáu người bước vào phòng. Họ bật đèn lên và lập tức chiếm giữ những vị trí khác nhau, chắc là đã có sự phân công từ trước. Sau đó họ bắt đầu lục soát hai căn phòng (phòng tắm nằm sát phòng ngủ) một cách cực kì kĩ lưỡng. Họ gõ vào tường, rồi lật thảm lên, họ kiểm tra cả nền nhà, xem cả rèm cửa, cúi xuống kiểm tra gầm bồn tắm và lò sưởi, họ đổ hết các thứ trong ngăn kéo và va li ra ngoài, họ còn mang tất cả quần áo ra trước ánh đèn để kiểm tra nữa. Cảnh sát tịch thu tất cả sách vở, giấy má, kể cả giấy tờ trong sọt rác. Họ phát điên lên khi phát hiện thấy bản dịch tiếng Pháp cuốn Cuộc đấu tranh của tôi của Hitler trong phòng chúng tôi. Nếu đây là cuốn sách duy nhất họ phát hiện được thì số phận của chúng tôi coi như xong. Kẻ đọc Cuộc đấu tranh của tôi chắc chắn phải là phát xít rồi. Nhưng ngay sau đó họ lại tìm thấy cuốn Những biện pháp đấu tranh với bọn Trotskyist và những kẻ hai mặt khác của Stalin, cuốn này làm họ phần nào yên tâm hơn. Họ tìm thấy mấy tập giấy quần thuốc lá trong một cái ngăn kéo. Họ xé ra và kiểm tra từng tờ một xem có chữ viết không. Vụ khám xét kéo dài chừng hai tiếng đồng hồ. Nhưng họ lại không động tới giường ngủ. Lúc đó bà xã nhà tôi vẫn nằm trên giường, chắc chắn bên dưới tấm nệm là cả tá súng ống, chưa nói dưới gối còn có cả tập tài liệu Trotskyist nữa. Thế mà cảnh sát không động tới giường, cũng không ngó xuống gầm giường. Tôi không tin là OGPU cũng làm như thế. Cần phải nhớ rằng cảnh sát gần như nằm dưới sự kiểm soát toàn diện của cộng sản, chính những người này có thể cũng là đảng viên cộng sản. Nhưng họ còn là người Tây Ban Nha nữa, buộc người đàn bà đứng dậy là việc làm quá sức đối với họ. Bỏ qua chiếc giường, việc khám xét của họ hoá thành công cốc.

Đêm đó tôi, McNair và Cottman ngủ ở một bãi cỏ rậm rạp trên một công trường xây dựng đã bị bỏ hoang. Trời lạnh so với mọi năm, không ai ngủ được đầy giấc. Tôi nhớ mãi những giờ phút đi lang thang dài dằng dặc, loanh quanh hết chỗ nọ đến chỗ kia, chò quán café mở cửa. Từ khi đến Barcelona, đây là lần đầu tiên tôi ghé thăm nhà thờ lớn - một biểu tượng của kiến trúc hiện đại, nhưng cũng có hình thù góm guốc nhất thế giới. Nó có bốn cái tháp nhọn trông như những chai rượu vang lớn. Khác với đa số nhà thờ ở Barcelona, nhà thờ lớn không bị hề hấn gì trong suốt thời kì cách mạng. Có người nói rằng nó được giữ lại vì “có giá trị nghệ thuật”. Tôi cho rằng những người vô chính phủ là những kẻ không có đầu óc thẩm mĩ cho nên họ mới không cho nổ tung toà nhà này, mặc dù họ đã treo trên tháp của nó lá cờ hai vạch đỏ và đen. Chiều hôm đó hai vợ chồng tôi đến thăm Kopp lần cuối. Chúng tôi không giúp được gì, tuyệt đối không, chúng tôi chỉ có thể nói lời tạm biệt và đưa ít tiền cho những người bạn Tây Ban Nha để thỉnh thoảng họ mang thức ăn và thuốc lá vào cho anh. Một thời gian ngắn sau khi chúng tôi rời khỏi Barcelona thì anh bị biệt giam, thức ăn cũng không được nhận nữa. Đêm đó, chúng tôi đi dạo trên đường Ramblas và có ghé ngang qua quán café Moka, thấy lính bảo vệ vũ trang vẫn đứng đầy xung quanh. Trong cơn bốc đồng, tôi bước thẳng vào quán và nói chuyện với hai người đeo súng đang đứng tựa vào quầy tính tiền. Tôi hỏi họ có biết những bạn đồng ngũ đã có mặt ở đây trong thời gian diễn ra những vụ đụng độ hồi tháng 5 hay không. Họ nói không biết và cũng không biết tìm những người ấy ở đâu. Tôi bảo rằng bạn tôi, tên là Jorge Kopp, hiện đang bị ngồi tù và có thể bị đưa ra

toà vì những vấn đề liên quan đến những vụ xung đột hồi tháng 5. Những người thuộc lực lượng bảo vệ vũ trang có mặt ở đây trong thời gian đó biết Kopp đã ngăn chặn được hoả lực và cứu được vài người trong bọn họ. Họ phải đứng ra làm chứng. Một anh chàng trông có vẻ đần độn, nặng nề, cứ lắc đầu suốt vì tiếng ồn bên ngoài át hết giọng của tôi. Nhưng anh kia thì lại khác. Anh ta bảo rằng đã nghe thấy các bạn nói về Kopp. Kopp là buen chico (một người tốt). Nhưng ngay lúc đó tôi biết rằng sẽ chẳng ích gì. Trong những trường hợp như thế này, đây là nói nếu Kopp bị đưa ra toà, người ta sẽ chung ra bằng chứng giả. Nếu họ bắn anh (tôi sợ là như thế) thì câu buen chico sẽ là câu khắc trên bia mộ cho anh. Đây là câu nói của một anh lính bảo vệ khốn khổ; anh ta chính là một phần của cái hệ thống bẩn thỉu đó, nhưng anh vẫn còn giữ được tình người và nhận thức được hành động nào là tử tế khi có dịp.

Chúng tôi có một cuộc sống khá kì quặc, chẳng khác gì lũ điên. Ban đêm chúng tôi là tội phạm, nhưng ban ngày chúng tôi lại là những du khách khá giả người Anh - cử chỉ của chúng tôi tỏ ra như thế. Ngay cả sau khi ngủ ở ngoài trời suốt đêm, nhưng vừa rửa mặt, cạo râu và đánh giày xong là chúng tôi đã trở thành những người khác hẳn. Hiện nay, trông càng giống người có của thì càng an toàn. Chúng tôi thường đến những khu vực sang trọng, ở đấy người ta không biết mặt chúng tôi, còn khi vào những nhà hàng đắt tiền thì chúng tôi phải cư xử với bồi bàn như những người Anh chính hiệu. Đây là lần đầu tiên tôi viết lên tường. Khẩu hiệu "Visca P.O.U.M.!" (P.O.U.M. muôn năm!) được tôi viết bằng những chữ cái rất to trên những bức tường của mấy khách sạn sang trọng. Mặc dù trên thực tế tôi

đã rút vào bí mật, nhưng tôi không cảm thấy lo lắng gì cả. Tất cả đều có vẻ quá vô lí. Tôi vẫn tin theo đúng kiểu người Anh là nếu không vi phạm pháp luật thì không ai có thể bắt được mình. Nhưng trong giai đoạn khủng bố chính trị thì đây là một quan niệm cực kì nguy hiểm. Có lệnh bắt McNair rồi và có thể tất cả chúng tôi cũng đều nằm trong danh sách đó. Bắt bớ, khám xét vẫn tiếp tục. Trên thực tế, tất cả những người chúng tôi biết, nếu không ở mặt trận thì đều đã vào tù rồi. Cảnh sát còn khám xét cả những chiếc tàu của Pháp vẫn đến chở người tị nạn và bắt những người bị nghi là theo phái Trotskyist đã lên tàu.

Nhờ sự nhiệt tình của lãnh sự quán Anh, họ đã phải cố gắng rất nhiều trong suốt một tuần lễ đó, chúng tôi đã thu xếp được hộ chiếu một cách ổn thoả. Lên đường càng nhanh càng tốt. Theo lịch trình thì tàu đi Port Bou sẽ khởi hành vào lúc bảy rưỡi tối, nhưng chắc là tám rưỡi nó mới chạy. Chúng tôi thoả thuận là bà xã sẽ thuê sẵn taxi, sau đó mới xếp đồ đạc, rồi thanh toán tiền phòng và rời khách sạn càng muộn càng tốt. Nếu để người khách sạn biết thì chắc chắn họ sẽ báo cảnh sát. Tôi đến nhà ga vào lúc bảy giờ và phát hiện ra rằng tàu đã chạy vào lúc bảy giờ kém mười. Lái tàu ở đây thường cứ tự tiện như thế đấy. May là chúng tôi đã kịp báo cho bà xã. Chuyển tàu tiếp theo khởi hành vào lúc sáng sớm ngày hôm sau. McNair, Cottman và tôi ăn tối trong một nhà hàng nhỏ ngay gần sân ga. Sau câu chuyện đầy ý tứ với người chủ nhà hàng, chúng tôi phát hiện ra rằng anh là thành viên của C.N.T. và tỏ ra là một người thân thiện. Anh cho chúng tôi ngủ trong một căn phòng có ba chiếc giường và “quên” không đăng kí tạm trú với cảnh sát. Năm đêm rồi tôi mới được cởi quần áo trước khi đi ngủ.

Bà xã đã chuẩn khỏi khách sạn một cách an toàn. Tàu xuất phát muộn gần một tiếng đồng hồ. Tôi dành thời gian để viết một bức thư khá dài, gửi ông bộ trưởng chiến tranh. Tôi nói với ông ta trường hợp của Kopp, tôi khẳng định rằng anh bị bắt nhầm, anh rất cần cho mặt trận, rất nhiều người sẵn sàng làm chứng anh là người vô tội..v.v.. Không hiểu có ai đọc bức thư đó không, đây là một bức thư được viết trên tờ giấy xé ra từ cuốn sổ tay, bằng những nét chữ lộn xộn như gà bới (các ngón tay của tôi vẫn cứng lắm) và bằng thứ tiếng Tây Ban Nha còn lộn xộn hơn. Bức thư này cũng như tất cả những việc khác mà chúng tôi đã làm đều không đem lại kết quả. Khi viết những dòng này, tức là sáu tháng sau ngày tôi gửi bức thư, Kopp vẫn còn ở trong tù (đấy là nói nếu họ chưa bắn anh), không có án, mà cũng chẳng có cáo trạng gì hết. Thời gian đầu chúng tôi có nhận được vài ba lá thư của anh, những người tù được trả tự do mang ra và gửi từ Pháp. Vẫn là những chuyện cũ: phòng giam bẩn, tối, chật chội; thức ăn thì vừa ít vừa không thể nuốt nổi; ốm vì điều kiện giam giữ, lại không được chữa trị gì. Một vài nguồn tin khác, cả của người Anh lẫn người Pháp, cũng khẳng định như thế. Gần đây Kopp bị đưa vào một trong những “nhà tù bí mật”, không thể nào liên lạc được nữa. Số phận của anh là số phận của hàng chục, thậm chí hàng trăm người ngoại quốc khác. Không ai biết mấy ngàn người Tây Ban Nha bị rơi vào hoàn cảnh như thế.

Cuối cùng chúng tôi đã ra khỏi biên giới mà không gặp phải trở ngại nào. Đoàn tàu này có một toa hạng nhất và toa nhà ăn - lần đầu tiên tôi thấy ở Tây Ban Nha. Đến mãi thời gian gần đây tàu hoả ở Catalonia chỉ có toa hạng hai mà thôi. Hai cảnh sát

đi vào các toa và ghi tên người ngoại quốc; nhưng thấy chúng tôi ngồi trong toa ăn, chắc họ nghĩ chúng tôi là những người thành đạt cho nên không hỏi. Mọi sự đã thay đổi. Chỉ sáu tháng trước, khi chính quyền còn nằm trong tay lực lượng vô chính phủ, chỉ có những người trông có vẻ vô sản mới đáng tin. Khi nhập cảnh Tây Ban Nha qua ngã Perpignan vào Cerberes, một thương gia người Pháp đi cùng toa đã bảo tôi: “Anh không được ăn mặc thế này khi vào Tây Ban Nha. Tháo cổ cồn và cà vạt ra đi. Ở Barcelona người ta sẽ giật ra đấy.” Ông ta nói hơi quá, nhưng đấy chính là Catalonia trong quá khứ. Tôi đã chứng kiến cảnh lính biên phòng của lực lượng vô chính phủ không cho vợ chồng một người Pháp ăn mặc lịch sự nhập cảnh. Tôi đồ rằng chỉ vì họ trông như những nhà tư sản thứ thiệt. Bây giờ mọi sự đã khác, càng giống tư sản càng an toàn. Tại trạm kiểm tra hộ chiếu trên biên giới, họ tìm xem chúng tôi có tên trong danh sách những người khả nghi hay không, nhưng do sự cầu thả của cảnh sát mà chúng tôi đã không có tên trong danh sách. Ngay cả McNair cũng không có tên. Họ khám từ đầu đến chân, nhưng chúng tôi không có bất cứ thứ gì đáng ngờ, nếu không kể giấy tờ xuất ngũ của tôi, nhưng tay cảnh sát khám tôi không biết rằng sư đoàn 29 là lực lượng dân quân của P.O.U.M. Thế là chúng tôi vượt qua biên giới, tôi đã đặt chân lên đất Pháp sau đúng sáu tháng. Tôi chỉ mang theo hai vật kỉ niệm, đấy là cái bình đựng nước bằng da dê và cái đèn dầu ô liu nhỏ tí mà người nông dân Tây Ban Nha vẫn dùng để thắp sáng. Về hình thức, cái đèn này giống hệt những cái đèn mà người Roma đã dùng cách đây hai ngàn năm. Tôi đã nhặt được nó trong một căn nhà đổ và không hiểu sao nó lại vẫn còn nằm trong túi sách của tôi.

Hoá ra chúng tôi đã thoát trong đường tơ kẽ tóc. Ngay trên tờ báo đầu tiên mua được trên đất Pháp chúng tôi đã đọc được lệnh bắt giam McNair vì hoạt động gián điệp. Chính quyền Tây Ban Nha đã tuyên bố chuyện này hơi sớm. May là thành viên nhóm Trotskyist không thuộc loại tội phạm phải bị dẫn giải.

Tôi không biết là người ta thường làm gì ngay sau khi rời khỏi đất nước có chiến tranh và đặt được chân lên mảnh đất hoà bình. Còn tôi thì chạy ngay ra quán bán thuốc lá và lèn đến đầy túi mới thôi. Sau đó chúng tôi vào quán và uống mỗi người một tách trà. Lần đầu tiên, sau nhiều tháng trời, chúng tôi mới lại được uống trà với sữa tươi. Phải mấy ngày sau tôi mới quen với ý nghĩ rằng có thể mua thuốc lá bất cứ lúc nào. Lúc nào trong đầu tôi cũng lờn vờn hình ảnh quán bán thuốc lá đóng cửa và trên cửa sổ là hàng chữ: “No hay tabaco³”.

McNair và Cottman đi Paris. Vợ chồng tôi xuống tàu ở Banyuls, tức là ngay ga đầu tiên, vì cảm thấy cần phải nghỉ ngơi vài ngày. Người Banyuls tỏ ra khá lạnh nhạt khi biết chúng tôi từ Barcelona tới. Nhiều lần tôi phải nói cùng một câu chuyện: “Ông từ Tây Ban Nha tới à? Đứng về bên nào? Bên chính phủ à?” - và người đối thoại thể hiện thái độ lạnh lùng ngay lập tức. Thành phố nhỏ này có vẻ như đứng về phe Franco, đấy hẳn là do có nhiều người tị nạn thuộc phe phát xít đã chạy tới đây. Hầu bàn trong quán café mà tôi thường lui tới là một người Tây Ban Nha theo phe Franco, hẳn ta thường nhìn xoáy vào tôi mỗi khi đưa đồ uống tới. Nhưng ở Perpignan thì lại khác, thành phố này gần bó với chính phủ cộng hoà, còn các phe nhóm cộng hoà khác nhau thì cũng đánh nhau chẳng khác gì ở Barcelona. Có cả một quán café mà khi nghe nói đến P.O.U.M.

là người hầu bàn sẽ mỉm cười, còn bạn bè người Pháp thì vây quanh ngay lập tức.

Tôi nhớ đã ở Banyuls ba ngày. Đây là những ngày tâm hồn xao xuyến một cách kì lạ. Trong thành phố của những ngư phủ thanh bình, nhỏ bé này, cách xa khu vực bom rơi đạn nổ, xa những đám người xếp hàng mua thức ăn, xa bộ máy tuyên truyền và thủ đoạn, đáng lẽ chúng tôi phải cảm thấy lòng cực kì thanh thản thì mới đúng. Nhưng hoàn toàn không phải như thế. Chúng tôi đã rời bỏ Tây Ban Nha, nhưng những sự kiện ở Tây Ban Nha lại không chịu rời bỏ chúng tôi. Ngược lại, các sự kiện lại còn sống động và gần gũi hơn cả trước kia nữa. Chúng tôi vẫn liên tục suy nghĩ, nói và ước mơ về Tây Ban Nha. Nhiều tháng trời chúng tôi thường tự nhủ “khi ra khỏi Tây Ban Nha” chúng tôi sẽ đến một chỗ nào đó bên bờ Địa Trung Hải, hưởng không khí thanh bình một thời gian và có thể còn đi câu cá nữa. Thế mà nay chúng tôi đã đến đây, ngay bên bờ biển, mặt trời và chán chường. Trời lạnh, gió không ngừng thổi từ biển vào, nước nông và đục, mặt nước ngay bên bờ cảng ngầu bọt, nút chai và ruột cá bám đầy trên những phiến đá. Nghe có vẻ như dở hơi, nhưng cả hai chúng tôi đều muốn quay lại Tây Ban Nha. Dù chẳng mang lại lợi ích gì cho ai, thậm chí còn có hại nữa, nhưng cả hai chúng tôi đều lấy làm tiếc là đã không ở lại Barcelona để được đi tù cùng với những người khác. Tôi nghĩ rằng mình chỉ có thể truyền đạt được một phần rất nhỏ ý nghĩa của những ngày tháng đó. Tôi đã ghi lại được một số sự kiện bên ngoài, nhưng tôi không thể ghi lại được tình cảm mà những sự kiện đó đã để lại trong tôi. Tình cảm của tôi hoà quyện cùng với phong cảnh, mùi vị và âm thanh, là những thứ không thể

nào viết ra giấy được: mùi của chiến hào, đứng bên sườn núi ngắm ánh bình minh trải dài đến tận chân trời, tiếng đạn nổ lạnh sống lưng, tiếng gầm rú và tiếng nổ của những quả bom, ánh mặt trời buổi sáng lạnh và trong trẻo ở Barcelona, tiếng giấy dính trong sân doanh trại trong tháng 12 xa xôi, khi mà dân chúng còn tin vào cách mạng. Và những dòng người trước cửa hàng thực phẩm, những lá cờ hai màu đỏ và đen, rồi gương mặt những người dân quân Tây Ban Nha, vàng, trước hết là gương mặt những người dân quân, những người tôi đã từng gặp ngoài mặt trận nhưng nay đã bị tan tác, có trời biết là đã lưu lạc đến những đâu, một số đã hi sinh ngoài mặt trận, một số bị thương, có người bị tù đầy, nhưng đa số chắc là vẫn còn sống và mạnh khoẻ, tôi hi vọng thế. Cầu Chúa phù hộ cho họ. Hi vọng rằng họ sẽ thắng và sẽ đuổi cổ được tất cả những người ngoại quốc ra khỏi nước Tây Ban Nha. Đức, Nga hay Ý thì cũng thế. Cuộc chiến tranh này, phần đóng góp của tôi quả là không đáng kể, đã để lại trong lòng tôi những kỉ niệm buồn, nhưng tôi không ân hận là mình đã tham gia chiến đấu. Nhìn lại cái thảm họa này - dù kết quả cuộc chiến có như thế nào đi chăng nữa thì nó vẫn là một thảm họa, đây là chưa nói đến cảnh giết chóc và đau khổ về mặt thể chất - tôi cũng không hoàn toàn thất vọng và không muốn trở thành một kẻ ích kỉ. Thật thú vị là kinh nghiệm vừa trải qua càng làm tôi tin tưởng hơn vào sự tử tế của con người. Tôi hi vọng rằng câu chuyện của tôi không dẫn đến những sự hiểu lầm thái quá. Tôi tin rằng chẳng có ai hoàn toàn khách quan khi nói về những vấn đề như thế này. Thật khó mà khẳng định được bất cứ điều gì, ngoại trừ những điều chính mình đã chứng kiến. Dù vô tình hay cố ý, người ta ai cũng có thái độ thiên vị cả. Nếu

bên trên tôi chưa kịp nói thì ở đây tôi xin được nói với độc giả như sau: xin hãy thận trọng trước thái độ thiên vị, sai lầm và xuyên tạc không thể nào tránh khỏi của tôi, vì tôi chỉ nhìn thấy một phần sự kiện mà thôi. Và xin bạn hãy có thái độ thận trọng như thế khi bạn đọc bất cứ tác phẩm nào viết về cuộc chiến tranh Tây Ban Nha trong giai đoạn đó.

Vì luôn cảm thấy phải làm một điều gì đó, nhưng thực ra chúng tôi chẳng làm được gì, chúng tôi đã rời Banyuls sớm hơn dự kiến. Càng lên phía bắc, nước Pháp càng xanh hơn và mềm mại hơn. Chúng tôi đã rời xa khu vực đồi núi và những cánh đồng trống nho để quay về với đồng cỏ và rừng cây du. Khi tôi đi qua Paris để đến Tây Ban Nha, thành phố này trông có vẻ tàn tạ và tối tăm, khác hẳn với Paris mà tôi từng biết tám năm về trước, khi đời sống còn dễ chịu hơn và Hitler thì còn chưa được ai nhắc tới. Một nửa trong số những quán café mà tôi thường lui tới đã phải đóng cửa vì vắng khách, ai cũng bị ám ảnh bởi giá cả hàng hoá và chiến tranh. Bây giờ, sau khi chúng kiến nước Tây Ban Nha tị nghiệp, ngay cả Paris cũng có vẻ vui nhộn và đang ăn nên làm ra. Hội chợ triển lãm quốc tế đang ở giai đoạn nào nhiệt nhất, nhưng chúng tôi đã tìm cách tránh, không đến thăm.

Và sau đó là nước Anh - miền nam nước Anh có thể là vùng đất trù phú nhất thế giới. Khi đi ngang qua vùng này, nhất là lúc đang tỉnh trí lại sau cơn say sóng, thả lỏng người trên những tấm gối êm, thật khó tin rằng có chuyện gì đó đang diễn ra ở một nơi nào đó. Động đất ở Nhật, nạn đói ở Trung Quốc, cách mạng ở Mexico? Sáng mai người ta vẫn mang sữa đến đặt ngay trước cửa, còn tờ New Statesman thì vẫn sẽ ra vào sáng thứ sáu,

lo gì. Các thành phố công nghiệp nằm ở rất xa, trái đất hình tròn cho nên nó đã che hết, không cho ta nhìn thấy khói bụi và cảnh khốn cùng. Ngoài cửa sổ là nước Anh mà tôi đã biết từ thời thơ ấu: hoa dại mọc đầy bên rìa đường xe lửa, những chú ngựa béo tốt bóng loáng đang chậm rãi nhai cỏ trên những cánh đồng hoang, liều rủ bên những dòng suối lững lờ trôi, những cây du xum xuê cành lá, những hàng cây phi yến trong khuôn viên những ngôi nhà nhỏ ở thôn quê, rồi sau đó là những khu rừng rậm bên ngoài ngoại ô London, những chiếc phà trên dòng sông đục ngầu, những con phố quen, những bảng quảng cáo về trận đấu cricket và đám cưới Hoàng gia, những người đàn ông đội mũ nỉ, những chú bồ câu trên quảng trường Trafalgar, những chiếc xe ô tô màu đỏ, những người cảnh sát mặc trang phục màu xanh da trời. Nước Anh đang ngủ, đang ngủ rất say, đôi khi tôi lại có cảm giác sợ hãi, tôi sợ rằng chúng ta sẽ chỉ giật mình tỉnh giấc khi có tiếng bom nổ ngay bên cạnh mà thôi.

1938

- Hết -

¹ Đại tá, chỉ huy lực lượng kỹ thuật, mặt trận phía Đông.

² Bức thư của Zinoviev, được báo chí Anh đăng vào tháng 10 năm 1924, được cho là chỉ thị của Quốc tế cộng sản về việc tiến hành tuyên truyền cách mạng trong quân đội Anh và tổ chức khởi nghĩa ở nước Anh - ND.

³ Không còn thuốc lá - ND.

